

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 55

HOÀNG QUỐC TUẤN (Chủ biên)
NGUYỄN VĂN LANH
TRỊNH QUANG RUNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG
TOÀN TẬP

TẬP 55

1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 55

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 55 phản ánh hoạt động của Đảng trong năm 1996. Năm 1996, Đảng đã tập trung sức lực và trí tuệ để tiếp tục lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy, lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định. Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ, phá được thế bị bao vây, cô lập; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng, cơ cấu đầu tư chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều công trình đã được xây dựng đưa vào sử dụng và hoạt động tạo thêm hàng vạn việc làm mới. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với nhiều nước, với các tổ chức quốc tế, các trung tâm tài chính, tiền tệ lớn của thế giới, tranh thủ được nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ngày một nhiều hơn, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng tích cực.

Năm 1996 là năm diễn ra sự kiện đặc biệt quan trọng, năm toàn Đảng, toàn quân và toàn dân dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng; Trung ương tập trung lãnh đạo và chỉ đạo tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VII về công tác thanh niên trong thời kỳ mới; định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000...

Ngoài các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, văn kiện của Hội nghị lần thứ 10, lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII), Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 55 còn công bố các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, quyết định, thông báo, báo cáo, công văn của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, bài phát biểu chào mừng của Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Nhân dân Campuchia tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 55 gồm phần văn kiện chính có 93 tài liệu; phần phụ lục có 3 tài liệu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm, lựa chọn, biên tập, song khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 12-TT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1996

VỀ VIỆC TIẾN HÀNH TỔNG KẾT CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC Ở MIỀN NAM

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác binh vận được xác định là một nhiệm vụ chiến lược. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng từ Trung ương Cục đến cơ sở, công tác binh vận đã kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần đánh thắng kẻ thù, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngành binh vận đã được xây dựng từ trung ương đến cơ sở, trở thành một ban của cấp ủy đảng. Các cơ quan, cán bộ binh vận, kể cả cơ sở binh vận trong lòng địch và quần chúng làm binh vận, đã sáng tạo nhiều nội dung, phương thức hoạt động, làm cho công tác binh vận trở thành một trong những mũi giáp công lợi hại đánh vào lòng địch, đạt hiệu quả cao.

Nhiều cơ sở, cán bộ, quần chúng làm binh vận đã dũng cảm vượt qua khó khăn, gian khổ, ác liệt, tích cực hoạt động và hy sinh thầm lặng vì sự nghiệp cách mạng.

Những kinh nghiệm về công tác binh vận được tổng kết sẽ là tài sản quý và cần thiết đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Vì vậy, Ban Bí thư chủ trương tổng kết mặt công tác này.

1. Mục đích:

- Làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác binh vận, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Binh vận Trung ương Cục, Ban Binh vận của Khu ủy (cũ) và của các tỉnh ủy, thành ủy, cũng như hoạt động binh vận toàn Miền. Qua đó, đánh giá sự đóng góp của công tác binh vận vào thắng lợi chung.

- Rút ra những bài học về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác binh vận trên các vùng, các đối tượng, các thời kỳ... để vận dụng vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và bổ sung vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.

2. Phương pháp tiến hành công tác tổng kết:

- Phạm vi tổng kết là ở chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập trung vào ba trọng điểm là Đặc khu Sài Gòn - Gia Định, Quảng Nam - Đà Nẵng - Huế và Cần Thơ.

- Các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức tổng kết trên phạm vi địa phương mình, bao gồm việc chỉ đạo, tổ chức lực lượng tổng kết, thẩm định văn bản.

Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương mà giao việc tổng kết cho Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tổng kết chiến tranh hoặc một số cán bộ có khả năng, những

cán bộ ngành binh vận trước đây đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác. Không tổ chức thành bộ máy tổng kết riêng.

- Kinh phí, phương tiện làm công tác tổng kết do từng tỉnh ủy, thành ủy đảm nhiệm. Thời gian hoàn thành tổng kết ở cấp tỉnh, thành trong năm 1996.

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam chịu trách nhiệm tổng kết toàn Miền trên cơ sở tư liệu tổng kết của các tỉnh ủy, thành ủy.

Tổng kết công tác binh vận trong chống Mỹ, cứu nước là một nội dung quan trọng của công tác tổng kết chiến tranh. Ban Bí thư đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương triển khai tổ chức thực hiện đạt mục đích yêu cầu đề ra.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 12-NQ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1996

VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP QUA NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

1. Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, ngành thương mại đã cùng các ngành, các địa phương nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa và dịch vụ, góp phần tạo nên những biến đổi sâu sắc trên thị trường trong nước và vị thế mới trên thị trường ngoài nước:

- Chuyển việc mua bán hàng hóa từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang mua bán theo cơ chế thị trường, giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị và quan hệ cung cầu.

- Chuyển thị trường từ trạng thái chia cắt, khép kín theo

địa giới hành chính kiểu “tự cấp, tự túc” sang tự do lưu thông theo quy luật kinh tế thị trường và theo pháp luật. Với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, bước đầu đã huy động được các tiềm năng về vốn, kỹ thuật vào lưu thông hàng hóa, làm cho thị trường trong nước phát triển sống động, tổng mức lưu chuyển hàng hóa xã hội tăng nhanh.

- Thị trường ngoài nước được mở rộng theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Các loại hình dịch vụ gắn liền với lưu thông hàng hóa phát triển mạnh, thúc đẩy kinh doanh, sản xuất, góp phần phục vụ đời sống và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Thương nghiệp nhà nước đã có sự chuyển đổi tổ chức và phương thức kinh doanh, từng bước thích ứng với cơ chế mới; đang giữ tỷ trọng tuyệt đối về xuất nhập khẩu, 70% bán buôn, có tỷ trọng cao trong bán lẻ ở một số ngành hàng thiết yếu; đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước, thực hiện các mặt hàng chính sách đối với đồng bào miền núi và dân tộc. Một số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phát huy được vai trò chủ đạo trên thị trường nội địa, bước đầu tìm được chỗ đứng trên thị trường thế giới. Một số doanh nghiệp đang chuyển đổi tổ chức, thực hiện quá trình liên kết và tích tụ, đầu tư vào sản xuất và chế biến, qua đó tạo nguồn hàng, mở rộng thị trường; là lực lượng kinh tế mạnh của Nhà nước trong việc điều hòa cung cầu, ổn định giá cả.

- Quản lý nhà nước về thị trường và hoạt động thương mại có tiến bộ về tổ chức hệ thống, hoạch định chính sách vĩ mô, tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh phát triển.

- Nhiều cán bộ quản lý và kinh doanh thương nghiệp, qua sàng lọc và đào tạo trong cơ chế mới khẳng định được

phẩm chất và năng lực, đang tích cực học tập, nâng cao trình độ để có thể đối tác trong điều kiện quốc tế hóa các quan hệ kinh tế.

Hoạt động thương nghiệp đã góp phần bảo đảm các nhu cầu về vật tư, hàng hóa cho nền kinh tế quốc dân, quốc phòng và đời sống nhân dân. Hàng hóa trong nước phong phú, giá cả tương đối ổn định, lạm phát được kiềm chế; ngày càng thêm nhiều loại hàng Việt Nam có mặt trên thị trường thế giới. Thương nghiệp đã góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất, phân công lại lao động xã hội, thúc đẩy các ngành đổi mới công nghệ, cải biến cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, làm cho sản xuất từng bước gắn với nhu cầu thị trường; bước đầu phát huy được lợi thế so sánh giữa các vùng, các miền, giữa thị trường nước ta với thị trường thế giới, tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng này là do có đường lối và chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp; tinh thần khắc phục khó khăn, hoạt động năng động của các doanh nghiệp, gắn liền với sự chuyển biến tích cực của toàn bộ nền kinh tế.

2. Bên cạnh những thành tựu và kết quả nêu trên, thị trường và hoạt động thương nghiệp của các ngành, các địa phương, các cơ sở còn nhiều thiếu sót và khuyết điểm, phát sinh những vấn đề phức tạp mới, cần có chủ trương và biện pháp giải quyết đúng đắn nhằm bảo đảm định hướng của sự phát triển:

- Thị trường hàng hóa và số lượng doanh nghiệp bung ra kinh doanh phát triển với tốc độ nhanh, nhưng nặng tính

tự phát. Nền thương nghiệp về cơ bản vẫn là một nền thương nghiệp nhỏ, tổ chức phân tán, manh mún; buôn bán theo kiểu “chụp giựt” qua nhiều tầng nấc, dẫn đến tình trạng ép giá đầu vào, nâng giá đầu ra ở thị trường trong nước, bị chèn giá ở thị trường ngoài nước.

- Chưa thiết lập được mối liên kết lâu dài giữa cơ sở sản xuất với nhà buôn và giữa các nhà buôn để hình thành những kênh lưu thông ổn định, tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, xây dựng thị trường cung ứng và tiêu thụ vững chắc, đặc biệt là trên lĩnh vực bán vật tư nông nghiệp, mua nông sản thực phẩm.

- Kỷ cương pháp luật bị vi phạm, trật tự thị trường chưa được xác lập. Nạn buôn lậu, buôn bán hàng giả diễn ra nghiêm trọng, tác động xấu đến sản xuất và đời sống. Tình trạng kinh doanh không đăng ký, không chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ, trốn thuế, cạnh tranh không lành mạnh còn diễn ra ở nhiều nơi, ở nhiều lĩnh vực. Trình độ văn minh thương nghiệp, tiêu chuẩn vệ sinh trong kinh doanh ăn uống và thực phẩm thấp. Hoạt động quảng cáo thương mại cũng như thị trường văn hóa phẩm chưa được quản lý tốt, gây tác hại đến đạo đức, lối sống, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục.

- Quản lý nhà nước về thương nghiệp còn nhiều yếu kém, không ít tiêu cực. Chỉ đạo xuất nhập khẩu và điều hành thị trường có khuyết điểm và thiếu sót, tổ chức thu thập và xử lý thông tin để dự báo các động thái của thị trường chưa tốt, không kịp thời, để xảy ra tình trạng mất cân đối cung cầu ở một số mặt hàng, bị tư thương lợi dụng đầu cơ nâng giá. Chưa hỗ trợ đúng mức cho phát triển sản xuất, đẩy mạnh

xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng mà trong nước sản xuất có hiệu quả. Chưa xử lý đúng mối quan hệ giữa bảo hộ sản xuất trong nước với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữa tiêu dùng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, chưa làm tốt việc điều tiết và hướng dẫn tiêu dùng, thực hiện chính sách tiết kiệm cho đầu tư phát triển, tạo ra năng lực mới, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) đã nhận định: “Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống một số lĩnh vực và địa bàn trọng yếu”. Hiệu quả kinh doanh của thương nghiệp nhà nước còn thấp, tổ chức phân tán, thiếu vốn nghiêm trọng. Quốc doanh sản xuất chưa liên kết được với quốc doanh thương nghiệp, thương nghiệp nhà nước trung ương chưa liên kết được với thương nghiệp nhà nước địa phương. Do đó, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của kinh tế quốc doanh trong việc điều hòa cung cầu, ổn định giá cả, hướng dẫn, tổ chức và liên kết các thành phần kinh tế khác, hạn chế tính tự phát của tư thương.

Hợp tác xã mua bán không được quan tâm giúp đỡ để đổi mới, hầu hết bị tan rã. Thị trường nông thôn phần lớn do tư thương chi phối.

Những thiếu sót và khuyết điểm nêu trên đã hạn chế sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ công - nông, quan hệ thành thị - nông thôn, đến sự tiến bộ và công bằng xã hội.

3. Nguyên nhân:

Những thiếu sót và khuyết điểm này có nguyên nhân từ

những khó khăn và mất cân đối lớn trong nền kinh tế, từ tính phức tạp của quá trình chuyển đổi và sự bất cập trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế nhà nước, nhưng về mặt chủ quan chủ yếu là do:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa kịp thời ban hành những nghị quyết, chỉ thị hướng dẫn để đổi mới và phát triển định hướng hoạt động thương nghiệp trong cơ chế mới.

- Nhận thức về cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đầu chuyển đổi còn nhiều lúng túng, có những lệch lạc. Kiến thức và năng lực quản lý điều hành còn yếu. Từ đó, có những sơ hở, không đồng bộ và thiếu nhất quán trong việc hoạch định chính sách vĩ mô trong quản lý và phát triển thương nghiệp.

- Xử lý chưa đúng mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường, giữa chức năng quản lý nhà nước và quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy, vừa chưa phát huy đầy đủ vai trò của Nhà nước đối với lĩnh vực phân phối, lưu thông, vừa chưa phát huy tốt tính năng động, sáng tạo của doanh nghiệp.

- Chưa chăm lo đúng mức công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp thương nghiệp nhà nước; chậm đổi mới, chưa xây dựng được cơ chế và giải pháp đúng để phát huy vai trò của thương nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần.

- Bộ máy quản lý nhà nước về thương nghiệp từ trung ương đến tỉnh, huyện chưa được kiện toàn kịp thời và đủ mạnh so với yêu cầu và chức năng quản lý nhà nước, tương xứng với sự phát triển của thị trường và lưu thông hàng hóa. Cơ chế quản lý còn nặng tính tập trung, quan liêu, cửa quyền. Đội ngũ cán bộ chưa được sắp xếp lại, rèn luyện, đào

tạo kịp với tình hình và nhiệm vụ mới; một bộ phận thoái hóa biến chất không được xử lý kịp thời và kiên quyết.

Phần thứ hai

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I- MỤC TIÊU

- Phát triển thị trường, mở rộng giao lưu hàng hóa trên tất cả các vùng, đẩy mạnh xuất khẩu nhằm đáp ứng các nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Thông qua việc tổ chức tốt thị trường và lưu thông hàng hóa làm cho thương nghiệp thực sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động xã hội; góp phần ổn định giá cả, kiềm chế lạm phát, thực hiện phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý, tăng tích lũy cho ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống nhân dân.

- Hoạt động của thương nghiệp, trước hết là thương nghiệp nhà nước, phải hướng vào phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, phải coi trọng cả hiệu quả kinh tế và xã hội.

- Xây dựng nền thương nghiệp phát triển lành mạnh trong trật tự kỷ cương, kinh doanh theo đúng pháp luật, thực hiện văn minh thương nghiệp, từng bước tiến lên hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có khả năng hội nhập với thị trường khu vực và thế giới.

II- QUAN ĐIỂM

- Phát huy và sử dụng tốt khả năng, tính tích cực của các thành phần kinh tế trong giao lưu hàng hóa, đi đôi với việc xây dựng thương nghiệp nhà nước và hợp tác xã mua bán nhằm giữ vững vai trò chủ đạo của thương nghiệp nhà nước trên những lĩnh vực, địa bàn và mặt hàng quan trọng.

- Mở rộng thị trường ngoài nước gắn với việc phát triển ổn định thị trường trong nước, lấy thị trường trong nước làm cơ sở, đặt hiệu quả kinh doanh thương nghiệp trong hiệu quả kinh tế - xã hội của toàn bộ nền kinh tế.

- Đặt sự phát triển của lưu thông hàng hóa và hoạt động của các doanh nghiệp dưới sự quản lý của Nhà nước; khuyến khích, phát huy mặt tích cực, đồng thời có biện pháp hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường; bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

III- CÁC CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách và công cụ quản lý

Xây dựng và ban hành Luật thương mại nhằm điều chỉnh mọi việc mua bán, lưu thông hàng hóa và các hoạt động dịch vụ trên thị trường. Đồng thời, xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, các chính sách thị trường bao gồm chính sách thương nhân, chính sách mặt hàng, chính sách giá cả, các định chế về thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; về kiểm tra, kiểm soát..., ban hành quy chế đại lý

nhằm thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế và hình thành các kênh lưu thông.

Chấn chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng khuyến khích mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu vật tư cho sản xuất, hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống, bảo đảm cân đối cung - cầu, ổn định giá cả. Thực hiện chính sách bảo hộ sản xuất trong nước một cách hợp lý, có thời gian và tùy thuộc vào từng mặt hàng để vừa thúc đẩy các cơ sở sản xuất vươn lên cạnh tranh được với hàng ngoại trên thị trường, đáp ứng lợi ích của người tiêu dùng, vừa tạo điều kiện đổi mới thiết bị, công nghệ nhất là đối với các ngành đang sử dụng nhiều lao động, các ngành dùng nguyên liệu từ sản phẩm nông nghiệp.

2. Sử dụng đồng bộ cơ chế kế hoạch hóa và các công cụ tài chính, tín dụng

Kế hoạch hóa thương mại trong nền kinh tế thị trường phải thể hiện các nội dung: xây dựng chiến lược thị trường và quy hoạch phát triển thương mại đáp ứng yêu cầu của kinh tế hàng hóa, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển. Xác định các cân đối lớn (cân đối tổng cung - tổng cầu, cân đối tiền - hàng, cân đối cung - cầu từng mặt hàng thiết yếu...), sử dụng đúng đắn các công cụ tài chính, tín dụng để điều tiết thị trường và định hướng hoạt động của các doanh nghiệp, bảo đảm các mục tiêu kinh tế - xã hội từng thời kỳ. Theo dõi và phát hiện kịp thời các biến động trên thị trường, áp dụng các biện pháp, kể cả sử dụng lực lượng kinh tế của Nhà nước can thiệp vào thị trường khi cần thiết để duy trì cân đối.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế, phát triển thị trường vốn, hiện đại hóa ngành ngân hàng, đổi mới công nghệ thanh toán góp phần thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

Hoàn thiện cơ chế bình ổn giá và sử dụng quỹ bình ổn giá; quản lý tốt dự trữ quốc gia, xác định mức dự trữ quốc gia trong mối quan hệ với dự trữ lưu thông nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn dự trữ này.

3. Tổ chức lại thị trường trên từng địa bàn theo các định hướng sau đây:

Tổ chức hệ thống thương mại dịch vụ gắn với quy hoạch phát triển trên từng địa bàn, bảo đảm mua bán thuận tiện, xác lập trật tự thị trường, thực hiện văn minh thương nghiệp.

Phát huy vai trò phát luồng hàng, khả năng định hướng và điều tiết thị trường xã hội trong khu vực của thị trường đô thị, đặc biệt là các trung tâm thương mại lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng...). Thị trường đô thị được tổ chức theo nhiều quy mô và cấp độ khác nhau; tạo điều kiện hình thành các công ty lớn có khả năng tích tụ và tập trung vốn, liên kết chặt chẽ với sản xuất, đầu tư vào sản xuất, thực hiện kinh doanh theo phương thức tiên tiến, làm đầu tàu hiện đại hóa ngành thương mại. Bố trí hợp lý các chợ trung tâm là nơi phát luồng hàng, phát triển mạng lưới bán lẻ đa dạng.

Phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, lấy chợ và các cụm kinh tế - thương mại dịch vụ ở thị trấn, thị tứ làm mô hình chủ yếu. Thúc đẩy việc hình thành các cơ sở sơ chế, phân loại, đóng gói, bảo quản gắn với các cửa hàng mua bán tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm,

hàng tiêu dùng của thương nghiệp nhà nước, hợp tác xã mua bán và của các thành phần kinh tế khác tại các cụm kinh tế - thương mại dịch vụ. Tạo lập các quan hệ liên kết lâu dài, ổn định giữa sản xuất và thương nghiệp, qua đó thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, bảo đảm ổn định lưu thông và giá cả một số mặt hàng thiết yếu.

Xây dựng thương nghiệp miền núi, vùng sâu, vùng xa. củng cố và mở rộng mạng lưới thương nghiệp nhà nước để mua sản phẩm và cung ứng đủ các mặt hàng chính sách đến các cụm xã theo Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị (khóa VI) và Quyết định số 72 của Hội đồng Bộ trưởng. Phát triển chợ phiên nhằm mở rộng giao lưu, hòa nhập giữa các vùng, thúc đẩy sự hình thành các yếu tố của sản xuất hàng hóa. Khuyến khích tư thương kinh doanh trên địa bàn này.

4. Hoàn thiện tổ chức và quản lý thương nghiệp nhà nước, làm cho thương nghiệp nhà nước giữ được vai trò chủ đạo trong nền thương nghiệp nhiều thành phần

- Tổ chức thương nghiệp nhà nước theo các định hướng sau đây:

Nắm vững xuất nhập khẩu. Chi phối bán buôn, có tỷ trọng cần thiết trong bán lẻ, đủ sức ổn định cung cầu và giá cả một số mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất, đời sống như: gạo, xăng dầu, phân bón, đường, xi măng, sắt thép, muối iốt và các mặt hàng cao cấp như xe du lịch, xe gắn máy, hàng điện tử...

Củng cố các đơn vị thương nghiệp nhà nước hiện có, đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động, bảo đảm làm tròn nhiệm vụ được giao, kinh doanh có hiệu quả. Phát triển các

doanh nghiệp mới, có đủ tiềm lực trên những lĩnh vực, địa bàn, mặt hàng quan trọng, phù hợp với sự thay đổi cơ cấu kinh tế.

Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước nói chung và thương nghiệp nhà nước nói riêng với các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước dưới các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

Thực hiện sắp xếp lại các đơn vị thương nghiệp nhà nước trên từng địa bàn không phụ thuộc vào cấp chủ quản; lựa chọn những ngành hàng quan trọng, những ngành hàng có tích lũy lớn cho ngân sách, có ảnh hưởng quyết định đến việc xác lập các cân đối vĩ mô để tiếp tục hình thành các tổng công ty chuyên doanh, vừa sản xuất, vừa hoạt động thương mại nhằm tăng nhanh khả năng tích tụ và tập trung vốn để đổi mới thiết bị và công nghệ, mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Hình thành một số tổng công ty thương mại tổng hợp, gắn xuất nhập khẩu với kinh doanh nội địa, tạo ra khả năng mới trong việc tổ chức nguồn hàng, huy động được các tiềm năng về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật để sớm hình thành các siêu thị buôn bán theo phương thức hiện đại ở các thành phố lớn, trước hết là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạo điều kiện cho các tổng công ty chuyên doanh và tổng công ty thương mại tổng hợp được đặt chi nhánh, mở tài khoản ở nước ngoài, thực hiện các dịch vụ mua bán trung gian trên thị trường thế giới theo các quy định chặt chẽ.

Phát triển mạng lưới bán lẻ và hệ thống các đại lý mua bán của thương nghiệp nhà nước, coi đại lý là phương thức quan trọng để mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường bán

lẻ, thông qua hệ thống các đại lý và các hình thức kinh tế tư bản nhà nước, thương nghiệp nhà nước thực hiện chức năng hỗ trợ, hướng dẫn, liên kết các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng.

Trong quá trình sắp xếp lại để khắc phục sự chồng chéo, phân tán cần chú ý tránh thiên hướng tập trung quy mô lớn mà không có phương án kinh doanh, không xét đến hiệu quả.

Phát huy vai trò tổ chức của chủ sở hữu nhà nước để thúc đẩy sự liên kết giữa các tổng công ty với các công ty vừa và nhỏ trong nội bộ thương nghiệp nhà nước và giữa thương nghiệp nhà nước với các tổ chức kinh tế hợp tác, tạo thành sức mạnh tổng hợp của hai thành phần này trên thị trường trong việc điều hòa cung cầu, ổn định giá và trong cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác. Ngăn chặn tình trạng cửa quyền ở các đơn vị thương nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ kinh doanh một số mặt hàng thiết yếu.

Cổ phần hóa một phần hoặc toàn bộ những doanh nghiệp xét thấy không cần thiết phải duy trì hình thức doanh nghiệp nhà nước. Xử lý dứt điểm bằng những hình thức và biện pháp thích hợp đối với những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài.

- Hoàn thiện quản lý thương nghiệp nhà nước:

Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức và quản lý thương nghiệp nhà nước theo Luật doanh nghiệp nhà nước. Phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm giữa chủ sở hữu nhà nước và doanh nghiệp.

Tổng kết, đánh giá thực tiễn quản lý và các hình thức khoán trong thời gian vừa qua để hoàn thiện phương thức quản lý thương nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế tài chính của

doanh nghiệp. Thực hiện chế độ kế toán mới. Tăng cường công tác kiểm toán.

Áp dụng thí điểm việc chuyển một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và quỹ phúc lợi theo tỷ lệ quy định thành vốn cổ phần của cán bộ, công nhân viên, làm cho người lao động quan tâm đến sự phát triển và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình đa dạng hóa sở hữu trong thương nghiệp nhà nước.

Kiểm kê đánh giá lại giá trị đất đai, tài sản trong các doanh nghiệp thương nghiệp nhà nước, tiến hành phân loại, có chính sách thích hợp để doanh nghiệp đưa vào sử dụng. Trường hợp doanh nghiệp chiếm giữ đất đai, kho tàng, nhà xưởng mà không sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả thì thu hồi để tạo ra nguồn vốn mới, bổ sung cho các doanh nghiệp thiếu.

5. Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ

Tổng kết thực trạng hợp tác xã mua bán trong những năm vừa qua, phát hiện mô hình tốt mới xuất hiện. Ban hành Luật hợp tác xã. Căn cứ vào Luật và từ kinh nghiệm của các mô hình tốt, Chính phủ quy định các chính sách cụ thể áp dụng cho loại hình thương mại dịch vụ. Trên cơ sở đó, chỉ đạo việc củng cố và xây dựng mới các hợp tác xã mua bán, trước hết là ở địa bàn nông thôn.

6. Tổ chức và hướng dẫn các thành phần kinh tế khác kinh doanh thương mại

Phát huy mặt tích cực của các thành phần kinh tế khác

trong việc mở rộng thị trường, phát triển giao lưu hàng hóa, tổ chức, hướng dẫn các thành phần này kinh doanh theo đúng pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế, các quy định về đăng ký kinh doanh, chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ... Xây dựng mối quan hệ hợp tác, liên kết kinh doanh giữa thương nghiệp nhà nước với thương nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích thương nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác đầu tư vào sản xuất, kết hợp sản xuất với thương mại. Đấu tranh ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, khắc phục tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, thôn tính nhau.

7. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về thương mại

Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện tổ chức quản lý thương mại ở các ngành, các cấp nhằm thực hiện tốt các chức năng: xây dựng pháp luật, hoạch định cơ chế, chính sách, bao gồm các chính sách về kinh tế đối ngoại và tổ chức thị trường ở cấp vĩ mô; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thi hành pháp luật, cơ chế, chính sách; thanh tra và kiểm soát thị trường.

Kiện toàn tổ chức Bộ Thương mại và các bộ tổng hợp: Kế hoạch, Tài chính, Ngân hàng... Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này khi hoạch định chính sách thương mại trên cơ sở đề cao chức năng quản lý ngành của Bộ Thương mại. Quy định rõ trách nhiệm của các bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, chuyên ngành sản xuất trong việc bảo đảm cân đối cung cầu và tổ chức lưu thông các mặt hàng thiết yếu. Cơ quan sáng lập doanh nghiệp phải chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, các chế độ, chính sách của Nhà nước ở các doanh nghiệp.

Chấn chỉnh và đổi mới tổ chức hoạt động của các sở thương mại, phát huy vai trò của sở trong việc giúp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về mặt thương mại trên địa bàn.

Củng cố lại tổ chức quản lý thương nghiệp cấp huyện tương ứng với sự phát triển của thị trường và số lượng các doanh nghiệp, thương nhân.

Xây dựng lực lượng quản lý thị trường theo yêu cầu chính quy, tổ chức chặt chẽ.

- Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản trị kinh doanh.

Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ cho phù hợp với yêu cầu mới.

Xây dựng và ban hành cơ chế tuyển chọn cán bộ, có chính sách đãi ngộ và sử dụng nhân tài nhằm khắc phục tình trạng những cán bộ có phẩm chất và năng lực trong các cơ quan quản lý, doanh nghiệp nhà nước chuyển ra các đơn vị khác. Kiên quyết thay thế những cán bộ có phẩm chất đạo đức kém.

Việc xây dựng bộ máy quản lý thương mại theo các yêu cầu trên đây phải đặt trong mối quan hệ với sự phát triển của thị trường trong nước và việc mở rộng giao lưu, hội nhập với thị trường thế giới và theo yêu cầu cải cách hành chính.

8. Đấu tranh chống buôn lậu và các hành vi kinh doanh trái phép

Đề cao trách nhiệm của cấp ủy đảng và chính quyền ở các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở trong tổ chức và chỉ đạo đấu tranh chống buôn lậu. Sử dụng các biện pháp đồng bộ, kiên quyết để ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn này. Kiên toàn

lực lượng làm công tác chống buôn lậu, tổ chức tốt sự phối hợp giữa các lực lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật, các quy định về đăng ký kinh doanh, về hóa đơn chứng từ và sổ sách kế toán ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực thương mại

Hoàn thiện sự lãnh đạo của các ban cán sự, các cấp ủy đảng trong các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, bảo đảm quán triệt đường lối của Đảng trong việc hoạch định chính sách thương mại. Củng cố tổ chức quản lý cán bộ, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng cơ sở ở các tổng công ty, công ty trong việc xác định phương hướng kinh doanh, ngăn chặn và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực về quan điểm, tư tưởng và đạo đức ngay trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả và phát huy vai trò chủ đạo của thương nghiệp nhà nước trên thị trường.

Chấn chỉnh hoạt động của các tổ chức đảng trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế khác, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức quần chúng, cán bộ, công nhân viên chức, giám sát việc chấp hành pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và của người lao động.

Thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý công tác cán bộ.

*

* *

Ban Bí thư có kế hoạch chỉ đạo việc quán triệt Nghị quyết này trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức đảng và các đơn vị kinh tế quốc doanh.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 135-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996

**Về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động
của Quốc hội”**

Trong các ngày 8 và 9-12-1995, Bộ Chính trị đã nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội”, Bộ Chính trị đã thảo luận và bước đầu có ý kiến như sau:

1. Đây là đề án được chuẩn bị để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VII. Nội dung của đề án phải nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong việc thực hiện các chức năng: lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

2. Việc tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội cần quán triệt các quan điểm sau đây:

- “Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông

dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo...”.

Nội dung trên thể hiện sự gắn bó chặt chẽ bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước ta.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất. Giữa các cơ quan nhà nước có sự phân công và phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có vai trò và trách nhiệm to lớn trong việc phân công và phối hợp giữa ba quyền đó, bảo đảm việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước có hiệu lực và hiệu quả.

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội làm việc tập thể, quyết định theo đa số; đồng thời phát huy đầy đủ quyền thảo luận dân chủ của cá nhân các đại biểu Quốc hội và thành viên các cơ quan của Quốc hội.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội phải góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội chịu trách nhiệm trước Đảng về việc thể chế hóa đường lối và các quyết định của Đảng thành pháp luật.

3. Về nội dung đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, về cơ bản, Bộ Chính trị tán thành tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội, và lưu ý một số điểm sau đây:

- Trọng tâm đổi mới công tác lập pháp trong thời gian tới là tiếp tục xây dựng các luật, pháp lệnh để điều chỉnh những vấn đề bức thiết trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, có chất lượng. Phát huy dân chủ trong công tác xây dựng pháp luật. Các văn bản pháp luật phải xuất phát từ điều kiện thực tế của đất nước, thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và có tính khả thi cao. Việc sử dụng tư vấn pháp luật và kinh nghiệm nước ngoài về công tác pháp luật phải có chọn lọc, phù hợp với truyền thống, tính cách và bản sắc Việt Nam, không sao chép máy móc.

- Quốc hội ta cần phấn đấu để thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn mà Hiến pháp năm 1992 đã quy định về việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước, quyết định việc phân bổ ngân sách nhà nước và những biện pháp tăng thu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, tham nhũng.

- Nâng cao chất lượng công tác giám sát của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Xác định rõ cơ chế giám sát của Quốc hội đối với Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, nhất là trong việc giải quyết các vụ án có khiếu nại oan, sai, bảo đảm việc xét xử của Tòa án công minh, đúng pháp luật.

- Quốc hội cần có cơ cấu thành phần đại biểu tiêu biểu cho các tầng lớp nhân dân và các dân tộc, bao gồm đại biểu của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức,

đại diện của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội..., có tỷ lệ hợp lý đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số, phụ nữ và người ngoài đảng. Số lượng đại biểu Quốc hội như hiện nay là hợp lý, điều quan trọng là phải bảo đảm chất lượng đại biểu (về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức và trình độ, năng lực). Cần tăng số đại biểu Quốc hội chuyên trách lên khoảng từ 60 đến 70 người. Đại biểu chuyên trách tập trung chủ yếu ở Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội.

- Cần tăng số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội lên khoảng từ 15 đến 17 người, trong đó bao gồm Chủ tịch Hội đồng Dân tộc và các chủ nhiệm ủy ban của Quốc hội. Có thể bố trí một số đồng chí phụ trách các ban của Đảng tham gia Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các ủy ban của Quốc hội.

- Đối với Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, trước mắt cần củng cố bộ phận thường trực, tăng cường các thành viên chuyên trách, cải tiến lề lối, phương pháp, điều kiện làm việc để bảo đảm thực hiện được các nhiệm vụ, nhất là về quyết định ngân sách và giám sát hoạt động tư pháp. Tiếp tục nghiên cứu để làm rõ việc có nên tách Ủy ban pháp luật thành Ủy ban thẩm tra dự án pháp luật và Ủy ban giám sát tư pháp, tách Ủy ban kinh tế và ngân sách thành Ủy ban kinh tế và Ủy ban ngân sách không.

- Cần đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội; cải tiến cách thức hoạt động, bảo đảm thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tăng cường hoạt động giám sát thường xuyên tại địa phương, cơ sở, kịp thời chất vấn và kiến nghị cả trong thời gian Quốc hội không họp.

Căn cứ các ý kiến trên đây, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo

việc chỉnh lý đề án, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị để trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 136-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996

Về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp”

Ngày 16-12-1995, Bộ Chính trị đã nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp”, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến bước đầu như sau:

1. Đây là đề án được chuẩn bị để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, do vậy cần căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 8, Hiến pháp 1992 và các luật tổ chức bộ máy nhà nước để xác định nội dung đổi mới ở những khâu đòi hỏi cấp bách nhất và đã rõ những cơ sở để đổi mới. Những vấn đề chưa đủ cơ sở lý luận và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu thêm để giải quyết ở những bước tiếp theo.

2. Về đánh giá tình hình.

Cần khẳng định trong những năm qua, công tác tư pháp đã có những đóng góp quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố chính quyền nhân dân, giữ

gìn ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; góp phần thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, phục vụ tích cực cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.

Cần phân tích đầy đủ, nghiêm túc, thấy hết những thiếu sót, khuyết điểm, nhất là trong các vấn đề sau:

Hoạt động tư pháp chưa đạt được hiệu quả cao trong cuộc đấu tranh với tình trạng tội phạm đang có xu hướng gia tăng, nhất là đối với tội phạm chính trị, tệ tham nhũng, buôn lậu. Còn có tình trạng vừa thiếu dân chủ đối với nhân dân, vừa thiếu kiên quyết đối với những đối tượng vi phạm pháp luật. Còn có trường hợp để lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Nhiều vụ án dân sự còn để kéo dài, đương sự còn khiếu nại nhiều về việc giải quyết. Hiệu quả công tác thi hành án còn thấp.

Chưa quan tâm đúng mức công tác vận động nhân dân trong việc chống và phòng ngừa tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, trong việc xử lý các tranh chấp. Chưa phát huy đầy đủ vai trò của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng đối với các hoạt động tư pháp.

Nhiều cơ quan tư pháp ở trung ương và địa phương chưa được kiện toàn vững mạnh. Ý thức trách nhiệm và chất lượng cán bộ tư pháp còn có những mặt hạn chế. Đáng chú ý nhất là một bộ phận cán bộ, nhân viên trong các cơ quan tư pháp bị thoái hóa, biến chất. Đây là vấn đề nghiêm trọng, làm suy yếu hiệu lực của Nhà nước ta.

Còn có những nhận thức chưa thật rõ về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp;

các đảng bộ ở các cơ quan này chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình. Đề án cần phân tích kỹ để có cơ sở xác định cụ thể nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với lĩnh vực đặc thù này.

3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp cần quán triệt những quan điểm sau đây:

- Tiến hành đổi mới hoạt động tư pháp đồng bộ với đổi mới hoạt động lập pháp và hành pháp, phát huy sức mạnh của quyền lực nhà nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đổi mới các cơ quan tư pháp là bộ phận rất quan trọng trong việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

- Trong hoạt động tư pháp phải chú trọng việc kết hợp sức mạnh của Nhà nước với sức mạnh của nhân dân. Cơ quan tư pháp các cấp phải dựa vào nhân dân, có biện pháp thích hợp thu hút nhân dân tham gia tích cực vào hoạt động tư pháp; đồng thời, phải là chỗ dựa tin cậy của nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo hướng phục vụ kịp thời công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm sự giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

- Bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp.

4. Về nội dung đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

- Đối với Tòa án nhân dân:

+ Từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện trên cơ sở kiện toàn tổ chức và cán bộ cho tòa án cấp này. Kiện toàn đến đâu, mở rộng thẩm quyền xét xử đến đó.

+ Giảm bớt việc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm theo hướng chỉ áp dụng thủ tục này đối với một số ít vụ án hình sự và vụ án hành chính trong trường hợp thật cần thiết. Nghiên cứu để sửa đổi thủ tục giải quyết các vụ án, trước hết là sửa đổi thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

+ Về vấn đề quản lý tòa án, trước mắt vẫn thực hiện như quy định của pháp luật hiện hành. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp, Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương chỉ đạo tổng kết tình hình thực hiện công tác quản lý tòa án; trên cơ sở đó đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề chưa hợp lý.

- Kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố. Hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật cần được xác định rõ phạm vi và yêu cầu để tránh chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra, thanh tra và không gây cản trở cho hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát cần quán triệt nguyên tắc song trùng lãnh đạo, kết hợp nguyên tắc lãnh đạo tập trung thống nhất và tập trung dân chủ trong nội bộ ngành kiểm sát, đồng thời bảo đảm sự lãnh

đạo của cấp ủy đảng địa phương và sự giám sát của Hội đồng nhân dân đối với Viện kiểm sát.

- Tiếp tục củng cố tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra hiện có thuộc Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân theo hướng bớt chồng chéo, tăng cường sự phối hợp; bảo đảm cho hoạt động điều tra, đặc biệt là việc khám xét, tạm giữ, tạm giam tuân theo đúng quy định của pháp luật, phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi loại cơ quan điều tra, của thủ trưởng cơ quan điều tra và của các điều tra viên theo hướng phân biệt thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng.

- Kiện toàn và củng cố các cơ quan thi hành án hiện có để bảo đảm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án các cấp phải được thi hành nghiêm chỉnh và kịp thời. Sớm có các biện pháp để thi hành có hiệu quả các bản án của tòa án về cấm cư trú, cư trú bắt buộc, quản chế, cải tạo không giam giữ hoặc án treo..., xúc tiến thành lập các tổ chức hỗ trợ cho công tác thi hành án.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và giữa các khâu trong hoạt động tư pháp. Về Đảng, Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi và giúp Ban Bí thư chủ trì các hoạt động phối hợp của các cơ quan tư pháp. Về Nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm cho các cơ quan tư pháp hoạt động đúng luật và có hiệu quả.

Chú trọng công tác phòng ngừa tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Xây dựng, củng cố các tổ chức thích hợp của

nhân dân ở cơ sở để giải quyết những vụ việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân. Tăng cường vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp, nhất là hoạt động xét xử.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có nghiệp vụ vững vàng. Ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp phối hợp với Ban Nội chính Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ tư pháp. Chú ý đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng thực hành theo chức năng và nhiệm vụ của mỗi loại cán bộ. Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan hữu quan quản lý và thực hiện chương trình đào tạo dài hạn đội ngũ cán bộ tư pháp. Các cơ quan Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức và thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác đối với đội ngũ cán bộ thuộc ngành mình. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để đánh giá đúng khả năng chuyên môn, phẩm chất chính trị và đạo đức của cán bộ và có những biện pháp giáo dục, xử lý kịp thời đối với người vi phạm.

Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan có kế hoạch rà soát, đào tạo cán bộ, kiện toàn tổ chức các cơ quan tư pháp huyện, quận để có điều kiện dần dần tăng thêm thẩm quyền xét xử cho tòa án huyện, quận theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp.

Cần làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực này, đáp ứng một số yêu cầu sau:

- Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp toàn diện và chặt chẽ về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, bảo đảm cho hoạt động tư pháp thực hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Đảng lãnh đạo sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan tư pháp, giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể nhân dân... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc ngăn ngừa và xử lý các tranh chấp, vi phạm, tội phạm.

- Đối với một số vụ án phức tạp, nghiêm trọng, có ảnh hưởng chính trị rộng thì Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc các cấp ủy địa phương cần có sự lãnh đạo bảo đảm việc xử lý đúng pháp luật và đạt hiệu quả chính trị - xã hội tốt.

- Trong hoạt động của mình, các cơ quan tư pháp địa phương một mặt chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương.

Căn cứ các ý kiến trên đây, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc chỉnh lý đề án, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị để trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 104-QĐ/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1996

Về việc thu thập tài liệu, văn kiện Phông Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam

- Căn cứ Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư về Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

- 1- Giao cho Văn phòng Trung ương thu thập tài liệu, văn kiện để thành lập Phông Lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 2- Các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện, nhân sự, tổ chức phục vụ, các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội phải lập hồ sơ về phần việc được Trung ương phân công; sau Đại hội, chậm nhất một tháng, giao nộp những hồ sơ đó cho Văn phòng Trung ương Đảng.
- 3- Phông Lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam được bảo quản tại Văn phòng Trung ương.

4- Văn phòng Trung ương, các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện, nhân sự, tổ chức phục vụ và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội VIII thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 140-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996

VỀ MỘT SỐ DỰ ÁN LUẬT VÀ PHÁP LỆNH

Trong phiên họp ngày 27-1-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề trong các dự án: Luật khoáng sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ tranh chấp lao động, Pháp lệnh giám sát và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ đối với Hội đồng nhân dân, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

I- Dự án Luật khoáng sản

1- Khoáng sản là nguồn của cải quý của quốc gia, nguồn lực quan trọng của công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Do vậy, luật này phải nhằm tăng cường việc quản lý, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản để đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài của đất nước; kết hợp chặt chẽ việc khai thác khoáng sản với bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và các di tích lịch sử.

2- Về nội dung cụ thể của dự luật.

- Về tên luật, phải phù hợp với phạm vi điều chỉnh của

luật, bao gồm mọi khoáng sản; mọi hoạt động điều tra tài nguyên khoáng sản, khai thác mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Cần cân nhắc có thể đặt tên luật là: Luật tài nguyên khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

- Về quản lý nhà nước, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trong cả nước; Chính phủ giao cho Bộ Công nghiệp thực hiện; Chính phủ xác định hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản theo thẩm quyền quản lý thống nhất của mình.

Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản nhà nước đặt tại Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

- Về thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, luật xác định nguyên tắc là Chính phủ chịu trách nhiệm về việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. Việc phân cấp cho địa phương trong vấn đề này do Chính phủ quy định.

- Về vấn đề thừa kế, chuyển nhượng giấy phép hoạt động khoáng sản, cần phải thận trọng, có thể chưa ghi cụ thể các quyền này vào luật, để văn bản dưới luật quy định hướng dẫn cho từng trường hợp cụ thể. Nhưng, trong Luật cũng cần cân nhắc thể hiện vấn đề này để người được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản yên tâm đầu tư.

- Không nên quy định lập quỹ bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa cho phép khai thác từ tiền thuế thu được trong hoạt động khoáng sản. Thuế tài nguyên để vào ngân sách, khi cần thiết Chính phủ sẽ quyết định.

II- Dự Luật sửa đổi, bổ sung một số điểm của Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân

Bộ Chính trị cho rằng việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức

Viện Kiểm sát nhân dân chỉ nhằm bổ sung một số điều đã quy định ở các văn bản luật khác là chưa cấp thiết hiện nay, trong khi Quốc hội đang phải tập trung làm nhiều việc quan trọng và cấp thiết hơn.

Các cơ quan có trách nhiệm cần tiếp tục tổng kết thực tiễn công tác kiểm sát, làm rõ những vấn đề quan trọng theo quan điểm đổi mới tổ chức hoạt động của cơ quan tư pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 8; trên cơ sở đó sẽ sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân.

III- Dự án Pháp lệnh giám sát và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ đối với hội đồng nhân dân

Việc phê chuẩn kết quả bầu cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định hiện hành; nay mới là năm đầu của khóa Hội đồng nhân dân, chưa nên đặt ra việc xem xét thay đổi vấn đề này.

IV- Dự án Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ tranh chấp lao động

Về vấn đề bồi thường thiệt hại do đình công gây ra do Chính phủ quy định cụ thể, Pháp lệnh không nên quy định vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 142-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996

Về dự Luật hợp tác xã

Ngày 2-2-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày về dự Luật hợp tác xã, ý kiến phát biểu của đại diện ban cán sự đảng của một số ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến như sau:

1- Việc đổi mới kinh tế hợp tác và hợp tác xã có tầm quan trọng đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta. Vì vậy, đổi mới kinh tế hợp tác và hợp tác xã phải quán triệt xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng là phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó coi trọng phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã để cùng với kinh tế quốc doanh dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Lần này, Bộ Chính trị nghe và cho ý kiến về dự Luật hợp tác xã là một phần của kinh tế hợp tác. Kinh tế hợp tác nói chung sẽ tiếp tục nghiên cứu và bàn tiếp trong thời gian tới.

2- Về dự Luật hợp tác xã, về cơ bản Bộ Chính trị tán thành với tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội. Bộ Chính trị nhấn mạnh và làm rõ thêm các nội dung sau đây:

- Kinh tế hợp tác và hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động, kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Về phạm vi điều chỉnh của Luật:

+ Áp dụng chung cho tất cả các loại hình hợp tác xã trong các ngành kinh tế (là luật chung), những điểm đặc thù của mỗi ngành sẽ được quy định cụ thể trong điều lệ mẫu do Chính phủ ban hành.

+ Đối với tổ hợp tác, hội nghề nghiệp... chưa đủ điều kiện trở thành pháp nhân thì thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, được Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ và khuyến khích phát triển để dần trở thành hợp tác xã. Vấn đề này cần ghi thành một điều trong Luật hợp tác xã.

- Xã viên tham gia hợp tác xã theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, có quyền được tham gia nhiều hợp tác xã không cùng ngành nghề nếu điều lệ hợp tác xã không cấm.

- Về vốn, tài sản:

+ Xã viên khi gia nhập hợp tác xã phải góp vốn theo quy định của điều lệ hợp tác xã, có thể góp một lần ngay từ đầu hoặc góp dần làm nhiều lần tùy theo khả năng của xã viên khi tham gia hợp tác xã. Những trường hợp người lao động chưa có khả năng góp vốn nhưng có nguyện vọng tham gia hợp tác xã thì vẫn tiếp nhận và để họ góp vốn dần. Mức góp vốn tối thiểu của xã viên do điều lệ hợp tác xã quy định, nhưng không quá 30% so với tổng vốn của hợp tác xã. Ngoài

góp vốn, xã viên còn phải góp sức để cùng nhau sản xuất, kinh doanh; đối với một số ngành như tín dụng, mua bán... chủ yếu là góp vốn.

Hợp tác xã được quyền thuê lao động, nhưng phải tạo điều kiện để người làm thuê góp vốn và tham gia hợp tác xã.

+ Các nguồn vốn của hợp tác xã bao gồm vốn góp của xã viên, vốn cũ để lại, vốn tích lũy, vốn vay hoặc vốn tài trợ của Nhà nước. Hợp tác xã được vay và huy động thêm vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, khuyến khích hợp tác xã tích lũy vốn để mở rộng và hiện đại hoá sản xuất.

+ Tài sản và vốn của hợp tác xã cần được phân định rõ loại không được chia (như các công trình công cộng, đất, kết cấu hạ tầng...) và tài sản được chia khi hợp tác xã giải thể hoặc phá sản.

- Về phân phối lãi:

Sau khi làm xong nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, lãi của hợp tác xã được ưu tiên trích vào các quỹ để phát triển phần sở hữu chung của hợp tác xã (quy định các quỹ nên giao cho đại hội xã viên quyết định, Luật chỉ quy định các quỹ cơ bản nhất như quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng rủi ro). Lãi còn lại được chia cho vốn góp của xã viên và chia theo mức độ sử dụng dịch vụ của xã viên đối với hợp tác xã.

- Về đăng ký kinh doanh, hợp tác xã đăng ký tại cấp quận, huyện, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tại tỉnh.

- Về tổ chức quản lý hợp tác xã: tùy theo quy mô mà tổ chức hội đồng quản trị hoặc ban quản lý do điều lệ quy định cụ thể, nhưng nhất thiết phải có kiểm tra kế toán.

- Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế do các hợp tác xã tự nguyện liên hiệp lại để cùng nhau sản xuất, kinh doanh

với quy mô lớn hơn, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo các nguyên tắc hợp tác xã.

- Về hệ thống Liên minh hợp tác xã, là tổ chức phi chính phủ, liên minh tự nguyện của các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã của các ngành kinh tế, có chức năng làm cầu nối giữa hợp tác xã với Nhà nước, đại diện và bảo vệ quyền lợi cho xã viên và hợp tác xã, đại diện cho các hợp tác xã trong quan hệ giao dịch giữa các hợp tác xã trong nước và ngoài nước; Liên minh còn có chức năng tham mưu, tư vấn về chính sách phát triển hợp tác xã và làm dịch vụ cho các hợp tác xã.

Liên minh hợp tác xã gồm có liên minh ngành và liên minh của tất cả hợp tác xã thuộc các ngành kinh tế.

Liên minh hợp tác xã có ở cấp trung ương và cấp tỉnh hoặc liên tỉnh.

- Các tổ chức quần chúng (công đoàn, hội nông dân, thanh niên, phụ nữ) là các tổ chức thuộc hệ thống chính trị có chức năng tuyên truyền, vận động quần chúng và đại diện quyền lợi của quần chúng, có quan hệ chặt chẽ với hệ thống liên minh hợp tác xã để tuyên truyền, vận động quần chúng. Luật cần có một điều quy định về tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể.

3- Trên cơ sở các ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị, Cố vấn trong phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh dự Luật để trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo việc khẩn trương ban hành các điều lệ mẫu và tạo điều kiện

thuận lợi cho hợp tác xã thuộc ngành mình hình thành, hoạt động và phát triển.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ ĐỨC ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 143-TB/TW, ngày 29 tháng 2 năm 1996
Về chính sách tài chính quốc gia
và dự thảo Luật ngân sách nhà nước

Ngày 28 và 29-2-1996, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày đề án về chính sách tài chính quốc gia và dự thảo Luật ngân sách nhà nước và ý kiến phát biểu bổ sung của các ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

I- VỀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA

Đây là vấn đề lớn và quan trọng, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn theo từng chuyên đề và toàn bộ hệ thống chính sách tài chính, hoàn thiện đề án để trình Bộ Chính trị bàn tiếp và ra nghị quyết về vấn đề này trong thời gian tới.

Để định hướng cho việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia, Bộ Chính trị gợi ý một số vấn đề sau đây:

- Mục tiêu của chính sách tài chính quốc gia là huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đất nước, trước hết là nguồn lực về con người, đất đai, sông biển, tài nguyên, khoáng sản... phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chính sách tài chính quốc gia phải xuất phát từ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phải đi từ cái gốc là nền kinh tế gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải tiếp tục xóa bỏ cấp trong mọi lĩnh vực và mọi cấp.

- Phải tổng kết toàn diện 10 năm đổi mới về tài chính, làm rõ thêm những mặt được và những thiếu sót, khuyết điểm, trên cơ sở đó xây dựng chính sách tài chính quốc gia trong thời kỳ mới; trong đó có vấn đề *giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực tài chính - tiền tệ.*

II- VỀ DỰ THẢO LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Bộ Chính trị đồng ý việc Quốc hội thảo luận để thông qua và ban hành Luật ngân sách nhà nước trong kỳ họp lần thứ 9 (tháng 3-1996). Về cơ bản Bộ Chính trị đồng ý với nhiều nội dung trong dự thảo Luật đã được trình bày, đồng thời lưu ý một số vấn đề sau:

1. Về tư tưởng chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng Luật ngân sách

- Luật ngân sách phải làm rõ chính sách kinh tế - xã hội của ngân sách nhà nước, tức là việc ban hành Luật phải góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn tốc độ phát triển kinh tế của đất nước với hiệu quả ngày càng cao, tạo ra nguồn thu ngày

càng lớn, đáp ứng tốt nhu cầu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở đó, giảm dần bội chi (tỷ lệ % so GDP), tiến tới cân bằng thu chi ngân sách.

- Chính sách thu phải công bằng giữa các thành phần kinh tế, khắc phục tình trạng thất thu lớn trong khu vực ngoài quốc doanh, phải quán triệt phương châm thu ở mức hợp lý để bồi dưỡng và tăng được nguồn thu, tạo đà cho kinh tế phát triển, chống thất thu, lạm thu.

- Chi ngân sách phải tích cực, vừa đảm bảo tốt nhất các yêu cầu chi tiêu của đất nước, vừa có lực lượng tài chính dự trữ hợp lý. Phải rà soát chặt chẽ mọi khoản chi theo một cơ chế gọn nhẹ, hiệu lực.

- Luật ngân sách phải thể hiện tinh thần tự lực, tự cường trong phát triển và bảo vệ đất nước. Tự làm ra để có nguồn thu là chủ yếu; việc đi vay phải phục vụ phát triển, không vay cho tiêu dùng. Kiểm soát chặt chẽ các khoản vay nợ nhất là nợ của Chính phủ; có cơ chế rõ ràng để gắn trách nhiệm giữa việc vay và trả nợ, bảo đảm thu hồi được vốn để trả nợ và có lãi ngày càng cao. Các khoản vay ODA cũng phải thực hiện nguyên tắc vay để cho vay lại và thu hồi được vốn để trả nợ (trừ một số khoản vay sử dụng cho các ngành giáo dục, y tế).

- Ngân sách nhà nước phải được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có phân công trách nhiệm, phân cấp quản lý giữa các ngành, các cấp, đảm bảo sự điều hành thống nhất của Trung ương, tăng cường được hiệu lực và hiệu quả quản lý vĩ mô của Chính phủ đối với toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời phát huy cao độ

tính chủ động, năng động của chính quyền địa phương các cấp và các doanh nghiệp. Trong Luật cần phân biệt rõ chức năng quản lý của Nhà nước và quyền tự chủ của doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân sách.

2. Về một số nội dung cụ thể trong Luật ngân sách

- Về hệ thống ngân sách nhà nước:

Tán thành ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương: tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận; xã và phường.

- Quốc hội cần phấn đấu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc quyết định ngân sách nhà nước theo quy định của Hiến pháp. Riêng việc phân bổ ngân sách cho từng bộ, ngành trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trước mắt Quốc hội giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định trên cơ sở phương án do Chính phủ trình và sau đó cùng Chính phủ báo cáo lại với Quốc hội.

- Về vấn đề tỷ lệ điều tiết một số nguồn thu:

Còn có hai loại ý kiến khác nhau là:

+ Đồng ý với dự thảo Luật là chia các nguồn thu thành ba loại: loại trung ương thu 100%, loại địa phương thu 100% và loại phân chia theo tỷ lệ giữa trung ương và địa phương (tuy nhiên cần xác định tỷ lệ để lại cho địa phương ở một mức độ thỏa đáng nếu thu vượt kế hoạch loại thuế trung ương thu 100%, để khuyến khích các địa phương tăng cường phối hợp chỉ đạo thu thuế trên địa bàn. Vấn đề này trong Luật cần ghi rõ là giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định cụ thể theo từng năm).

+ Không nên phân nguồn thu thành ba loại như trên, mà nên căn cứ vào tổng số thu trên địa bàn để xác định ngay tỷ lệ phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Bộ Chính trị giao Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo để Quốc hội thảo luận và quyết định. Nếu có vấn đề cần thiết thì trình xin ý kiến Bộ Chính trị.

- Trong Luật cần cụ thể hóa hơn việc quy định về các nguồn thu và các nhiệm vụ chi (nhất là các khoản chi về quốc phòng, an ninh, y tế, giáo dục...) phân cho từng cấp để vừa không vi phạm Luật, vừa không hạn chế tính chủ động, sáng tạo, khả năng huy động của địa phương và nhân dân trong những công việc cần thiết (trong thực tế vừa qua nhiều khoản phân cho các ngành trung ương đảm nhiệm nhưng địa phương vẫn phải chi thêm). Nên có quy định khuyến khích huy động đúng đắn các nguồn lực để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Để chống tham nhũng, Luật ngân sách phải tạo ra được cơ chế rõ ràng công khai hơn trong quy trình chi tiêu ngân sách các cấp, không tạo ra nhiều khâu, nhiều nấc trung gian trong việc xin kinh phí dẫn tới tiêu cực trong chi tiêu ngân sách nhà nước (giảm hẳn, tiến tới xóa bỏ cơ chế xin và cho).

- Việc quy định về ngân sách hoạt động của Đảng và các đoàn thể như trong dự thảo Luật là phù hợp. Vấn đề Đảng làm kinh tế đã được xác định trong Điều lệ Đảng; các doanh nghiệp của Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, được Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ và quản lý như các doanh nghiệp nhà nước khác. Việc xác định đoàn thể, tổ chức xã hội nào vào diện được ngân sách hỗ trợ kinh phí để Quốc hội bàn.

- Về trách nhiệm của các cơ quan khi có sai phạm về thu chi ngân sách: cần nghiên cứu thể hiện rõ hơn trách nhiệm đối với một số cơ quan trực tiếp quản lý tài chính, tiền tệ (như tài chính, ngân hàng) trong hệ thống các văn bản pháp luật tương ứng cho đầy đủ.

- Về hệ thống tổ chức và bộ máy ngành tài chính: việc sắp xếp lại hệ thống bộ máy tài chính trung ương - địa phương là cần thiết. Nhưng qua thực hiện, giữa Bộ Tài chính và các địa phương còn có ý kiến khác nhau. Để đảm bảo hệ thống tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu cải cách nền hành chính, tập trung đầu mối quản lý chỉ đạo, không làm hạn chế vai trò cơ quan quản lý nhà nước về tài chính nhất là ở các địa phương, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá phương án sắp xếp lại hệ thống ngành tài chính trong thời gian qua và có báo cáo với Bộ Chính trị về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 13-NQ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1996

Về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC ĐỊA CHẤT VÀ THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Năm mươi năm qua, công tác điều tra địa chất đã phát hiện và đánh giá nhiều loại khoáng sản, trong đó nhiều mỏ có giá trị đã được thăm dò và đưa vào khai thác, từng bước tạo ra cơ sở nguyên liệu khoáng để xây dựng và phát triển một số ngành công nghiệp nặng then chốt của đất nước.

Đội ngũ cán bộ và công nhân địa chất và mỏ nước ta đã từng bước trưởng thành, là nhân tố quyết định để đưa ngành địa chất và mỏ tiếp tục tiến lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời góp phần nghiên cứu khoa học địa chất trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, mức độ điều tra địa chất còn thấp, nguồn tài nguyên khoáng sản chưa được đánh giá đầy đủ, cơ sở vật

chất - kỹ thuật cho công tác địa chất và đội ngũ cán bộ địa chất chưa bắt kịp sự tiến bộ về khoa học và công nghệ của các nước có nền khoa học địa chất phát triển.

Công nghiệp mỏ phát triển chậm vừa chưa phát huy được thế mạnh về tiềm năng, vừa chưa sử dụng hợp lý tài nguyên. Mấy năm gần đây, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép khá nghiêm trọng, làm tổn thất tài nguyên, khai thác chưa kết hợp với chế biến, chủ yếu bán nguyên liệu thô, để xảy ra nhiều tai nạn nghiêm trọng nhưng không có người chịu trách nhiệm, để ảnh hưởng xấu đến môi trường, môi sinh, gây ra nhiều tiêu cực trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

Những yếu kém nói trên có phần do thiếu vốn, công nghệ, thị trường nhưng mặt khác, do ta chưa kịp thời xây dựng quy hoạch và chính sách về tài nguyên khoáng sản phù hợp với yêu cầu đổi mới kinh tế.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KHAI KHOÁNG

1. Các quan điểm cơ bản

- Tài nguyên khoáng sản là nguồn của cải quý, thuộc sở hữu nhà nước, là nguồn lực quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phải có quy hoạch, kế hoạch sử dụng có hiệu quả nhằm góp phần vào tăng trưởng chung và bền vững của nền kinh tế.

- Tài nguyên khoáng sản của nước ta tuy đa dạng về chủng loại, nhưng phần lớn có quy mô vừa và nhỏ; các loại

khoáng sản cần cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa không nhiều. Vì vậy, cần phải bảo vệ, khai thác kết hợp với chế biến, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có dự trữ lâu dài. Quy mô và công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản cần phù hợp với đặc điểm từng loại tài nguyên khoáng sản, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác hiện đại, chế biến sâu, tinh và cao để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm và giá trị của sản phẩm chế biến.

- Việc khai thác tài nguyên khoáng sản phải tính đến nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài của đất nước, có tính đến xu hướng tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực sử dụng công nghệ mới và vật liệu thay thế.

- Nhanh chóng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật - công nhân lành nghề để từng bước làm chủ việc thăm dò và khai thác, chế biến khoáng sản, đầu tư thêm thiết bị và công nghệ tiên tiến cho công tác địa chất, khai khoáng và chế biến khoáng sản.

- Kết hợp chặt chẽ việc khai thác khoáng sản với bảo đảm an ninh - quốc phòng, bảo vệ môi trường, môi sinh, bảo vệ cảnh quan và các di tích lịch sử.

2. Mục tiêu phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010

Tiến hành công tác điều tra địa chất đồng bộ và toàn diện, đặc biệt chú ý ở vùng sâu, vùng biên giới và thềm lục địa để làm rõ tiềm năng và giá trị của các loại khoáng sản quan trọng như dầu khí, vàng, đá quý, nước dưới đất...

Phát triển công nghiệp khai khoáng nhằm đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của công nghiệp trong những năm từ nay đến năm 2000. Trước hết bảo đảm nguyên liệu để đạt mục tiêu của một số ngành công nghiệp quan trọng là: dầu khí, than, luyện kim, vật liệu xây dựng, phân đạm và phân lân, một số hóa chất cơ bản, đồng thời bảo vệ, giữ gìn nguồn tài nguyên cho yêu cầu lâu dài. Đưa công nghiệp khai khoáng Việt Nam đạt trình độ phát triển về khoa học - công nghệ, với đội ngũ cán bộ giỏi, cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại.

3. Định hướng phát triển công nghiệp khai khoáng một số loại khoáng sản chủ yếu

Căn cứ vào định hướng chung, hướng bố trí một số loại khoáng sản chủ yếu như sau:

** Về dầu khí:*

Bộ Chính trị đã có Nghị quyết về phương hướng phát triển ngành dầu khí đến năm 2000 (số 15-NQ/TW, ngày 7-7-1988) và đã có ý kiến định hướng bổ sung ngày 29-6-1993.

Theo tinh thần đó, Chính phủ chỉ đạo cụ thể việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, bước đi, các chính sách và giải pháp lớn về phát triển dầu khí Việt Nam đến năm 2010. Xây dựng ngành dầu khí thành một trong những tổ hợp lớn, đủ sức cạnh tranh, hoàn chỉnh và đồng bộ từ khâu thăm dò - khai thác đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm dầu mỏ và khí thiên nhiên, tiến tới có thể làm chủ trong việc quản lý, điều hành, khai thác, chế biến và sử dụng có hiệu quả cao nguồn tài nguyên quan trọng này.

** Về than:* Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ khai thác với quy mô thích hợp các mỏ có trữ lượng ở vùng than Quảng Ninh và các vùng khác. Khai thác than ở Quảng Ninh phải gắn với bảo vệ trật tự an ninh, an toàn trong khai thác mỏ với bảo vệ môi trường, môi sinh, bảo tồn cảnh quan của vùng du lịch Hạ Long.

Nghiên cứu sử dụng than chất lượng thấp trong ngành điện, các ngành công nghiệp và xây dựng. Tiếp tục công tác thăm dò trên toàn diện tích chứa than để có cơ sở lập quy hoạch phát triển lâu dài ngành than.

** Về quặng sắt:* Để có thể huy động tối đa nguồn quặng sắt của nước ta phục vụ phát triển công nghiệp gang thép, cần:

- Tập trung đầu tư khai thác mỏ quặng sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh) để phục vụ cho công trình liên hợp luyện kim sản xuất thép bằng công nghệ đi từ quặng sắt trong nước.

- Tiếp tục khai thác mỏ Trại Cau và các mỏ lân cận trong vùng Thái Nguyên để cung cấp quặng sắt cho Công ty Gang thép Thái Nguyên nhằm duy trì sản lượng trong các năm tới.

- Tổ chức khai thác quy mô nhỏ các mỏ quặng sắt ở Cao Bằng và Lào Cai, để cung cấp quặng sắt cho các lò gang thép nhỏ tại địa phương.

** Về bôxít:* Quặng bôxít ở nước ta có trữ lượng lớn nhưng chất lượng trung bình lại nằm ở vùng cơ sở hạ tầng kém phát triển. Công nghiệp nhôm tiêu thụ điện năng lớn nhưng công suất điện của nước ta chưa dồi dào. Vì vậy, phát triển công nghiệp nhôm phải nghiên cứu lựa chọn dự án tối ưu về xây dựng tổ hợp khai thác bôxít - sản xuất ôxít nhôm - điện phân nhôm ngay tại vùng mỏ, sử dụng nguồn thủy điện tại chỗ.

** Về các loại khoáng sản khác:*

- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm các loại quặng apatít, pyrit, chú trọng khai thác và tuyển loại quặng nghèo, nghiên cứu việc thu hồi lưu huỳnh khi chế biến các loại quặng sunfua để phục vụ sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu phân lân; sử dụng khí để sản xuất phân đạm; sử dụng than bùn để sản xuất phân vi sinh.

- Đẩy mạnh thăm dò địa chất, nâng cao trình độ phân tích mẫu, nghiên cứu công nghệ tuyển, luyện vàng để đánh giá chính xác tiềm năng vàng nước ta và nâng cao hiệu quả sản xuất của các xí nghiệp vàng.

- Chấn chỉnh việc tổ chức, quản lý, thăm dò và khai thác đá quý, nâng cao khả năng chế tác đá quý gắn với mở rộng sản xuất đồ trang sức, mỹ nghệ. Chú trọng tìm và mở rộng thị trường tiêu thụ đá quý ở nước ngoài.

- Đối với các khoáng sản như đồng, niken, kẽm, thiếc, vonfram, antimon, crom, titan, mangan... cần đầu tư thăm dò cho đủ trữ lượng để xây dựng cơ sở khai thác, làm giàu, luyện kim và các sản phẩm chế biến sâu. Các khoáng sản nhóm vật liệu xây dựng (đá vôi, sét và phụ gia cho xi măng, cát, cuội, sỏi, đá ốp lát), nguyên liệu cho sứ gốm (cao lanh, fenpat...), nguyên liệu chịu lửa, thủy tinh, đất hiếm, nguyên liệu hóa chất (pluorit, barits, grafit...), nước khoáng... cần tổ chức khai thác, chế biến với quy mô thích hợp để đáp ứng nhu cầu sử dụng, tạo việc làm cho số đông lao động, gắn lợi ích của ngành khai khoáng với lợi ích của địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản.

- Nước dưới đất có nhu cầu sử dụng rất lớn, cần chỉ đạo chặt chẽ việc quản lý nguồn và khai thác hợp lý, tránh nguy cơ nhiễm bẩn, nhiễm mặn và sụp lún đất.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KHAI KHOÁNG

1. Chính sách khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản không tái sinh. Vì vậy, toàn bộ các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải đạt hiệu quả kinh tế cao, giảm đến mức tối thiểu tổn thất tài nguyên. Khuyến khích các dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có trữ lượng lớn, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Ưu tiên các dự án khai thác có công nghệ chế biến sâu để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Các hoạt động khai thác khoáng sản phải tuân thủ pháp luật, quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường. Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác kinh doanh khoáng sản trái phép.

Các doanh nghiệp nhà nước phải là lực lượng chính trong việc khai thác các khoáng sản quan trọng.

2. Chính sách khoa học và công nghệ

Gắn khoa học - công nghệ với sản xuất, dịch vụ công nghiệp khai khoáng. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong các lĩnh vực nghiên cứu, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản. Xây dựng có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ chế biến khoáng sản.

Cùng với quá trình phát triển công nghiệp mỏ, cần xây dựng đội ngũ công nhân mỏ vững vàng về chính trị và tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp

thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

3. Chính sách bảo vệ môi trường, môi sinh trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản

Để hạn chế tối đa sự tác động đến môi trường, môi sinh trong quá trình khai thác mỏ cần thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản luật đã ban hành và các tiêu chuẩn pháp quy về khôi phục đất, rừng sau khai thác, khôi phục cảnh quan phục vụ du lịch, bảo vệ di tích văn hoá, lịch sử. Cùng với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường khi khai thác và chế biến khoáng sản, cần kết hợp các biện pháp quản lý hành chính và cơ chế tài chính phục vụ cho bảo vệ môi trường mỏ.

4. Chính sách đầu tư

- Để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu khoáng cho nền kinh tế quốc dân, Nhà nước cần có chính sách đầu tư thích hợp cho các dự án sản xuất, kinh doanh đã xác định trong chiến lược, quy hoạch tổng thể của các ngành để thực hiện được nhiệm vụ cung cấp nguyên liệu khoáng sản cho các ngành kinh tế quốc dân.

- Tăng thêm nguồn vốn từ ngân sách cho công tác điều tra cơ bản về địa chất - tài nguyên khoáng sản. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước thực hiện các dự án khảo sát, thăm dò thông qua đầu tư với nguồn tín dụng ưu đãi đặc biệt, thu hồi dần khi đưa mỏ vào khai thác, xem xét giảm hoặc xóa nợ nếu gặp rủi ro.

- Có chính sách, cơ chế vay vốn nước ngoài và vốn trong

nước để đầu tư mở rộng quy mô khai thác, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư bỏ vốn vào các dự án thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Căn cứ vào yêu cầu của Nhà nước và đặc tính của từng loại khoáng sản mà khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

5. Chính sách tài chính

- Nhà nước xem xét cụ thể từng ngành khai thác, chế biến khoáng sản để có chính sách thuế, chính sách lãi suất vốn vay thích hợp, nhất là đối với các dự án thực hiện ở miền núi, vùng đồng bào các dân tộc.

- Sắp xếp, tổ chức lại, đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm làm ăn có hiệu quả. Đặc biệt quan tâm củng cố các doanh nghiệp đang gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ.

- Nghiên cứu việc thành lập ngân hàng công nghiệp mỏ để giải quyết các vấn đề tín dụng cho khai thác, chế biến khoáng sản và dịch vụ công nghiệp khai khoáng.

6. Chính sách hợp tác với nước ngoài

Khuyến khích các dự án hợp tác khoa học - công nghệ trong lĩnh vực điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản. Cho phép nước ngoài đầu tư vào các dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đòi hỏi vốn lớn, thiết bị hiện đại, công nghệ phức tạp mà ta không có khả năng đầu tư để tự làm.

Khi hợp tác với nước ngoài, đối tác nước ngoài phải có năng lực tài chính và có công nghiệp tiên tiến; đối tác trong nước phải là các đơn vị, công ty chuyên ngành thăm dò, khai

thác khoáng sản; địa bàn hợp tác phải tính đến việc bảo đảm an ninh, quốc phòng.

7. Chính sách phát triển công nghiệp khai khoáng và phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển công nghiệp khai khoáng phải gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của vùng mỏ và của các địa phương nơi có mỏ. Ngoài ngân sách theo kế hoạch hàng năm, Nhà nước bổ sung cho ngân sách địa phương một phần nguồn thu từ hoạt động khai thác, gia công chế biến khoáng sản và các dịch vụ công nghiệp khai khoáng để giải quyết các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương.

Doanh nghiệp mỏ phải chú trọng sử dụng lao động phổ thông tại chỗ, đào tạo cán bộ kỹ thuật người địa phương, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với địa phương theo quy định của Nhà nước nhằm tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nhân dân địa phương trong sản xuất và phát triển.

IV- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO VÀ TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Các cấp ủy và tổ chức đảng có liên quan phải quán triệt và lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết này.

Tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị địa chất, các doanh nghiệp thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị.

Trước mắt, cần tổ chức thực hiện tốt các việc sau đây:

1- Sớm thể chế hóa các chính sách và định hướng lớn của Đảng trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách. Ban hành Luật khoáng sản và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật để tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho sự phát triển của ngành địa chất và mỏ.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình tổng thể cho từng lĩnh vực, từng vùng về công tác điều tra địa chất, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

Đổi mới và tăng cường công tác kế hoạch hóa phù hợp với cơ chế mới và với đặc thù của ngành địa chất và mỏ. Ban hành chính sách tài chính để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực có thể huy động vào việc phát triển vững chắc ngành địa chất và mỏ.

2- Xúc tiến phân cấp quản lý tài nguyên khoáng sản, kết hợp giữa quản lý nhà nước theo ngành kinh tế - kỹ thuật và quản lý nhà nước theo vùng lãnh thổ, bảo đảm hiệu lực và tính tập trung thống nhất trong quản lý của Nhà nước đi đôi với phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của ngành, địa phương và cơ sở.

3- Sắp xếp lại các hoạt động điều tra, thăm dò địa chất và sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản. Hình thành các đơn vị mạnh của chuyên ngành điều tra cơ bản địa chất và chuyên ngành thăm dò, khai thác khoáng sản, có tính đến mối quan hệ hữu cơ và tính hệ thống của chu trình địa chất - khai thác - chế biến - tiêu thụ khoáng sản, với cơ chế quản lý kinh tế - tài chính phù hợp với mỗi loại hình.

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức xã hội có liên quan làm tốt nhiệm vụ động viên, tổ chức, hướng

dẫn và giúp đỡ đoàn viên, hội viên, công nhân, viên chức và các tầng lớp nhân dân phát huy thế mạnh và khả năng của mình, khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện chính sách và định hướng lớn của Đảng trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5- Các ban của Đảng, theo chức năng của từng ban, tuyên truyền phổ biến, theo dõi, kiểm tra..., định kỳ báo cáo kết quả và đề xuất ý kiến trong việc thực hiện Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 144-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1996

VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẤT ĐAI VÀ NHÀ Ở

Trong phiên họp ngày 29-2-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày một số vấn đề về nhà ở và việc bổ sung một số điều trong Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được giao đất, cho thuê đất, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Về vấn đề nhà ở

Sau khi cân nhắc, Bộ Chính trị thấy Quốc hội không nên bàn và ra nghị quyết về vấn đề này.

Đối với những trường hợp tồn đọng về nhà ở ở một số địa phương, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc xử lý dứt điểm từng trường hợp có khiếu nại theo tinh thần Thông báo số 88-TB/TW, ngày 20-9-1994 của Bộ Chính trị và các văn bản pháp luật hiện hành về nhà ở. Trong quá trình chỉ đạo xử lý cần phối hợp với ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các địa phương.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần

xúc tiến chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng luật về nhà, đất đô thị.

Chính phủ sớm triển khai chủ trương xây dựng quỹ nhà ở đô thị, trước hết là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về bổ sung một số điểm Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc bổ sung một số điểm trong Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (Báo cáo số 192/ĐĐQH, ngày 29-2-1996 của Đảng đoàn Quốc hội).

- Thực tiễn sử dụng đất đai hiện nay đã phát sinh những vấn đề mới và khác so với khi ban hành Luật đất đai (ví dụ như việc giao đất cho công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn..., sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối). Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổng kết việc thi hành Luật đất đai trong thời gian qua, trên cơ sở đó nghiên cứu việc bổ sung, sửa đổi pháp luật về đất đai phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm tiếp tục khuyến khích việc sử dụng đất đai có hiệu quả, đồng thời tăng cường quản lý chặt chẽ, bảo đảm đất (tài sản quý của toàn dân) không bị thất thoát, lãng phí.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 146-TB/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1996

Về việc tổ chức Đại hội Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương

1- Ban Bí thư Trung ương đã có Chỉ thị số 51-CT/TW, Thông tri số 09-TT/TW và Thông tri số 11-TT/TW để chỉ đạo và hướng dẫn việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp. Các đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương cần quán triệt, tổ chức thực hiện tốt tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư trong việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng bộ khối mình.

2- *Ban Bí thư lưu ý một số điểm như sau:*

- Trong dịp tổ chức Đại hội lần này, các đảng ủy khối cần chú ý vào chức năng, nhiệm vụ và tổ chức đã được Ban Bí thư quy định để tiến hành đại hội.

- Báo cáo trình trước Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối cần bám sát vào chức năng và nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, nhiệm vụ của đảng viên; tập trung phân tích cụ thể những mặt làm được, chưa làm được, chú ý đánh giá sâu các mặt đường lối, quan điểm, chất lượng, hiệu quả công tác (nhất là chất lượng tham mưu xây dựng và chỉ

đạo thực hiện đường lối, chính sách quản lý cán bộ, đảng viên); phẩm chất đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên trong Khối; những kết quả, khuyết nhược điểm của công tác xây dựng Đảng bộ.

- Khi xác định nhiệm vụ tới, cần nêu bật nhiệm vụ quán triệt và có kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ chung và tình hình cụ thể của Đảng bộ để xác định đúng, có trọng tâm công tác xây dựng các đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

- Các đảng ủy cần chỉ đạo chặt chẽ việc thảo luận tại Đại hội với tinh thần khách quan, xây dựng, khẳng định rõ những thành tựu, tiến bộ để phát huy, đồng thời đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong việc phân tích những khuyết điểm, thiếu sót.

3- Ban Bí thư phân công các đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo các đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội như sau:

- Khối I: Đồng chí Đỗ Mười.
- Khối Kinh tế: Đồng chí Nguyễn Hà Phan*.
- Khối Tư tưởng - văn hóa: Đồng chí Nguyễn Đức Bình.
- Khối Nội chính: Đồng chí Lê Đức Anh.
- Khối Đối ngoại: Đồng chí Hồng Hà.

* Đồng chí Nguyễn Hà Phan bị kỷ luật khai trừ Đảng theo Quyết định số 998-NS/TW, ngày 17-4-1996 của Ban Chấp hành Trung ương với lý do đã khai báo với địch nhiều cơ sở cách mạng khi bị địch cầm tù, sau khi ra tù từ năm 1964 không báo cáo đầy đủ với Đảng về những sai lầm của mình (B.T).

- Khối Dân vận: Đồng chí Trương Mỹ Hoa.
- Khối Khoa giáo: Đồng chí Nguyễn Đình Tứ.

Riêng về nhân sự chủ chốt của ban chấp hành các đảng ủy khối khóa tới, các đồng chí bí thư phụ trách khối cùng với ban thường vụ đảng ủy khối dự kiến để cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ trao đổi thống nhất trước khi trình Ban Bí thư và Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996

Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Tình hình thanh niên

Sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết 4, phong trào thanh niên nước ta phát triển tốt hơn. Nhiều mặt mạnh cơ bản của thanh niên như trình độ học vấn, năng động, giàu lòng yêu nước, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu, có ý chí tự lực, tự cường, chủ động chuẩn bị hành trang cho mình để vào đời lập thân, lập nghiệp... được khẳng định và phát huy.

Tuyệt đại bộ phận thanh niên ta ủng hộ và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới của đất nước. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh có sức động viên thanh niên tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách, các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của Đảng

và Nhà nước. Đã xuất hiện ngày càng nhiều những tập thể, cá nhân thanh niên tiên tiến và tài năng trẻ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Lòng tin của thanh niên vào sự lãnh đạo của Đảng và thành công của công cuộc đổi mới đã được củng cố và tăng thêm. Thanh niên quan tâm hơn đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới; tham gia tích cực vào việc giữ vững ổn định chính trị để xây dựng và phát triển nhanh đất nước. Tính tự lập, không ỷ lại cao hơn trước.

Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên còn mơ hồ về chính trị, chưa xác định đúng mục đích cuộc sống, thiếu ý chí khắc phục khó khăn, bàng quan, thiếu trách nhiệm với gia đình, với xã hội, sống thực dụng. Các khó khăn của thanh niên như thiếu việc làm, ít được đào tạo nghề, thất học, mù chữ, sức khỏe và thể lực thấp..., tuy đã được cố gắng giải quyết từng bước nhưng vẫn còn gay gắt. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm, cờ bạc và phạm pháp trong thanh, thiếu niên giảm chưa đáng kể.

2. Về công tác thanh niên

Từ sau khi có Nghị quyết 4 đến nay, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và xã hội đã quan tâm hơn đến công tác thanh niên. Nhiều tỉnh, thành ủy, bộ, ngành, Mặt trận, đoàn thể có chương trình, kế hoạch công tác thanh niên (định kỳ nghe Đoàn Thanh niên báo cáo, chăm lo xây dựng tổ chức và giải quyết các yêu cầu chính đáng của Đoàn, Hội, Đội, phát triển đảng trong thanh niên...). Chính phủ đã ban hành một số chính sách cụ thể và có những chương trình kinh tế - xã hội phát huy được lực lượng thanh niên.

Hệ thống luật pháp có liên quan đến thanh niên cũng được hoàn thiện dần.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng, tiến bộ trong việc định hướng chính trị và phát triển phong trào thanh niên. Phương thức hoạt động của Đoàn từng bước phù hợp với tình hình mới, gắn với các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước và chăm lo lợi ích thanh niên. Công tác xây dựng Đoàn có chuyển biến tích cực. Số thanh niên được kết nạp vào Đoàn, số đoàn viên ưu tú và cơ sở đoàn khá, mạnh tăng lên. Công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên có nhiều tiến bộ với nội dung, phương thức hoạt động và hình thức tập hợp đa dạng, phong phú, đã tập hợp được ngày càng nhiều thanh niên vào tổ chức. Vai trò và ảnh hưởng của tổ chức Đoàn trong thanh niên và trong xã hội được nâng cao.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Nghị quyết 4, công tác thanh niên vẫn còn nhiều tồn tại và khuyết điểm. Một số cấp ủy ít chú ý đến định hướng cho phong trào thanh niên, khoán trắng công tác thanh niên cho Đoàn, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên, chưa thực sự coi công tác xây dựng Đoàn là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng và phát triển Đảng. Việc tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thanh niên còn hạn chế. Một số chủ trương, chính sách có liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên chưa được thể chế hóa. Việc tổ chức và duy trì sinh hoạt thường xuyên ở cơ sở, nhất là trong các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, trong vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, trong thanh niên có đạo của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh còn yếu. Việc tập hợp

thanh niên vào tổ chức Đoàn, Hội còn thấp so với tổng số thanh niên.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 4 TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong thời gian tới cần tập trung làm tốt một số việc sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 4 trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết 4, lựa chọn những vấn đề thanh niên đưa vào nội dung Đại hội Đảng các cấp và xây dựng chương trình công tác thanh niên trong những năm tới. Xác định rõ hơn trách nhiệm của gia đình, Nhà nước, các ngành, đoàn thể đối với việc bồi dưỡng và phát huy lực lượng trẻ.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với Đoàn Thanh niên và công tác thanh niên ở từng cấp, ở mọi địa bàn, đối tượng; thực sự coi xây dựng Đoàn là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

2. Chỉ đạo hệ thống thông tin đại chúng, nhà trường, gia đình và các đoàn thể coi trọng giáo dục chính trị, lòng yêu nước, truyền thống cách mạng và bản sắc văn hoá dân tộc cho thanh niên; làm cho thanh niên hiểu rõ tình hình đất nước để nâng cao trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng xã hội và với gia đình; giáo dục thanh niên hướng tới chân - thiện - mỹ, lập nghiệp lớn vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong các trường học, cần coi trọng việc giáo dục đường lối, quan điểm của Đảng, thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh cho học sinh, sinh viên.

3. Chăm lo tốt hơn việc phát triển nguồn nhân lực trẻ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tăng cường công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học một cách có hiệu quả, nhất là đối với thanh, thiếu niên vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Việc này cần huy động lực lượng thanh niên trong các đội hình thanh niên tình nguyện, thanh niên xung phong, bộ đội biên phòng, học sinh, sinh viên... Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Thanh niên, Hội Thanh niên, tổ chức các lực lượng này và huy động rộng rãi hơn các lực lượng xã hội tham gia xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học.

- Nhà nước có chính sách phù hợp (như chính sách học bổng, chỗ ở cho sinh viên, phát triển các trường dân tộc nội trú, dự bị, bổ túc văn hoá, v.v.) nhằm tạo điều kiện cho thanh niên, nhất là thanh niên công nhân, con em các gia đình có công với nước, thanh niên nghèo, thanh niên dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa... được học tập để nâng cao trình độ văn hoá, nghề nghiệp và tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các ngành, các cấp.

- Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình giảng dạy cho việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, cho các trung tâm đào tạo chất lượng cao, các trung tâm phát triển năng khiếu, các câu lạc bộ thanh niên nghiên cứu khoa học - công nghệ, khuyến khích thanh niên thực

hiện các dự án chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển các loại quỹ khuyến học, khuyến tài, sớm phát hiện và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các tài năng trẻ trên các lĩnh vực; có kế hoạch để sử dụng và phát huy tài năng trẻ, nhất là các tài năng trẻ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Có chính sách phổ cập nghề cho đông đảo thanh niên (kể cả nghề nông), đào tạo nghề cho thanh niên quân đội; tăng cường việc đào tạo kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật trẻ bậc cao đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trẻ, nhất là nữ thanh niên, tăng số đại biểu trẻ đủ tiêu chuẩn trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân, chính quyền và đoàn thể các cấp, tạo nguồn cán bộ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

4. Chăm lo tốt hơn việc tạo việc làm cho thanh niên. Nhà nước tiếp tục huy động các nguồn lực cho các chương trình giải quyết việc làm, trong đó có việc mở rộng mạng lưới dạy nghề, hướng nghiệp và dịch vụ việc làm cho thanh niên. Tập trung đầu tư phát triển các ngành sản xuất có khả năng thu hút lao động, tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới. Cần có một chương trình tổng thể về giải quyết việc làm cho thanh niên ở cấp quốc gia.

Tiếp tục động viên, tạo điều kiện và có cơ chế thích hợp cho thanh niên thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chương trình làm giao thông, trồng rừng, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; khai hoang; xây dựng các vùng kinh tế mới, các dự án nhỏ giải

quyết việc làm, phát triển lực lượng thanh niên xung phong, các đội trí thức trẻ tình nguyện..., trong đó có việc đầu tư cho Đoàn Thanh niên cả về ngân sách và năng lực quản lý để tổ chức và huy động được đông đảo thanh niên tham gia các chương trình, dự án đó.

5. Hình thành hệ thống các trung tâm văn hoá - thể thao, vui chơi - giải trí ở các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp tập trung... Các phường, xã dành quỹ đất để từng bước xây dựng được điểm vui chơi cho thanh, thiếu niên. Trước mắt có cơ chế để tận dụng các cơ sở vật chất hiện có của ngành văn hoá - thông tin phục vụ cho thanh, thiếu niên.

6. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên từ trung ương đến địa phương. Đề nghị Chính phủ có chương trình quốc gia về phát triển thanh niên, tạo điều kiện chuẩn bị cho thanh niên về mọi mặt đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

7. Tạo môi trường xã hội lành mạnh cho thanh niên. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách như: lập lại trật tự, kỷ cương xã hội, nhất là trên lĩnh vực văn hoá; phòng, chống có kết quả các tiêu cực và tệ nạn xã hội...

8. Tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục thanh, thiếu niên; của cán bộ, đảng viên trong việc nêu gương tốt cho thanh, thiếu niên noi theo; của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đối với thanh niên và công tác thanh niên theo đúng tinh thần Nghị quyết 4.

9. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải được xây dựng vững mạnh về mọi mặt.

Củng cố, nâng cao chất lượng, phát triển tổ chức và tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nhất là ở các tổ chức cơ sở của Đoàn. Đảng và chính quyền các cấp cần tạo điều kiện tốt, đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất và cán bộ cho Đoàn đủ sức tập hợp rộng rãi lực lượng trẻ, làm nòng cốt phát huy vai trò xung kích của thanh niên, tổ chức các phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong thanh niên và vai trò là đội dự bị tin cậy của Đảng; cùng nhà trường, gia đình, xã hội chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

Phát triển và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam.

Mở rộng các hoạt động quốc tế thanh niên trên cơ sở đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Đoàn Thanh niên làm kinh tế theo đúng pháp luật để bổ sung ngân sách hoạt động của Đoàn, Hội.

10. Nhà nước xây dựng Luật thanh niên và có chính sách khuyến khích thanh niên, trí thức trẻ đi đến mọi miền đất nước, đến những nơi còn nhiều khó khăn để làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân quán triệt và lập chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Trước mắt, nhân dịp kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26-3-1931 – 26-3-1996), 40 năm Ngày truyền thống Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

(15-10-1956 – 15-10-1996), 55 năm Ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (15-5-1941 – 15-5-1996), các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo Đoàn Thanh niên và các cấp, các ngành tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của các thế hệ thanh, thiếu niên Việt Nam và của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cho thanh, thiếu niên. Trên cơ sở đó, củng cố và phát triển Đoàn, đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh, thiếu niên vào Hội, vào Đội và các phong trào hành động cách mạng do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phối hợp với Trung ương Đoàn hướng dẫn các nội dung tuyên truyền trong các đợt kỷ niệm này, trong đó coi trọng tuyên truyền các nhân tố mới của tuổi trẻ, của tổ chức Đoàn, Hội Thanh niên, Hội Sinh viên và Đội Thiếu niên.

- Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành, các đoàn thể phối hợp, tạo điều kiện về mọi mặt cho Đoàn, Hội, Đội các cấp tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm một cách thiết thực, mang tính giáo dục sâu sắc, tránh phô trương, hình thức gây tốn kém. Gắn các hoạt động kỷ niệm với việc tổ chức các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Bí thư đồng ý từ nay lấy ngày 26-3 hằng năm là “Ngày thành lập Đoàn - Ngày thanh niên Việt Nam”.

2. Đề nghị Chính phủ tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết 4 và Chỉ thị này bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước.

3. Ban Dân vận Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Ủy ban Thanh niên Việt Nam xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 106-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996

Về việc cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Căn cứ Điều lệ Đảng,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng,

Bộ Chính trị quyết định việc cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng như sau:

1. Thực hiện Điều 11 của Điều lệ Đảng hiện hành, các đồng chí Ủy viên Trung ương (khóa VII) là đại biểu đương nhiên.

Số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng căn cứ vào số lượng đảng bộ trực thuộc Trung ương, số lượng đảng viên của đảng bộ, vị trí quan trọng của đảng bộ.

2. Quy định phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc Trung ương:

a) Tính theo số lượng đảng bộ trực thuộc Trung ương

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng bộ Công an Trung ương và các đảng bộ cơ quan Trung ương khối I, khối Tư tưởng - văn hóa, khối Khoa giáo, khối Kinh tế, mỗi đảng bộ được cử 11 đại biểu.

- Đảng bộ khối Đối ngoại, khối Dân vận, khối Nội chính, mỗi đảng bộ được cử 8 đại biểu.

- Đảng bộ Đường sắt Việt Nam được cử 2 đại biểu.

- Các đảng bộ ở ngoài nước được chỉ định 5 đại biểu.

b) Tính theo số lượng đảng viên của đảng bộ

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố, Quân đội, Công an, Đường sắt cứ 6.800 đảng viên được cử 1 đại biểu, số còn lại nếu có trên 3.400 đảng viên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Các đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, cứ 3.000 đảng viên được cử 1 đại biểu, số còn lại nếu có trên 1.500 đảng viên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Đảng bộ trực thuộc Trung ương có số lượng đảng viên ít hơn quy định trên cũng được cử 1 đại biểu.

c) Tính theo vị trí quan trọng của đảng bộ

- Đảng bộ Thủ đô Hà Nội, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi đảng bộ được cử 7 đại biểu.

- Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam được cử 2 đại biểu.

- Đảng bộ Công an Trung ương được cử 1 đại biểu.

Các đảng bộ trực thuộc Trung ương được cử 1 đến 3 đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian Đại hội.

3. Về tiêu chuẩn đại biểu.

Các đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng phải được lựa chọn chặt chẽ, có phẩm chất chính trị vững vàng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; trung

thực, thẳng thắn; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; có khả năng đóng góp vào các quyết định của Đại hội; có lối sống trong sạch, lành mạnh; được đảng viên và nhân dân tín nhiệm.

4. Về cơ cấu đại biểu.

Việc bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý.

- Có số đông là cán bộ lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố.

- Đoàn đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nên có khoảng 1/3 số đại biểu công tác ở huyện, quận và cơ sở.

- Chú ý cử các đại biểu là công nhân, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý.

5. Bộ Chính trị quyết định phân bổ số lượng đại biểu của các đảng bộ trực thuộc Trung ương được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng trong bản kèm theo.

6. Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào Quyết định này thông báo số lượng đại biểu được phân bổ cho từng đảng bộ trực thuộc Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII**

Ngày 12 tháng 4 năm 1996*

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Theo chương trình đã định, hôm nay chúng ta tiến hành Hội nghị toàn thể lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII.

Hội nghị Trung ương lần này là một kỳ họp rất quan trọng trong quá trình chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta. Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tập trung bàn một số nội dung sau đây:

Một là, cho ý kiến về việc tiếp thụ các kiến nghị để bổ sung, sửa chữa nhằm hoàn chỉnh các văn kiện trình Đại hội VIII.

* Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII họp từ ngày 12 đến ngày 20-4-1996 tại Hà Nội (B.T).

Trong thời gian qua, chúng ta đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các ngành, các cấp, các giới và đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp từ đại hội các đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở, hội nghị các tỉnh, thành ủy mở rộng và một số đảng ủy trực thuộc Trung ương, một số cuộc họp của các đoàn thể, các giới trí thức khoa học và văn học, nghệ thuật, hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mở rộng, các lớp bồi dưỡng cán bộ cao cấp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và nhiều thư của cá nhân gửi về Trung ương.

Các ý kiến đóng góp rất phong phú và quý báu, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của mọi tổ chức đảng, đoàn thể, Mặt trận và của mọi người đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Chúng ta phải tiếp thụ một cách nghiêm túc để chỉnh lý, bổ sung, sửa chữa dự thảo văn kiện; hoặc đưa vào kế hoạch, chương trình công tác của các cấp, các ngành. Những kiến nghị, đề xuất chưa được kết luận để sử dụng ngay thì phải tiếp tục tổ chức nghiên cứu và xử lý.

Đồng thời, nhằm mở rộng dân chủ để toàn dân tham gia bàn việc nước, dự thảo văn kiện Đại hội cũng đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho đông đảo các tầng lớp nhân dân góp ý, hiến kế giúp Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp quy luật, thuận lòng dân, được toàn dân đồng tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện. Chúng ta phải trân trọng và nghiêm túc tiếp thụ ý kiến đóng góp của nhân dân để tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo văn kiện trình Đại hội.

Hai là, thảo luận công việc chuẩn bị nhân sự cho Đại hội. Đây là một trọng tâm của Hội nghị lần này nhằm chuẩn bị

để giới thiệu với Đại hội lựa chọn được những cán bộ có đủ **đức, tài** ngang tầm yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để làm tốt việc này, phải xem xét kỹ đức, tài của những cán bộ được lựa chọn giới thiệu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, trong đó phải coi đức là gốc. Đức thể hiện ở lòng trung thành với lý tưởng, mục tiêu cách mạng của Đảng; ở sự vững vàng về chính trị, sự kiên định trước mọi thử thách; ở phẩm chất trong sáng, trung thực, luôn luôn đặt lợi ích chung lên trên hết, một lòng vì nước, vì dân; ở hành động của mình thật sự tỏ rõ là người lãnh đạo, là người dày tó trung thành của nhân dân như Bác Hồ đã dạy. Đức còn thể hiện ở nếp sống trong sạch của bản thân và của gia đình mình, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, tích cực chống tham ô, lãng phí, quan liêu, góp phần xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

Nhân dân nhìn vào Đảng trước hết là nhìn vào đội ngũ cán bộ, từ các đồng chí Trung ương đến cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Vì vậy, các đồng chí là những người gương mẫu đi đầu, lời nói đi đôi với việc làm, tự nguyện hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng, luôn luôn chăm lo bảo vệ, giữ gìn thanh danh và uy tín của Đảng, từ đó mà củng cố và tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng ta.

Cùng với đức, cán bộ được lựa chọn phải là người có bản lĩnh và tài năng; trước hết là quán triệt sâu sắc và nghiêm túc thực hiện quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng; có trình độ và năng lực cần thiết để đảm nhiệm trọng trách mà

Đảng giao phó; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, phối hợp thực hiện tốt các mặt công tác do mình phụ trách; đồng thời có tầm nhìn chiến lược và khả năng tham gia cùng tập thể trong việc hoạch định và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Cán bộ được giới thiệu phải là những người gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; tôn trọng pháp luật, giữ vững kỷ cương; nghiêm túc thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình, chăm lo giữ gìn, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng; có tinh thần đấu tranh không khoan nhượng loại trừ mọi biểu hiện tiêu cực, chống chủ nghĩa cá nhân; chống đặc quyền, đặc lợi, vi phạm dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân; ra sức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tại đại hội đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần này, cùng với việc giới thiệu một số đồng chí ở cấp ủy hiện nay tiếp tục tham gia cấp ủy nhiệm kỳ tới, chúng ta đặc biệt quan tâm thích đáng việc trẻ hóa một bước đội ngũ cán bộ lãnh đạo; coi trọng lựa chọn những cán bộ trẻ có đủ đức, tài, có sức khỏe để đảm đương được nhiệm vụ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong cơ cấu cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và đoàn thể.

Lựa chọn cán bộ là một việc rất hệ trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng, với vận mệnh đất nước, với tương lai của Tổ quốc, tiền đồ của dân tộc. Vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương chúng ta phải đề cao trách nhiệm trước Đảng, trước dân để làm thật tốt việc này với một tinh thần

công tâm và trong sáng, vì lợi ích chung. Tiểu ban nhân sự sẽ trình với Trung ương những việc đã chuẩn bị và các bước sắp tới sẽ tiến hành để Trung ương xem xét và quyết định.

Ngoài những nội dung chính trên đây, tại kỳ họp này, Bộ Chính trị cũng sẽ báo cáo và xin ý kiến Trung ương về một số việc cụ thể khác.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII chỉ còn hơn hai tháng với rất nhiều việc phải làm. Đề nghị các đồng chí tranh thủ thời gian, làm việc khẩn trương với chất lượng và hiệu quả cao để hoàn thành tốt nhiệm vụ của kỳ họp, góp phần quan trọng bảo đảm thành công của Đại hội đảng bộ các cấp tỉnh, thành, các đảng bộ trực thuộc Trung ương và Đại hội Đảng toàn quốc.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị toàn thể lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 202/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996
Về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp
để chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị
trình Đại hội VIII của Đảng

Sau Hội nghị Trung ương 9 Bộ Chính trị căn cứ vào kết luận của Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ đạo chỉnh lý các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII và sau đó, trong tháng 12-1995, đã gửi các dự thảo văn kiện nói trên cùng những tài liệu tham khảo đến các cấp ủy để lấy ý kiến trong hệ thống tổ chức của Đảng và trong một số đoàn thể nhân dân.

Đến hết ngày 30-3-1996, đã có 65 bản báo cáo của các cấp ủy tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của đại hội các đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở, hội nghị các tỉnh, thành ủy mở rộng và của một số đảng ủy trực thuộc Trung ương, Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mở rộng, các lớp bồi dưỡng cán bộ cao cấp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và khoảng 80 thư cá nhân gửi về Trung ương.

Các ý kiến đóng góp tập trung nhiều nhất vào dự thảo

Báo cáo chính trị. Tuyệt đại đa số ý kiến bày tỏ nhất trí cao với dự thảo, cho rằng dự thảo Báo cáo được chuẩn bị công phu, bố cục hợp lý, nội dung súc tích; đánh giá tình hình sát thực tế, có tính tổng kết; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu ra có cơ sở khoa học, có tính khả thi.

Đồng thời có nhiều ý kiến phân tích thêm mức độ của các thành tựu, khuyết điểm và nguyên nhân; kiến nghị bổ sung, sửa chữa hoặc nhấn mạnh thêm nội dung một số điểm cho chính xác, thỏa đáng hơn hoặc góp ý kiến về trật tự trình bày, về từ ngữ và cách diễn đạt.

Bộ Chính trị đã nghiên cứu nghiêm túc tất cả những ý kiến đó và xem xét việc chọn lọc tiếp thu để chỉnh lý Báo cáo chính trị. Dưới đây Bộ Chính trị xin trình bày để Trung ương cho ý kiến về một số vấn đề lớn; đối với những vấn đề khác ít quan trọng hơn hoặc những góp ý về câu, chữ, lời văn, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo bộ phận biên tập tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo.

Phần thứ nhất

ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Ý kiến phổ biến là nhất trí với nội dung và trật tự trình bày của phần này. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi trên cả ba vấn đề về đánh giá thành tựu và khuyết điểm, yếu kém; đánh giá tổng quát và những bài học chủ yếu.

1. Đánh giá thành tựu và khuyết điểm, yếu kém

- Về thành tựu:

Nhiều ý kiến cho rằng dự thảo Báo cáo chính trị đánh giá

thành tựu còn có phần cao, cần đánh giá có mức độ hơn, nhất là đối với thành tựu 2 (tạo được một số chuyển biến tốt về mặt xã hội) và thành tựu 4 (thực hiện có kết quả nhiều đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị).

+ Đánh giá thành tựu về mặt xã hội chỉ nên nói: “có chuyển biến bước đầu”, hoặc “tạo được một số chuyển biến tích cực”, hoặc “có một số tiến bộ” về mặt xã hội, hoặc gộp mục này vào mục 1 thành một mục chung viết về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội.

+ Đánh giá hệ thống chính trị, cho rằng đổi mới còn chậm, hiệu quả hoạt động các tổ chức chính trị xã hội còn thấp; việc thay đổi tổ chức bộ máy còn thiếu căn cứ và sự nhất quán, nên hành chính quốc gia cải cách chậm, tệ quan liêu, gây phiền hà, tiêu cực chưa được khắc phục bao nhiêu, cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều vướng mắc, vì vậy, chỉ nên nói “đã có những kết quả bước đầu” hoặc “tạo được những chuyển biến tích cực”, hoặc “có những đổi mới quan trọng trong phương thức hoạt động của hệ thống chính trị”.

+ Nhiều ý kiến nhấn mạnh về tính quyết định của việc “tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh” trong thời gian vừa qua và đề nghị đưa thành tựu này lên vị trí số một hoặc số hai.

Kiến nghị tiếp thu:

+ Về thành tựu về mặt xã hội, dự thảo Báo cáo chính trị nêu lên 5 chuyển biến lớn: đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện; trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên; tính năng động, sáng tạo của nhân dân được khơi dậy và phát huy; phong trào đền

ơn đáp nghĩa, xoá đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện được mở rộng; lòng tin của nhân dân đối với đất nước và chế độ tăng lên.

Nêu như vậy là phù hợp với tình hình thực tế. Vì vậy đề nghị giữ đoạn viết về thành tựu này. Nhưng cần chỉnh lý từ ngữ cho phù hợp và sửa lại tiêu đề như sau: “Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội”; (thay chữ “tốt” bằng chữ “tích cực”).

+ Về đổi mới hệ thống chính trị, dự thảo Báo cáo nêu lên những thành tựu về đổi mới Hiến pháp, đổi mới và xây dựng pháp luật, cải cách hành chính, những đổi mới trong tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước, mở rộng đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất... Những nội dung trên phản ánh sự đổi mới quan trọng cả về nội dung, phương thức, tổ chức bộ máy và cán bộ của hệ thống chính trị trong 5 năm qua. Song, đúng như nhiều ý kiến đã nêu, hiệu quả thực tế của một số đổi mới nói trên có mặt còn rất hạn chế (như đổi mới về tổ chức bộ máy, về cải cách hành chính...). Vì vậy cần sửa lại tiêu đề thành tựu này như sau cho đúng mức hơn: “Đã thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị”.

+ Về ý kiến đề nghị sắp xếp lại trật tự các thành tựu, Bộ Chính trị cho rằng trong các thành tựu của công cuộc đổi mới vừa qua, các thành tựu về phát triển kinh tế, về giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và về đối ngoại là rất nổi bật. Những thành tựu ấy đều có vị trí quan trọng to lớn và cùng góp phần quyết định làm nên thành tựu chung là tạo

ra thế và lực mới, đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mỗi thành tựu nói trên vừa là tiền đề lại vừa là kết quả của các thành tựu khác, vì vậy sắp xếp thứ bậc của các thành tựu cũng là tương đối. Trong Báo cáo chính trị, việc sắp xếp thứ tự các thành tựu (cũng như các mặt yếu kém) có tính đến tầm quan trọng của các thành tựu, nhưng còn căn cứ vào trật tự logic của các vấn đề (từ kinh tế đến xã hội, đến quốc phòng, an ninh; từ đối nội đến đối ngoại). Xét riêng về thứ tự tầm quan trọng của các thành tựu thì trong bối cảnh nước ta còn rất nghèo, bị chiến tranh tàn phá và khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng kéo dài nhiều năm, khi bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế lại chịu tác động nặng nề của những biến động trong quan hệ đối ngoại thì việc xếp thành tựu phát triển kinh tế lên vị trí hàng đầu cũng là thỏa đáng. Vì vậy, đề nghị giữ trật tự trình bày các thành tựu như trong dự thảo.

- Về khuyết điểm, yếu kém:

Các ý kiến nêu lên chủ yếu là muốn đánh giá đúng hơn nữa mức độ nghiêm trọng của các mặt yếu kém và tình trạng tiêu cực về xã hội, nói rõ khuyết điểm chủ quan trong công tác lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, không để lẫn khuyết điểm với những yếu kém có phần do lịch sử để lại và cần phải chỉ ra nguyên nhân của những yếu kém đó.

Ý kiến nhiều nhất là về điểm 4 (tình hình xã hội). Ngoài những ý kiến nêu dẫn chứng mô tả thêm những điều đã được nói trong Báo cáo, có những ý kiến bổ sung đáng chú ý sau:

Phần lớn ý kiến yêu cầu sửa tiêu đề, nói rõ công tác lãnh đạo, quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước còn nhiều khuyết điểm; không nên nói xã hội còn nhiều điều nhức nhối.

Nhiều ý kiến nhấn mạnh chưa kiên quyết ngăn chặn, trừng trị tham nhũng, để tham nhũng phát triển là một trong những vấn đề chủ yếu khiến dân mất lòng tin; để phân hoá giàu nghèo diễn ra quá đáng, rất rộng, cả trong dân cư và giữa các vùng, các cấp, các ngành; hệ thống giáo dục quốc dân yếu kém một cách đáng lo ngại, con nhà nghèo không học nổi, lo rằng rồi đây chỉ có con nhà giàu được đào tạo. Nhiều mặt tệ nạn xã hội, trật tự trị an xấu hơn trước. Một số mặt về xã hội bị tụt lùi. Có ý kiến muốn đưa khuyết điểm về quản lý xã hội lên hàng đầu.

Nhiều ý kiến muốn nói đến nguyên nhân của khuyết điểm, nhất là nguyên nhân của quản lý xã hội và lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất, đề nghị chỉ thẳng ra rằng, nguyên nhân chủ yếu là lãnh đạo Đảng, Nhà nước yếu kém. Trên vấn đề quan hệ sản xuất có những biểu hiện chưa quán triệt quan điểm của Đảng; trên vấn đề tham nhũng, xa hoa lãng phí là sự không nghiêm, thiếu kiên quyết, nói nhiều làm ít, nương nhẹ từ trên.

Đề nghị tiếp thu những ý kiến trên đây. Sửa tiêu đề “Các mặt xã hội còn nhiều điều nhức nhối” thành “Công tác quản lý xã hội còn nhiều khuyết điểm, tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực, yếu kém”.

Nhấn mạnh khuyết điểm và trách nhiệm chủ quan của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội, trong xây dựng quan hệ sản xuất mới; còn nói nhiều làm ít, thiếu kiên quyết, không nghiêm, nể nang tránh né trong việc chống tham nhũng, xa hoa lãng phí, từ trên xuống dưới.

Về những yếu kém của hệ thống chính trị tuy khó nói được rõ ràng, chính xác mức độ, sẽ cân nhắc để thể hiện tốt hơn một số khía cạnh trong các ý kiến nói trên.

2. Về đánh giá tổng quát: Ý kiến chủ yếu vẫn xoay quanh mấy vấn đề đã được thảo luận nhiều lần ở Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

- Nhiều ý kiến đề nghị bỏ từ chệch hướng hoặc bỏ đoạn nói về có chệch hướng ở nơi này, nơi khác, trên vấn đề này hay vấn đề khác... với những lập luận khác nhau: nói cơ bản đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa là đã bao hàm ý có chệch hướng ở nơi này, nơi khác; nói có chệch hướng dễ gây tâm lý hoài nghi; nói có chệch hướng thì mâu thuẫn với nhận định cơ bản đi đúng định hướng...

Ngược lại, có ý kiến cho rằng có những sai lầm, khuyết điểm là trầm trọng kéo dài; sự chệch hướng trên thực tế còn nghiêm trọng hơn nói trong dự thảo Báo cáo.

- Có những ý kiến khác nhau về vấn đề ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội:

Thay cụm từ “đã ra khỏi” bằng những cụm từ “bước đầu ra khỏi”, “cơ bản ra khỏi”, “từng bước ra khỏi”, “mới ra khỏi”, “đang ra khỏi”; “ra khỏi khủng hoảng kinh tế nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng xã hội”. Thêm ý “đồng thời cũng phát sinh một số mặt phức tạp mới cần giải quyết” sau đoạn “nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc”.

- Một số ý kiến chưa đồng tình “đã hoàn thành cơ bản việc chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá”, đề nghị chỉ nên nói “đã hoàn thành mặt cơ bản trong việc chuẩn bị tiền đề”. Có ý kiến chưa đồng tình về nhận định ta đã bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, ngại rằng nói đẩy mạnh

công nghiệp hoá thì sẽ coi nhẹ phát triển nông nghiệp, dẫn đến sai lầm về kinh tế.

- Về nhận định “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”, một số ý kiến đề nghị thay bằng những cụm từ “ngày càng được củng cố và đổi mới” hoặc “đã được thực tiễn kiểm nghiệm và khẳng định là đúng đắn”. Ngược lại, có ý kiến cho rằng nhiều vấn đề còn đang mờ mẫm, tìm tòi, chưa phải đã ngày càng rõ hơn.

Kiến nghị tiếp thu:

Những vấn đề trên trước đây đều đã được thảo luận kỹ ở Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương. Ý kiến phân tích những căn cứ cho phép đi đến những nhận định, đánh giá tổng quát trên đây trong dự thảo Báo cáo chính trị đã được trình bày kỹ trong bài phát biểu của Bộ Chính trị trước Hội nghị Trung ương 9.

- Về vấn đề ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Bộ Chính trị đã phân tích: để đánh giá đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội hay chưa, cần căn cứ vào những tiêu chí cụ thể.

Đúng là đến nay, về mặt xã hội, còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết tốt, thậm chí có mặt diễn biến xấu hơn. Song xem xét tình hình một cách tổng thể thì trong 5 năm qua, chúng ta đã đạt mức độ tăng trưởng kinh tế khá cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Hơn nữa chúng ta thực hiện được những thành tựu đó bằng sức của chính

mình trong hoàn cảnh không còn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Về một số vấn đề xã hội đến nay chưa được giải quyết tốt, cần thấy rằng có những vấn đề nảy sinh từ khủng hoảng kinh tế mà ta chưa khắc phục được, nhưng cũng có những vấn đề mới nảy sinh, gắn liền với quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường và đi vào thời kỳ phát triển. Giải quyết những vấn đề xã hội này còn là một quá trình lâu dài và phức tạp. Nếu xem những vấn đề đó đều là biểu hiện của tình trạng khủng hoảng thì sẽ đi đến nhận định tình trạng khủng hoảng còn kéo dài nhiều năm như vậy là không thỏa đáng. Sau nhận định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta nói thêm “nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc” là đã bao hàm các ý trên đây.

Vì vậy đề nghị giữ nhận định: Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc.

- Về nhận định việc chuẩn bị tiên đề cho công nghiệp hoá đã hoàn thành về cơ bản, nước ta đã chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Hội nghị Trung ương 9 đã phân tích về vấn đề này.

Vừa qua sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng phát triển khá, đời sống của nhân dân được cải thiện, nền kinh tế đã có tích lũy từ nội bộ (tuy còn thấp), các cân đối lớn về ngân sách, xuất - nhập khẩu, tiền - hàng, về các hàng hoá, vật tư chủ yếu đều được cải thiện cơ bản, lạm phát được kiềm chế, ổn định chính trị được giữ vững, quan hệ đối ngoại, đặc biệt là quan hệ kinh tế đối

ngoại được mở rộng vượt bậc, cơ sở hạ tầng về kinh tế, xã hội có những bước phát triển quan trọng... Tuy tình hình còn có những mặt chưa đạt tới trạng thái ổn định vững chắc (như cân đối ngân sách, lạm phát...) nhưng tiến bộ đạt được đã tạo ra những tiên đề cơ bản và ngày càng đồng bộ để chúng ta đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chưa phải chúng ta đã có đầy đủ các tiên đề nhưng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đồng thời cũng là quá trình tạo đủ hơn tiên đề ấy. Đó là biện chứng của sự phát triển. Vì vậy không nên chờ có đủ tiên đề mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Không ngại rằng đẩy mạnh công nghiệp hoá sẽ đưa đến coi nhẹ nông nghiệp vì nay đã đến lúc muốn phát triển nông nghiệp và nông thôn phải phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản... Chính với nhận thức đó, Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh nội dung ưu tiên trong chặng đường công nghiệp hoá sắp tới là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Về nhận định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn, ở Hội nghị Trung ương 9, Bộ Chính trị đã có sự phân tích cụ thể.

Với việc thông qua Cương lĩnh, Chiến lược và nhiều văn kiện khác ở Đại hội VII, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã hình thành trên những đường nét chủ yếu. Từ sau Đại hội VII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương đã ra nhiều nghị quyết cụ thể hoá, bổ sung và phát triển. Những thành tựu đổi mới chứng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hay đường lối đổi mới đã đi vào cuộc sống... Vì vậy nói con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn là có cơ sở,

tuy chúng ta không cho rằng mọi vấn đề của con đường đi lên đều đã xác định rõ ràng.

- Về vấn đề có chệch hướng không, mức độ nào, Bộ Chính trị đã phân tích.

Nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực đã được thể hiện trong Cương lĩnh, Chiến lược, các nghị quyết của Đại hội và của Trung ương. Vừa qua, ở nơi này hay nơi khác, lúc này hay lúc khác có những biểu hiện, hành động hoặc khuynh hướng chưa quán triệt đường lối, chính sách trong các nghị quyết trên; có những sai lầm, khuyết điểm lớn và kéo dài. Ví dụ một thời gian dài một số nơi chưa quan tâm đến việc đổi mới và xây dựng kinh tế hợp tác xã. Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống một số lĩnh vực và địa bàn trọng yếu. Trên lĩnh vực văn hoá, có nơi để văn hoá phẩm độc hại tràn lan, có thành phố có mấy trăm cửa hàng tư nhân bán băng hình mà phần lớn là băng hình về tình dục và bạo lực. Xu hướng tiêu xài xa hoa lãng phí trong một bộ phận xã hội ngày một tăng lên. Tình trạng thoái hoá, biến chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên phát triển nghiêm trọng.

Những khuyết điểm, lệch lạc ấy là sự chệch hướng ở những mức độ khác nhau cần được chỉ ra để có sự uốn nắn kịp thời... Điều đó là cần thiết. Tuy vậy, Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh “cần thận trọng khi đánh giá về từng trường hợp cụ thể, hết sức tránh sự quy chụp. Điều quan trọng là phải chỉ rõ được nội dung sai lầm và khuyết điểm là ở chỗ nào và cần khắc phục ra sao”.

Những ý kiến phân tích trên đây là khá đầy đủ và đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy đề nghị giữ những nhận

định tổng quát trong dự thảo Báo cáo chính trị. Tuy nhiên đề nghị đổi lại trật tự của mục III (đánh giá tổng quát) như sau: đề 4 nhận định lớn lên trên (ngay sau phần đánh giá những thành tựu và khuyết điểm), sau đó mới rút ra nhận xét tổng quát về việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới để cho trật tự trình bày mục này hợp lý hơn.

3. Về những bài học chủ yếu, có những ý kiến đề nghị đưa ra cả những bài học sai lầm hoặc bổ sung bài học hay hoặc bài học khác như: lấy dân làm gốc, kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược, thêm bài học về công tác cán bộ, đi sâu vào cơ sở...

- Có những đề nghị về cách diễn đạt khác nhau bài học thứ hai về xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế, thay cụm từ “kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị” bằng các cụm từ: “Đổi mới kinh tế trước và ngay từ đầu kết hợp đổi mới chính trị”; “Đổi mới kinh tế trước, từng bước đổi mới chính trị”; “Đổi mới kinh tế thắng lợi, tạo tiền đề cho đổi mới chính trị thành công”; “Đổi mới chính trị kết hợp chặt chẽ với an ninh, quốc phòng”.

Sửa cụm từ “không chấp nhận đa nguyên, đa đảng đối lập” thành “không chấp nhận đa nguyên, đa đảng” để khỏi hiểu nhầm là ta chấp nhận “đa đảng không đối lập”.

- Có ý kiến không đồng tình với nhận định ở bài học thứ ba “kinh tế thị trường có những mặt mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội”; đề nghị thay bằng những cụm từ sau: “Kinh tế thị trường làm nảy sinh những mâu thuẫn xã hội”; “Những mặt trái của kinh tế thị trường có thể tạo môi trường dẫn đến sự phân cực xã hội,...”.

- Có ý kiến đề nghị sửa tiêu đề bài học 5 thành: “Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại”; hoặc “Phát huy ý thức tự cường dân tộc, gắn lợi ích quốc gia với lợi ích đồng chí, bạn bè, cùng hợp tác trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, nhằm mục tiêu ổn định, cùng phát triển”.

Nhiều ý kiến đề nghị bỏ câu “chung thủy với đồng chí, bạn bè”.

Kiến nghị tiếp thu:

- Vì tuyệt đại đa số ý kiến tán thành 6 bài học, đề nghị giữ 6 bài học, không bớt đi, ghép nhập hoặc nhắc lại thêm những bài học đã nêu ở các đại hội trước (như lấy dân làm gốc...); cũng chưa nêu những bài học sai lầm nhưng sẽ cần nhắc để bổ sung thêm ý cần tránh những khuynh hướng sai lầm trong các đoạn trình bày nội dung các bài học (chính diện).

- Đề nghị sửa lại tiêu đề bài học 2 theo phương án: “kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu, đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”.

Bỏ hai chữ “đổi lập” trong cụm từ “không chấp nhận đa nguyên, đa đảng đổi lập”.

Sửa lại câu “kinh tế thị trường có những mặt mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội” trong bài học 3 bằng câu “kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội”.

- Đề nghị giữ tiêu đề bài học 5 theo phương án: “Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”. Vì trong sức mạnh dân

tộc đã bao hàm sức mạnh truyền thống, cụm từ “sức mạnh thời đại” rõ ý hơn cụm từ “sức mạnh quốc tế”.

Tán thành bỏ câu “chung thủy với bạn bè, đồng chí” vì câu “trân trọng những quan hệ truyền thống” đã bao hàm ý trên mà lại tránh được hiểu lầm.

- Một số ý kiến, yêu cầu nói rõ thành tựu đổi mới ngày nay là dựa trên cơ sở phát huy thành quả xây dựng và bảo vệ đất nước của nhiều năm trước. Ý này thực ra đã được trình bày ở đoạn mở đầu của mục những bài học chủ yếu. Tuy nhiên, có thể trình bày rõ hơn như sau: “Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả phấn đấu gian khổ của nhân dân ta nhiều năm nay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là từ khi Đảng ta đề ra đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI”.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2000

1. Về bối cảnh chung

Số đông tán thành với cách trình bày tình hình thế giới với 5 đặc điểm và 5 xu thế chủ yếu, nhất trí với nhận định về thời cơ và nguy cơ.

Tuy nhiên, có một số ý kiến không đồng tình với nhận định về đặc điểm thứ nhất, xoay quanh tính chất của thời đại và các mâu thuẫn cơ bản của thế giới ngày nay.

- Về tính chất của thời đại, một số ý kiến cho rằng chưa nên nhận định “loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”. Cũng có ý kiến không tán

thành nhận định này vì cho rằng chỉ còn bốn nước xã hội chủ nghĩa mà quan hệ cũng phức tạp; trong bối cảnh thế giới đầy biến động và chứa đựng những yếu tố khó lường hết được cho nên chưa đủ điều kiện để khẳng định tính chất thời đại.

Về vấn đề này, Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 9 đã phân tích rõ.

Đúng là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu khiến phong trào cộng sản lâm vào thoái trào, làm cho cán cân lực lượng thay đổi bất lợi cho cách mạng. Đó là điều trong 45 năm qua chưa có. Nhưng có vì thế mà tính chất thời đại thay đổi không? Đảng ta khẳng định là không. Thời đại hiện nay vẫn là thời đại từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Nhận định như vậy là vì thời đại xuất hiện từ những điều kiện vật chất khách quan, trên cơ sở mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất ngày càng phát triển xét trên quy mô toàn thế giới... Ngày nay, những cơ sở vật chất và xã hội của thời đại mới ngày càng chín muồi. Việc chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thế thoái trào không hề làm thay đổi tính chất và nội dung của thời đại. Điều đó chỉ chứng tỏ rằng, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới không diễn ra trong một thời gian ngắn và theo một con đường thẳng tắp. Cũng như mọi thời đại khác trong lịch sử, nó có tiến, có thoái, quanh co, khúc khuỷu, nhưng cuối cùng loài người nhất định sẽ đi đến một xã hội tốt đẹp, văn minh, dân chủ, tiến bộ hơn chế độ tư bản chủ nghĩa, đó chính là chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đó là xu thế không thể đảo ngược của lịch sử.

Vì vậy, Bộ Chính trị thấy cần giữ lại ý đã viết trong dự

thảo Báo cáo chính trị: “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”.

- Về các mâu thuẫn cơ bản của thế giới, một số ý kiến cho rằng cách trình bày trong dự thảo giống như các văn kiện cách đây 40 năm, khi còn thời kỳ đối đầu, nêu như vậy e không phù hợp khi mà chiến tranh lạnh đã kết thúc, chủ nghĩa đế quốc có xu hướng đi tới liên minh chứ không phải là đi tới tiêu diệt lẫn nhau. Đánh giá thời đại và các mâu thuẫn như vậy sẽ gây khó khăn cho việc hoà nhập vào cộng đồng thế giới, hạn chế sự sáng tạo, thậm chí đẩy tới nguy cơ tụt hậu ngày càng xa cho đất nước Việt Nam ta.

Về vấn đề này, Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 9 cũng đã phân tích rõ.

Ngày nay, giữa một số nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản phát triển đã thiết lập quan hệ chính thức về mặt nhà nước, có quan hệ vừa hợp tác, vừa đấu tranh về nhiều mặt; mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày nay biểu hiện chủ yếu bằng “diễn biến hoà bình” và chống “diễn biến hoà bình”; tuy hình thức biểu hiện có khác trước nhưng cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn là cuộc đấu tranh rất quyết liệt.

Giữa lao động và tư bản, dù chủ nghĩa tư bản, với những lý do khác nhau, có điều chỉnh chính sách đối với người lao động thì sự điều chỉnh ấy cũng không hề làm giảm đi sự phân cực giữa giai cấp tư sản ngày càng giàu lên nhanh chóng và những người nghèo khổ ngày càng bần cùng mà

chính những người của thế giới tư bản đã phải gọi họ là “thế giới thứ tư” trong xã hội tư bản.

Mâu thuẫn giữa các dân tộc và các nước đang phát triển với chủ nghĩa đế quốc cũng đang diễn ra dưới nhiều hình thức: sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và nợ nần chồng chất của các nước phát triển, sự cách biệt giữa nước giàu và nước nghèo ngày càng tăng; sự bòn rút chất xám của các nước phát triển đối với các nước kém phát triển, v.v..

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau biểu hiện chủ yếu giữa ba trung tâm kinh tế, chính trị hàng đầu của chủ nghĩa tư bản, giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia,...

Nói giữa các nước tư bản có xu hướng liên minh với nhau là có phần đúng, song cũng phải thấy là giữa họ với nhau mâu thuẫn vẫn gay gắt, ba trung tâm tư bản chủ nghĩa vừa là đồng minh, vừa là đối thủ của nhau.

Bộ Chính trị đề nghị trong nội bộ, cần khẳng định được điều đó. Song trong văn bản công khai sẽ không liệt kê các mâu thuẫn nhưng vẫn giữ ý “các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới” (văn bản công bố trên báo ngày 10-4 đã xử lý theo tinh thần này).

- Về các xu thế, một số ý kiến đề nghị thêm xu thế này hoặc xu thế khác. Thí dụ: xu thế thế giới liên kết, đa phương hoá theo địa kinh tế, “khu vực hoá”; xu thế chuyên môn hoá và phân công lao động quốc tế ngày càng cao; xu thế các nước lớn đang tìm cách giữ vai trò lãnh đạo và chi phối đời sống quốc tế; xu thế các nước xã hội chủ nghĩa từng bước vượt qua thoái trào...

Những ý kiến này, có điểm đã được nêu lên trong phần

đặc điểm tình hình; có điểm đã bao hàm trong các xu thế được nêu trong dự thảo. Vì vậy, nên giữ 5 xu thế như đã trình bày trong dự thảo.

- Về thời cơ và thách thức, phần lớn ý kiến nhất trí với dự thảo.

Có ý kiến cho rằng văn kiện ghi 4 nguy cơ là chưa chính xác, vì những cái đó đã trở thành hiện thực chứ không chỉ là nguy cơ. Thật ra khi nói nguy cơ, không phải là nói cái chưa có mà là nói những cái đang diễn ra hoặc có thể diễn ra mà nếu không ngăn chặn được thì sẽ dẫn tới hậu quả nặng nề. Thí dụ: Nói nguy cơ “diễn biến hoà bình” thì không có nghĩa là các thế lực thù địch chưa tiến hành các âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, trái lại là chúng đã làm và đang làm, song nếu ta biết cách và kiên quyết chống lại thì nguy cơ đó sẽ không thể trở thành hiện thực chuyển hoá chế độ của chúng ta.

Một số ý kiến đồng ý rằng các nguy cơ đều có mối quan hệ và tác động lẫn nhau, đều nguy hiểm như nhau, không nên coi nhẹ nguy cơ nào. Nhưng trong tư tưởng chỉ đạo, cần phải thấy rõ lúc nào, nguy cơ nào lớn nhất để có thể tập trung sức ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ đó.

Có những ý kiến đề nghị nên xác định thứ tự các nguy cơ, trong đó có ý kiến muốn đưa nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế lên hàng đầu, hoặc ngược lại muốn đưa nguy cơ tham nhũng và suy thoái về phẩm chất đạo đức lên số 1.

Cũng có một số ý kiến muốn bổ sung thêm nguy cơ như: văn hoá xuống cấp; các thế lực đe dọa chủ quyền đất nước ở biên giới, hải đảo; không kiểm soát nổi kinh tế thị trường; mất bản sắc văn hoá dân tộc, v.v..

Những ý kiến này, trên thực tế đã được nêu lên và thảo luận ở Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương 9. Nội dung và thứ tự trình bày các nguy cơ như trong dự thảo là hợp lý.

2. Mục tiêu

Một số ý kiến cho rằng đến năm 2020 biến nước ta thành một nước công nghiệp là không thực hiện được vì dù tốc độ tăng trưởng liên tục 10%/năm thì đến năm 2020, nước ta cũng chỉ tương đương với trình độ Malaixia hiện nay, trong khi đó Malaixia cũng đặt chương trình phấn đấu đến năm 2020 trở thành một nước công nghiệp. GDP bình quân đầu người tăng từ 8 - 10 lần so với năm 1990 thì kinh tế tăng trưởng 14 - 18 lần là tốc độ không thể đạt được. Ngược lại, một số ý kiến cho rằng chỉ cần đến năm 2010 hoặc năm 2015 là có thể đưa nước ta thành nước công nghiệp.

Một số ý kiến cho rằng đến năm 2000, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển là không thực tế vì thời gian chỉ còn bốn năm nữa, xuất phát điểm của ta quá thấp. Hoặc đến năm 2000, dù GDP có tăng gấp đôi năm 1990 thì ta vẫn chưa vượt qua tình trạng nước nghèo (Liên hợp quốc đề ra 500 đôla vẫn là nước nghèo). Một số ý kiến lại cho rằng đến năm 2000, GDP bình quân tăng gấp đôi là thấp, nên lựa chọn tăng trưởng cao để tạo sức bật mới, không nên sợ nền kinh tế “nóng” mà dậm ra chậm chạp.

Những ý kiến khác nhau nêu trên đều là những ý kiến đã được trình bày trước đây, Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương 9 cũng đã thảo luận và đi đến kết luận như đã viết trong dự thảo.

Có những ý kiến trái ngược nhau về tốc độ tăng trưởng,

về vị trí so sánh giữa nước ta và các nước là do nhiều nguyên nhân, mà một nguyên nhân quan trọng là do cách tính GDP có nhiều nhược điểm: Giá trị của USD biến động qua nhiều thời kỳ (thí dụ trước 1971 thì 35 USD mua được 1 lạng vàng, sau 1971 là trên 200 USD mới mua được 1 lạng, những năm gần đây ở mức 400 USD/1 lạng vàng); giá cả thế giới cũng biến động nhiều; mặt bằng giá cả ở mỗi nước và qua các thời kỳ cũng rất khác nhau; có những hoạt động kinh tế ở nước này thì tính vào GDP, ở nước khác lại không tính, v.v..

Vì vậy, không nên quá câu nệ về con số GDP theo đầu người tính bằng USD. Nếu đến năm 2000, ta tăng được GDP đầu người gấp đôi so với mức thực tế đã đạt được năm 1990, thì nước ta đã có một bước phát triển rất đáng kể về kinh tế - xã hội, có thể nói là đã ra khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển.

Nếu đến năm 2020, Việt Nam tăng được GDP thực tế bình quân đầu người 8 - 10 lần so với năm 1990, thì tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm phải là 9 - 10% trở lên, bình quân đầu người hàng năm phải là 7 - 8% liên tục trong 30 năm. Tốc độ đó là bằng hoặc cao hơn tốc độ mà các con rồng châu Á đã đạt được, các nước này từ một trình độ phát triển tương đương trình độ nước ta hiện nay, sau hai, ba thập kỷ đã trở thành nước công nghiệp mới, đang vươn tới những nước công nghiệp phát triển (năm 1995, Xingapo đã được công nhận là nước công nghiệp phát triển).

Về hai vấn đề thuộc về khái niệm hoặc thuật ngữ đã nêu trong phần mục tiêu “Vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển” và “biến nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp”, bản trình bày của Bộ Chính trị về những ý

kiến thảo luận tại Hội nghị Trung ương 9 đã làm sáng tỏ. Phần giải trình về Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 sẽ nói rõ thêm.

Phần thứ ba

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU**

**I- PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ
THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

1. Về quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Đa số nhất trí với quan điểm nêu trong văn kiện.
- Một số ý kiến đề nghị làm rõ thêm khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá; cho rằng nói như dự thảo chưa có sự đổi mới so với trước đây; cần đề cập xu thế phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại..

Dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII đã trình bày khá rõ về khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nêu bật các mục tiêu, nội dung, con đường cũng là một số nét về mô hình công nghiệp hoá ở nước ta như: xây dựng nền kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu có hiệu quả; công nghiệp hoá là sự nghiệp của toàn dân, của nhiều thành phần kinh tế; lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển...; đặc biệt là đã xác định khoa học và công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá tức là gắn chặt

công nghiệp hoá với hiện đại hoá trên cơ sở tiến bộ khoa học và công nghệ. Đây là kết quả của việc đúc kết kinh nghiệm thực tiễn ở nước ta và tham khảo vận dụng kinh nghiệm của thế giới trong lĩnh vực này để tìm ra mô hình phát triển phù hợp với nước ta trong giai đoạn mới. Như vậy là có đổi mới nhiều so với trước.

- Có ý kiến muốn giải thích vì sao nói công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có ý kiến cho rằng không cần nêu định hướng xã hội chủ nghĩa ở đây vì vấn đề này bao trùm mọi lĩnh vực chứ không riêng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có ý kiến băn khoăn làm sao giữ được độc lập tự chủ, trong khi cần tranh thủ nhiều vốn bên ngoài. Có ý kiến đề nghị thêm quan điểm: “phải dựa vào nguồn lực trong nước là chủ yếu, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài”.

Bộ Chính trị cho rằng có công nghiệp hoá tư bản chủ nghĩa và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Hai kiểu công nghiệp hoá này khác nhau về bản chất. Do đó cần nói rõ công nghiệp hoá, hiện đại hoá của ta phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nói công nghiệp hoá phải giữ vững độc lập tự chủ là cần thiết, nhất là khi chúng ta xây dựng một nền kinh tế mở. Nội dung giữ vững độc lập tự chủ ở đây có nhiều mặt như xây dựng cơ cấu kinh tế vừa bảo đảm hiệu quả, vừa có khả năng bảo đảm sự ổn định vững vàng của nền kinh tế trước những diễn biến phức tạp của quan hệ quốc tế, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Kết hợp phát triển kinh tế với yêu cầu củng cố quốc phòng, an ninh... Việc tranh thủ tối đa nguồn vốn bên ngoài là cần thiết. Nếu sử

dụng vốn bên ngoài có hiệu quả đồng thời ra sức huy động được các nguồn lực bên trong, lấy nguồn lực bên trong làm chính thì vẫn giữ vững được độc lập tự chủ.

2. Về nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90

- Đa số đồng tình với nội dung đã nêu trong văn kiện.

- Có ý kiến cho rằng dự thảo nêu nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chung chung, trình bày về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn còn sơ sài; bản khoản về khả năng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Bộ Chính trị cho rằng dự thảo đã xác định khá rõ những nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90, chỉ ra bước đi, mức độ phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế. Báo cáo kế hoạch 5 năm sẽ cụ thể hoá nội dung này; Báo cáo chính trị không cần viết quá chi tiết.

Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn là vấn đề rất quan trọng. Bộ Chính trị tán thành cần làm rõ hơn nội dung này và đề nghị bổ sung thêm một số điểm sau đây:

+ Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hoá nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước.

+ Thực hiện từng bước thủy lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá...

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản từ thô đến tinh với công nghệ ngày càng nâng cao.

+ Phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề mới hiện đại, bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp tại chỗ và cả nguồn nguyên liệu từ nơi khác đến...

+ Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước tạo bộ mặt nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Có ý kiến đề nghị cần cụ thể hoá thêm một số định hướng, mô hình đối với từng vùng lãnh thổ; công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có trọng tâm, trọng điểm, khai thác các thế mạnh và tạo ra mũi nhọn kinh tế..., đi nhanh vào một số lĩnh vực mới về dịch vụ, thông tin, máy tính, công nghệ cao... Một số ý kiến nhấn mạnh phát triển các vùng có thuận lợi trước để tăng tích lũy, hỗ trợ các vùng khác; có ý kiến lại đề nghị đầu tư mạnh cho khu vực miền Trung; đầu tư thêm cho các vùng bị thiên tai, miền núi, vùng khó khăn.

Về mối quan hệ giữa các vùng, giải trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 9 và dự thảo văn kiện trình Đại hội cũng đã nêu rõ trong khi tập trung ở mức cần thiết cho các vùng trọng điểm (khoảng 30% về vốn đầu tư từ ngân sách), cần chú ý đầu tư cho các vùng khác (khoảng 70% vốn đầu tư từ ngân sách), nhất là các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có nhiều khó khăn, không để có sự chênh lệch quá lớn về tốc độ tăng trưởng và tiến tới thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Về việc lựa chọn các ngành mũi nhọn, trong dự thảo đã nêu ra 5 ngành là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản,

khai thác và chế biến dầu - khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Một số ý kiến đề nghị chỉ nêu 3 ngành dầu - khí, công nghiệp điện tử, du lịch; có ý kiến lại nêu thêm công nghiệp luyện kim. Bộ Chính trị cho rằng việc nêu ra 5 ngành như trong dự thảo là hợp lý, phản ánh đúng nhu cầu và khả năng của ta trong giai đoạn mới. Đồng thời trong khi ưu tiên phát triển hoặc tạo tiền đề cho các ngành mũi nhọn, chúng ta vẫn không xem nhẹ một số ngành quan trọng khác như công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, đặc biệt là hàng tiêu dùng xuất khẩu (may mặc, dệt, da giày...), công nghiệp sản xuất một số vật liệu cơ bản như xi măng, hoá chất, thép...

3. Về các lĩnh vực cụ thể

- Đa số ý kiến đồng tình như dự thảo.
- Một số ý kiến góp cụ thể về mục tiêu, chỉ tiêu. Phần giải trình về Báo cáo kế hoạch 5 năm sẽ làm rõ.
- Có ý kiến đề nghị Nhà nước trợ giúp nông dân, nông thôn về tìm thị trường, cho vay vốn, đầu tư nghiên cứu khoa học - công nghệ, phát triển công nghiệp nông thôn, cơ giới hoá sản xuất. Từng bước giảm dần và xoá hẳn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Bộ Chính trị thấy rằng về vấn đề Nhà nước trợ giúp nông dân và nông thôn đã được nói nhiều trong dự thảo, tuy vậy sẽ cố gắng làm rõ thêm. Chưa nên thực hiện xoá thuế nông nghiệp vì Nhà nước cần thu thuế nông nghiệp để có tiền đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, nhất là cho các vùng nghèo. Thuế nông nghiệp hiện nay cũng còn là một nguồn quan trọng cho ngân sách xã và ngân sách địa phương nói chung.

- Một số ý kiến cho rằng mục tiêu tiến tới thăng bằng xuất nhập khẩu năm 2000 là khó thực hiện.

Bộ Chính trị cho rằng trong quá trình phát triển, chúng ta cần phấn đấu từng bước làm lành mạnh cán cân thương mại, giảm dần nhập siêu bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu, ưu tiên nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất được và hàng tiêu dùng chưa thiết yếu. Tuy nhiên, từ nay đến năm 2000, do phải nhập thiết bị, vật tư cho nhiều công trình vay vốn và liên doanh với bên ngoài mà chưa cho ngay sản phẩm để xuất khẩu, cho nên vẫn phải có một phần nhập siêu cần thiết. Vì vậy, dự thảo văn kiện chỉ cần viết: “Giảm dần nhập siêu”, không viết “tiến tới thăng bằng xuất - nhập”.

II- VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

- Một số ý kiến đề nghị phân chia nền kinh tế thành ba khu vực: kinh tế nhà nước (sở hữu nhà nước); kinh tế tư nhân (sở hữu tư nhân) và kinh tế hợp tác (sở hữu hợp tác). Một số ý kiến đề nghị làm rõ hơn nội dung các hình thức kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước.

Bộ Chính trị cho rằng đem gộp kinh tế cá thể, tiểu chủ với kinh tế tư bản tư nhân làm một là không thỏa đáng, vì một bên là hoạt động kinh tế hoàn toàn hoặc chủ yếu dựa vào sự tham gia lao động trực tiếp của người chủ tư liệu sản xuất, còn một bên lại chủ yếu dựa vào lao động làm thuê.

Cũng không thể bỏ qua thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Đây là một thành phần kinh tế quan trọng trong thời

kỳ quá độ mà Nhà nước dùng để dẫn dắt tư bản tư nhân đi theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo chính trị phân định 5 thành phần theo Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9 là: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Việc phân định này lấy quan hệ sản xuất, mà chủ yếu là quan hệ sở hữu, làm căn cứ. Tuy cũng còn một số điểm cần tiếp tục làm rõ hơn, nhưng sự phân định đó phản ánh được bản chất kinh tế - xã hội của mỗi thành phần, là cơ sở để hoạch định các chính sách, chủ trương thích hợp. Bộ Chính trị đề nghị cho giữ như dự thảo.

Do khuôn khổ có hạn, việc làm rõ nội dung từng thành phần không thể đưa vào Báo cáo. Nếu cần sẽ trình bày trong các văn bản khác.

- Về thành phần kinh tế nhà nước, đa số ý kiến cho rằng viết như dự thảo là tương đối đầy đủ và đúng quan điểm. Một số ý kiến góp thêm các giải pháp cụ thể, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo đưa vào chương trình đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ.

+ Có ý kiến băn khoăn với chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, vì coi cổ phần hoá đồng nghĩa với giảm dần doanh nghiệp nhà nước, đồng nghĩa với tư nhân hoá.

Mặc dù dự thảo đã viết “cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, chứ không phải để tư nhân hoá”, song băn khoăn trên đây không phải không có căn cứ. Bởi vì, có kiểu cổ phần hoá - tư nhân hoá, tức là đem chia tài sản nhà nước cho tư nhân, xoá bỏ hoặc thu hẹp sở hữu nhà nước. Còn cổ phần hoá mà Đảng ta chủ trương là hoàn toàn khác.

Cổ phần hoá là sự huy động thêm vốn của các tổ chức và cá nhân, để tăng thêm tổng vốn đầu tư vào một doanh nghiệp do nhu cầu phát triển (trong trường hợp gọi thêm cổ phần); hoặc là chuyển một phần vốn Nhà nước đầu tư trước đây vào doanh nghiệp thành vốn của cá nhân hay tổ chức khác, dùng tiền thu được đầu tư vào ngành hay lĩnh vực khác cần thiết hơn cho vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (trong trường hợp bán bớt cổ phần). Như vậy, cổ phần hoá không phải trường hợp nào cũng dẫn tới giảm bớt khối lượng vốn của Nhà nước tại mỗi doanh nghiệp nhất định, hoặc nếu có làm giảm vốn Nhà nước tại một doanh nghiệp nào đó thì toàn bộ nguồn vốn thuộc sở hữu nhà nước vẫn không giảm. Hơn nữa nhờ cổ phần hoá mà vốn Nhà nước được phân bổ lại hợp lý hơn, và tạo được động lực thúc đẩy bên trong, nên kinh tế nhà nước sẽ hoạt động có hiệu quả hơn, tài sản nhà nước sẽ ngày càng tăng thêm.

Xuất phát từ quan niệm như vậy, và để diễn đạt rõ ý hơn, Bộ Chính trị đề nghị cho bổ sung vào đoạn cổ phần hoá hai ý:

1- Cổ phần hoá phải làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng thêm;

2- Tiền huy động được (do gọi thêm cổ phần hay bán bớt cổ phần) phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Về kinh tế hợp tác: Đa số ý kiến tán thành về cơ bản với nội dung chính sách nêu trong dự thảo.

+ Nhiều ý kiến băn khoăn về tên gọi kinh tế hợp tác, đề nghị nên gọi là kinh tế hợp tác xã hay kinh tế tập thể.

Kinh tế hợp tác mà dự thảo nêu ra được hiểu là tập hợp những tổ chức hợp tác sản xuất, kinh doanh nhất định, chứ không phải chỉ có hợp tác xã. Mặc dù hợp tác xã là hình thức

tổ chức cơ bản, nhưng quá trình chuyển đổi hợp tác xã kiểu cũ và hình thành hợp tác xã kiểu mới đang diễn ra. Trên thực tế, đang và sẽ phát triển các loại tổ nhóm hợp tác, với nhiều hình thức và trình độ hợp tác khác nhau, chưa phải là các hợp tác xã. Nếu gọi thành phần này là kinh tế hợp tác xã sẽ không bao quát được các loại hình tổ chức hợp tác khác đang tồn tại và phát triển.

Trong các loại hình hợp tác xã, mức độ tập thể hoá tư liệu sản xuất và việc tổ chức lao động tập thể cũng rất khác nhau, cho nên gọi kinh tế hợp tác phù hợp hơn cách gọi khái quát kinh tế tập thể. Bộ Chính trị đề nghị cho giữ tên gọi là kinh tế hợp tác.

+ Có ý kiến đề nghị cần nói rõ thêm các chính sách nhằm khuyến khích kinh tế hợp tác; sửa lại phần viết này cho phù hợp với Luật hợp tác xã; các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cần tăng cường công tác tuyên truyền vận động và có biện pháp giúp đỡ các hộ kinh tế cá thể, tiểu chủ thành lập hợp tác xã...

Bộ Chính trị thấy cần tiếp thu các ý kiến đó và sẽ bổ sung chỉnh lý phần này theo hướng trên khi sửa lại văn bản.

- Về kinh tế cá thể, tiểu chủ.

+ Có ý kiến đề nghị cần làm rõ quan điểm “hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể, tiểu chủ từng bước đi vào làm ăn hợp tác...” có gì khác với quan điểm hợp tác hoá trước đây. Mặc dù dự thảo đã khẳng định “tiềm năng to lớn, vị trí quan trọng lâu dài” của thành phần này; và nói rõ “hướng dẫn vận động kinh tế cá thể, tiểu chủ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện”, song Bộ Chính trị sẽ cân nhắc đến các ý kiến trên khi sửa văn bản, chỉnh lại câu chữ cho chính xác, tránh hiểu nhầm.

Có ý kiến đề nghị “cần có chính sách ưu đãi cụ thể để khuyến khích kinh tế hộ gia đình và kinh tế gia đình phát triển, nhất là chính sách bảo đảm thị trường giá cả đối với nông sản...”. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý này và sẽ tìm cách thể hiện vào văn bản.

- Về kinh tế tư bản tư nhân.

+ Có ý kiến đề nghị cần khẳng định kinh tế tư bản tư nhân tồn tại trong thời gian nào để các nhà doanh nghiệp an tâm đầu tư.

Mặc dầu trong dự thảo đã có viết ý này ở phần định hướng, song để làm rõ hơn quan điểm của Đảng là không coi nhẹ vai trò của thành phần này và chấp nhận sự tồn tại lâu dài của kinh tế tư bản tư nhân, Bộ Chính trị đề nghị diễn đạt lại vấn đề này như sau: “kinh tế tư bản tư nhân có đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Khuyến khích các nhà tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài” (những chữ gạch chân là mới thêm vào).

+ Một số ý kiến đề nghị Nhà nước cần quản lý chặt chẽ kinh tế tư bản tư nhân, tránh sự lũng đoạn, hướng hoạt động của các thành phần này theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn kinh tế tư bản tư nhân chuyển hoá thành lực lượng đối trọng về kinh tế và chính trị với Nhà nước.

Để làm rõ hơn quan điểm, chủ trương của Đảng đối với thành phần tư bản tư nhân và thành phần tư bản nhà nước, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương thảo luận, cho ý kiến về một số vấn đề sau đây:

- Hiện nay, chúng ta đã có vài vạn doanh nghiệp tư bản tư nhân. Đánh giá những đóng góp tích cực và những mặt tiêu cực của tư bản tư nhân vừa qua thế nào cho đúng?

Với đà phát triển này, trong thời gian tới số lượng doanh nghiệp tư bản tư nhân có thể lên đến hàng chục vạn, trở thành một lực lượng kinh tế và chính trị. Chúng ta có cần đặt vấn đề kiểm chế mức độ và quy mô phát triển của thành phần này hay không? Nếu kiểm chế thì kiểm chế bằng cách nào?

- Trong văn kiện Đại hội VII, chúng ta chủ trương “khuyến khích tư bản tư nhân phát triển không hạn chế về quy mô và số lượng thuê mướn nhân công trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm”. Đối chiếu với thực tiễn vừa qua và xu thế phát triển tới đây, liệu chủ trương đó có còn thích hợp không; có cần điều chỉnh gì không?

- Ta chủ trương đẩy mạnh liên doanh - liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân, nhằm hướng họ đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội thông qua con đường tư bản nhà nước. Làm thế nào để thực hiện được chủ trương đó? Lấy các nguồn lực gì, ở đâu, bằng cách nào mà tiến hành liên doanh liên kết với tư bản tư nhân? Nên phát triển liên doanh liên kết giữa Nhà nước với đại bộ phận các doanh nghiệp tư nhân, hay chỉ tập trung vào một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, vào những doanh nghiệp tư nhân lớn, quan trọng? Vấn đề tư bản tư nhân trong nước liên kết với tư bản nước ngoài?

- Về kinh tế tư bản nhà nước.

+ Đa số ý kiến đồng tình với dự thảo.

+ Một số ý kiến đề nghị coi kinh tế tư bản nhà nước là một bộ phận của kinh tế nhà nước.

Bộ Chính trị cho rằng hai thành phần này vẫn có sự khác biệt về bản chất. Kinh tế nhà nước bao gồm những doanh nghiệp mà Nhà nước nắm 100% vốn hoặc ít nhất cũng nắm tỷ

lệ cổ phần chi phối, hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước. Còn kinh tế tư bản nhà nước gồm những hình thức hợp tác - liên doanh giữa Nhà nước với tư bản tư nhân, song cổ phần của Nhà nước chưa đạt tới mức chi phối. Kinh tế tư bản nhà nước hoạt động theo Luật công ty cổ phần, Luật doanh nghiệp tư nhân hoặc các quy định luật pháp khác. Vì vậy không nên gộp kinh tế tư bản nhà nước là một bộ phận của kinh tế nhà nước.

+ Có ý kiến đưa thêm hình thức tô nhượng, đấu thầu, cho thuê vào kinh tế tư bản nhà nước.

Có thể việc dùng chữ liên doanh dẫn đến hiểu nhầm là dự thảo đã không coi các hình thức tô nhượng, đấu thầu, cho thuê cũng là một dạng kinh tế tư bản nhà nước. Do đó, Bộ Chính trị đề nghị chỉnh lý lại định nghĩa về kinh tế tư bản nhà nước như sau: “kinh tế tư bản nhà nước bao gồm các hình thức hợp tác - liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác - liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài”.

+ Có ý kiến đề nghị Nhà nước cần có chính sách bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động trong các liên doanh với nước ngoài.

Bộ Chính trị tán thành và đề nghị thêm câu “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài” vào cuối phần này.

III- VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Phần đông ý kiến nhất trí với dự thảo. Có một số ý kiến đề nghị bổ sung, làm rõ thêm một số vấn đề như:

- Làm lành mạnh thị trường, hoàn thiện hệ thống giá cả, hình thành thị trường sức lao động có tổ chức, quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường nhà cửa, tiếp tục cải cách chế độ tiền lương.

- Khái quát yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế.

- Đổi mới bộ máy làm kế hoạch và phương pháp xây dựng kế hoạch, tránh trùng chéo, bớt trung gian trong quá trình xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch; xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch theo hướng cạnh tranh, không để độc quyền.

- Nói rõ hơn chủ trương bồi dưỡng nguồn thu lâu dài, ổn định chính sách thuế, khuyến khích và trợ giá những mặt hàng thiết yếu, chú trọng quản lý ngân sách nhà nước, có chính sách quản lý để tiến tới chỉ sử dụng đồng tiền Việt Nam lưu thông trong nước.

- Xác định rõ ba quyền lập pháp, tư pháp, hành pháp về kinh tế và trách nhiệm của bốn cấp chính quyền trong quản lý kinh tế nhà nước.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu một số ý kiến trên đây để bổ sung vào các phần tương ứng trong dự thảo Báo cáo chính trị.

- Có ý kiến đề nghị nêu nội dung khái niệm “thị trường xã hội chủ nghĩa” hoặc “thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Bộ Chính trị cho rằng để diễn đạt đầy đủ thì nên sử dụng cả cụm từ “phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Còn khi cần nói tắt thì nên dùng cách nói “thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” vì nó vừa nêu lên cái đích cuối cùng mà ta định hướng tới,

vừa thể hiện được đặc trưng quá độ trung gian của sự phát triển thị trường ở nước ta hiện nay.

- Về đất đai và thị trường nhà cửa, đề nghị giữ nguyên ý: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hoá, không cho phép mua bán đất đai. Thực hiện đúng Luật đất đai”, vì đây là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

- Về chủ trương “hình thành thị trường sức lao động có tổ chức”, dự thảo Báo cáo chính trị đã nói rõ những đặc trưng mang sắc thái xã hội chủ nghĩa của thị trường sức lao động ở nước ta, đặc biệt là về vai trò của Nhà nước, về sự cần thiết phải có những chính sách bảo vệ lợi ích của người lao động làm việc ở mọi thành phần kinh tế... Để thể hiện tính chủ động, tự giác trong việc hình thành và phát triển thị trường sức lao động, đề nghị sửa lại tiêu đề mục này là: “Tổ chức tốt thị trường sức lao động”.

- Về vấn đề cạnh tranh và độc quyền, có ý kiến không đồng ý với chủ trương thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, lĩnh vực cần thiết. Về vấn đề này dự thảo Báo cáo chính trị đã viết “cạnh tranh lành mạnh bằng những phương pháp, biện pháp văn minh, hợp pháp; đi liền với tăng cường hợp tác để nâng cao hiệu quả. Thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường”. Bộ Chính trị đề nghị vẫn giữ nguyên như dự thảo, vì độc quyền nhà nước là cần thiết đối với một số ngành, lĩnh vực như: thuốc nổ, khai thác một số mỏ lớn, sản xuất và kinh doanh một số loại dược phẩm, một số mặt hàng xuất khẩu...

IV- VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Về khoa học và công nghệ

Đa số ý kiến thống nhất với dự thảo văn kiện về phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới. Những ý kiến khác liên quan đến nội dung của dự thảo có thể chia làm mấy loại sau đây:

- Một số ý kiến đề nghị sửa lại một số câu chữ cụ thể để phần này phản ánh được các nội dung một cách rõ ràng hơn, chính xác hơn.

Đề nghị tiếp thu để hoàn chỉnh bản dự thảo.

- Một số ý kiến cho rằng dự thảo văn kiện còn quá chung chung, còn mang tính kỳ vọng, còn chưa đúng tâm, v.v. nhưng không góp ý sửa cụ thể.

Dự thảo Báo cáo chính trị lần này đã cố gắng đề ra những phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển khoa học và công nghệ một cách cô đọng, nhưng tương đối toàn diện. Trong quá trình tu sửa, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tranh thủ thêm ý kiến của các cơ quan chức năng, các nhà khoa học để viết cụ thể hơn.

- Có ý kiến đề nghị ghi rõ mức đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ trong Báo cáo chính trị.

Nghị quyết của Bộ Chính trị số 26-NQ/TW, ngày 30-3-1991 về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới đã ghi: “tăng mạnh đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn. Dành một tỷ lệ cao hơn trong ngân sách nhà nước cho kinh phí sự nghiệp khoa học (ít nhất 2% ngân sách hàng năm)”.

Tuy nhiên, thực tế đầu tư trong giai đoạn 1991 - 1995 cho khoa học và công nghệ chỉ đạt trung bình 0,91% chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do: Việc đầu tư tài chính cho khoa học công nghệ hầu như chỉ dựa vào ngân sách nhà nước, mà ngân sách thì còn eo hẹp, bội chi ngân sách hàng năm còn lớn. Chúng ta chưa có chính sách thỏa đáng để huy động nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ từ các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn và từ các nguồn khác. Mặt khác, lại có tình trạng sử dụng kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học kém hiệu quả và lãng phí. Không ít đề tài chi tiêu tốn kém nhưng chưa mang lại kết quả thiết thực. Hoạt động của một số cơ quan, tổ chức khoa học chưa có đóng góp rõ rệt đối với sản xuất và đời sống.

Bộ Chính trị đề nghị Chính phủ xem xét cụ thể để tập trung kinh phí cho những hoạt động khoa học và công nghệ, những chương trình dự án thật sự cần thiết, mang lại hiệu quả thiết thực; ban hành các cơ chế, chính sách huy động thêm nguồn lực không thuộc ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ, sẽ nâng dần mức đầu tư của ngân sách cho khoa học và công nghệ, song không ghi chỉ tiêu đầu tư cụ thể vào văn kiện.

- Nhiều ý kiến đề nghị có những chính sách, cơ chế cụ thể, thỏa đáng để phát huy được tiềm năng to lớn của đội ngũ khoa học công nghệ, như chế độ lương thưởng thích đáng; có các biện pháp kiên quyết để sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu; có chính sách kiểm soát các công nghệ nhập v.v..

Báo cáo chính trị đã đề cập tới những vấn đề này, song sẽ nghiên cứu bổ sung những ý cần thiết trong quá trình tu chỉnh.

2. Về giáo dục và đào tạo

Nhiều ý kiến cho rằng phần này mới nêu các chỉ tiêu, chứ chưa nêu được tư tưởng chiến lược về giáo dục. Có ý kiến cho rằng, trong những năm qua giáo dục tăng trưởng khá, nhưng chất lượng của các bậc học còn thấp, nhất là chất lượng giáo dục chính trị - đạo đức. Có ý kiến nhận định, giáo dục và đào tạo chỉ làm được một số mặt bề nổi, thực chất thì xuống cấp toàn diện. Ngược lại, nhiều ý kiến của cán bộ trong ngành giáo dục lại cho rằng giáo dục đã vượt qua giai đoạn xuống cấp tuy còn nhiều tiêu cực, yếu kém.

- Một số ý kiến băn khoăn về tính khả thi của mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Nhất là đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa. Một số ý kiến lại cho rằng chỉ phổ cập trung học cơ sở ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung là thấp so với yêu cầu công nghiệp hoá mà nên rộng đến các trung tâm của tỉnh, huyện và những nơi có điều kiện.

- Nhiều ý kiến tham gia về các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục những yếu kém, tiêu cực hiện nay trong ngành giáo dục.

Một số ý kiến đề nghị đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong giáo dục. Nhà nước cần có chính sách ưu tiên vốn, tài chính cho việc xây dựng, nâng cấp trường học ở miền núi, vùng nông thôn.

- Số đông ý kiến cho rằng, tỷ lệ đầu tư cho giáo dục hiện nay quá thấp, không tương xứng với vị trí và tầm quan trọng của đào tạo và giáo dục là quốc sách hàng đầu. 16 tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương đề nghị nâng ngay tỷ lệ đầu tư cho giáo dục cao hơn và mức đầu tư vào năm 2000 là khoảng 6 - 8% GDP. Có ý kiến đề nghị 15%.

Kiến nghị tiếp thu:

Nhận định thực trạng giáo dục, đào tạo của nước ta hiện nay thế nào cho đúng, có còn tình trạng xuống cấp không; những phương hướng cơ bản về xây dựng hệ thống giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay đã đúng chưa, thực hiện những phương hướng ấy có bảo đảm sự nghiệp giáo dục, đào tạo nước ta đáp ứng được yêu cầu xây dựng - bảo vệ đất nước hay không. Đó là những vấn đề lớn mà nhiều người còn rất băn khoăn, cần được xem xét rất nghiêm túc để có kết luận chính xác làm căn cứ đề ra chiến lược lâu dài về phát triển giáo dục, đào tạo.

Trong khi chờ đợi những việc nói trên, đề nghị tiếp thu những ý kiến về phần này như sau:

- Xác nhận những ý kiến lo lắng về học hiện nay thấp là xác đáng. Sẽ thể hiện rõ hơn ý chất lượng ở nhiều bậc học, ngành học hiện nay còn thấp trong mục nêu những khuyết điểm yếu kém về tình hình xã hội ở phần thứ nhất của dự thảo Báo cáo chính trị.

- Thay các chữ “tình trạng xuống cấp” bằng cụm từ “những tiêu cực, yếu kém” trong đoạn “có chính sách và biện pháp kiên quyết ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong giáo dục và đào tạo”. Chọn lọc để tiếp thu, bổ sung một số ý về những việc cụ thể cấp bách cần làm nhằm mục đích này.

- Giữ những mục tiêu đã nêu về giáo dục, đào tạo; phần đầu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

- Về những đề nghị về cơ chế, chính sách cụ thể, phần lớn đã được đề cập trong dự thảo Báo cáo chính trị. Sẽ soát xét để chọn lọc, bổ sung những ý kiến xác đáng.

Đề nghị giao cho Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu về đề nghị nâng mức đầu tư cho giáo dục

đến năm 2000 lên 6 - 8% GDP để có cơ sở xem xét ghi vào văn kiện Đại hội.

- Bổ sung vào dự thảo tổng kết công tác cải cách giáo dục và xây dựng chiến lược phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

V- XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Các bản góp ý kiến, nói chung nhất trí với dự thảo. Có một số ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi một số điểm như sau:

- Về mục tiêu xây dựng nền văn hoá: Dự thảo viết “mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ trước mắt và lâu dài phải nhằm xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Một số ý kiến cho là cách viết này là trừu tượng, không rõ nội dung, không chuẩn xác. Nên viết như Hiến pháp là: “Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hoá Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn”.

Về vấn đề này, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã có thảo luận và đi đến kết luận rằng công thức “xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã được nêu lên tại Đại hội VII và đó là cách viết chính xác. Vì bản thân văn hoá đã chứa đựng nội dung nhân văn. Còn chữ tiên tiến thì đã bao hàm ý hiện đại. Vì vậy, xin giữ cách viết như dự thảo.

- Về nhiệm vụ và nội dung văn hoá, một số ý kiến đề nghị:

+ Bổ sung thêm ý: “xây dựng môi trường văn hoá” vào câu xác định nhiệm vụ trung tâm của văn hoá, văn nghệ.

+ Làm rõ các nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống, giáo dục thế hệ trẻ từ trong gia đình, giữ gìn bản sắc

dân tộc, nhớ về cội nguồn, sống có lòng nhân ái, vị tha; phát huy truyền thống dân tộc: yêu nước, yêu người, đoàn kết, hoà hợp dân tộc...

+ Sửa lại câu “ý thức về cội nguồn” thành “ý thức về lịch sử đời sống văn hoá cộng đồng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam”.

+ Nói “phát triển mạng lưới thông tin... qua đó nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân” là chưa đủ, cần nói cái lớn hơn cần đạt được là nâng cao dân trí, xây dựng lòng tin vào chế độ mới, hình thành những chuẩn mực đạo đức trong xã hội, xây dựng đạo đức cách mạng...

+ Về nội dung “xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ và hạnh phúc...”, có ý kiến đề nghị bỏ chữ no ấm. Có ý kiến khác đề nghị thêm chữ hoà thuận...

Về những ý nêu trên, đề nghị chỉ tiếp thu một số điểm hợp lý để bổ sung vào dự thảo.

- Về lãnh đạo và quản lý hoạt động văn hoá, một số ý kiến đề nghị:

+ Cần hoạch định chiến lược và những giải pháp cơ bản để nâng cao đời sống văn hoá, bản sắc dân tộc trong nhân dân.

+ Coi trọng pháp lý văn hoá. Xây dựng Luật văn hoá, Luật xuất nhập khẩu sản phẩm văn hoá...

+ Xây dựng những tiêu chí cơ bản về lối sống văn hoá, có mô hình về ăn mặc, lễ hội, lễ nhạc, cưới hỏi, ma chay... để hướng dẫn chỉ đạo nhân dân thực hiện.

+ Chú trọng đầu tư cho văn hoá, đầu tư cho đào tạo con người.

+ Đổi mới phương thức quản lý lĩnh vực văn hoá, thông tin. Không đóng cửa nhưng không mở toang.

+ Lập Hội đồng văn hoá nghệ thuật để tập hợp trí tuệ hỗ trợ cho Đảng và Nhà nước.

Bộ Chính trị đề nghị chọn lọc bổ sung một số ý trên đây vào dự thảo.

VI- VỀ CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

- Đa số các ý kiến thống nhất với dự thảo.

- Có nhiều ý kiến kiến nghị những chính sách cụ thể thuộc phạm vi triển khai sau Đại hội và điều hành của Nhà nước.

- Một số ý kiến cho rằng cần đề cập cả những vấn đề giáo dục, dân tộc, tôn giáo, chống tham nhũng vào phần này.

Bộ Chính trị cho rằng các vấn đề xã hội có nội dung rộng, liên quan mật thiết với nhiều lĩnh vực, ở phần này chỉ tập trung đề cập đến chính sách đối với một số vấn đề xã hội nhất định.

Các vấn đề giáo dục và đào tạo, dân tộc, tôn giáo, chống tham nhũng... đều là những vấn đề xã hội quan trọng. Song nếu trình bày ở các phần khác sẽ thích hợp hơn. Ví dụ vấn đề giáo dục và đào tạo, được trình bày trong cùng một mục với khoa học và công nghệ để thể hiện rõ tư tưởng coi những lĩnh vực này là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá và của phát triển đất nước nói chung; các vấn đề dân tộc, tôn giáo trình bày ở mục đại đoàn kết dân tộc (mục IX); vấn đề chống tham nhũng đặt trong vấn đề xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh (mục X)... Kết cấu như vậy là hợp lý, Bộ Chính trị đề nghị cho giữ như dự thảo.

- Có ý kiến đề nghị nên tạo điều kiện và khuyến khích hoạt động từ thiện, nhân đạo thông qua các tổ chức tôn giáo

và tư nhân để cùng giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là ở nông thôn và các vùng xa xôi hẻo lánh.

Bộ Chính trị cho rằng việc huy động các tổ chức và cá nhân trong, ngoài nước tham gia, đóng góp cùng với Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội là cần thiết. Song hiện nay có những lực lượng lợi dụng các hoạt động tôn giáo, từ thiện vì mục đích chính trị. Họ đặc biệt quan tâm đến các vùng dân tộc, miền núi xa xôi hẻo lánh. Vì vậy không nên đặt vấn đề tạo điều kiện khuyến khích các hoạt động từ thiện, nhân đạo thông qua các tổ chức tôn giáo và tư nhân. Việc huy động những nguồn lực nào, nhằm giải quyết vấn đề xã hội gì, ở đâu cần có cân nhắc.

- Có ý kiến đề nghị việc xuất khẩu lao động phải được quản lý và có kế hoạch thống nhất, không để các công ty tự phát làm.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến này để chỉnh lý văn kiện.

- Có ý kiến yêu cầu trong Báo cáo chính trị phải nêu chỉ tiêu giảm thất nghiệp tới năm 2000 dưới 5%.

Về vấn đề này, Báo cáo kế hoạch 5 năm trình Đại hội đã nêu chỉ tiêu mỗi năm thu hút 1,3 - 1,5 triệu lao động, đến năm 2000 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành phố xuống dưới 5% và đưa tỷ lệ lao động ở nông thôn đủ việc làm lên 80%. Bộ Chính trị cho rằng nói như vậy là rõ và sẽ cân nhắc việc đưa vào Báo cáo chính trị.

- Có ý kiến đề nghị: trong chính sách đối với những người có công với cách mạng không chỉ chăm lo đời sống vật chất mà cả đời sống tinh thần; chú ý giáo dục, đào tạo con em họ thành cán bộ kế tục sự nghiệp cách mạng.

- Có ý kiến đề nghị có chiến lược chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể chất, phát triển giống nòi; có các bệnh viện thu phí và miễn phí, bệnh viện tư nhân và liên doanh với nước ngoài.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu các ý kiến trên để chỉnh lý văn bản.

- Có ý kiến cho rằng chỉ tiêu tăng dân số 1,8% vào năm 2000 là khó thực hiện; ngược lại có ý kiến đề nghị chỉ còn 1,2%.

Theo tính toán của các cơ quan chức năng, để giảm mức tăng dân số từ 2,23% hiện nay xuống 1,8% vào năm 2000 không phải là việc dễ dàng nhưng có khả năng thực hiện và cần phải phấn đấu thực hiện. Còn chỉ tiêu 1,2% thì không hiện thực.

Bộ Chính trị đề nghị giữ chỉ tiêu 1,8% như dự thảo.

- Về những ý kiến kiến nghị các chính sách, giải pháp cụ thể, Bộ Chính trị thấy nhiều vấn đề đã được đề cập đến ở phần này hay phần khác song sẽ xem xét để bổ sung thêm vào Báo cáo.

VII- VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Trong các ý kiến đóng góp về lĩnh vực này, Bộ Chính trị thấy cần tập trung vào giải trình một số vấn đề dưới đây:

- Về ý kiến đề nghị giảm quân số thường trực.

Việc xác định quy mô tổng quân số thường trực của ta phải căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ trong các tình huống có thể xảy ra và khả năng kinh tế của đất nước.

Trong những năm qua, ta đã giảm lớn tổng quân số thường trực. Duy trì mức quân số như hiện nay là cần

thiết và hợp lý. Trong thời gian tới sẽ phấn đấu nâng cao thêm sức chiến đấu của lực lượng thường trực, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ lực lượng dân quân tự vệ và quân dự bị động viên, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh. Khi có điều kiện sẽ xem xét việc giảm thêm một phần quân số.

- Về ý kiến đề nghị giảm thời hạn phục vụ trong quân đội xuống còn 1 năm rưỡi.

Những năm trước đây thời hạn phục vụ trong quân đội đối với chiến sĩ bộ binh là 3 năm, binh chủng là 4 năm. Luật nghĩa vụ quân sự mới đã giảm xuống còn 2 và 3 năm. Trong điều kiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn nặng nề và khẩn trương, yêu cầu sẵn sàng chiến đấu đối phó với các tình huống có thể xảy ra còn tương đối cao, điều kiện về trang bị và vật chất để bảo đảm huấn luyện bộ đội còn những mặt hạn chế, nếu giảm hơn nữa thời hạn phục vụ trong quân đội của chiến sĩ thì sẽ không bảo đảm cho bộ đội có đủ trình độ huấn luyện cần thiết để chấp hành được tốt nhiệm vụ.

- Về đề nghị nhanh chóng phát triển hải quân để bảo vệ chủ quyền trên biển.

... Tình hình trên biển và thêm lục địa còn rất phức tạp. Do đó việc chăm lo phát triển hải quân, tăng cường thế trận quốc phòng, an ninh và kinh tế vùng biển đảo là vấn đề rất cấp bách để bảo vệ chủ quyền và lợi ích của quốc gia trên biển.

Song Bộ Chính trị thấy vấn đề này không cần đề cập nhiều trong Báo cáo này.

- Về ý kiến đề nghị có chính sách đầu tư thỏa đáng về cơ

sở hạ tầng, đường giao thông, phương tiện giao thông, ưu tiên phát triển kinh tế các tỉnh biên giới để bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Bộ Chính trị tán thành đưa ý này vào các phần về phát triển kinh tế có liên quan.

- Về ý kiến đề nghị khôi phục lại chế độ chính ủy và chính trị viên trong quân đội.

Bộ Chính trị cho rằng đây là một vấn đề lớn có nhiều mối quan hệ trong lĩnh vực xây dựng các lực lượng vũ trang. Cần có thời gian nghiên cứu và cần có một hội nghị chuyên đề của Đảng ủy Quân sự Trung ương bàn kỹ vấn đề này, sau đó mới báo cáo được với Ban Chấp hành Trung ương để có quyết định.

- Về ý kiến củng cố quốc phòng phải gắn chặt với đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến này và đề nghị sẽ xem xét bổ sung một số nội dung cụ thể vào Báo cáo chính trị.

VIII- CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

- Đa số nhất trí như dự thảo.

- Một số ý cho rằng dự thảo viết còn chung chung, không có sắc thái mới, nên viết lại cho sát với tình hình 15 năm tới.

- Một số ý kiến cho rằng điểm mấu chốt trong chính sách đối ngoại của ta trong tình hình mới là xử lý đúng đắn một loạt các mối quan hệ: quan hệ giữa lợi ích dân tộc và đoàn kết quốc tế; quan hệ giữa độc lập tự chủ và tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia; quan hệ giữa đấu tranh và hợp tác; giữa an ninh và phát triển.

- Một số ý kiến đề nghị trong quan hệ với các nước lớn

cần duy trì sự cân bằng, tự chủ, kiên quyết không “nhất biên đảo”...

- Có ý kiến coi trọng hơn nữa đối ngoại nhân dân.

- Đề nghị nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật trong quan hệ với các nước chứ không chỉ quan hệ hữu nghị như trước đây.

- Không nên nói quá cụ thể trong câu “thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ, trước hết là về kinh tế, thương mại”.

- Đề nghị xem xét nghiên cứu việc bang giao với Vatican để giáo dân yên tâm.

- Sửa lại câu “mở rộng quan hệ hợp tác, phát triển với các nước lớn và các trung tâm kinh tế, chính trị lớn...” vì nói như vậy mất bình đẳng giữa các dân tộc.

Những ý kiến trên đây nhìn chung hoặc phân tích cho sâu sắc hơn hoặc nhấn mạnh khía cạnh này hay khía cạnh khác của vấn đề chứ không khác với tinh thần và nội dung đã trình bày trong dự thảo. Đề nghị sẽ lưu ý cân nhắc thêm trong quá trình chỉnh lý văn bản.

- Nhiều ý kiến cho rằng Báo cáo chính trị không nên đi vào các mối quan hệ với các đối tác cụ thể. Phần công khai không nên nêu quan hệ đặc biệt với đảng này hoặc quan hệ thân thiện với đảng khác, gây phân biệt đối xử trong quan hệ. Ngược lại, cũng có ý kiến là trong chiến lược, sách lược đối ngoại cần sắp xếp thứ tự các nước để có đối sách với từng nước cho phù hợp; cần tăng cường hơn nữa quan hệ với các nước thế giới thứ ba.

Bộ Chính trị sau khi thảo luận, thấy cần đề nghị với Trung ương cho viết lại phần này theo hướng không nên nêu quan hệ giữa ta với từng nước cụ thể.

IX- THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Ý kiến chung tán thành với dự thảo văn kiện, nhưng bổ sung nhiều ý kiến cụ thể về các chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân. Qua Hội nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội nghị tổng kết việc thi hành Nghị quyết 8B, có nhiều kiến nghị cụ thể về chính sách đối với giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, tôn giáo...

Bộ Chính trị xin giải trình về những ý kiến chính sau đây:

- Có ý kiến đề nghị thay đổi tiêu đề của phần này là “Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy mọi tiềm năng của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Bộ Chính trị đề nghị giữ tiêu đề như dự thảo vì quyền làm chủ của nhân dân có ý nghĩa rất quan trọng. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân đã bao hàm việc phát huy mọi tiềm năng cách mạng của nhân dân.

- Về chính sách đối với giai cấp công nhân, có nhiều kiến nghị về các chính sách cụ thể như giải quyết việc làm, trợ cấp thất nghiệp, cải tiến tiền lương... chính sách bảo đảm về mặt xã hội, việc ưu đãi cho công nhân khi cổ phần hoá xí nghiệp quốc doanh, coi trọng việc giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị cho giai cấp công nhân; có chính sách cụ thể để đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân, đẩy mạnh việc phát triển Đảng trong công nhân, v.v..

Ngoài ra Bộ Chính trị đề nghị bổ sung thêm vào phần này một đoạn nói về sự cần thiết phải có chiến lược xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

- Về chính sách đối với giai cấp nông dân, nhiều ý kiến kiến nghị các chính sách cụ thể nhằm khoan sức dân như miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; miễn học phí, viện phí cho nông dân nghèo; có chính sách giúp đỡ nông dân về vốn, bảo hộ sản xuất nông nghiệp khi gặp thiên tai hoặc giá cả biến động; giải quyết tình hình một bộ phận nông dân không còn ruộng đất phải đi làm thuê; củng cố kinh tế hợp tác; ưu đãi cho các nhà doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, v.v..

- Đối với trí thức và văn nghệ sĩ, có nhiều kiến nghị về các chính sách cụ thể như tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học; mở rộng việc đào tạo đại học và sau đại học; có chính sách đãi ngộ xứng đáng với các nhà khoa học, các trí thức đầu đàn; có chính sách thu hút trí thức đang định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước; Đảng cần tăng cường bồi dưỡng lý luận chính trị, đường lối, chính sách cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ; coi trọng đào tạo các nhà quản lý, kinh doanh giỏi, các tổng công trình sư của các ngành công nghiệp then chốt, v.v..

Bộ Chính trị thấy rằng nhiều đề nghị trên đây đã được đề cập đến trong các phần về chính sách phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hoá văn nghệ, xã hội, v.v., không cần nhắc lại ở mục này, song sẽ rà soát lại và xem xét để bổ sung thêm. Riêng về chính sách đối với giai cấp công nhân đề nghị bổ sung thêm vào phần này một đoạn nói về sự cần thiết phải có chiến lược xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ mới.

- Về vấn đề thanh niên, nhiều ý kiến cho rằng tuy đã có một số nghị quyết của Đảng về công tác vận động thanh niên

nhưng trong Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc của Đảng cũng cần phải nói rõ quan điểm và chính sách của Đảng đối với thế hệ trẻ, lực lượng xung kích của cách mạng và đội hậu bị của Đảng.

- Về vấn đề phụ nữ, nhiều ý kiến đề nghị trong Báo cáo chính trị cần phải có phần nói về quan điểm và chính sách của Đảng đối với phụ nữ.

- Về vấn đề dân tộc, có ý kiến cho rằng văn kiện chưa phản ánh được tình trạng bức xúc của vấn đề đoàn kết với các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay. Phương hướng thực hiện ba nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và giúp đỡ đồng bào dân tộc đều chưa được đề ra rõ và chưa được cụ thể hoá.

Đề nghị trong văn kiện dành mục riêng nói rõ, đầy đủ về nội dung phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Văn kiện cần nêu rõ “Đảng, Nhà nước cần sớm hình thành hệ thống chính sách quốc gia ổn định về vấn đề dân tộc và miền núi, thực hiện nhất quán ở tất cả các cấp, các ngành”.

Nhiều ý kiến kiến nghị các chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt chính sách đối với vấn đề dân tộc.

- Về vấn đề tôn giáo, có nhiều ý kiến cho rằng trong dự thảo văn kiện không nói vấn đề tôn giáo thì sẽ có sự hiểu lầm, hơn nữa, đây lại là vấn đề có tính thời sự, trong Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý kiến nhận xét là “Đảng không quan tâm đến các tôn giáo và công tác tôn giáo”.

Bộ Chính trị đề nghị sẽ bổ sung vào phần này một số đoạn trình bày về những vấn đề đó.

- Về vai trò của Mặt trận, tiếp thu ý kiến đóng góp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Chính trị đề nghị bổ sung đoạn sau đây vào dự thảo:

“Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức liên minh chính trị, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo”.

X- “TIẾP TỤC CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”

1. Về các quan điểm cơ bản về xây dựng Nhà nước

Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm hai quan điểm mới: Đổi mới quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân; tăng cường sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc đối với Nhà nước.

Bộ Chính trị thấy rằng dự thảo đã nói về quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, xác định Nhà nước là của dân, do dân, vì dân; thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; vì vậy, không cần thiết đưa vấn đề này thành một quan điểm mới.

Việc giám sát của Mặt trận Tổ quốc chỉ là một trong nhiều hình thức, cách thức giám sát hoạt động của Nhà nước. Vì vậy không nên đưa thành một quan điểm mới, nhưng có thể bổ sung một số ý về vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong phần nói về hoạt động giám sát.

- Có ý kiến đề nghị thay quan điểm “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp...” bằng “... phân công rành mạch ba quyền”.

- Bộ Chính trị đề nghị giữ như dự thảo để tránh có thể hiểu ba quyền phân công rành mạch và độc lập với nhau theo kiểu “tam quyền phân lập” của Nhà nước tư sản.

- Có ý kiến đề nghị bỏ quan điểm 3 trong dự thảo “thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước”.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước là tiêu chí cơ bản để phân biệt sự khác nhau giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản. Hội nghị Trung ương 8 đã thảo luận, quyết định, Điều 6 của Hiến pháp 1992 đã ghi; đề nghị không nên thay đổi.

2. Về hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội

Một số ý kiến cho rằng dự thảo mới nêu được một số công việc cụ thể, chưa đề ra được định hướng của hoạt động lập pháp trong những năm tới; cần định rõ vai trò giám sát của Quốc hội ở tầm vĩ mô đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, trước hết là đối với các ngành tư pháp.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến trên, viết lại dự thảo phần này, đưa thêm một số nội dung trong kết luận mới đây của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội.

3. Về cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp

Một số ý kiến đề nghị dự thảo cần khẳng định “cơ quan pháp luật phải được độc lập xét xử, tránh xét xử theo “chỉ đạo” hoặc ô dù, bao che”.

Bộ Chính trị thấy rằng đối với một số vụ án phức tạp,

nghiêm trọng, có ảnh hưởng chính trị rộng thì cấp ủy đảng cần có sự lãnh đạo để bảo đảm việc xử lý đúng pháp luật và đạt hiệu quả chính trị, xã hội tốt. Tuy nhiên cũng cần tiếp thu một phần ý kiến trên, bổ sung ý ngăn ngừa việc can thiệp không đúng vào nghiệp vụ xét xử cụ thể, nhất là những sự can thiệp của cá nhân và một số ý trong kết luận của Bộ Chính trị gần đây về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4. Về cải cách hành chính nhà nước

Nhiều ý kiến cho rằng cải cách hành chính có vị trí rất quan trọng, nhưng vừa qua làm chậm. Dự thảo cần định rõ chương trình cải cách hành chính về mục tiêu, trọng điểm, thời hạn hoàn thành.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý này để bổ sung, nhận định về những việc đã làm được, chưa làm được hoặc làm còn chậm; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của cải cách trong thời gian tới.

5. Về một số vấn đề khác có liên quan đến phần này

- Về các cấp chính quyền địa phương.

Có ý kiến đề nghị xác định rõ một số vấn đề như: Huyện có là cấp kế hoạch và ngân sách không; hội đồng nhân dân có nên để ở cả ba cấp chính quyền địa phương không; chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân nên bổ nhiệm hay do Hội đồng nhân dân bầu và chính quyền cấp trên phê chuẩn như hiện nay; thực tế hiện nay có cấp thôn, nhưng ta không coi đây là một cấp chính quyền; vậy cần lý giải vấn đề này thế nào.

Vừa qua, Luật ngân sách đã quy định ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương, trong đó có ngân sách cấp huyện. Về những vấn đề còn lại, hiện nay còn chưa có kết luận rõ ràng. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp tục nghiên cứu thêm. Vấn đề nào kết luận được trước Đại hội thì sẽ xem xét đưa vào văn kiện.

- Về đấu tranh chống tham nhũng.

Có rất nhiều ý kiến về vấn đề này, tập trung vào những đề nghị sau đây:

Phải chống tham nhũng một cách triệt để, kiên quyết, mạnh mẽ, đồng bộ, thường xuyên; cần tạo dựng thể chế, cơ chế chống tham nhũng (có Luật chống tham nhũng; Luật công chức, tách chức năng kinh doanh và chức năng quyết định chính sách; bỏ cơ chế chủ quản...). Nhiều ý kiến đề nghị phải thực hiện ngay chế độ khai báo thu nhập, công khai tài sản; cũng có một số ý kiến đề nghị bỏ đoạn nói về kê khai tài sản vì rất phức tạp. Về tổ chức phụ trách công tác chống tham nhũng, có những ý kiến khác nhau: Lập một ban chống tham nhũng chuyên trách không trực thuộc Chính phủ; hoặc lập một ban đặc biệt của Quốc hội; hoặc có bộ máy chuyên trách chống tham nhũng từ trung ương đến địa phương.

Một số các đề nghị trên dự thảo Báo cáo cũng đã có đề cập đến, Bộ Chính trị đề nghị sẽ xem xét để bổ sung thêm.

Vừa qua Bộ Chính trị đã bàn và đã có một số kết luận. Đề nghị Trung ương thảo luận kỹ vấn đề này, góp thêm những giải pháp khả thi để ngăn chặn có hiệu quả nạn tham nhũng để vừa bổ sung rõ thêm văn kiện, vừa thúc đẩy trên thực tế cuộc đấu tranh chống tệ nạn nghiêm trọng này.

Phần thứ tư

**XÂY DỰNG ĐẢNG NGANG TÂM ĐÒI HỎI
CỦA THỜI KỲ MỚI**

Đa số ý kiến nhất trí với nội dung dự thảo, nhận định đánh giá về vị trí, vai trò của Đảng trong công tác xây dựng Đảng, về 7 vấn đề mấu chốt của nội dung đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

- Cũng có khá nhiều ý kiến đóng góp cụ thể đối với từng phần trong đánh giá cũng như trong phương hướng, giải pháp.

- Về thành tựu, đề nghị khẳng định Đảng ta không chỉ có khả năng lãnh đạo đất nước tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà còn có khả năng, trí tuệ lãnh đạo đất nước đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hoặc: Đảng đã và đang giữ vững và phát huy được bản lĩnh và kinh nghiệm lãnh đạo qua các thời kỳ...

- Về khuyết điểm, cho rằng hệ thống chính trị chưa phù hợp, đổi mới và chỉnh đốn Đảng lần đầu ít, việc cụ thể hoá cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ chỉ mới là định hướng. Hoặc: Đảng bị tổn thất khá lớn về cán bộ, đang đứng trước nguy cơ quan liêu hoá, thoái hoá về chính trị, phẩm chất và đạo đức trong cơ chế thị trường và “diễn biến hoà bình”, mất dần sức chiến đấu.

Bên cạnh đó, có những đề nghị như:

+ Cần đánh giá đầy đủ hơn về Đảng lãnh đạo Nhà nước.

+ Cần chú trọng giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.

+ Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, nhất là kiểm

tra việc chấp hành nghị quyết Đảng, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

+ Chú ý hơn công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Không chỉ thừa nhận các cấp ủy mà cả các tổ chức đảng (đảng đoàn, ban cán sự) đều có trách nhiệm trong việc quản lý cán bộ.

- Nhiều ý kiến đề nghị sửa chữa câu chữ. Bộ Chính trị thấy rằng những ý kiến nêu trên phần lớn đã được thể hiện trong dự thảo, nhưng có sự nhấn mạnh về mức độ, làm rõ thêm hoặc chính xác hơn các nhận định. Vì vậy đề nghị tiếp thu để chỉ đạo tổ biên tập sửa chữa, bổ sung, hoàn chỉnh hơn dự thảo.

- Một số ý kiến cho rằng phần xây dựng Đảng đặt vào Báo cáo chính trị là chưa đúng tâm, chưa sâu và đề nghị tách phần này thành một báo cáo riêng tổng kết công tác xây dựng Đảng trình Đại hội.

Về vấn đề này, Hội nghị Trung ương 9 đã thảo luận và quyết định không nên có một bản báo cáo riêng về xây dựng Đảng, vì như vậy sẽ có quá nhiều báo cáo (hiện nay, theo quyết định của Trung ương, Đại hội sẽ thảo luận các báo cáo: Báo cáo chính trị; Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo về bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng (sửa đổi)...). Và lại, vấn đề quan trọng hay không không phải ở chỗ có bản báo cáo riêng, mà ở nội dung được trình bày trong Báo cáo chính trị và Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng có thể hiện được kết quả tổng kết xây dựng Đảng hay không. Bản Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng 20 năm (1975 - 1995) do Ban Tổng kết xây dựng Đảng chuẩn bị sẽ được hoàn chỉnh và gửi tới các cấp ủy đảng.

Ngoài những vấn đề nói trên, trong quá trình thảo luận và góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội, nổi lên một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Dưới đây Bộ Chính trị trình bày thêm về một số vấn đề đó.

1. Về vấn đề bản chất giai cấp của Đảng

Ý kiến khác nhau thường tập trung vào các khía cạnh: Đảng ta là Đảng của ai? Đảng của giai cấp công nhân hay của cả nhân dân lao động? Có nói Đảng ta là Đảng của dân tộc không? Hiểu tính giai cấp và tính dân tộc trong bản chất Đảng thế nào cho đúng?...

Từ đó có những đề nghị diễn đạt như sau:

- “Đảng là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc”.

- “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam”.

- “Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của cả dân tộc”.

- “Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Vì vậy Đảng ta cũng là Đảng của cả dân tộc”.

- “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, tầng lớp trí thức và của cả dân tộc”.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ cách diễn đạt như hiện nay: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”. Cách diễn

đạt này là chính xác, thể hiện đúng bản chất Đảng ta đã được dùng từ Đại hội VII, là kết quả của nhiều lần thảo luận khi chuẩn bị Cương lĩnh và Điều lệ Đảng. Nó vừa khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vừa nói rõ ý nghĩa đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và dân tộc.

Bất cứ một đảng chính trị nào cũng là sản phẩm của đấu tranh giai cấp. Dù tổ chức và hoạt động khác nhau, đảng nào cũng đứng trên lập trường và bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Đối với các đảng mácxít - leninnít chân chính, bản chất giai cấp công nhân là vấn đề cơ bản và bao trùm. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta trong điều kiện hiện nay - điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, đảng viên hàng ngày hàng giờ tiếp xúc với các yếu tố của chủ nghĩa tư bản. Nếu không nhận rõ và khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng để có biện pháp tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng thì rất dễ mơ hồ, dễ làm cho Đảng biến chất. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII đã nói rõ: giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta lúc này.

Theo nội dung trình bày trong dự thảo thì bản chất giai cấp công nhân đã bao hàm tính dân tộc; lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc; khẳng định bản chất giai cấp công nhân không có nghĩa là đối lập với tính dân tộc hoặc xem nhẹ tính dân tộc. Bởi vì ở nước ta, Đảng chẳng những đại diện cho lợi ích của giai cấp mà còn đại diện cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Trên thực tế 66 năm qua, Đảng phấn đấu hy sinh và hiện nay vẫn đang làm hết sức mình vì lợi ích của giai cấp, của nhân dân và của dân tộc. Đảng thực tế đã trở thành người lãnh đạo của cả dân tộc.

Đảng thường xuyên giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân đồng thời hết sức coi trọng kế thừa và phát triển tinh hoa và truyền thống dân tộc.

2. Về vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa

Mấy năm gần đây, bên cạnh cách nói “Xây dựng chủ nghĩa xã hội”..., có ý kiến băn khoăn: trường hợp nào thì nói: “theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, trường hợp nào nói thẳng “xã hội chủ nghĩa”?

Trước đây, cũng như nhiều đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, Đảng ta thường nói “xây dựng chủ nghĩa xã hội” với ý nghĩa một xã hội đã có đầy đủ những đặc trưng của nó.

Từ Đại hội VII, trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước bắt đầu nói “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đây là cách nói phù hợp với thực tế nước ta hơn. Một mặt nó vẫn khẳng định được mục tiêu và phương hướng của cách mạng nước ta là chủ nghĩa xã hội. Mặt khác nó phản ánh được quá trình quá độ rất phức tạp trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là do điểm xuất phát của nước ta còn thấp, kinh tế chậm phát triển, chúng ta sẽ phải đi qua nhiều chặng đường, nhiều bước quá độ “trung gian” và thông qua những bước quá độ ấy mà làm cho các nhân tố của chủ nghĩa xã hội dần hình thành, phát triển và hoàn thiện, cuối cùng đạt tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, nói định hướng xã hội chủ nghĩa không phải chỉ là xác định mục tiêu xa, không phải bây giờ chúng ta chưa có nhân tố nào của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta không coi chủ nghĩa xã hội đơn thuần chỉ như một lý tưởng, một mục tiêu

phải hướng tới, mà còn coi nó như một phong trào hiện thực, một sự nghiệp cụ thể phải được thực hiện trong thực tế từ thấp đến cao; phải giải quyết lâu dài và trước mắt, giữa mục tiêu và bước đi, giữa chiến lược và sách lược. Đó là quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, gắn định hướng với định hình, gắn định tính với định lượng, từng bước làm tăng tính chất xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong quá trình đó có sự đan xen giữa những nhiệm vụ trực tiếp và gián tiếp xây dựng chủ nghĩa xã hội, còn tồn tại không ít mâu thuẫn, nghịch lý, bất công mà tạm thời phải chấp nhận, nhưng thông qua sự vận động của thực tiễn, chủ nghĩa xã hội sẽ dần dần hình thành và sẽ xoá bỏ những nghịch lý, mâu thuẫn và bất công ấy. Điều đó đúng với tinh thần của Lênin: "... danh từ nước cộng hoà Xôviết xã hội chủ nghĩa có nghĩa là chính quyền Xôviết quyết tâm thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đã thừa nhận chế độ kinh tế mới là chế độ xã hội chủ nghĩa"¹.

Nói định hướng xã hội chủ nghĩa còn hàm được cả ý: trên con đường đi lên của đất nước, Đảng và Nhà nước ta phải luôn luôn nắm chắc vai trò lãnh đạo và quản lý, tự giác và chủ động uốn nắn để bảo đảm theo đúng hướng, không bị chệch hướng, dứt khoát giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa.

Nói "định hướng xã hội chủ nghĩa" không mâu thuẫn, đối lập với cách nói "xây dựng chủ nghĩa xã hội" và cũng

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.36, tr.362 (B.T).

không hề loại trừ cách nói này. Bởi vì về cơ bản, hai cách nói có cùng nội dung và mục đích. Nó đều chỉ ra mục tiêu, phương hướng của chúng ta là đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự khác nhau giữa hai cách nói đó chỉ là ở tính mức độ, tính giai đoạn mà thôi.

Trong những trường hợp, cần thể hiện việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình, phải sử dụng những biện pháp trung gian, quá độ thì nên thêm cụm từ "theo định hướng xã hội chủ nghĩa", như:

- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

...

Còn trong những trường hợp cần thể hiện yêu cầu phân biệt bản chất chế độ xã hội ta với chế độ tư bản chủ nghĩa thì cần sử dụng cụm từ "xã hội chủ nghĩa", như:

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Cổ phần hoá xã hội chủ nghĩa...

3. Về khẩu hiệu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"

Đây là khẩu hiệu được Đảng ta nêu ra sau Đại hội VII, lúc đầu là "dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh", đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ được bổ sung thêm thành "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" (thêm từ "công bằng").

Vừa qua có ý kiến cho rằng khẩu hiệu này đúng, hay,

nhưng chưa đầy đủ. Bởi vì còn thiếu một vấn đề quan trọng: đó là nhân dân lao động làm chủ; nếu chỉ dừng lại như vậy thì không hơn gì chủ nghĩa tư bản, vì chủ nghĩa tư bản cũng nói xây dựng xã hội bình đẳng, bác ái, văn minh. Vì vậy, có đồng chí đề nghị bổ sung thêm từ “dân chủ” thành “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” hoặc “nhân dân làm chủ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Bộ Chính trị đề nghị cho giữ khẩu hiệu như hiện nay, vì về cơ bản nó đã nói rõ được nội dung chính yếu của mục tiêu bản chất một xã hội mà chúng ta cần xây dựng. Nhân dân ta hiểu một xã hội công bằng, văn minh thực sự thì đó không thể là chủ nghĩa tư bản, mà phải là chủ nghĩa xã hội. Khẩu hiệu này đã được toàn dân chấp nhận, đã đi vào lòng người, có sức lôi cuốn, tập hợp rộng rãi nhân dân cả ở trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

4. Về vấn đề đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa hai con đường

Một số ý kiến cho rằng: hiện nay, ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thi hành chính sách mở cửa, khuyến khích tư bản trong nước, làm ăn với tư bản nước ngoài thì cách nói đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường như thế nào cho phù hợp.

Vậy nên hiểu vấn đề này như thế nào?

Về đấu tranh giai cấp dưới thời kỳ giai cấp công nhân đã nắm chính quyền, Lênin đã nói: chuyên chính vô sản không phải kết thúc đấu tranh giai cấp mà là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới, nhằm giải quyết vấn đề

“ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; và xét đến cùng thì quyết định thắng lợi của đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản là đưa ra được một năng suất lao động cao hơn. Trước đây, có những quan niệm và cách làm không đúng về đấu tranh giai cấp, như: lấy đấu tranh giai cấp làm động lực duy nhất thúc đẩy tiến bộ lịch sử, coi nhẹ khoa học kỹ thuật; đốt cháy giai đoạn, muốn sớm xoá bỏ nhiều giai cấp, tầng lớp; nhấn mạnh một chiều mặt đấu tranh đối kháng, giai cấp mà ít thấy đầy đủ mặt hợp tác giữa các giai cấp, tầng lớp trong dân tộc và kết hợp các lợi ích trong điều kiện xây dựng đất nước. Trong công cuộc đổi mới, chúng ta ngày càng nhận thức đúng hơn về đấu tranh giai cấp và cũng đã sửa chữa khuyết điểm đó. Tuy nhiên lại phải tránh chuyển từ cực nọ sang cực kia, đi đến phủ nhận hoặc coi nhẹ đấu tranh giai cấp, cuối cùng có thể dẫn đến chệch hướng.

Cuộc đấu tranh nhiều chục năm chống đế quốc, phong kiến làm ta quen hiểu đấu tranh giai cấp chỉ là mặt đối mặt giữa những lực lượng thù địch, một mất một còn. Nay chuyển sang xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, nhất là đang tiến hành đổi mới toàn diện thì càng cần quan niệm một cách tinh tế về đấu tranh giai cấp. Một khi có yêu cầu khách quan vừa đấu tranh, vừa hợp tác thì cuộc đấu tranh giai cấp có biểu hiện chung là cuộc đấu tranh giữa hai con đường - con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, nghĩa là cuộc đấu tranh để phát triển đất nước (trước hết phát triển kinh tế) theo con đường nào trong hai con đường đó.

Trong lịch sử thế giới, sản xuất hàng hoá nhỏ trải qua thời gian lâu dài tự phát lên nền sản xuất hàng hoá lớn tư

bản chủ nghĩa tức chủ nghĩa tư bản. Nhưng trong điều kiện nước ta, việc đưa sản xuất nhỏ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội là một yêu cầu khách quan. Nếu đường lối, chính sách không đúng, tổ chức quản lý không đúng thì sẽ chệch hướng, làm cho khả năng khách quan đó không thành hiện thực. Vì vậy, thực tế là có cuộc đấu tranh, lựa chọn giữa hai con đường. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường biểu hiện trên tất cả các mặt: sản xuất, lưu thông, phân phối, văn hoá, tư tưởng, đạo đức, lối sống, v.v.. Con đường xã hội chủ nghĩa phản ánh và phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam. Con đường tư bản chủ nghĩa phản ánh và phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. “Diễn biến hoà bình” nhằm chuyển hoá chế độ ta và “chống diễn biến hoà bình” nhằm giữ vững con đường nhân dân ta đã lựa chọn, là biểu hiện mới của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, cũng tức là cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay, nó diễn ra trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Việc sử dụng nhiều thành phần kinh tế của ta là một hình thức mới của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường. Cùng với việc không ngừng củng cố và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, việc vận dụng hình thức tư bản nhà nước sẽ đóng vai trò quan trọng giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa hai con đường, thể hiện rõ về mặt kinh tế nước ta đang trải qua một thời kỳ lịch sử đặc biệt - thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 203/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996

VỀ VIỆC TIẾP THU NHỮNG Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

Theo tổng hợp bước đầu của Văn phòng Trung ương qua đại hội đảng bộ các ngành, các cấp, nhìn chung các ý kiến đóng góp đều đồng tình với dự thảo Báo cáo về “phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000” (dưới đây gọi tắt là dự thảo Báo cáo kế hoạch).

Có nhiều ý kiến đề nghị làm rõ thêm một số vấn đề của bản dự thảo Báo cáo kế hoạch. Trong Hội nghị Trung ương lần thứ 9 (khoá VII), ngày 13 tháng 11 năm 1995, Bộ Chính trị đã trình bày rõ nhiều vấn đề. Để làm rõ thêm những vấn đề mới nêu ra, Bộ Chính trị đã bàn và tập hợp theo ba nhóm vấn đề sau đây:

I- NHIỆM VỤ TỔNG QUÁT VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Nhiều ý kiến nhất trí với nhiệm vụ tổng quát và nhiệm

vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 đã được ghi trong bản dự thảo, nhưng cũng có một số ý kiến cho rằng, đến năm 2000, nước ta chưa thể vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. Ý kiến này dựa vào chỉ tiêu có tính chất quy ước, theo thông lệ quốc tế là: Nước có mức GDP bình quân đầu người trên 450 USD mới được coi là đã vượt qua tình trạng nước nghèo.

Đây là mục tiêu đã được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ, chúng ta cần phải phấn đấu đạt và vượt. Bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực có nhiều thuận lợi cho sự phát triển đất nước, đồng thời năng lực trong nền kinh tế được tích tụ trong nhiều năm qua cho thấy có khả năng hiện thực để thực hiện mục tiêu này.

Theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có sự tham gia của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước, thì từ nay đến năm 2000, nếu chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10% và tốc độ tăng dân số vào năm 2000 khoảng dưới 1,8%, thì GDP bình quân đầu người tính bằng tiền Việt Nam năm 2000 quy ra USD tại thời điểm đó sẽ đạt trên 450 USD/người (nếu tính GDP một cách đầy đủ hơn để so sánh quốc tế thì con số có thể còn cao hơn). Do vậy, nếu đạt được mục tiêu này, thì có thể nói nước ta ra khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển.

2. Về tốc độ tăng trưởng, một số ý kiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong thời kỳ 5 năm 1996 - 2000 khoảng 9 - 10% là thấp và đề nghị phấn đấu tăng ở mức 10 - 12%.

Vấn đề này đã được thảo luận nhiều lần với nhiều phương án dự báo khác nhau. Trước đó, đã đề ra hai phương án tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm: phương án I là 10 - 11% và phương án II là 11 - 12%, song cân nhắc thấy để mức tăng trưởng 9 - 10% là hợp lý, có cơ sở hiện thực hơn, bởi lẽ:

- Một mặt, phải đạt tốc độ tăng trưởng đó mới có điều kiện kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển các mặt xã hội, kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, kết hợp giữa phát triển trước mắt với việc chuẩn bị tiền đề cho bước tiếp theo, bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững.

Mặt khác, mức tăng trưởng 9 - 10%/năm trong 5 năm liên không phải dễ thực hiện mà phải nỗ lực phấn đấu rất cao mới đạt được. Riêng về yếu tố vốn đầu tư cho phát triển phải huy động ở mức khá cao so với GDP (trên 30%) mới đạt được nhịp độ tăng trưởng đó. Thực tiễn cho thấy, khả năng huy động nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế còn lớn, nguồn vốn bên ngoài cũng có thể được thu hút và đưa vào sử dụng nhiều hơn trong 5 năm này, nhưng việc khai thác các khả năng đó đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới kinh tế và cải cách hành chính.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của chúng ta còn thấp kém chưa đáp ứng được tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế. Do vậy trong 5 năm tới, phải tập trung nhiều hơn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực, tạo tiền đề cho phát triển nhanh hơn sau năm 2000.

- Nguy cơ tái lạm phát cao vẫn còn tiềm ẩn trong 5 năm tới, vì vậy đẩy tốc độ tăng trưởng cao khoảng 11 - 12% thì khó giữ được mức lạm phát dưới 10%/năm.

3. Về tốc độ phát triển các ngành kinh tế, một số ý kiến cho tốc độ tăng trưởng các ngành nông nghiệp, các ngành công nghiệp và các ngành dịch vụ là thấp, cần phải đưa lên mức cao hơn.

Vấn đề này có liên quan chặt chẽ đến tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 9 - 10% đã giải trình ở trên. Thực chất ý kiến này là muốn đưa tăng trưởng GDP bình quân hàng năm lên 11 - 12%.

Bộ Chính trị thấy trong giai đoạn tới, sự phát triển của từng ngành không những chỉ tăng số lượng mà điều quan trọng hơn là tăng chất lượng và hiệu quả. Như vậy tốc độ tăng trưởng của từng ngành kinh tế nói riêng và của toàn bộ nền kinh tế nói chung, trong thời kỳ 1996 - 2000 phải có chất lượng cao hơn so với thời kỳ 5 năm trước.

Mặt khác, đây là chỉ tiêu tăng trưởng bình quân trong thời kỳ 5 năm, trong bố trí hàng năm, có năm sẽ cao hơn, có năm thấp hơn. Bộ Chính trị kiến nghị nên giữ tốc độ tăng trưởng bình quân các ngành như trong dự thảo Báo cáo kinh tế với tinh thần phấn đấu đạt cao hơn khi điều kiện cho phép.

4. Về cơ cấu kinh tế, có ý kiến cho rằng đến năm 2000, nông nghiệp chiếm 19 - 20% trong GDP là khó đạt mà đề nghị để ở mức 30%, công nghiệp và xây dựng chiếm 30%, dịch vụ chiếm 40%.

Cơ cấu kinh tế có mối liên quan chặt chẽ với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Với tốc độ tăng trưởng GDP đã được tính toán và xác định như trên thì cơ cấu các ngành trong GDP đến năm 2000 là: công nghiệp và xây dựng 34 - 35%; nông, lâm, ngư nghiệp 19 - 20% và dịch vụ 45 - 46%, sự chuyển dịch cơ cấu như vậy là hợp lý trong quá trình phát triển, xin giải thích rõ thêm:

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê đến năm 1995, cơ cấu các ngành kinh tế trong GDP đã hình thành như sau:

Nông nghiệp chiếm 29%;

Công nghiệp và xây dựng chiếm 29,1%;

Dịch vụ chiếm 41,9%.

- Mặt khác, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 5 năm tới là điều kiện cần thiết để đẩy mạnh một bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Nếu theo ý kiến đóng góp đã nêu trên thì cơ cấu kinh tế đến năm 2000 không những không thay đổi mà còn thụt lùi so với năm 1995. Điều đó không phù hợp với mục tiêu phát triển. Do vậy, Bộ Chính trị đề nghị nên giữ cơ cấu kinh tế như trong bản dự thảo.

5. Về một số cân đối lớn của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 đã được nêu trong dự thảo, Bộ Chính trị xin trình bày thêm một số ý kiến như sau:

- Trong quá trình điều hành, cân đối ngân sách nhà nước sẽ được thực hiện trên nguyên tắc thu đúng, thu đủ theo luật định, tích cực chống thất thu thuế, đồng thời phải triệt để khai thác các nguồn thu khác và nuôi dưỡng để tăng thêm nguồn thu. Bảo đảm chi tiêu dùng thường xuyên ở mức cần thiết hợp lý, để dành cho tích lũy và chi đầu tư phát triển, tốc độ chi tiêu dùng thường xuyên phải thấp hơn tốc độ chi đầu tư phát triển...

Tuy nhiên trong quá trình thảo luận, một số ý kiến còn phân vân hai vấn đề sau đây:

Một là, mức huy động GDP vào ngân sách 21 - 22% là cao, đề nghị chỉ nên huy động 20% GDP.

Bộ Chính trị đề nghị cân nhắc trên một số mặt như sau:

+ Thực tế huy động thuế và phí vào ngân sách so với

GDP trong hai năm qua khoảng 22% (1994: 22,6%; 1995: 21,6%), trong khi đó tình hình thất thu thuế vẫn còn lớn, dư địa huy động còn nhiều. Vì vậy, mức huy động bình quân GDP vào ngân sách trong thời kỳ 1996 - 2000 khoảng 21 - 22% là vừa phải.

+ Việc phân loại các khoản thuế và phí cũng như việc tính chỉ tiêu GDP ở nước ta chưa thật thống nhất với các nước trong khu vực nên không thể so sánh một cách đơn giản tỷ lệ huy động thuế và phí so với GDP của ta với các nước đó.

Hai là, một số ý kiến muốn cân bằng thu - chi ngân sách vào năm 2000, Bộ Chính trị thấy đây là ý kiến tốt nhằm nhanh chóng lành mạnh hoá ngân sách nhà nước, song trong điều kiện nền kinh tế của chúng ta hiện nay và những năm tới, thời kỳ đầu của giai đoạn phát triển chưa cho phép thực hiện cân bằng thu - chi mà chỉ phấn đấu từng bước giảm dần bội chi ngân sách, hạn chế bội chi ở mức thấp nhất có thể được bằng cách tăng thu, tiết kiệm chi, nhất là chi tiêu dùng thường xuyên, ưu tiên cho chi đầu tư phát triển có hiệu quả, tiến tới thăng bằng thu - chi ở giai đoạn sau.

+ Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, trong đó vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng, kết hợp tiềm năng sức mạnh bên trong với khả năng có thể tranh thủ ở bên ngoài. Chiến lược lâu dài là phải huy động tối đa nguồn vốn trong nước để chiếm tỷ lệ cao trong đầu tư. Tuy nhiên trong những năm đầu thời kỳ công nghiệp hoá, đòi hỏi nguồn vốn lớn, mà vốn trong nước thì hạn hẹp, nên nguồn vốn bên ngoài còn chiếm

tỷ trọng khá lớn. Điều quan trọng là vốn này phải dành cho đầu tư phát triển, sử dụng có hiệu quả, trả được nợ. Theo tính toán, để bảo đảm tốc độ GDP tăng 9 - 10% thì nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm tới là 41 - 42 tỷ USD (tính theo mặt bằng giá 1995), trong đó khoảng hơn một nửa là vốn trong nước, còn lại là vốn ngoài nước.

Như dự thảo Báo cáo đã trình bày, nguồn vốn đầu tư của Nhà nước sẽ tập trung xây dựng có chọn lọc một số cơ sở sản xuất - kinh doanh trọng yếu, có tác dụng lớn đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Việc phân bổ nguồn vốn này có tính tới yêu cầu phát triển hợp lý các vùng, chú ý tới hai loại địa bàn là các vùng còn nhiều khó khăn và vùng kinh tế động lực.

Đồng thời Nhà nước có chính sách, biện pháp khuyến khích và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, của các doanh nghiệp và nhân dân vào phát triển các ngành và các lĩnh vực.

II- CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN

Phần lớn các ý kiến đều thống nhất với dự thảo, nhưng cũng có một số ý kiến đề nghị sửa chữa cấu trúc và một số nội dung:

- Về tiêu đề, một số ý kiến đề nghị thay “Chương trình phát triển” bằng “Kế hoạch phát triển các lĩnh vực” vì nếu nói chương trình tức là phải có cơ quan thực hiện, tiến độ, kinh phí...

Nội dung của phần này là xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển của từng ngành, từng

lĩnh vực một cách đồng bộ theo kế hoạch tổng thể của nền kinh tế. Ghi tiêu đề theo đúng nội dung thì dài, gọi là kế hoạch phát triển thì phải có thêm các chỉ tiêu số lượng và tính toán cân đối. Vì vậy, dùng cụm từ “Chương trình và lĩnh vực phát triển” phù hợp với nội dung hơn. Trên cơ sở các chương trình và lĩnh vực phát triển như trong dự thảo Báo cáo, các ngành và địa phương sẽ hình thành các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án cụ thể để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu phát triển trong 5 năm tới.

- Có một số ý kiến đề nghị sắp xếp lại thứ tự theo tầm quan trọng và ghép lại một số chương trình, nhưng Bộ Chính trị thấy rằng, với quan niệm hình thành các chương trình phát triển đã trình bày trên, thì việc sắp xếp vị trí từng chương trình, việc ghép các chương trình không phải là vấn đề quan trọng, mà chính việc thực hiện các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của từng chương trình mới là điều quyết định. Hiện nay, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với các bộ, ngành, các địa phương tiến hành nghiên cứu bước cụ thể hoá các nhiệm vụ, mục tiêu, hình thành các dự án, các kế hoạch phát triển trong từng ngành, từng lĩnh vực, nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách, tính toán, xác định một số cân đối lớn... nhằm xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 trình Quốc hội khoá IX trong kỳ họp thứ 10 vào tháng 10-1996. Nội dung nghiên cứu sẽ đề cập những vấn đề liên quan đến hàng loạt câu hỏi và ý kiến đóng góp đã được tổng hợp lại.

Bộ Chính trị trình bày một số vấn đề chủ yếu trong các chương trình và lĩnh vực phát triển như sau:

1. Về chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Nhiều ý kiến của các đảng bộ địa phương cho rằng, chỉ tiêu sản lượng lương thực 30 triệu tấn vào năm 2000 là thấp, tỷ trọng chăn nuôi chiếm trong giá trị sản xuất nông nghiệp 30 - 35% là quá cao, chỉ tiêu 60 vạn ha nuôi trồng thủy sản đến năm 2000 là khó đạt...

Vấn đề này Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính toán, xác định lại và thấy rằng, mấy năm gần đây, sản lượng lương thực đạt khá, mức tăng mỗi năm bình quân vào khoảng trên 1,2 triệu tấn. Cơ sở để tăng sản lượng là:

+ Mở rộng diện tích gieo trồng ở đồng bằng sông Cửu Long bằng biện pháp khai hoang, tăng vụ thêm 50 vạn ha, năng suất 4 tấn/ha/vụ thì sản lượng tăng thêm là 2 triệu tấn lương thực.

+ Ở Tây Nguyên có thể tăng diện tích đất canh tác 2 vạn ha, làm hai vụ một năm thì diện tích gieo trồng tăng 4 vạn ha, năng suất 4 tấn/ha/vụ, sản lượng lương thực tăng thêm là 16 vạn tấn.

+ Khả năng tăng thêm năng suất trên toàn bộ diện tích gieo cấy đến năm 2000 do thâm canh là 1 tạ/ha, cả nước tăng thêm 66 vạn tấn lương thực.

+ Sản lượng ngô năm 2000 có thể tăng thêm từ 0,8 - 1 triệu tấn quy thóc bằng mở rộng diện tích trồng ngô lai.

Như vậy sản lượng lương thực đến năm 2000 có thể tăng thêm so với năm 1995 là 3,62 triệu tấn.

Song, diện tích đất canh tác bị mất hàng năm do đô thị hoá, công nghiệp hoá và do thoái hoá đất là 18.000ha/năm,

như vậy đến năm 2000 mất 9 vạn ha, nếu năng suất trung bình khoảng 5 tấn/ha/năm thì sản lượng lương thực hụt 50 vạn tấn. Vậy thực tế sản lượng năm 2000 chỉ tăng khoảng 3 triệu tấn so với năm 1995. Trên cơ sở đó, đề nghị giữ chỉ tiêu sản lượng lương thực năm 2000 khoảng 30 triệu tấn.

Đối với chỉ tiêu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn đề nghị giữ ở mức 30 - 35%, bởi lẽ việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn đã bắt đầu có tác động mạnh theo hướng nâng cao hiệu quả, làm cho ngành chăn nuôi bắt đầu khôi phục và phát triển, hơn nữa việc tăng nhanh sản lượng lương thực sẽ kéo theo tăng sản lượng chăn nuôi, năm 1995 tỷ trọng đó đã đạt 28% và trong 5 năm tới đưa lên mức 30 - 35% là có khả năng hiện thực.

Đề nghị giữ chỉ tiêu 60 vạn ha nuôi trồng thủy sản, trong đó 50% là diện tích nuôi tôm và đặc sản, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 50 vạn tấn vào năm 2000 như trong dự thảo, vì trong năm 1995, diện tích nuôi trồng thủy sản đã đạt tới 58,5 vạn ha, trong đó diện tích nuôi tôm và đặc sản đã lên đến 26,5 vạn ha (45,3%), sản lượng nuôi trồng thủy sản đã đạt 41,4 vạn tấn. Năm năm tới, với việc thực hiện chương trình 773 mở rộng mặt nước, ao hồ... theo đó, diện tích nuôi trồng thủy sản sẽ nhanh chóng mở rộng và đến năm 2000 có khả năng đạt và vượt chỉ tiêu này.

- Về đầu tư nông nghiệp và nông thôn, nhiều ý kiến cho rằng, trước hết cần quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, thông tin liên lạc, chú ý đến vùng sâu, vùng xa. Sớm quy hoạch khu dân cư nông thôn nhất là những vùng hay bão lụt.

Trong dự thảo đã nêu rõ: Đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn trong 5 năm tới sẽ hướng vào việc tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, đa dạng hoá ngành nghề, xây dựng nông thôn mới, hình thành những thị tứ, thị trấn và các vùng giao lưu với đô thị, xây dựng thêm đường sá, mạng lưới cấp điện, cấp nước, điện thoại, trường học, cơ sở y tế văn hoá, các cụm dân cư ở địa phương... Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, từng địa bàn và từng tỉnh, những vấn đề này sẽ được tính toán và cụ thể hoá trong các dự án, các chương trình đầu tư của kế hoạch 5 năm nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đã đề ra.

- Đối với một số ý kiến đóng góp, đề xuất và bổ sung thêm về cơ chế, chính sách, các giải pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các ngành liên quan nghiên cứu bổ sung vào bản dự thảo.

2. Về chương trình phát triển công nghiệp

- Những ý kiến đóng góp cho chương trình phát triển công nghiệp tập trung vào công tác quy hoạch phát triển công nghiệp trên tất cả các vùng, trong đó chú ý đến khu vực duyên hải miền Trung; việc lựa chọn các ngành mũi nhọn, các ngành ưu tiên, chiến lược tạo vốn và huy động vốn, công tác thẩm định, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản...

Nhìn chung, những ý kiến đóng góp đều muốn nhanh chóng phát triển nền công nghiệp đất nước theo một quy hoạch được nghiên cứu kỹ, có chất lượng, mang tính hiệu quả cao.

Phù hợp với yêu cầu đó, trong thời gian qua, Chính phủ

đã chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng “Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến năm 2000 và 2010”, Bộ Chính trị đã cho ý kiến và Chính phủ đang chỉ đạo cho các bộ, ngành liên quan chỉnh lý, chính xác hoá thêm. Nội dung chủ yếu của quy hoạch này bao gồm danh mục các công trình, các dự án quan trọng đã được chọn lựa, sắp đặt thứ tự ưu tiên, thời gian khởi công và hoàn thành, các giải pháp huy động vốn... và một số công trình sẽ được bố trí cụ thể trong kế hoạch 5 năm tới. Theo đó, một số ngành công nghiệp sẽ được tập trung phát triển, một số khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất sẽ được hình thành trên cả ba vùng kinh tế trọng điểm ở phía Bắc, dọc duyên hải miền Trung từ Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Dung Quất, và khu kinh tế trọng điểm phía Nam...

Hướng lựa chọn các ngành ưu tiên, mục tiêu phát triển từng ngành công nghiệp sẽ được cụ thể hoá trong kế hoạch 5 năm theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá như trong dự thảo đã trình bày. Công nghiệp quốc phòng sẽ được phát triển kết hợp với kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết trong từng thời kỳ, bảo đảm sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng.

3. Về chương trình phát triển cơ sở hạ tầng

Một số ý kiến, nhất là những ý kiến đóng góp của đảng bộ các tỉnh miền núi cho rằng các mục tiêu và chỉ tiêu đặt ra trong chương trình phát triển cơ sở hạ tầng là khá cao (như phát triển giao thông nông thôn, giao thông miền núi, thông tin bưu điện,...). Cũng có một số ý kiến cho rằng, đến năm 2000, 80% số xã có điện lưới và điện tại chỗ là thấp, đề nghị

nâng lên 90 - 100% số xã có điện và 81% hộ nông dân được dùng điện...

Như đã trình bày ở trên, cùng với chương trình phát triển công nghiệp, Bộ Chính trị đã cho ý kiến về chương trình phát triển cơ sở hạ tầng đến năm 2000 và 2010.

Mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng vừa phải bảo đảm các điều kiện thực hiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, vừa phải chuẩn bị bước phát triển cao hơn sau năm 2000. Những nhiệm vụ cụ thể, các giải pháp và các dự án phát triển trong chương trình phát triển cơ sở hạ tầng đều được thể hiện trong quy hoạch tổng thể phát triển ngành và lãnh thổ và được bố trí thực hiện từng bước trong các kế hoạch 5 năm, trong đó tính đến các vùng kinh tế trọng điểm và các khu vực còn nhiều khó khăn...

Đối với vùng miền núi, trong 5 năm qua (1991 - 1995) đã làm được 21.721km đường và 18.260 chiếc cầu, đã giải quyết được đường ô tô tới 9.146 xã, đạt 92,8% số xã trong cả nước. Hiện nay, 15 tỉnh đã hoàn thành đường ô tô tới trung tâm xã, 38 tỉnh còn lại với 670 xã, chiếm 7,2% trong tổng số xã cả nước chưa có đường ô tô đến cụm xã. Tới đây, một mặt sẽ nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, tuyến đường dọc biên giới; mặt khác sẽ tiếp tục xây dựng các tuyến đường đến trung tâm các huyện vùng sâu, vùng xa và đến hầu hết các trung tâm xã; phát triển đường giao thông ở nông thôn, đường liên xã, liên huyện...

Nguồn vốn ngân sách còn hạn hẹp, nhưng sẽ dành một tỷ lệ thích đáng đầu tư trong lĩnh vực này, đồng thời sẽ huy động thêm các nguồn vốn khác nhau từ trong nước và ngoài nước, cũng như huy động sức dân theo những hình thức thích hợp trong từng vùng để thực hiện.

Mục tiêu 80% số xã có điện lưới và điện tại chỗ đến năm 2000 không phải là mục tiêu thấp, tuy nhiên chúng ta có khả năng phấn đấu để đạt được. Với mục tiêu bình quân cả nước như trên thì đến năm 2000, ở vùng đồng bằng sẽ đạt 100% số xã có điện, vùng miền núi 100% huyện lỵ có điện và 60% số xã có điện.

4. Chương trình phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái

Có một số ý kiến cho rằng chương trình này mang tính kỳ vọng hơn là xuất phát từ thực trạng nước ta hiện nay..., vì vậy chương trình ít tính khả thi, không làm nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một số ý kiến đề nghị nên nhấn mạnh phương hướng phát triển khoa học công nghệ sắp tới là hướng vào nghiên cứu công nghệ ứng dụng...

Bộ Chính trị cho rằng, nội dung chương trình phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái đã được trình bày trong dự thảo bao gồm cả mục tiêu, nhiệm vụ từng lĩnh vực và các giải pháp thực hiện được đề ra cho từng ngành. Tuy nhiên, cần đánh giá thêm thực trạng khoa học, công nghệ và môi trường sinh thái, để cụ thể hoá thêm các hệ thống mục tiêu trong từng lĩnh vực, các cơ chế, chính sách và các bước thực hiện, đặc biệt là chính sách huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đầu tư phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường sinh thái như nhiều ý kiến đã đóng góp. Bộ Chính trị sẽ giao cho Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia,

Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia tiếp tục nghiên cứu các bước cụ thể nêu trên.

Nhiều ý kiến đề nghị có những chính sách, cơ chế cụ thể, thỏa đáng để phát huy được tiềm năng to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ như chế độ lương, thưởng thích đáng, các biện pháp và các bước thực hiện để nhanh chóng sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu, chính sách kiểm soát các công nghệ nhập từ bên ngoài... Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu bổ sung những ý kiến trên trong quá trình tu chỉnh dự thảo.

5. Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ

- Một số ý kiến đề nghị ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng ở những khu du lịch tập trung lớn và những khu được thế giới công nhận là di sản thế giới như Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long...

Hiện nay, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch đã được hoạch định và đang được cụ thể hoá. Trên cơ sở đó, trong những năm gần đây và trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, chúng ta đã và sẽ đầu tư vào những khu du lịch trọng điểm trong đó có Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long và một vài khu di tích lịch sử, khu danh lam thắng cảnh khác.

- Vấn đề đổi mới, tổ chức, sắp xếp và củng cố lại thương nghiệp quốc doanh đã được sự quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến, đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao vai trò thương nghiệp quốc doanh trong cả thị trường bán buôn và bán lẻ, tham gia tích cực vào việc ổn định giá cả thị trường... Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về vấn đề này, sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu và bổ sung vào bản dự thảo trong quá trình tu chỉnh.

6. Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại

- Về xuất nhập khẩu, có một số ý kiến cho rằng, chủ trương đưa hàng xuất khẩu qua chế biến lên 70% vào năm 2000 là quá cao, đề nghị 50 - 60%.

Bộ Chính trị cho rằng, một trong những hướng ưu tiên đầu tư phát triển trong 5 năm tới là phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng mạnh vào xuất khẩu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả cao, kết hợp hài hoà nhiều loại quy mô, nhiều trình độ công nghệ thích hợp trong từng địa bàn, trong từng loại sản phẩm với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài.

Để không bị thiệt thòi trong cạnh tranh và tăng kim ngạch xuất khẩu, phải nâng cao chất lượng sản phẩm và phần lớn sản phẩm phải thông qua chế biến, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh, giảm đáng kể việc xuất khẩu hàng thô. Theo tính toán của Bộ Thương mại, đến năm 2000, sản phẩm thông qua chế biến đạt trên 80%, trong đó chế biến sâu và tinh 50%.

Có một số ý kiến mong muốn cân bằng xuất - nhập khẩu vào năm 2000. Bộ Chính trị thấy rằng, trong những năm đầu công nghiệp hoá, chúng ta cần rất nhiều vốn cho đầu tư phát triển, huy động trong nước và thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, theo đó nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, công nghệ... tăng lên, trong khi xuất khẩu chưa tăng lên tương ứng. Như vậy, nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu phần lớn là do nhập vật tư, nguyên liệu và thiết bị máy móc. Trong điều kiện đó, chúng ta phấn đấu từng bước làm lành

mạnh cán cân thương mại, giảm dần nhập siêu, bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu, ưu tiên nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, hạn chế nhập những mặt hàng trong nước đã sản xuất được và những hàng tiêu dùng chưa thiết yếu chứ chưa thể cân bằng xuất nhập khẩu vào năm 2000. Vấn đề là có chính sách thỏa đáng khuyến khích xuất khẩu và quản lý chặt chẽ cơ cấu hàng nhập khẩu, đồng thời có giải pháp xử lý, bù đắp khoảng chênh lệch ngoại tệ giữa xuất và nhập khẩu, không gây mất cân đối về ngoại tệ, dẫn đến hậu quả xấu.

- Đối với thị trường xuất khẩu, một số ý kiến cho rằng cần phải khôi phục quan hệ với thị trường truyền thống (Đông Âu và Liên Xô cũ).

Điều này phù hợp với chính sách ngoại giao và mở rộng kinh tế đối ngoại của ta, tuy nhiên còn có nhiều ách tắc do nhiều nguyên nhân khác nhau. Song, chúng ta đang tích cực tìm kiếm các phương án giải quyết, vượt qua những trở ngại, khai thông và khôi phục việc buôn bán. Vài năm gần đây, quan hệ thương mại ở thị trường này đã có nhích lên, nhưng chưa đáng kể. Sắp tới, hai bên sẽ tiếp tục tiếp xúc, cùng nhau giải tỏa những khó khăn ách tắc và triển vọng sẽ có khả năng tăng lượng hàng hoá trao đổi ở khu vực này.

- Về đầu tư nước ngoài, nhiều ý kiến nhắc nhở cần phải cân nhắc kỹ để tránh hậu quả không tốt về sau; phải cân đối giữa các vùng, các địa phương, thu hút vốn nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực ta đang cần và những vùng cơ sở hạ tầng kém phát triển; đề phòng nền kinh tế nước ta bị nước ngoài chi phối; phía Việt Nam phải đóng góp 50% vốn trong các dự án liên doanh để phía nước ngoài không thể lợi dụng kinh tế tác động xấu vào chính trị.

Trong 7 - 8 năm qua, nhất là trong những năm gần đây, chúng ta đẩy mạnh việc thu hút nguồn vốn nước ngoài cả FDI và ODA để phát triển nền kinh tế. Những năm sắp đến, chúng ta vẫn tiếp tục huy động để tăng thêm nguồn, đồng thời chú trọng yêu cầu sử dụng vốn nước ngoài có hiệu quả cao hơn, nhằm vào các mục tiêu cần thiết, phù hợp với những ý kiến đóng góp nêu trên. Cần làm tốt việc xây dựng các chương trình dự án ưu tiên gọi vốn đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư và bổ sung chính sách để thu hút vốn đầu tư vào những lĩnh vực và vùng theo định hướng kế hoạch.

Luật đầu tư nước ngoài sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng đó. Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hình thức liên doanh là chủ yếu và phía Việt Nam đã cố gắng nâng dần tỷ lệ góp vốn trong liên doanh; đồng thời chúng ta nghiên cứu đưa ra quy định bổ sung mới, và chuẩn bị các điều kiện về vốn liếng để ta có thể mua lại cổ phần trong xí nghiệp liên doanh... Đối với nguồn vốn ODA, chúng ta đã xây dựng quy chế chọn lựa xem xét tính hiệu quả của từng chương trình, dự án, nhất là vốn vay ODA và tranh thủ các đối tác tài trợ để bố trí các dự án vốn ODA không hoàn lại vào những ngành và những vùng ưu tiên. Đã hạn chế vay thương mại để đầu tư.

7. Chương trình phát triển nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề xã hội

Các ý kiến tập trung xung quanh các chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội như dân số, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thông tin, giải quyết việc làm và các

mặt xã hội... Nói chung, đa số ý kiến cho rằng, những chỉ tiêu đề ra trong dự thảo Báo cáo là thấp, cần phải được nghiên cứu và tìm các giải pháp để nâng lên cho ngang tầm với phát triển kinh tế.

- Về tỷ lệ tăng dân số, nhiều ý kiến cho chỉ tiêu tỷ lệ tăng dân số 1,8% vào năm 2000 là thấp, cần phải đưa xuống 1,6% và xử lý nặng đối với cán bộ sinh con thứ ba.

Mấy năm nay, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc giảm tỷ lệ phát triển dân số. Kết quả ba năm (1993 - 1995) cho phép đánh giá khả năng điều chỉnh lại chỉ tiêu tăng tỷ lệ dân số vào năm 2000 dưới 1,8%. Ngoài việc tăng cường đầu tư kinh phí và phương tiện kỹ thuật, sẽ tăng cường giáo dục truyền thống, tiếp tục ban hành các cơ chế, chính sách hạn chế sinh đẻ, duy trì và củng cố hệ thống cơ quan quản lý dân số, kế hoạch hoá gia đình các cấp có mạng lưới đến tận thôn, xóm hiện nay, ít nhất cho đến khi đạt mức sinh thay thế bình quân hai con trong toàn xã hội. Tiếp tục cơ chế quản lý theo chương trình mục tiêu được thực hiện thông qua hợp đồng trách nhiệm, công khai hoá các nguồn đầu tư, đưa tuyệt đại bộ phận về địa phương, chọn cán bộ phụ trách và những cộng tác viên có nhiệt huyết, đủ năng lực và quyết tâm chỉ đạo hoàn thành cho bằng được chỉ tiêu đề ra.

Có ý kiến cho chỉ tiêu trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống còn 30% vào năm 2000 là thấp, đề nghị giảm xuống còn 20%.

Qua số liệu theo dõi và đánh giá việc thực hiện vài năm qua, thì trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm hàng năm khoảng 2% và tỷ lệ này năm 1994 là 43%. Theo xu hướng đó, trong giai đoạn 1996 - 2000, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh

dưỡng có thể giảm được 12% đến 13%. Vì vậy, đề nghị giữ lại chỉ tiêu trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 30% như trong dự thảo.

- Về giáo dục - đào tạo, một số ý kiến băn khoăn tính khả thi của mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trước tình trạng quá thiếu thốn về cơ sở vật chất, kỹ thuật của ngành. Một số địa phương miền núi thấy khó thực hiện mục tiêu này.

Trong 5 năm tới, công tác giáo dục - đào tạo sẽ tiếp tục được đầu tư để phát triển, không những nhằm đáp ứng cho nhu cầu hiện nay mà còn chuẩn bị tốt nguồn nhân lực có đủ tài năng, trí tuệ, sức khỏe cho những bước phát triển tiếp theo sau năm 2000. Đứng trước yêu cầu cấp bách đó, trong mấy năm qua, nhất là trong thời kỳ 1991 - 1995, Đảng và Chính phủ đã quan tâm nhiều đến ngành giáo dục - đào tạo, các chương trình phát triển giáo dục - đào tạo đã được xây dựng và đang thực hiện có kết quả, trong đó chương trình xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học... đạt kết quả khả quan. Do vậy, các chỉ tiêu về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập cấp II ở một số vùng như trong dự thảo là có khả năng thực hiện.

- Về giải quyết việc làm, nhiều ý kiến cho chỉ tiêu giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và tăng thời gian lao động ở nông thôn lên 80% là cao, khó thực hiện được.

Giải quyết việc làm là một vấn đề cấp bách trong xã hội. Do vậy, Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm và chỉ đạo các ngành, các cấp tìm các giải pháp hữu hiệu để giải quyết, hạ tỷ lệ người chưa có việc làm trong lực lượng lao động xã hội xuống mức thấp nhất.

Với mục tiêu đó, trong những năm qua, chương trình giải quyết việc làm đã huy động hầu hết các tổ chức xã hội, các đoàn thể, các ngành, các cấp cùng tham gia và đã đạt kết quả khá, hàng năm thu hút được từ 1 - 1,2 triệu lao động vào làm việc, tỷ lệ người chưa có việc làm theo điều tra mới nhất, thì năm 1994 còn khoảng 6,08% và chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn. Thực tế trong 5 năm qua giảm được 3% (1991: 9%, 1995 còn 6,08%).

Năm năm tới chương trình giải quyết việc làm cũng sẽ được đẩy mạnh với nhiều nội dung và hình thức, tạo nhiều cơ hội và nhiều chỗ làm việc hơn để thu hút nhiều lao động chưa có việc làm.

Các chương trình và lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội với việc mở rộng được đầu tư của toàn xã hội trong tất cả các vùng sẽ tạo cơ hội thu hút được nhiều lao động. Ở khu vực thành thị, sự hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được mở mang, khu vực dịch vụ được phát triển... sẽ là nơi thu hút đáng kể số lao động chưa có việc làm. Do vậy, giảm tỷ lệ người không có việc làm ở thành thị xuống dưới 5% là hiện thực.

Ở nông thôn, chỉ tiêu này hiện chưa có đủ cứ liệu điều tra để nói một cách chắc chắn. Song từ thực tế một số địa phương có thể thấy thời gian lao động ở nông thôn hiện chưa được sử dụng có hiệu quả khoảng 30 - 40%. Tới đây, chương trình phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ thu hút phần lớn lao động tại chỗ và sẽ tăng số giờ có việc làm trong từng hộ gia đình và bản thân người nông dân, có khả năng sẽ tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động lên khoảng 3/4 tức là 75%,

vì vậy, chỉ tiêu lao động nông thôn tận dụng hết thời gian lao động, xin được điều chỉnh lại trong dự thảo là 75%.

- Về y tế, có ý kiến đề nghị ngoài hai trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng thêm trung tâm y tế chuyên sâu ở Huế.

Về vấn đề này, trong Nghị quyết 4 của Trung ương ngày 14-1-1993 đã ghi rõ: “Củng cố và phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu, trước mắt đầu tư phát triển hai trung tâm y tế lớn với trình độ cao ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, khi có khả năng thì sẽ phát triển trung tâm y tế miền Trung”.

Thực tế trong ba năm qua (1993 - 1995), chúng ta chưa đầu tư được bao nhiêu cho hai trung tâm y tế đó, bởi lẽ còn phải chia sẻ nguồn vốn đầu tư cho phát triển toàn ngành. Để xây dựng một trung tâm y tế chuyên sâu, riêng tiền thiết bị y tế đòi hỏi từ 1.500 - 1.800 tỷ đồng. Đó là khó khăn lớn, ngoài ra còn có những mặt về chuyên môn như: Có các khoa chuyên sâu đầu ngành, trình độ các bệnh viện đầu ngành trong vùng, đội ngũ giáo sư, bác sĩ, thầy thuốc giỏi... mà những điều này chưa được chuẩn bị kỹ. Do vậy, trong 5 năm tới chỉ nên tập trung xây dựng hai trung tâm y tế chuyên sâu và thực hiện các chương trình phát triển y tế toàn ngành như dự thảo đã đề cập và chuẩn bị các điều kiện, để có thể xây dựng một trung tâm ở miền Trung vào kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Cũng có ý kiến cho chỉ tiêu 40% trạm y tế xã có bác sĩ vào năm 2000 là quá cao, khó thực hiện, ngược lại có ý kiến đề nghị tăng lên 50%.

Hiện nay, trong toàn quốc có khoảng 10.165 xã. Số bác sĩ có ở xã cho đến năm 1995 khoảng hơn 1.800 người. Như vậy

số bác sĩ cần có để đạt chỉ tiêu 40% vào năm 2000 như dự thảo là hơn 4.000 người (tăng thêm trong 5 năm tới trên 2.000 bác sĩ nữa).

Theo kế hoạch, số bác sĩ được đào tạo theo hệ chuyên tu tuyển chọn từ y sĩ xã là khoảng 2.700 người. Số này được bổ sung và đưa về công tác tại các trạm y tế xã trong 5 năm tới. Như vậy, chỉ tiêu 40% số trạm y tế xã có bác sĩ vào năm 2000 là có khả năng thực hiện được.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ số dân được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, có ý kiến cho rằng 80% vào năm 2000 là thấp, đề nghị 95 - 100% và chỉ tiêu tỷ lệ số dân được xem truyền hình năm 2000 đề nghị nâng từ 60% (trong dự thảo) lên 90%.

Theo quy hoạch, đến năm 2000, sóng phát thanh sẽ phủ 95% lãnh thổ, có nghĩa là ít nhất 95% người dân Việt Nam có điều kiện bắt được sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam hoặc của các đài địa phương (5% chưa phủ sóng thuộc các vùng xa xôi, núi cao, đảo xa là nơi dân cư thưa thớt). Do vậy, tỷ lệ số dân được nghe đài phát thanh đến năm 2000 đạt 95%, chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh lại trong dự thảo.

Theo quy hoạch phủ sóng của Đài Truyền hình Việt Nam, cùng với việc phát triển mạng lưới điện ở các vùng và số hộ dùng điện được nâng lên, qua tính toán, xác định lại, thì đến năm 2000, số dân được xem truyền hình đạt tỷ lệ 86% (tương đương với 80% số hộ gia đình). Như vậy, chỉ tiêu số dân được xem truyền hình Việt Nam vào năm 2000 sẽ được điều chỉnh lại là 86%.

8. Về chương trình phát triển các vùng lãnh thổ

Các ý kiến đóng góp tập trung vào việc ưu tiên phát triển

các vùng kinh tế trọng điểm (vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng miền Trung...).

Trong dự thảo Báo cáo đã nêu rõ: “Kết hợp phát triển vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, phát huy được lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng...”.

Trong quá trình xây dựng và điều hành kế hoạch, chúng ta luôn luôn quán triệt tư tưởng chỉ đạo đó. Cố gắng tạo điều kiện để các vùng kinh tế trọng điểm phát huy tối đa ưu thế của mình, phát triển vượt trội, đồng thời hỗ trợ cho các vùng còn khó khăn có sức vươn lên, rút ngắn khoảng chênh lệch còn xa với các vùng phát triển, ít ra là thu hẹp khoảng cách về các mặt xã hội; có như vậy mới tạo được sự phát triển hài hoà và bền vững cho cả nước.

Mục tiêu và phương hướng phát triển các vùng lãnh thổ đã được trình bày rõ trong dự thảo, bao gồm vùng miền núi, vùng đồng bằng, vùng ven biển và biển, vùng đô thị và ba vùng kinh tế trọng điểm.

Ở đây xin trình bày thêm một số vùng mà có nhiều ý kiến quan tâm đề cập đến:

- Vùng miền núi phía Bắc: đây là vùng có nhiều tiềm năng phát triển nhưng đang đứng trước những khó khăn rất lớn cần được sự quan tâm của cả nước, được ưu tiên giúp đỡ, tạo những điều kiện ban đầu để khai thác được các lợi thế và nguồn lực tại chỗ, có khả năng thu hút đầu tư và chất xám từ nơi khác đến, đi đôi với phát triển nguồn lực tại chỗ để phát triển.

+ Ở vùng Đông Bắc, sẽ tập trung phát triển mạnh công

nh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng, tăng diện tích chè, hồi, quế, thuốc lá, cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến xuất khẩu. Tái tạo vốn rừng kết hợp với phát triển các vùng rừng nguyên liệu giấy, sợi, gỗ trụ mỏ. Xây dựng tuyến trục phát triển dọc theo đường số 18 và giải kinh tế Hạ Long - Móng Cái trong địa bàn trọng điểm phía Bắc. Nâng cấp các cửa khẩu biên giới, xây dựng cảng Cái Lân và phát triển các đảo, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Tiếp tục nâng cấp các đô thị và hình thành một số cụm dân cư. Phát triển thương mại, du lịch...

+ Ở vùng Tây Bắc, đồng thời với việc phát triển công nghiệp thủy điện quy mô lớn cung cấp điện cho cả nước, sẽ phát triển thủy điện nhỏ, công nghiệp khai khoáng mỏ nhỏ. Trồng rừng, đặc biệt là khu vực đầu nguồn sông Đà, phát triển kinh tế rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày (chè, trẩu) cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, gắn với công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu và cung cấp cho các đô thị. Nâng cấp trục đường số 6, phát triển các cụm dân cư, các đô thị và khu công nghiệp trên trục Mộc Châu, Hát Lót, Tuần Giáo, Điện Biên... Nhanh chóng nâng cao dân trí...

- Vùng Tây Nguyên, tập trung phát triển mạnh cây công nghiệp như cao su, cà phê, chè, trồng rừng và phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông - lâm sản xuất khẩu, phát triển thủy điện. Nâng cấp một số thị xã, thị trấn, hình thành các thị tứ, các cụm dân cư. Xây dựng một số tuyến đường bộ quan trọng...

- Vùng ven biển có nhiều lợi thế phát triển, sẽ được tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và tạo điều kiện để phát huy tiềm năng to lớn của vùng này, kết hợp khai thác kinh tế ven

biển, kinh tế ngoài biển với khu vực nội địa để phát triển nhanh. Quy hoạch và thực hiện phát triển kinh tế biển trong một chương trình liên kết giữa các ngành và các lĩnh vực liên quan nhằm khai thác và nuôi dưỡng tốt nguồn lợi biển, kết hợp chặt chẽ với quốc phòng - an ninh, bảo vệ và làm chủ vùng biển nước ta.

- Vùng duyên hải miền Trung, khai thác hiệu quả tuyến trục xuyên Bắc - Nam, các cảng biển, hình thành một số khu công nghiệp gắn liền với hệ thống các cảng nước sâu ở miền Trung như Chân Mây, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn, Ba Ngòi. Phối hợp sự phát triển các đô thị, khu, cụm công nghiệp với phát triển mạnh du lịch, thương mại, hình thành trục kinh tế trọng điểm ở miền Nam Trung Bộ.

Phát triển cây công nghiệp như dứa, quế, mía..., phát triển nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Phát triển kinh tế rừng.

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long, phát triển thành vùng lương thực, thực phẩm, thủy sản hàng hoá lớn nhất cả nước trên cơ sở lựa chọn cơ cấu cây trồng, mùa vụ thích hợp. Đổi mới cơ cấu kinh tế vùng, phát triển công nghiệp chế biến nông - thủy sản xuất khẩu và phát triển các loại hình dịch vụ tạo bước phát triển nhanh. Chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, nhà ở nông thôn.

Đồng thời với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, sẽ nâng cấp các đô thị, các thị trấn, thị tứ làm hạt nhân phát triển trong vùng và liên kết với các thành phố lớn, xây dựng những cụm dân cư nhằm ổn định đời sống nhân dân và có chương trình tổng hợp với các giải pháp hiện thực chống sạt lở, hạn chế tác hại của lũ lụt vào mùa mưa hàng năm.

Hết sức coi trọng nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ để đáp ứng yêu cầu phát triển.

9. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi

Một số ý kiến đề nghị sửa tiêu đề của chương trình này thành “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc”, cũng có ý kiến đề nghị lấy tiêu đề: “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi - biên giới hải đảo”.

Nhiều ý kiến còn băn khoăn trước thực trạng chậm phát triển, đời sống kinh tế còn khó khăn của đồng bào dân tộc miền núi hiện nay, đề nghị hai vấn đề: Đầu tư đủ liều lượng cho phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và phải có chính sách đồng bộ, trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ người dân tộc, ưu đãi đối với cán bộ vùng khác tự nguyện đến miền núi công tác.

Bộ Chính trị cho rằng, lĩnh vực miền núi và dân tộc luôn gắn kết với nhau, có nhiều điểm chung, do vậy ý kiến đề nghị sửa tiêu đề này thành “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và đồng bào dân tộc” là hợp lý.

Thực trạng kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc hiện nay là rất khó khăn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, mục tiêu của chương trình đề ra là huy động sức của cả nước và khai thác mọi nguồn lực ở địa phương để tạo bước tiến nhanh hơn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, cải thiện môi trường môi sinh...

Nhiệm vụ phát triển từng ngành và lĩnh vực cụ thể như công nghiệp, nông, lâm nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và phát triển các mặt xã hội ở vùng miền núi đã được trình

bày trong dự thảo. Trên cơ sở đó sẽ hình thành các chương trình dự án đầu tư phát triển cho toàn vùng trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000. Trong điều hành phân bố các nguồn lực phát triển của từng thời kỳ kế hoạch, miền núi và những vùng còn khó khăn được coi là một trọng điểm đầu tư của Nhà nước, có chính sách khuyến khích ưu đãi riêng để thu hút nhiều nguồn vốn khác cho toàn vùng.

Các giải pháp và chính sách khuyến khích được nghiên cứu ban hành tùy theo đặc thù và mức độ khó khăn trong từng khu vực, đặc biệt là các chính sách về đầu tư, về đào tạo nguồn nhân lực, về phát triển các mặt văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế...

Việc định canh, định cư cho đồng bào miền núi được xem là một mục tiêu quan trọng của chương trình, với mức phấn đấu đến năm 2000, chấm dứt tình trạng du canh, du cư, tạo điều kiện để ổn định đời sống đồng bào ở các vùng, đặc biệt là ở khu vực khó khăn nhất. Kết hợp định canh, định cư với việc thực hiện các chương trình kinh tế, các chính sách xã hội như xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, xoá bỏ cây thuốc phiện. Ở những nơi điều kiện thiên nhiên quá khắc nghiệt, suất đầu tư quá cao thì cần có quy hoạch, kế hoạch vận động đồng bào di chuyển đến vùng có điều kiện thuận lợi hơn. Nguồn vốn cho định canh, định cư chủ yếu là vốn ngân sách và một phần vốn vay.

Xây dựng và thực hiện các biện pháp đồng bộ về mặt quản lý hành chính, điều hành phát triển kinh tế, xã hội... nhằm chủ động điều chỉnh quá trình di dân phù hợp với quy hoạch của từng vùng, từng địa phương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

10. Chương trình xoá đói, giảm nghèo

Có ý kiến cho là khó thực hiện chỉ tiêu giảm hộ nghèo xuống 10% vào năm 2000 và đề nghị sửa lại 10 - 15%.

Vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đói nghèo là một vấn đề xã hội và cùng với việc làm, hòa nhập xã hội là ba vấn đề nổi cộm của các nước hiện nay. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, nhưng qua thực tế của nước ta có thể chia thành ba nhóm nguyên nhân. Đó là nguyên nhân do bản thân người nghèo, do môi trường tự nhiên khắc nghiệt và do cơ chế, chính sách chưa đồng bộ. Hiện nay, theo đánh giá của nhiều cơ quan, tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam khoảng 20 - 25% tổng số hộ, trong đó đói khoảng 5%.

Trong những năm qua, chúng ta đã làm được nhiều việc nên bình quân mỗi năm giảm được 2% số hộ đói nghèo. Hầu hết các tỉnh, thành phố đã xây dựng được chương trình và lập quỹ xoá đói, giảm nghèo. Đã thành lập được ngân hàng phục vụ người nghèo.

Mục tiêu trong 5 năm 1996 - 2000 là:

Đến năm 2000 không còn hộ đói kinh niên;

Giảm tỷ lệ đói nghèo trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25% hiện nay xuống còn 10% vào năm 2000. Cũng có nhiều ý kiến đề nghị đưa xuống còn 5%. Bộ Chính trị thấy đây là vấn đề rất lớn, rất phức tạp nhưng rất cấp bách. Do đó đề nghị giữ chỉ tiêu như trên nhưng trong chỉ đạo thực hiện cần phấn đấu cao hơn, để đạt mức dưới 10% càng tốt.

Trong 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, tập trung xoá khoảng 60 vạn hộ đói kinh niên hiện nay, trước hết là các vùng có nhiều khó khăn như vùng đồng bào các dân

tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và vùng có nhiều thiên tai.

Chính phủ đang xem xét để quyết định thành lập chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo 5 năm 1996 - 2000 theo cơ chế thực hiện liên ngành, do một ban chỉ đạo của Chính phủ điều phối các hoạt động của các ngành, các địa phương hướng vào thực hiện mục tiêu chung của chương trình. Các bộ, ngành tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể và được thể hiện trong kế hoạch hàng năm của bộ, ngành, địa phương bao gồm các mục tiêu, nhiệm vụ và các nguồn lực bảo đảm do Chính phủ giao.

Để thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chính phủ cũng đã đề ra tám loại chính sách lớn đối với người nghèo về đất đai và tư liệu sản xuất; về cho vay vốn; về giáo dục - đào tạo nghề; về chuyển giao công nghệ; về khuyến khích sản xuất; về hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; về chăm sóc sức khỏe và chính sách đối với người nghèo không còn khả năng lao động.

Với quyết tâm xóa đói, giảm nghèo của Đảng, Chính phủ và các ngành, các địa phương chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đã đề ra và tùy điều kiện của từng địa phương, từng vùng có thể giảm tỷ lệ đói nghèo nhanh hơn tỷ lệ chung của cả nước.

III- CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Trong dự thảo Báo cáo, phân các giải pháp và chính sách phát triển đã trình bày bốn vấn đề:

- Thực hiện tốt các chính sách đối với các thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện cơ chế thị trường.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

- Xúc tiến cải cách hành chính.

Một số câu hỏi tập trung vào vấn đề chính sách đối với các thành phần kinh tế, cải cách hành chính... đã được trả lời và giải trình trong bản Báo cáo chính trị. Ở đây, chỉ đề cập đến một số vấn đề sau đây:

1. Về các yếu tố thị trường, có nhiều câu hỏi đặt ra, song điều chúng ta cần khẳng định là phải sớm đổi mới và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và chính sách, tạo cơ sở hình thành thị trường cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật; kiểm soát được các hoạt động hạn chế cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, tạo sự liên kết gắn bó giữa các loại thị trường, yêu cầu cấp bách là phải phát triển thị trường vốn dưới nhiều hình thức để thúc đẩy tiết kiệm và đầu tư; hình thành và quản lý thị trường sức lao động đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, nhất là đối với lao động được đào tạo; hình thành thị trường về quyền sử dụng đất theo pháp luật gắn với thị trường bất động sản, thực hiện chính sách đất đai đối với các thành phần kinh tế, công khai hóa các hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đòi hỏi làm đủ nghĩa vụ thuế; ngăn chặn nạn làm giàu bất chính lạm dụng đất thuộc tài sản Nhà nước.

Đi đôi với việc đổi mới các chính sách và ban hành các khuôn khổ pháp lý về thị trường, cần thiết phải rà soát lại

các văn bản pháp quy hiện hành để điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp với cơ chế mới. Đồng thời, phải tăng cường hơn nữa việc giáo dục pháp luật, giải thích pháp luật; kết hợp với việc tăng cường công tác tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện pháp luật, từng bước thực hiện phong cách sống, làm việc và kinh doanh theo Hiến pháp và pháp luật, tạo môi trường và khuôn khổ pháp lý cần thiết cho các hoạt động kinh tế.

2. Về đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả, một số ý kiến đề nghị nói rõ hơn việc “bồi dưỡng nguồn thu lâu dài”, ổn định chính sách thuế để nhà sản xuất yên tâm bỏ vốn đầu tư; có ý kiến đề nghị Nhà nước quy định bằng pháp luật việc khuyến khích và trợ giá những mặt hàng thiết yếu, nhất là nông sản thực phẩm. Một số ý kiến cho rằng, Nhà nước cần xoá bỏ thuế sử dụng đất nông nghiệp để chứng tỏ việc trọng nông, khuyến nông, có như vậy mới tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của 80% dân số là nông dân...

Chủ trương “bồi dưỡng lâu dài các nguồn thu” có nghĩa là, trên bình diện vĩ mô phải tạo điều kiện cho các ngành, các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Chính sách thuế đang được tiếp tục cải cách theo hướng đó. Riêng về thuế sử dụng đất nông nghiệp, tỷ lệ thu chiếm trong ngân sách không lớn, nhưng có ý nghĩa quan trọng về thực hiện công bằng và tạo nguồn đầu tư vào nông nghiệp, nhất là vào những nơi điều kiện sản xuất khó khăn. Vì vậy, không nên đặt vấn đề xoá bỏ toàn bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp; mà chỉ áp dụng chính sách miễn giảm thuế này cho những vùng có khó khăn, mất mùa do thiên tai gây ra, hoặc ở các vùng đất quá xấu.

Khi giá nông sản trên thị trường biến động bất lợi cho nông dân, Nhà nước đều có biện pháp trợ giá bằng nhiều hình thức, như đang xử lý đối với giá lúa, giá mía. Đồng thời, bằng những biện pháp, chính sách tổng hợp khác đã thu hẹp dần tỷ giá cánh kéo. Trong mấy năm gần đây, tốc độ tăng giá nông sản thực phẩm đều cao hơn hàng công nghiệp. Xu hướng đó đã góp phần làm tăng thu nhập của nông dân, giảm chênh lệch bất hợp lý giữa thành thị và nông thôn.

3. Về vấn đề tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá, phần lớn ý kiến đều thống nhất như trong dự thảo, tuy nhiên nhiều ý kiến cho rằng việc đổi mới công tác kế hoạch hoá phải đi đôi với việc đổi mới bộ máy làm kế hoạch và phương pháp xây dựng kế hoạch, tránh tình trạng trùng chéo, phiền hà cho cấp dưới. Cần bỏ bớt các khâu trung gian trong quá trình xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Điều đó là hoàn toàn đúng. Trong mấy năm qua, với tinh thần đổi mới cơ chế kinh tế và cơ chế kế hoạch hóa, bộ máy làm kế hoạch đã từng bước được đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ kế hoạch hóa trong tình hình mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư được tổ chức lại với 10 nhiệm vụ, có 28 vụ, viện trực thuộc. Các sở kế hoạch và đầu tư được hình thành, hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ mới phù hợp với quá trình đổi mới của đất nước. Việc xây dựng kế hoạch, giao kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đã có cải tiến. Tập trung hơn vào việc nghiên cứu chiến lược phát triển tổng thể nền kinh tế, quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển từng ngành, lĩnh vực, từng vùng kinh tế trọng điểm, từng khu vực kinh tế và từng tỉnh, thành phố. Bước đầu, việc giao kế hoạch đã tạo quyền chủ động cho cơ sở, cho địa phương. Việc chỉ đạo điều

hành kế hoạch đã tập trung hơn vào những khâu then chốt, bức xúc, kết hợp điều hành vĩ mô trên tổng thể với can thiệp vào thị trường khi cần thiết. Tuy nhiên, những tiến bộ trên mới chỉ là bước đầu. Công tác kế hoạch hóa vẫn chưa bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chưa khai thác triệt để các tiềm lực của các thành phần kinh tế. Các cơ chế, chính sách điều hành thực hiện kế hoạch thường chậm được ban hành hoặc thiếu đồng bộ. Bộ máy làm kế hoạch cần được tiếp tục thay đổi và hoàn thiện trong những năm tới để đáp ứng ngày một tốt hơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 204/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996

Về việc tiếp thu những ý kiến đóng góp vào dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi)

Qua nghiên cứu bản tổng hợp ý kiến (bước đầu) của đại hội các tổ chức cơ sở đảng và hội nghị cán bộ ở một số cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương góp vào dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi), thấy có những nhận xét chung như sau:

Các ý kiến tham gia vào tất cả các chương và điều trong dự thảo Điều lệ với mức độ khác nhau, có cả những ý kiến trái ngược nhau.

Đa số ý kiến cho rằng: Dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi) trình Đại hội VIII lần này được Trung ương chuẩn bị công phu, chu đáo, cách trình bày rõ ràng, văn phong chặt chẽ, dễ hiểu, dễ đối chiếu, về nội dung vẫn giữ những quan điểm cơ bản của Đảng trong các vấn đề: bản chất giai cấp công nhân, mục đích, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức... của Đảng như Điều lệ hiện hành, có bổ sung phát triển một số điểm mới phù hợp với những nguyên lý cơ bản của chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với Cương lĩnh chính trị, đường lối đổi mới của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Song, cũng có ý kiến cho rằng, dự thảo chưa thể hiện được một cách đầy đủ những yêu cầu về đổi mới và chỉnh đốn Đảng phù hợp với tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay như các vấn đề: nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là việc mở rộng dân chủ, tinh giản tổ chức, bộ máy của Đảng, đề cao tính kỷ luật trong Đảng, nâng cao chất lượng và trẻ hoá đội ngũ đảng viên...

*

* *

Bộ Chính trị trong phiên họp ngày 30-3-1996 đã tập trung thảo luận về những vấn đề quan trọng, có nhiều ý kiến khác nhau, tiếp thu những ý kiến xác đáng để sửa chữa và bổ sung một số vấn đề trong dự thảo Điều lệ.

Tại phiên họp này, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, cho ý kiến về 34 vấn đề có nhiều ý kiến nêu ra, nhất là những vấn đề quan trọng về bản chất, mục đích, nguyên tắc và cơ cấu tổ chức của Đảng... về 9 vấn đề cần tiếp thu, sửa đổi dưới đây:

PHẦN MỞ ĐẦU

Nhiều ý kiến đóng góp tập trung vào hai vấn đề: Bản chất của Đảng và mục đích của Đảng.

1. Bản chất của Đảng

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp

công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”.

Ý kiến khác:

+ Đảng là lực lượng tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

+ Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam.

+ Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của cả dân tộc.

+ Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, tầng lớp trí thức và của cả dân tộc.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ.

Vì cách thể hiện như vậy làm rõ được bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, phù hợp với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Khi nói Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động (bao gồm cả lao động trí óc và lao động chân tay) và của cả dân tộc, là sự thể hiện mối quan hệ mật thiết và ý thức trách nhiệm lịch sử to lớn của Đảng với giai cấp, với nhân dân và với dân tộc mình. Từ trước tới nay cũng như từ nay về sau, Đảng ta không ngừng phấn đấu để giữ vững bản chất giai cấp của Đảng, đồng thời xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân. Với ý nghĩa đó, Đảng ta chẳng những là đội tiên phong của giai cấp công

nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

2. Mục đích của Đảng

Dự thảo Điều lệ ghi: “mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”.

Ý kiến khác:

+ Thêm cụm từ “hoà bình, độc lập” sau cụm từ “Xây dựng nước Việt Nam dân chủ...”.

+ Không ghi đoạn “thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”, chỉ cần ghi: “Xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh” là đủ, vì cho rằng: những ý đó đã thể hiện nội dung của chủ nghĩa xã hội mà ta cần xây dựng, còn chủ nghĩa cộng sản thì mới chỉ là một lý tưởng, chưa có trong mô hình thực tế; mặt khác các thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội”, “chủ nghĩa cộng sản” là những lý thuyết; không nên nêu mục đích của Đảng là xây dựng các lý thuyết.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ.

Vì cách thể hiện đó làm rõ được tính nhất quán của Đảng ta về mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là con đường phát triển tất yếu của xã hội Việt Nam, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người đã được nêu trong Cương lĩnh chính trị của Đảng. Việc dùng thuật ngữ “xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” đã trở thành thông lệ từ lâu, được hiểu là xây dựng một chế độ chính trị - xã hội mới, chứ không chỉ là xây dựng những lý thuyết.

Chương I

ĐẢNG VIÊN

Ý kiến thảo luận tập trung vào 6 vấn đề sau đây:

1. Điều kiện vào Đảng (Điều 1)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng, phục tùng kỷ luật Đảng, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao, gương mẫu trong lao động, chiến đấu, học tập, có lối sống lành mạnh; có kiến thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ đảng viên; gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng”.

Ý kiến khác nêu thêm các quy định:

- Giới hạn độ tuổi tối đa để trẻ hoá đội ngũ đảng viên (nam từ 18 tuổi đến 50 tuổi, nữ từ 18 tuổi đến 45 tuổi); yêu cầu trình độ học vấn tối thiểu của đảng viên là phải hết cấp II.

- Thực hiện tốt chính sách kế hoạch hoá gia đình.

Ý kiến Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, với lý do:

- Quy định về giới hạn độ tuổi, trình độ học vấn trong Điều lệ sẽ rất khó vận dụng trong thực tế (các vùng, các dân tộc, các trường hợp đặc thù...).

- Chính sách kế hoạch hoá gia đình là một chính sách lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, nên ghi vào các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; ở trong điểm nói về điều kiện của người vào Đảng chỉ cần ghi những người đó phải: “thừa nhận và tự nguyện:... phục tùng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước”, là đủ.

2. Vấn đề đảng viên “không bóc lột” (Điều 2)

Dự thảo Điều lệ ghi một điểm: “có lao động, không bóc lột” trong nhiệm vụ thứ hai của đảng viên.

Ý kiến khác:

- Không nên ghi cụm từ “không bóc lột” vào Điều lệ Đảng, vì Đảng đã cho phép đảng viên được làm kinh tế tiểu chủ, thực chất là có bóc lột. Đề nghị thay cụm từ trên bằng: “đảng viên được làm kinh tế theo đúng pháp luật quy định”, hoặc “đảng viên được làm giàu chính đáng”, hoặc “đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân”.

- Phải ghi cụm từ “không bóc lột”, nhưng nên ghi ở Điều 1 về điều kiện của người vào Đảng, hoặc đưa lên phần mở đầu thì phù hợp hơn vì “không bóc lột” không chỉ là điều kiện của người vào Đảng và nhiệm vụ của đảng viên mà còn là mục đích của Đảng.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Giữ lại cụm từ “không bóc lột” song không nên ghi ở Điều 1 về điều kiện của người vào Đảng hoặc ở Điều 2 về nhiệm vụ đảng viên, vì cả hai cách ghi đó đều có những mặt được và mặt chưa được. Cũng không nên ghi ở phần mở đầu của Điều lệ vì đây là phần nêu những vấn đề cơ bản về Đảng và công tác xây dựng Đảng. Cần ghi cụm từ “không bóc lột” ở một chỗ thích hợp hơn.

Qua cân nhắc, nhiều ý kiến tán thành nên ghi vào một điểm riêng (mở đầu Điều 1) nói một số vấn đề cơ bản trong tiêu chuẩn đảng viên (như tinh thần cơ bản đã nêu ở Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII) trước khi nói về điều kiện của người vào Đảng. Như vậy, Điều 1 mới sẽ có 2 điểm: điểm 1: tiêu chuẩn đảng viên, điểm 2: điều kiện của người vào Đảng.

Cách thể hiện như sau:

Điều 1:

1. “Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng; có lao động, không bóc lột; gương mẫu trong sản xuất và công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng”.

2. “Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên đều có thể được xét kết nạp vào Đảng, nếu: thừa nhận và tự nguyện phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng, phục tùng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao, gắn bó với quần chúng, qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được quần chúng tín nhiệm”.

3. Quyền của đảng viên (Điều 3)

Dự thảo Điều lệ đã ghi rõ bốn quyền của đảng viên:

“1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về đường lối, chính sách và công tác của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng theo hướng dẫn của Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Phê bình chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức, báo cáo, kiến nghị hoặc khiếu nại với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình...”.

Ý kiến khác đề nghị thêm: đảng viên có quyền đề đạt nguyện vọng, được Đảng quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần; bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi bị xâm phạm; xin miễn sinh hoạt và công tác; xin ra khỏi Đảng.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ.

Không bổ sung những ý kiến đề nghị, vì các ý kiến đó đã được đề cập ở các điều 3, 7, 8 và 35.

4. Điều kiện về người giới thiệu quần chúng vào Đảng (điểm b, Điều 4)

Dự thảo Điều lệ ghi: Người giới thiệu phải: “có ít nhất hai tuổi Đảng và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm” (điểm b, Điều 4).

Ý kiến khác:

- Không nên quy định người giới thiệu quần chúng vào Đảng có ít nhất 2 năm tuổi Đảng.

- Chỉ cần ghi quy định người giới thiệu quần chúng vào Đảng có ít nhất 1 năm tuổi Đảng.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Tiếp thu một ý kiến:

Không quy định tuổi Đảng của người giới thiệu, vì ở Điều 3 đã ghi: đảng viên chính thức có quyền ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, được quyền biểu quyết mọi công việc của Đảng thì cũng có quyền giới thiệu người vào Đảng. Việc bảo đảm chất lượng người vào Đảng được quyết định ở tập thể chi bộ khi xem xét và biểu quyết, không chỉ ở trách nhiệm của người giới thiệu.

5. Thời kỳ dự bị, công nhận đảng viên chính thức, tính tuổi Đảng (Điều 5)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ công bố quyết định kết nạp” (điểm 1).

“Tuổi Đảng của đảng viên tính từ ngày chi bộ công bố quyết định công nhận đảng viên chính thức” (điểm 4).

Ý kiến khác:

- Không cần quy định thời kỳ dự bị của người mới được kết nạp vào Đảng.

- Không nên quy định một mức thời gian dự bị là 1 năm cho tất cả mọi đảng viên mới vào Đảng mà nên quy định thời gian dự bị khác nhau (6 tháng, 9 tháng, 1 năm) cho từng đối tượng ở các thành phần xã hội khác nhau.

- Bổ sung một điểm: kéo dài thêm thời gian thử thách từ 3 đến 6 tháng đối với đảng viên dự bị vi phạm khuyết điểm, để đồng chí đó sửa chữa khuyết điểm trước khi chuyển thành đảng viên chính thức; nếu đảng viên dự bị vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng, thì nên xoá tên ngay, không chờ hết thời gian dự bị.

- Ghi quy định ngày vào Đảng và ngày được công nhận là đảng viên chính thức là ngày cấp ủy ký quyết định thì sẽ có tính pháp lý hơn.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

- Đảng viên mới vào Đảng cần qua thời gian dự bị thống nhất (12 tháng) để các đảng viên mới có điều kiện rèn luyện, thử thách, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Ngày vào Đảng và ngày được công nhận là chính thức của đảng viên phải là ngày chi bộ làm lễ (kết nạp, công nhận chính thức) đã trở thành truyền thống của Đảng. Đó là ngày

đảng viên tuyên thệ trước cờ Đảng, hứa hẹn trước tập thể chi bộ có ý nghĩa rất thiêng liêng.

6. Xử lý trường hợp đảng viên bỏ sinh hoạt Đảng (Điều 8)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng... đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ, thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xoá tên trong danh sách đảng viên”.

Ý kiến khác:

Nên quy định đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng liên tiếp trong năm mà không có lý do chính đáng... thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xoá tên...

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Quy định: “đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng” phải xem xét để xoá tên là chặt chẽ hơn, có tác dụng nâng cao hơn tính tổ chức và kỷ luật của đảng viên, so với quy định trước đây về mức “ba tháng liên tiếp trong năm”.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Có 6 vấn đề cần xem xét sau đây:

1. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng (Điều 9)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng

là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)”.

Ý kiến khác:

- Không nên ghi: Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là những “cơ quan”, chỉ nên coi đó là hình thức tổ chức để thực hiện quyền lực lãnh đạo của Đảng. Còn cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là cấp ủy, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là “Bộ Chính trị” hoặc “Ban Chấp hành Trung ương”.

- Ghi như Điều lệ hiện hành: cơ quan lãnh đạo cao nhất ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên, còn cấp ủy là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Đảng ta là một tổ chức thống nhất, chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng mới là cơ quan lãnh đạo cao nhất của toàn Đảng; các đại hội đảng bộ mỗi cấp là cơ quan lãnh đạo của mỗi đảng bộ; giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của toàn Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi đảng bộ là cấp ủy của mỗi cấp. Cách thể hiện này đúng với nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

2. Quyền bảo lưu ý kiến thuộc về thiểu số của đảng viên (điểm 5, Điều 9)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý

kiến đó; không được phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số”.

Ý kiến khác:

- Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền trình bày rõ ràng quan điểm của mình một cách có tổ chức để rút ra kết luận “đúng - sai” về ý kiến của mình.

- Đảng viên trong khi bảo lưu ý kiến thuộc về thiểu số phải thực hiện nghị quyết của tổ chức đảng đã được biểu quyết tập thể. Sau khi có kết luận của cấp trên hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên thì không còn bảo lưu nữa. Nếu không sẽ bảo lưu mãi mãi. Qua thực tiễn chứng minh ý kiến của thiểu số là đúng thì tập thể tiếp thu và phúc đáp công khai trước chi bộ nơi đảng viên đó sinh hoạt.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ là đủ và chặt chẽ.

3. Hệ thống và cơ cấu tổ chức của Đảng (Điều 10)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước”.

Ý kiến khác:

- Không nên thành lập hệ thống tổ chức của Đảng tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước. Vì sự tương ứng về tổ chức sẽ dẫn tới sự công kênh, chông chéo, nặng nề, kém hiệu quả. Đề nghị cần nghiên cứu thiết kế lại hệ thống tổ chức của Đảng sao cho gọn nhẹ, bảo đảm quyền lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy được chức năng quản lý của Nhà nước.

- Thay từ “tương ứng” bằng từ “phù hợp”.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Có xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng tương ứng với hệ

thống tổ chức của Nhà nước mới bảo đảm được vai trò lãnh đạo của Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức của Đảng thì phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức và xử lý đúng đắn các mối quan hệ của các tổ chức đó.

Dùng từ “tương ứng” thích hợp hơn, linh hoạt hơn các từ khác.

4. Điều kiện trúng cử cấp ủy các cấp (Điều 12)

Dự thảo Điều lệ ghi:

- “Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được đại hội công nhận đủ tư cách”.

- “Trường hợp số người có số phiếu quá bán nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá bán”.

Ý kiến khác:

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được đại hội công nhận đủ tư cách có mặt tại đại hội.

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập.

- Nếu phải bầu lại số người có số phiếu ngang nhau, mà kết quả lặp lại như lần đầu thì căn cứ vào độ tuổi đảng của những người được bầu để quyết định chọn người trúng cử có độ tuổi đảng cao hơn.

- Nếu phải bầu lại, thì điều kiện trúng cử của người được bầu lại cũng phải quá bán.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Tiếp thu ý kiến thứ 2, sửa lại là:

- “Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập”. Quy định như vậy nhằm đề cao ý thức tổ chức của đại biểu và tăng cường trách nhiệm của cấp ủy triệu tập đại hội, bảo đảm tính thống nhất cao của Đại hội Đảng.

- Khi phải bầu lại số người có số phiếu ngang nhau, người có số phiếu cao hơn thì trúng cử, không cần phải quá một nửa, vì bầu lần đầu những người này đã đạt quá một nửa số phiếu rồi; không nên quy định chọn người có độ tuổi đảng cao hơn. Trường hợp bầu lại mà vẫn ngang phiếu nhau, có bầu nữa hay không, do đại hội quyết định.

5. Việc bàn giao và xác định thời điểm hoạt động có hiệu lực của cấp ủy khoá mới (điểm 1, Điều 13)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Cấp ủy khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp”.

Ý kiến khác:

- “Cấp ủy khoá mới nhận bàn giao từ cấp ủy khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp”.

- “Cấp ủy khoá mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu, được chính thức và nhận bàn giao từ cấp ủy khoá trước khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp”.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Cấp ủy khoá mới trúng cử do bầu cử đúng nguyên tắc và thủ tục thì tiến hành bàn giao và điều hành công việc ngay,

đáp ứng được yêu cầu của công việc. Nếu thực hiện như các ý kiến trên thì cấp ủy khoá mới phải chờ đợi, chậm trễ trong điều hành công việc. Nếu phát hiện thấy có sai sót trong bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền phủ quyết kết quả bầu cử đó.

6. Bổ sung, chỉ định, điều động cấp ủy viên các cấp (điểm 2, 3, Điều 13)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp ủy viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới”.

“Khi cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá 1/3 tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu”.

Ý kiến khác:

“Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp điều động, chỉ định, bổ sung tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá 1/3 số cấp ủy viên được bầu”.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Cách ghi như vậy là hợp lý, chặt chẽ, phân biệt rõ mức độ khác nhau giữa việc bổ sung cấp ủy viên không được vượt quá số lượng quy định; cấp trên được quyền chỉ định tăng thêm khi thật cần thiết với số lượng hạn chế và việc điều động không quá 1/3 số cấp ủy viên đã được bầu.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Có 2 vấn đề cần xem xét sau:

1. Đại biểu đại hội bất thường của Đảng (điểm 3, Điều 15)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đại biểu dự đại hội bất thường là những đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách”.

Ý kiến khác:

- “Đại biểu dự đại hội bất thường gồm các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đương chức và một số đại biểu do cấp ủy cấp dưới trực tiếp cử lên”.

- Nên có quy định về đại hội đại biểu bất thường ở các cấp dưới.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

- Quy định này nhằm đề cao vai trò trách nhiệm của đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ, thể hiện tinh thần đổi mới trong sinh hoạt Đảng; không cần thiết phải bầu lại.

- Không cần thiết có quy định về đại hội đại biểu bất thường ở các cấp dưới vì: nếu các cấp dưới có yêu cầu về thảo luận, bổ sung nhiệm vụ của cấp mình thì có thể triệu tập hội nghị cấp ủy mở rộng hoặc hội nghị cán bộ; nếu cần bổ sung, kiện toàn cấp ủy thì cấp ủy thảo luận, báo cáo lên cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định.

2. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng: Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị... (Điều 17)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị, bầu Tổng Bí thư, bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương, bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương...”.

Ý kiến khác:

- Bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư và lập Thường trực Bộ Chính trị do Bộ Chính trị cử ra như hiện nay; không nên lập Thường vụ Bộ Chính trị.

- Nếu lập Thường vụ Bộ Chính trị, thì Thường vụ Bộ Chính trị do Bộ Chính trị cử ra, không do Ban Chấp hành Trung ương bầu, như là một cấp lãnh đạo.

- Đại hội đại biểu toàn quốc bầu Tổng Bí thư; Ban Chấp hành Trung ương bầu Phó Tổng Bí thư.

- Cần có chức vụ Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương thay cho chức Tổng Bí thư, nếu không còn Ban Bí thư.

- Nên lập Hội đồng cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có Trưởng đoàn hoặc Chủ tịch Hội đồng cố vấn.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

- Về phương án lập Thường vụ Bộ Chính trị, không lập Ban Bí thư, đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận, cân nhắc nhiều lần; đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét cho ý kiến, thành lập Thường vụ Bộ Chính trị hoặc giữ Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư như hiện nay.

- Vấn đề “Hội đồng cố vấn” đã được Đại hội VII thảo luận và giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá VII xem xét quyết định cụ thể. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã thảo luận và quyết định cử ba đồng chí cố vấn (Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công), không lập Hội đồng cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương.

Sau khi thảo luận, cân nhắc kỹ vấn đề này, Bộ Chính trị thấy rằng quyết định của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành

Trung ương khoá VII là đúng. Vì vậy, sắp tới chúng ta cần tiếp tục phát huy vai trò của những đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng ta (trong Bộ Chính trị), không lập Hội đồng cố vấn.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Có 2 vấn đề cần xem xét sau:

1. Thời gian triệu tập đại hội đại biểu đảng bộ các cấp (điểm 1, Điều 18)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ 5 năm 1 lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm”.

Ý kiến khác: thời gian triệu tập đại hội đại biểu các cấp sớm hoặc muộn hơn không quá 6 tháng, hoặc 3 tháng.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Nếu quy định thời gian triệu tập sớm hoặc muộn hơn không quá 3 hoặc 6 tháng thì quá cứng nhắc; quy định không quá 1 năm thì dễ vận dụng thực hiện hơn.

2. Nhiệm kỳ bí thư cấp ủy, bầu chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (Điều 20)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ, bí thư và phó bí thư

trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra”.

Ý kiến khác, bổ sung thêm:

- Quy định thời hạn các đồng chí giữ chức vụ bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương không quá hai nhiệm kỳ.

- Cấp ủy bầu cả phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra để nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của chức danh này.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, trong đó:

- Tiếp thu ý kiến đầu về quy định thời hạn giữ chức vụ của bí thư tỉnh, thành ủy nhưng không ghi vào Điều lệ mà để Thường vụ Bộ Chính trị có quy định cụ thể sau này.

- Quy định về: Cấp ủy bầu các ủy viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, tập thể ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như trước đây.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

Có 2 vấn đề cần xem xét sau:

1. Vai trò, chức năng của tổ chức cơ sở đảng (điểm 1, Điều 21)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở”.

Ý kiến khác, đề nghị ghi:

Tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Nói tổ chức cơ sở đảng “là hạt nhân chính trị ở cơ sở” là

nói vị trí chính trị của tổ chức đảng ở cơ sở. Còn về nội dung nhiệm vụ lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng thì không phải chỉ là lãnh đạo về chính trị, mà còn phải lãnh đạo về tư tưởng, về tổ chức, về kinh tế...; như đã được trình bày ở điểm 3 của dự thảo Điều lệ.

2. Nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng (điểm 1, Điều 22)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập 5 năm 1 lần”.

Ý kiến khác:

- Nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường 5 năm 1 lần, còn các tổ chức cơ sở đảng ở khu vực khác 5 năm 2 lần thì phù hợp với tình hình thực tế của các loại cơ sở khác nhau.

- Nhiệm kỳ đại hội của tất cả các loại cơ sở đều 5 năm 2 lần (như Điều lệ hiện hành) là phù hợp với tình hình thực tế của các loại cơ sở. Nếu 5 năm 1 lần thì thời gian quá lâu, hạn chế tính tích cực, khó trẻ hoá cán bộ.

- Nếu nhiệm kỳ đại hội cơ sở 5 năm một lần thì cần có hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường của tổ chức cơ sở đảng.

Ý kiến của Bộ Chính trị:

Tiếp thu ý kiến đề nghị: Nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường là 5 năm 1 lần; ở các tổ chức cơ sở khác là 5 năm 2 lần. Quy định đó phù hợp với tình hình thực tế hơn.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Có 3 vấn đề cần xem xét sau:

1. Tổ chức Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương (điểm 1, Điều 26 và điểm 1, Điều 28)

Dự thảo Điều lệ ghi:

“Quân ủy Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội...”.

“Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương...”.

Ý kiến khác:

- Không nên dùng thuật ngữ “Quân ủy Trung ương” mà nên dùng thuật ngữ “Đảng ủy Quân sự Trung ương”.

- Thống nhất tổ chức Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương thành một đầu mối.

- Không lập Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

- Một số đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội cũng phải do Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội bầu cử ra.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

- Không thể thống nhất hai tổ chức đảng trong Quân đội và Công an thành một tổ chức, do các tổ chức này có chức năng, nhiệm vụ khác nhau.

- Phải lập Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hai lực lượng trọng yếu này.

2. Vai trò của cơ quan chính trị và cán bộ chính trị ở các cấp trong Quân đội (điểm 3, Điều 26)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhận công tác đảng, công tác chính trị...”.

Ý kiến khác:

- Khôi phục lại chế độ chính ủy ở các cấp trong Quân đội.

- Bổ sung quy định: “Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chủ trì công tác chính trị”.

Ý kiến của Bộ Chính trị:

Tiếp thu ý kiến đóng góp: Trong tình hình hiện nay, Đảng cần tăng cường công tác chính trị trong Quân đội nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Quân đội vững mạnh toàn diện. Nhưng do ở trong và ngoài Quân đội vẫn còn một số ý kiến khác nhau về các vấn đề tổ chức và cán bộ (như có lập lại chức chính ủy, hoặc lập ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chủ trì công tác chính trị...) lại chưa được nghiên cứu, tổng kết một cách đầy đủ. Vì vậy, về vấn đề này Bộ Chính trị đề nghị vẫn ghi như dự thảo Điều lệ; đồng thời chỉ đạo Đảng ủy Quân sự Trung ương tổ chức nghiên cứu, sớm trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến kết luận sau Đại hội VIII.

3. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân (điểm 3, Điều 28)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân... hoạt động dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Bộ Chính trị và trực tiếp thường xuyên của Đảng ủy Công an Trung ương...”.

Ý kiến khác:

Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Công an Trung ương thì phù hợp hơn. Không nên ghi là hoạt động dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Tiếp thu ý kiến này.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Có 2 vấn đề cần xem xét sau:

1. Nhiệm vụ của các tổ chức đảng và đảng viên trong công tác kiểm tra (Điều 30)

Dự thảo Điều lệ ghi:

- “... Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra và chịu sự kiểm tra của Đảng”.

- “Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng”.

Ý kiến khác:

- Tổ chức đảng và đảng viên phải tiến hành công tác kiểm tra và chịu sự kiểm tra của Đảng.

- Bổ sung thêm ở điểm 2: Các cấp ủy chẳng những lãnh đạo công tác kiểm tra, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết... của Đảng mà kiểm tra cả việc thi hành pháp luật của Nhà nước.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Tiếp thu các ý kiến:

- “Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra của Đảng”.

- “Cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước”.

2. Hệ thống tổ chức của ủy ban kiểm tra các cấp (Điều 31)*Dự thảo Điều lệ ghi:*

- “Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu...”.

- “Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y...”.

Ý kiến khác:

- “Ủy ban kiểm tra các cấp do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu..., tổ chức theo ngành dọc, độc lập với cấp ủy”.

- “Chủ nhiệm và cả các ủy viên ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y...”.

Ý kiến của Bộ Chính trị:

- Ghi như dự thảo Điều lệ: “Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu” để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp: “Các ủy viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y”. Ghi như vậy để tăng cường công tác quản lý cán bộ của cấp ủy cấp trên và trách nhiệm của ủy viên ủy ban kiểm tra cấp dưới.

*Chương VIII***VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG**

Có 6 vấn đề cần xem xét sau:

1. Việc khen thưởng và kỷ luật trong Đảng (Điều 34)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Việc thi hành kỷ luật trong Đảng phải công minh, chính xác, kịp thời”.

Ý kiến khác: Đề nghị bổ sung nội dung khen thưởng vào chương VIII và Điều 34 của chương này.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Đề nghị tiếp thu ý kiến này, vì:

Trong thực tế Đảng ta đã có những hình thức khen thưởng các tổ chức đảng và đảng viên có tác dụng tốt.

Nếu được Ban Chấp hành Trung ương nhất trí thì ở chương VIII và Điều 34 bổ sung thêm một điểm nói về khen thưởng. Dự kiến ghi như sau:

- Tên chương VIII: “**VIỆC KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG**”.

- Điểm 1, Điều 34: “Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị”.

“Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng phải xử lý kỷ luật công minh, chính xác, kịp thời”...

2. Hình thức kỷ luật đảng viên (Điều 34)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Hình thức kỷ luật đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ”.

Ý kiến khác: Đề nghị thêm hình thức kỷ luật “lưu Đảng”.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ:

Không thêm hình thức “lưu Đảng”, vì hình thức kỷ luật này đã được áp dụng trong Đảng nhiều năm trước đây, có một số nhược điểm, đã được Đại hội VI và Đại hội VII không ghi vào Điều lệ nữa.

3. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm (Điều 35)

Ý kiến khác: Về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên giữ nguyên như quy định trong Điều 36, Điều lệ hiện hành.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Quy định mới này xác định rõ hơn thẩm quyền của từng cấp.

4. Xử lý trường hợp đảng viên bị kỷ luật oan, sai

Dự thảo Điều lệ không ghi.

Ý kiến khác: Cần bổ sung một điểm mới về khôi phục danh dự cho đảng viên khi bị thi hành kỷ luật oan, sai.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Tiếp thu ý kiến này để hướng dẫn trong công tác kiểm tra của Đảng, không ghi vào Điều lệ.

5. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên (điểm 3, Điều 37)

Dự thảo Điều lệ ghi: “Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định”.

Ý kiến khác:

Việc khai trừ đảng viên và giải tán một tổ chức đảng chỉ cần quá nửa số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới xem xét đề nghị là được, vì thực tế nhiệm vụ của cấp dưới chỉ là xem xét, đề nghị, còn quyết định cuối cùng vẫn thuộc về cấp trên có thẩm quyền.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Việc kết nạp, khai trừ đảng viên, giải tán một tổ chức đảng là những vấn đề quan trọng, phải được hơn 2/3 số thành viên tán thành, mới bảo đảm được tính thống nhất và sự chặt chẽ về tổ chức của Đảng.

6. Quy định thời hạn đưa đơn khiếu nại và trả lời thư khiếu nại (điểm 7, 8, Điều 38)

Dự thảo Điều lệ ghi:

- “Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương”.

- “... chậm nhất từ ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết”.

Ý kiến khác:

- Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng ba tháng có quyền khiếu nại. Ý kiến khác đề nghị khiếu nại đến Trung ương từ 2 tháng đến 6 tháng, khiếu nại đến cấp tỉnh, thành phố từ 1 tháng đến 3 tháng.

- Thời gian cấp ủy phải xem xét, giải quyết và trả lời thư khiếu nại của tổ chức đảng và đảng viên đối với cấp tỉnh,

thành phố không quá 30 ngày; đối với cấp Trung ương không quá 90 ngày.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ với các lý do sau:

- Không nên kéo dài hơn thời gian khiếu nại, vì tổ chức đảng và đảng viên đã thấy kỷ luật là không đúng thì có thể khiếu nại ngay.

- Cũng không nên rút ngắn hơn thời gian. Vì trong thực tế có những sự việc phức tạp phải có nhiều thời gian mới có thể xem xét kết luận được.

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Có một số ý kiến sau đây:

- Ghi đề mục chương này như trong Điều lệ hiện hành: “Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân”, hoặc ghi như trong Hiến pháp: “Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”; có ý nghĩa rộng hơn.

- Giữ nguyên Điều 40 trong Điều lệ hiện hành (về nội dung lãnh đạo của Đảng, về nhiệm vụ của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội).

- Không nên lập Đảng đoàn trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp, vì các cơ quan này đã do bầu cử lập ra và do cấp ủy cùng cấp trực tiếp lãnh đạo.

+ Chỉ nên thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ, vì:

Cần có đảng đoàn, ban cán sự đảng để bảo đảm sự lãnh

đạo của Đảng bằng tổ chức ở các cơ quan dân cử, đoàn thể và cơ quan chính quyền các cấp. Vấn đề quan trọng là phải làm rõ chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ, xây dựng và thực hiện đúng quy chế làm việc của các tổ chức đó để tránh trùng lặp, không rõ trách nhiệm.

Chương X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Một số ý kiến đề nghị:

- Vì Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, nên cần ghi rõ hơn, đầy đủ hơn trong Điều lệ Đảng về vai trò trách nhiệm của Đảng đối với Đoàn trong thời kỳ mới.

- Nên ghi thêm một điều về trách nhiệm của các cấp chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội đối với công tác Đoàn và công tác vận động thanh niên.

Ý kiến của Bộ Chính trị: Ghi như dự thảo Điều lệ là đủ.

Những vấn đề cụ thể thì sẽ được ghi trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, không nên ghi trong Điều lệ Đảng.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Một số ý kiến đề nghị:

- Đảng chỉ nên quản lý tài sản của Đảng, còn về hoạt động tài chính thì nên cân nhắc kỹ; nếu có hoạt động thì phải có cơ quan quản lý thống nhất, chặt chẽ.

- Đảng không nên làm kinh tế vì nếu Đảng có làm kinh tế sẽ sinh ra “vùng cấm” và các biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Nhà nước phải đảm bảo kinh phí hoạt động của Đảng.

Ý kiến của Bộ Chính trị:

- Tiếp thu ý kiến: Đảng thống nhất quản lý chế độ tài chính, tài sản của Đảng (bổ sung vào điểm 1, Điều 46).

- Các điểm khác ghi như dự thảo Điều lệ là phù hợp.

Bộ Chính trị giao cho đồng chí phụ trách về tài chính của Đảng sớm nghiên cứu, làm báo cáo tình hình hoạt động tài chính của Đảng trong thời gian vừa qua để Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến cụ thể về vấn đề này.

*

* *

Tiểu ban Điều lệ đã nhận được một số bản góp ý kiến về văn phong, câu chữ của các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương, địa phương và một số đảng viên. Những ý kiến này sẽ được xem xét để tu chỉnh toàn văn dự thảo Điều lệ.

Trong phiên họp này, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, cho ý kiến về các vấn đề đã được trình bày ở trên.

Căn cứ vào ý kiến kết luận của Ban Chấp hành Trung ương kỳ này, cùng với việc tiếp thu ý kiến đóng góp vào dự thảo Điều lệ ở đại hội đảng bộ các cấp huyện và tỉnh, Bộ Chính trị sẽ trình Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục cho ý kiến để hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ sửa đổi, trình Đại hội VIII.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 217/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996

VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRUNG ƯƠNG ĐÃ THẢO LUẬN CÁC DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI VIII

Tại Hội nghị Trung ương lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã dành một ngày rưỡi ở tổ và một ngày rưỡi ở hội trường để thảo luận việc tiếp thu ý kiến đóng góp vào ba dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII. Đã có 195 lượt ý kiến phát biểu ở tổ và 13 lượt ý kiến phát biểu ở hội trường. Các ý kiến đều bày tỏ nhất trí về cơ bản với các bản tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị trình Trung ương. Nhiều ý kiến phát biểu chủ yếu là phân tích, luận giải, bổ sung hoặc làm rõ thêm một số vấn đề cụ thể; đối với những ý kiến này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo chọn lọc tiếp thu trong quá trình chỉnh lý các báo cáo.

Một số ý kiến nêu lại một số vấn đề mà các hội nghị Bộ Chính trị và hội nghị Trung ương trước đây đã thảo luận hoặc trùng với nội dung ý kiến của các cấp đã đóng góp vào văn kiện mà Bộ Chính trị đã có giải trình hoặc Trung ương đã có biểu quyết, kết luận (trong đó có cả kết luận của Bộ Chính trị về một số quan điểm lớn thuộc nội dung Báo cáo

chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi) mà Ban Chấp hành Trung ương đã biểu quyết nhất trí tán thành tại Hội nghị này sáng 16-4-1996). Về những vấn đề nói trên, Bộ Chính trị không trình bày lại với Trung ương. Tuy nhiên, Bộ Chính trị cũng chọn ra một số vấn đề đề nghị Trung ương biểu quyết để có cơ sở chính lý văn kiện (xin xem nội dung phiếu biểu quyết kèm theo).

Dưới đây Bộ Chính trị chỉ xin trình bày với Trung ương một số vấn đề lớn mới nêu ra tại Hội nghị này.

Về đặc điểm tình hình thế giới ngày nay, có đồng chí lưu ý không dùng khái niệm “trật tự thế giới mới” trong các văn bản chính thức của Đảng.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến này vì khái niệm này chưa phản ánh rõ bản chất của thế giới sau chiến tranh lạnh, dễ dẫn đến cách hiểu rằng ngày nay những mâu thuẫn cơ bản của thời đại đã hoàn toàn thay đổi. Vì vậy trong Báo cáo chính trị đã không dùng khái niệm này.

Có ý kiến đề nghị khi nói đến đặc điểm của thời đại, phải tính đến việc những nước xã hội chủ nghĩa còn lại với hơn 1 tỷ người trên thế giới đang tiếp tục kiên trì xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải cách, đổi mới có kết quả. Đây là một trong những căn cứ để chúng ta nhận định rằng thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên để đánh giá chính xác thực trạng chính trị, xã hội ở những nước này, cần có sự nghiên cứu, phân tích kỹ hơn, nhất là quan điểm xử lý các vấn đề của mỗi nước.

Về mục tiêu đến năm 2000 vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, vấn đề này đã được ghi

trong văn kiện Đại hội VII. Bộ Chính trị cũng đã có giải trình, song vẫn còn nhiều ý kiến phân vân. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương biểu quyết theo hai phương án sau đây:

+ Giữ như dự thảo Báo cáo chính trị.

+ Không nói “vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển”, chỉ nêu “năm 2000 tăng GDP tính theo đầu người gấp đôi năm 1990”.

Về chính sách đối với các thành phần kinh tế:

- Nhiều ý kiến đề nghị khẳng định việc thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Vấn đề này đã được nêu rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, Bộ Chính trị sẽ cho bổ sung vào dự thảo.

- Có ý kiến đề nghị phải đối xử bình đẳng đối với các thành phần kinh tế. Tuy vậy hiểu đối xử bình đẳng là thế nào thì vẫn có sự khác nhau nhất định. Bộ Chính trị cho rằng cần quan niệm vấn đề này như sau:

+ Mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật. Song những quy định của luật, pháp lệnh, nghị định... và trong điều hành thì phải thể hiện quan điểm giai cấp công nhân, lợi ích của nhân dân lao động, bản chất chính trị của Nhà nước ta, chế độ ta; phải thể hiện chính sách khuyến khích hoặc hạn chế đối với các thành phần khác nhau trong những lĩnh vực, ngành nghề cụ thể.

Khi đã định rõ khuôn khổ pháp lý cho sự hoạt động của từng thành phần kinh tế, thì doanh nghiệp thuộc bất cứ thành phần nào làm ăn đúng pháp luật, đều được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển. Doanh nghiệp nào vi phạm

pháp luật, các chính sách, chế độ của Nhà nước, đều bị xử lý theo đúng luật, không thiên vị.

+ Có những hoạt động công ích, hoặc những hoạt động kinh doanh cần cho lợi ích chung, nhưng do điều kiện khách quan mà suất sinh lời thấp, thậm chí thua lỗ, cho nên Nhà nước phải hỗ trợ. Thông thường các doanh nghiệp nhà nước đảm nhiệm các hoạt động đó, nên được sự hỗ trợ này. Song nếu doanh nghiệp thuộc các thành phần khác cũng tham gia, thì tùy theo mức độ đóng góp mà cũng nhận được sự trợ giúp tương tự. Đó cũng là sự đối xử bình đẳng.

+ Có những lĩnh vực, địa bàn, những ngành mà do lợi ích chung kinh tế, chính trị, xã hội, chỉ có kinh tế nhà nước mới được đảm nhiệm; trong những trường hợp này việc không cho phép các thành phần khác tham gia không có nghĩa là đối xử không bình đẳng.

+ Đối xử bình đẳng với các thành phần không có nghĩa là coi các thành phần đều có vị trí như nhau trong việc hình thành chế độ kinh tế - xã hội mới. Do bản chất của mình, các thành phần dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất có thể tự phát đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, trong lãnh đạo, chỉ đạo, phải chăm lo đổi mới, củng cố và phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, vừa để trực tiếp tạo lập cơ sở hạ tầng cho chủ nghĩa xã hội, vừa hỗ trợ, thúc đẩy, hướng dẫn các thành phần khác phát triển theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

- Có ý kiến bản khoản về cách nói “kinh tế nhà nước cùng kinh tế hợp tác là nền tảng”, trong khi kinh tế hợp tác lại bao gồm cả những tổ nhóm hợp tác đơn giản, chưa mang đầy đủ tính chất xã hội chủ nghĩa.

Bộ Chính trị cho rằng nền tảng thực sự cho chế độ xã hội mới phải là những hoạt động kinh tế dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Ngoài kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng, thì chỉ có những hợp tác xã ở trình độ phát triển cao, do những người lao động tự nguyện lập ra, dựa trên sở hữu tập thể là chính, mới đáp ứng được điều kiện đó. Nhà nước đã có Luật hợp tác xã.

Vì vậy, để diễn đạt một cách chuẩn xác, sẽ sửa lại như sau: kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã (hay kinh tế tập thể) là nền tảng.

- Có ý kiến đề nghị sắp xếp lại thứ tự trình bày về các thành phần kinh tế, đưa kinh tế tư bản nhà nước lên sau kinh tế hợp tác, bởi vì xét về vai trò trong việc hình thành chế độ xã hội mới, thì thành phần này quan trọng hơn kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp thu ý kiến đó.

- Về thái độ đối với kinh tế tư bản tư nhân, còn có những ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng không nên có sự khống chế, mà cứ cho phát triển vì thành phần này còn tồn tại lâu dài, kể cả khi có chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, nhiều ý kiến đề nghị cho tư bản tư nhân phát triển nhưng phải kiềm chế, định hướng mức độ, quy mô của thành phần này, có sự hướng dẫn nó đi theo con đường tư bản nhà nước, vì không thế thì về sau kinh tế tư bản tư nhân sẽ thành lực lượng đối trọng với kinh tế nhà nước, nguy hại đến định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến thứ hai. Điều đó có nghĩa là trong khi tiếp tục có chính sách đúng nhằm động viên mọi tiềm năng, phát huy mặt tích cực của kinh tế tư bản tư

nhân vì quốc kế, dân sinh, chúng ta phải có biện pháp chủ động ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực, hướng dẫn kinh tế tư bản tư nhân đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Không nên sửa cách nói của Đại hội VII: “khuyến khích tư bản tư nhân phát triển không hạn chế về quy mô và số lượng thuê mướn nhân công trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm”, vì có thể gây tâm lý nghi ngờ ta thay đổi chính sách, song khi thực hiện cần phải áp dụng các biện pháp sau đây:

+ Phải căn cứ vào tình hình cụ thể từng giai đoạn mà thông qua luật pháp để định rõ ngành nào, lĩnh vực nào khuyến khích tư bản tư nhân phát triển không hạn chế quy mô, số lượng thuê mướn nhân công; ngành nào, lĩnh vực nào cho phát triển nhưng có những giới hạn về quy mô, mức độ; ngành nào, lĩnh vực nào không cho phép tư bản tư nhân hoạt động.

+ Phải chăm lo phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã, làm cho khu vực này ngày càng lớn mạnh, đủ sức làm nền tảng, hướng dẫn kinh tế tư bản tư nhân.

+ Phải đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân, nhất là tư bản tư nhân trong nước, hình thành và phát triển các loại hình kinh tế tư bản nhà nước, trước hết là với những doanh nghiệp tư nhân lớn, hoạt động trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng.

+ Phải tăng cường kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước.

+ Phải củng cố và tăng cường vai trò của các tổ chức đảng, công đoàn, các đoàn thể chính trị, xã hội trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân, v.v..

VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ:

- Về đất đai và thị trường nhà cửa, nhiều ý kiến cho rằng trong hai báo cáo tiếp thu của Bộ Chính trị có sự trình bày khác nhau gây ra cách hiểu không nhất quán.

Dự thảo Báo cáo chính trị xác định: “đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hoá, không cho phép mua bán đất đai. Thực hiện đúng Luật đất đai”. Trong Báo cáo tiếp thu các ý kiến đóng góp, Bộ Chính trị đã đề nghị giữ nguyên ý này vì đây là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Báo cáo tiếp thu các ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 lại viết: “hình thành thị trường về quyền sử dụng đất theo pháp luật, gắn với thị trường bất động sản... công khai hoá các hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất...”.

Để tránh hiểu nhầm là chúng ta cho tự do mua bán đất đai, sẽ cân nhắc và sửa lại cách viết trong Báo cáo kế hoạch 5 năm về vấn đề này.

- Về vấn đề độc quyền, có ý kiến đề nghị chỉ nói độc quyền nhà nước, không nói độc quyền kinh doanh. Bộ Chính trị đề nghị vẫn giữ như dự thảo: “thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường”. Chủ trương như vậy là phù hợp với thực tế vì hiện nay doanh nghiệp nhà nước vẫn độc quyền kinh doanh số mặt hàng mà vì nhiều lý do chưa thể xoá bỏ ngay được (ví dụ như đường sắt).

VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG:

Nhiều ý kiến nhất trí với ý kiến của Bộ Chính trị về việc

tiếp thu để chỉnh lý phần “Xây dựng Đảng” trong Báo cáo chính trị.

- Có một số ý kiến như: cần có chính sách đối với cán bộ hưu vì đội ngũ ngày càng đông và quan trọng ở cơ sở; cần đánh giá sâu hơn lệch lạc về quan điểm, lập trường, cảnh giác với khuynh hướng “xã hội - dân chủ” ở các thành phố lớn; phê phán sâu hơn tình trạng lợi là mất cảnh giác trong cán bộ, đảng viên; lấy phiếu tín nhiệm hàng năm đối với cấp ủy, v.v.. Bộ Chính trị nhận thấy trong dự thảo văn kiện đã đề cập, song sẽ cần nhắc chọn lọc để tiếp thu khi chỉnh lý văn kiện.

Có những ý kiến mà Bộ Chính trị đã trình bày trước Trung ương nhiều lần và đã được Hội nghị Trung ương 9 nhất trí, nay đề nghị tiếp tục thực hiện như kết quả biểu quyết của Hội nghị Trung ương 9. Chẳng hạn: Trung ương đã đồng ý không cần có báo cáo riêng về tổng kết xây dựng Đảng tại Đại hội, giao cho Bộ Chính trị xem xét bản tổng kết của Tiểu ban Tổng kết xây dựng Đảng, gửi cho các cấp ủy, đồng thời đưa một số nội dung thích hợp vào Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi).

- Có ý kiến về tổ chức các ban của Đảng, về tổ chức đảng ủy khối,... Bộ Chính trị đề nghị cho tiếp tục nghiên cứu, tổng kết.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung những ý về “độc lập”, “dân chủ” hoặc “nhân dân làm chủ” vào khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Trong bản trình bày ở Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ cách diễn đạt như cũ. Song cũng xin Trung ương biểu quyết lại vấn đề này.

- Có ý kiến đề nghị sửa tiêu đề phần thứ tư là: “xây dựng Đảng ngang tầm thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Bộ Chính trị đề nghị giữ tiêu đề như dự thảo: “xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới”, vì nói thời kỳ mới như thế có nội dung rộng hơn, bao quát hơn.

- Có ý kiến đề nghị: đảng viên có thể làm kinh tế tư bản nhà nước. Bộ Chính trị thấy rằng ý kiến này đáng nghiên cứu, nhưng vì Hội nghị này chưa có điều kiện thảo luận kỹ, xin đề nghị để hội nghị Trung ương sau sẽ cho ý kiến quyết định.

- Về tổ chức các cơ quan lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương như Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư; về vấn đề tổ chức Hội đồng cố vấn, Ủy ban giám sát..., Bộ Chính trị đã trình bày và Trung ương đã biểu quyết trong phần bàn về nhân sự, Bộ Chính trị xin không trình bày lại.

Về Đại hội toàn quốc bất thường của Đảng và cơ quan Thường trực của Đại hội:

- Một số ý kiến đề nghị trong trường hợp cần tiến hành Đại hội bất thường của Đảng thì bầu lại các đại biểu, không triệu tập các đại biểu đã dự Đại hội đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách.

Một số ý kiến đề nghị nên bổ sung thêm quy định: đại biểu dự Đại hội bất thường của Đảng là các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đại biểu đã dự Đại hội toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách.

- Một vài ý kiến đề nghị nên có cơ quan và đại diện Thường trực của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Bộ Chính trị cho rằng không nên bầu lại đại biểu dự Đại hội toàn quốc bất thường của Đảng vì làm như vậy sẽ mất

nhiều thì giờ, tốn kém, mà lại không đề cao được trách nhiệm của các đồng chí đại biểu đã dự Đại hội toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến bổ sung thêm vào thành phần đại biểu dự Đại hội bất thường của Đảng các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, vì có một số đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương nhưng không phải là đại biểu của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ.

Bộ Chính trị thấy không cần có cơ quan và đại diện Thường trực của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng vì Ban Chấp hành Trung ương chính là cơ quan chấp hành của Đại hội; các đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ không phải là đại biểu thường nhiệm của Đảng. Khi cần có Đại hội bất thường thì các đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách mới được triệu tập.

Về tài chính của Đảng:

- Một số ý kiến tán thành như dự thảo Điều lệ đã ghi: “Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng và ngân sách do Nhà nước cấp”; và bổ sung thêm: “Thường vụ Bộ Chính trị quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính và tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên”.

- Một số ý kiến không tán thành ngân sách Đảng gồm cả nguồn thu từ các doanh nghiệp của Đảng, cho rằng nếu Đảng có các doanh nghiệp riêng rẽ sinh ra “vùng cấm” dẫn tới tiêu cực, làm mất uy tín của Đảng.

- *Ý kiến của Bộ Chính trị:*

+ Ghi như dự thảo Điều lệ, trong đó: về các nguồn tài chính của Đảng, có một nguồn là “từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng”. Vì tuy ngân sách nhà nước tài trợ cho Đảng là chủ yếu, nhưng Đảng vẫn cần chủ động một phần nguồn thu. Trong thực tế, một số tổ chức kinh tế và sự nghiệp của Đảng (nhà in, nhà xuất bản, báo Đảng, nhà khách của Đảng...), ngoài nhiệm vụ chính là phục vụ, lấy thu bù chi, vẫn có thể thực hiện một số dịch vụ có tính chất kinh doanh, có tác dụng tích cực. Một số doanh nghiệp của Đảng hoạt động kém hiệu quả, có những biểu hiện tiêu cực, có nhiều nguyên nhân, trong đó có thể có sự lợi dụng danh nghĩa Đảng để làm ăn trái luật pháp, nhưng cái chính vẫn là cơ chế quản lý và con người có nhiều sơ hở, yếu kém. Chúng ta cần và có thể khắc phục những nguyên nhân đó.

Bộ Chính trị sẽ giao cho các cơ quan chức năng tổng kết tình hình hoạt động kinh tế của Đảng trình Bộ Chính trị xem xét quyết định: những lĩnh vực, cơ sở nào cần tiếp tục duy trì, những lĩnh vực, cơ sở nào không được hoạt động nữa vì không có lợi về nhiều mặt. Đồng thời, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo, chấn chỉnh tổ chức, tăng cường quản lý các đơn vị làm kinh tế của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
 Số 219/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996
Về một số vấn đề trong các văn kiện trình
Đại hội VIII

Tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có 159 đồng chí.

Có mặt 157 đồng chí tham gia biểu quyết.

Số phiếu phát ra: 157

Số phiếu thu về: 157

Số phiếu hợp lệ: 157

Kết quả biểu quyết như sau:

1. Về mục tiêu đến năm 2000

- Có 112 đồng chí (70,44%) tán thành chỉ ghi “GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990”, không ghi “vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển”.

- Có 45 đồng chí (28%) tán thành “Vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển”.

Như vậy, Trung ương đã tán thành chỉ ghi: “GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990”, không ghi “vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển”.

2. Về chủ trương đối với kinh tế tư bản tư nhân

- Có 145 đồng chí (91,19%) tán thành cho phát triển nhưng phải quy định quy mô, mức độ theo ngành, lĩnh vực, địa bàn cụ thể, đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn làm ăn hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh, đi dần vào con đường tư bản nhà nước.

- Có 9 đồng chí (5,66%) đề nghị cho phép tư bản tư nhân phát triển không hạn chế.

- 2 đồng chí có ý kiến khác.

- 1 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, Trung ương đã tán thành về chủ trương đối với kinh tế tư bản tư nhân là: cho phát triển nhưng phải quy định quy mô, mức độ theo ngành, lĩnh vực, địa bàn cụ thể, đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn làm ăn hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh, đi dần vào con đường tư bản nhà nước.

3. Về khẩu hiệu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”

- Có 129 đồng chí (81,13%) tán thành với khẩu hiệu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

- Có 14 đồng chí (8,81%) tán thành “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Có 2 đồng chí tán thành với khẩu hiệu “Nhân dân làm chủ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

- Có 3 đồng chí tán thành với khẩu hiệu “Độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

- 3 đồng chí có ý kiến khác.
- 6 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, Trung ương đã nhất trí thông qua khẩu hiệu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

4. Về cụm từ “không bóc lột”

- Có 129 đồng chí (81,13%) tán thành ghi cụm từ này vào điểm 1 trong Điều 1 của Điều lệ Đảng (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

- Có 26 đồng chí (16,35%) đề nghị không ghi vào Điều lệ.
- 1 đồng chí có ý kiến khác.
- 1 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, về cụm từ “không bóc lột”, Trung ương đã tán thành ghi cụm từ này vào điểm 1 trong Điều 1 của Điều lệ Đảng (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

5. Về thời kỳ dự bị của đảng viên mới kết nạp (Điều 5)

- Có 145 đồng chí (91,19%) đồng ý với quy định “Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị 12 tháng, tính từ ngày chi bộ công bố quyết định kết nạp” (như dự thảo Điều lệ).

- Có 10 đồng chí (6,29%) đề nghị không cần thời kỳ dự bị.
- 2 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, Trung ương đã tán thành: “Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị 12 tháng, tính từ ngày chi bộ công bố quyết định kết nạp” (như dự thảo Điều lệ).

6. Về nhiệm kỳ của đại hội cơ sở (Điều 22)

- Có 125 đồng chí (78,62%) đồng ý: Đại hội đại biểu tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường là 5 năm một lần; ở các tổ chức cơ sở khác là 5 năm 2 lần (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

- Có 30 đồng chí (18,87%) đồng ý: Đại hội đại biểu ở tất cả các loại tổ chức cơ sở đảng là 5 năm 2 lần.

- 2 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, Trung ương đã tán thành: Đại hội đại biểu tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường là 5 năm một lần; ở các tổ chức cơ sở khác là 5 năm 2 lần (như Tờ trình của Bộ Chính trị).

7. Về đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp huyện

- Có 68 đồng chí (42,77%) tán thành có lập ban cán sự đảng ở cấp huyện.

- Có 87 đồng chí (54,72%) đề nghị không lập ban cán sự đảng ở cấp này.

- 1 đồng chí có ý kiến khác.
- 1 đồng chí không tỏ rõ thái độ.

Như vậy, Trung ương đã tán thành: không lập ban cán sự đảng ở cấp huyện.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII

Ngày 20 tháng 4 năm 1996

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII họp từ ngày 12 đến ngày 20-4-1996, sau khi nghiên cứu, thảo luận các báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

QUYẾT NGHỊ:

I. Ủy nhiệm Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng:

1- Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề thuộc nội dung các dự thảo văn kiện chuẩn bị trình Đại hội VIII, nghiên cứu tiếp thu những ý kiến đóng góp sấp tới của đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương và của toàn dân để chỉnh lý dự thảo các văn kiện:

- Báo cáo chính trị;
- Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000;

- Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi);
trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua.

2- Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về chuẩn bị nhân sự Đại hội và những ý kiến phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần này, chỉ đạo Tiểu ban nhân sự Trung ương tiếp tục xây dựng phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII để trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét, quyết định.

II. Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng từ ngày 22 đến ngày 30-6-1996; trong đó, Đại hội nội bộ từ ngày 22 đến ngày 26-6-1996 vào Đại hội công khai từ ngày 28 đến ngày 30-6-1996.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII**

Ngày 20 tháng 4 năm 1996

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Sau chín ngày làm việc khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã hoàn thành nhiệm vụ: Cho ý kiến về tiếp thu các kiến nghị để bổ sung, sửa chữa, hoàn chỉnh các văn kiện trình Đại hội VIII; và thảo luận một số vấn đề về tổ chức, chuẩn bị nhân sự cho Đại hội.

Về nội dung thứ nhất (thảo luận cho ý kiến về việc tiếp thu các kiến nghị để bổ sung, hoàn chỉnh các văn kiện): Các đồng chí Trung ương đã nhất trí cơ bản với các bản tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị và cho rằng Báo cáo của Bộ Chính trị chuẩn bị công phu, nghiêm túc và có sức thuyết phục. Trung ương đã nhiều lần cho ý kiến; nhiều vấn đề đã được kết luận

tại Hội nghị Trung ương 9. Lần này ý kiến phát biểu chủ yếu phân tích, luận giải hoặc bổ sung làm sâu sắc và sáng tỏ thêm các vấn đề lớn nêu trong các dự thảo văn kiện trình Đại hội. Trung ương cũng đã biểu quyết một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương kỳ này là căn cứ rất quan trọng để tiếp tục bổ sung, sửa chữa, hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện Đại hội, kết hợp với ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các tỉnh, thành phố, các đảng bộ trực thuộc Trung ương và của toàn dân.

Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc biên tập, hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện Đại hội để trình Hội nghị Trung ương lần thứ 11 quyết định. Đối với những ý kiến chưa được kết luận để sử dụng ngay trong dịp này thì cho tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn.

Về nội dung thứ hai (thảo luận một số vấn đề về tổ chức và chuẩn bị giới thiệu nhân sự cho Đại hội VIII): Trung ương xác định đây là một trọng tâm của Hội nghị lần này. Các ý kiến phát biểu đều rất tâm huyết, thẳng thắn và trong sáng, thể hiện tinh thần trách nhiệm rất cao trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, trước vận mệnh của đất nước và tiền đồ của dân tộc, trước Đảng, trước dân. Trung ương đã nhất trí cao, cả về tiêu chuẩn và cơ cấu, chất lượng và số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, nội dung và phương pháp tiến hành lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII.

Đại hội VIII là Đại hội bàn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Để bảo

đảm thực hiện tốt đường lối đó, Đại hội phải lựa chọn bầu ra cơ quan lãnh đạo của Đảng tương xứng với đòi hỏi của nhiệm vụ.

Hơn một năm qua, Trung ương đã tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương kỳ này là một bước chuẩn bị rất quan trọng. Trách nhiệm của Đảng ta là phải xây dựng một Ban Chấp hành Trung ương vững mạnh, có chất lượng cao, tiêu biểu cho phẩm chất và trí tuệ của toàn Đảng và của cả dân tộc, có uy tín lớn, trong đó hạt nhân là Bộ Chính trị thật sự vững vàng, kiên định, đoàn kết nhất trí, đủ sức lãnh đạo đất nước ta tiến vào thời kỳ phát triển mới. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm tính liên tục, tính phát triển, có cơ cấu ba độ tuổi, trẻ hóa, vừa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ 5 năm trước mắt, vừa chuẩn bị cho sự phát triển liên tục trong các nhiệm kỳ sau. Những đồng chí được bầu vào Trung ương và Bộ Chính trị phải là những đồng chí có đủ đức, tài (trong đó đức là gốc). Đặc biệt chú ý vấn đề phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết thống nhất. Dứt khoát không đưa vào Trung ương những người cơ hội về chính trị, thiếu vững vàng kiên định, hoặc tham nhũng... Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cần tự xem xét, kiểm tra chính bản thân mình, kiểm tra và chịu trách nhiệm về người mà mình giới thiệu. Đồng thời cần qua kỳ đại hội cấp tỉnh, thành phố sắp tới kiểm tra lại tình hình đội ngũ cán bộ nơi mình phụ trách. Thực tế vừa qua cho thấy phải rất nghiêm túc, chặt chẽ trong việc lựa chọn cán bộ và quản lý cán bộ. Chỉ có xây dựng được một đội ngũ cán bộ có chất lượng tốt, cơ quan lãnh đạo vững, tổ chức bộ máy hợp lý, phương thức làm việc

khoa học, thì mới có thể thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Bộ Chính trị căn cứ vào những quyết định của Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục chuẩn bị các công việc về nhân sự, nhất là cung cấp thêm thông tin, làm rõ thêm một số vấn đề để Trung ương xem xét và quyết định vào kỳ họp Ban Chấp hành lần thứ 11. Công việc chuẩn bị nhân sự Đại hội là trách nhiệm trọng đại của Ban Chấp hành Trung ương. Đề nghị các đồng chí Trung ương dành thời gian và công sức để lo vấn đề nhân sự, chuẩn bị một cách tốt nhất, tìm ra phương án tối ưu trình Đại hội VIII.

Đối với một số vấn đề khác nêu ra trong Hội nghị này, Trung ương cũng đã cho ý kiến một cách thẳng thắn, sâu sắc.

Qua Hội nghị Trung ương lần thứ 10, một lần nữa chúng tôi Đảng ta có một tập thể Ban Chấp hành Trung ương mạnh, đoàn kết nhất trí cao, toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp của Đảng và dân tộc. Kinh nghiệm cho thấy, để có được điều đó, chúng ta phải luôn luôn nắm vững và kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, thật sự dân chủ, thảo luận, tranh luận thẳng thắn, chân thành; khi đã biểu quyết thì phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, nói và làm theo quyết định của tập thể; không nể nang, nhân nhượng những vấn đề có tính nguyên tắc, đồng thời luôn luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến của các đồng chí khác...

Từ nay đến Đại hội VIII, thời gian còn rất ít, chúng ta có nhiều việc phải làm, đòi hỏi mỗi đồng chí Trung ương phải tranh thủ thời gian, làm việc khẩn trương để chuẩn bị tốt về mọi mặt cho Đại hội. Một mặt cần quán triệt tinh

thần của Hội nghị Trung ương lần này cũng như các nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào việc chỉ đạo tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tỉnh, thành, các đảng bộ trực thuộc Trung ương. Mặt khác cần nghiên cứu, suy nghĩ, chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc.

Chúng ta tin tưởng rằng, với tinh thần trách nhiệm cao và kinh nghiệm đã có, với những kết quả đã chuẩn bị được thời gian qua và những việc làm sau Hội nghị Trung ương này, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, chuẩn bị một cách tốt nhất bảo đảm cho Đại hội VIII thành công tốt đẹp.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII).

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

CÔNG VĂN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 320-CV/TW, ngày 13 tháng 5 năm 1996

**Về yêu cầu các tỉnh, thành ủy, các ban,
đảng ủy chỉ đạo, giúp đỡ hội nông dân các cấp
thành lập quỹ hỗ trợ nông dân nghèo***

Việc thành lập “Quỹ hỗ trợ nông dân” thuộc Hội Nông dân Việt Nam là một chủ trương đúng, nhằm giúp nông dân, trước hết là nông dân nghèo có vốn sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp chỉ đạo giúp đỡ, tạo điều kiện cho hội nông dân các cấp xây dựng quỹ và hoạt động có hiệu quả theo đúng điều lệ của quỹ và luật pháp của Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 14-NQ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996

Về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng

I

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về đấu tranh chống tham nhũng, các ngành, các cấp đã có cố gắng và đạt được một số kết quả: phát hiện và xử lý được một số vụ tham nhũng; trừng trị những kẻ đục khoét tài sản của Nhà nước, tập thể và của nhân dân; thu hồi lại cho Nhà nước và trả lại cho dân một số tài sản đã bị bọn tham nhũng chiếm dụng.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh chống tham nhũng đạt hiệu quả rất thấp. Tham nhũng vẫn diễn ra tràn lan, phổ biến, thậm chí có địa phương, có lĩnh vực còn nghiêm trọng hơn trước.

Tình trạng tham nhũng đã và đang gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của Đảng và Nhà nước, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta, uy hiếp sự tồn vong của chế độ ta.

Có tình trạng đó là do *những nguyên nhân chủ yếu* sau đây:

1. Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và sự yếu kém trong quản lý, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức của các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước

Trong điều kiện kinh tế thị trường, do không chịu thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, nhiều cán bộ, đảng viên, công chức sa ngã, thoái hoá, bị đồng tiền cám dỗ, đã trượt vào vũng bùn tham nhũng tội lỗi.

Một số cán bộ lãnh đạo thiếu gương mẫu hoặc không giáo dục được vợ con chấp hành đúng pháp luật, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Trong khi đó công tác quản lý, giáo dục, kiểm tra đảng viên, cán bộ, công chức bị buông lỏng, yếu kém, không chuyển kịp trước tình hình mới. Chưa đề cao được trách nhiệm của cán bộ chủ chốt Đảng, Nhà nước và đoàn thể. Nhiều tổ chức đảng sức chiến đấu rất kém, đấu tranh phê bình, tự phê bình yếu, quản lý nội bộ lỏng lẻo.

2. Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán và có những điểm chưa phù hợp

Cơ chế, chính sách, pháp luật trong thời kỳ đổi mới chưa được hoàn thiện, thiếu cụ thể, còn có sơ hở và thiếu nhất quán. Việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, việc phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất - kinh doanh còn có phần chưa rõ, chưa hợp lý; tập trung và dân chủ đều có thiếu sót. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn trong doanh

nghiệp nhà nước chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng “vô chủ”, thiếu trách nhiệm. Bộ máy nhà nước còn công kênh, thủ tục hành chính chưa được cải tiến. Những nhược điểm đó để ra tệ quan liêu và thiếu kỷ cương, tạo điều kiện cho tệ hối lộ, hà lạm công quỹ, quấy nhiễu, hạch sách cấp dưới và nhân dân.

3. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thiếu sâu sát, chặt chẽ, thường xuyên; cơ chế, tổ chức và giải pháp phòng và chống tham nhũng chưa hiệu quả

Lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên và chưa nghiêm.

Nhiều cấp ủy đảng, thủ trưởng cơ quan nhà nước chưa đề cao trách nhiệm, chưa có kế hoạch và giải pháp chủ động phòng ngừa và đẩy lùi tệ tham nhũng trong địa phương mình, ngành mình, cơ quan mình. Có việc, có nơi đã có biểu hiện bao che, ngăn cản cơ quan bảo vệ pháp luật thực thi nhiệm vụ.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa được kiện toàn thật sự trong sạch, vững mạnh để làm lực lượng nòng cốt trong đấu tranh chống tham nhũng.

II

Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Vì vậy trong thời gian sắp tới, nhất thiết phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng được tiến hành đồng bộ với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí và *tập trung vào hai loại hành vi*: tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản Nhà nước và nhận hối lộ, đòi hối lộ.

Trong đấu tranh chống tham nhũng, cần nắm vững *những quan điểm* sau:

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước, tăng cường đoàn kết nội bộ.

- Trong đấu tranh chống tham nhũng phải kết hợp giữa “xây” và “chống”, tích cực chủ động phòng ngừa. Vừa phải hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường giáo dục, quản lý chặt chẽ đảng viên, cán bộ, công chức, kiện toàn tổ chức, bố trí đúng cán bộ, vừa xử lý nghiêm mọi vi phạm, tội phạm. Kết hợp các biện pháp tư tưởng với tổ chức, giáo dục với kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật.

- Huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng. Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức đảng và thủ trưởng chính quyền; xây dựng, kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật làm nòng cốt; nêu cao trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, động viên tích cực của nhân dân, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh chống tham nhũng.

- Đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và thận trọng; không được đơn giản, nóng vội, đồng thời phải khẩn trương, tích cực; chú trọng hiệu quả, có kế hoạch cụ thể, bước đi thích hợp.

Trong thời gian sắp tới, cần thực hiện *một số nhiệm vụ sau đây*:

1. Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước

Tiến hành phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương cho hợp lý, rõ ràng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là về ngân sách, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước, quyền quyết định của Trung ương đối với những vấn đề trọng yếu, đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động của địa phương và cơ sở. Khắc phục tình trạng “xin và cho”, thực hiện công khai và dân chủ trong phân bổ ngân sách, duyệt các dự án đầu tư, phân bổ kinh phí... trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn hợp lý, thống nhất. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng, chi tiêu ngân sách nhà nước. Xây dựng hệ thống thuế đơn giản, cụ thể, ổn định. Hoàn thiện cơ chế xuất nhập khẩu; chấn chỉnh công tác xây dựng cơ bản, cải tiến chế độ đấu thầu.

Soát lại các khâu cấp phép, sắp xếp lại bộ máy, cải tiến thủ tục, bố trí đúng cán bộ ở những khâu này để vừa quản lý chặt chẽ, vừa chống phiền hà, sách nhiễu, cửa quyền, biếu xén.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, bảo đảm cho công chức có thể sống bằng thu nhập từ tiền lương.

Trong Pháp lệnh công chức và quy chế công vụ, cần quy định cụ thể những điều phải làm và những điều cấm làm đối với công chức.

Triển khai việc thực hiện thu nhập và nhà đất của cán bộ, công chức, trước hết là đối với các đối tượng: cán bộ, công chức lãnh đạo từ cấp huyện trở lên đến cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước.

2. Phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước của bộ, ủy ban nhân dân với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vừa bảo đảm quản lý nhà nước chặt chẽ, vừa phát huy trách nhiệm và quyền tự chủ của doanh nghiệp, bảo đảm quyền làm chủ của công nhân viên chức trong quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý vốn trong doanh nghiệp, quản lý tài sản công trong cơ quan nhà nước, bảo đảm cho tài sản nhà nước có người là chủ, chịu trách nhiệm thật sự. Hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, kiểm tra thực hiện chặt chẽ, chống khai man, khai khống, tham ô, lãng phí.

Chấn chỉnh chế độ thống kê, kế toán; phấn đấu thực hiện chi trả, thanh toán chủ yếu qua ngân hàng, hạn chế việc trả tiền mặt; thực hiện đầy đủ chế độ chứng từ, hoá đơn.

3. Kiện toàn cơ quan bảo vệ pháp luật, kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ, nhân viên bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, làm cho bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh.

4. Giáo dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng

Tăng cường giáo dục chính trị và phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Quản lý và kiểm tra chặt chẽ đảng viên cả ở nơi công tác và nơi cư trú. Đảng viên phải chấp hành các quy định của Điều lệ Đảng, phải cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; phải tôn trọng và tận tụy phục vụ nhân dân, phải gương mẫu chấp hành pháp luật.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Bảo đảm vai trò lãnh đạo và tăng cường sức chiến đấu của các tổ chức đảng, nhất là trong các cơ quan nhà nước và trong doanh nghiệp nhà nước.

Đẩy mạnh việc đào tạo, giáo dục cán bộ, đảng viên cả về đường lối, chính sách, quan điểm, lập trường lẫn năng lực công tác chuyên môn, để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới.

Việc lựa chọn, đề bạt, bố trí cán bộ phải có quy trình chặt chẽ; nhất là đối với cán bộ làm công tác tài chính, tiền tệ để tổ chức đảng quản lý được đội ngũ cán bộ này. Cán bộ lãnh đạo và quản lý phải có phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh, năng lực tương xứng với nhiệm vụ được giao và phải quyết tâm đấu tranh chống tham nhũng.

5. Một số công việc cần kíp trước mắt

Trong thời gian trước mắt, cần tập trung sức chỉ đạo làm một vài việc cho có hiệu quả rõ ràng, thiết thực:

a) Rà soát lại các vụ án tham nhũng lâu nay đã phát hiện nhưng xử lý chậm trễ, không triệt để, dư luận xã hội không đồng tình, để giải quyết nghiêm minh, dứt điểm. Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương chủ trì cùng với Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao xem xét các vụ án tham nhũng, lựa chọn một số vụ trọng điểm, tập trung lực lượng để điều tra, truy tố và xét xử cho kịp thời, dứt điểm; đồng thời chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan cấp dưới ở địa phương xử lý nhanh, kịp thời và nghiêm minh các vụ án tham nhũng.

b) Kiểm tra và xử lý những vi phạm tiêu cực, đặc quyền đặc lợi về nhà ở, đất ở của một bộ phận cán bộ, công chức mà dư luận nhân dân đang đòi hỏi bức xúc.

Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc soát xét lại các chính sách về đất ở, nhà ở của cán bộ, công chức, đề ra biện pháp xử lý nghiêm minh, có lý có tình, nhất là đối với những trường hợp: được cấp nhiều nhà ở, đất ở; hoá giá nhà của Nhà nước sai chính sách; mua đất và xây nhà riêng mà nguồn vốn không rõ ràng; cho thuê lại nhà thuê của Nhà nước, chuyển quyền thuê nhà của Nhà nước cho người khác để lấy hoa hồng...

Trên cơ sở chính sách đó, Chính phủ chỉ đạo một số địa phương, ngành làm thí điểm, rút kinh nghiệm, sau đó triển khai ra cả nước.

c) Một số lĩnh vực trọng điểm trong đấu tranh chống tham nhũng là: đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, giao thầu, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, hải quan, các khâu cấp phép, quản lý tài sản công, quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước, hoạt động tư pháp... Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phụ trách các lĩnh vực này xây dựng kế hoạch cụ thể chống tham nhũng. Các tỉnh ủy, thành ủy chú trọng lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng trên những lĩnh vực này thuộc địa phương mình.

III

Đảng đoàn Quốc hội chuẩn bị và trình Quốc hội (hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội) luật (hoặc pháp lệnh) về chống tham nhũng. Tăng cường công tác giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong đấu tranh chống tham nhũng.

Ban Cán sự đảng Chính phủ mà trực tiếp là đồng chí Thủ tướng lãnh đạo, điều hành chặt chẽ cuộc đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện cải cách hành chính, phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước, xây dựng và ban hành những cơ chế, chính sách đã nêu ở phần II.

Các ban đảng có liên quan có trách nhiệm theo dõi, nghiên cứu tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải kiện toàn tổ chức, tập trung những cán bộ giỏi để tiến hành thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng.

Các đoàn thể quần chúng phải có kế hoạch giáo dục, động viên và tổ chức cho nhân dân tham gia tích cực đấu tranh chống tham nhũng.

Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các ngành căn cứ vào tinh thần Nghị quyết này, kiểm điểm lại công tác đấu tranh chống tham nhũng thời gian qua, có chương trình, kế hoạch chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng với những mục tiêu, biện pháp sát hợp, đạt hiệu quả thiết thực.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 109-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996

VỀ VIỆC LẬP ĐẢNG ĐOÀN LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Đảng,
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa VII,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam.

Điều 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam:

a) Nghiên cứu đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các chủ trương, chính sách lớn trong lĩnh vực công tác văn học - nghệ thuật, về các chính sách đối với giới văn nghệ sĩ.

b) Lãnh đạo Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật và phối hợp với đảng đoàn các hội văn học - nghệ

thuật ở Trung ương tổ chức và kiểm tra việc thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác văn học - nghệ thuật trong các hội văn học - nghệ thuật; tăng cường ảnh hưởng của Đảng và mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với văn nghệ sĩ.

c) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức cán bộ; quyết định các vấn đề về tổ chức cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Ban Bí thư.

d) Chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của Đảng đoàn.

đ) Phối hợp với Đảng ủy Khối Tư tưởng Trung ương và chỉ ủy cơ quan xây dựng chi bộ cơ quan Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật trong sạch, vững mạnh.

Điều 3: Tổ chức của Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam:

a) Đảng đoàn gồm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam và một số đồng chí do Ban Bí thư chỉ định.

b) Bí thư, phó bí thư và các ủy viên Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam do Ban Bí thư chỉ định.

c) Đảng đoàn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư.

d) Đảng đoàn có con dấu.

đ) Bộ máy giúp việc của Đảng đoàn dựa vào Văn phòng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam.

Điều 4: Phương thức hoạt động của Đảng đoàn:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Định kỳ sinh hoạt Đảng đoàn và báo cáo công tác với Ban Bí thư.

c) Đại diện của Đảng đoàn được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan đến công tác văn học - nghệ thuật.

d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các ban cán sự đảng, các đảng đoàn các cơ quan Trung ương, các đảng đoàn các hội văn học - nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các cấp ủy đảng để phối hợp công tác.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 68-CT/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1996

Về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế

Bộ Chính trị đã ban hành Thông báo số 142-TB/TW, ngày 2-2-1996 xác định các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đổi mới kinh tế hợp tác, hợp tác xã và xây dựng Dự luật hợp tác xã.

Để thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị và triển khai Luật hợp tác xã vừa được Quốc hội khóa IX thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 3-1996), Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, làm tốt những việc sau đây:

1. Nhận thức rõ kinh tế hợp tác là yêu cầu và xu thế tất yếu khách quan trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần đều bình đẳng trước pháp luật, trong

đó kinh tế nhà nước là chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Kinh tế hợp tác là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động, những người sản xuất nhỏ, dưới các hình thức đa dạng, kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Trong điều kiện đi lên từ một nền sản xuất nhỏ, sự hợp tác giữa những người sản xuất, kinh doanh riêng lẻ dưới nhiều hình thức đa dạng là một nhu cầu bức xúc và xu thế tất yếu khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất. Khi bước vào thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì tính bức xúc của kinh tế hợp tác càng rõ nét.

Kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở nước ta được phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể là:

- Tổ chức và phát triển kinh tế hợp tác không phải chỉ để giúp những người sản xuất nhỏ có đủ sức cạnh tranh, chống lại sự chèn ép của các doanh nghiệp lớn; mà về lâu dài, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng của nền kinh tế, đó cũng là nền tảng chính trị - xã hội của đất nước để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Phát triển kinh tế hợp tác ở nước ta không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn có mục tiêu xã hội. Những người lao động, chủ yếu là những người lao động nghèo, chỉ có hợp tác với nhau mới có thể giúp nhau, tạo được sức mạnh trong sản xuất, kinh doanh, góp phần tạo thêm việc làm và thu nhập,

thực hiện việc làm giàu chính đáng đi đôi với xóa đói, giảm nghèo. Các tổ chức kinh tế hợp tác, nhất là trong nông thôn, không chỉ gắn bó về kinh tế, mà còn được hình thành và phát triển trên cơ sở tình làng nghĩa xóm, góp phần thực hiện các chính sách xã hội trên địa bàn, tuy không làm thay chức năng xã hội của các tổ chức khác.

2. Khuyến khích phát triển mọi hình thức kinh tế hợp tác đa dạng và các hợp tác xã

Kinh tế hợp tác ở nước ta phải được phát triển mạnh từ thấp đến cao, dưới nhiều hình thức đa dạng, nhiều cấp độ. Có hợp tác một khâu, có hợp tác nhiều khâu, có hợp tác giản đơn, hợp tác “lỏng”, tạm thời (không đăng ký kinh doanh), có hợp tác thành doanh nghiệp (tổ chức chặt chẽ, có tư cách pháp nhân); có hợp tác vừa góp vốn, vừa góp sức, hoặc chủ yếu chỉ góp vốn, không góp sức (như hợp tác xã mua bán, tín dụng); có hợp tác sản xuất tập trung, hoặc hợp tác chỉ làm dịch vụ cho sản xuất của xã viên; có hợp tác trên phạm vi địa bàn hẹp, hoặc không giới hạn địa bàn hoạt động với quy mô to nhỏ khác nhau...

Các hình thức hợp tác giản đơn giới hạn vào một số khâu, một số việc, thường không có tư cách pháp nhân, được tổ chức hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đặc điểm ngành nghề, trình độ sản xuất, tâm lý và tập quán của từng nơi, có tác dụng thiết thực đối với sản xuất và đời sống, nhất là ở nông thôn.

Các hình thức hợp tác khác nhau đều được Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ và có chính sách khuyến khích phát triển, khi có điều kiện thì chuyển thành các hợp tác xã.

3. Tiến hành đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực kinh tế theo hướng:

Trong nông nghiệp:

Tiếp tục khẳng định và thực hiện mục tiêu đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp như Nghị quyết Trung ương 5, khóa VII đã xác định.

Thực hiện đổi mới các hợp tác xã nông nghiệp đã xây dựng trước đây theo hướng:

- Đối với những hợp tác xã đã bước đầu đổi mới có kết quả và những hợp tác xã còn vốn quỹ, cơ sở vật chất kỹ thuật khá, có năng lực quản lý, đã đổi mới được nhiều việc hoặc từng việc, từng khâu dịch vụ, được xã viên đồng tình thì tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, mở rộng hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác.

- Đối với những hợp tác xã nay chỉ còn là hình thức, hoặc không có điều kiện đổi mới (không còn yếu tố gì của kinh tế hợp tác) thì chính quyền ở nơi đó cần hướng dẫn cho xã viên bàn bạc để tự quyết định giải thể và chuyển sang hình thức kinh tế hợp tác mới phù hợp với trình độ và nhu cầu của các hộ. Trước khi giải thể cần tiến hành tốt việc kiểm kê, đánh giá vốn quỹ để đại hội bàn bạc, quyết định biện pháp xử lý, đặc biệt là vấn đề thanh toán nợ theo các quy định của Nhà nước.

- Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng của kinh tế hộ theo nguyên tắc và tính chất: hoàn toàn do nông dân tự nguyện lập ra; tôn trọng tính đa dạng, phong phú của hình thức tổ chức và nội dung hoạt động, không áp đặt một mô hình đồng nhất gò ép; Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ tổng kết, hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế hợp tác

ra đời hoạt động có hiệu quả; quy mô, tổ chức, tên gọi, phương thức hoạt động, thời gian tồn tại của các hình thức hợp tác hoàn toàn do các thành viên quyết định; có loại hoạt động theo Luật dân sự, có loại theo Luật hợp tác xã. Khi nông dân có nhu cầu chuyển thành hợp tác xã thì phải tuân thủ những điều kiện và quy định của pháp luật và điều lệ hợp tác xã.

Trong lâm nghiệp:

Nghiên cứu sớm để thể chế hóa một số loại hình hợp tác trong kinh doanh nghề rừng như: hợp tác giữa các hộ để xây dựng kết cấu hạ tầng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, hợp tác giữa lâm trường quốc doanh với các hộ nông dân, hộ cán bộ, công nhân viên trên địa bàn lâm trường; các hình thức hiệp hội chủ rừng, các làng nghề kinh doanh chế biến lâm sản.

Trong ngành thủy sản:

- Mở rộng hình thức hợp tác xã, tổ hợp trên một đơn vị thuyền nghề, cùng góp vốn, góp sức lao động, cùng ăn chia phân phối; một số đơn vị thuyền nghề hợp tác với nhau trong từng khâu, từng việc trên nguyên tắc tự nguyện, đa dạng.

- Một số đơn vị thuyền nghề khai thác trong từng vùng biển, không phân biệt địa giới hành chính, hợp tác với nhau ở một số khâu như thông tin liên lạc, dịch vụ hậu cần hoặc tiêu thụ sản phẩm, cứu hộ trên biển; hoặc hợp tác nhiều khâu, sản xuất kinh doanh tổng hợp.

- Các lực lượng đánh cá trên từng vùng biển rộng lớn liên kết với nhau trong một tổ chức kinh tế, mà nòng cốt là doanh nghiệp nhà nước (khai thác và dịch vụ).

Trong công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp:

- Chuyển đổi các hợp tác xã tiểu - thủ công nghiệp hiện có trên cơ sở xác định rõ sở hữu của xã viên (vốn góp cổ phần)

và sở hữu tập thể (phần vốn, quỹ, tài sản tích lũy tái đầu tư), xây dựng phương án sản xuất kinh doanh mới.

Tùy từng ngành nghề và điều kiện cụ thể, hợp tác xã có thể tổ chức một số hoạt động sản xuất tập trung, đồng thời xã viên cũng có những hoạt động kinh doanh riêng nhất định; hoạt động sản xuất tập trung và dịch vụ của hợp tác xã hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh riêng của xã viên; hoặc tổ chức sản xuất hoàn toàn tập trung.

- Hướng dẫn những người lao động riêng lẻ tham gia các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế hợp tác đa dạng, các làng nghề truyền thống ở nhiều vùng nông thôn theo phương châm “rời ruộng nhưng không rời làng”.

Trong ngành xây dựng:

Cần phát triển các loại hình phù hợp như:

- Tổ hợp tác: phù hợp với hoạt động sản xuất không cần nhiều vốn, không đòi hỏi nhiều người và kỹ thuật cao (như sửa chữa nhà cửa, khai thác cát sỏi, sản xuất vôi...).

- Hợp tác xã: phù hợp với việc sửa chữa lớn, xây dựng quy mô nhỏ (nhận thầu hoàn chỉnh với quy mô nhỏ hoặc nhận thầu phụ với quy mô vừa).

- Liên hiệp hợp tác xã: là hình thức liên kết của một số hợp tác xã cùng ngành nghề nhằm tăng năng lực về vốn và thiết bị, lao động để có thể thực hiện một công trình vừa hoặc lớn.

Trong ngành vận tải:

Các hợp tác xã có thể được tổ chức một cách đa dạng từ hai mô hình cơ bản:

- Hợp tác xã dịch vụ - hỗ trợ: không tập trung sản xuất, xã viên vẫn là chủ sở hữu phương tiện, tự quản lý và điều hành

hoạt động kinh doanh theo pháp luật. Hợp tác xã hỗ trợ cho xã viên một số công việc dịch vụ như: phân bổ luồng tuyển cho xã viên trong phạm vi hợp tác xã đăng ký hoạt động; ký kết hợp đồng với các bến bãi, chủ hàng và phát lệnh vận tải theo kế hoạch đã phân cho xã viên; dịch vụ đóng các loại phí, thuế, bảo hiểm cho xã viên; phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các vụ việc xảy ra (tai nạn giao thông, sự cố thương vụ...); lấy các loại giấy phép hoạt động cho xã viên; dịch vụ kỹ thuật, cung ứng một số vật tư; dịch vụ tín dụng hoặc vay vốn mua sắm thiết bị cho xã viên thuê để kinh doanh...

- Hợp tác xã tập trung sản xuất, kinh doanh: xã viên góp vốn cổ phần (bằng tiền hoặc hiện vật tính thành tiền) để xây dựng cơ sở, xã viên hưởng tiền công theo lao động và lợi tức cổ phần. Hình thức này áp dụng trong kinh doanh vận tải với loại phương tiện lớn, có nhu cầu hiện đại hóa để cạnh tranh.

Tùy tình hình cụ thể, có thể tổ chức đa dạng, đa ngành nghề theo yêu cầu của thị trường và tôn trọng các nguyên tắc tổ chức hợp tác xã. Một hợp tác xã vận tải có thể vừa có phần dịch vụ cho kinh doanh của xã viên, vừa có một số phương tiện do xã viên góp cổ phần hoặc một số phương tiện thuộc sở hữu tập thể của hợp tác xã.

Tùy theo yêu cầu của hợp tác xã trong khu vực lãnh thổ, có thể thành lập Liên hiệp hợp tác xã vận tải ở cấp tỉnh, thành phố; là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, do các hợp tác xã tự nguyện thành lập nhằm hỗ trợ nhau trong sản xuất, kinh doanh và liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế với các tổ chức trong nước; Liên hiệp hợp tác xã vận tải có thể tham gia các Liên minh hợp tác xã tỉnh, thành phố.

Trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ:

Cần phát triển các hợp tác xã thương mại - dịch vụ ở cả nông thôn và thành thị; đổi mới phương thức kinh doanh, gắn với thị trường và đáp ứng những yêu cầu sản xuất và đời sống, trước hết là dịch vụ “đầu vào”, “đầu ra” của xã viên. Các hợp tác xã thương mại cần quan hệ chặt chẽ, làm đại lý tiêu thụ và cung ứng hàng cho doanh nghiệp nhà nước.

- Ở nông thôn, nội dung hoạt động chủ yếu của các hợp tác xã thương mại - dịch vụ là:

Tổ chức thu mua các sản phẩm hàng hóa trên địa bàn, kể cả mua ủy thác cho kinh tế quốc doanh và các thành phần khác mua để tham gia xuất khẩu, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh doanh khác.

Tổ chức bán ra, đáp ứng những nhu cầu về vật chất cho sản xuất nông nghiệp và một số hàng tiêu dùng. Mở rộng các hoạt động đại lý ký gửi hàng hóa cho các tổ chức kinh tế và cá nhân.

Mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ sản xuất, dịch vụ sinh hoạt với các hình thức phong phú, phù hợp yêu cầu thị trường, tập quán dân cư và sự phát triển của tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn trong từng thời kỳ.

Tổ chức việc gia công, chế biến, sơ chế nông sản thực phẩm. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của các hộ nông nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp.

- Ở miền núi, cần tổ chức các hợp tác xã thương mại - dịch vụ theo từng xã hoặc liên bản, liên xã, thuận tiện cho việc đi lại của đồng bào. Kinh doanh các mặt hàng thiết yếu; làm đại lý những mặt hàng chính sách và các mặt hàng khác cho thương nghiệp quốc doanh; tổ chức thu mua hoặc làm đại lý tiêu thụ những sản phẩm của đồng bào các dân tộc.

Đồng thời cần chú ý khuyến khích thương nghiệp tư nhân nhỏ đến các bản vùng sâu, vùng xa mua và bán hàng hóa cho dân.

- Ở các thành phố, thị xã, thị trấn, hợp tác xã thương mại - dịch vụ cần chú trọng đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng đa dạng của các đối tượng dân cư khác nhau, trước hết là về lương thực - thực phẩm, rau quả tươi và chế biến hàng nông sản, thực phẩm... phục vụ bữa ăn hàng ngày, góp phần ổn định giá cả thị trường. Mở rộng các hoạt động kinh tế gia đình... Kinh doanh các hàng công nghiệp thiết yếu dưới nhiều hình thức (kể cả hình thức đại lý, ký gửi...).

- Liên hiệp các hợp tác xã thương mại - dịch vụ là tổ chức kinh tế do các hợp tác xã tự nguyện góp vốn cùng tổ chức các hoạt động kinh doanh vì lợi ích của các hợp tác xã. Liên hiệp vừa là trung tâm liên kết, phối hợp hoạt động giữa các hợp tác xã thành viên, tạo thị trường, bạn hàng và điều kiện kinh doanh, cung ứng nguồn hàng, tổ chức các dịch vụ và tiêu thụ hàng hóa của các thành viên; vừa mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa, hợp tác với các đối tác bên ngoài để mở rộng thị trường, đồng thời Liên hiệp còn là một chủ thể tự chủ kinh doanh theo nguyên tắc hoạt động của các hợp tác xã.

Các tổ, nhóm hợp tác trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ với các tên gọi khác nhau đã được hình thành ở nhiều địa phương, cần được khuyến khích, giúp đỡ, tạo điều kiện để trở thành hợp tác xã thương mại - dịch vụ.

Trong lĩnh vực tín dụng:

Khẩn trương xử lý dứt điểm những hợp tác xã tín dụng đã bị đổ vỡ theo đúng các quy định của Nhà nước.

Mở rộng xã viên hợp tác xã tín dụng (bao gồm cá nhân, hộ, các tổ chức kinh tế, các đoàn thể quần chúng). Hợp tác xã

tín dụng được huy động tiền gửi của cá nhân, tổ chức kinh tế, đoàn thể quần chúng... trong và ngoài hợp tác xã, có kỳ hạn và không kỳ hạn, trong phạm vi khung lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời gian. Thực hiện triệt để nguyên tắc chủ yếu cho vay đối với xã viên của hợp tác xã tín dụng. Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện cơ chế điều hòa vốn giữa các hợp tác xã tín dụng dưới hình thức làm trung gian, nhận nguồn vốn của hợp tác xã tín dụng thừa vốn và cho vay lại đối với hợp tác xã tín dụng thiếu vốn, theo nguyên tắc Ngân hàng Nhà nước không bù lỗ.

Trên cơ sở kết quả thí điểm quỹ tín dụng nhân dân, cần tiếp tục phát triển vững mạnh hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở cả ba cấp với mục tiêu trước hết là tương trợ lẫn nhau và hoàn chỉnh phương thức hoạt động theo đúng nguyên tắc hợp tác xã. Ngân hàng Nhà nước quản lý chặt chẽ, đúng pháp luật quỹ tín dụng và các loại hình kinh doanh tiền tệ trong toàn quốc.

Trong quá trình chuyển đổi các hợp tác xã nói chung, đối với các đơn vị kinh tế tuy mang tên là hợp tác xã cổ phần hoặc xí nghiệp tập thể nhưng tổ chức, hoạt động, quản lý không theo nguyên tắc hợp tác xã mà theo nguyên tắc hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, lấy vốn cổ phần làm nguyên tắc quản lý (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) hoặc doanh nghiệp tư nhân thì không được đăng ký theo Luật hợp tác xã mà chuyển sang đăng ký theo các luật tương ứng.

4. Các chính sách tạo điều kiện để đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác

Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp của hợp tác xã, bảo đảm quyền bình đẳng của hợp tác xã trong sản xuất, kinh doanh.

Nhà nước tôn trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, không can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Các hợp tác xã chuyên ngành, dịch vụ cần được gắn với các hệ thống tổ chức kinh tế nhà nước như là mạng lưới, chân rết, cơ sở đại lý. Hợp tác xã phải là cầu nối chuyển giao các chính sách hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, tín dụng... của Nhà nước đến người lao động. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện cho hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; sớm khắc phục tình trạng cắt rời doanh nghiệp nhà nước với kinh tế hợp tác.

Cho các hợp tác xã sản xuất và thương mại - dịch vụ ở thành thị được thuê nhà, đất để làm cơ sở kinh doanh.

Có chính sách ưu đãi về thuế đối với một số hoạt động dịch vụ của hợp tác xã và nhất là đối với các hợp tác xã ở vùng xa, vùng sâu, vùng núi, biển, hải đảo. Tạo thuận lợi cho các hợp tác xã được vay vốn từ các quỹ đầu tư phát triển và từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm của Nhà nước. Tăng thêm vốn cho vay trung, dài hạn đối với các hợp tác xã. Thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển hợp tác xã (theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước).

Cho phép các hợp tác xã sản xuất được xuất nhập khẩu trực tiếp nếu có đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 763-TTg (ngày 19-12-1994) của Thủ tướng Chính phủ để có ngoại tệ nhập vật tư, thiết bị mở rộng sản xuất.

Rà soát lại các chính sách để tạo sự đồng bộ và bình đẳng giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Nhà nước có chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ để nâng cao trình độ quản lý cho khu vực kinh tế hợp tác.

Có chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ và giúp đỡ các tổ chức kinh tế hợp tác nâng cao trình độ cho người lao động. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động ở mọi thành phần kinh tế.

Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, cần xử lý dứt điểm các khoản nợ tồn đọng cũ; xóa, giảm, hoãn hoặc khoan nợ đối với các khoản nợ được thẩm tra, xác minh là hợp lý, không phải do tham ô; trên cơ sở đó cho hợp tác xã vay vốn và tạo điều kiện để hợp tác xã vay vốn của các tổ chức tín dụng khác; thực hiện chính sách khuyến nông qua hợp tác xã, khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước thông qua hình thức liên kết kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác xã làm đại lý dịch vụ cho sản xuất, đại lý thu mua nông sản mà hộ xã viên có yêu cầu; ưu đãi về thuế kinh doanh dịch vụ cho hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Để tạo điều kiện cho các hợp tác xã trong ngành thủy sản tiến dần ra khơi, kết hợp khai thác với bảo vệ vùng biển, Nhà nước sớm ban hành một số chính sách: cho vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi để đầu tư khai thác, đánh bắt thủy sản ở vùng biển khơi và hải đảo xa bờ; đầu tư vốn ngân sách để xây dựng các công trình hạ tầng, xây dựng quỹ dự phòng thiên tai trong ngành thủy sản; miễn các loại thuế tài nguyên, thuế doanh thu, thuế lợi tức, thuế xuất khẩu đối với các hoạt động khai thác ở vùng biển khơi trong những năm đầu, v.v..

5. Bảo đảm sự quản lý của Nhà nước đối với khu vực kinh tế hợp tác

Chính phủ thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã trong phạm vi cả nước, gồm các

nội dung: xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hợp tác xã; căn cứ vào Luật hợp tác xã để ban hành các điều lệ mẫu cho các loại hình hợp tác xã; ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã về đất đai, thuế, tín dụng, đầu tư, xuất nhập khẩu, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thông tin khoa học - công nghệ phù hợp với từng ngành nghề và địa bàn; tạo điều kiện để Hội đồng Liên minh các hợp tác xã ở Trung ương và địa phương hoạt động theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Quản lý của Nhà nước đối với tổ chức kinh tế hợp tác cũng thực hiện như đối với các thành phần kinh tế khác. Tăng cường chức năng quản lý theo ngành của các bộ và theo khu vực lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các tổ chức kinh tế hợp tác; có bộ phận theo dõi về hợp tác xã ở các bộ quản lý ngành và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cần có đầu mối thống nhất giúp Chính phủ theo dõi, tổng hợp về các loại hình kinh tế hợp tác.

6. Về tổ chức Liên minh các hợp tác xã

Mở rộng và tăng cường hoạt động của Liên minh các hợp tác xã, bao gồm liên minh ngành và liên minh của tất cả các hợp tác xã thuộc các ngành kinh tế được tổ chức ở cấp Trung ương và cấp tỉnh. Liên minh các hợp tác xã là tổ chức phi chính phủ; có chức năng đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã; tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã; tư vấn, cung cấp dịch

vụ và hỗ trợ cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về hợp tác xã; đại diện cho hợp tác và liên hiệp hợp tác xã trong quan hệ hoạt động phối hợp giữa các thành viên trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Tăng cường các mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa liên minh các hợp tác xã với tổ chức công đoàn, hội nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng và đại diện quyền lợi của quần chúng.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong khu vực kinh tế hợp tác

Trước đây, trong khu vực hợp tác xã, các tổ chức đảng và đoàn thể rất được coi trọng. Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp và nhiều hợp tác xã tiểu - thủ công nghiệp đều có tổ chức chi bộ đảng.

Từ khi chuyển đổi sang mô hình mới, tổ chức đảng, đoàn thể ở nhiều hợp tác xã trong các lĩnh vực không phát huy được tác dụng. Riêng ở thành thị phần lớn các hợp tác xã không có tổ chức đảng, đảng viên tuổi cao, sinh hoạt ghép với phường.

Bởi vậy, cần củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các hợp tác xã theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và theo quy định của Điều lệ Đảng.

Căn cứ vào Chỉ thị này, các cấp ủy, tổ chức đảng cần có chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với đặc điểm từng ngành, lĩnh vực và địa bàn cụ thể, đạt hiệu quả thiết thực.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lãnh đạo Mặt trận

và các tổ chức thành viên của Mặt trận thực hiện việc tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, tham gia với các cơ quan có liên quan của Nhà nước trong việc xây dựng chính sách và giám sát việc thi hành pháp luật về hợp tác xã.

Các ban đảng có liên quan ở Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giúp Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 111-QĐ/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1996

VỀ VIỆC CHỈ ĐỊNH ĐẠI BIỂU CÁC ĐẢNG BỘ NGOÀI NƯỚC DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

- Căn cứ Điều 11, Điều lệ Đảng,
- Căn cứ Quyết định số 106-QĐ/TW, ngày 20-3-1996 của Ban Bí thư,
- Căn cứ Báo cáo số 16-BC/NS/BCSDNN, ngày 15-5-1996 của Ban Cán sự đảng Ngoài nước,
- Theo đề nghị số 438-TC/TW, ngày 28-5-1996 của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

I. Chỉ định các đồng chí có tên sau đây là đại biểu dự Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng:

- 1- Đặng Nghiêm Hoàn, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Trung Quốc.
- 2- Phạm Ngọc Giao, Bí thư Đảng ủy, Tham tán tại Liên bang Nga.

3- Trần Huy Chương, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Campuchia.

4- Bùi Văn Thanh, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Lào.

5- Lê Đức Căng, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Cuba.

6- Nguyễn Chiến Thắng, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Pháp.

7- Nguyễn Chí Vu, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Ấn Độ.

8- Đinh Xuân Lưu, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Libi.

II. Giao cho Ban Tổ chức Trung ương thông báo với Ban Cán sự đảng Ngoài nước triệu tập các đại biểu về dự Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng theo đúng quy định.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII**

Ngày 3 tháng 6 năm 1996*

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa toàn thể Trung ương,*

Hội nghị Trung ương 11 lần này là tiếp tục của Hội nghị Trung ương 10 nhằm chuẩn bị cho Đại hội VIII của Đảng.

- Nhiệm vụ cụ thể của Hội nghị Trung ương 11 là:

1- Cho ý kiến thông qua các văn kiện trình Đại hội VIII:

Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

2- Cho ý kiến thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII trước Đại hội VIII.

* Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII họp từ ngày 3 đến ngày 9-6-1996 tại Hà Nội (B.T).

3- Cho ý kiến vào các dự thảo:

+ Chương trình Đại hội VIII (trong đó có vấn đề điều chỉnh thời gian Đại hội công khai).

+ Quy chế tổ chức làm việc ở Đại hội VIII.

+ Thể lệ quy trình bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

4- Trung ương bỏ phiếu biểu quyết danh sách các đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương khóa VII giới thiệu với Đại hội để bầu vào Trung ương khóa VIII.

- Về cách làm việc của Hội nghị, đề nghị với Trung ương như sau:

+ Về các văn kiện trình Đại hội:

Trung ương sẽ nghe các đồng chí đại diện Bộ Chính trị trình bày việc căn cứ vào ý kiến biểu quyết Ban Chấp hành Trung ương ở Hội nghị Trung ương 10, và tiếp thu thêm ý kiến đóng góp của các đảng bộ và của nhân dân để chỉnh lý các dự thảo văn kiện.

Sau đó các đồng chí Trung ương sẽ nghiên cứu các dự thảo văn kiện đã được chỉnh lý và nếu có ý kiến muốn sửa thì ghi trực tiếp vào các dự thảo văn kiện, rồi giao lại Bộ Chính trị.

Trường hợp các đồng chí thấy có vấn đề gì mới quan trọng mà Trung ương cần trao đổi thêm thì xin phản ánh cho Bộ Chính trị biết.

+ Về Dự thảo kiểm điểm của Trung ương khóa VII, Dự thảo chương trình Đại hội và các quy chế của Đại hội VIII, Trung ương sẽ nghiên cứu tài liệu và trao đổi, góp ý kiến vào các dự thảo văn bản đó ở tổ.

Căn cứ vào ý kiến thảo luận và đề xuất của Trung ương,

nếu thấy cần thiết Bộ Chính trị sẽ chọn lọc nêu lên một số vấn đề để Trung ương trao đổi và cho ý kiến biểu quyết tại Hội trường.

- Về việc tiếp tục chuẩn bị nhân sự Trung ương khóa VIII:

Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Trung ương những việc đã làm từ sau Hội nghị Trung ương 10 và trình bày một số ý kiến.

Trung ương sẽ trao đổi ở tổ và dành thời gian chủ yếu để nghiên cứu các tài liệu về nhân sự.

Đồng chí nào thấy có vấn đề gì cần đặt ra thì phản ánh cho Bộ Chính trị.

Căn cứ vào ý kiến thảo luận và đề xuất của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ trình bày thêm một số ý kiến với Trung ương (cũng có thể Trung ương sẽ trao đổi thêm ở hội trường). Sau đó từng đồng chí Trung ương sẽ ghi phiếu biểu quyết danh sách giới thiệu Trung ương khóa VIII.

Kết quả biểu quyết danh sách này sẽ được công bố sau ở Hội nghị Trung ương 12, dự kiến sẽ tiến hành vào ngày sát trước Đại hội VIII.

Theo tinh thần nói trên, sau đây đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến về chương trình Hội nghị Trung ương 11.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII

Số 11-NQ/HNTW, ngày 9 tháng 6 năm 1996

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII họp từ ngày 3 đến ngày 9-6-1996, sau khi nghiên cứu, thảo luận các báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

QUYẾT NGHỊ:

I. Ủy nhiệm Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng căn cứ vào ý kiến phát biểu và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương lần này để:

1- Chính lý và cho in gửi các đại biểu dự Đại hội khóa VIII các văn kiện và tài liệu sau đây:

- Báo cáo chính trị;
- Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000;

- Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng;
- Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi);
- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII;
- Quy chế tổ chức làm việc, quy chế bầu cử và chương trình của Đại hội VIII.

2- Hoàn chỉnh danh sách giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII để trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định lần cuối cùng trước khi trình Đại hội.

II. Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng từ ngày 22-6 đến ngày 1-7-1996; trong đó, Đại hội nội bộ từ ngày 22 đến ngày 26-6-1996 và Đại hội công khai từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII**

Ngày 9 tháng 6 năm 1996

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Qua bảy ngày làm việc rất khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã hoàn thành tốt đẹp toàn bộ chương trình đã đề ra.

- Tiếp theo Hội nghị Trung ương 10, tại Hội nghị này, Trung ương đã tiếp thụ ý kiến đóng góp của đại hội các đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc Trung ương và ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân để tu chỉnh toàn văn các văn kiện trình Đại hội VIII: dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Trung ương cũng đã thảo luận và góp nhiều ý kiến xác đáng vào dự thảo Báo cáo kiểm điểm cuối khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, cho ý kiến về dự thảo Quy chế tổ chức làm việc, Quy chế bầu cử và Chương trình Đại hội VIII.

Như vậy, đến Hội nghị lần này, Trung ương đã hoàn thành về cơ bản các văn kiện chuẩn bị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Căn cứ vào ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ hoàn chỉnh lần cuối các văn kiện để gửi đến các đại biểu Đại hội toàn quốc.

- Trọng tâm của Hội nghị lần này là chuẩn bị nhân sự Đại hội. Với tinh thần trách nhiệm cao, dân chủ, thận trọng, Trung ương đã thảo luận kỹ tiêu chuẩn và cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, nghiên cứu, cân nhắc và biểu quyết danh sách giới thiệu các đồng chí tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII để Đại hội xem xét, quyết định.

Về danh sách giới thiệu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, nếu còn có vấn đề mới, đến Hội nghị Trung ương 12 Bộ Chính trị sẽ báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương.

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Như dự thảo Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương đã ghi, chúng ta vui mừng báo cáo trước Đại hội rằng Ban Chấp hành Trung ương khóa VII là một tập thể có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định trong mọi tình huống

khó khăn, phức tạp; được thử thách, rèn luyện và trưởng thành; đoàn kết thống nhất; đã quán triệt nghiêm túc và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa đất nước bước vào một thời kỳ phát triển mới, hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội VII đã giao phó.

Các đồng chí Cố vấn tuy tuổi cao, sức khỏe hạn chế, nhưng vẫn làm việc hết mình, đã có nhiều đóng góp quan trọng trong nhiệm kỳ khóa VII của Ban Chấp hành Trung ương. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin cảm ơn và chúc sức khỏe các đồng chí Cố vấn.

Trong quá trình chuẩn bị các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII, Trung ương đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp quý báu, xây dựng của các tập thể và cá nhân thuộc mọi tầng lớp nhân dân ở khắp các vùng trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài. Điều đó một lần nữa chứng tỏ nhân dân ta tin tưởng ở Đảng, coi công việc của Đảng cũng là công việc của mình. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự đóng góp đầy tâm huyết đó của đồng chí, đồng bào.

Nhân dịp này chúng ta cũng cảm ơn sự quan tâm và đóng góp ý kiến của bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước của nhân dân ta.

Thưa các đồng chí,

Cho đến giờ phút này, các công việc chuẩn bị về mọi mặt cho Đại hội VIII của Đảng cơ bản đã hoàn thành với chất lượng tốt. Trong những ngày tới, nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương là tập trung sức lực và trí tuệ để tổ chức chu đáo Đại hội lần thứ VIII của Đảng. Chúng ta có cơ sở để

tin tưởng rằng Đại hội VIII nhất định sẽ thành công tốt đẹp vì Đảng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin, tin tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; có đường lối chính trị đúng đắn, luôn ra sức thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu, chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng và sự đoàn kết, gắn bó giữa Đảng với nhân dân như giữ gìn con người của mắt mình. Với niềm tin đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Chúc sức khỏe tất cả các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 114-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1996

VỀ SỐ, KÝ HIỆU MỘT SỐ LOẠI TÀI LIỆU, VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

Căn cứ vào Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII,

Nay quy định số, ký hiệu một số loại tài liệu, văn kiện hình thành trong Đại hội VIII như sau:

1. Các tài liệu văn kiện chủ yếu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội VIII (nội bộ và công khai) sau đây không có số, ký hiệu và đều có tiêu đề chung:

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII

- Báo cáo chính trị (toàn văn và tóm tắt).
- Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000.
- Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

- Dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi).
- Báo cáo của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII.
- Quy chế làm việc của Đại hội.
- Báo cáo về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và một số văn kiện khác được Đại hội thông qua (nghị quyết, thông báo...).

2. Các tài liệu của Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội, Ban Kiểm phiếu có số, ký hiệu và có tiêu đề:

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẠI HỘI VIII

Các tài liệu văn kiện này được lấy số liên tục từ số 01 với ký hiệu là ... ĐH.

3. Đối với những văn kiện, tài liệu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, của Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký mà đứng tên tập thể, các bản diễn văn của lãnh đạo Đảng thì phải được đóng dấu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dấu Đoàn Chủ tịch hoặc dấu Đoàn Thư ký vào văn bản để bảo đảm giá trị tài liệu, văn kiện khi đưa vào lưu trữ.

4. Văn phòng Trung ương Đảng thống nhất mẫu thể thức biên bản thảo luận ở các tổ, đoàn, biên bản thảo luận tại hội trường và nhật ký Đại hội.

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Quy định này kể từ ngày ký.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẠI HỘI VIII

*

Số: .../ĐH

Hà Nội, ngày - -1996

BÁO CÁO

THẨM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN THẨM TRA

TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

(ký tên)

(ký, dấu của Đại hội VIII)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẠI HỘI VIII

*

Ban Kiểm phiếu

Số: .../ĐH

Hà Nội, ngày - -1996

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)**

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

T/M BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN

(ký tên)

(ký, dấu của Đại hội VIII)

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 112-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996

**VỀ VIỆC PHÂN BỐ CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG
THAM GIA CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1- Phân bổ 158 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII tham gia các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (như danh sách kèm theo).

2- Giao Văn phòng Trung ương thông báo Quyết định này đến các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đoàn đại biểu Đại hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DANH SÁCH
158 ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG
(Phân bổ theo đoàn đại biểu)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 112-QĐ/TW, ngày 14-6-1996)

1. Đoàn Hà Nội

- Đỗ Mười
- Phạm Thế Duyệt
- Lê Xuân Tùng
- Hoàng Văn Nghiên
- Nguyễn Thị Tâm

2. Đoàn Hải Phòng

- Đào Duy Tùng
- Lê Danh Xương
- Nguyễn Thị Xuân Mỹ

3. Đoàn Lai Châu

- Lò Văn Puồn
- Nguyễn Niệm

4. Đoàn Sơn La

- Hà Quang Dự
- Đỗ Văn Ân

5. Đoàn Yên Bái

- Tạ Hữu Thanh
- Nguyễn Thị Thân

6. Đoàn Lào Cai

- Tráng A Pao
- Đỗ Quốc Sam

7. Đoàn Hà Giang

- Nguyễn Khánh
- Hoàng Thừa

8. Đoàn Tuyên Quang

- Hà Thị Khiết
- Phạm Hưng

9. Đoàn Bắc Thái

- Nguyễn Ngô Hai
- Trần Lum

10. Đoàn Quảng Ninh

- Nguyễn Bình Giang
- Đỗ Quang Trung

11. Đoàn Cao Bằng

- Nông Hồng Thái
- Hoàng Đức Nghi

12. Đoàn Lạng Sơn

- Nông Đức Mạnh
- Hoàng Tanh

13. Đoàn Hải Hưng

- Phạm Văn Thọ
- Vũ Tuyên Hoàng

14. Đoàn Hà Bắc

- Đỗ Bình Dương
- Nguyễn Công Tạn

15. Đoàn Vĩnh Phú

- Trần Văn Đăng
- Cù Thị Hậu

16. Đoàn Hòa Bình

- Ngô Xuân Lộc
- Nguyễn Nhiêu Cốc

17. Đoàn Hà Tây

- Nguyễn Văn Hiệu
- Nguyễn Đình Sở

18. Đoàn Thái Bình

- Cao Sĩ Kiêm
- Chu Văn Ry

19. Đoàn Nam Hà

- Đặng Xuân Kỳ
- Bùi Xuân Sơn

20. Đoàn Ninh Bình

- Tô Xuân Toàn
- Phan Văn Tiệm

21. Đoàn Thanh Hóa

- Lê Văn Tu
- Nguyễn Thị Hằng

22. Đoàn Nghệ An

- Nguyễn Bá
- Nguyễn Kỳ Cẩm

23. Đoàn Hà Tĩnh

- Vũ Mão
- Nguyễn Cảnh Dinh

24. Đoàn Quảng Bình

- Phan Ngọc Tường
- Thái Bá Nhiệm

25. Đoàn Quảng Trị

- Nguyễn Đức Hoan
- Nguyễn Đức Triều

26. Đoàn Thừa Thiên Huế

- Vũ Thắng
- Hà Học Trạc

27. Đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng

- Mai Thúc Lâm
- Trương Quang Được

28. Đoàn Bình Định

- Đặng Hữu
- Nguyễn Trung Tín

29. Đoàn Quảng Ngãi

- Trần Đức Lương
- Bùi Danh Lưu

30. Đoàn Phú Yên

- Hà Đăng
- Nguyễn Duy Luân

31. Đoàn Khánh Hòa

- Nguyễn Thị Hồng Vân
- Trần Hoàn

32. Đoàn Ninh Thuận

- Lê Xuân Trinh
- Đậu Ngọc Xuân
- Nguyễn Chơn

33. Đoàn Bình Thuận

- Đinh Trung
- Nguyễn Văn Chi

34. Đoàn Kon Tum

- Đỗ Quang Thắng
- Sô Lây Tăng

35. Đoàn Gia Lai

- Nguyễn Văn An
- Nguyễn Văn Sỹ

36. Đoàn Đắk Lắk

- A Ma Pui
- Huỳnh Văn Cần

37. Đoàn Lâm Đồng

- Hồng Hà
- Trần Đình Hoan

38. Đoàn Tây Ninh

- Lê Huy Ngọ
- Nguyễn Thị Minh

39. Đoàn Sông Bé

- Nguyễn Minh Triết (Trần Phong)
- Lê Văn Kiến

40. Đoàn Đồng Nai

- Lê Đức Anh
- Đặng Văn Thân
- Nguyễn Văn Tư

41. Đoàn Bà Rịa - Vũng Tàu

- Lê Văn Dỹ
- Phạm Văn Hy

42. Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Võ Văn Kiệt
- Võ Trần Chí
- Trương Mỹ Hoa
- Trương Tấn Sang
- Trần Trọng Tân

- Trần Thị Đường
- Võ Văn Cương
- 43. Đoàn Long An**
 - Nguyễn Văn Chính (Chín Cần)
 - Nguyễn Văn Chiểu
- 44. Đoàn Tiền Giang**
 - Nguyễn Văn Hơn
 - Huỳnh Văn Niêm
- 45. Đoàn Bến Tre**
 - Nguyễn Xuân Kỳ
 - Trương Vĩnh Trọng
- 46. Đoàn Vĩnh Long**
 - Trần Hồng Quân
 - Trịnh Văn Lâu (Tư Cần)
- 47. Đoàn Trà Vinh**
 - Bùi Quang Huy
 - Lê Thanh Nhân
- 48. Đoàn Đồng Tháp**
 - Võ Hồng Nhân
 - Phan Minh Tánh
- 49. Đoàn Cần Thơ**
 - Lê Phước Thọ
 - Lưu Văn Điền
- 50. Đoàn Sóc Trăng**
 - Trần Văn Vụ
 - Huỳnh Cương
- 51. Đoàn An Giang**
 - Trương Công Thận
 - Nguyễn Thị Kim Hồng (Chín Hồng)

- 52. Đoàn Kiên Giang**
 - Lê Văn Triết
 - Nguyễn Đệ
- 53. Đoàn Minh Hải**
 - Đặng Thành Học
 - Nguyễn Tấn Trịnh
- 54. Đoàn Đảng bộ Quân sự Trung ương**
 - Đoàn Khuê
 - Lê Khả Phiêu
 - Đặng Quân Thụy
 - Phạm Văn Trà
 - Đào Đình Luyện
 - Nguyễn Trọng Xuyên
 - Nguyễn Thới Bưng
 - Phan Thu
 - Nguyễn Nam Khánh
 - Đàm Văn Ngụy
 - Phạm Thanh Ngân
 - Đào Trọng Lịch
 - Nguyễn Thế Trị
- 55. Đoàn Đảng bộ Công an Trung ương**
 - Bùi Thiện Ngộ
 - Phạm Tâm Long
 - Lê Minh Hương
 - Nguyễn Tấn Dũng
- 56. Đoàn Đảng bộ Khối I cơ quan Trung ương**
 - Nguyễn Đình Hương

- Phan Diễn
- Vũ Quốc Hùng
- Hà Mạnh Trí

57. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng

- Nguyễn Đức Bình
- Nguyễn Hữu Thọ
- Đỗ Phượng
- Nguyễn Phú Trọng

58. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương

- Nguyễn Đình Tứ
- Phạm Minh Hạc
- Vũ Đình Cự
- Nguyễn Duy Quý

59. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Kinh tế Trung ương

- Phan Văn Khải
- Đặng Vũ Chư
- Thái Phụng Nê

60. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Đối ngoại Trung ương

- Nguyễn Mạnh Cẩm
- Vũ Khoan
- Nguyễn Dỵ Niên

61. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Dân vận Trung ương

- Vũ Oanh
- Trần Thị Thanh Thanh
- Hồ Đức Việt
- Nguyễn Trọng Nhân

62. Đoàn Đảng bộ Khối cơ quan Nội chính Trung ương

- Lê Đức Bình
- Lê Thanh Đạo.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 113-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996

Về việc lập Tổ chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Lập Tổ chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội VIII gồm chuyên viên của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong danh sách kèm theo và khi cần sẽ huy động thêm một số đồng chí trong các Tổ Biên tập văn kiện Đại hội VIII, trợ lý và thư ký các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII được mời dự thỉnh Đại hội.

Điều 2: Tổ chuyên viên có trách nhiệm giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội theo yêu cầu của Đoàn Thư ký Đại hội và do lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo, điều hành công việc.

Điều 3: Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội VIII, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CÔNG VĂN
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 332-CV/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996

**Về yêu cầu các tỉnh, thành ủy chỉ đạo
việc kiện toàn cán bộ chủ chốt Hội đồng nhân dân
và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
sau kết quả bầu cử cấp ủy***

Bộ Chính trị đã thông báo ý kiến về nhân sự chủ chốt của các đảng bộ tỉnh, thành phố và đã chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các tỉnh ủy, thành ủy.

Yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và kết quả bầu cử cấp ủy đã được Bộ Chính trị chuẩn y, lãnh đạo thực hiện việc kiện toàn cán bộ chủ chốt Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đúng Luật bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; sớm báo cáo kết quả lên Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo luật định.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

Những trường hợp khác với ý kiến Bộ Chính trị đã thông báo thì phải làm đúng quy trình và báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII

Số 12-NQ/HNTW, ngày 20 tháng 6 năm 1996*

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII họp từ ngày 19 đến ngày 20-6-1996, sau khi xem xét các kiến nghị của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

QUYẾT NGHỊ:

1- Ủy nhiệm Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương tại Hội nghị này hoàn chỉnh Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương về các văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng để đồng chí Tổng Bí thư trình bày tại Đại hội (nội bộ và công khai).

2- Ủy nhiệm Bộ Chính trị căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 11 và tại Hội nghị Trung ương lần này để làm nghị quyết của

* Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII họp từ ngày 19 đến ngày 20-6-1996 tại Hà Nội (B.T).

Ban Chấp hành Trung ương khóa VII giới thiệu với Đại hội danh sách nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

3- Thông qua dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội và chương trình Đại hội (kèm theo) để trình Đại hội quyết định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VII**

Ngày 20 tháng 6 năm 1996

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Hội nghị Trung ương lần thứ 12 là hội nghị tiếp tục các công việc của Hội nghị Trung ương 11, hoàn tất các công việc chuẩn bị cho Đại hội VIII.

- Hội nghị đã xem xét, bổ sung và thông qua bản báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII; thông qua chương trình làm việc của Đại hội nội bộ và Đại hội công khai.

- Các đồng chí Trung ương đã xem xét và quyết định một số vấn đề về nhân sự để giới thiệu với Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Trung ương đã nhất trí cao đề nghị các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn

cho Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII; giới thiệu thêm một số đồng chí ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII; và rút một số đồng chí ra khỏi danh sách giới thiệu ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

- Trung ương cũng đã quyết định danh sách các đồng chí trong Đoàn Chủ tịch và Đoàn Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu để giới thiệu với Đại hội.

Như vậy, cho đến nay Trung ương đã hoàn tất các công việc chuẩn bị cho Đại hội, kết quả của một quá trình chuẩn bị công phu, nghiêm túc.

Cũng như các hội nghị lần trước, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 này thể hiện một tinh thần làm việc khẩn trương, dân chủ, thẳng thắn và đầy tinh thần trách nhiệm.

Đây là Hội nghị cuối cùng của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin chúc sức khỏe, cảm ơn các đồng chí Cố vấn và các đồng chí Trung ương.

Mong các đồng chí tiếp tục nêu cao vai trò và trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo tiến hành các công việc của Đại hội, bảo đảm cho Đại hội thành công tốt đẹp, thật sự là một cột mốc trong thời kỳ phát triển mới, một Đại hội phấn khởi, tin tưởng, tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng, và sau Đại hội, đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống. Sắp tới có đồng chí tiếp tục tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương, có đồng chí không tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương. Nhưng tất cả chúng ta đều là những người cộng sản, những chiến sĩ cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Phát huy những truyền thống và kinh nghiệm quý báu, Đảng ta nhất định sẽ lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng vẻ vang của mình, phấn đấu thực hiện tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng nước Việt Nam độc lập dân chủ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng thời xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh, ngày càng đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, đáp ứng yêu cầu của cách mạng và lòng mong đợi của nhân dân.

Với niềm tin đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 12.

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 69-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1996

**Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI)
về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng,
tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”**

I

Sáu năm qua, công tác dân vận đã có bước chuyển biến mới. Nhiều phong trào cách mạng của nhân dân được đẩy mạnh, nhất là trên lĩnh vực phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, thực hiện chính sách đối với người có công với nước, từ thiện nhân đạo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Vai trò của nhân dân được phát huy trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được từng bước triển khai ở tầm cao mới và chiều sâu mới.

Tư duy về công tác dân vận đã có bước phát triển. Bước đầu

nâng cao được trách nhiệm của cả hệ thống đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, rất quan trọng. Mỗi quan hệ giữa Đảng và nhân dân được gắn bó hơn. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, dần dần khôi phục được tín nhiệm trong nhân dân, tập hợp thêm được đoàn viên, hội viên.

Tuy nhiên, công tác dân vận và mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân hiện hay còn nhiều khuyết điểm:

Một số cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa thấu suốt quan điểm quần chúng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhiều chủ trương của Đảng về công tác dân vận chậm được thể chế hóa. Chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân chưa đầy đủ. Nhiều cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ít đi cơ sở; ngại cơ Đảng, chính quyền, đoàn thể quan liêu, xa dân khắc phục chậm. Mặt trận và các đoàn thể còn nhiều mặt yếu, ít đi sâu vào các đối tượng quần chúng. Tỷ lệ tập hợp nhân dân vào tổ chức còn thấp và không đều ở các địa phương. Lực lượng nòng cốt mỏng. Cán bộ đoàn thể chưa đủ mạnh, chưa chuyển kịp yêu cầu mới; một số chưa phấn khởi công tác.

Nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm trên là do nhận thức và quan điểm về công tác dân vận, về đại đoàn kết dân tộc trong nhiều cán bộ chưa thực sự nhuần nhuyễn. Hiện tượng coi thường dân, coi nhẹ công tác dân vận và các đoàn thể còn diễn ra ở nhiều nơi. Tệ quan liêu, tham nhũng còn nghiêm trọng đang làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Các đoàn thể nhân dân chưa khắc phục tốt cách hoạt động theo kiểu hành chính. Chưa có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ dân vận.

II

Thực tiễn sáu năm qua đã khẳng định tính đúng đắn của những quan điểm chỉ đạo công tác dân vận trong Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI), cần tiếp tục quán triệt các quan điểm đó. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phương hướng công tác dân vận như sau:

- Quan điểm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cần được tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Biến các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành các phong trào cách mạng của nhân dân là việc có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước.

- Mục tiêu của công tác dân vận trong những năm tới là động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1996 - 2000). Chăm lo, tạo điều kiện cho mọi vùng sớm xóa đói, giảm nghèo, mọi nhà no ấm; sớm xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, không ngừng nâng cao dân trí; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, xóm làng đoàn kết, yên vui, gia đình hòa thuận, hạnh phúc, xã hội công bằng, đất nước ổn định.

- Đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, làm chủ cuộc sống bản thân và xã hội, nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phong trào cách mạng trong nhân dân.

- Các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng, lấy các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt. Các phương thức và

khẩu hiệu vận động phải phù hợp với trình độ của từng đối tượng nhân dân; coi trọng việc lấy các điển hình tiên tiến để tuyên truyền, vận động, nhân ra diện rộng.

- Đảng lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên công tác dân vận. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công chức, viên chức nhà nước đều phải làm tốt công tác dân vận, giữ mối quan hệ tốt với nhân dân trong khi thi hành công vụ. Cần phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức chính trị - xã hội với các cấp, các ngành của Nhà nước; gắn công tác dân vận với công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

- Trong tình hình hiện nay, cần vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, gây mất ổn định chính trị, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; phát hiện, ngăn chặn mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

III

Trong thời gian trước mắt, các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo làm tốt những nhiệm vụ sau:

1- Tổ chức các phong trào nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra. Cần có những hình thức biểu dương, cổ vũ những cá nhân và tập thể lập thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực nhằm động viên, cổ vũ phong trào phát triển sâu rộng. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Nhà nước có văn bản pháp quy quy định chế độ nhân dân tự quản ở địa bàn dân cư.

2- Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện tốt những nghị quyết của Đảng đã ban hành về các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết đó, phải coi trọng sơ kết, tổng kết, phát hiện những vấn đề mới, để bổ sung, hoàn thiện các chính sách.

3- Ban Dân vận Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan sớm nghiên cứu thể chế hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể.

4- Chính phủ tiếp tục thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở các cấp; chấn chỉnh và loại bỏ những thủ tục hành chính phiền hà, tạo điều kiện cho mọi hoạt động của nhân dân được thuận lợi, đúng pháp luật; thường xuyên trao đổi với Mặt trận và các đoàn thể có liên quan trong quá trình chuẩn bị ban hành những chính sách quan trọng và chỉ đạo thực hiện các chính sách đó; tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động.

5- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần làm tốt chức năng phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện các chủ trương,

chính sách của Đảng và Nhà nước và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Các đoàn thể nhân dân rà soát lại tổ chức và hoạt động của mình, có kế hoạch và hình thức hoạt động cho sát, đúng với đối tượng vận động. Chăm lo lợi ích của hội viên, đoàn viên, đại diện cho đối tượng vận động của mình tham gia công việc của Nhà nước. Tăng cường phối hợp hành động giữa các thành viên trong Mặt trận. củng cố tổ chức cơ sở của các đoàn thể. Phát triển tổ chức trong các xí nghiệp tư nhân và liên doanh...

Các đoàn thể nhân dân được tham gia thực hiện các chương trình, dự án, được làm kinh tế để vừa bổ sung thêm kinh phí hoạt động, chăm lo thêm cho đội ngũ cán bộ của mình, vừa góp phần xây dựng đất nước, nhưng phải làm đúng pháp luật, có chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, làm có hiệu quả, ngăn chặn tham ô, lãng phí.

6- Các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên... làm tốt công tác dân vận nhằm củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ này và có chế độ, chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ dân vận, đặc biệt là cán bộ cơ sở.

Củng cố, kiện toàn ban dân vận của cấp ủy đảng ở các cấp theo hướng nâng cao chất lượng tổ chức cán bộ và hiệu quả hoạt động. Ban dân vận cấp huyện (và tương đương) cần được tổ chức thống nhất theo Hướng dẫn số 62, ngày 18-4-1994 của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Dân vận Trung ương.

Ở mỗi cấp cần phân công đồng chí ủy viên ban thường vụ làm trưởng ban dân vận và một số cấp ủy viên phụ trách các đoàn thể và Mặt trận.

Nơi có nhiều tín đồ tôn giáo lập ban chỉ đạo công tác tôn giáo. Cơ cấu và hoạt động của ban này do Ban Dân vận Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

7- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với đảng đoàn các đoàn thể nhân dân xem xét, đề nghị điều chỉnh những bất hợp lý về chính sách đối với cán bộ dân vận, nhất là cán bộ cơ sở. Đặc biệt quan tâm cán bộ công tác ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng dân tộc.

*

* *

Các tỉnh, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chỉ thị này có kế hoạch triển khai thực hiện.

Giao cho Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn việc triển khai, theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Chỉ thị này phổ biến toàn văn đến đảng viên ở cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII**

**(Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương khoá VII,
đọc sáng ngày 28-6-1996)***

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Trước hết, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu, những đảng viên ưu tú đã cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên thắng lợi vẻ vang của trên 50 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội (B.T).

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế, các vị khách quý đến dự Đại hội, mang đến cho Đảng ta và nhân dân Việt Nam tình hữu nghị thắm thiết và sự cổ vũ lớn lao.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng và biết ơn các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đã tận tụy làm việc, góp phần tích cực, có hiệu quả vào công việc của Đảng và Nhà nước.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các nhân sĩ, trí thức đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại muôn vàn kính yêu của Đảng và dân tộc ta, người bạn thân thiết của nhân dân các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho hoà bình, độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã qua đời: Nguyễn Thái Ninh, Đỗ Chính, Bùi Thanh Vân, Lê Mai cùng nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh từ sau Đại hội VII đến nay vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã không ngừng phấn đấu vượt mọi khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện; đất nước

ổn định và phát triển, đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chúng ta vui mừng và tự hào về điều đó. Bầu bạn quốc tế ghi nhận và chia vui cùng chúng ta.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở trân trọng những thành tựu của 20 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa qua, Đại hội VIII sẽ đi sâu kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII; tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới.

Đại hội VIII cũng sẽ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, chúng ta đã nhận được rất nhiều ý kiến phong phú, quý báu của các đảng bộ và các tầng lớp nhân dân góp cho Đại hội về đường lối, phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu để phát triển đất nước. Các văn kiện quan trọng trình Đại hội hôm nay là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đại hội chúng ta nhiệt liệt cảm ơn Mặt trận Tổ quốc các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các giới nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, dân tộc, văn học, nghệ thuật, đồng bào ta ở nước ngoài và các bạn bè quốc tế về sự đóng góp tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội VIII có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đầy mạnh công

nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1996, tr. 3-6.

**TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH,
XÃ HỘI CÔNG BẰNG, VĂN MINH,
VỮNG BƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VII về các văn kiện trình Đại hội VIII
do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư
trình bày ngày 28-6-1996)**

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quý,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2000 và 2020; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến quan trọng và xác đáng. Sau khi dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng bàn việc nước. Có thể nói, các văn kiện trình ra Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện đó.

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII VÀ 10 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII phải đánh giá đúng đắn kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm thực hiện đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI của Đảng, rút ra những bài học lớn, làm cơ sở xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ cho chặng đường sắp tới.

Mười năm trước, khi Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nước ta đang trong tình trạng trầm trọng nhất của khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất đình đốn, lạm phát tăng vọt, đất nước bị bao vây về kinh tế, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin giảm sút. Sau gần 5 năm phấn

đấu gian khổ, kiên cường thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế, xã hội, chính trị, đối nội và đối ngoại. Mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng đã giảm được một phần. Đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra được Đại hội VII bổ sung và phát triển, thể hiện ở Cương lĩnh, Chiến lược và Báo cáo chính trị mà Đại hội VII đã thông qua.

Song lúc bấy giờ, thành tựu đổi mới còn hạn chế. Tăng trưởng kinh tế còn chậm, lạm phát còn cao, nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh, có mặt nghiêm trọng. Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia, làm phương hại đến độc lập, chủ quyền của đất nước. Nước ta lại đứng trước những thử thách rất gay gắt.

Trong tình thế đó, Đảng và nhân dân ta đã thể hiện trí tuệ và bản lĩnh cách mạng của mình, phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, lao động sáng tạo, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Nhìn tổng quát, công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rồi ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm thời kỳ 1991 - 1995 đạt 8,2%. Lạm phát bị đẩy lùi từ 774,7% năm 1986 xuống còn 67,1% năm 1991, 12,7% năm 1995. Đầu tư toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước so với

GDP năm 1990 là 15,8%, năm 1995 là 27,4%. Lương thực không những đủ ăn mà còn xuất khẩu được mỗi năm khoảng 2 triệu tấn gạo. Nhiều công trình thuộc kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng, tạo thêm sức mạnh vật chất và thế cân đối mới cho bước phát triển tiếp theo.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển của sức sản xuất, giải phóng và phát huy tiềm năng to lớn trong nước, tạo thuận lợi khai thác nguồn lực bên ngoài. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ hơn và có hiệu quả hơn.

Số việc làm tạo thêm hàng năm gần đây đã xấp xỉ số người mới bổ sung vào lực lượng lao động. Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói, giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định.

Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ; phá được thế bị bao vây, cô lập; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực đời sống cộng đồng quốc tế.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường đại đoàn kết toàn dân có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong khi đánh giá đúng thành tựu, chúng ta cần thấy rõ những tồn tại và yếu kém: nước ta còn nghèo và kém phát

triển; chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư, phát triển. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

Tuy vậy, đến nay, thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. *Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ những bài học thành công và chưa thành công, chúng ta đã điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể; đường lối, chủ trương, chính sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiễn. *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.*

Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đại hội VII thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã cụ thể hoá Cương lĩnh, Chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Các văn kiện trình Đại hội VIII kế thừa và phát triển hơn nữa những đường lối, chủ trương đúng đắn đó.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững và kiên trì đường lối đó, thường xuyên nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài, dẫn đến *chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác*. Nếu không được khắc phục có hiệu quả thì những khuyết điểm, lệch lạc đó sẽ làm suy yếu Đảng, làm một ruồng bộ máy nhà nước, biến chất chế độ, đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp, diễn ra thường xuyên. Điều quan trọng là sớm phát hiện sai lầm, khuyết điểm, đề ra biện pháp sửa chữa đúng đắn, kịp thời.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, Đảng ta rút ra *một số bài học chủ yếu:*

- Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá

khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ nước ta.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, động viên sức mạnh của cả dân tộc nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Động viên mọi nguồn lực bên trong là chính, đồng thời khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Củng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ; tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo những bài học trên đây là bảo đảm cho thành công của sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

II- THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI - ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

Đảng ta nhận định rằng sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Nêu lên 5 đặc điểm của tình hình thế giới và 5 xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay, Đảng ta khẳng định: sau những biến cố chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra dưới nhiều hình thức.

Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội. Các nước đều có những cơ hội để phát triển. Tuy nhiên, do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường thuộc về các nước phát triển, khiến các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn.

Châu Á - Thái Bình Dương đang là khu vực phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng cao. Đồng thời khu vực này cũng đang tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia; tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ nền văn hoá dân tộc. Các lực lượng xã hội chủ nghĩa, cách mạng và tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại hoà bình.

Trước mắt chúng ta có cả *thời cơ lớn và những thách thức lớn*.

Thời cơ lớn được tạo ra trước hết do những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng do sự tác động của nhiều xu thế tích cực trên thế giới.

Thách thức lớn nảy sinh từ bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu lên. Các nguy cơ đó có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới, từ những tiền đề đã được tạo ra, Đảng ta nhận định rằng nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đây là một nhận định cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ sắp tới.

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Lực lượng sản xuất đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hoá cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990.

Về quan hệ sản xuất, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, giải phóng sức sản xuất,

tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỉ trọng đáng kể.

Về đời sống vật chất và văn hoá, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh; phát huy những giá trị cao đẹp và truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

III- PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Đảng ta luôn xác định xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Trong những năm tiến hành công nghiệp hoá trước đây, mặc dù có những sai lầm, thiếu sót, song chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Một số công trình lớn đã được xây dựng và phát huy tác dụng. Chúng ta phải kế thừa thành tựu của thời kỳ trước, rút kinh nghiệm từ những sai lầm, thiếu sót để bổ sung, phát triển nhận thức, đề ra những bước đi, giải pháp thích hợp, nhằm triển khai có hiệu quả hơn sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ mới.

Ngày nay, công nghiệp hoá luôn gắn liền với hiện đại hoá, với việc ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại. Khoa học và công nghệ trở thành nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong hoàn cảnh mới, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả, tranh thủ vốn, công nghệ và thị trường quốc tế để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng kinh nghiệm cho thấy,

nếu không tạo lập được một vị thế độc lập, tự chủ, không có đủ nội lực cần thiết, thì không thể tham gia hợp tác quốc tế một cách thật sự bình đẳng và có lợi, không thể khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Vì vậy, phải xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm khả năng giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế, quốc phòng, an ninh, chủ động tham gia phân công lao động và hợp tác quốc tế. Luôn luôn nêu cao phương châm dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, động viên mọi người, mọi nhà, mọi cấp, mọi ngành cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư phát triển.

Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế, xã hội chưa thật ổn định vững chắc. Chúng ta cần tránh sai lầm chủ quan nóng vội, quá thiên về công nghiệp nặng, ham quy mô lớn. Phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ; khôi phục, phát triển, từng bước hiện đại hoá các ngành nghề tiểu thủ công truyền thống đi đôi với mở mang những ngành nghề mới.

Cần nhắc, lựa chọn những dự án cũng như thời điểm khởi công các công trình công nghiệp nặng trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, có khả năng phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế ở những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển.

Xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể dài hạn các ngành, các lĩnh vực, các địa bàn để có bước đi thích hợp, kết hợp giữa nhu cầu trước mắt và mục tiêu lâu dài, giữa điểm và diện, giữa kinh tế và quốc phòng, an ninh, giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển các loại hình doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa là chính, với công nghệ thích hợp, vốn đầu tư ít, tạo ra nhiều việc làm, thời gian thu hồi vốn nhanh. Chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có. Đồng thời xây dựng hoặc tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình lớn thật sự cần thiết.

Chính sách phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với chính sách và giải pháp phát triển các ngành và các lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt quan tâm xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nếu công nghiệp hoá, hiện đại hoá tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới, thì việc *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần* chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng qua 10 năm đổi mới. Văn kiện Đại hội VIII khẳng định tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng, ra sức

dầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh; đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, không phân biệt sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh.

Nền kinh tế nhiều thành phần mà Đảng ta chủ trương là nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, văn kiện nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế nhà nước thực sự làm ăn có hiệu quả, phát huy tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã phấn đấu dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh.

Đổi mới tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước, phát huy cao độ quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản thuộc sở hữu nhà nước ngày càng tăng lên.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã phát triển tốt. Kết hợp một cách tự nguyện sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất kinh doanh và đời sống của người lao động.

Phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Áp dụng nhiều phương thức hợp tác, liên doanh giữa Nhà nước với các nhà tư bản trong nước và các công ty tư bản nước ngoài. Tạo thế và lực cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng khả năng hợp tác và cạnh tranh. Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn họ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài, bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc *xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó chẳng những không đối lập mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cơ chế thị trường có những tác động tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, nhằm phát huy tác dụng tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực.

Phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ các yếu tố của thị trường, đồng thời xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp luật, kế hoạch, các thiết chế tài chính, tiền tệ và những phương tiện vật chất và tổ chức cần thiết cho sự quản lý của Nhà nước, tạo điều kiện cho cơ chế thị trường hoạt động hữu hiệu.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ tăng trưởng, cơ cấu và các cân đối lớn, lựa chọn phương án, chính sách và giải pháp để định hướng phát triển cho toàn bộ nền kinh tế.

Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí các nguồn lực, thôn tính lẫn nhau.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Các cơ quan chính quyền không can thiệp vào những việc thuộc chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

IV- CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI, THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Cương lĩnh của Đảng ta chỉ rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi

tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Hàng loạt vấn đề xã hội đang được đặt ra, hoặc do hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, của nền kinh tế kém phát triển, hoặc mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Không thể cùng một lúc giải quyết mọi vấn đề trong lúc năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách còn hạn hẹp, lại phải tích lũy cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, Báo cáo chính trị chỉ đề cập một số vấn đề bức bách nhất về con người và về xã hội.

Báo cáo chính trị trình bày các phương hướng chủ yếu *phát triển trí tuệ* của người Việt Nam thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ phải được quan tâm đầu tư phát triển, chú trọng nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các thành tựu khoa học và công nghệ của nhân loại để góp phần đắc lực vào việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người.

Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Bằng nhiều hình thức đa dạng bảo đảm cho mọi người được học, nhất là người nghèo và con em các gia đình thuộc diện chính sách. Động viên phong trào toàn dân thi đua xoá mù chữ, hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước và phổ cập trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện. Cải tiến chất lượng dạy và học, khắc phục những tiêu cực, yếu kém

trong ngành giáo dục để hoàn thành tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cùng với đổi mới nội dung giáo dục theo hướng cơ bản, hiện đại, phải tăng cường giáo dục công dân, giáo dục thể giới quan khoa học, lòng yêu nước, ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước.

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các hoạt động văn hoá - văn nghệ có vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, làm phong phú đời sống tinh thần con người Việt Nam. Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hoá phải được thấm đậm không chỉ trong công tác văn hoá - văn nghệ, mà cả trong mọi hoạt động xây dựng, sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt Nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, song phải luôn luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết không được tự đánh mất mình, trở thành bóng mờ hoặc bản sao chép của người khác.

Sự *cường tráng về thể chất* là nhu cầu của bản thân con người, đồng thời là vốn quý để tạo ra tài sản trí tuệ và vật chất cho xã hội. Chăm lo cho con người về thể chất là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể. Song song với phát triển kinh tế, chăm lo cho việc ăn, ở của dân ngày càng tốt hơn, các ngành y tế, thể dục thể

thao, dân số và kế hoạch hoá gia đình phải làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Trong đó, phải rất quan tâm xây dựng và củng cố hệ thống y tế cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh dịch, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, phát động rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng. Phải đổi mới cơ chế và thái độ phục vụ, động viên thỏa đáng và sử dụng có hiệu quả những nguồn tài chính dành cho hoạt động y tế. Bảo đảm cho những người nghèo, những người trong diện chính sách được chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh được giảm hoặc miễn phí.

Qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp đi đôi với chăm lo xoá đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh, từng bước thực hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Xuất phát từ nhận thức chăm lo cho con người, cho cộng đồng xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị,

của từng gia đình, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, chúng ta chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần *xã hội hoá*, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Theo trình độ phát triển kinh tế, Nhà nước tăng dần nguồn đầu tư cho khoa học, giáo dục, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ và các vấn đề xã hội; đồng thời khai thác mọi tiềm năng của nhân dân, của địa phương, của các hội, đoàn, tranh thủ các nguồn viện trợ từ nước ngoài và sử dụng có hiệu quả để chăm lo cho con người và xã hội. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Nhà nước và nhân dân cùng làm, mọi việc đều phải dựa vào dân..., đó là những quan điểm và kinh nghiệm trong lịch sử chiến tranh nhân dân và trong 10 năm đổi mới cần nắm vững và phát huy để tạo nguồn lực giải quyết vấn đề con người và xã hội trong thời kỳ hiện nay.

V- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI LỚN TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

Đất nước ta bước vào 5 năm cuối cùng của thế kỷ này với những khả năng và cơ hội lớn hơn nhiều so với 5 năm trước, đồng thời cũng đứng trước những thử thách hết sức gay gắt.

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trên cơ sở quán triệt những tư tưởng chỉ đạo sau đây:

Một là, thực hiện đồng thời ba mục tiêu về kinh tế: đẩy mạnh công nghiệp hoá với nhịp độ tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là

phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

Hai là, tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời hoàn thiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.

Năm là, kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển; phát huy lợi thế của mỗi vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

Trong 5 năm tới, chúng ta tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đạt tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 9 - 10%; đến năm 2000 GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 14 - 15%/năm, nông nghiệp 4,5 - 5%, dịch vụ 12 - 13% và trong chỉ đạo thực hiện phải tranh thủ mọi khả năng mới, phấn đấu đạt cao hơn.

Việc xác định các mục tiêu trên xuất phát từ khả năng thực tế và yêu cầu bức bách của cuộc sống, của thời đại nhằm nâng cao mọi mặt đời sống các tầng lớp dân cư, thay đổi bộ mặt đất nước, tạo thế vững vàng cho nước ta tham gia cạnh tranh và hợp tác trong tiến trình hội nhập cộng đồng quốc tế.

Phương hướng và giải pháp lớn nhằm thực hiện các mục tiêu trên được thể hiện trong 11 chương trình và lĩnh vực phát triển của kế hoạch 5 năm tới mà nội dung chủ yếu có thể tóm tắt như sau:

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, vùng lãnh thổ, vùng miền núi và dân tộc thiểu số* tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là: phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống. Tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển trên cơ sở phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết giữa các vùng, làm cho mỗi vùng đều có chuyển biến rõ rệt, giảm sự chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng. Trước hết là ưu tiên giúp đỡ những địa bàn xung yếu, những khu căn cứ cách mạng, các vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tạo điều kiện ban đầu để các vùng đó từng bước tự vươn lên. Khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của vùng biển, ven biển để phát triển kinh tế, kết hợp với quốc phòng, an ninh, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

- *Nhóm các chương trình và lĩnh vực phát triển về công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ* tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là: phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế, có sức cạnh tranh trên thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu, hình thành một số ngành và sản phẩm mũi nhọn trong các lĩnh vực như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác và chế

biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu. Nâng cấp và cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, hình thành các khu công nghiệp tập trung, tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới; phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn và ven đô thị. Phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Bảo đảm giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết trên các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở miền núi, nông thôn, đặc biệt là đường, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc...

Các ngành dịch vụ, thương mại vươn lên bảo đảm lưu thông hàng hoá thông suốt trong cả nước, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu, miền núi; mở rộng thương mại quốc tế. Củng cố và phát triển thương nghiệp nhà nước trong những ngành hàng thiết yếu, những địa bàn còn bỏ trống, nắm bán buôn, chi phối bán lẻ. Từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng lưới đại lý để cùng thương nghiệp nhà nước đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường, góp phần ổn định thị trường, giá cả. Phát triển du lịch và các dịch vụ tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật...

- *Chương trình kinh tế đối ngoại* nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động về ngoại thương, về thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài và các dịch vụ thu ngoại tệ khác, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu; tăng tỉ trọng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến, tạo thêm những nhóm hàng,

mặt hàng có khối lượng và giá trị lớn. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28%; kim ngạch nhập khẩu tăng khoảng 24%; thay thế nhập khẩu một số mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tận dụng thời cơ tăng nhanh khả năng tiếp nhận, thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, hiện đại của nước ngoài; đồng thời nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam trong các cơ sở liên doanh.

- *Nhóm các chương trình về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo* tập trung vào các mục tiêu và hướng chính là:

Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nắm bắt các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt Nam. Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao về điện tử, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hoá. Nâng tỉ lệ đổi mới thiết bị trong các ngành sản xuất mỗi năm từ 10% trở lên. Tranh thủ tối đa công nghệ tiến bộ, từng bước đưa công nghệ nước ta đạt tới trình độ trung bình của khu vực. Tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Nâng cao mặt bằng dân trí. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tăng tỷ lệ người lao động được đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000.

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hoá - nghệ thuật, quản lý

kinh tế - xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu trước mắt và chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

- *Nhóm các chương trình về phát triển văn hoá - xã hội* tập trung vào những mục tiêu và phương hướng sau:

Giải quyết việc làm. Nhà nước đầu tư tạo thêm chỗ làm việc và tạo điều kiện cho mọi người tự mình và giúp đỡ người khác tạo việc làm, giảm tỷ lệ người chưa có việc làm ở thành thị xuống còn 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75% vào năm 2000.

Xoá đói, giảm tỷ lệ nghèo từ 20 - 25% hiện nay xuống khoảng 10% tổng số hộ cả nước vào năm 2000.

Mở rộng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, bảo đảm cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của xã, phường nơi cư trú.

Thực hiện phương châm đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình và các mặt xã hội khác, hướng vào nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của nhân dân. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

Phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng; đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ở những vùng còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa... nhất là về y tế, giáo dục, phát thanh, truyền hình, văn hoá văn nghệ...

VI- Củng cố quốc phòng, an ninh

Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm tới là: phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn có hiệu quả và nghiêm trị mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có mối quan hệ khăng khít trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Thường xuyên

chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, thông qua thương lượng để tìm những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp, bảo đảm hoà bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển.

Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước

phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, với Phong trào không liên kết.

Tăng cường quan hệ với các tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân và các phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

VIII- TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sự nghiệp xây dựng đất nước đòi hỏi mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng, nêu cao truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống

nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở và tin cậy.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Chế độ ta là chế độ do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trước hết phải thể hiện ở các chính sách cụ thể, thiết thực, đáp ứng lợi ích hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, tạo ra động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng. Trong đó, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện, làm chủ trực tiếp cùng các hình thức tự quản tại cơ sở.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, làm cho Mặt trận và các tổ chức thành viên thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta là cột trụ của hệ thống chính trị, là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Việc xây dựng và hoàn

thiện Nhà nước phải được tiến hành trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, một nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả phải thực hiện tốt, đồng bộ các nhiệm vụ: đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước; cải cách nền hành chính nhà nước bao gồm cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến sự sống còn của hệ thống chính trị. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có những biện pháp khắc phục, song hiệu quả còn thấp.

Phải tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ chủ chốt các cấp phải gương mẫu đi đầu trong đấu tranh chống tham nhũng, trước hết là đối với bản thân.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu; tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản nhà nước, đòi hối lộ, đưa và nhận hối lộ; chú ý một số lĩnh vực trọng điểm.

IX- XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, nhất là trong tình hình hiện nay, khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Mọi thành tựu và khuyết điểm trong quá trình đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới; đồng thời Đảng có trách nhiệm trong việc để kéo dài nhiều mặt yếu kém, tiêu cực trong bộ máy đảng, nhà nước và trong xã hội. Chính trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta ngày càng trưởng

thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vì ở nước ta, không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc, không có quyền làm chủ thực sự của nhân dân, không có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường, vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng; ở những bước chuyển giai đoạn, vai trò đó lại càng quan trọng.

Đương nhiên, để làm tốt vai trò lãnh đạo, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện mới hết sức phức tạp, Đảng ta ý thức sâu sắc về điều đó, coi đây là một quy luật phát triển của Đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng, củng cố và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực kinh tế, xã hội, với việc kiện toàn hệ thống chính trị, với phát huy óc sáng tạo và khơi dậy phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong quá trình tự đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Phải xuất phát từ thực tiễn để đề ra giải pháp về xây dựng Đảng. Chống các khuynh hướng cơ hội, bảo thủ, cực đoan.

Điểm xuyên suốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với

Đảng ta trong giai đoạn hiện nay là *giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng*. Bản chất ấy thể hiện trước hết ở mục đích, lý tưởng của Đảng; ở Cương lĩnh chính trị và đường lối cán bộ của Đảng; ở mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân và dân tộc, ở sự kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Cần thống nhất nhận thức: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyên tắc tổ chức của Đảng là tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Một quy luật cơ bản trong phát triển, tiến bộ của Đảng là thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Bản chất giai cấp, mục tiêu, lý tưởng của Đảng đòi hỏi mọi đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, có lao động, không bóc lột, không làm kinh tế tư bản tư nhân; có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó với nhân dân... Mọi hành vi trái với những quy định nêu trên đều không phù hợp với yêu cầu về tư cách đảng viên.

Trong tình hình hiện nay, phải *rất chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ* của cán bộ, đảng viên. Uốn nắn

những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải gương mẫu học tập, rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt, giữ gìn đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hoá, biến chất.

Càng đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, hệ thống tổ chức của Đảng càng phải khoa học, vững mạnh, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Muốn thế, một mặt phải *thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ* trong sinh hoạt đảng, phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; mặt khác phải *kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng* và của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có cơ chế và phương thức hoạt động thích hợp, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động, tích cực, năng động của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, các đoàn thể nhân dân.

Trong việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng, cùng với việc kiện toàn tổ chức đảng các cấp, đặc biệt là ở cấp trung ương, phải rất quan tâm củng cố *tổ chức cơ sở đảng*. Phát huy kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Trung ương ba (khoá VII), cần nâng cao tính tiên phong chiến đấu của các cơ sở đảng và của đảng viên trong công cuộc đổi mới,

trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, chấn chỉnh các cơ sở yếu kém, khắc phục sự buông lỏng công tác đảng, cải tiến nội dung sinh hoạt đảng, gắn với thực tế tại địa bàn. Hiện nay, trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế quản lý mới có rất nhiều loại hình cơ sở đảng với những chức năng, nhiệm vụ không hoàn toàn giống nhau. Cần có kế hoạch khảo sát, đánh giá đúng từng loại hình cơ sở để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp, bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi toàn Đảng phải *chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ*, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận. Sớm xây dựng cho được một chiến lược cán bộ của thời kỳ mới. Là đảng cầm quyền, Đảng phải chăm lo đào tạo, bố trí cán bộ cho cả hệ thống chính trị. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Bảo đảm nguyên tắc tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở nắm vững tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục và tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có cơ chế, chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ, phát hiện và trọng dụng nhân tài của đất nước. Cán bộ của thời kỳ mới phải là những người có phẩm chất chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có trình độ chuyên môn và

năng lực thực tiễn, có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống; tóm lại là phải có đủ đức và tài, trong đó đức là gốc.

Đổi mới quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, theo một quy trình chặt chẽ.

Một vấn đề được nhấn mạnh trong các văn kiện kỳ này là *tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra của Đảng*. Đề cao trách nhiệm kiểm tra của các cấp ủy đảng, các ban của cấp ủy. Xác định cụ thể nhiệm vụ, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp. Điều lệ Đảng khẳng định: kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra của Đảng. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải trực tiếp kiểm tra và sử dụng các ban để kiểm tra. Thông qua kiểm tra để phát hiện nhân tố mới, phát huy ưu điểm, ngăn ngừa và khắc phục khuyết điểm; bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách...

Ủy ban kiểm tra các cấp tập trung vào việc kiểm tra đảng viên có biểu hiện vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, vi phạm tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới có biểu hiện vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và nguyên tắc tổ chức của Đảng; xử lý và giúp cấp ủy xử lý công minh, kịp thời đảng viên và tổ chức đảng có hành động vi phạm.

Đặc biệt quan tâm làm tốt công tác *bảo vệ chính trị nội bộ Đảng* trong tình hình mới.

Thưa các đồng chí,

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trong các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là sự cụ thể hoá và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua các Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ đó là cách tốt nhất để tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta đi vào thế kỷ XXI.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm chắc vận hội, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, quyết tâm biến nội dung Nghị quyết Đại hội VIII thành hiện thực; tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1996, tr.7-54.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG**

*Kính thưa Đại hội,
Thưa các đồng chí và các bạn,*

Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời điểm lịch sử có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Công cuộc đổi mới toàn diện mở đầu từ Đại hội VI đã trải qua gần 10 năm. Từ đó đến nay, nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc. Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta trong thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phần thứ nhất

ĐẤT NƯỚC SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Từ cuối những năm 70, khi nước ta lâm vào khủng hoảng

kinh tế - xã hội, Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, đã đề ra nhiều chủ trương đổi mới từng phần. Tuy vậy, những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội lúc đó về căn bản chưa được khắc phục. Đất nước bị bao vây, cấm vận. Trong quá trình thực hiện những biện pháp cải cách, chúng ta lại phạm một số sai lầm mới nên khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra ngày càng gay gắt, tỷ lệ lạm phát lên đến 774,7% vào năm 1986.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau Đại hội VI, công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua: ba năm liên lạm phát ở mức ba con số; đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề; những vụ đổ vỡ quỹ tín dụng xảy ra ở nhiều nơi. Những diễn biến quốc tế phức tạp tác động xấu đến tình hình nước ta.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ra sức khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống.

Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức 393,8%, nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm 1 - 1,5 triệu tấn gạo; lạm phát giảm dần, đến năm 1990 còn 67,4%. Việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn đạt những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Đời sống của nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; hoạt động đối ngoại được mở rộng, đẩy lùi tình trạng bị bao vây, cô lập. Công tác xây dựng Đảng có tiến bộ. Lòng tin của nhân dân từng bước được khôi phục.

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Đại hội VII của Đảng nhận định: **Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.**

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho 5 năm 1991 - 1995 là: **vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.** Đại hội long trọng tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Sau Đại hội VII, sự tan rã của Liên Xô đã tác động sâu

sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh những hoạt động gây mất ổn định chính trị và bạo loạn lật đổ. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo.

Đảng ta và nhân dân ta kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành nhiều thắng lợi mới to lớn.

I- THÀNH TỰU

1. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm

Trong 5 năm 1991 - 1995, nhịp độ tăng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%), về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp 4,5%, kim ngạch xuất khẩu 20%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% năm 1990 lên 29,1% năm 1995; dịch vụ từ 38,6% lên 41,9%. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP; năm 1995 là 27,4% (trong đó nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỉ USD, gần 1/3 đã được thực hiện. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995.

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

2. Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm thêm hơn 1 triệu lao động có việc làm. Nhiều nhà ở và đường giao thông được nâng cấp và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị.

Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng, công tác kế hoạch hoá gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác có những mặt phát triển và tiến bộ.

Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của nhiều cơ chế không hợp lý, phát huy được quyền làm chủ và tính năng động sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội.

Chủ trương đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn dân hưởng ứng; phong trào xoá đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng mở rộng, đang trở thành một nét đẹp mới trong xã hội ta.

Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, vào Đảng và Nhà nước được nâng lên.

3. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh

Chúng ta đã giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hoà bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới.

Đảng đã định rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tiếp tục thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh. Các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống lực lượng vũ trang được đáp ứng tốt hơn. Chất lượng và sức chiến đấu của quân đội và công an được nâng lên. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

4. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội; đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, tiến hành cải cách một bước nền hành chính nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy.

5. Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế

Chúng ta đã triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hóa. Không phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN; củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với Liên bang Nga, các nước trong Cộng đồng các quốc gia độc lập và các nước Đông Âu; mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển; bình thường hoá quan hệ với Mỹ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Nam Thái Bình Dương, Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh; mở rộng quan hệ với Phong trào không liên kết, các tổ chức quốc tế và khu vực.

Đảng ta tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, các tổ chức và phong trào tiến bộ trên thế giới; thiết

lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Mở rộng hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội. Phát triển quan hệ với các tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hoà bình, phá thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

II- KHUYẾT ĐIỂM VÀ YẾU KÉM

Cùng với việc đánh giá đúng thành tựu, cần nhận rõ những khuyết điểm và yếu kém.

1. Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cân kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển

Đến nay nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới; trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn lạc hậu, nợ nần nhiều. Trong khi nhu cầu vốn đầu

tư phát triển rất lớn và cấp bách, một số cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể, tổ chức kinh tế, một bộ phận cán bộ và nhân dân lại tiêu xài lãng phí, quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Năm 1995, đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn trong nước (kể cả nguồn vốn khấu hao cơ bản) chỉ chiếm 16,7% GDP, trong đó phần vốn ngân sách chỉ chiếm 4,2% GDP, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung cho các chương trình, dự án kinh tế - xã hội cấp thiết.

2. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết

Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật,... nghiêm trọng kéo dài. Việc làm đang là vấn đề gay gắt. Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Trong khi đó các nguồn tài chính từ ngân sách và những nguồn lực khác có thể huy động được cho yêu cầu phúc lợi xã hội vừa rất hạn chế vừa chưa được sử dụng có

hiệu quả. Tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường sinh thái, hủy hoại tài nguyên ngày càng tăng. Văn hoá phẩm độc hại lan tràn. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội còn nhiều phức tạp.

3. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng

Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Việc thí điểm cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước làm chậm. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển; chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở.

4. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và nhất quán, thực hiện chưa nghiêm.

Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch hoá, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai còn nhiều yếu kém; thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số trận địa quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ

hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý. Bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát tuy được kiềm chế nhưng chưa vững chắc.

Quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ chưa tốt.

5. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị, xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng; còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hoá cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là không ít cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hoá về phẩm chất, đạo đức; sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng suy yếu.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt.

Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

IV- NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU

Những thành tựu đạt được trên đây là kết quả cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, bám sát thực tiễn, phấn đấu gian khổ của Đảng và nhân dân ta. Đó là: Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu (khoá IV) với những chính sách làm cho sản xuất “bung ra”; Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khoá IV) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; các Quyết định 25, 26-CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phân kế hoạch; Đại hội V

của Đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám (khoá V) tháng 6-1985 về giá, lương, tiền; Kết luận của Bộ Chính trị (khoá V) tháng 8-1986 về một số vấn đề lớn thuộc quan điểm kinh tế...

Những thử nghiệm ban đầu về đổi mới nói trên là tiền đề dẫn tới đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đường lối ấy hình thành trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, của các cấp, các ngành, hợp quy luật, thuận lòng người, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trong quá trình đổi mới, đặc biệt vào những thời điểm có tính bước ngoặt, Đảng ta đã có những quyết sách rất quan trọng. Đó là những kết luận kịp thời của Hội nghị Trung ương sáu (khoá VI) khẳng định 5 nguyên tắc của công cuộc đổi mới; là sự bác bỏ kiên quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI tại các Hội nghị Trung ương sáu, bảy, tám đối với những mầm mống đầu tiên về đa nguyên chính trị chớm xuất hiện trong Đảng; những nghị quyết Trung ương nhận định sắc bén và kịp thời về diễn biến của tình hình quốc tế vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90; việc thông qua Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng (sửa đổi) tại Đại hội VII; thông qua Hiến pháp mới năm 1992; chỉ rõ thời cơ và nguy cơ, xác định nhiệm vụ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ; các nghị quyết Trung ương khoá VII và nhiều nghị quyết, quyết định lớn khác của Đảng và Nhà nước cụ thể hoá, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới trên hầu hết các lĩnh vực. Với những quyết định đúng đắn ấy, toàn Đảng, toàn

dân ta đã vượt qua khó khăn, trở ngại, đưa công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi hôm nay.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, có thể rút ra một số **bài học chủ yếu** sau đây:

1. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác.

2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị

Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi

tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã dễ xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

3. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái

Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó

phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xu thế phân hoá giàu nghèo quá mức, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm... Đi vào kinh tế thị trường, phải kiên quyết đấu tranh khắc phục, hạn chế tối đa những khuynh hướng tiêu cực đó.

Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hoá giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, vừa coi trọng xoá đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả.

4. Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta ngày nay phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước. Đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước vì hoà bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Coi trọng và tiếp tục phát huy những quan hệ truyền thống.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt

Sự nghiệp cách mạng của nước ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng phải nghiêm túc xem xét những sai lầm, khuyết điểm và yếu kém của mình, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chia mũi nhọn vào Đảng, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức

của Đảng. Thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận sự hy sinh và công lao của những người cộng sản, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hoá bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ lợi dụng những kẻ cơ hội, phản bội về chính trị, hoặc thoái hoá về phẩm chất đạo đức để chia rẽ, làm suy yếu, phá hoại Đảng từ bên trong.

Nhận rõ yêu cầu mới của cách mạng và âm mưu thủ đoạn chống phá Đảng nói trên, Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Coi trọng tổng kết công tác xây dựng Đảng. củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Ngăn chặn khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2000

I- BỐI CẢNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình thế giới

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Những đặc điểm nổi bật là:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển. Nhưng do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, v.v. thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty đa quốc gia, cho nên các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn. Chênh lệch giàu nghèo giữa các nước ngày càng mở rộng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ diễn ra gay gắt.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên **những xu thế chủ yếu** sau đây:

- Hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.

Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của các nước.

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

2. Thời cơ và thách thức

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã được tạo ra. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó là thời cơ lớn.

Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Các nguy cơ ấy có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của ta quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện diễn biến hoà bình, thường xuyên dùng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn đang thật sự là những nguy cơ lớn. Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch dẫn tới chệch hướng; đó là mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hoà bình.

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát

triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.

II- MỤC TIÊU

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, cần **tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.**

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Lực lượng sản xuất đến lúc đó sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hoá cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. GDP tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990. Trong cơ cấu kinh tế, tuy nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh, song công nghiệp và dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng rất lớn trong GDP và trong lao động xã hội.

Khoa học tự nhiên và công nghệ có khả năng nắm bắt và

vận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khoa học xã hội và nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý thức xã hội mới. Sự phát triển của khoa học đủ sức cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển.

Về *quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng trong nền kinh tế. Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân chiếm tỷ trọng đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

Về *đời sống vật chất và văn hoá*, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được

đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

- Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 9 - 10%; sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5%, công nghiệp 14 - 15%, dịch vụ 12 - 13%, xuất khẩu khoảng 28%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45 - 46% GDP.

Phát triển và phát huy tốt tiềm lực khoa học và công nghệ; lựa chọn và làm chủ các loại hình công nghệ nhập và tích cực chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt 10%/năm trở lên.

Đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, mà nòng cốt là các hợp tác xã. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài.

- Tạo việc làm nhiều hơn số lao động tăng thêm hàng năm, giảm đáng kể thất nghiệp; xoá đói, tiếp tục giảm nghèo. Cải thiện điều kiện ăn, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân, đặc biệt các vùng

nông thôn, miền núi. Tới năm 2000, nhịp độ tăng dân số dưới 1,8%. Khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng nặng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi 15 - 35, phổ cập giáo dục tiểu học, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 22 - 25%. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường. Đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

- Giữ vững sự ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến căn bản trong việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; mở rộng dân chủ, thiết lập kỷ cương, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU

I- PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Quán triệt các quan điểm dưới đây về công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế,

đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ

trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là:

Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu - khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

1- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hoá nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước.

- Thực hiện thủy lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá...

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

- Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Hoàn thành cơ bản việc giao đất, khoán rừng cho hộ nông dân. Điều chỉnh việc phân bổ vốn và huy động thêm nhiều nguồn vốn cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn. Có chính sách khuyến khích và trợ giúp nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển giao công nghệ, giải quyết các khó khăn về vốn, về giá cả vật tư nông nghiệp và hàng nông sản, về thị trường tiêu thụ sản phẩm...

2- Phát triển công nghiệp, ưu tiên các ngành chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Phát triển có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng (năng lượng - nhiên liệu, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng và sửa tàu thủy, luyện kim, hoá chất), tăng thêm năng lực sản xuất tương ứng với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng độc lập tự chủ về kinh tế và quốc phòng.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng nhằm đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cần thiết trong từng thời kỳ.

Cải tạo các khu công nghiệp hiện có về kết cấu hạ tầng và công nghệ sản xuất. Xây dựng mới một số khu công nghiệp, phân bố rộng trên các vùng.

3- *Xây dựng kết cấu hạ tầng.*

Khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống *giao thông* hiện có; khôi phục, nâng cấp và mở thêm một số tuyến giao thông trọng yếu, kết hợp giao thông với thủy lợi, tận dụng giao thông đường thủy; mở thêm đường đến các vùng sâu, vùng xa; cải thiện giao thông ở các thành phố lớn. Cải tạo, nâng cấp một số cảng sông, cảng biển, sân bay; xây dựng dần cảng biển nước sâu.

Tiếp tục phát triển và hiện đại hoá mạng *thông tin liên lạc* quốc gia, mở liên lạc điện thoại đến hầu hết các xã.

Phát triển nguồn điện; cải tạo và mở rộng lưới *điện* đáp ứng nhu cầu và cung cấp điện ổn định. Cải thiện việc cấp thoát *nước* ở đô thị, thêm nguồn nước sạch cho nông thôn.

Tăng đầu tư cho *kết cấu hạ tầng xã hội* (giáo dục, y tế, khoa học, văn hoá - thông tin, thể thao...).

4- *Phát triển nhanh du lịch, các dịch vụ* hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin... và các dịch vụ phục vụ cuộc sống nhân dân.

Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch, thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

5- *Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ.*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế lãnh thổ trên cơ sở khai thác

triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển.

Đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Dành nguồn lực thích đáng cho việc giải quyết những nhu cầu cấp bách, đặc biệt là về kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, để những vùng còn kém phát triển, nhất là các vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng có bước tiến nhanh hơn, dần dần giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, coi đây là một trọng tâm chỉ đạo của các ngành, các cấp. Đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế biển, kết hợp với an ninh - quốc phòng.

Từng bước hình thành mạng lưới đô thị hợp lý, tránh không tạo thành các siêu đô thị. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị.

6- *Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.*

Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của kinh tế đối ngoại. Tạo thêm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Nâng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu trên thị trường. Giảm tỷ trọng sản phẩm thô và sơ chế, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh trong hàng xuất khẩu. Tăng nhanh xuất khẩu dịch vụ. Nâng cao tỷ trọng phần giá trị gia tăng trong giá trị hàng xuất khẩu. Giảm dần nhập siêu, ưu tiên việc nhập khẩu để phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu, hạn chế nhập những hàng tiêu dùng chưa thiết yếu. Có chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta với các đối tác.

Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp.

Việc sử dụng vốn vay và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành và vùng lãnh thổ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tính toán kỹ khả năng vay, sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả được nợ. Cải thiện cán cân thanh toán. Tăng dự trữ ngoại tệ. Làm rõ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý nợ nước ngoài, của người đi vay và người sử dụng vốn vay.

Thử nghiệm để tiến tới thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài.

II- CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần:

- Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh.

- Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh

tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

- Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

- Tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Thực hiện những chủ trương, chính sách sau đây đối với từng thành phần kinh tế:

1- Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo: làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng - an ninh. Doanh nghiệp nhà nước nói chung có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiến bộ, kinh doanh có hiệu quả, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh; lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

Đổi mới và tăng cường hoạt động của kinh tế nhà nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hoá - xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm

động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hoá. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể; vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tổ chức hợp lý các tổng công ty, bảo đảm vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian.

2- *Kinh tế hợp tác mà nông cốt là các hợp tác xã* là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ.

Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích, ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Thực hiện tốt Luật hợp tác xã.

3- *Kinh tế tư bản nhà nước* bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài. Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài.

Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

4- *Kinh tế cá thể, tiểu chủ* có vị trí quan trọng, lâu dài. Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ, vì lợi ích thiết thân và nhu cầu phát triển của sản xuất, từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

5- *Kinh tế tư bản tư nhân* có khả năng góp phần xây dựng đất nước. Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh.

III- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Từ thực tiễn hơn 10 năm qua, có thể khẳng định một số nhận thức về cơ chế quản lý kinh tế mới:

- Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng.

- Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta, thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia sản xuất và lưu thông, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới.

- Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhằm phát huy tác động tích cực to lớn đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước.

Từ nay đến năm 2000, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp,

hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường

- Phát triển mạnh *thị trường hàng hoá và dịch vụ*.

Mở rộng thị trường, thực hiện giao lưu hàng hoá thông suốt trong cả nước. Phát triển thị trường công nghệ, các dịch vụ thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, bảo lãnh...

Khắc phục tình trạng kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế. Kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh các vi phạm. Tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường.

Chỉnh đốn hoạt động của các tổ chức thương nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới hệ thống thương nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo; khắc phục tình trạng buông lỏng thị trường nông thôn, miền núi.

- Tổ chức quản lý và hướng dẫn tốt việc *thuê mướn và sử dụng lao động*.

Bảo đảm công ăn, việc làm cho dân là một mục tiêu xã hội hàng đầu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên. Nhà nước chú trọng đầu tư tạo việc làm, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và người lao động tạo thêm chỗ làm việc và tự tạo việc làm; khuyến khích các tổ

chức và cá nhân cùng Nhà nước tổ chức tốt dịch vụ giới thiệu việc làm, đào tạo nghề nghiệp.

Trong việc thuê mướn lao động, người lao động và người sử dụng lao động bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước, với sự tham gia của công đoàn, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, phải kiểm tra, kiểm soát việc thuê mướn, sử dụng và trả công lao động, cải thiện điều kiện lao động; bảo đảm thực hiện những quy định về bảo hộ, an toàn lao động; giải quyết tốt mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước. Có chính sách hướng dẫn và điều tiết tiền lương và thu nhập cá nhân trong toàn xã hội. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Quản lý chặt chẽ *đất đai và thị trường bất động sản*.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hoá, không cho phép mua bán đất đai. Thực hiện đúng Luật đất đai; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và chính sách về đất đai. Trong việc giao quyền sử dụng hay cho thuê đất phải xác định đúng giá các loại đất để sử dụng đất có hiệu quả, duy trì và phát triển quỹ đất, bảo đảm lợi ích của toàn dân. Khắc phục tình trạng đầu cơ đất và những tiêu cực, yếu kém trong quản lý và sử dụng đất.

Tổ chức, quản lý tốt thị trường bất động sản. Chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, nhất là ở các vùng đô thị; phát triển các doanh nghiệp nhà nước xây dựng và kinh doanh nhà ở. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và kinh doanh nhà theo sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước.

- Xây dựng *thị trường vốn*, từng bước hình thành *thị trường chứng khoán*.

Phát triển thị trường vốn, thu hút các nguồn vốn trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để đáp ứng nhu cầu cho vay đầu tư phát triển.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước xây dựng thị trường chứng khoán phù hợp với điều kiện Việt Nam và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế

Ban hành một số luật mới và sửa đổi, bổ sung một số luật và pháp lệnh hiện hành để tiếp tục thể chế hoá Cương lĩnh, Chiến lược và các chủ trương, chính sách của Đảng, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, cần thiết cho các hoạt động kinh tế.

3. Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá

Kế hoạch nhà nước phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống các mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, các chính sách, giải pháp để dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng kế hoạch.

Tập trung sức xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển, các chương trình và dự án lớn cho cả nước và cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực. Chuyển dần sang kế hoạch 5 năm là chính, có phân ra từng năm; giảm nhẹ việc xây dựng và xét duyệt kế hoạch hàng năm.

Kế hoạch phải bao quát các ngành, các vùng, các lĩnh vực và thành phần kinh tế.

4. Đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả

- *Chính sách tài chính* phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển; đáp ứng những nhu cầu chi thường xuyên thật sự cần thiết, cấp bách; bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia; giảm bội chi ngân sách, góp phần khống chế và kiểm soát lạm phát. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi bảo đảm quốc phòng - an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; vay và trả nợ...

Để tạo vốn đầu tư phát triển, giải pháp cơ bản và lâu dài là phải làm ăn có hiệu quả, phát triển kinh tế, thực hành triệt để tiết kiệm cả trong chi tiêu của Nhà nước, trong sản xuất kinh doanh và trong tiêu dùng của dân cư; khuyến khích mạnh tiết kiệm và đầu tư, đa dạng hoá các kênh huy động vốn.

Có tầm nhìn dài hạn trong chính sách thu, tính đến nhu cầu chi cấp thiết trước mắt, nhưng phải chú trọng bồi dưỡng nguồn thu lâu dài. Đổi mới chính sách thuế theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển. Thực hiện chính sách ưu đãi hơn nữa về thuế đối với đầu tư phát triển và đối với những vùng có nhiều khó khăn.

Thực hiện chặt chẽ chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ kiểm tra, thanh tra tài chính.

- Chuyển mạnh *chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng* phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần ổn định sức mua của đồng Việt Nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, huy động và cho vay vốn có hiệu quả... Ngân hàng trung ương có trách nhiệm chính trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại tệ, vàng.

Tổ chức tốt hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Có biện pháp đồng bộ để giảm dần lãi suất, tạo điều kiện cho đầu tư phát triển.

Có chính sách tỷ giá hối đoái và quản lý ngoại hối hợp lý thúc đẩy xuất khẩu và điều tiết được nhập khẩu, từng bước làm cho đồng Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ và là phương tiện lưu thông duy nhất trong nước.

- Tiếp tục hoàn thiện *hệ thống giá cả* và đổi mới công tác quản lý giá.

Tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia, đổi mới cơ chế dự trữ lưu thông, cơ chế hình thành và hoạt động của quỹ bình ổn giá, phương thức can thiệp để bình ổn giá một số mặt hàng hết sức thiết yếu.

5. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước

Nhà nước thực hiện tốt các chức năng: định hướng sự phát triển; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống chính sách nhất quán để

tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân; quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội.

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Các bộ và các cấp chính quyền không can thiệp vào chức năng quản trị kinh doanh và quyền tự chủ hạch toán của doanh nghiệp.

IV- PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta trong giai đoạn tới cần tập trung vào các phương hướng chủ yếu sau đây:

- Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phát triển và kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ... làm chỗ dựa khoa học cho việc triển khai thực hiện Cương lĩnh, Hiến pháp, xác định phương hướng, bước đi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng pháp luật, các chính sách, kế hoạch và chương trình kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học tự nhiên và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh.

Nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin,

công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia, từ đó đề xuất một chiến lược đúng đắn về khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên. Bảo đảm cơ sở khoa học và công nghệ cho việc khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai.

- Chú trọng đúng mức nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội, khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên, làm chỗ dựa lâu bền cho nghiên cứu ứng dụng, triển khai và tiếp nhận các thành tựu mới về khoa học và công nghệ.

- Xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo cán bộ khoa học ở trong và ngoài nước. Gấp rút đào tạo lớp chuyên gia đầu đàn. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ hiện có; bổ sung cán bộ trẻ cho các cơ quan nghiên cứu triển khai, các trường đại học. Bố trí lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng gắn khoa học và công nghệ với giáo dục đào tạo, gắn nghiên cứu - triển khai với sản xuất và dịch vụ.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm hiện đại ở các trường đại học và các viện nghiên cứu; xây dựng và nâng cấp mạng lưới dịch vụ kỹ thuật như đo

lượng, tiêu chuẩn, thẩm định công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống chính sách và cơ chế đồng bộ cho phát triển khoa học và công nghệ, cụ thể là:

Phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu, đồng thời đề cao trách nhiệm xã hội của những người làm công tác khoa học và công nghệ đối với đất nước. Tạo lập thị trường cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Kiểm soát các công nghệ nhập. Thúc đẩy các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước đổi mới công nghệ, thu hút lực lượng nghiên cứu - triển khai về các doanh nghiệp.

Có chính sách chăm lo điều kiện làm việc, lợi ích vật chất và tinh thần của người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng khoa học, công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; ưu đãi nhân tài có cống hiến quan trọng; khuyến khích cán bộ khoa học làm việc ở vùng sâu, vùng xa. Ngăn chặn tình trạng “chảy chất xám”.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng quỹ tín dụng và ngân hàng đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Nâng dần mức đầu tư của ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu bằng khoa học và công nghệ.

2. Giáo dục và đào tạo

Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân

lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung của lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong 5 năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

Đến năm 2000 bảo đảm đại bộ phận trẻ em 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non; thanh toán nạn mù chữ ở những người trong độ tuổi từ 15 đến 35, thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác; cơ bản hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14; phổ cập trung học cơ sở ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung và những nơi mà điều kiện cho phép. Có chính sách bảo đảm cho con em các gia đình trong diện chính sách, gia đình nghèo được đi học, động viên và giúp đỡ những học sinh giỏi, có nhiều triển vọng. Mở cuộc vận động rộng rãi trong toàn dân kiên quyết xoá mù chữ và chống nạn thất học.

Xây dựng hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm, trung tâm chất lượng cao ở các bậc học. Coi trọng việc dạy ngoại ngữ và tin học từ cấp phổ thông. Mở thêm các trường phổ thông nội trú ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào thiểu số. Coi trọng giáo dục gia đình.

Đổi mới hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Mở rộng hệ thống các trường lớp dạy nghề và đào tạo công

nhân lành nghề. Trong khi tập trung sức xây dựng hệ thống trường công, có chính sách giúp đỡ, hướng dẫn phát triển và quản lý tốt các trường, lớp bán công, dân lập, tư thục. Khuyến khích dạy nghề tại doanh nghiệp. Phát triển đào tạo sau đại học; tăng số lượng đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài và tại các trung tâm đào tạo quốc tế ở trong nước. Khuyến khích du học tự túc. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng. Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ về các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hoá văn nghệ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Nhanh chóng xây dựng đội ngũ công chức và nhân viên của hệ thống hành chính các cấp. Đào tạo đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp giỏi. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 10% hiện nay lên khoảng 22 - 25%. Nâng cao kiến thức văn hoá, nghề nghiệp cho phụ nữ; bồi dưỡng lực lượng cán bộ nữ.

Xác định rõ hơn mục tiêu, thiết kế nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo, lựa chọn những nội dung có tính cơ bản, hiện đại. Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức và nhân văn, lịch sử dân tộc và bản sắc văn hoá dân tộc; ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình đào tạo; phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp. Ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giảng dạy, học tập, thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Sử dụng giáo viên đúng năng lực,

đãi ngộ đúng công sức và tài năng với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Tổng kết cải cách giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình trường lớp giáo dục và đào tạo.

Nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo. Động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới, trong và ngoài nước cho giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Phát huy trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

V- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội.

Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hoá, nghệ thuật của dân tộc.

Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh của đất nước. Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hoá dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc. Tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hoá Việt Nam; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc. Khắc phục tâm lý sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý, coi thường các giá trị nhân văn.

Củng cố, tăng cường mạng lưới văn hoá cơ sở. Quản lý tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hoá, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta; tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hoá Việt Nam.

Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở mọi vùng đất nước. Hướng dẫn nhân dân về nếp sống văn hoá, văn minh; chống các hủ tục, mê tín dị đoan.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt mạng lưới thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các hình thức nghệ thuật khác. Sớm hoạch định một chiến lược quốc gia về thông tin; coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng, tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng của thông tin; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới đồng thời với việc phát hiện và phê phán các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại.

Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hoá, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại.

Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy sáng tác văn học, nghệ thuật phản ánh các nhân tố mới trong xã hội, cổ vũ cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên, phê phán cái sai, lên án cái xấu, cái ác, hướng tới chân, thiện, mỹ. Phổ biến kịp thời các tác phẩm tốt, đưa các nhân tố văn hoá, tinh thần nhân văn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ cách ứng xử trong gia đình, trường học, xã hội đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao tiếp...

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hoá dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thực hiện tốt Luật hôn nhân và gia đình.

Phát huy người tốt, việc tốt. Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại.

Xây dựng văn hoá là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hoá, văn nghệ. Phát triển các hoạt động văn hoá, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

VI- CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Hệ thống chính sách xã hội được hoạch định trên những quan điểm sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công

bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu, thủy chung.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.

Trong những năm trước mắt, phải giải quyết tốt một số vấn đề xã hội sau đây:

- Tập trung sức tạo việc làm.

Phương hướng quan trọng nhất là Nhà nước cùng toàn dân ra sức đầu tư phát triển, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành

phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn nhân công theo pháp luật. Phát triển dịch vụ việc làm. Tiếp tục phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước, tăng dân cư trên các địa bàn có tính chiến lược về kinh tế, an ninh - quốc phòng. Mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

- Thực hiện xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Thực hiện tốt chương trình *xoá đói, giảm nghèo*, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ xoá đói, giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước; quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả.

Tổ chức tốt đời sống xã hội trên từng địa bàn để trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người còn thấp vẫn tạo được một cuộc sống khá hơn cho nhân dân. Mở rộng diện các xã có điện, có đường, có trường học, có trạm y tế, có nước sạch...

Tổ chức tốt việc thi hành Pháp lệnh về người có công, bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân ở nơi cư trú; bồi dưỡng và tạo điều kiện cho con em những người có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh. Mở rộng phong trào *đền ơn đáp nghĩa*, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ.

Thực hiện và hoàn thiện chế độ *bảo hiểm xã hội*, bảo đảm đời sống người nghỉ hưu được ổn định, từng bước cải thiện. Xây dựng Luật bảo hiểm xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động *nhân đạo, từ thiện*. Thực hiện các chính sách bảo trợ trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật; xây dựng quỹ tình thương trích từ ngân sách một phần và động viên toàn xã hội tham gia đóng góp; tiến tới xây dựng Luật về bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi. Giúp đỡ những người bị thiên tai và những rủi ro khác.

- Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể chất của nhân dân.

Phấn đấu đến năm 2000 giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, các bệnh do ký sinh trùng và suy dinh dưỡng. Khắc phục các hậu quả của chiến tranh trên lĩnh vực sức khoẻ. Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về sức khoẻ của người dân, nhất là sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, nâng cao tuổi thọ bình quân và giảm tỷ lệ tử vong.

Tiếp tục củng cố hệ thống y tế nhà nước, đặc biệt là y tế xã, huyện. Mở rộng, đa dạng hoá, nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý bệnh viện, kiện toàn hệ thống khám chữa bệnh đủ sức đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho các gia đình chính sách, cho người nghèo. Tăng đầu tư của Nhà nước kết hợp với tạo thêm nguồn kinh phí khác cho y tế như phát triển bảo hiểm, mở rộng hợp tác quốc tế. Khuyến khích và quản lý tốt hoạt động chăm sóc sức khoẻ nhân dân

của các tổ chức và cá nhân. Phát triển y học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Xây dựng chính sách về quản lý và phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế, nhất là ở những nơi khó khăn. Ngăn chặn tình trạng xuống cấp trong ngành y tế, từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến chất lượng và thái độ phục vụ. Chấn chỉnh việc thu và sử dụng viện phí. Chống tiêu cực trong các dịch vụ y dược. Đề cao y đức “thầy thuốc như mẹ hiền”.

Đẩy mạnh công tác y học dự phòng. Thực hiện rộng rãi các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm và cung cấp nước sạch.

Phát triển phong trào *thể dục thể thao* sâu rộng trong cả nước, trước hết là trong thanh, thiếu niên; tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học, trong các lực lượng dự bị quốc phòng và lực lượng vũ trang. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao. Từng bước hình thành lực lượng thể thao chuyên nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình.

Kiên toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến tận cơ sở, nhất là nông thôn miền núi. Hướng vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con, tỷ lệ tăng dân số dưới 1,8% vào năm 2000; tiến tới ổn định quy mô dân số trong nửa đầu thế kỷ sau.

- Đẩy lùi tệ nạn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và pháp luật để phòng, chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, nhất là tệ trộm cướp, cờ bạc, ma tuý, mua bán dâm...

VII- QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Nhiệm vụ về quốc phòng và an ninh trong những năm tới là:

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, cần nắm vững *các tư tưởng chỉ đạo* sau đây:

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế.

- Gắn nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn quân, toàn dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng lực lượng quân đội và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá ta.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

VIII- CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của

nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, với Phong trào không liên kết.

Tăng cường hoạt động ở Liên hợp quốc, tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, Tổ chức Thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác. Tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và những phương tiện giết người hàng loạt khác.

Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

IX- THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Trong thời kỳ mới của công cuộc xây dựng đất nước, nhân dân ta càng có điều kiện mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay đang định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau.

Trong những năm tới, cần động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000.

- Bằng các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc trong nước, tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, có năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức, kỷ luật, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, làm nòng cốt trong việc xây dựng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Tổ chức tốt việc đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền công lao động và các chính sách bảo đảm về mặt xã hội. Tạo điều kiện cho công nhân có cổ phần trong các doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc phát triển Đảng trong công nhân; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân.

Đối với *giai cấp nông dân*, thực hiện tốt chính sách giao đất, khoán rừng; ngăn chặn và khắc phục tình trạng nông dân không có ruộng đất sản xuất; giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến và các nghề tiểu, thủ công. Phát triển tín dụng nông thôn, mở rộng việc cho nông dân nghèo vay vốn sản xuất, chống nạn cho vay nặng lãi, mua lúa non, buôn bán trái phép ruộng đất. Giúp đỡ nông dân phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Có chính sách bảo hộ sản xuất cho nông dân.

Đối với *tầng lớp trí thức*, tạo điều kiện thu nhận thông tin, tiếp cận với các thành tựu mới của khoa học và văn hoá thế giới, nâng cao kiến thức chuyên môn, trình độ chính trị; khuyến khích tự do sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; phổ biến các tác phẩm và công trình văn học nghệ thuật có giá trị; phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Tổ chức tốt lực lượng cán bộ khoa học và văn hoá, nghệ thuật thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước. Phát huy vai trò của trí thức trong việc xây dựng luật pháp và chính sách.

Đối với *thanh niên*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở mọi cấp, mọi ngành. Coi trọng hơn nữa việc giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ về chính trị, tư tưởng, văn hoá, nghề nghiệp, đạo đức, lối sống. Quan tâm đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu học tập, lao động sáng tạo, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao và giải trí lành mạnh cho thanh, thiếu niên. Tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên thực hiện tốt trách nhiệm đối với Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh. Tạo môi trường xã hội lành mạnh, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội và văn hoá phẩm độc hại. Chăm lo giáo dục, đào luyện thế hệ trẻ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của gia đình, nhà trường và của toàn xã hội. Nghiên cứu ban hành Luật thanh niên.

Đối với *phụ nữ*, xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000.

Đặc biệt coi trọng việc đào tạo nghề nghiệp, giúp đỡ chị em có việc làm, phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống, bảo vệ sức khoẻ của phụ nữ và trẻ em.

Quan tâm phát triển Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ; tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành.

Đối với *các nhà doanh nghiệp tư nhân*, thực thi chính sách bảo hộ sở hữu tài sản và vốn, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thực hiện tốt các nghĩa vụ mà luật pháp quy định.

Vấn đề *dân tộc* có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ” giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng Luật dân tộc. Từ nay đến năm 2000, bằng nhiều biện pháp tích cực và vững chắc, thực hiện cho được ba mục tiêu chủ yếu: xoá được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện được đời sống, sức khoẻ của đồng bào các dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới; xoá được mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng được cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc ở các vùng, các cấp trong sạch và vững mạnh.

- Về *tôn giáo*, thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Bảo đảm cho sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật nhà nước. Nghiêm cấm việc xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước. Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội, từ thiện.

Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời đẹp đạo”.

- Đối với *người Việt Nam định cư ở nước ngoài*, một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo hộ quyền lợi chính đáng, giúp đỡ nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc; tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm quê hương, giúp đỡ gia đình, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng đất nước thông qua việc hợp tác với các ngành, các địa phương trong nước trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hoá nghệ thuật...

- **Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”** đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

- **Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.**

Củng cố, mở rộng tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam, một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi phối hợp thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia với Đảng và Nhà nước thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; bảo vệ Đảng và chính quyền, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Thực hiện thành nề nếp việc Đảng và Nhà nước cùng bàn bạc và tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định, chủ trương lớn.

Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... cần tập hợp rộng rãi các hội viên, đoàn viên dưới nhiều hình thức tổ chức đa dạng; thực hiện tốt chức năng giáo dục, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể; chăm lo thiết thực lợi ích của hội viên, đoàn viên; đại diện cho tầng lớp mình tham gia công việc của Nhà nước. Hướng mạnh về cơ sở để phát triển tổ chức, củng cố sinh hoạt, xã hội hoá các hoạt động, đào tạo, bồi dưỡng rèn luyện cán bộ, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính trong hoạt động của các đoàn thể. Nhà nước cần ban hành luật về lập hội và tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân.

- Mọi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình. Mọi cấp bộ đảng chăm lo công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng.

X- TIẾP TỤC CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Để xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả, trong 5 năm tới, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

- *Về hoạt động lập pháp:* Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, các luật điều chỉnh các hoạt động văn hoá, thông tin. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

- *Về hoạt động giám sát:* Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và của hội đồng nhân dân các cấp; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác. Cùng với việc bảo đảm thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, cần nghiên cứu, hướng dẫn để mọi công dân có điều kiện phát hiện, đề xuất, kiến nghị, giúp cho hoạt động giám sát có hiệu quả.

Cải cách nền hành chính nhà nước.

Là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính

phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

- *Về cải cách thể chế hành chính:* Thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện; loại bỏ những khâu bất hợp lý và phiền hà, ngăn chặn tệ của quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật.

- *Về tổ chức bộ máy:* Chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp. Làm cho bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt, có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của địa phương, cơ sở. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền địa phương. Kiện toàn bộ máy chính quyền cấp huyện và cơ sở đủ sức quản lý, giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền những vấn đề cuộc sống đặt ra và nhân dân đòi hỏi.

- *Về đội ngũ cán bộ, công chức hành chính:* Xây dựng và ban hành văn bản pháp quy về chế độ công vụ và công chức. Định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật công chức hành chính. Quy định các chế độ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng công chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vừa giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, vừa có đạo đức liêm khiết khi thừa hành công vụ.

Cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản

pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp, bảo đảm mọi vi phạm pháp luật đều phải xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

- Củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp. Phân định lại thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân, từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho Tòa án nhân dân huyện. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ thẩm phán, thư ký toà án, điều tra viên, kiểm sát viên, chấp hành viên, công chứng viên, giám định viên, luật sư... có phẩm chất chính trị và đạo đức chí công vô tư, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, bảo đảm cho bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

Tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tệ tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu; tập trung vào các hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, làm thất thoát tài sản nhà nước, nhận hối lộ; chú ý những lĩnh vực trọng điểm như đất đai,

nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, hải quan, hoạt động tư pháp, quản lý tài sản công, quản lý vốn trong các doanh nghiệp nhà nước...

Phải làm tốt những việc sau đây:

1- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước. Thực hiện công khai và dân chủ trong phân bổ ngân sách, kinh phí, duyệt các chương trình, dự án đầu tư. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng, chi tiêu ngân sách nhà nước. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước, quản lý tài sản công trong cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; chấn chỉnh chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, bảo đảm cho công chức có thể sống bằng thu nhập từ tiền lương. Có kế hoạch triển khai việc kê khai thu nhập và nhà đất của công chức và cán bộ đảng từ trung ương đến các cấp.

2- Xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ tham nhũng ở mọi nơi, mọi cấp, đối với mọi cương vị.

3- Kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ, nhân viên tham nhũng hoặc bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, làm cho bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh.

4- Tăng cường giáo dục chính trị và phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Quản lý và kiểm tra chặt chẽ đảng viên cả ở nơi công tác và nơi cư trú để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cương vị nào đều phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, không để đồng tiền cám dỗ sa vào tham nhũng dưới bất cứ hình thức hoặc mức độ nào.

5- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu không tham nhũng và phải chịu trách nhiệm về tệ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị của mình. Lựa chọn người trong sạch, có bản lĩnh chính trị, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn tham gia công tác chống tham nhũng. Xây dựng cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, nhân dân phát hiện và tích cực tham gia chống tham nhũng; bảo vệ những người thật sự công tâm và kiên quyết chống tham nhũng, nghiêm trị những tổ chức và cá nhân bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, đồng thời ngăn ngừa những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để bôi xấu và phá rối nội bộ. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

Phần thứ tư

XÂY DỰNG ĐẢNG NGANG TÂM ĐÒI HỎI CỦA THỜI KỲ MỚI

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới chứng tỏ: Đảng ta tiếp tục giữ vững và phát huy được bản lĩnh và kinh nghiệm của các thời kỳ trước, lãnh đạo có kết quả công cuộc xây

dựng và bảo vệ đất nước trong những tình huống mới hết sức phức tạp.

Nhìn một cách tổng quát, trong 10 năm qua, công tác xây dựng Đảng đạt được những thành tựu sau đây:

- Đảng đã đề ra và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đã có chủ trương và biện pháp đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên; ngăn chặn được sự sa sút, yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng; bước đầu cải tiến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Công tác kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và việc xử lý kỷ luật đảng có tiến bộ.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vừa qua còn nhiều khuyết điểm. Hiện nay, đang nổi lên một số vấn đề lớn:

- Trong điều kiện cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa với bên ngoài, cán bộ, đảng viên hàng ngày, hàng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những hoạt động chống phá Đảng, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đứng trước những thách thức mới. Song, Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển này, chưa chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức đối với cán bộ, đảng viên. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hoá về chính trị, tuy rất ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả hết sức xấu.

- Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ.

- Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, có nơi tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Một số cán bộ và cấp ủy chưa tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; bệnh quan liêu, độc đoán, cục bộ, địa phương, kèn cựa, địa vị, cá nhân chủ nghĩa rất nặng. Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa được chú trọng.

Để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn,

nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành.

Trong công tác xây dựng Đảng, phải thường xuyên nắm vững và tập trung làm tốt những điều cơ bản sau đây:

1. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta. Trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là phải:

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

- Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

- Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Đảng đại biểu cho lợi ích giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này tập trung thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên

Căn cứ vào Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những

thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hoá.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được làm lộ bí mật của Đảng và của Nhà nước. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

Khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng “cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Không được lợi dụng việc luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn những chỗ sơ hở để làm ăn bất chính, đục khoét của công. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh tư nhân, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được phép làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách; quy định chế độ cán bộ, công chức, đảng viên, trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về tài sản. Những người giàu lên một cách bất thường phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định

trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng và con làm ăn phi pháp; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng viên không làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, bất kể là ai, ở cương vị nào.

3. Củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ

Có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng; thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

Đảng viên, cán bộ phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành

chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải bị xử lý nghiêm minh.

Tiếp tục cải tiến bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và nâng cao hiệu quả; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức, kiện toàn các cấp ủy đảng, giải quyết các mối quan hệ và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng ủy khối, đảng ủy cơ quan.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần:

- Bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp;
- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ;
- Có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ;
- Thường xuyên tự phê bình và phê bình; đấu tranh chống kèn cựa địa vị, cơ hội, cục bộ, bản vị, bè phái;
- Bồi dưỡng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau;
- Phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm.

Không đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận trong tổ chức với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều

vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải. Đồng thời không “đoàn kết” hình thức, một chiều, nể nang, không dám đấu tranh.

4. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ

Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Toàn Đảng phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới.

Đảng phải lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, trong Đảng và ngoài Đảng.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Việc học tập của cán bộ

phải được quy định thành chế độ và phải được thực hiện nghiêm ngặt. Mọi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt, rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, ý chí kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết.

Chăm lo tạo nguồn cán bộ trong phong trào thực tiễn và ngay từ trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề. Coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.

Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, với một quy trình chặt chẽ. Mỗi cấp ủy cần có biện pháp quản lý và nắm chắc quá trình phát triển của cán bộ. Đánh giá, nhận xét cán bộ phải căn cứ vào những việc làm cụ thể của mỗi người cả ưu điểm và khuyết điểm, trong từng thời gian nhất định. Những nhận xét, kết luận về cán bộ, mọi công việc về nhân sự nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Khắc phục cách làm đơn giản, thành kiến, thiếu công tâm, dân chủ hình thức.

Bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn và sở trường. Đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, thay thế kịp thời khi cần thiết. Xây dựng quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Có chế độ cho cán bộ được từ chức hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp.

Xây dựng quy chế tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn nhân tài.

Có chính sách sử dụng đúng đắn, chính sách tiền lương và đãi ngộ hợp lý đối với các loại cán bộ. Khắc phục tình trạng không muốn công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể, tình trạng “chảy chất xám” của khu vực nhà nước. Có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ, không để cán bộ bị các thế lực đen tối mua chuộc, lôi kéo, khống chế hoặc bôi nhọ.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

Khảo sát kỹ từng loại tổ chức cơ sở đảng, đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp. Bảo đảm cho mỗi loại hình hoạt động theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình.

Phát huy kết quả và kinh nghiệm của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; chấn chỉnh các cơ sở yếu kém; khắc phục sự buông lỏng công tác đảng. Những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều biểu hiện tiêu cực thì cấp trên phải chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp. Tạo ra một bước chuyển biến mới của các cơ sở đảng vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Hướng chủ yếu củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là phải làm cho các cơ sở này quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra được chủ trương, giải pháp đúng và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị, phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, lãnh đạo giải quyết những nguyện vọng chính đáng, thiết thực, bức xúc của nhân dân. Chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng; có quy định chặt chẽ đối với những trường hợp đảng

viên đi công tác, làm việc lưu động ở nơi xa, ở nước ngoài. Thực hiện có nền nếp việc quản lý đảng viên.

Ở các doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, những nơi chưa có hoặc có ít đảng viên phải đi từ việc xây dựng các đoàn thể, tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, đảng viên, tiến tới xây dựng các tổ đảng và chi bộ đảng. Sớm có quy định hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng ở khu vực này.

Dành kinh phí thỏa đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ cơ sở; chú ý kiện toàn và tăng cường đội ngũ cốt cán.

Các tổ chức cơ sở đảng phải động viên và tổ chức nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng; đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để kết nạp vào Đảng, bầu vào các cấp ủy và chính quyền; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác...

Đổi mới cách phân công, tạo điều kiện để mọi đảng viên đều gắn với nhiệm vụ cụ thể. Đối với những đồng chí già yếu, cán bộ nghỉ hưu, phải chăm lo giúp đỡ bảo đảm đời sống và tạo điều kiện để các đồng chí đó tiếp tục phát huy khả năng và kinh nghiệm đóng góp cho công việc chung.

Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng. Bồi dưỡng, giáo dục thanh niên, tạo nguồn phát triển đảng.

6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị; đề ra đường lối, chính

sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc. Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước chứ không điều hành thay Nhà nước. Đảng và mọi đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình.

Đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chịu trách nhiệm trước cấp ủy về quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động của các cơ quan và đoàn thể đó; phối hợp với đảng ủy khối và cấp ủy đảng địa phương trong công tác xây dựng Đảng ở các cơ sở thuộc ngành mình quản lý.

Đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt của chính quyền.

7. Đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng

Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng.

Nội dung kiểm tra bao gồm việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Thông qua kiểm tra

mà phát huy ưu điểm, phát hiện nhân tố mới, khắc phục khuyết điểm, bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh chủ trương, chính sách, xử lý sai phạm.

Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng, Bộ Chính trị và các ban thường vụ cấp ủy, cần tự mình tiến hành kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra.

Công tác kiểm tra kỷ luật phải có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm trọng điểm; phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân để có kết luận rõ ràng và có chủ trương xử lý đúng đắn, nhất là đối với những đảng viên vi phạm pháp luật.

Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm tra về đường lối, quan điểm, pháp luật, kinh tế, về nghiệp vụ và phong cách làm việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất chính trị tốt, công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Đặc biệt coi trọng làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

*

* *

Kính thưa Đại hội,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phương hướng và nhiệm vụ nêu trên đây là sự cụ thể hoá và phát triển hơn nữa đường lối đổi mới được xác định qua các Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng. Thực hiện thắng lợi những phương hướng, nhiệm vụ

này là cách tốt nhất để chuẩn bị hành trang cho dân tộc ta vững bước đi vào thế kỷ XXI, vượt qua đói nghèo, tạo đà cho những bước tiến lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nắm chắc thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, khắc phục mọi khó khăn thử thách, quyết tâm đưa những nghị quyết của Đại hội VIII vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 1996, tr.55-152.

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 1996 - 2000**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VIII của Đảng)

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH 5 NĂM 1991 - 1995**

Bước vào thập kỷ 90, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng; tuy nhiên nền kinh tế tăng trưởng chậm, chưa ổn định và còn suy thoái trong một số lĩnh vực. Mặt khác, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đất nước ta vẫn trong tình thế còn nhiều khó khăn, thử thách gay gắt.

Đại hội lần thứ VII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát của 5 năm 1991 - 1995 là: *vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.*

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nền kinh tế nước ta không những đứng vững trước những thử thách gay gắt mà còn đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều mặt yếu kém.

I- NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

1. Nền kinh tế đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái; đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện; thực hiện vượt mức hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%).

Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,3% (kế hoạch là 7,5 - 8,5%). Một số ngành có mức tăng cao: năm 1995 so với năm 1990, công nghiệp nhiên liệu (kể cả dầu, khí) gấp 3,2 lần, điện gấp 1,6 lần, vật liệu xây dựng gấp 2,7 lần, chế biến thực phẩm gấp 1,9 lần...

Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,5% (mức đề ra 3,7 - 4,5%). Sản lượng lương thực 5 năm qua tăng 26% so với 5 năm trước đó, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản tăng khá; kim ngạch xuất khẩu thủy, hải sản năm 1995 gấp 3 lần năm 1990. Tỷ lệ đất có rừng che phủ bắt đầu tăng nhờ đẩy mạnh trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, hạn chế khai thác gỗ.

Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với năm 1990 (bình quân hàng năm tăng 12%). Giao thông vận tải có chuyển biến tiến bộ, vận tải hàng hóa tăng 62%; viễn thông phát triển nhanh, doanh thu bưu điện và doanh thu du lịch đều gấp 10 lần; thị trường hàng hoá trong nước phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại.

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ đạt tiến bộ đáng kể, nổi bật nhất là đã chặn được nạn lạm phát cao, từng bước đẩy lùi lạm phát. Chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ giảm từ 67,4% năm 1991 xuống còn 17,5% năm 1992; 5,2% năm 1993; 14,4% năm 1994 và 12,7% năm 1995.

Đã hình thành được hệ thống thuế áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, nâng dần tỷ lệ động viên thuế và phí trong GDP, tạo thành nguồn thu chính của ngân sách nhà nước, bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và tăng dần phần dành cho đầu tư phát triển. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách đã được kiềm chế; chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi, thay bằng vay của dân, của nước ngoài.

Trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, đã phân định chức năng quản lý nhà nước của ngân hàng nhà nước và chức năng kinh doanh của ngân hàng thương mại. Việc điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, quản lý ngoại hối, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp và các hoạt động tín dụng, thanh toán đều có bước tiến.

Quy mô đầu tư phát triển toàn xã hội tăng khá. Trong 5 năm, ước tính vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 18 tỉ USD (theo mặt bằng giá 1995), trong đó phần của Nhà nước

chiếm 43% (bao gồm cả đầu tư qua ngân sách, tín dụng nhà nước và doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư), đầu tư của nhân dân chiếm trên 30%, đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 27%. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển mạnh từ hình thức ngân sách cấp phát có tính chất bao cấp sang hình thức tín dụng đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, vay vốn trong nước và ngoài nước... Đã tập trung nhiều hơn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước cho hạ tầng kinh tế, xã hội. Vốn đầu tư của dân phát triển ở cả nông thôn và thành thị. Tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm qua tăng bình quân hàng năm 50%; phần vốn được thực hiện đạt khoảng 1/3 tổng số vốn đăng ký theo dự án.

Những kết quả về đầu tư phát triển đã làm tăng năng lực sản xuất trong nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đưa vào hoạt động một số công trình quan trọng của nền kinh tế, nhất là giao thông, thủy lợi, dầu khí, thép, xi măng và các cơ sở du lịch, dịch vụ.

2. Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá; hình thành nền kinh tế nhiều thành phần

Cơ cấu ngành:

Trong GDP, nông, lâm, ngư nghiệp tăng khá về số tuyệt đối, nhưng tỷ trọng giảm từ 38,7% năm 1990 xuống 29% năm 1995; công nghiệp và xây dựng từ 22,6% tăng lên 29,1%; dịch vụ từ 38,6% tăng lên 41,9%. Cơ cấu sản xuất của nông nghiệp, công nghiệp cũng có những thay đổi theo hướng có hiệu quả hơn; các ngành dịch vụ phát triển đa dạng.

Cơ cấu vùng kinh tế:

Cơ cấu vùng đang hình thành từng bước theo quy hoạch kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm. Các khu công nghiệp, khu chế xuất đang được xây dựng. Một số địa bàn kinh tế, đặc biệt là một số thành phố lớn, phát huy lợi thế của mình đã đẩy mạnh đầu tư, đạt nhịp độ tăng trưởng cao. Một số vùng nông thôn đã có bước phát triển nhanh nhờ chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng khai thác lợi thế so sánh, gắn với thị trường.

Cơ cấu thành phần kinh tế:

Khu vực kinh tế nhà nước chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế, đảm nhận các khâu then chốt và các lĩnh vực trọng yếu, nhất là trong công nghiệp, cơ sở hạ tầng và tài chính, tín dụng. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã tiếp cận thị trường, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước.

Các hợp tác xã trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng trong thời kỳ đầu chuyển sang cơ chế mới, do nhiều nguyên nhân, bị suy giảm mạnh. Đến nay một số ít đã đổi mới tổ chức, quy mô và phương thức hoạt động, khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh. Đã xuất hiện các hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới, tuy chưa phổ biến.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển nhanh trong nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội.

Kinh tế tư bản tư nhân trong nước bước đầu phát triển, tập trung phần lớn vào lĩnh vực thương mại, dịch

vụ và kinh doanh bất động sản; đầu tư vào sản xuất còn ít. Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, có một số doanh nghiệp quy mô tương đối lớn, sử dụng nhiều lao động.

Kinh tế tư bản nhà nước bao gồm các hình thức liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và với tư bản nước ngoài đang phát triển. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã bắt đầu đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, tăng thêm kim ngạch xuất khẩu, tạo nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp.

3. Kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt; thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng; nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh

Trong 5 năm (1991 - 1995) tổng kim ngạch *xuất khẩu* đạt trên 17 tỉ USD (kế hoạch là 12 - 15 tỉ USD), bảo đảm nhập các loại vật tư, thiết bị và hàng hoá đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần cải thiện cán cân thanh toán thương mại. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu đã có thêm một số mặt hàng chế biến và tăng số mặt hàng có khối lượng xuất khẩu lớn như dầu thô, gạo, cà phê, hải sản, may mặc...

Tổng kim ngạch nhập khẩu trên 21 tỉ USD, kể cả phần nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tỷ trọng nhập khẩu vật tư, thiết bị tăng lên, đáp ứng được nhu cầu phát triển. Quan hệ mậu dịch đã mở rộng với trên 100 nước và tiếp cận nhiều thị trường mới.

Nhà nước đã mở rộng quyền xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, ban hành một số chính sách khuyến khích xuất khẩu...

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng nhanh, đến cuối năm 1995, các dự án được cấp giấy phép đạt trên 19 tỉ USD vốn đăng ký. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp chiếm 40% tổng số vốn theo dự án (nếu kể cả dầu, khí thì chiếm trên 60%), trong đó hơn 60% là đầu tư chiều sâu. Địa bàn đầu tư phân bố rộng hơn trên các vùng lãnh thổ. Hình thức đầu tư chủ yếu là xí nghiệp liên doanh, chiếm trên 65% tổng số vốn; xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18%; hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm gần 17%. Nhà nước đã bổ sung, hoàn thiện từng bước khuôn khổ pháp lý cho đầu tư nước ngoài.

Mối quan hệ hợp tác phát triển đã được khôi phục, khai thông và mở rộng với nhiều nước và các tổ chức tài chính quốc tế; cơ chế thu hút nguồn tài trợ phát triển song phương và đa phương đã được thiết lập. Nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) tăng dần lên trong những năm gần đây và được tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

4. Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới

Đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta, phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Về khoa học tự nhiên và công nghệ, đã chú trọng hơn việc nghiên cứu ứng dụng, tập trung vào những lĩnh vực công nghệ ưu tiên như vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh hơn trước.

5. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện một bước

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới, sau một số năm giảm sút. Tỷ lệ người biết chữ trong dân đã nâng lên đạt mức 90%; tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi phổ cập tiểu học và số học sinh phổ thông các cấp học đều tăng; tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm. Mạng lưới trường phổ thông mở rộng đến khắp các xã, phường; cơ sở vật chất được cải thiện. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em người dân tộc. Hình thức trường chuyên, lớp chọn phát triển ở nhiều địa phương. Nhiều trường bán công và dân lập ra đời, hoạt động có hiệu quả.

Các trường, lớp dạy nghề phát triển dưới nhiều hình thức. Hệ thống giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp mở rộng hơn trước cả về quy mô, ngành nghề và loại hình đào tạo. Các trường đại học và cao đẳng đang được sắp xếp lại; các trung tâm đại học quốc gia ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và ba trung tâm đại học khu vực đang hình thành.

Công tác thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật phát triển phong phú cả về thể loại, hình thức và nội dung, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục, đặc biệt là giáo dục truyền thống cách mạng, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đẩy lùi ảnh hưởng văn hoá độc hại. Diện phủ sóng truyền thanh, truyền hình được mở rộng, chất lượng thu phát tốt hơn.

Trong lĩnh vực *bảo vệ sức khỏe*, đã có những cố gắng và tiến bộ về vệ sinh phòng bệnh, thực hiện có kết quả các

chương trình chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chương trình phòng chống sốt rét, bấu cổ, phòng chống suy dinh dưỡng; tăng tỷ lệ số dân được dùng nước sạch, được cung cấp dịch vụ y tế tại xã, phường. Một số trung tâm y tế được đầu tư nâng cấp và trang bị lại. Chế độ bảo hiểm y tế được mở rộng. Thể dục thể thao có bước phát triển. Công tác bảo vệ môi trường, môi sinh được triển khai.

Giải quyết việc làm mỗi năm từ 1 đến 1,2 triệu người.

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình phát triển sâu rộng, đạt được một số kết quả rõ nét. Tỷ lệ sinh mấy năm nay giảm mỗi năm gần 1 phần nghìn.

Các cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngày càng được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau; số hộ nghèo giảm đi. Nhiều địa phương đã thanh toán được nợ đói.

6. Quốc phòng, an ninh được giữ vững

Việc điều chỉnh chiến lược về quốc phòng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân được thực hiện có kết quả. Các khu vực phòng thủ được tăng cường một bước. Sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng được tiến hành dưới nhiều hình thức và đã bước đầu mang lại kết quả.

An ninh, quốc gia được giữ vững, thế trận an ninh nhân dân được củng cố. Việc xử lý kiên quyết các vụ vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực mở ra khả năng thiết lập và củng cố trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật.

II- NHỮNG MẶT YẾU KÉM

1. Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn lớn

Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất, nhất là kết cấu hạ tầng còn lạc hậu; trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm; nguồn nhân lực có kiến thức, tay nghề, năng lực kinh doanh còn ít, lại chưa được sử dụng tốt; năng suất lao động xã hội tăng chậm. Chất lượng sản phẩm và chất lượng công trình nhìn chung còn thấp. Nhiều hàng hoá kém sức cạnh tranh với hàng nước ngoài.

Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp, nền kinh tế rất thiếu vốn. Đầu tư của ngân sách nhà nước còn dàn trải, bị lãng phí, thất thoát, hiệu quả thấp. Đầu tư của nhân dân vào sản xuất còn ít. Nguồn tài trợ cho phát triển và đầu tư nước ngoài thực hiện chậm.

GDP bình quân đầu người vẫn còn rất thấp so với một số nước xung quanh.

2. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng

Khu vực kinh tế nhà nước chưa bảo đảm hiệu quả và chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế khác vừa chưa được phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, vừa chưa bảo đảm hoạt động có trật tự, kỷ cương theo luật pháp.

3. Tài chính, tiền tệ chưa ổn định và thiếu lành mạnh

Ngân sách nhà nước thường xuyên căng thẳng, còn bội chi lớn. Hệ thống thuế phức tạp, chồng chéo, chưa hợp lý,

vừa ít khuyến khích sản xuất, vừa có nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng. Phân cấp ngân sách chưa hợp lý, vừa phân tán lại vừa tập trung quá mức, thiếu ổn định, phát sinh nhiều tiêu cực, hạn chế tính năng động, sáng tạo. Tài sản quốc gia, tài chính công và tài chính doanh nghiệp nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, còn sơ hở để xảy ra nhiều thất thoát, lãng phí.

Thị trường tiền tệ, thị trường vốn chậm phát triển. Lãi suất tín dụng chưa phù hợp với cơ chế thị trường và hạn chế đầu tư phát triển. Các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ chưa được sử dụng đồng bộ, có hiệu quả. Tỷ lệ dùng tiền mặt còn quá lớn, thanh toán không qua ngân hàng còn phổ biến. Ngoại tệ còn được sử dụng nhiều trong lưu thông nội địa. Mầm mống tái lạm phát cao chưa được loại bỏ hẳn.

Công tác quản lý xuất nhập khẩu, quản lý các dự án đầu tư nước ngoài vừa thiếu khuyến khích đúng hướng, vừa có phần lỏng lẻo.

4. Các mặt văn hoá - xã hội còn nhiều vấn đề phải giải quyết

Chất lượng giáo dục, đào tạo thấp; công tác giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi còn rất nhiều khó khăn. Hệ thống khám chữa bệnh phần lớn bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng, tinh thần và thái độ phục vụ. Mức độ ô nhiễm và hủy hoại về môi trường, môi sinh rất đáng lo ngại. Một số bệnh dịch, bệnh xã hội vẫn còn đe dọa một số vùng và có nguy cơ phát triển; số người nhiễm HIV tiếp tục tăng. Những hoạt động văn hoá không lành mạnh và các tệ nạn xã hội vẫn phát triển. Nhịp độ phát triển dân số vẫn còn cao.

Số người chưa có việc làm ở khu vực thành thị còn chiếm khoảng 7%, thời gian lao động ở nông thôn mới được sử dụng ở mức thấp.

Tỷ lệ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo còn cao. Sự phân hoá giàu nghèo diễn ra không bình thường. Chỉ số giá tiêu dùng trên 10%/năm càng gây thêm khó khăn cho những người có thu nhập thấp. Tình trạng tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp chưa ngăn chặn được, có chỗ nghiêm trọng hơn. Kỷ cương, kỷ luật và trật tự xã hội còn nhiều chỗ chưa tốt.

*

* *

Nhìn chung, nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được thực hiện thắng lợi. Các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm được thực hiện vượt mức. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đã tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ. Các mặt văn hóa, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc.

Những thành tựu trong 5 năm qua có phần do huy động được kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ những năm trước, song nhân tố quyết định là đường lối, chính sách đổi mới của Đảng đã tạo động lực thúc đẩy hàng vạn doanh nghiệp, hàng chục triệu lao động ở nông thôn và thành thị chủ động khai thác các nguồn lực, phát triển sản xuất kinh doanh. Mặt khác, những sự bất cập, những thiếu sót, khuyết

điểm trong tiến trình đổi mới cũng là nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng, tiến trình đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, chặng đường đổi mới tiếp theo có phạm vi sâu rộng hơn, có nhiều khó khăn hơn, phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của kinh tế thị trường và sự hội nhập quốc tế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 1996 - 2000

I- NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Nhiệm vụ tổng quát

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân,

nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Nhiệm vụ tổng quát nêu trên đòi hỏi việc xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 phải thấu suốt **tư tưởng chỉ đạo** dưới đây:

- Thực hiện đồng thời ba mục tiêu về kinh tế: tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị các tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới căn bản tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, triển khai thực hiện Luật hợp tác xã. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước. Phát huy khả năng của kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân. Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

- Kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội - văn hoá, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ nét về thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, phát huy được lợi thế của các vùng, tránh chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

2. Nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu

Tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10%; đến năm 2000, GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990 (trong chỉ đạo thực hiện phấn đấu đạt cao hơn).

Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hàng năm 4,5 - 5%.

Phát triển các ngành công nghiệp, chú trọng trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng về dầu khí, than, xi măng, cơ khí, điện tử, thép, phân bón, hoá chất, một số cơ sở công nghiệp quốc phòng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm 14 - 15%.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển.

Phát triển các ngành dịch vụ, tập trung vào các lĩnh vực vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, các dịch vụ

tài chính, ngân hàng, công nghệ, pháp lý... Tốc độ tăng giá trị dịch vụ bình quân hàng năm 12 - 13%.

Tăng nhanh đầu tư phát triển toàn xã hội. Chú trọng tăng cả tích lũy và đầu tư trong nước thông qua ngân sách, cũng như của doanh nghiệp và nhân dân. Giải quyết tốt quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, không tiêu dùng quá khả năng nền kinh tế cho phép; tăng năng suất và hiệu quả để vừa cải thiện được đời sống, vừa có tích lũy ngày càng nhiều cho đầu tư phát triển. Chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, đồng thời thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài để đưa tỷ lệ đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 lên khoảng 30% GDP.

Khai thác thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành tạo ra sự phát triển hài hoà giữa các vùng lãnh thổ. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời dành nguồn vốn để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác, nhất là phát triển kết cấu hạ tầng và hỗ trợ vốn tín dụng, tạo điều kiện để các vùng còn kém phát triển, các vùng nông thôn, miền núi có thể phát triển nhanh hơn, khắc phục dần tình trạng chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Đến năm 2000 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34 - 35% trong GDP; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%; dịch vụ chiếm khoảng 45 - 46%.

Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia. Huy động 20 - 21% GDP vào ngân sách thông qua thuế và phí;

kiểm chế bội chi ngân sách không quá 4,5% GDP; thực hiện cam kết trả nợ. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiểm chế và kiểm soát lạm phát, loại trừ các nguy cơ tái lạm phát cao, giữ chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%/năm. Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Phát triển thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hình thành từng bước thị trường chứng khoán. Tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, thu hẹp việc sử dụng ngoại tệ ở trong nước; ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng khả năng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến sâu; tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28% (chưa kể phần xuất khẩu tại chỗ), nâng mức xuất khẩu bình quân đầu người năm 2000 lên trên 200 USD; phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 24%.

Tăng khả năng tiếp nhận vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài.

Giải quyết tốt một số vấn đề xã hội.

Thanh toán nạn mù chữ và hoàn thành cơ bản phổ cập tiểu học trong cả nước, phổ cập trung học cơ sở (lớp 9) ở thành phố lớn và những nơi có điều kiện. Số lao động qua đào tạo chiếm khoảng 22 - 25% tổng số lao động. Chuyển mạnh về chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao năng lực, hiệu quả nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin, y tế, thể dục thể thao, mở rộng tới các vùng sâu, vùng xa.

Giảm nhịp độ phát triển dân số vào năm 2000 xuống dưới 1,8%. Xoá nạn đói. Đến năm 2000, tỷ lệ người thu nhập quá thấp giảm xuống một nửa so với hiện nay, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 30%. Dân cư thành thị và 80% dân số ở nông thôn được cung cấp nước sạch. Tăng tuổi thọ bình quân lên khoảng 70 tuổi.

Giải quyết việc làm cho 6,5 - 7 triệu người, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và tăng thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn trên 75%. Điều chỉnh tiền lương và giải quyết những bất hợp lý trong chính sách tiền lương. Từng bước hình thành quỹ bảo trợ thất nghiệp ở thành thị. Bảo đảm mức sống của người về hưu và các gia đình có công với nước.

Hoàn thành căn bản định canh định cư và ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc ít người.

Ngăn chặn và giảm ô nhiễm môi trường ở thành phố, khu công nghiệp.

Đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn xã hội, loại trừ văn hoá độc hại.

Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Tích cực chuẩn bị và tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng và một số công trình công nghiệp then chốt, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

II- CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN

1. Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Mục tiêu:

Phát triển nông nghiệp toàn diện hướng vào bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống, tăng nhanh nguồn thực phẩm và rau quả, cải thiện chất lượng bữa ăn, giảm suy dinh dưỡng.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có hiệu quả. Trên cơ sở bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, chủ yếu là lúa, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, tăng nhanh đàn gia súc, gia cầm, phát triển kinh tế biển, đảo, kinh tế rừng, khai thác có hiệu quả tiềm năng của nền nông nghiệp sinh thái, tăng nhanh sản lượng hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, mở rộng thị trường nông thôn; tăng thu nhập của nông dân. Đẩy mạnh việc xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Tăng nhanh sản lượng *lương thực* hàng hoá ở những vùng đồng bằng có năng suất và hiệu quả cao. Bố trí lại mùa vụ để né tránh thiên tai, chuyển sang các vụ có năng suất cao hoặc sang các cây khác có hiệu quả hơn. Nhân nhanh những giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt, thích ứng

với từng vùng sinh thái, đặc biệt là giống lúa lai, ngô lai. Quy hoạch và phát triển một số vùng sản xuất các loại lúa gạo ngon có giá trị cao. Dự kiến năm 2000, sản lượng lương thực đạt khoảng 30 triệu tấn, bình quân đầu người 360 - 370kg.

Phát triển mạnh các loại *cây công nghiệp, cây ăn quả và rau đậu* có hiệu quả kinh tế cao; hình thành những vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến tại chỗ. Trồng cây công nghiệp kết hợp với chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc theo hình thức nông lâm kết hợp. Coi trọng các biện pháp thâm canh tăng năng suất; áp dụng các biện pháp sinh học hiện đại và công nghệ sinh học, không sử dụng hoá chất; sản xuất các loại nông sản sạch. Đến năm 2000 đưa tỷ trọng cây công nghiệp chiếm khoảng 45% giá trị sản phẩm ngành trồng trọt.

Hình thành và phát triển các vùng *chăn nuôi* tập trung gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm. Khuyến khích và nhân rộng các hộ chăn nuôi giỏi, các nông trại chăn nuôi. Đổi mới hệ thống giống có năng suất cao, chất lượng tốt. Thực hiện chương trình nạc hoá đàn lợn, cải tạo đàn bò, phát triển bò sữa, bò thịt và thanh toán một số bệnh nhiệt đới. Phát triển nghề chăn nuôi các loại động vật đặc sản. Mở rộng mạng lưới chế biến thức ăn gia súc, thú y, bảo hiểm vật nuôi và các dịch vụ khác. Phấn đấu đến năm 2000, đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản phẩm nông nghiệp lên khoảng 30 - 35%.

Phát triển nghề nuôi trồng *thủy hải sản* cả ở nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Bảo vệ và khôi phục rừng ngập mặn. Chuyển một số ruộng trũng, thường bị úng lụt hoặc bị nhiễm mặn, năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản.

Cải tạo con giống, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần về thức ăn, phòng chống dịch bệnh, từng bước áp dụng phương thức nuôi công nghiệp. Đến năm 2000, diện tích nuôi trồng thủy sản trên 60 vạn ha.

Quản lý việc đánh bắt trong từng ngư trường để bảo tồn sự sinh sản và phát triển đàn cá. Khuyến khích ngư dân tự sắm phương tiện và tổ chức khai thác tốt các nguồn lợi thủy hải sản. Phát triển mạnh nghề đánh bắt xa bờ thông qua việc hỗ trợ cho ngư dân vay vốn và phát triển lực lượng quốc doanh. Chống ô nhiễm môi trường biển, sông ngòi, ao hồ và nghiêm cấm khai thác thủy hải sản bằng phương pháp hủy diệt. Tiếp tục điều tra tài nguyên và sinh vật biển để có kế hoạch khai thác, bảo vệ.

Sản lượng thủy hải sản vào năm 2000 khoảng 1,6 - 1,7 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng khoảng 50 - 55 vạn tấn; xuất khẩu thủy hải sản 1 - 1,1 tỉ USD.

Phát triển nghề *rừng* gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống của dân cư ở miền núi; tăng tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ rừng; tạo điều kiện cho miền núi phát huy thế mạnh về lâm nghiệp. Hoàn thành việc giao rừng, giao đất đến hộ nông dân. Tăng cường công tác kiểm lâm để bảo vệ vốn rừng, bảo vệ hệ sinh thái bền vững, bảo vệ quỹ gien, ngăn chặn tệ đốt phá rừng, săn thú bừa bãi. Quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ, tiếp tục cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Quy hoạch và phát triển công nghiệp chế biến gỗ có hiệu quả.

Trong 5 năm 1996 - 2000, phải bảo vệ 9,3 triệu ha rừng hiện có và tạo thêm 2,5 triệu ha rừng, trong đó có 1 triệu ha rừng trồng mới, đưa diện tích đất đai được che phủ bằng

rừng và cây lâu năm khác lên 40%. Tạo việc làm ổn định cho 1 triệu hộ với 2 triệu lao động và 6 - 7 triệu nhân khẩu.

Phát triển đa dạng *công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp* ở nông thôn, thị tứ, thị trấn, liên kết với công nghiệp ở đô thị lớn và khu công nghiệp tập trung. Phát triển các làng nghề, nhất là các làng nghề làm hàng xuất khẩu; mở mang các loại hình dịch vụ. Xây dựng thêm đường sá, mạng lưới cấp điện, cấp nước, điện thoại, trường học, cơ sở y tế, văn hoá ở nông thôn.

Phát triển nhanh *hệ thống thủy lợi* ở tất cả các vùng, đặc biệt là khôi phục, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi đã có ở hai đồng bằng lớn của đất nước; thực hiện chương trình chống nhiễm mặn, chua phèn và chống lũ toàn diện ở đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng các hồ chứa nước ở một số vùng trung du, miền núi vừa phục vụ sản xuất, vừa cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho dân cư. Dự kiến trong 5 năm, năng lực tưới tăng thêm 20 vạn ha, năng lực tiêu úng tăng thêm 25 vạn ha, tạo nguồn nước tưới ở Nam Bộ 50 vạn ha, ngăn mặn 10 vạn ha.

Bảo đảm đủ phân bón kịp thời vụ với giá ổn định. Mở rộng việc ứng dụng các biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật. Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật và dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật. Tổ chức chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện chính sách bảo hiểm và khuyến khích về giá đối với nông sản, đặc biệt là lúa và cây công nghiệp xuất khẩu. Điều chỉnh việc phân bổ vốn của Nhà nước, huy động thêm nguồn vốn để tăng đáng kể vốn đầu tư và tín dụng cho nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn.

2. Chương trình phát triển công nghiệp

Mục tiêu:

Đổi mới công nghệ của phần lớn doanh nghiệp. Phát triển nhanh một số ngành có lợi thế, hình thành một số ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực chế biến lương thực - thực phẩm, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu.

Hình thành các khu công nghiệp tập trung (bao gồm cả khu chế xuất và khu công nghệ cao), tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới. Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và ven đô thị. Ở các thành phố, thị xã, nâng cấp, cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, đưa các cơ sở không có khả năng xử lý ô nhiễm ra ngoài thành phố, hạn chế việc xây dựng cơ sở công nghiệp mới xen lẫn với khu dân cư.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng* nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời hướng mạnh về xuất khẩu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả cao.

Kết hợp hài hoà nhiều loại quy mô, nhiều trình độ công nghệ thích hợp, với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, bảo đảm chế biến phần lớn nông, lâm, thủy sản của các vùng. Đầu tư chiều sâu, mở rộng công suất và đổi mới công nghệ các cơ sở hiện có, đồng thời xây dựng mới một số cơ sở sản xuất với công nghệ hiện đại.

Nâng cấp các cơ sở *xay xát gạo* hiện có, xây dựng thêm một số cơ sở xay xát, đánh bóng gạo xuất khẩu, đưa công suất

xay xát lên khoảng 15 triệu tấn thóc vào năm 2000. củng cố lại và xây dựng thêm hệ thống sân phơi, kho bảo quản, dự trữ lương thực; giảm hao hụt sau thu hoạch. Phát triển các cơ sở chế biến màu, thức ăn chăn nuôi, tinh bột nguyên liệu.

Đầu tư chiều sâu, mở rộng các nhà máy *đường* hiện có. Xây dựng mới một số nhà máy có quy mô vừa và nhỏ ở những vùng nguyên liệu nhỏ; ở những vùng nguyên liệu tập trung lớn, xây dựng nhà máy có thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại kể cả liên doanh với nước ngoài. Sản lượng đường năm 2000 khoảng 1 triệu tấn.

Đổi mới thiết bị và công nghệ các nhà máy *chè* hiện có để bảo đảm sản phẩm xuất khẩu được; liên doanh, hợp tác với nước ngoài xây dựng một số nhà máy chè hiện đại. Khuyến khích phát triển các cụm sơ chế quy mô hộ, liên hộ, liên kết với các nhà máy tinh chế.

Cho dân vay vốn đầu tư để phát triển mạnh *cà phê*. Tăng công suất chế biến, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm cà phê.

Trong việc thực hiện dự án phát triển *cao su*, cần bảo đảm yêu cầu đầu tư để nâng công suất chế biến mủ cao su từ 20.000 tấn hiện nay lên 70.000 tấn/năm. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm từ cao su.

Phát triển *chế biến thịt, sữa, thủy hải sản, rau, quả* theo nhiều quy mô. Cải tạo các cơ sở hiện có và xây dựng các cơ sở mới hiện đại, nhất là để phục vụ cho xuất khẩu.

Phát triển mạnh *công nghiệp nhẹ*, nhất là dệt, may, da giày, giấy, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Đầu tư hiện đại hoá dây chuyền công nghệ, nâng chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Chuyển dần việc nhận gia công dệt may,

đồ da sang mua nguyên liệu, vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu; coi trọng nâng cao năng lực tiếp thị để mở rộng thị trường. Khắc phục sự lạc hậu của ngành sợi, dệt; phấn đấu đến năm 2000 sản xuất 800 triệu mét vải, lụa gắn với phát triển bông và tơ tằm. Đầu tư chiều sâu các nhà máy hiện có và xây dựng mới một số nhà máy gắn với phát triển vùng nguyên liệu để đưa sản lượng giấy năm 2000 lên 30 vạn tấn. Sản xuất đồ dùng kim khí, đồ dùng bằng nhựa, chất tẩy rửa, mỹ phẩm đủ cho nhu cầu trong nước và có phân xuất khẩu.

Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác *dầu và khí*, năm 2000 đạt khoảng 20 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó khoảng 16 triệu tấn dầu thô và 4 tỉ m³ khí. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác, liên doanh; nâng cao năng lực công nghiệp dầu khí quốc gia cả trong thăm dò, khai thác, chế biến và dịch vụ. Xây dựng quy hoạch tổng thể sử dụng khí thiên nhiên, khí đồng hành. Hoàn thành hai công trình đường ống dẫn khí để sử dụng 4,5 - 5 tỉ m³/năm. Xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 (6,5 triệu tấn/năm). Chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 (hoặc mở rộng nhà máy số 1) và xây dựng ngành công nghiệp hoá dầu.

Tăng nhanh nguồn *điện*; hoàn thành xây dựng và xây dựng gói đầu một số cơ sở phát điện lớn để tăng thêm khoảng 3.000 MW công suất huy động trong 5 năm tới và gói đầu khoảng 1.000 MW công suất cho sau năm 2000. Sản lượng điện vào năm 2000 khoảng 30 tỉ KWh. Xây dựng, cải tạo hệ thống các trạm biến áp và đường dây tải điện đồng bộ với nguồn. Có chính sách và biện pháp tích cực, hữu hiệu để sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm.

Phát triển ngành *than* hướng vào tăng công suất hiện có bằng phục hồi, cải tạo, mở rộng một số mỏ. Duy trì công suất các mỏ đang khai thác. Năm 2000 đạt khoảng 10 triệu tấn than sạch.

Tăng thêm công suất sản xuất *phân lân*, đạt sản lượng 1,2 triệu tấn vào năm 2000. Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc. Xây dựng nhà máy phân đạm số 1 từ khí có công suất 60 - 80 vạn tấn/năm. Xây dựng gói đầu nhà máy phân đạm số 2 có công suất tương tự đưa vào vận hành trong kế hoạch 5 năm sau.

Đưa vào sản xuất các nhà máy *xi măng* đang xây dựng; huy động và vay vốn để mở rộng, xây dựng mới một số nhà máy xi măng, kể cả lò đứng; liên doanh với nước ngoài xây thêm một số nhà máy. Sản lượng xi măng năm 2000 đạt khoảng 18 - 20 triệu tấn.

Đầu tư hoàn chỉnh các dây chuyền sản xuất *thép* hiện có, khởi công xây dựng mới một số nhà máy thép, chú trọng khâu tạo phôi. Năm 2000 sản xuất 2 triệu tấn thép. Chuẩn bị xây dựng mỏ sắt Thạch Khê và nhà máy thép tổ hợp quy mô lớn.

Đổi mới thiết bị và công nghệ để hiện đại hoá một bước các nhà máy *cơ khí* hiện có. Kết hợp chế tạo trong nước với nhập khẩu để trang bị một phần máy móc, các dây chuyền, thiết bị cho nền kinh tế và có sản phẩm xuất khẩu. Trước mắt, hướng vào sản xuất thiết bị toàn bộ cho công nghiệp chế biến nông sản, các loại phương tiện vận tải, thiết bị sản xuất xi măng lò đứng, thiết bị sản xuất gạch ngói, các phụ tùng, phụ kiện thay thế... Phát triển mạnh công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển, lắp ráp và chế tạo ô tô, xe máy, chế tạo

thiết bị điện trung và hạ thế. Bắt đầu chế tạo thiết bị cao áp, động cơ công suất lớn, động cơ cho tàu thủy hoạt động xa bờ. Đáp ứng nhu cầu dụng cụ cầm tay. Tăng năng lực sửa chữa, phục hồi máy móc thiết bị và phát triển dịch vụ sau khi bán sản phẩm.

Xây dựng và phát triển nhanh *công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin*, chọn một số hướng đi sớm vào hiện đại phục vụ chế tạo máy và tự động hoá một số khâu có sản phẩm xuất khẩu. Nâng dần mức chế tạo linh kiện, phụ tùng trong nước. Phát triển dịch vụ tin học, nhất là phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sản xuất, quản lý và đời sống.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng trong việc quy hoạch và phát triển các vùng kinh tế, các ngành công nghiệp, lấy hiệu quả kinh tế gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh làm cơ sở cho những chủ trương cụ thể.

Xây dựng, phát triển *công nghiệp quốc phòng*, phấn đấu dần dần tự sản xuất được trang thiết bị quan trọng, đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cần thiết bảo đảm sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, đủ sức bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao năng lực của các ngành và các cơ sở kinh tế trong việc đáp ứng các nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh. Bảo đảm có thể nhanh chóng huy động được mọi tiềm lực kinh tế phục vụ quốc phòng, an ninh khi tình thế đòi hỏi.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng của các cơ sở công nghiệp quốc phòng để tham gia xây dựng kinh tế. Có cơ chế, chính sách quản lý các xí nghiệp quốc phòng và lực lượng

quân đội, công an làm kinh tế theo đúng pháp luật và phù hợp với tính chất đặc thù của quốc phòng và an ninh.

3. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng

Mục tiêu:

Phát triển kết cấu hạ tầng vừa bảo đảm các điều kiện cần thiết cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, vừa chuẩn bị những điều kiện cho bước phát triển sau năm 2000.

Bảo đảm sự giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết trên các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Trong từng vùng, điện, nước, giao thông, thông tin được đáp ứng tùy theo yêu cầu của mức độ phát triển. Phát triển kết cấu hạ tầng vùng miền núi, nông thôn, trước hết là đường sá, thông tin, điện, nước sạch, trường học, trạm xá. Tập trung sức giải quyết nước cho các tỉnh miền Trung, đường giao thông cho vùng núi và đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Khắc phục sự xuống cấp, từng bước nâng cấp các công trình và các tuyến *giao thông* trọng yếu. Đầu tư xây dựng mới theo hướng đồng bộ, hiện đại các công trình giao thông tại các cửa khẩu (sân bay, hải cảng quốc tế), các hành lang quan trọng nối cửa khẩu với nội địa, tại các vùng kinh tế trọng điểm, tuyến trục Bắc - Nam.

Tập trung khôi phục, nâng cấp từng đoạn các tuyến đường bộ trọng yếu, đặc biệt là các tuyến quốc lộ; xây dựng một số cầu lớn. Mở rộng, nâng cấp các tuyến trục, các đường phố chính và đường vành đai ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố

Hồ Chí Minh. Nâng cấp các tuyến đường bộ ở các tỉnh biên giới, miền núi; các tuyến đường đến trung tâm các huyện vùng sâu, vùng xa.

Nâng cấp, củng cố mạng đường sắt hiện có, bảo đảm chạy tàu an toàn, thuận lợi. Trang bị hệ thống thông tin tín hiệu bán tự động và điện thoại tự động ở các ga lớn để bảo đảm điều hành chạy tàu an toàn. Chuẩn bị xây dựng tuyến Hà Nội - Hạ Long, Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, cải tạo tuyến đường Bắc - Nam qua đèo Hải Vân.

Mở rộng và nâng cấp ba sân bay quốc tế đạt dần trình độ hiện đại, có thể tiếp nhận 12 - 13 triệu lượt hành khách/năm. Nâng cấp các sân Cát Bi, Phú Bài, Nha Trang, Cam Ly, Cà Mau, Cần Thơ... Mở thêm các đường bay mới, tăng thêm máy bay bảo đảm nhu cầu bay quốc tế và trong nước.

Củng cố, mở rộng để tăng năng lực các cảng biển hiện có, cải tạo, mở rộng cảng Hải Phòng, chuẩn bị và từng bước xây dựng các cảng Cái Lân, Chân Mây, Liên Chiểu, Dung Quất, Bến Đình - Sao Mai. Xây dựng cảng Cần Thơ thành cảng trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long. Nạo vét, chỉnh trị các luồng sông và nâng cấp các cảng sông chính, bảo đảm hệ thống đường sông ở đồng bằng Bắc Bộ có thể chạy xà lan tới 1.000 tấn và ở đồng bằng Nam Bộ có thể cho tàu 2.000 tấn đi sâu vào nội địa.

Phát triển mạng lưới *bưu chính viễn thông* hiện đại, đồng bộ, thống nhất, đều khắp và đa dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng với chất lượng cao, giá thành hạ. Phát triển công nghiệp bưu chính viễn thông. Năm 2000 đạt mật độ điện thoại 6 máy/100 dân

và hầu hết các xã ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa đều có máy điện thoại.

Phát triển và nâng cấp mạng lưới điện, bảo đảm *cấp điện* đầy đủ, ổn định cho các đô thị và khu công nghiệp. Đến năm 2000 sẽ có 100% huyện và 80% số xã có điện lưới và điện tại chỗ.

Xây dựng quy hoạch bảo vệ và khai thác hợp lý *nguồn nước*, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống. Cải thiện từng bước tình hình cấp, thoát nước ở các đô thị, ưu tiên những nơi chưa có hệ thống cấp, thoát nước. Giải quyết cơ bản hệ thống cấp nước Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hạ Long và một số thị xã, khu vực trục đường 51, các khu chế xuất và khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng núi.

4. Chương trình phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái

Mục tiêu:

Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh, coi đó là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng luận cứ khoa học cho các định hướng phát triển đất nước, các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; tiếp thu được các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt Nam. Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao như: điện tử - tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới và tự động hóa.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất từ

10%/năm trở lên, đặc biệt chú ý chất lượng công nghệ; tập trung vào việc ứng dụng công nghệ tiến bộ, đưa công nghệ nước ta từng bước đạt trình độ trung bình của khu vực.

Tạo bước chuyển biến rõ nét về bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu, đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các lĩnh vực sản xuất then chốt có tác động đến nhiều ngành khác, các lĩnh vực sản xuất sản phẩm xuất khẩu, các lĩnh vực đầu tư mới. Tổ chức tốt việc giám định các công nghệ nhập khẩu. Tiếp tục hoàn thiện và đổi mới công nghệ trong một số ngành nghề truyền thống. Đổi mới phương tiện kỹ thuật kiểm tra, đo lường, điều khiển, áp dụng kỹ thuật tự động hoá để nâng cao chất lượng sản phẩm của các ngành sản xuất.

Phát triển các công nghệ cao. Đến năm 2000 xây dựng được cơ sở hạ tầng truyền thông tin học quốc gia. Ứng dụng **công nghệ thông tin** trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành mạng thông tin quốc gia, liên kết với một số mạng thông tin quốc tế. Phát triển **công nghệ sinh học** nhằm tạo ra và nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi mới; chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất các loại vắc-xin và kháng huyết thanh, các chế phẩm chẩn đoán bệnh nhanh và chính xác; phát triển các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển **công nghệ vật liệu**, nghiên cứu chế tạo một số vật liệu mới có hiệu quả cao, phát triển các loại vật liệu có độ bền lớn và chịu được điều kiện khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt. Phát triển kỹ thuật tự động hoá đồng bộ ở

một số nhà máy then chốt, ứng dụng công nghệ tự động hoá ở các khâu quyết định đến chất lượng sản phẩm.

Xây dựng các khu công nghệ cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi hội tụ các cơ quan khoa học và các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm tạo ra các công nghệ cao và các ngành công nghiệp dựa trên công nghệ cao.

Phát triển khoa học xã hội và nhân văn, nắm vững những luận điểm cơ bản của học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu những vấn đề lý luận của công cuộc đổi mới và phát triển trong thời kỳ mới; làm rõ bản chất của nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; làm rõ vấn đề Nhà nước pháp quyền trong điều kiện Đảng cầm quyền, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới; xây dựng các phương án cho tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xác định hệ thống chính sách xã hội trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng các mục tiêu chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam; xác định các giải pháp tổ chức quản lý xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nghiên cứu đề xuất chiến lược an ninh - quốc phòng...

Phát triển các ngành khoa học tự nhiên, nghiên cứu một số vấn đề cơ bản có triển vọng của khoa học hiện tại và tương lai, nhằm tiếp cận được với trình độ thế giới trong các lĩnh vực về toán học, điều khiển học và khoa học tính toán, về vật lý học, cơ học, hoá học, sinh học và các khoa học về trái đất.

Áp dụng các biện pháp khoa học - công nghệ và đổi mới thể chế, chính sách quản lý nhằm nâng cao *chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm* cả trên thị trường trong nước và

nước ngoài, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế, tập trung vào một số mặt hàng chủ yếu như: gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hàng may mặc, dầu khí, cơ khí lắp ráp... Xây dựng hệ thống thể chế quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh việc *bảo hộ sở hữu công nghiệp*, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh trong cơ chế thị trường và khuyến khích sáng tạo của các nhà khoa học và những người lao động.

Sớm xây dựng và ban hành Luật khoa học và công nghệ, tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp cần coi trọng phát triển khoa học và công nghệ, dựa vào khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất có hiệu quả. Nhà nước có chính sách khuyến khích ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật thông qua các biện pháp ưu đãi về thuế, tín dụng, xuất nhập khẩu... Hỗ trợ cho các thành phần kinh tế có nhu cầu nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ. Tiếp tục sắp xếp lại các cơ quan khoa học và công nghệ theo hướng tập trung hơn cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ chiến lược, gắn nghiên cứu khoa học với giáo dục, đào tạo, chuyển một số viện nghiên cứu chuyên ngành về trực thuộc các tổng công ty; gắn kết các chương trình khoa học và công nghệ với các chương trình kinh tế - xã hội, với quy hoạch phát triển các vùng lãnh thổ.

Thu hút nhiều nguồn vốn để tăng nhanh đầu tư cho khoa học và công nghệ. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách, cần hình thành các cơ chế chính sách huy động thêm nguồn vốn của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các nguồn viện trợ quốc tế, vốn từ các chương trình kinh tế - xã hội và từ các công trình xây dựng cơ bản để đầu tư cho khoa học và công nghệ.

Sử dụng hợp lý tài nguyên và *bảo vệ môi trường sinh thái*. Tiến hành khẩn trương việc điều tra ô nhiễm môi trường; điều tra, đánh giá việc khai thác không hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên gây tổn hại đến môi trường và đề ra các biện pháp khắc phục hữu hiệu. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng các vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh ở đô thị và các khu công nghiệp; áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để xử lý các chất độc hại, chất thải. Các quy hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư nước ngoài và các công trình xây dựng cơ bản đều phải được xem xét đánh giá về mặt tác động đối với môi trường và có biện pháp xử lý. Giải quyết dứt điểm tình trạng suy thoái môi trường do các cơ sở sản xuất gây ra. Ngăn chặn tận gốc việc gây ô nhiễm môi trường, trước hết là nước và không khí trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đưa diện tích phủ xanh đất nước lên đạt mức an toàn sinh thái, bảo toàn đa dạng sinh học ở đất liền và ở biển. Bảo đảm môi trường lao động, sinh hoạt cho con người ở các khu công nghiệp, các đô thị, vệ sinh môi trường nông thôn. Tăng cường công tác quản lý môi trường ở tất cả các lĩnh vực, tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện Luật bảo vệ môi trường.

5. Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ

Mục tiêu:

Phát triển mạnh các loại dịch vụ, mở thêm những loại hình mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh và đời sống.

Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong dịch vụ. Giữ ổn định giá cả, nhất là đối với các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *thương nghiệp*, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, dễ dàng trong cả nước, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu và miền núi, chú trọng công tác tiếp thị trong và ngoài nước. Thương nghiệp quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, trước hết là ở những địa bàn còn bỏ trống, nắm bán buôn, chi phối bán lẻ. Từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng lưới đại lý để cùng thương nghiệp quốc doanh đủ sức ngăn ngừa những biến động bất thường, ổn định thị trường và giá cả.

Tăng cường quản lý thị trường, hướng dẫn các thành phần kinh tế trong thương nghiệp phát triển đúng hướng, đúng chính sách, pháp luật, cạnh tranh lành mạnh; chống trốn thuế, lậu thuế, lưu thông hàng giả.

Tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước, xử lý kịp thời mọi diễn biến bất lợi của thị trường. Hoàn thiện hệ thống *dự trữ quốc gia*, dự trữ lưu thông.

Giá trị hàng hóa bán ra trên thị trường đến năm 2000 gấp 2,5 lần năm 1995, tăng bình quân hàng năm 20% (tính theo mặt bằng giá năm 1995).

Tăng nhanh khối lượng, nâng cao chất lượng và độ an toàn *vận tải* hành khách, hàng hoá, trên tất cả các loại hình vận tải. Nâng cao năng lực đủ sức đảm nhiệm tỷ lệ thị phần theo luật pháp và thông lệ quốc tế trong vận tải hàng không, viễn dương.

Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển *du lịch* tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của đất nước theo hướng du lịch văn hoá, sinh thái môi trường. Xây dựng các chương trình và các điểm du lịch hấp dẫn về văn hoá, di

tích lịch sử và khu danh lam thắng cảnh. Huy động các nguồn lực tham gia kinh doanh du lịch, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng ở những khu vực du lịch tập trung, ở các trung tâm lớn. Nâng cao trình độ văn hoá và chất lượng dịch vụ phù hợp với các loại khách du lịch khác nhau.

Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nước đầu tư vào khách sạn. Cổ phần hóa một số khách sạn hiện có để huy động các nguồn vốn vào việc đầu tư cải tạo, nâng cấp.

Liên doanh với nước ngoài xây dựng các khu du lịch và các khách sạn lớn, chất lượng cao, đòi hỏi nhiều vốn. Chuyển các nhà nghỉ, nhà khách sang kinh doanh khách sạn và du lịch.

Phát triển mạnh các dịch vụ thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật, tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm... Mở rộng các loại dịch vụ đa dạng đáp ứng nhu cầu về đời sống, phù hợp với mức sinh hoạt của các tầng lớp dân cư.

6. Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại**Mục tiêu:**

Tổng kim ngạch *xuất khẩu* tăng bình quân hàng năm khoảng 28% (chưa kể phần xuất khẩu tại chỗ). Tăng nhanh tỷ trọng hàng đã qua chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế.

Hướng *nhập khẩu* là tập trung vào nguyên liệu, vật liệu, các loại thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Từng bước thay thế nhập khẩu những mặt hàng có thể sản xuất có hiệu quả ở trong nước. Tổng kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm 24%.

Trong 5 năm thu hút và sử dụng có hiệu quả khoảng 7 tỉ USD từ nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) và 13 - 15 tỉ USD

(tính theo mặt bằng giá 1995) từ nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI).

Cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Mở rộng thị trường *xuất khẩu*, đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu. Tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh, giảm mạnh việc xuất khẩu hàng thô. Dự kiến đến năm 2000 sản phẩm xuất khẩu đã qua chế biến chiếm 80%, trong đó chế biến sâu và tinh 50%. Tạo thêm mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu có khối lượng và giá trị lớn. Tăng khối lượng các mặt hàng đặc sản có giá trị. Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 33%, nhóm hàng công nghiệp nhẹ 38%, nhóm hàng nông, lâm, thủy sản 16%.

Cơ cấu *nhập khẩu*: dự kiến máy móc thiết bị và phụ tùng chiếm khoảng 39% và tăng bình quân hàng năm 25%; nguyên, nhiên, vật liệu chiếm khoảng 52% và tăng bình quân 25%; hàng tiêu dùng chiếm khoảng 9% và tăng 14%.

Củng cố vị trí ở các thị trường quen thuộc, khôi phục quan hệ với thị trường truyền thống, tìm thị trường và bạn hàng mới, giảm sự tập trung quá mức vào một vài thị trường. Tạo một số thị trường và bạn hàng lâu dài về những mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu, giảm xuất, nhập qua thị trường trung gian. Thực hiện nhất quán các chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm cả việc bảo hiểm về giá cho hàng xuất khẩu, điều tiết tỷ giá hối đoái hợp lý, có lợi cho xuất khẩu.

Tiếp theo việc gia nhập ASEAN và chuẩn bị cho việc tham gia Khối mậu dịch tự do (AFTA), cần xúc tiến việc tham gia

Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO), từng bước tham gia các hoạt động của Hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP), áp dụng các chuẩn mực thương mại quốc tế và lựa chọn tham gia một số hiệp hội xuất khẩu quốc tế về từng mặt hàng xuất khẩu.

Tranh thủ thu hút nguồn *tài trợ phát triển chính thức* (ODA) đa phương và song phương, tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và quản lý, đồng thời dành một phần vốn tín dụng đầu tư cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng. Ưu tiên dành viện trợ không hoàn lại cho những vùng chậm phát triển. Các dự án sử dụng vốn vay phải có phương án trả nợ vững chắc, xác định rõ trách nhiệm trả nợ, không được gây thêm gánh nặng nợ nần không trả được. Phải sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả và kiểm tra, quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, tiêu cực.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) hướng vào những lĩnh vực, những sản phẩm và dịch vụ có công nghệ tiên tiến, có tỷ lệ xuất khẩu cao. Đối với những ngành không đòi hỏi nhiều vốn và công nghệ cao, có thể sinh lợi nhanh thì phải dùng nhiều hình thức để huy động vốn trong nước đầu tư toàn bộ hoặc chiếm tỷ lệ góp vốn cao nếu cần liên doanh. Về địa bàn đầu tư, cần có chính sách và biện pháp hữu hiệu để thu hút vào những nơi có tiềm năng nhưng trước mắt còn khó khăn. Hình thức đầu tư cần tiếp tục đa dạng hoá, chú ý thêm những hình thức mới, như đầu tư tài chính (bên ngoài góp vốn, mua cổ phần, nhưng không tham gia quản lý như xí nghiệp liên doanh). Về đối tác đầu tư, cần tăng cường quan

hệ hợp tác với các công ty đa quốc gia để tranh thủ được công nghệ nguồn, tiếp cận cách quản lý hiện đại và thâm nhập nhanh vào thị trường quốc tế, mở rộng được thị trường mới.

Đi đôi với những cố gắng thu hút thêm nguồn vốn bên ngoài, cần chú trọng nhiều hơn việc đưa vào thực hiện những dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã được cấp giấy phép, khắc phục các trở lực để đưa nhanh vào sử dụng nguồn vốn ODA đã được các nhà tài trợ cam kết.

7. Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo

Mục tiêu:

Nâng cao mặt bằng *dân trí*, bảo đảm những tri thức cần thiết để mọi người gia nhập cuộc sống xã hội và kinh tế theo kịp tiến trình đổi mới và phát triển đất nước.

Đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn *nhân lực* để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Tăng tỷ trọng số người tốt nghiệp phổ thông cơ sở (lớp 9) trong độ tuổi lao động lên 55 - 60% và tỷ lệ những người lao động qua đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000, bảo đảm nguồn lao động có chất lượng cho các lĩnh vực ứng dụng công nghệ tiên tiến. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh, đủ sức giải quyết những vấn đề được đặt ra trong chương trình phát triển khoa học và công nghệ.

Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng *nhân tài*, chú trọng các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hoá - nghệ thuật, quản lý kinh tế, xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Phát triển *giáo dục mầm non*, tăng tỷ lệ trẻ em được

chăm sóc ở các nhà trẻ hoặc nhóm trẻ, nâng cao hiểu biết cho những người chăm sóc trẻ em ở gia đình. Đưa hầu hết trẻ em trong độ tuổi vào lớp mẫu giáo lớn để chuẩn bị vào tiểu học.

Thanh toán mù chữ cho những người lao động ở độ tuổi 15 - 35 và thu hẹp diện mù chữ ở các độ tuổi khác. Tích cực xoá mù chữ cho nhân dân ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và những vùng còn khó khăn.

Hoàn thành cơ bản *phổ cập giáo dục tiểu học* trong cả nước và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố lớn và những nơi có điều kiện. Có chính sách giúp đỡ con em người dân tộc thiểu số, gia đình nghèo, người tàn tật có điều kiện học tập. Phát triển trường lớp nội trú, bán trú. củng cố và tăng cường các trường chuyên, lớp chọn. Mở thêm trường dân lập, bán công ở các cấp học phổ thông. Thực hiện giáo dục toàn diện ở bậc tiểu học (đặc biệt là các môn nhạc, họa, thể dục thể thao). Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, tin học từ cấp phổ thông. Tập trung sức nâng cao chất lượng dạy và học, trang bị đủ kiến thức cần thiết đi đôi với tạo ra năng lực tự học, sáng tạo của học sinh, khắc phục tình trạng phải dạy thêm quá nhiều ngoài giờ học chính khoá.

Thông qua việc cải tiến hệ thống thông tin về lao động và thông qua các chính sách, các quy định của Nhà nước để điều chỉnh cơ cấu đào tạo một cách hợp lý, nhằm đạt tới sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng ở các trình độ và các ngành nghề khác nhau, đặc biệt bảo đảm được nhân lực cho các ngành mũi nhọn và các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm; tăng nhanh tỷ trọng đào tạo ngành nghề dưới bậc đại học.

Kiện toàn, phát triển mạnh và bảo đảm chất lượng các cơ sở *đào tạo nghề*, kể cả các cơ sở dân lập, tư nhân, các doanh nghiệp đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước.

Mở rộng quy mô một cách hợp lý và nâng cao chất lượng *đào tạo đại học*, kết hợp *đào tạo mới* và *đào tạo lại*, phát triển giáo dục - *đào tạo đỉnh cao* nhằm lựa chọn, xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học, công nghệ, văn hoá và những nhà kinh doanh giỏi, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội có năng lực.

Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu, xây dựng các đại học đa lĩnh vực ở các trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước. Phát triển các đại học và cao đẳng địa phương để đáp ứng nhu cầu học tập và phát huy nguồn nhân lực tại chỗ. Tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng và khuyến khích du học tự túc để tăng nhanh số người đi học đại học, sau đại học ở nước ngoài.

Hoàn chỉnh và củng cố các *trường sư phạm* về mọi mặt, khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên và nâng cao chất lượng giáo viên ở tất cả các cấp học. Bổ sung chính sách đãi ngộ giáo viên và có chính sách khuyến khích giáo viên tình nguyện đến các vùng khó khăn. Sử dụng giáo viên đúng năng lực và đãi ngộ đúng công sức với tinh thần ưu đãi nghề dạy học, chú trọng giáo viên vùng núi, vùng sâu và các vùng có khó khăn.

Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học. Kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Cụ thể hoá và thể chế hoá chủ trương chính sách của

Đảng và Nhà nước về *xã hội hoá sự nghiệp giáo dục đào tạo*, trước hết là về đầu tư phát triển và bảo đảm kinh phí hoạt động. Ngoài việc ngân sách dành một tỷ lệ thích đáng cho sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo, cần thu hút thêm các nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các thành phần kinh tế, các giới kinh doanh trong và ngoài nước đi đôi với việc sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư cho giáo dục đào tạo. Những doanh nghiệp sử dụng người lao động được đào tạo có nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách giáo dục, đào tạo. Đổi mới chế độ học phí phù hợp với sự phân tầng thu nhập trong xã hội, loại bỏ những đóng góp không hợp lý, nhằm bảo đảm tốt hơn kinh phí giáo dục, đồng thời cải thiện điều kiện học tập cho học sinh nghèo.

Nghiên cứu việc tổ chức và phối hợp chỉ đạo chương trình phát triển giáo dục - *đào tạo phục vụ công cuộc hiện đại hóa đất nước*. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp nhà nước về giáo dục, sớm xây dựng và ban hành Luật giáo dục. Định rõ trách nhiệm, mở rộng quyền hạn và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở *đào tạo*, trước hết là các trường đại học. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý giáo dục, đặc biệt ở các cấp vĩ mô, để kiểm soát được chất lượng *đào tạo*, điều hành được bộ máy giáo dục ở quy mô ngày càng lớn và bảo đảm được hiệu quả *đào tạo* đúng mục tiêu mong muốn.

8. Chương trình giải quyết các vấn đề văn hoá - xã hội

Mục tiêu:

Giải quyết việc làm, phát triển toàn diện các mặt hoạt động về *văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế*

hoạch hoá gia đình và các mặt xã hội khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và hội nhập vào cộng đồng quốc tế.

Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Nhanh chóng triển khai *chương trình quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho mọi người lao động tự tạo, tự tìm việc làm*. Mỗi năm thu hút thêm 1,3 - 1,4 triệu lao động có chỗ làm việc. Trong chỉ đạo thực hiện sẽ tạo thêm cơ hội cho người lao động tự tạo và tìm việc làm để có thể đưa mức thu hút lao động hàng năm lên cao hơn. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75%.

Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành *Luật lao động*, tăng cường việc bảo vệ người lao động, trọng tâm là ở các doanh nghiệp. Tiếp tục cải tiến chế độ lương, làm cho tiền lương thật sự gắn liền với năng suất, chất lượng, hiệu quả; trở thành thu nhập chính và là động lực đối với người lao động.

Mở rộng chế độ *bảo hiểm xã hội* đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, áp dụng bắt buộc đối với các cơ quan, các doanh nghiệp. Tổ chức quản lý và sử dụng tốt các quỹ bảo hiểm; bảo đảm đời sống của người nghỉ hưu. Mở rộng các quỹ làm việc nghĩa, việc thiện của nhân dân.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động *văn hoá*,

văn nghệ, thông tin đại chúng và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá - tinh thần của nhân dân. Chú trọng các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và các vùng nông thôn có nhiều khó khăn.

Tăng nhanh số lượng các sản phẩm văn hoá, văn học nghệ thuật, báo chí có chất lượng cao về nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật. Tăng cường đầu tư cải tạo và xây dựng hệ thống các cơ sở văn hoá thông tin từ trung ương đến địa phương được quy hoạch lại theo hướng hoạt động đa năng, gắn hoạt động văn hoá với du lịch, thể thao và vui chơi giải trí. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình văn hóa có tầm cỡ quốc gia ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và tại các trung tâm lớn của đất nước.

Tùng bước hiện đại hoá các ngành phát thanh, truyền hình, điện ảnh, in, xuất bản. Nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh và truyền hình, tăng công suất phát sóng truyền thanh, truyền hình, kể cả ra nước ngoài. Đến năm 2000, phấn đấu để có khoảng 80% số hộ có thể xem truyền hình Trung ương; 95% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Tiếp tục thực hiện ba chương trình quốc gia về văn hoá - thông tin: bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử và các di sản văn hoá dân tộc; phát triển điện ảnh Việt Nam; xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, trong đó chú trọng vấn đề gia đình văn hoá, làng bản văn hoá, nếp sống văn minh đô thị. Mở rộng giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các dân tộc, nhất là với các nước trong khu vực. Tăng cường các biện pháp và phối hợp lực lượng của toàn xã hội, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đấu tranh bền bỉ và mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, loại trừ các văn hoá phẩm độc hại và các tệ nạn xã hội.

Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thông tin, đồng thời tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các chế độ chính sách phù hợp với đặc điểm của ngành (như trợ giá, đặt hàng, vốn, thuế đối với sản phẩm văn hoá; chế độ thu sự nghiệp văn hoá, chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước...) nhằm bảo đảm sự nghiệp văn hoá - thông tin phát triển nhanh trong quá trình đổi mới, giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Có chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ những người làm công tác văn hoá, văn nghệ.

Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về *sức khoẻ cho mọi người*, từng bước nâng cao thể trạng và tầm vóc, trước hết là nâng cao thể lực bà mẹ, trẻ em.

Tạo chuyển biến nhanh trong việc thực hiện *chiến lược dân số* cả về quy mô, cơ cấu và sự phân bố, tập trung trước hết vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng không có quá hai con và được nuôi dạy tốt; giảm nhanh tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên. Ngoài việc đầu tư thêm kinh phí vào phương tiện kỹ thuật, cần tăng cường giáo dục truyền thông, bổ sung các chính sách về hạn chế sinh đẻ, củng cố hệ thống quản lý dân số, kế hoạch hoá gia đình các cấp có mạng lưới đến tận thôn xóm, đường phố. Giảm nhịp độ phát triển dân số xuống dưới 1,8% vào năm 2000.

Thực hiện chương trình *dinh dưỡng quốc gia*, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 42% hiện nay xuống còn dưới 30% năm 2000 và không còn suy dinh dưỡng nặng, đưa tỷ lệ dân số có mức ăn dưới 2.100 Kcal/ngày xuống dưới 10%, chăm sóc phụ nữ có thai, sinh đẻ, giảm tỷ lệ tử vong của

phụ nữ khi đẻ xuống 0,5 phần nghìn, của trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 30 phần nghìn, của trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 55 phần nghìn.

Giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết do các bệnh nhiễm khuẩn, ký sinh trùng như sốt rét, lao, bệnh ỉa chảy và viêm phổi ở trẻ em. Mở rộng việc phòng, chống bệnh bướu cổ, thực hiện toàn dân ăn muối có trộn iốt. Thanh toán bệnh bại liệt, phong, uốn ván ở trẻ sơ sinh, nhanh chóng dập tắt các ổ dịch, phòng chống bệnh dại. Chống tệ nghiện hút, mại dâm; ngăn chặn nhiễm HIV/AIDS và tổ chức điều trị những người đã mắc.

Phát triển các dịch vụ *khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu* của y tế nhà nước, y tế dân lập. Thí điểm hình thức liên doanh giữa cơ sở y tế nhà nước với nước ngoài cả về y và dược. Phát triển y học cổ truyền dân tộc, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Chấn chỉnh tổ chức quản lý ngành dược, đổi mới công nghệ, mở rộng mặt hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất và cung ứng thuốc, thiết bị y tế.

Tăng chi ngân sách và huy động nhiều nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế. Đến năm 2000, tất cả các xã trong nước đều có trạm y tế, 40% trạm có bác sĩ, tất cả các trạm có y sĩ sản, nhi hoặc nữ hộ sinh, các thôn có y tá. Tất cả các huyện đều có trung tâm y tế đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ nhất. Trung tâm y tế của tất cả các tỉnh có đủ thiết bị chủ yếu cho các khoa, đủ sức làm nhiệm vụ của tuyến hỗ trợ thứ hai. Tiếp tục xây dựng hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Cải thiện chính sách và chế độ thù lao đối với cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế cơ sở và ở miền núi. Đa dạng hoá các loại hình bảo hiểm y tế. Xoá bỏ sự phân biệt giữa khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm và theo chế độ thu phí dịch vụ. Có chính sách giải quyết viện phí cho người nghèo và nhân dân các vùng xa xôi, hẻo lánh.

Giảm đáng kể nhà ổ chuột ở thành thị. Phần lớn nhà ở nông thôn được xây dựng chắc chắn và có công trình vệ sinh, chú ý vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tạo bước tiến mới của phong trào *thể dục thể thao*, đạt 8 - 10% số dân tập luyện thể dục thể thao, 50% trường học các cấp thực hiện giáo dục thể chất có nền nếp, hình thành hệ thống đào tạo tài năng quốc gia, nâng cao thành tích các môn thể thao. Xây dựng quy hoạch và xúc tiến đầu tư phát triển các cơ sở vật chất về thể dục thể thao cho các trường học và các địa bàn dân cư. Xây dựng các trung tâm thể thao quốc gia. Tăng cường đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học của ngành thể dục thể thao.

Phát triển các *hoạt động tình nghĩa* trong xã hội, chăm sóc tốt hơn người có công với nước, gia đình liệt sĩ, thương binh, những người có khó khăn trong cuộc sống, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

9. Chương trình phát triển các vùng lãnh thổ

Mục tiêu:

Tạo điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và liên kết giữa các vùng, tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của cả nước.

Kết hợp sự phát triển có trọng điểm với sự phát triển toàn diện các vùng lãnh thổ, giảm bớt chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng.

Nhiệm vụ và giải pháp:

Miền núi và các vùng có nhiều khó khăn, trước hết những địa bàn xung yếu, những khu căn cứ cách mạng, những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người cần được ưu tiên đầu tư, tạo những điều kiện ban đầu để khai thác được các lợi thế và nguồn lực tại chỗ, tăng sức thu hút đầu tư, chất xám từ các nơi khác. Nhà nước dành viện trợ không hoàn lại và vốn vay theo điều kiện ưu đãi của nước ngoài để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, trước hết là đường giao thông, mạng lưới điện, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ. Áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, chuyển giao kỹ thuật, sử dụng đất đai. Khuyến khích hình thành những tụ điểm kinh tế có khả năng thúc đẩy kinh tế hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hoá ngành nghề, phát triển công nghiệp chế biến; đẩy mạnh giao lưu hàng hoá, mở mang dịch vụ. Tích cực thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, định canh định cư, thiết lập trật tự trong việc di dân. Đặc biệt quan tâm nâng cao dân trí. Trong chỉ đạo điều hành phải có quyết tâm cao và biện pháp mạnh mẽ để đưa miền núi đi lên, thu hẹp dần tình trạng cách biệt với các vùng phát triển.

Những vùng nông thôn đồng bằng có nhiệm vụ chiến lược là bảo đảm vững chắc an toàn lương thực quốc gia, cung cấp đầy đủ thực phẩm với chất lượng ngày càng cao cho các thành phố, khu công nghiệp và tăng nhanh xuất khẩu, kể cả xuất khẩu tại chỗ. Chú trọng phát triển đồng đều giữa

các vùng đồng bằng và nâng cao hiệu quả kinh tế. Khắc phục tình trạng vùng chuyên canh lúa bị nghèo và thiệt hơn các vùng nông thôn khác, trước hết bằng chính sách tín dụng, giá cả và thuế. Khuyến khích phát triển chăn nuôi hàng hoá (kể cả nuôi trồng thủy sản), công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, cơ khí sửa chữa và chế tạo ở trình độ thích hợp, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các ngành nghề truyền thống kết hợp với ngành nghề mới; đẩy mạnh công nghiệp làm hàng xuất khẩu, vệ tinh gia công cho các trung tâm công nghiệp; phát triển tổng hợp các ngành dịch vụ. Chuyển bớt lao động nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp tại chỗ, giảm bớt sức ép về lao động và dân số đối với các đô thị lớn.

Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

Xây dựng cơ cấu kinh tế trong vùng hướng mạnh về xuất khẩu, kết hợp khai thác kinh tế ven biển, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa thuộc quyền tài phán quốc gia, theo quy ước Luật biển quốc tế. Chú trọng kinh tế hải đảo và các căn cứ xuất phát ven biển. Quy hoạch phát triển kinh tế biển trong một *chương trình liên kết* các ngành kinh tế quan trọng như dầu khí, hải sản, vận tải biển, công nghiệp, khoáng sản biển, đóng và sửa chữa tàu biển, dàn khoan, du lịch và dịch vụ biển, hình thành một số ngành mũi nhọn có công nghệ

tiên tiến hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn, tạo nguồn tích lũy cao và ổn định cho nền kinh tế quốc dân.

Phát triển đồng bộ và hiện đại hoá kết cấu hạ tầng ven biển và các huyện đảo, gắn với vùng kinh tế trọng điểm. Hình thành các *trung tâm kinh tế biển*, các đô thị lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và thương mại với hệ thống các cảng biển được mở rộng và xây dựng mới, nhất là các cảng nước sâu. Phát triển các hành lang kinh tế ven biển, trước hết là các dải Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái, Huế - Quảng Ngãi, Vũng Tàu - Bà Rịa...

Quy hoạch và xây dựng chương trình phát triển *kinh tế hải đảo*, trước hết tập trung vào một số đảo quan trọng về kinh tế và quốc phòng, an ninh như: Phú Quốc, Thổ Chu, Côn Sơn, Phú Quý, Lý Sơn, Cát Bà, Cô Tô, Vĩnh Thực, Bạch Long Vĩ... Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như các công trình thiết yếu về cầu cảng, đường sá, cấp điện, nước, thông tin liên lạc... Có chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích dân ra định cư phát triển kinh tế đảo, nâng cao đời sống và bảo đảm điều kiện cần thiết cho các chiến sĩ trên đảo. Nhà nước dành thêm vốn tín dụng ưu đãi cho dân vay để phát triển nghề cá biển khơi. Tăng cường các hoạt động điều tra cơ bản, khoa học và công nghệ về biển. Đặc biệt quan tâm bảo vệ tài nguyên và môi trường ven biển và biển. Đầu tư thích đáng cho việc tăng cường, củng cố an ninh, quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo. Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về quản lý, khai thác biển, ven biển và các hải đảo.

Khu vực đô thị có lợi thế và điều kiện phát triển nhanh;

các thành phố lớn đóng vai trò trung tâm giao lưu kinh tế trong vùng và quốc tế. Hình thành mạng lưới đô thị mang chức năng trung tâm khu vực hay tiểu vùng để phát huy tác động của công nghiệp và dịch vụ đến các vùng khác, nhờ đó mà có thể khai thác nhiều hơn, có hiệu quả hơn các tiềm năng của mỗi vùng. Tùy điều kiện từng nơi, tất cả các thị xã, thị trấn đều phải được phát triển trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ mang ý nghĩa tiểu vùng. Hình thành các thị tứ làm trung tâm kinh tế, văn hoá cho mỗi xã hoặc cụm xã.

Phát triển các đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn để dẫn dắt công nghiệp và dân cư, tránh sự tập trung quá mức vào Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạo điều kiện cần thiết để thu hút công nghiệp và phát triển đô thị mới lên vùng đồi trung du, tránh sử dụng nhiều diện tích đất lúa. Hạn chế mở rộng quy mô các thành phố lớn. Sớm quy hoạch mạng lưới đô thị lớn, vừa và nhỏ trong toàn quốc phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển đô thị phải đi đôi với việc xây dựng đồng bộ và quản lý các công trình công cộng (điện, cấp thoát nước, cây xanh...).

Coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và văn hoá, giữ gìn bản sắc và truyền thống dân tộc với tiến lên hiện đại trong phát triển đô thị.

Ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền Bắc, Trung, Nam có điều kiện tăng trưởng kinh tế nhanh hơn nhịp độ chung của cả nước, cung ứng cho cả nước nhiều sản phẩm và dịch vụ cần thiết, phát huy vai trò trung tâm về công nghiệp, dịch vụ, thương mại, tài chính, khoa học kỹ thuật, là cửa ngõ giao lưu quốc tế. Phát triển ba vùng trọng điểm phải

kết hợp chặt chẽ, phục vụ và thúc đẩy cho sự phát triển các vùng khác và cả nước, tạo điều kiện để các doanh nghiệp ở vùng trọng điểm mở rộng kinh doanh và đầu tư ra các vùng khác.

10. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc

Mục tiêu:

Khai thác mọi nguồn lực ở địa phương và huy động sức của cả nước để tạo bước tiến nhanh hơn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, cải thiện môi trường, môi sinh.

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với tốc độ bằng hoặc cao hơn mức bình quân chung của cả nước; năm 2000 GDP bình quân đầu người đạt gấp đôi năm 1994.

Các khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc đều phải có bước phát triển, khu vực có điều kiện thuận lợi phải phát triển với tốc độ cao hơn để thúc đẩy, hỗ trợ các khu vực khác cùng phát triển.

Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển xã hội - văn hoá, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phấn đấu giảm bớt khoảng cách giữa các vùng về mặt tiến bộ xã hội.

Nhiệm vụ:

Công nghiệp.

Phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu. Sắp xếp và đầu tư chiều sâu các cơ sở hiện có.

Phát triển công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp ở những vùng sâu, vùng xa, khuyến khích các nghề thủ công truyền thống.

Xây dựng các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác khoáng sản.

Hoàn thành đúng tiến độ các công trình thủy điện đang xây dựng và chuẩn bị một số công trình mới ở Sơn La, Sông Gâm, Tây Nguyên...

Nông - lâm nghiệp.

Giải quyết lương thực theo quan điểm kinh tế hàng hoá. Mở rộng diện tích lương thực ở vùng có điều kiện thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý đi đôi với thâm canh tăng năng suất bằng áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân. Bảo đảm tốc độ lương thực sản xuất tại chỗ tăng hàng năm 3,5 - 4% và năm 2000 đạt bình quân đầu người 250 - 280kg. Mở rộng giao lưu với các vùng để bảo đảm an toàn lương thực.

Đưa độ che phủ rừng vào năm 2000 trên 40%. Hình thành hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu và vùng nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ.

Đưa diện tích cây công nghiệp dài ngày từ 179 nghìn ha năm 1994 lên gấp đôi vào năm 2000, trong đó cao su 166 nghìn ha; cà phê 101 nghìn ha và chè 97 nghìn ha. Phát triển mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc.

Gắn phát triển lâm nghiệp với công tác định canh, định cư. Ổn định sản xuất và đời sống của các hộ mới định canh, định cư. Tiếp tục đầu tư để hoàn thành các dự án của Chương trình 327, ưu tiên hàng năm mở thêm 80 - 100 dự án cho vùng đang còn du canh, du cư. Năm 2000 cơ bản hoàn thành công tác định canh, định cư trong cả nước.

Kết cấu hạ tầng và dịch vụ.

Về giao thông, đầu tư nâng cấp các đường quốc lộ; tuyến đường dọc biên giới và các tuyến đường đến các huyện, xã vùng cao. Gắn việc phân bố lại dân cư với việc xây dựng

đường sá để giao thông phục vụ tốt các điểm dân cư. Đến năm 2000, hầu hết các xã hoặc cụm xã đều có đường ô tô đến trung tâm.

Về năng lượng, năm 2000 có 100% huyện lỵ có điện và khoảng 60 - 70% xã có điện.

Về thủy lợi, đẩy mạnh công tác xây dựng các hồ chứa nước bảo đảm tuổi tiêu cho các vùng sản xuất lương thực và cây công nghiệp tập trung; cung cấp nước cho công nghiệp và đô thị, kết hợp với phát điện nếu có điều kiện. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, năm 2000 có 80% số dân được dùng nước sạch.

Xây dựng và phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ để thúc đẩy và hỗ trợ vùng nông thôn miền núi phát triển, đưa tỷ lệ dân đô thị từ 14% năm 1994 lên 18% năm 2000. Hình thành các điểm thương mại cấp vùng, thị xã, huyện và cụm xã. Nhà nước trợ giá một số mặt hàng cơ bản (muối iốt, dầu, giấy học sinh...). Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và cung cấp hàng hoá trong vùng. Phấn đấu xuất khẩu đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 20 - 30%.

Bảo tồn và khai thác vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử để phát triển du lịch.

Thực hiện chương trình phát thanh, truyền hình, chương trình phát triển thông tin liên lạc; năm 2000 đạt 100% số huyện có trạm phát lại truyền hình, hầu hết số xã có trạm điện thoại.

Phát triển mạng lưới y tế, giáo dục ở xã, bản: năm 2000 có 100% số xã có trạm y tế, có cơ sở dược, bảo đảm cung cấp đủ các loại thuốc thông thường cho nhân dân, có đủ phương tiện khám và chữa các loại bệnh thông thường; phổ cập giáo

dục tiểu học và xoá mù chữ cho những người trong độ tuổi. Mở rộng các hình thức giáo dục, củng cố và phát triển các trường dân tộc nội trú, bán trú.

Giảm tỷ lệ nghèo vào năm 2000 xuống dưới 30% số hộ, không còn hộ đói.

Giải pháp chủ yếu:

Khu vực I, gồm các trung tâm đô thị, thị trấn và khu công nghiệp, hiện nay chiếm khoảng 0,1% diện tích tự nhiên và 15% dân số của các tỉnh và huyện miền núi. GDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung cả nước. Cơ chế đầu tư ở đây chủ yếu là huy động từ cộng đồng và vốn vay, tạo nên thị trường nội vùng và làm đầu mối giao lưu giữa miền núi với các vùng khác trong cả nước; phát triển với nhịp độ cao hơn mức bình quân cả nước để thúc đẩy sự phát triển của vùng.

Khu vực II, gồm các vùng đệm giữa các khu vực đô thị và vùng sâu, vùng xa, vùng cao, hiện nay chiếm gần 15% diện tích tự nhiên và 25% dân số của các tỉnh và huyện miền núi; GDP bình quân đầu người năm 1994 bằng 70% mức trung bình cả nước. Mật độ đường giao thông còn thấp, mới có 0,18km/km². Cơ chế đầu tư đối với khu vực này là có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước về hạ tầng, huy động vốn từ cộng đồng và vốn tín dụng. Xoá đói và định canh, định cư 100%; giảm tỷ lệ nghèo xuống dưới 30% trước năm 2000.

Khu vực III, là khu vực khó khăn nhất, hiện chiếm 85% diện tích tự nhiên và 60% dân số của các tỉnh và huyện miền núi, gồm khu vực vùng cao, vùng sâu, điều kiện sống và dịch vụ, hạ tầng cực kỳ khó khăn; đất nông nghiệp thiếu, chưa đủ

điều kiện tiến lên sản xuất hàng hoá; GDP bình quân đầu người năm 1994 chỉ bằng 31% mức trung bình cả nước. Mật độ đường giao thông chỉ có 0,09km/km², còn 464 xã chưa có đường ô tô đến. Mục tiêu của khu vực này đến năm 2000 là xoá đói, giảm nghèo, đưa số hộ nghèo từ 70% hiện nay xuống dưới 40%; 100% định cư. Nhà nước phải có biện pháp tập trung vốn ngân sách đầu tư theo chương trình tổng hợp và có sự chỉ đạo chặt chẽ giúp cho khu vực này phát triển nhanh, giúp các tỉnh biên giới phía bắc trụ dân lại.

Vốn đầu tư ngân sách cho miền núi và vùng đồng bào dân tộc sẽ được tập trung hỗ trợ xây dựng các cơ sở giao thông, điện, giống cây con, trường học, trạm y tế, bệnh viện. Vốn tín dụng tập trung hỗ trợ phát triển nông - lâm nghiệp, xoá đói, giảm nghèo.

Lồng ghép các chương trình phát triển trên địa bàn miền núi và vùng đồng bào dân tộc để đầu tư một cách đồng bộ, thiết thực đối với lợi ích của đồng bào các dân tộc. Áp dụng cách quản lý đặc thù về đầu tư đối với miền núi trong từng khu vực cụ thể. Có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc, nâng cao năng lực cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo ở các cấp chính quyền, cán bộ quản lý kinh tế. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Ban hành các chính sách khuyến khích cán bộ công tác ở vùng cao, vùng sâu, cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi. Tổ chức các đội trí thức mới ra trường tình nguyện xuống các bản, làng giúp đồng bào dân tộc.

11. Chương trình về xoá đói, giảm nghèo

Mục tiêu:

Giảm tỷ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25%

hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm.

Trong 2 - 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xoá về cơ bản nạn đói kinh niên.

Cơ chế chính sách đối với người nghèo và xã nghèo:

Hiện nay có 14 chương trình quốc gia và dự án được thực hiện có nội dung gắn với xoá đói, giảm nghèo. Từ năm 1996 sẽ lồng ghép chương trình xoá đói, giảm nghèo với các chương trình khác, trong đó lấy chương trình quốc gia về giải quyết việc làm và về phủ xanh đất trống đồi núi trọc làm nòng cốt.

Bổ sung các chính sách giúp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo tổ chức sản xuất, bảo đảm cuộc sống và nâng lên khá giả, trước mắt tập trung vào các chính sách sau đây:

Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh, huyện rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai trên địa bàn lãnh thổ, thu hồi đất đai đã cấp không đúng đối tượng, không đúng chính sách; thu hồi đất đã cấp cho các doanh nghiệp, các cơ quan sử dụng không đúng mục đích, để giao cho các hộ nông dân nghèo chưa được giao đất hoặc giao chưa đủ mức. Vận động và giúp đỡ hộ nông dân nghèo đến các vùng kinh tế mới mau chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Mở rộng các quỹ tín dụng cho các hộ nghèo vay vốn sản xuất, với lãi suất ưu đãi. Các hộ nghèo được Ủy ban nhân dân xã, phường chứng nhận được vay vốn không phải thế chấp. Thông qua ngân hàng phục vụ người nghèo và các quỹ hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể bảo đảm 90 - 95% số hộ nghèo được vay vốn sản xuất, trong đó các hộ thuộc đối tượng chính sách, các hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước. Nguồn vốn để thực hiện mục tiêu này bao gồm vốn tự có của ngân

hàng, vốn của các chương trình, vốn của quỹ xoá đói, giảm nghèo, vốn tài trợ quốc tế kể cả vốn vay, vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước...

Các cơ sở đào tạo và các trung tâm dạy nghề của Nhà nước thực hiện việc đào tạo nghề miễn phí đối với con em các hộ nghèo; đồng thời hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp nhận tuyển con em các hộ nghèo vào đào tạo và làm việc.

Xây dựng đội ngũ những người tình nguyện, bao gồm các cán bộ kỹ thuật, sinh viên mới tốt nghiệp và những nông dân làm ăn giỏi trong vùng, để hướng dẫn cách làm ăn và phổ biến các biện pháp kỹ thuật giúp đỡ người nghèo sản xuất kinh doanh.

Đối với các vùng cao, vùng sâu, vùng xa sản phẩm tiêu thụ khó khăn, giá thấp, Nhà nước thông qua các doanh nghiệp nhà nước bao tiêu sản phẩm và trợ giá.

Xây dựng chính sách tài trợ đầu tư 6 loại công trình xã hội thiết yếu cho 1.300 xã nghèo nhất (đường ô tô và đường dây điện đến trung tâm xã; nước sạch cho dân cư; phòng học cho học sinh cấp I, II, xoá lớp ca 3; trạm y tế; chợ tại xã hoặc liên xã).

Con em các hộ nghèo đi học các trường phổ thông đều được miễn học phí (hoặc được cấp học bổng để đóng học phí); ở bậc tiểu học được mượn sách giáo khoa, cấp không vở viết và được miễn mọi khoản đóng góp khác. Đối với các hộ quá khó khăn có thể xét trợ cấp thêm học bổng. Tổ chức các lớp học tình thương cho con em người nghèo do những giáo viên tình nguyện giảng dạy.

Các học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em đồng bào các dân tộc ít người, được ưu tiên xét chọn vào các

trường dân tộc nội trú, các trường đại học, cao đẳng và ưu tiên xét học bổng hàng năm.

Cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo theo số người trong gia đình. Các tỉnh, thành phố có điều kiện, có thể thành lập cơ sở khám chữa bệnh nhân đạo cho người nghèo.

Phối hợp các chương trình xã hội khác như: Dân số, kế hoạch hoá gia đình, chống sốt rét, bấu cổ, tiêm chủng mở rộng, phòng chống tệ nạn xã hội và chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 1991 - 2000 để chăm sóc sức khoẻ cho người nghèo.

Tổ chức điều tra xác định số hộ nghèo đói do mất khả năng lao động và xây dựng tiêu chuẩn chính sách trợ cấp cụ thể theo chính sách cứu tế xã hội nhằm ổn định đời sống lâu dài cho họ.

Phần thứ ba

CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

I- MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

1. Cân đối tài chính

Cân đối tích lũy - tiêu dùng:

Đổi mới các cơ chế chính sách về kinh tế và xã hội để hướng dẫn tiêu dùng của dân cư phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Dự kiến 5 năm tới tiêu dùng bình quân đầu người tăng hàng năm khoảng 6%, gần gấp đôi nhịp độ tăng của 5 năm trước và đến năm 2000 bằng 1,5 lần so với năm 1990.

Tích lũy và đầu tư phát triển tăng bình quân hàng năm 15%. Toàn bộ tích lũy tài sản gộp của 5 năm bằng khoảng 33% so với GDP (5 năm 1991 - 1995, tỷ lệ này là 24,6%) bao gồm: tích lũy tài sản cố định chiếm phần chủ yếu (khoảng 90%), tích lũy tài sản lưu động và tăng dự trữ tài sản quý hiếm.

Về ngoại tệ:

Trong 5 năm 1996 - 2000 dự kiến nguồn ngoại tệ vào nước ta khoảng 88 - 90 tỉ USD; trong đó, từ xuất khẩu khoảng 58 - 60 tỉ USD, nếu kể cả xuất khẩu tại chỗ (cả hàng hoá lẫn dịch vụ) thì tổng ngoại tệ thu từ xuất khẩu khoảng 64,5 đến 67 tỉ USD; từ nguồn vay nợ và viện trợ, khoảng 7 - 8 tỉ USD; còn lại là nguồn đầu tư trực tiếp, kiều hối...

Tổng chi ngoại tệ trong 5 năm dự kiến 86 - 87 tỉ USD, trong đó, chi nhập khẩu 75 tỉ USD; chi phí dịch vụ của các ngành hàng không, bưu điện, du lịch... khoảng 2 tỉ USD; còn lại là chi trả nợ, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển lợi nhuận về nước...

Như vậy theo dự báo ban đầu, trong 5 năm 1996 - 2000, nguồn ngoại tệ vào nước ta sẽ tăng nhanh. Tuy còn nhập siêu lớn nhưng cán cân thanh toán quốc tế có thể vẫn bội thu. Vì vậy, sức mua của đồng tiền Việt Nam so với ngoại tệ mạnh có tăng lên, nhưng chưa lành mạnh và không lợi cho xuất khẩu, cần phải có các giải pháp hữu hiệu để hạn chế tình trạng này.

2. Cân đối ngân sách nhà nước

Dự kiến bố trí cân đối ngân sách như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước trong 5 năm 1996 - 2000

khoảng 21 - 22% GDP, trong đó thu thuế và phí khoảng 20 - 21% GDP (1991 - 1995 là 20%, riêng 1995: 21,6%).

Tổng chi ngân sách nhà nước khoảng 24 - 25% GDP (1991 - 1995 là 25,5%); trong đó, chi tiêu dùng thường xuyên khoảng 14% GDP; trả nợ khoảng 3,5% GDP, dành cho đầu tư phát triển khoảng 6,5 - 7% GDP (1991 - 1995 là 6,4%) và bằng 26% tổng số chi ngân sách nhà nước. Bội chi ngân sách khoảng 3 - 3,5% GDP và dự kiến bù đắp bằng nguồn vay trong nước trên 50%, vay dài hạn ngoài nước dưới 50%.

Các chính sách và giải pháp thực hiện:

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế bước 2, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới nền kinh tế và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhưng không làm giảm nguồn thu ngân sách. Trong chỉ đạo điều hành, ngoài việc tận thu thuế và phí theo luật định, phải vừa nuôi dưỡng, làm tăng nguồn thu, vừa triệt để khai thác các nguồn thu khác (đất đai, tài nguyên, nhà cửa, trụ sở...) để tăng thu ngân sách, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng của Nhà nước. Đồng thời, để từng bước thực hiện công bằng xã hội, cần sửa đổi, bổ sung các sắc thuế, điều tiết có hiệu quả thu nhập của các tầng lớp dân cư.

Bảo đảm chi tiêu dùng thường xuyên ở mức cần thiết hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, tiếp thu công nghệ hiện đại, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề bức xúc trong lĩnh vực xã hội...

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và triệt để tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng mà tăng nhanh vốn đầu

tư xây dựng cơ bản. Đối với vốn từ nước ngoài, phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả và trả được nợ.

Tốc độ tăng chi cho tiêu dùng thường xuyên phải thấp hơn tốc độ tăng chi cho đầu tư và thấp hơn tốc độ tăng chi ngân sách.

Để chủ động hơn trong điều hành, ngân sách hằng năm phải có dự phòng thích đáng và có quỹ dự trữ tài chính gối đầu cho năm sau.

Từng bước giảm dần bội chi ngân sách, không bù đắp bội chi bằng phát hành tiền dưới bất kỳ hình thức nào. Vay dân, vay nước ngoài phải tính toán hiệu quả, đặc biệt phải nhanh chóng chấm dứt tình trạng vay ngắn hạn với lãi suất cao làm tăng gánh nặng trả nợ cho ngân sách.

3. Cân đối vốn đầu tư

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, trong đó vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng, kết hợp tiềm năng sức mạnh bên trong với khả năng có thể tranh thủ ở bên ngoài. Chiến lược lâu dài là phải huy động tối đa nguồn vốn trong nước để chiếm tỷ lệ cao trong đầu tư. Tuy nhiên, những năm đầu thời kỳ công nghiệp hoá đòi hỏi nguồn vốn lớn, mà vốn trong nước còn hạn hẹp, nên phải huy động thêm nguồn vốn bên ngoài cho nhu cầu đầu tư phát triển, trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế và trả được nợ. Để bảo đảm tốc độ GDP tăng 9 - 10%/năm thì vốn đầu tư xã hội trong 5 năm tới phải đạt 41 - 42 tỉ USD (tính theo mặt bằng giá 1995), trong đó vốn trong nước chiếm trên 50%. Tăng nhanh mức huy động vốn

thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển và mở rộng thị trường vốn bằng nhiều hình thức như: tiền gửi tiết kiệm dài hạn, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, kể cả việc phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, mở rộng các quỹ đầu tư và các hình thức huy động nguồn vốn nước ngoài. Từng bước hình thành thị trường chứng khoán.

Dự kiến cơ cấu các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội như sau:

Tổng vốn đầu tư từ ngân sách (bao gồm cả nguồn tích lũy từ thu ngân sách trong nước và một phần vốn ODA) chiếm 21%; vốn tín dụng nhà nước 7%; vốn doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư 24% (bao gồm khấu hao cơ bản để lại, lợi nhuận sau thuế, vay một phần ODA và vay trên thị trường vốn); vốn đầu tư của dân khoảng 17%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 31%.

Nếu tính riêng cơ cấu vốn đầu tư trong nước, thì vốn đầu tư từ ngân sách chiếm 25%, vốn tín dụng nhà nước chiếm 14%, vốn doanh nghiệp chiếm 28%, vốn của dân chiếm 33%.

Định hướng đầu tư phát triển toàn xã hội đối với các ngành và lĩnh vực kinh tế chủ yếu như sau: nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi chiếm 20%; công nghiệp chiếm 43%; hạ tầng giao thông, bưu điện chiếm 18%; hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, văn hoá, môi trường, khoa học công nghệ chiếm 14%; và đầu tư khác 5%.

Phần vốn nhà nước có thể chi phối trực tiếp được bao gồm: ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đầu tư chiếm trên 52%; trong đó cơ cấu nguồn vốn từ ngân sách được định hướng như sau: nông, lâm, ngư nghiệp,

thủy lợi chiếm 22%; giao thông, bưu điện chiếm 35%; hạ tầng xã hội chiếm 35%; các ngành khác gần 10%.

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp ưu tiên cho đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ. Đối với vốn đầu tư của dân và nguồn vốn FDI, Nhà nước thông qua cơ chế chính sách để định hướng, nhằm thực hiện cơ cấu đầu tư toàn xã hội đã nêu trên.

Một số quan hệ lớn về phân bổ nguồn vốn đầu tư:

Giữa vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác:

Trong khi tập trung đúng mức cho ba vùng kinh tế trọng điểm, phải đặc biệt coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng biên giới, vùng biển, đảo, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, dành nguồn lực thích đáng để giải quyết những nhu cầu bức xúc của các vùng khác.

Vốn ngân sách nhà nước và vốn ODA dành cho các dự án do các ngành trung ương trực tiếp quản lý sẽ được phân bổ đều cho các vùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Vốn đầu tư của ngân sách do địa phương quản lý bố trí khoảng 30% cho ba vùng kinh tế trọng điểm và 70% cho các vùng khác. Riêng vốn đầu tư của các doanh nghiệp, của dân cư và đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tỷ lệ đầu tư ở các vùng trọng điểm có thể cao hơn.

Giữa các ngành công nghiệp:

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến cho tiêu dùng và xuất khẩu chiếm 12% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 30% vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp).

Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng chiếm 30% vốn đầu tư toàn xã hội (khoảng 70% vốn đầu tư cho các

ngành công nghiệp) để xây dựng có chọn lọc một số công trình có nhu cầu cấp bách đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, có điều kiện về vốn, về thị trường và hoạt động có hiệu quả như điện, dầu và khí, xi măng, thép...

II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần

Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực *kinh tế nhà nước* để làm tốt vai trò chủ đạo. Xác định những ngành và lĩnh vực cần tập trung nguồn lực để củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước; phân định rõ và có cơ chế quản lý thích hợp đối với doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh. Tiếp tục tổ chức lại và sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước phù hợp với quy hoạch ngành, lãnh thổ. Tổng kết kinh nghiệm, hoàn chỉnh khuôn khổ pháp lý để triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo thêm động lực mới trong quản lý, huy động thêm vốn cho yêu cầu phát triển và điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Trong quá trình cổ phần hoá, tiên thu được do bán cổ phần của Nhà nước phải đầu tư lại để mở rộng sản xuất kinh doanh làm cho tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước ngày càng tăng lên, chứ cổ phần hoá không đồng nghĩa với tư nhân hoá. Có chính sách cụ thể tạo điều kiện và khuyến khích người lao động trong doanh nghiệp mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp. Bảo đảm các nguyên tắc công khai, đấu thầu, đấu giá trong cổ

phần hoá, ngăn ngừa việc xâm phạm tài sản nhà nước. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và sự phối hợp giữa các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thực hiện vai trò chủ sở hữu của Nhà nước đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước có góp vốn.

Tổng kết, rút kinh nghiệm và mở rộng các hình thức *kinh tế hợp tác* đa dạng của người lao động trong các ngành nghề trên cơ sở góp cổ phần và lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và cơ chế quản lý dân chủ, công khai về tài chính và kinh doanh. Thực hiện tốt Luật hợp tác xã. Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Tranh thủ nguồn vốn tài trợ quốc tế cho khu vực kinh tế này.

Phát triển đa dạng các hình thức *kinh tế tư bản nhà nước*, bao gồm các hình thức hợp tác, liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và với tư bản nước ngoài, nhằm động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của công cuộc xây dựng đất nước. Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa kinh tế nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài. Khuyến khích các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và các doanh nghiệp nhà nước hùn vốn và huy động các thành phần kinh tế khác cùng góp vốn thực hiện các dự án, hoặc để tăng tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam trong các công trình hợp tác, liên doanh với bên ngoài.

Giúp đỡ *kinh tế cá thể, tiểu chủ* giải quyết các khó khăn về vốn, công nghệ, thị trường và kinh nghiệm quản lý để mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn và có chính sách thích hợp khuyến khích họ tự tổ chức hoặc tham gia vào các tổ chức kinh tế hợp tác và các hình thức liên doanh, liên kết với kinh tế nhà nước.

Thực hiện các biện pháp chính sách để khuyến khích *kinh tế tư bản tư nhân* đầu tư vào sản xuất trong các ngành, các lĩnh vực phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển của đất nước. Bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở thực hiện Luật lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

2. Hoàn thiện cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước

Xây dựng đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường cho sự vận động năng động và có trật tự của cơ chế thị trường.

Chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động đi đôi với việc tăng cường vai trò của Nhà nước trong tổ chức quản lý và hướng dẫn việc sử dụng và thuê mướn lao động. Cụ thể hoá và thực hiện các quy định trong Bộ luật lao động, bảo đảm quyền của người lao động tự do tìm việc làm. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động và trả lương theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Ban hành những quy định cụ thể về sở hữu và sử dụng bất động sản, về quyền sử dụng đất. Quy định việc tính giá chuyển quyền sử dụng đất trong giá trị bất động sản. Tiên tộ hoá bất động sản thuộc sở hữu nhà nước làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước, chính sách phát triển các khu công nghiệp và khu dân cư mới, chính sách về nhà ở. Đối với đất nông nghiệp, ban hành quy định cụ thể cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trên nguyên tắc tuân theo quy hoạch và bảo đảm an toàn lương thực. Kiểm soát việc tích tụ ruộng đất canh tác, vừa khuyến khích sản xuất hàng hoá vừa ngăn chặn tình trạng người làm nông nghiệp không có đất sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Phát triển thị trường công nghệ đi đôi với triển khai thực hiện pháp lệnh về sở hữu công nghiệp và xúc tiến việc ban hành thể chế về quyền tác giả.

Phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để cho vay đầu tư phát triển. Mở rộng việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và xúc tiến chuẩn bị về thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc thiết lập thị trường chứng khoán và bảo đảm sự hoạt động lành mạnh của thị trường này.

Tiếp tục hoàn thiện và mở thêm nhiều loại hình thị trường hàng hoá và dịch vụ, với sự tham gia bình đẳng của các thành phần kinh tế. Nghiên cứu ban hành luật bảo đảm cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, chống cạnh tranh không lành mạnh và chống hạn chế thương mại.

Mở rộng đi đôi với tổ chức lại thị trường nội địa trên các vùng đô thị, nông thôn và miền núi.

Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá, hướng vào nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển các ngành, các vùng và toàn bộ nền kinh tế. Xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn. Nâng cao chất lượng các cân đối lớn và dự báo những khả năng và xu hướng phát triển làm cơ sở cho việc đề ra các mục tiêu kinh tế, các chính sách, giải pháp và định hướng về phân bổ nguồn lực để thực hiện. Nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư. Thiết lập quy chế kết hợp chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch với việc hoạch định chính sách và thể chế để dẫn dắt, điều hành nền kinh tế theo định hướng kế hoạch, xử lý kịp thời những mất cân đối và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Tiếp tục cải cách và xây dựng hệ thống tài chính, tiền tệ thành công cụ điều tiết vĩ mô nhạy bén và phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới chính sách thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích sản xuất kinh doanh và thúc đẩy thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy. Đơn giản hoá hệ thống thuế và biểu thuế suất; nâng tính ổn định của thuế, áp dụng thuế TVA thay cho thuế doanh thu; bổ sung thuế và phí sử dụng tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Xây dựng quy chế bảo đảm chi ngân sách tiết kiệm và có hiệu quả, nâng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, kiềm chế bội chi. Thực hiện chế độ kiểm soát chi ngân sách và tài chính công thông qua kho bạc và kiểm toán nhà nước.

Sớm hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia, thực hiện tốt Luật ngân sách nhà nước, đặc biệt là những quy định về phân cấp ngân sách.

Hoàn thiện cơ chế phát hành tiền và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện. Mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục chuyển các ngân hàng thương mại sang cơ chế kinh doanh đầy đủ. Phát triển ngân hàng phục vụ người nghèo với lãi suất ưu đãi và thể thức cho vay thích hợp. Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ngân hàng và nâng lên thành luật. Cho phép các định chế tài chính kinh doanh đa dạng, phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo đúng pháp luật và các quy định quản lý của Ngân hàng nhà nước. Khuyến khích phát triển, đa dạng hoá hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các thành phần kinh tế và mở ra hợp tác với nước ngoài; đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội. Quy định rõ quy mô và phạm vi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, phát huy tác dụng tích cực của họ trong việc đổi mới công nghệ ngân hàng, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Ngân hàng nhà nước.

Đổi mới từng bước cơ chế quản lý ngoại hối phù hợp với điều kiện thực tế. Xác định tỷ giá hợp lý của đồng tiền Việt Nam với một số ngoại tệ có quan hệ nhiều trong giao dịch, từng bước làm cho đồng tiền Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ.

3. Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới

Trên cơ sở xác định những mặt hàng luật pháp cấm kinh doanh, một số mặt hàng chỉ Nhà nước được kinh doanh và

một số mặt hàng phải quy định hạn ngạch, cho phép các đơn vị, chủ yếu là các đơn vị sản xuất có đăng ký kinh doanh được tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu với sự quản lý và hướng dẫn của Nhà nước. Cải tiến phương thức và cơ chế phân bổ hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Xây dựng đồng bộ chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm sự giúp đỡ về điều kiện sản xuất kinh doanh, chuyển giao công nghệ, tiếp thị và ưu đãi về thuế; hoàn thiện quy chế hoạt động của quỹ hỗ trợ xuất khẩu. Tách thuế nhập khẩu, không nhập làm một với thuế doanh thu (hoặc TVA) và thuế tiêu thụ đặc biệt; thu hẹp biểu thuế suất và giảm dần mức thuế nhập khẩu. Áp dụng danh mục và sự phân loại hàng hoá, quy chế hải quan phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định chung của các nước ASEAN, chuẩn bị cho tiến trình gia nhập khối mậu dịch tự do AFTA. Thực hiện bảo hộ sản xuất có chọn lọc và có thời hạn bằng các biện pháp thích hợp, hỗ trợ các cơ sở sản xuất nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và ngăn chặn buôn lậu.

Thống nhất từng bước chính sách đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Thử nghiệm việc cho phép công ty và người nước ngoài mua cổ phiếu của các công ty cổ phần trong nước kể cả các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, trong hạn mức quy định theo ngành nghề kinh doanh.

Xây dựng quy chế và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính các cấp trong việc kiểm tra thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép, giải quyết các trở ngại đối với việc thực hiện dự án, kiểm soát các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Bổ sung quy chế thành lập và hoạt động của các văn phòng đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam, tạo thuận

lợi cho công ty nước ngoài xúc tiến đầu tư, kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự quản lý của Nhà nước, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hoạt động trái pháp luật Việt Nam.

4. Cải cách hành chính

Nội dung cải cách nền hành chính đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) cần được triển khai thực hiện tích cực theo chương trình, kế hoạch. Tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ban hành các luật mới như: Luật thương mại, Luật ngân hàng, Luật hải quan, Luật bưu chính viễn thông, Luật điện, Luật xây dựng, Luật khoa học và công nghệ, Luật tài nguyên nước... Sửa đổi bổ sung các luật và pháp lệnh hiện hành về thuế, về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, về công ty, về doanh nghiệp tư nhân... Cải tiến việc ban hành văn bản pháp quy thi hành luật; bảo đảm tính thống nhất về nội dung, tính kịp thời và hiệu lực thi hành luật sau khi ban hành. Đẩy mạnh cải cách cơ bản thủ tục hành chính. Hoàn thành sớm việc ban hành và công bố các văn bản pháp quy về thủ tục hành chính đã được sửa đổi. rà soát văn bản pháp quy ở các cấp, xoá bỏ các quy định do ngành, địa phương ban hành trái với các văn bản pháp quy của Quốc hội và Chính phủ; xây dựng quy chế thông tin đối với dân về các quyết định và công việc của Nhà nước. Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường

xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong xã hội.

Sắp xếp lại bộ máy hành chính ở trung ương và địa phương, hợp nhất một số cơ quan quản lý chuyên ngành về kinh tế trên cơ sở xác định rõ và thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành. Cụ thể hoá sự phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan của Chính phủ với các cấp chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp hành chính; cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước và của thủ trưởng cơ quan hành chính. Bổ sung quy định về kiểm tra hành chính, chú trọng việc kiểm tra thường xuyên thông qua chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán; khắc phục tình trạng nhiều đoàn kiểm tra, thanh tra chồng chéo lên nhau, gây phiền hà và tốn kém cho cơ sở.

Ban hành quy chế công chức và chế độ công vụ, quy chế thi tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch khi tuyển dụng hoặc đề bạt chức vụ. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo mới và trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện quy hoạch bồi dưỡng và sắp xếp lại theo tiêu chuẩn chức danh; bố trí lại công việc hoặc đưa ra khỏi bộ máy những người không đủ năng lực thực thi nhiệm vụ; kiên quyết xử lý và sa thải những người thoái hoá, biến chất. Tăng cường biện pháp và phối hợp lực lượng đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, cửa quyền trong bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế nhà nước.

Xúc tiến thành lập Toà hành chính trong Toà án nhân

dân, bổ sung thể chế làm căn cứ cho việc xét xử. Xác định mô hình tổ chức và thủ tục tố tụng phù hợp với đặc điểm của các vụ kiện hành chính. Tuyển chọn và đào tạo bồi dưỡng thẩm phán hành chính.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.153-243.

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII
thông qua ngày 1-7-1996)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng.

*Chương I***ĐẢNG VIÊN****Điều 1:**

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2:

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3:

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị quy định.

Điều 5:

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu thấy không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Bộ Chính trị quy định.

Điều 7:

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

**NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC
VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG**

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan

lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11:

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12:

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Bộ Chính trị. Cấp ủy các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;

- Bầu cử bằng phiếu kín;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa.

Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13:

1. Cấp ủy khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp ủy viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, do cấp ủy xem xét đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; đối với ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ nào, khi có quyết định nghỉ hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy của tổ chức đảng đó.

Điều 14:

1. Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

2. Khi cần, cấp ủy lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

*Chương III***CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở TRUNG ƯƠNG****Điều 15:**

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16:

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17:

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Bộ Chính trị cử Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng; chuẩn bị các vấn đề trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định; chỉ đạo

thực hiện các chủ trương về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng; giải quyết công việc hằng ngày của Đảng.

Chương IV

**CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 18:

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 19:

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20:

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hàng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21:

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức

thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập: cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần; các cơ sở khác năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

4. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23:

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24:

1. Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập mỗi năm một lần; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

Chương VI

**TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN
NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Điều 25:

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và

Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp ủy đảng theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26:

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị.

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của

Bộ Chính trị và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27:

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và

một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 28:

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong Công an.

2. Cấp ủy công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp ủy cấp trên chỉ định. Cấp ủy lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29:

1. Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng ủy công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận, thị ủy được chỉ định tham gia.

*Chương VII***CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG
VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP****Điều 30:**

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33:

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

*Chương VIII***KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT****Điều 34:**

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 35:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;

- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;

- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một

trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39:

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và

đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40:

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Bộ Chính trị.

Chương IX

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC
VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Điều 41:

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42:

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do bầu cử lập ra, cấp ủy cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Đảng đoàn do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp ủy và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43:

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp ủy cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Ban cán sự đảng do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

*Chương X***ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH****Điều 44:**

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45:

Đảng viên còn trong tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46:

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Bộ Chính trị quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp ủy nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47:

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

**BÁO CÁO CHÍNH THỨC
KẾT QUẢ BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ,
ỦY BAN KIỂM TRA VÀ CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG**

**DANH SÁCH ỦY VIÊN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VIII)**

- | | | |
|----|-----------------|--|
| 1. | Đỗ Mười | Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng |
| 2. | Nguyễn Văn An | Phó Trưởng Ban Tổ chức
Trung ương |
| 3. | Lê Đức Anh | Chủ tịch nước |
| 4. | Lê Hồng Anh | Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang |
| 5. | Đỗ Văn Ân | Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sơn La |
| 6. | Võ Đông Ba | Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang |
| 7. | Nguyễn Bá | Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An |
| 8. | Nguyễn Đình Bin | Thứ trưởng Bộ Ngoại giao |
| 9. | Đào Đình Bình | Tổng Giám đốc Xí nghiệp
Liên hợp vận tải đường sắt
khu vực 3 |

10. Nguyễn Đức Bình Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
11. Nguyễn Mạnh Cẩm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
12. Nguyễn Văn Chi Phó Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương
13. Trần Thị Trung Chiến Thứ trưởng Bộ Y tế
14. Đặng Vũ Chú Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
15. Vũ Đình Cự Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
16. Võ Văn Cương Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
17. Phan Diễn Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
18. Nguyễn Cảnh Dinh Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam
19. Nguyễn Thị Doan Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại Hà Nội
20. Hồ Nghĩa Dũng Tổng Giám đốc Tổng Công ty thép Việt Nam
21. Nguyễn Tấn Dũng Thứ trưởng Bộ Nội vụ
22. Lê Văn Dũng Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 7
23. Phạm Thế Duyệt Nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội
24. Hà Quang Dự Bộ trưởng, phụ trách công tác thanh niên và thể thao

25. Đỗ Bình Dương Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Bắc
26. Nguyễn Khắc Dương Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 4
27. Lê Văn Dỹ Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
28. Trần Văn Đăng Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
29. Nguyễn Văn Đăng Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30. Nguyễn Khoa Điềm Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin
31. Lưu Văn Điền Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ
32. Chamaléa Điêu Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận
33. Lương Công Đoan Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên
34. Trương Quang Được Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
35. Nguyễn Văn Được Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 5
36. Trần Xuân Giá Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
37. Nguyễn Bình Giang Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh
38. Phạm Minh Hạc Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
39. Nguyễn Ngô Hai Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái

40. Bùi Hữu Hải Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phú
41. Trần Mai Hạnh Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam
42. Nguyễn Thị Hằng Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
43. Cù Thị Hậu Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
44. Nguyễn Minh Hiến Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
45. Nguyễn Huy Hiệu Thiếu tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
46. Nguyễn Văn Hiệu Chủ tịch Hội đồng Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia
47. Trương Mỹ Hoa Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
48. Trần Hòa Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
49. Trần Đình Hoan Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
50. Nguyễn Đức Hoan Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
51. Trần Thị Minh Hoàng Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

52. Vũ Tuyên Hoàng Viện trưởng Viện Cây lương thực và thực phẩm
53. Đặng Thành Học Bí thư Tỉnh ủy Minh Hải
54. Hoàng Văn Hôn Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình
55. Nguyễn Thị Kim Hồng Thứ trưởng Bộ Thương mại
56. Võ Nhân Huân Đại tá, Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân
57. Bùi Văn Huấn Đại tá, Phó Tư lệnh Quân khu 9
58. Vũ Quốc Hùng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
59. Nguyễn Sinh Hùng Thứ trưởng Bộ Tài chính
60. Phan Thế Hùng Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương
61. Võ Đức Huy Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
62. Bùi Quang Huy Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh
63. Lê Minh Hương Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
64. Đặng Hữu Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường
65. Phan Văn Khải Phó Thủ tướng Chính phủ
66. Phạm Gia Khiêm Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
67. Hà Thị Khiết Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

68. Vũ Khoan Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
 69. Đinh Hữu Khóa Phó Văn phòng Trung ương Đảng
 70. Đoàn Khuê Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
 71. Cao Sỹ Kiêm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 72. Phan Trung Kiên Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng quân sự Thành phố Hồ Chí Minh
 73. Đoàn Văn Kiển Tổng Giám đốc Tổng Công ty than Việt Nam
 74. Võ Văn Kiệt Thủ tướng Chính phủ
 75. Vũ Trọng Kim Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
 76. Hoàng Kỳ Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 3
 77. Vũ Ngọc Kỳ Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
 78. Mai Thúc Lâm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng
 79. Đào Trọng Lịch Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2
 80. Mai Kiều Liên Tổng Giám đốc Công ty sữa Việt Nam
 81. Ngô Xuân Lộc Bộ trưởng Bộ Xây dựng
 82. Trần Đức Lương Phó Thủ tướng Chính phủ
 83. Bùi Danh Lưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
 84. Nông Đức Mạnh Chủ tịch Quốc hội

85. Vũ Mão Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
 86. Nguyễn Ánh Minh Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng
 87. Nguyễn Thị Minh Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
 88. Đặng Vũ Minh Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên - công nghệ quốc gia
 89. Nguyễn Thị Xuân Mỹ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương
 90. Đỗ Hoài Nam Viện trưởng Viện Kinh tế Trung tâm Khoa học xã hội - nhân văn quốc gia
 91. Mai Văn Năm Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk
 92. Thái Phụng Nê Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện Việt Nam
 93. Phạm Thanh Ngân Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
 94. Hoàng Đức Nghi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi
 95. Phạm Quang Nghị Phó Trưởng Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương
 96. Hồ Tiến Nghi Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam
 97. Hoàng Văn Nghiên Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

98. Lê Huy Ngọ	Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
99. Tạ Quang Ngọc	Thứ trưởng Bộ Thủy sản
100. Trần Minh Ngọc	Bí thư Tỉnh ủy Nam Hà
101. Võ Hồng Nhân	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp
102. Nguyễn Dy Niên	Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
103. Tráng A Pao	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai
104. Nguyễn Tấn Phát	Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
105. Lê Khả Phiêu	Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
106. Phạm Thanh Phong	Bí thư Tỉnh ủy Long An
107. Tòng Thị Phóng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La
108. Lâm Phú	Phó cơ quan đại diện Khóme Nam Bộ
109. Võ Hồng Phúc	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
110. Ksor Phước	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai
111. Đỗ Nguyên Phương	Bộ trưởng Bộ Y tế
112. Lò Văn Puồn	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu
113. Trần Hồng Quân	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
114. Nguyễn Văn Quân	Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long

115. Nguyễn Duy Quý	Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia
116. Nguyễn Văn Rinh	Thiếu tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng
117. Nguyễn Văn Rốp	Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh
118. Tô Huy Rứa	Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
119. Chu Văn Rỵ	Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
120. Trương Tấn Sang	Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
121. Nguyễn Văn Sơn	Phó Ban Đối ngoại Trung ương
122. Phạm Thị Sơn	Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu
123. Bùi Văn Sơn	Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Hà
124. Đỗ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam
125. Nguyễn Công Tạn	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
126. Hoàng Tanh	Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn
127. Sô Lây Tăng	Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum
128. Nguyễn Văn Tâm	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây
129. Nông Hồng Thái	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

130. Tạ Hữu Thanh	Tổng Thanh tra Nhà nước
131. Nguyễn Phúc Thanh	Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần
132. Trần Thị Thanh Thanh	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em
133. Tô Tử Thanh	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
134. Võ Thị Thắng	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
135. Trương Công Thận	Bí thư Tỉnh ủy An Giang
136. Đào Trọng Thi	Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
137. Ngô Yên Thi	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế
138. Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Biên tập báo Nhân Dân
139. Phạm Văn Thọ	Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng
140. Nguyễn Văn Thới	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
141. Nguyễn Thị Hoài Thu	Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
142. Hoàng Thừa	Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
143. Lê Thế Tiệm	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân
144. Nguyễn Khánh Toàn	Đại tá, Tổng cục trưởng Tổng cục I, Bộ Nội vụ
145. Ma Thanh Toàn	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 1

146. Tô Xuân Toàn	Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình
147. Phạm Văn Trà	Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Tổng Tham mưu trưởng
148. Hà Mạnh Trí	Ủy viên Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội
149. Nguyễn Thế Trị	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3
150. Nguyễn Minh Triết	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sông Bé
151. Nguyễn Đức Triều	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
152. Đỗ Ngọc Trinh	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
153. Nguyễn Tấn Trịnh	Bộ trưởng Bộ Thủy sản
154. Nguyễn Phú Trọng	Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản
155. Trương Vĩnh Trọng	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
156. Đinh Trung	Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận
157. Đỗ Quang Trung	Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
158. Vũ Xuân Trường	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình
159. Lê Văn Tu	Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa
160. Trần Văn Tuấn	Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội

161. Lê Xuân Tùng	Bí thư Thành ủy Hà Nội
162. Trương Đình Tuyển	Thứ trưởng Bộ Thương mại
163. Nguyễn Văn Tư	Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
164. Nguyễn Đình Tú	Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương
165. Nguyễn Thị Hồng Vân	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
166. Hồ Đức Việt	Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
167. Hồng Vinh (Nguyễn Duy Liệu)	Phó Tổng Biên tập báo Nhân Dân
168. Trần Văn Vụ	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng
169. Lê Danh Xương	Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng
170. Nguyễn Văn Yếu	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội

**DANH SÁCH BỘ CHÍNH TRỊ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)**

1. Đỗ Mười
2. Lê Đức Anh
3. Võ Văn Kiệt
4. Nông Đức Mạnh
5. Lê Khả Phiêu
6. Đoàn Khuê
7. Phan Văn Khải
8. Nguyễn Mạnh Cẩm
9. Nguyễn Đức Bình
10. Nguyễn Văn An
11. Phạm Văn Trà
12. Trần Đức Lương
13. Nguyễn Thị Xuân Mỹ
14. Trương Tấn Sang
15. Lê Xuân Tùng
16. Lê Minh Hương
17. Nguyễn Đình Tú
18. Phạm Thế Duyệt
19. Nguyễn Tấn Dũng.

DANH SÁCH THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)

1. Đỗ Mười
2. Lê Đức Anh
3. Võ Văn Kiệt
4. Lê Khả Phiêu
5. Nguyễn Tấn Dũng.

DANH SÁCH
ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)

1. Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Chủ nhiệm
2. Trương Vĩnh Trọng
3. Vũ Quốc Hùng
4. Nguyễn Văn Thám
5. Nguyễn Anh Liên
6. Hoàng Kim Sơn
7. Nguyễn Minh Niên.

DANH SÁCH CỐ VẤN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)

1. Nguyễn Văn Linh
2. Phạm Văn Đồng
3. Võ Chí Công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 28-6-1996 đến ngày 1-7-1996 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1- Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2- Thông qua Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII căn cứ vào kết quả biểu quyết và kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

3- Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung sửa đổi.

4- Giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII và các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động thiết thực để tổ

chức thực hiện những chủ trương đã nêu trong các văn kiện được Đại hội thông qua.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, vượt mọi khó khăn, hăng hái phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hà Nội, ngày 1-7-1996

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1996, tr.244-245.

**DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VIII**

**(Do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,
đọc ngày 1-7-1996)**

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách quốc tế,

Sau những ngày làm việc khẩn trương, hôm nay chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII có đủ năng lực và phẩm chất gánh vác trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, thể hiện tính liên tục, kế thừa, tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

nghĩa. Đại hội mong mỏi và tin tưởng rằng các đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII sẽ ra sức học tập nâng cao trình độ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc trọng trách được giao, gương mẫu giữ gìn tư cách, phẩm chất, xứng đáng là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến vừa qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương khoá VII không tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, tạo điều kiện trẻ hoá cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Chúng ta chúc các đồng chí luôn mạnh khoẻ, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp quý báu của các đồng chí Cố vấn và các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương khoá VII. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã trân trọng đề nghị ba đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã đem đến Đại hội, đến Đảng và nhân dân Việt Nam những tình cảm quý báu, chân tình, góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội VIII cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã làm việc tận tụy phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thư các đồng chí,

Đại hội VIII đã thành công tốt đẹp. Thành công đó là niềm vui lớn và nguồn cổ vũ đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Kết quả của Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

Đại hội VIII của Đảng là đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, cần được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, đồng tâm nhất trí, ra sức phấn đấu hoàn thành mục tiêu và những công việc do Đại hội VIII đề ra.

Trước mắt chúng ta có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng không ít khó khăn, thử thách. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân hãy nâng cao quyết tâm và hành động thiết thực góp phần phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, nỗ lực thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trong thời kỳ mới, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Hơn lúc nào hết, chúng ta ghi nhớ và quyết làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Đây chính là nhân tố quyết định thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

Trong niềm hân hoan, phấn khởi về thành công của Đại hội, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 1996, tr.246-250.

CÔNG VĂN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-CV/TW, ngày 8 tháng 7 năm 1996

Về đề nghị Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chỉnh lý, hoàn chỉnh và ban hành văn kiện Đại hội VIII*

Vừa qua Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã giao Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII căn cứ vào ý kiến kết luận của Đại hội để chỉnh lý Điều lệ Đảng, Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và chính thức ban hành.

Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị thay mặt Ban Chấp hành Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc chỉnh lý, xét duyệt và chính thức ban hành các văn kiện của Đại hội VIII nói trên đây.

Đề nghị các đồng chí cho ý kiến về việc này và gửi ý kiến

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

về Thường vụ Bộ Chính trị qua Văn phòng Trung ương trước ngày 15-7-1996.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 01-TB/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1996

**Về phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội
giai đoạn 1996 - 2000**

Thường vụ Bộ Chính trị đã cho ý kiến về phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội trong giai đoạn 1996 - 2000. Có ba hướng lớn phục vụ cho sự lãnh đạo của Đảng là:

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam;
- Chủ nghĩa tư bản hiện đại;
- Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của

Đảng trong thời kỳ mới.

Sau đây là ý kiến chỉ đạo việc cụ thể hoá và triển khai các hướng nghiên cứu nói trên:

I. Hướng nghiên cứu về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam được triển khai bằng bốn chương trình sau:

- 1- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.
- 2- Phương hướng, mục tiêu, tiến trình và những giải pháp nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3- Xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa và sự biến đổi về giai tầng xã hội.

4- Phát triển văn hoá, xây dựng con người mới trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những chính sách xã hội tương ứng để phát huy mạnh mẽ nhân tố con người.

II. Hướng nghiên cứu về xây dựng Đảng trong thời kỳ mới được thực hiện bằng một chương trình:

5- Tăng cường vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

III. Hướng nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại được thực hiện bằng một chương trình:

6- Những vấn đề về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Ngoài sáu chương trình thuộc ba hướng nghiên cứu lớn, còn có chương trình Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chương trình đặc biệt này sẽ được Bộ Chính trị quản lý đặc biệt, giao cho Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ thực hiện.

Thường vụ Bộ Chính trị giao cho đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách khối Tư tưởng - Văn hoá và khối Khoa giáo phối hợp với đồng chí Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh chỉ đạo Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và các cơ quan liên quan cụ thể hoá các chương trình nghiên cứu thành các đề tài và hình thành Ban Chỉ đạo các chương trình nói trên.

Thời gian nghiệm thu các đề tài của chương trình hướng I và II vào các năm 1998 - 1999 và nghiệm thu toàn bộ hai

chương trình đó vào năm 1999 để cung cấp cơ sở khoa học cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-QĐ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1996

Về phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII

Tại các phiên họp ngày 4-7 và 10-8-1996, Bộ Chính trị đã quyết định phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị như sau:

1- Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

2- Đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, phụ trách lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương.

3- Đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ, phụ trách lĩnh vực nội chính, chỉ đạo Thành phố Hồ Chí Minh; tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương.

4- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Bí thư Đảng đoàn Quốc hội, phụ trách vấn đề dân tộc.

5- Đồng chí Lê Khả Phiêu, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, chỉ đạo Tổ công tác I, tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương.

6- Đồng chí Đoàn Khuê, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng, Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

7- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực, phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính, ngân hàng.

8- Đồng chí Nguyễn Mạnh Cẩm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Ngoại giao, phụ trách lĩnh vực đối ngoại về chính trị (nhà nước, đảng, đoàn thể).

9- Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách lĩnh vực tư tưởng - văn hoá - khoa giáo, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

10- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

11- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Thứ trưởng Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương.

12- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, phụ trách lĩnh vực kinh tế đối ngoại, điều hành sản xuất, xây dựng; trực tiếp chỉ đạo Ban Biên giới và Ban chỉ đạo các vấn đề về Biển Đông và hải đảo.

13- Đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

14- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

15- Đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

16- Đồng chí Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Nội vụ, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương.

17- Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, phụ trách dân vận, Mặt trận, đoàn thể, đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

18- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, chỉ đạo kinh tế đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-CT/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1996

VỀ VIỆC PHỔ BIẾN QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI Nghị quyết Đại hội VIII

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta.

Nghị quyết của Đại hội cần được tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân theo các yêu cầu, nội dung và phương thức sau:

I- YÊU CẦU

1- Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt Nghị quyết của Đại hội; nhận thức đúng tình hình trong bước chuyển sang thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; nhận thức đúng nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngang tầm đòi hỏi của cách mạng. Qua đó, nâng cao sự

thống nhất tư tưởng và hành động, nâng cao lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới và con đường xã hội chủ nghĩa.

2- Quá trình tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết Đại hội cần gắn chặt với việc điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ do Đại hội đề ra ngay từ năm đầu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; đồng thời tạo được chuyển biến cụ thể trong hoạt động của hệ thống chính trị các cấp.

3- Quá trình tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết Đại hội cần gắn chặt với việc đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, phản động, làm thất bại mưu toan “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

4- Công tác tuyên truyền, giáo dục cần sát với từng đối tượng, gắn với tình hình cụ thể của địa phương, ngành, đơn vị, có hiệu quả thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

II- NỘI DUNG

Nội dung tuyên truyền, giáo dục là các văn kiện của Đại hội: Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về các văn kiện trình Đại hội VIII. Trong đó tập trung vào các chủ đề sau:

1- Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm đổi mới.

2- Thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3- Phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4- Chăm lo phát triển nguồn lực con người, thực hiện công bằng xã hội.

5- Mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình kinh tế - xã hội lớn trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

6- củng cố quốc phòng, an ninh.

7- Mở rộng quan hệ đối ngoại.

8- Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9- Xây dựng Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Trên cơ sở các chủ đề trên, tổ chức biên soạn các tài liệu phù hợp với các loại đối tượng khác nhau.

III- PHƯƠNG THỨC TIẾN HÀNH

1. Thông báo nhanh kết quả Đại hội

- Không tổ chức hội nghị cán bộ toàn quốc.

- Các đại biểu Đại hội tổ chức thông báo nhanh kết quả Đại hội cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của địa phương, các ngành, đoàn thể và các cơ quan Trung ương.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống tuyên truyền miệng tiếp tục thông tin, tuyên truyền về kết quả Đại hội.

- Tài liệu: sử dụng tài liệu do Văn phòng Trung ương biên soạn (đã phát cho các đại biểu dự Đại hội VIII và Ban Tuyên giáo các địa phương, các khối trực thuộc Trung ương).

2. Tổ chức nghiên cứu sâu các văn kiện Đại hội

a) Tổ chức các lớp cán bộ lãnh đạo chủ chốt nghiên cứu văn kiện Đại hội

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các đối tượng sau:

Các Ủy viên Trung ương khoá VIII, các ủy viên thường vụ tỉnh ủy, các bí thư huyện ủy, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước ở các bộ, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương, bí thư đảng ủy các tổng công ty và các doanh nghiệp lớn.

Nội dung các bài giảng:

+ Một số vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (bốn kết luận của Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia về các bộ môn Mác - Lênin).

+ Một số nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam.

+ Những bài học của 10 năm đổi mới.

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mục tiêu và những giải pháp lớn.

+ Xây dựng từng bước quan hệ sản xuất mới.

+ Về cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Giáo dục và đào tạo với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

+ Khoa học và công nghệ với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

+ Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt (trong đó đặc biệt chú ý vấn đề cán bộ).

Thời gian mở lớp: cuối năm 1996 và đầu năm 1997 (mỗi lớp khoảng 15 - 20 ngày).

- Các phân viện của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở các lớp bồi dưỡng cho các đối tượng được phân cấp (ngoài các chức danh nêu trên) trên cơ sở tài liệu các lớp cao cấp nói trên.

Thời gian: Quý I năm 1997.

b) Hệ thống tuyên giáo từ trung ương đến tỉnh mở các lớp nghiên cứu cho báo cáo viên, cán bộ tuyên giáo, lãnh đạo các hội văn học nghệ thuật, báo đài, nhà xuất bản và các đối tượng là cán bộ, chuyên viên không thuộc diện các đối tượng học ở Học viện và Phân viện.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có kế hoạch hướng dẫn và biên soạn tài liệu cho các đối tượng này, kết hợp sử dụng tài liệu của các lớp cao cấp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thời gian: Quý I năm 1997.

c) Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng hè cho cán bộ lãnh đạo cấp trường, cấp khoa và giáo viên Mác - Lênin trong hệ thống giáo dục quốc dân.

d) Đảng đoàn các Hội Liên hiệp Văn học - nghệ thuật chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương tổ chức các lớp nghiên cứu văn kiện Đại hội cho hội viên các hội.

đ) Ban Cán sự đảng Ngoài nước chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương,

Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao có kế hoạch tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội cho cán bộ, đảng viên và người ngoài đảng đang công tác, lao động và học tập ở nước ngoài và xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại.

3. Hệ thống trường Đảng, trường Nhà nước (trường hành chính và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân), trường đoàn thể cần đưa những quan điểm tư tưởng, đường lối Đại hội VIII vào nội dung nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị và khoa học - xã hội.

4. Các cơ quan nhà nước theo chức năng, quyền hạn được giao tiến hành thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đại hội thành luật pháp, các chính sách, giải pháp cụ thể, tích cực đưa đường lối của Đại hội vào cuộc sống.

5. Trên cơ sở quán triệt các Nghị quyết Đại hội VIII, các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn và tổ chức đảng ở các cấp cần rà lại các chương trình hành động đã xác định trước Đại hội để bổ sung, điều chỉnh những điều cần thiết cho phù hợp Nghị quyết Đại hội VIII, đồng thời bàn kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình đó.

6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, hiệp hội có kế hoạch cụ thể tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên, tổ chức các phong trào quần chúng rộng rãi thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên về Nghị quyết Đại hội trên các phương tiện thông tin đại chúng theo kế hoạch do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đề xuất và chỉ đạo.

8. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và đảng bộ cơ sở, bám sát nội dung Nghị quyết Đại hội VIII và đại hội các cấp,

gắn việc quán triệt tư tưởng, quan điểm, nâng cao nhận thức với việc thực hiện các nhiệm vụ thiết thực của chi bộ và của mỗi đảng viên, tạo ra sự chuyển biến cụ thể trong hành động của các tổ chức đảng, nói đi đôi với làm.

Các cấp ủy đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành chịu trách nhiệm lãnh đạo trực tiếp đợt quán triệt này và thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị.

Các ban của Trung ương giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, theo dõi tình hình thực hiện Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1996

Về một số dự án pháp lệnh

Tại phiên họp ngày 10-8-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề trong dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, và dự án Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý bổ sung vào Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được giao đất, cho thuê đất quy định Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho một số tổ chức kinh tế, cụ thể là:

- Tổ chức kinh tế sử dụng đất vào mục đích xây dựng nhà ở để bán *cho công dân Việt Nam* hoặc cho thuê.
- Tổ chức kinh tế sử dụng đất nhằm mục đích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền sử dụng đất gắn liền với kết cấu hạ tầng đó.

2. Về dự án Pháp lệnh dự bị động viên

- Việc trưng mua, trưng dụng phương tiện kỹ thuật, pháp

lệnh chỉ nên đề cập đến những vấn đề chung cho thời bình và thời chiến theo tinh thần Điều 23, Hiến pháp năm 1992.

- Giao cho Chính phủ căn cứ vào pháp luật để quy định các trường hợp cụ thể được huy động một số đơn vị dự bị động viên để bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ khi chưa có lệnh động viên; quy định thẩm quyền, thời hạn, số lượng đơn vị dự bị động viên được huy động đi làm nhiệm vụ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 05-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1996

**Về giải thể hai Tổ phái viên I và II của Đảng
và Chính phủ**

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, Ban Bí thư khoá VII đã quyết định lập hai Tổ phái viên I và II trực tiếp giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ. Đến nay hai Tổ phái viên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị trong phiên họp ngày 10-8-1996 về tổ chức cán bộ,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

- 1- Giải thể hai Tổ phái viên I và II của Đảng và Chính phủ.
- 2- Ban Cán sự đảng Chính phủ, Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các thành viên trong hai Tổ phái viên I và II thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 01-TT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1996

**Về việc tăng cường lãnh đạo Hội Chữ thập đỏ
Việt Nam**

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là một tổ chức xã hội - nhân đạo, có vị trí, vai trò quan trọng. Hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập ngày 23-11-1946 và làm Chủ tịch danh dự đầu tiên.

Từ ngày thành lập đến nay, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã có nhiều cố gắng vận động nhân dân tích cực tham gia hoạt động nhân đạo, vì đời sống và sức khoẻ nhân dân, giúp đỡ thiết thực những người khó khăn, bất hạnh. Hội đã đóng góp xứng đáng vào việc duy trì và phát triển truyền thống nhân ái của dân tộc, triển khai có hiệu quả nhiều chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Thông qua các hoạt động nhân đạo, Hội đã góp phần giáo dục hội viên và nhân dân tinh thần yêu nước, tình nghĩa đồng bào, nâng cao nhận thức về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Hội có nhiều hoạt động tích cực trong việc mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ viện trợ nhân đạo của Hội Chữ thập đỏ các quốc gia và các tổ chức phi chính phủ, góp phần khắc

phục hậu quả thiên tai và chiến tranh, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị với các dân tộc.

Để đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, phát huy vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1- Lãnh đạo tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp nhân đạo, nâng cao tinh thần tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách, giữ gìn và phát huy truyền thống nhân ái tốt đẹp của dân tộc. Trong tuyên truyền kết quả hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam 50 năm qua cần chú ý biểu dương những điển hình tiên tiến, những đơn vị và cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác nhân đạo.

2- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo. Động viên nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “làm nhiều việc thiện”, đóng góp xây dựng các quỹ tình thương, góp phần thực hiện các chính sách bảo trợ trẻ mồ côi, lang thang, cơ nhỡ; người già yếu cô đơn; nạn nhân chiến tranh; người tàn tật và người gặp rủi ro... Trước mắt cần làm tốt việc vận động nhân dân cả nước, các tổ chức quốc tế hỗ trợ đồng bào các vùng bị bão lụt vừa qua khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định cuộc sống và sản xuất.

3- Nội dung hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mang tính chất xã hội và cộng đồng, vì vậy cần lãnh đạo Hội

tập trung hướng về cơ sở, bám sát hoạt động thực tiễn, đời sống, sức khỏe của nhân dân, tương trợ, hỗ trợ đúng đối tượng, chống các hiện tượng lợi dụng hoạt động nhân đạo, từ thiện tham ô tiền bạc đóng góp của nhân dân và hàng viện trợ của nước ngoài.

4- Các cấp ủy đảng thường xuyên chỉ đạo hoạt động của các cấp hội, tạo điều kiện để Hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

5- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có những biện pháp tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện về mọi mặt để Hội phát huy tốt vai trò nòng cốt trong công tác nhân đạo, góp phần thực hiện tốt chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, giữ gìn và phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc.

6- Năm nay kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Hội, các cấp ủy đảng cần lãnh đạo các cấp hội tổ chức tốt lễ kỷ niệm với tinh thần thiết thực, tiết kiệm. Coi trọng việc lãnh đạo tổ chức các phong trào thi đua hành động nhân đạo ở cơ sở và xây dựng Hội vững mạnh. Động viên, biểu dương kịp thời những gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo những năm qua.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn phối hợp lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 04-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996

Về dự án Luật thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong phiên họp ngày 20-9-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề trong dự Luật thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1- Việc ban hành Luật thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật là yêu cầu cấp thiết hiện nay nhằm:

- Lập lại trật tự, kỷ cương trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tình trạng ra văn bản không đúng thẩm quyền, chồng chéo, mâu thuẫn.

- Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tình trạng chất lượng thấp, không sát thực tế, không thật đúng với đường lối của Đảng, không có khả năng thực thi trong cuộc sống.

2- Đồng ý Luật này điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp

luật của các cơ quan Trung ương. Về cơ bản, nội dung dự luật được chuẩn bị tốt, Bộ Chính trị nhấn mạnh thêm một số điểm sau:

- Việc xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và dài hạn, cần cân nhắc và lựa chọn trúng những vấn đề cấp bách, thiết thực và tập trung sức làm tốt. Khi đưa vào chương trình xây dựng phải có luận chứng, xác định rõ yêu cầu, quan điểm chỉ đạo. Tránh tình trạng xác định chương trình tràn lan, ngành nào cũng muốn có luật, dễ làm, khó bỏ.

- Việc lấy ý kiến nhân dân về các dự luật, pháp lệnh phải thiết thực, tránh hình thức, lãng phí; chú trọng lấy ý kiến các chuyên gia hoặc người am hiểu về lĩnh vực mà dự thảo đề cập đến. Làm thật tốt khâu soạn thảo, thẩm tra để Quốc hội có thể thông qua nhanh hơn, có chất lượng hơn.

- Trong thời gian trước mắt, ngoài luật, vẫn cần có pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị định của Chính phủ để điều chỉnh đối với những vấn đề chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật, để kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội. Nhưng phải phấn đấu giảm dần pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị định loại này của Chính phủ.

- Chính phủ chịu trách nhiệm về nội dung của các nghị định do Chính phủ ban hành.

*

* *

Căn cứ các ý kiến trên đây, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc chỉnh lý dự án luật

trình Quốc hội; nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996

Về dự án Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
(sửa đổi)

Trong phiên họp ngày 19 và 20-9-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề trong dự án Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi), Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Dự án Luật này phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Tạo môi trường pháp lý hấp dẫn hơn nữa để thu hút vốn đầu tư nước ngoài; góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường sự hội nhập kinh tế nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, khắc phục thiếu sót, sơ hở của Luật hiện hành.

2- Về lĩnh vực khuyến khích đầu tư, cần bổ sung thêm: trước hết khuyến khích đầu tư cho lĩnh vực sản xuất, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu.

3- Về các tổ chức Việt Nam được phép liên doanh với các tổ chức, cá nhân nước ngoài:

- Cần giữ lại quy định của Luật hiện hành: “Các tổ chức kinh tế tư nhân Việt Nam được hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực và điều kiện do Chính phủ quy định” (điểm 5, Điều 3).

- Bổ sung thêm các tổ chức: bệnh viện; trường dạy nghề; viện nghiên cứu và trường học trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên được hợp tác liên doanh với nước ngoài; giao cho Chính phủ quy định cụ thể vấn đề này trên cơ sở các nguyên tắc của Luật đầu tư nước ngoài.

4- Về khu công nghiệp:

- Nên xác định có ba loại khu công nghiệp: khu công nghiệp do các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư; khu công nghiệp do các nhà đầu tư trong nước đầu tư; khu công nghiệp do các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài cùng hợp tác đầu tư.

Trong Luật này không nên quy định việc đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam vào khu công nghiệp.

5- Các nhà đầu tư nước ngoài xây dựng công trình hạ tầng có thể ký hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao và các hình thức hợp đồng tương tự khác với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

- Chính phủ căn cứ vào những nguyên tắc quy định trong Luật này để quy định cụ thể về đầu tư theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao và các hình thức hợp đồng tương tự như: xây dựng - chuyển giao - kinh doanh; xây dựng - chuyển giao.

6- Về vấn đề góp vốn của bên Việt Nam bằng giá trị quyền sử dụng đất, nguồn tài nguyên, mặt nước, mặt biển.

- Luật này chỉ nên quy định chung là bên Việt Nam được góp vốn bằng giá trị sử dụng đất; những vấn đề cụ thể do pháp luật đất đai quy định.

- Cho phép bên Việt Nam được góp vốn trong nguồn tài nguyên, mặt nước, mặt biển theo quy định của Chính phủ như Luật hiện hành quy định.

7- Về việc hoàn thuế trong trường hợp dùng lợi nhuận đầu tư.

Việc hoàn thuế lợi tức cho phần lợi nhuận tái đầu tư chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc diện khuyến khích đầu tư. Chính phủ quy định tỷ lệ hoàn thuế tùy thuộc vào lĩnh vực, địa bàn, hình thức và thời hạn đầu tư.

8- Về vấn đề chuyển giao công nghệ.

Không nên quy định trong Luật thời hạn cụ thể chuyển giao công nghệ; chỉ nên thể hiện vấn đề này theo tinh thần khuyến khích bên nước ngoài chuyển giao công nghệ càng sớm càng tốt. Thời hạn chuyển giao công nghệ đối với mỗi dự án được ghi trong hợp đồng đầu tư cụ thể.

9- Về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

Tập trung quyền cấp giấy phép đầu tư vào cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tùy theo tính chất và quy mô của dự án, có thể phân cấp cho tỉnh, thành phố và các ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất có đủ điều kiện được cấp giấy phép đầu tư trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch của Trung ương. Chính phủ quy định cụ thể vấn đề này.

10- Cần nghiên cứu để thống nhất từng bước chính sách

đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài để đến năm 2000 có một luật chung về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Đồng ý về nguyên tắc cho làm thử ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh việc cho phép nước ngoài đầu tư xây dựng khu đô thị mới.

*

* *

Căn cứ các ý kiến trên đây, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc chỉnh lý dự án để trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu xét thấy có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-TB/TW, ngày 7 tháng 10 năm 1996

Về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh

Trong phiên họp ngày 3-10-1996, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh.

Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1- Đồng ý điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh dưới đây:

- Chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành hai đơn vị: thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương và tỉnh Quảng Nam.

- Chia tỉnh Vĩnh Phú thành hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc.

- Chia tỉnh Hà Bắc thành hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh.

- Chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

- Chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

- Chia tỉnh Nam Hà thành hai tỉnh Nam Định và Hà Nam.

2- Đổi tên tỉnh Thừa Thiên - Huế là thành phố Huế (trực thuộc Trung ương).

3- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ cùng

với các tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện chủ trương trên theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu tiết kiệm, ngăn chặn tham nhũng, không làm thất thoát tài sản của Nhà nước, tổ chức bộ máy và biên chế gọn nhẹ, đảm bảo được sự đoàn kết trong cán bộ và nhân dân, nhanh chóng ổn định tình hình, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững an ninh chính trị và trật tự trên địa bàn.

4- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu địa giới hành chính một số tỉnh có quy mô lớn về diện tích, dân số... ở phía Nam (như Sông Bé, Long An, Minh Hải). Nếu thấy có đủ cơ sở và chuẩn bị kịp thì cho điều chỉnh. Cần coi trọng sự tham gia đóng góp ý kiến của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tại địa phương trong việc quyết định và thực hiện chủ trương này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 07-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1996

**Về việc điều chỉnh địa giới hành chính
các tỉnh Sông Bé, Long An, Minh Hải**

Trong phiên họp ngày 10-10-1996, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày về việc điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Sông Bé, Long An, Minh Hải.

Bộ Chính trị đã kết luận:

1- Đồng ý cho tách ba tỉnh Sông Bé, Long An, Minh Hải thành sáu tỉnh.

2- Giao Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc này đảm bảo các yêu cầu như đã nêu tại điểm 3, Thông báo số 06-TB/TW, ngày 7-10-1996 của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CÔNG VĂN

CỦA VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Số 900-CV/VPTW, ngày 11 tháng 10 năm 1996

Thông báo ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị về quy hoạch tổng thể về khí đến năm 2010*

Ngày 2-10-1996, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày quy hoạch tổng thể về khí đến năm 2010, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

Về định hướng và mục tiêu.

Quy hoạch phát triển khí phải gắn với quy hoạch dầu khí và các nguồn năng lượng khác nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tiềm năng khí đốt của nước ta so với nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước không phải là nhiều, việc khai thác chỉ nên để sử dụng cho các yêu cầu trong nước, không đặt vấn đề xuất khẩu khí. Vì vậy, quy mô khai thác khí phải tương ứng với việc phát triển công nghiệp chế biến và sử dụng khí, dùng đến đâu, khai thác đến đó.

Phấn đấu xây dựng nền công nghiệp dầu khí Việt Nam

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

(bao gồm cả khâu tìm kiếm, thăm dò, khai thác và chế biến); áp dụng công nghệ tiên tiến để chống lãng phí trong từng khâu, đảm bảo khai thác và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao các nguồn năng lượng.

Tăng cường tìm kiếm, thăm dò để sớm có các dự án khai thác dầu khí ở khu vực miền Trung và miền Bắc, góp phần thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các miền.

Về hình thức và đối tác đầu tư.

Do đòi hỏi vốn lớn, cần kêu gọi đầu tư nước ngoài, song phải tính toán, cân nhắc từng đối tác cụ thể theo hướng ưu tiên cho các tập đoàn mạnh về tài chính và công nghệ. Cần hạn chế các hình thức tô nhượng. Hạn chế dùng vốn ODA vào lĩnh vực dầu khí. Từng bước xây dựng ngành dầu khí Việt Nam đủ mạnh để tự làm và tham gia hợp tác với các tập đoàn dầu khí mạnh trên thế giới.

Về hướng ưu tiên sử dụng khí.

Ưu tiên sử dụng cho sản xuất điện, phân bón, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp như tơ - sợi tổng hợp, các loại chất dẻo...; đồng thời có thể sử dụng một phần làm chất đốt phục vụ sinh hoạt ở các thành phố, khu công nghiệp tập trung.

Về phương thức mua - bán khí.

Nhà nước ta thực hiện độc quyền mua và bán khí đến các hộ tiêu thụ trong nước. Trên cơ sở tính toán hiệu quả về các mặt mà quyết định hợp đồng mua khí tại mỏ hay tại điểm giáp bờ. Tùy nhu cầu trong nước mà ký kết hợp đồng số lượng khí bao tiêu với các công ty khai thác nước ngoài. Riêng khí đồng hành thu được trong khai thác dầu, những hộ tiêu thụ lớn (như ngành điện...) phải tiêu thụ theo hợp đồng, tránh

gây thiệt hại cho bên khai thác - cung cấp do tiêu thụ khí không ổn định.

Về tỷ lệ trong hợp đồng phân chia sản phẩm.

Tham khảo thông lệ quốc tế và tùy đặc điểm từng mỏ, để đàm phán nâng tỷ lệ ăn chia cho ta, bảo đảm mức phía ta được hưởng từ 50% trở lên (của tổng doanh thu trừ chi phí).

Xin thông báo để các đồng chí biết.

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 02-CT/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996

**Về việc tổ chức kỷ niệm 50 năm
Ngày Toàn quốc kháng chiến
(19-12-1946 - 19-12-1996)**

Năm nay, cả nước tiến hành kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 - 19-12-1996). Đây là sự kiện lịch sử rất quan trọng của dân tộc ta, là dịp để ôn lại và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí độc lập tự do, khí phách quật cường của nhân dân ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước; biểu dương sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên mọi người hăng hái phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

I. Các chủ đề tư tưởng cần tập trung tuyên truyền giáo dục trong dịp kỷ niệm

1- Giáo dục truyền thống yêu nước, nâng cao ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” trong sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc mà trung tâm là thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát huy ý thức độc lập tự cường, biến khí phách anh hùng, bất khuất thành quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Giáo dục truyền thống đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng, đồng bào trong nước cũng như sống ở ngoài nước thống nhất ý chí, hành động, quyết tâm đem hết năng lực, trí tuệ, vốn liếng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thực hiện thắng lợi những mục tiêu mà Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra.

3- Khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt và công lao to lớn của Đảng và Bác Hồ đối với đất nước và dân tộc, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

II. Về tổ chức các hoạt động kỷ niệm

Trên tinh thần thiết thực, hiệu quả, triệt để tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, lãng phí, việc tổ chức kỷ niệm cần tập trung làm tốt mấy việc chính sau đây:

1- Dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến cũng là dịp kỷ niệm 52 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, vì vậy cần kết hợp tốt các hoạt động kỷ niệm hai ngày lễ với nhau, song chủ đề tập trung vẫn là kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến.

2- Tổ chức các hoạt động phong phú, sinh động mang tính quần chúng rộng rãi, lấy các hoạt động ở cơ sở làm trọng tâm, động viên đông đảo nhân dân tham gia các hoạt động kỷ niệm.

Bên cạnh các thế hệ đã tham gia kháng chiến, cần đặc biệt chú ý lôi cuốn thanh niên, thiếu niên tích cực tham gia các hình thức kỷ niệm.

3- Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương.

Các tỉnh, thành phố, các khu công nghiệp tập trung tổ chức mít tinh và các hoạt động kỷ niệm trong dịp này. Để tránh đi lại tốn kém, các địa phương không mời khách Trung ương và các địa phương khác về dự lễ kỷ niệm.

4- Phát động phong trào thi đua hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng đất nước, hoàn thành thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1996, lập thành tích chào mừng Ngày Toàn quốc kháng chiến; tổ chức tốt các hình thức hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục - thể thao, kể chuyện truyền thống về những ngày đầu kháng chiến; động viên, thăm hỏi, giúp đỡ thiết thực những người có công với kháng chiến và gia đình cách mạng; thực hiện tốt chính sách đối với người có công và phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”; đẩy mạnh cuộc đấu tranh bài trừ các tiêu cực và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

5- Các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch thông tin, phản ánh các hoạt động kỷ niệm trên phạm vi cả nước. Cần gắn tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng với biểu dương người tốt, việc tốt, các cá nhân và

tập thể điển hình có nhiều thành tích trong lao động sản xuất và bảo vệ an ninh, quốc phòng; phản ánh dư luận ngoài nước về ngày kỷ niệm lịch sử này.

Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch cụ thể và lãnh đạo thực hiện tốt đợt kỷ niệm này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 13-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996
Về quy hoạch khu Thành cổ Hà Nội

Ngày 11-10-1996, Bộ Chính trị đã nghe Bộ Quốc phòng báo cáo về “Quy hoạch khu Thành cổ Hà Nội”.

Bộ Chính trị kết luận như sau:

1- Chỉ thực hiện việc bàn giao khu cấm thành (khu A) và đường Nguyễn Tri Phương cho thành phố Hà Nội quản lý khi cơ quan Bộ Quốc phòng đã chuyển sang khu vực mới phía đông đường Nguyễn Tri Phương. Bộ Quốc phòng cần chuẩn bị tiếp quy hoạch tổng thể khu thành nội, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết, lập dự án thiết kế và tiến độ thực hiện để báo cáo Chính phủ và Thường vụ Bộ Chính trị cho quyết định triển khai xây dựng khi có điều kiện.

2- Đối với các điểm di tích lịch sử văn hoá, trước mắt giao Bộ Quốc phòng vẫn có trách nhiệm quản lý, đồng thời cho phép thành phố Hà Nội khảo sát, tu bổ các di tích để cho nhân dân vào tham quan một số điểm sau:

- Cổng Bắc Môn (cổng Bắc).
- Hậu Lâu (lâu Tĩnh Bắc).

- Đoàn Môn (Lầu Công chúa).
- Cột Cờ.

Riêng thêm Điện Kính Thiên (khu A) chỉ được mở cửa vào năm 2000 cho nhân dân vào tham quan trong những dịp lễ lớn có sự hướng dẫn của nhân viên bảo vệ và quản lý di tích.

3- Đối với khu gia đình (15,5ha), Bộ Quốc phòng có thể chuyển giao cho thành phố Hà Nội quản lý nếu thấy phù hợp với quy hoạch.

4- Cho phép mở bức tường khu gia đình quân đội (25^K) nam đường Phan Đình Phùng, nhưng trước khi mở phải làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích, không để xảy ra những dư luận xấu về việc này.

Giao Bộ Quốc phòng cùng với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bàn bạc cụ thể, thống nhất về quy chế quản lý, sử dụng các điểm di tích lịch sử trên và triển khai thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 10-TB/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1996

Về “Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020”

Ngày 14-10-1996, sau khi nghe Bộ Xây dựng và Thường trực Thành ủy Hà Nội báo cáo về “Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020”, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế, giao dịch quốc tế của cả nước. Trong thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Thủ đô Hà Nội càng có vị trí quan trọng. Vì vậy việc điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2020 là rất cần thiết.

Báo cáo “Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020” đã được chuẩn bị công phu, có nhiều nội dung tốt. Tuy nhiên để xây dựng Hà Nội xứng đáng với tầm Thủ đô của cả nước trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu việc điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 phải thể hiện rõ một số nội dung sau đây:

- Cần làm rõ phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế và công nghiệp hoá của Hà Nội từ nay đến năm 2020, lấy đó làm căn cứ quan trọng cho việc quy hoạch. Cần nghiên cứu và xác định cụ thể hơn mối quan hệ giữa Hà Nội với các đô thị vệ tinh ở vành đai quanh thành phố Hà Nội.

- Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô phải trên quan điểm vừa cải tạo, vừa xây dựng. Chú trọng giữ gìn, tôn tạo các công trình kiến trúc có giá trị của thành phố Hà Nội đã có hiện nay; nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện nhà ở, làm việc, tạo thêm các khu vui chơi giải trí cho nhân dân, trẻ em; bảo tồn khu phố cổ đồng thời nâng cấp các công trình sinh hoạt; hạn chế chiều cao của các nhà xây dựng mới trong khu vực thành phố hiện nay.

Ở các khu vực mới của thành phố sẽ xây dựng hiện đại, có bản sắc dân tộc, có hệ thống vườn hoa, công viên cây xanh, xen kẽ với các khu vực nhà ở, nhà làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh, tạo ra môi trường sinh thái Thủ đô thật tốt, xanh, sạch, đẹp. Xây dựng nhiều nhà cao tầng để tiết kiệm đất.

Mở rộng quy mô Hà Nội chủ yếu về phía tây (phía tây bắc và tây nam) và phía bắc. Ưu tiên trước cho đầu tư phát triển phía bắc sông Hồng (từ sông Đuống trở lại), nơi đã có sẵn các đầu mối giao thông thuận lợi để phát huy tốt cảng Cái Lân, Hải Phòng, các trục đường quốc lộ số 18, số 5 và sân bay quốc tế Nội Bài.

Nghiên cứu phương án nạo vét sông Hồng để hình thành tuyến chiến lược phát triển công nghiệp gắn với an ninh, quốc phòng dọc hai bờ sông Hồng. Xây dựng kiên cố, hiện đại cơ sở hạ tầng, nhà cửa, đường giao thông thủy, bộ

để thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư phát triển kinh tế trong và ngoài nước.

- Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội là một công trình khoa học, cần mở rộng việc lấy ý kiến tham gia của các nhà khoa học am hiểu về quy hoạch đô thị hoá ở trong và ngoài nước.

- Cần lập ban chỉ đạo công trình quy hoạch Thủ đô, Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan cùng Hà Nội tiếp tục lập các phương án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Thủ đô đến năm 2020 làm cơ sở cho việc điều chỉnh quy hoạch chung.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-TB/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1996

**Về quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị
Ba Đình, việc xây dựng Trung tâm Hội nghị
Quốc gia và Nhà Quốc hội**

Trong phiên họp ngày 11-10-1996, sau khi nghe Chính phủ báo cáo về quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình, việc xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Nhà Quốc hội, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình - Hà Nội

Đồng ý với nội dung chủ yếu của quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình.

Riêng diện tích dành để xây dựng Bảo tàng Cách mạng còn nhỏ. Cần xem xét gắn việc xây dựng Bảo tàng Cách mạng với Bảo tàng Hồ Chí Minh thành một tổng thể công trình thống nhất.

Chính phủ chỉ đạo hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình để phê duyệt làm cơ sở chỉ đạo việc quản lý các dự án xây dựng các công trình tại khu vực này.

2. Về dự án xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Nhà Quốc hội

- Đồng ý về chủ trương xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Nhà Quốc hội.

- Địa điểm xây dựng các công trình trên được xác định tại quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình (trên diện tích khu đất khoảng 6ha đối diện với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh).

- Tán thành các giải pháp kiến trúc - quy hoạch theo phương án III nêu trong báo cáo của Bộ Xây dựng và sơ đồ quy hoạch chi tiết của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Hình thức kiến trúc của công trình phải đảm bảo tính dân tộc và hiện đại.

Chiều cao công trình không vượt quá chiều cao Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lưu ý thiết kế xây dựng các tầng hầm để tăng diện tích sử dụng, đồng thời đáp ứng nhu cầu an ninh, quốc phòng.

Hội trường lớn của Trung tâm Hội nghị Quốc gia phải có sức chứa từ 3.000 đến 3.500 chỗ ngồi.

- Chính phủ xem xét bố trí vốn xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia trước, khi điều kiện cho phép sẽ xem xét xây dựng Nhà Quốc hội.

Trung tâm Hội nghị Quốc gia cần hoàn thành vào cuối năm 1999.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**CÔNG VĂN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 06-CV/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1996

**Cho ý kiến về dự thảo Pháp lệnh về bộ đội
biên phòng***

Về dự thảo Pháp lệnh về bộ đội biên phòng, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1- Về tổ chức cụ thể của bộ đội biên phòng, đề nghị ghi: Giao cho Chính phủ quy định.

2- Về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ đội biên phòng đối với các cửa khẩu, đề nghị ghi: Giao cho Chính phủ căn cứ vào pháp luật để quy định cụ thể.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 14-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996

Về hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông

Ngày 10-10-1996, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ và các ban, ngành hữu quan báo cáo về việc hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1- Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ điểm lại tình hình và các chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông, nêu lên các nhận xét và kiến nghị là cần thiết.

2- Khi tham gia Tiểu vùng sông Mê Kông, nhiệm vụ hàng đầu của ta là phối hợp với các nước để bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước sông Mê Kông, bảo đảm lợi ích chính đáng của tất cả các nước trong tiểu vùng.

3- Cần nghiên cứu kỹ hơn về mục tiêu và các chương trình hợp tác về giao thông vận tải. Vấn đề phát triển giao thông đường sắt, đường bộ ở ta phải gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt phải nghiên cứu đề án phát triển đường sắt lên Tây Nguyên nhằm khai thác thế mạnh của vùng này.

4- Ta nên ủng hộ việc đặt trụ sở của Ủy hội sông Mê Kông tại nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 15-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996

**Về việc Việt Nam đăng cai Hội nghị cấp cao
lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp**

Ngày 12-10-1996, Bộ Chính trị đã nghe Ủy ban quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp (HNCC7) báo cáo nội dung Hội nghị và công tác chuẩn bị Hội nghị. Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Hội nghị cấp cao lần thứ 6 các nước có sử dụng tiếng Pháp đã chính thức chọn Việt Nam là nước đăng cai tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 vào cuối năm 1997. Việt Nam đã nhận là nước đăng cai, vì vậy cần xúc tiến khẩn trương các công việc chuẩn bị, cố gắng tổ chức Hội nghị đạt kết quả tốt.

- Ta cần quán triệt sâu sắc đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại trong quá trình chuẩn bị và tham gia HNCC7, nắm vững khẩu hiệu độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Cần cân nhắc thận trọng và chuẩn bị kỹ việc bày tỏ thái độ chính

trị hoặc tuyên bố chính trị của Đảng và Nhà nước ta tại Hội nghị và đối với cộng đồng này.

- Cần hướng Hội nghị tập trung vào chủ đề tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa các nước trong cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực của mỗi nước.

Trong dịp tiến hành Hội nghị này, chúng ta cần cảm ơn các nước châu Phi đã ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, bày tỏ tình đoàn kết, hợp tác phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật với các nước châu Phi; ủng hộ mạnh mẽ việc vận động, yêu cầu Pháp và các nước phát triển giúp đỡ các nước châu Phi, nhất là các nước đang có nhiều khó khăn, phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách.

- Cần làm tốt công tác tư tưởng trong nội bộ, giải thích cho cán bộ và nhân dân hiểu đúng việc Việt Nam tham gia cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp cũng như tham gia vào nhiều tổ chức và hoạt động quốc tế khác là phù hợp với đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tận dụng các cơ hội để mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại vì hoà bình, độc lập, phát triển. Không để ai hiểu nhầm hình như ta “trở lại Khối Liên hiệp Pháp”.

Ủy ban quốc gia tổ chức HNCC7 chuẩn bị dự thảo nội dung thông báo nội bộ về vấn đề này trình Bộ Chính trị.

- Công tác tuyên truyền cho HNCC7 cần được chỉ đạo chặt chẽ. Nội dung tuyên truyền cần thể hiện đúng đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; mức độ

tuyên truyền vừa phải, không đề cao quá mức vai trò, vị trí của cộng đồng các nước nói tiếng Pháp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996

Về thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương

- Căn cứ yêu cầu tăng cường việc chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận trong thời kỳ phát triển mới của đất nước,
- Xét đề nghị của Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương để tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận; giúp Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo phương hướng, nội dung các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội thời kỳ 1996 - 2000 nhằm xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Điều 2: Thành viên của Hội đồng (có danh sách kèm theo) do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực tư tưởng, khoa giáo làm Chủ tịch, một số đồng chí Ủy viên Trung ương phụ trách các mặt công tác lý luận, khoa học xã

hội làm Phó Chủ tịch và một số chuyên gia am hiểu lĩnh vực khoa học xã hội làm Ủy viên.

Hội đồng có một ban thư ký giúp việc.

Điều 3: Ban Khoa giáo Trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm về tài chính cho hoạt động của Hội đồng ghi vào ngân sách hàng năm của Ban Khoa giáo Trung ương.

Điều 4: Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí trong Hội đồng Lý luận Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH**các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương***(Kèm theo Quyết định số 06-QĐ/TW, ngày 30-10-1996)*

STT	Họ và tên	Chức danh trong Hội đồng
1	Nguyễn Đức Bình	Chủ tịch Hội đồng
2	Phạm Minh Hạc	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng
3	Nguyễn Khánh	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	Nguyễn Duy Quý	Phó Chủ tịch Hội đồng
5	Hữu Thọ	Phó Chủ tịch Hội đồng
6	Đặng Hữu	Ủy viên
7	Nguyễn Khoa Điềm	Ủy viên
8	Nguyễn Phú Trọng	Ủy viên
9	Tô Huy Rúa	Ủy viên
10	Phạm Quang Nghị	Ủy viên
11	Đỗ Hoài Nam	Ủy viên
12	Hà Đăng	Ủy viên
13	Trần Trọng Tân	Ủy viên
14	Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên
15	Nguyễn Duy Gia	Ủy viên
16	Trần Xuân Trường	Ủy viên
17	Phạm Xuân Nam	Ủy viên
18	Lê Hữu Tầng	Ủy viên
19	Đào Duy Quát	Ủy viên
20	Lê Hữu Nghĩa	Ủy viên

21	Phạm Tất Dong	Ủy viên
22	Hà Học Hội	Ủy viên
23	Trần Ngọc Hiến	Ủy viên
24	Phan Huy Lê	Ủy viên
25	Phùng Hữu Phú	Ủy viên
26	Nguyễn Thanh Tuyển	Ủy viên
27	Nguyễn Quang Diễm	Ủy viên
28	Dương Phú Hiệp	Ủy viên
29	Lương Xuân Quỳ	Ủy viên

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 07-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996

**Về việc hợp nhất Viện Nghiên cứu chủ nghĩa
Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

- Để tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn công tác nghiên cứu khoa học với công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ,

- Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị khoá VII (văn bản số 261-BBKL/BCT, ngày 13-2-1995),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1- Thực hiện hợp nhất Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh lấy tên là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2- Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện

Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh căn cứ Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 10-3-1993 của Bộ Chính trị và Quyết định số 29-QĐ/TW, ngày 5-5-1992 của Ban Bí thư Trung ương (khoá VII), xác định chức năng, nhiệm vụ, phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CÔNG VĂN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 07-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996

**Về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW,
ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị (khoá VI)
về “Tăng cường công tác tôn giáo
trong tình hình mới”***

Ngày 16-10-1990, Bộ Chính trị (khoá VI) đã ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”. Ngày 21-3-1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 69/HĐBT “Quy định về các hoạt động tôn giáo”.

Qua sáu năm thực hiện, cùng với các thành tựu của công cuộc đổi mới, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo đã đi vào cuộc sống, đời sống đồng bào có đạo không ngừng được cải thiện. Đồng bào được tự do tín ngưỡng và ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực đóng góp vào công cuộc đổi mới của đất nước.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

Để xây dựng tốt chính sách tôn giáo trong tình hình mới, Bộ Chính trị chủ trương tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VI) trên phạm vi toàn quốc.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ vào Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VI) và các văn bản hướng dẫn tiếp theo tiến hành tổng kết, đánh giá đúng những việc đã làm được, những việc chưa làm được, phân tích kỹ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan trong việc thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo của các cấp, các ngành. Nêu rõ những kinh nghiệm, những chủ trương, chính sách còn phù hợp và không còn phù hợp, những vấn đề mới đặt ra, những chủ trương, chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới.

Khi tiến hành tổng kết ở các cấp cần có làm thí điểm, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm tiến hành tổng kết chung.

Ban Cán sự đảng Chính phủ cần có văn bản hướng dẫn tổng kết việc thực hiện Nghị định số 69/HĐBT ở các cấp chính quyền.

Bộ Chính trị phân công đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Dân vận Trung ương trực tiếp chỉ đạo việc tổng kết này.

Giao cho Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn cụ thể việc tổng kết và chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đảng, ban, ngành, đoàn thể có liên quan biên tập báo cáo tổng kết chung để trình Bộ Chính trị.

Việc tổng kết cần tiến hành thiết thực, chặt chẽ, có chất lượng. Các tỉnh, thành phố và các ban, ngành trực thuộc

Trung ương tiến hành tổng kết xong trong quý I năm 1997, đề án tổng kết chung hoàn thành vào quý II năm 1997.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CÔNG VĂN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 08-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996

**Về ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương
hướng dẫn thực hiện chương VII, chương VIII
trong Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật***

Để kịp thời tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các quy định tại chương VII, chương VIII trong Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật, Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc thực hiện các quy định đó.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 10-QĐ/TW, ngày 9 tháng 11 năm 1996

**Về thành lập Hội đồng Công tác quần chúng
Trung ương**

- Căn cứ yêu cầu tăng cường chỉ đạo công tác quần chúng trong tình hình mới,
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng Công tác quần chúng Trung ương để tư vấn cho Trung ương về công tác quần chúng, giúp Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo phương hướng, nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Điều 2: Thành viên của Hội đồng (danh sách kèm theo) do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác dân vận làm Chủ tịch, một số đồng chí Ủy viên Trung ương phụ trách Mặt trận và các đoàn thể làm Phó Chủ tịch.

Điều 3: Ban Dân vận Trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cung cấp

tài chính cho hoạt động của Hội đồng, ghi vào ngân sách hàng năm của Ban Dân vận Trung ương.

Điều 4: Ban Dân vận Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí trong Hội đồng công tác quần chúng Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định trước đây.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
các thành viên Hội đồng Công tác quần chúng
Trung ương
(kèm theo Quyết định số 10-QĐ/TW, ngày 9-11-1996)

STT	Họ và tên	Chức danh trong Hội đồng
1	Phạm Thế Duyệt	Chủ tịch Hội đồng
2	Trần Văn Đăng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Trương Mỹ Hoa	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	Nguyễn Đức Triều	Ủy viên
5	Vũ Trọng Kim	Ủy viên
6	Nguyễn Văn Tư	Ủy viên
7	Cù Thị Hậu	Ủy viên
8	Nguyễn Đình Thi	Ủy viên
9	Hà Học Trạc	Ủy viên
10	Nguyễn Trọng Nhân	Ủy viên
11	Trần Văn Quang	Ủy viên
12	Lê Quang Đạo	Ủy viên
13	Bùi Quang Tồn	Ủy viên
14	Đình Văn Tư	Ủy viên
15	Trịnh Xuân Giới	Ủy viên
16	Đỗ Quang Tuấn	Ủy viên
17	Dương Xuân An	Ủy viên

18	Nguyễn An Lương	Ủy viên
19	Phạm Văn Ngạn	Ủy viên
20	Đại diện Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam	Ủy viên
21	Đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ	Ủy viên

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 03-CT/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1996
Về việc lãnh đạo thực hiện chia tách
một số đơn vị hành chính cấp tỉnh

Kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khoá IX đã quyết định chia tách một số đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đây là việc quan trọng, quan hệ đến nhiều bộ, ban, ngành, đoàn thể, tác động trực tiếp đến công tác, đời sống, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các địa phương có liên quan.

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ban, ngành, đoàn thể liên quan triển khai gấp và làm tốt những việc sau đây:

1. Tập trung chỉ đạo tốt việc chia tách các đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được kỳ họp Quốc hội quyết định, bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các nguyên tắc của Đảng; thực hiện gọn, không kéo dài

Yêu cầu chung là:

- Làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ, kiên quyết chống mọi biểu hiện lệch lạc, cục bộ địa phương.

- Bảo đảm mọi hoạt động bình thường của các địa phương trước, trong và sau chia tách tỉnh, nhất là các mặt an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm cho các địa phương sau khi chia tách tỉnh có các điều kiện cơ bản để nhanh chóng ổn định hoạt động, phát huy thuận lợi mới, khắc phục khó khăn, vươn lên vững chắc với tốc độ cao hơn, góp phần cùng cả nước thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Bảo đảm tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn kinh phí, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

2. Thực hiện việc phân vạch địa giới hành chính các tỉnh theo đúng Nghị quyết của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX và các quy định của Chính phủ

3. Về tổ chức bộ máy và cán bộ

Việc phân chia và sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và bố trí cán bộ trong quá trình chia, tách tỉnh phải bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định tập thể, theo đúng quy chế làm việc của cấp ủy và các quy định hiện hành về phân cấp quản lý cán bộ.

a) Về tổ chức bộ máy

Trong khi phân chia và sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cần quán triệt tinh thần đổi mới và chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, xây dựng bộ máy đảng, chính quyền và các đoàn thể gọn nhẹ, có hiệu quả và hiệu lực cao; không nhất thiết tỉnh hiện nay có sở, ban, ngành nào thì các tỉnh mới tách ra cũng phải có đủ các sở, ban, ngành đó.

b) Về cán bộ

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất, năng lực để bố trí cán bộ vào bộ máy tổ chức mới của tỉnh, tránh cách làm giản đơn, máy móc, phân chia biên chế, cán bộ đơn thuần căn cứ vào nguồn gốc quê quán của cán bộ. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, phải tuyệt đối phục tùng sự phân công và điều động của Đảng.

Việc bố trí lại cán bộ phải bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài. Ưu tiên cán bộ cho vùng có nhiều khó khăn. Kiên quyết không bố trí cán bộ gượng ép do tác động của tư tưởng cục bộ địa phương hoặc đề bạt ồ ạt, thiếu cân nhắc dẫn đến cán bộ không đủ phẩm chất và năng lực để đảm đương nhiệm vụ, gây khó khăn cho việc kiện toàn cán bộ sau này. Nếu chưa chuẩn bị kịp cán bộ thì chưa bổ nhiệm ngay mà tạm phân công hoặc chỉ định kiêm nhiệm.

Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của các sở, ban, phải có phương án sắp xếp, bố trí cụ thể, bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, số lượng, đủ sức tiếp nhận bàn giao và thực thi nhiệm vụ, không để gián đoạn các chức năng quản lý.

Phải làm tốt việc chuẩn bị để chỉ định cấp ủy và ủy ban nhân dân lâm thời, làm cơ sở cho đại hội đại biểu tỉnh bầu ban chấp hành chính thức. Cần coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Theo yêu cầu lãnh đạo và tình hình thực tế cán bộ tại địa phương, số lượng tỉnh ủy viên lâm thời được chỉ định khoảng từ 21 - 37 đồng chí, số lượng ủy viên thường vụ tỉnh ủy khoảng từ 7 đến 11 đồng chí, gồm những đồng chí trong cấp ủy tỉnh hiện nay và một số đồng chí được chỉ định

bổ sung mới. Việc chỉ định các cấp ủy cũng như các cán bộ chủ chốt của cấp ủy, ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân cần được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, tập thể, theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng luật pháp và Điều lệ Đảng.

Các cấp ủy phải lãnh đạo chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, nhằm ngăn ngừa lạm dụng điều động, đề bạt, bổ nhiệm, thuyên chuyển, nâng lương cho cán bộ trong thời gian sắp xếp tổ chức mới.

4. Về tài sản và tài chính

Thực hiện ngay việc kiểm kê tài sản và tài chính, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện phương án phân chia kế hoạch, ngân sách năm 1997, phân chia tài sản nhằm sử dụng có hiệu quả nhất tài sản, ngân sách hiện có và mọi nguồn kinh phí bổ sung qua ngân sách nhà nước.

Không chia tách các đơn vị sản xuất kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp công ích và một số đơn vị sự nghiệp thì tùy theo tình hình và yêu cầu cụ thể, các địa phương quyết định, bảo đảm phát huy tốt chức năng doanh nghiệp công ích và sự nghiệp của các tỉnh sau khi chia tách.

Tạm ngừng việc mua sắm những trang thiết bị đắt tiền ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, trừ những phương tiện cần thiết trực tiếp cho hoạt động của tỉnh mới tách ra. Chính phủ có quy định cụ thể về vấn đề này.

5. Về tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy địa phương có điều chỉnh địa giới hành chính coi đây là nhiệm vụ trọng tâm đột xuất cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt, đồng thời bảo đảm lãnh đạo mọi hoạt động bình thường của địa phương. Tập thể cấp ủy tỉnh, chủ

trì là đồng chí bí thư tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước Trung ương, trước nhân dân và đảng bộ địa phương lãnh đạo, từ khâu chuẩn bị đến khi kết thúc công tác điều chỉnh địa giới, bàn giao cho cấp ủy mới được chỉ định.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ có kế hoạch cụ thể giao các bộ, ngành chủ động phối hợp với các địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ điều chỉnh địa giới hành chính.

- Các ban đảng, đảng đoàn, các đoàn thể chính trị - xã hội chủ động phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra theo trách nhiệm được phân công.

- Để giúp Bộ Chính trị sớm chỉ định các tỉnh ủy lâm thời và cán bộ chủ chốt, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban đảng và tổ chức có liên quan hướng dẫn các tỉnh ủy làm tốt công tác chuẩn bị, theo quy chế và trình tự thống nhất, bảo đảm dân chủ, tập thể.

Chỉ thị này được phổ biến đến huyện ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh ở những nơi có điều chỉnh địa giới hành chính và các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các ban đảng ở Trung ương để quán triệt và thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, thường vụ tỉnh ủy phải thường xuyên báo cáo và xin ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo xử lý những vấn đề phát sinh đột xuất.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CÔNG VĂN CỦA VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Số 1055-CV/VPTW, ngày 13 tháng 11 năm 1996

Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về xây dựng các khu tập trung mô hình các di tích*

Trả lời Công văn số 3043/TT-VH, ngày 21-10-1996 của Bộ Văn hoá - Thông tin về việc xây dựng các khu tập trung mô hình các di tích, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Việc bảo vệ, tôn tạo các khu di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến là cần thiết và phải làm ngay để khắc phục tình trạng xuống cấp.

- Việc xây dựng mới, trong đó trưng bày, tái tạo (thu nhỏ) các khu di tích, cần phải có nghiên cứu kỹ của các ngành chuyên môn với đầy đủ luận chứng khoa học - kỹ thuật - kinh tế; làm từng bước phù hợp với điều kiện ngân sách cho phép.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG
TRẦN TÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-TB/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1996

Về Chiến lược quốc gia về chỗ ở đến năm 2010 và Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000

Ngày 11-10-1996, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày dự thảo Chiến lược quốc gia về chỗ ở đến năm 2010 và Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

I- VỀ CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHỖ Ở ĐẾN NĂM 2010

1- Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cũng như các giải pháp lớn phải nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết tốt vấn đề nhà ở của toàn xã hội. Việc phát triển nhà ở phải dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện quá trình phân bố lại dân cư và lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá phù hợp với từng địa bàn trên phạm vi cả nước.

2- Phát triển chỗ ở tại các đô thị là bức bách, nhất là đối

với các địa bàn trọng điểm. Phát triển nhà ở phải thể hiện được sự phân bố dân cư một cách hợp lý theo quy hoạch và theo dự án để sử dụng hợp lý và tiết kiệm đất, nâng cao chất lượng chỗ ở, bảo vệ môi sinh, môi trường và cảnh quan đô thị.

3- Phát triển chỗ ở nông thôn phải phù hợp với đặc điểm địa lý, kinh tế - xã hội của từng vùng, chú ý các vùng chịu ảnh hưởng nhiều của bão, lũ; từng bước thực hiện quá trình đô thị hoá nông thôn, góp phần rút ngắn sự cách biệt lớn về chỗ ở giữa đô thị và nông thôn. Khuyến khích nhân dân xây dựng nhà tầng để tiết kiệm đất ở, đặc biệt là các khu vực đồng bằng.

4- Sự nghiệp phát triển nhà ở là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có cơ chế, chính sách nhằm tích cực huy động nguồn lực của nhân dân cho mục tiêu cải thiện điều kiện ở, bảo đảm mỗi hộ gia đình đều có chỗ ở phù hợp. Các chính sách về đất ở, kết cấu hạ tầng các khu dân cư, đáp ứng yêu cầu vật liệu xây dựng, cơ chế tài chính - tín dụng, tổ chức, đào tạo, chuyển giao công nghệ, v.v., phải được thể chế hoá bằng các văn bản pháp quy của Chính phủ để áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

II- VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔ THỊ 5 NĂM 1996 - 2000

1- Để từng bước thực hiện Chiến lược quốc gia về chỗ ở đến năm 2010, Chính phủ cần chỉ đạo thực hiện Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000 với các mục tiêu và giải pháp cụ thể, trong đó chú trọng giải quyết vấn đề nhà ở đối với các đô thị trọng điểm.

2- Huy động mọi nguồn lực để tăng nhanh quỹ nhà ở đô thị, đưa mức bình quân lên $6,5m^2$ /người vào năm 2000. Quy định rõ trách nhiệm của chính quyền các đô thị, của các ngành, các tổ chức trong việc chăm lo phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở cho cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và những người thuộc diện có công với nước, người thu nhập thấp.

Phát triển nhà ở đô thị phải đặc biệt quan tâm đến các giải pháp kiến trúc bảo đảm kết hợp hài hoà tính hiện đại với tính dân tộc, giữ gìn và tôn tạo khu phố cổ, kiến trúc có giá trị; bố trí không gian, tiêu chuẩn thiết kế nhà ở hợp lý; sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng (bệnh viện, trường học, công viên, khu vui chơi giải trí...); chú trọng đến các giải pháp bảo vệ môi sinh, môi trường. Chấn chỉnh công tác quản lý nhà ở; có những quy định về giữ gìn trật tự, an ninh, vệ sinh, cảnh quan các khu dân cư tập trung, cấm coi nói, xây lán, xây chen vào đất lưu không, đất trồng cây xanh...

3- Nhà ở là hàng hoá đặc biệt, chứa đựng các yếu tố chính trị - xã hội rất cao. Vì vậy, Nhà nước phải tăng cường quản lý, có chính sách hợp lý về đất ở, thuế, tài chính... để doanh nghiệp nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong kinh doanh - phát triển nhà ở, không chạy theo lợi nhuận đơn thuần, mà phải nhằm bảo đảm cho mọi đối tượng dân cư có thể mua hoặc thuê nhà ở theo khả năng của mình và điều kiện cụ thể nơi họ sinh sống; chống đầu cơ, trục lợi. Nhà nước có chính sách cụ thể hỗ trợ những người có công, kể cả những người có công nhưng không có chức vụ cao, không có huân chương bậc cao, cán bộ viên chức nhà nước, người thu nhập

thấp có chỗ ở phù hợp. Mức độ ưu đãi về nhà ở đối với các đồng chí cách mạng lão thành phải trên tinh thần phân phối hợp lý, chú ý đến tình hình chung của đất nước còn khó khăn, tiếp tục giữ gìn và phát huy phẩm chất cách mạng của các đồng chí đó.

4- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước đầu tư xây dựng nhà ở để bán và cho thuê. Các doanh nghiệp kinh doanh nhà của Nhà nước có thể liên doanh với các tổ chức nước ngoài trong việc thực hiện các dự án phát triển nhà để huy động vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý; không cho người nước ngoài trực tiếp tự kinh doanh nhà ở. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào làm ăn ở Việt Nam không được mua nhà ở mà chỉ được phép thuê nhà ở.

5- Các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ trong chính sách nhà ở (bao gồm giao đất ở, mua nhà trả góp, thuê nhà của Nhà nước) chỉ được hỗ trợ 1 lần. Khi di chuyển chỗ ở hoặc không có nhu cầu sử dụng phải bán lại hoặc trả lại cho các công ty kinh doanh nhà của Nhà nước để tiếp tục bán hoặc cho thuê đối với những đối tượng thuộc diện chính sách đang có nhu cầu.

6- Chính phủ cần có quy định chuyển toàn bộ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hiện do các cơ quan, doanh nghiệp, các đoàn thể tự quản về các địa phương quản lý và kinh doanh (bán hoặc cho thuê) theo quy định chung; có quy định về quỹ nhà ở dự trữ để bán hoặc cho thuê đối với cán bộ viên chức nhà nước do nhu cầu điều động từ địa phương này đến địa phương khác hoặc do thay đổi cương vị công tác cần chuyển đổi chỗ ở thích hợp hơn. Trong quá trình chuyển giao, các cơ

quan, doanh nghiệp trong phạm vi được phép và khả năng của mình có thể tiếp tục giải quyết những bất hợp lý về nhà ở của cán bộ, nhân viên đơn vị mình, góp phần phát triển quỹ nhà ở chung.

7- Căn cứ vào thông báo này, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn chỉnh Chiến lược quốc gia về chỗ ở đến năm 2010 và Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000; có kế hoạch cụ thể thực hiện chiến lược và chương trình, đồng thời giải quyết những vấn đề cụ thể, cấp bách trước mắt về nhà ở.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CÔNG VĂN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 12-CV/TW, ngày 16 tháng 11 năm 1996

**Về yêu cầu Đảng ủy Quân sự Trung ương,
Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Tài chính -
Quản trị Trung ương và các tỉnh, thành ủy chỉ đạo
các ngành kinh tế hạch toán kinh doanh
chấp hành các quyết định thanh tra tài chính,
thuế theo đúng quy định của Nhà nước***

Thi hành Nghị quyết Quốc hội về tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, Chính phủ đã chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra các đơn vị kinh tế thuộc mọi đối tượng quản lý trong việc chấp hành pháp luật về thuế.

Để thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước trong lĩnh vực thuế và tài chính, Bộ Chính trị yêu cầu:

1- Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo các đơn vị kinh tế hạch toán kinh doanh theo các quyết định của Chính phủ thuộc diện quản lý của

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

mình chấp hành các quyết định thanh tra, kiểm tra của các cơ quan thanh tra tài chính, thuế theo đúng chức năng, quyền hạn đã được nhà nước quy định.

2- Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cử người phối hợp với ngành thanh tra, tài chính tiến hành thanh tra, kiểm tra các đơn vị kinh tế thuộc diện quản lý của mình, bảo đảm chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo pháp luật hiện hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-NQ/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1996

VỀ MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI 5 NĂM 1996 - 2000

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Những kết quả

Kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt; kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng nhiều, cơ cấu đầu tư chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều công trình đã được xây dựng và đưa vào hoạt động, tạo thêm hàng vạn việc làm mới.

- Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với nhiều nước, với các tổ chức quốc tế, các trung tâm tài chính - tiền tệ lớn của thế giới, các cộng đồng tài trợ quốc tế được khôi phục và mở rộng; tranh thủ được nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ngày một nhiều hơn, tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tranh thủ được

một số công nghệ mới và kinh nghiệm quản lý tiên tiến góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng tích cực.

- Việc vay thương mại cho đầu tư chiều sâu để nâng dần trình độ công nghệ và trình độ sản xuất của các doanh nghiệp đã có tác dụng tích cực, thúc đẩy sự phát triển.

- Ngành du lịch có tiến bộ, các dịch vụ thu ngoại tệ (dịch vụ hàng không, dịch vụ bưu điện, kiều hối, bảo hiểm, ngân hàng, kiểm toán...) được mở rộng.

- Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về kinh tế đối ngoại tuy chưa thật đồng bộ nhưng đã bước đầu tạo khung pháp lý và khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại.

Sở dĩ đạt được những kết quả nói trên là do: Đảng ta có đường lối, chính sách đúng đắn về đối ngoại và kinh tế đối ngoại, các cấp ủy đảng và cấp chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công nhân làm kinh tế đối ngoại và các thành phần kinh tế có những cố gắng lớn.

2. Những thiếu sót

- Hiệu quả kinh tế đối ngoại chưa cao. Việc phát triển kinh tế chưa hướng mạnh vào xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu còn thấp, chủ yếu là xuất khẩu nguyên liệu thô, chưa qua chế biến. Cơ chế hàng nhập khẩu chưa hợp lý. Nhập siêu quá lớn. Dịch vụ thu ngoại tệ chưa phát triển.

- Chưa tạo được những thị trường xuất nhập khẩu trực tiếp có quy mô lớn và ổn định, chưa vào được một số thị trường lớn, quan trọng. Chưa mạnh dạn đi vào những thị trường mới. Mở rộng thị trường ngoài nước nhưng chưa chú ý đúng mức thị trường trong nước.

- Tình trạng tự phát, thiếu tổ chức quản lý, tranh mua, tranh bán, sơ hở, bị động trong hoạt động kinh tế đối ngoại còn khá phổ biến.

- Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài thiếu quy hoạch cụ thể và hiệu quả chưa cao. Việc tranh thủ vốn FDI còn nhiều yếu kém ở các khâu quy hoạch, góp vốn của phía Việt Nam, thủ tục hành chính cấp giấy phép và triển khai, quản lý dự án, thực thi pháp luật, nhất là về thuế, lao động, tiền lương, giá... Mức giải ngân đối với các dự án thực hiện bằng vốn ODA còn thấp, chưa chủ động và chưa hợp lý, làm kéo dài tiến độ xây dựng công trình.

- Tệ tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo và nhiều hiện tượng tiêu cực khác trong hoạt động kinh tế đối ngoại, kể cả trong các khâu xét duyệt cấp giấy phép và triển khai đầu tư, cấp giấy phép côta, thu thuế, kiểm tra hải quan... là rất nghiêm trọng. Một số cán bộ, nhân viên thoái hoá, biến chất, sa đọa hoặc bị người nước ngoài mua chuộc gây thiệt hại lớn về nhiều mặt cho Nhà nước. Các cơ sở đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn yếu, nhiều nơi trắng.

- Việc kết hợp kinh tế đối ngoại với quốc phòng, an ninh, ngoại giao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc chưa chặt chẽ.

- Việc quản lý, điều hành công tác kinh tế đối ngoại ở cấp vĩ mô chưa tốt, còn phân tán, quá nhiều đầu mối, thiếu sự kiểm tra và thanh tra một cách thường xuyên. Các cơ chế, chính sách về kinh tế đối ngoại chưa đồng bộ, có trường hợp chưa sát với thực tế, các văn bản pháp luật chưa hoàn chỉnh, thiếu nhất quán.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ của cán bộ làm kinh tế đối ngoại còn yếu kém, bất cập với nhiệm vụ mới, việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ rất chậm.

II- NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại

1- Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại nhằm góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000 và chuẩn bị cho sự phát triển vào đầu thế kỷ XXI theo các nguyên tắc độc lập tự chủ, tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi; kết hợp chặt chẽ kinh tế đối ngoại với chính trị đối ngoại, quốc phòng, an ninh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

2- Phát triển kinh tế đối ngoại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất mới; tranh thủ ngày càng nhiều vốn đầu tư, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến từ nước ngoài và từng bước đầu tư ra nước ngoài góp phần tích cực làm biến đổi cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nước, mở rộng hợp tác quốc tế.

3- Đa phương hoá, đa dạng hoá các hoạt động kinh tế đối ngoại nhưng có trọng tâm, trọng điểm, khai thác lợi thế so sánh của ta và tận dụng xu thế phát triển của thế giới và

khu vực, tạo được nhiều thị trường ổn định, chú trọng những thị trường lớn.

4- Khai thác các tiềm năng, phát huy các nguồn lực bên trong của cả nước cũng như mỗi địa phương, ngành, đơn vị để phát triển kinh tế đối ngoại một cách đồng bộ, hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời coi trọng đúng mức thị trường trong nước, đáp ứng tốt yêu cầu của nhân dân đối với những mặt hàng thiết yếu.

5- Tạo được sự tin nhiệm của các nước trong giao lưu kinh tế đối với nước ta. Tích cực và chủ động hợp tác quốc tế, tham gia các diễn đàn quốc tế và các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, vừa theo thông lệ và luật pháp quốc tế, vừa bảo vệ lợi ích của nước ta.

6- Kinh tế đối ngoại hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và điều hành thống nhất của Nhà nước, với sự tham gia của các thành phần kinh tế, trong đó doanh nghiệp nhà nước là chủ lực.

7- Xây dựng, giáo dục, đào tạo và đào tạo lại một đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác kinh tế đối ngoại có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức phẩm chất tốt, có trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

III- PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ 1996 - 2000

1. Về xuất nhập khẩu

Xuất khẩu là hướng chiến lược trọng điểm của kinh tế đối ngoại nhằm tăng tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân

28%/năm trong thời kỳ 1996 - 2000. Hướng phát triển chủ yếu của lĩnh vực này là:

- Tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu đã qua chế biến sâu, đồng thời tạo điều kiện đồng bộ về đầu tư vốn, công nghệ, quản lý, cơ chế và chính sách nhằm phát triển mạnh một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực (dầu thô, gạo, cao su, cà phê, chè, sản phẩm dệt may, giấy dếp, thủy sản, rau, hoa quả...), tạo được những thị trường lớn, ổn định và buôn bán lâu dài.

- Đầu tư đổi mới công nghệ để đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm truyền thống, đồng thời tập trung nghiên cứu sản xuất các mặt hàng mới có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các dịch vụ và kỹ thuật, kể cả xuất khẩu chất xám và lao động có kỹ thuật. Từng bước tính tới việc đầu tư ra nước ngoài.

- Củng cố thị trường đã có, nhất là các thị trường lớn và quan trọng, từng bước khôi phục thị trường truyền thống, đẩy mạnh việc xâm nhập thị trường và tìm kiếm bạn hàng mới.

- Ưu tiên nhập khẩu vật tư, thiết bị và công nghiệp tiên tiến phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo công ăn việc làm và đẩy mạnh xuất khẩu.

Hạn chế và giảm dần tỷ trọng nhập hàng tiêu dùng, chỉ nhập những hàng hoá thiết yếu trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ đáp ứng nhu cầu.

Một mặt khuyến khích sản xuất và tiêu thụ hàng nội địa, mặt khác khắc phục khuynh hướng trọng tiêu dùng hàng ngoại đắt tiền, quá khả năng của nền kinh tế, coi nhẹ hàng nội; khuyến khích lối sống cần kiệm, dành vốn cho đầu tư phát triển.

Kiên quyết từng bước giảm nhập siêu, tiến tới thăng bằng xuất - nhập.

2. Thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)

Khẩn trương hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để tăng nhanh thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong thời gian tới, nhằm đạt mục tiêu 13 - 15 tỉ USD vốn thực hiện trong những năm 1996 - 2000. Có cơ chế, chính sách phù hợp để hướng nguồn vốn đầu tư này cho các chương trình, dự án phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên: dự án về nông nghiệp và chế biến sản phẩm nông nghiệp, trồng rừng, xây dựng các vùng nguyên liệu... Ở các tỉnh trung du, miền núi, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và miền Tây Nam Bộ; các dự án đầu tư cho công nghiệp nguyên liệu, cơ khí, điện tử, tin học, năng lượng, các dự án thu hút nhiều lao động hoặc dự án có công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, các xí nghiệp trong các khu công nghiệp, các dự án có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thí điểm các hình thức đầu tư gián tiếp như: bán cổ phiếu doanh nghiệp, phát hành trái phiếu ra nước ngoài...

3. Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các nước đang phát triển về nguồn vốn ODA, trong xu thế vốn ODA ít có triển vọng gia tăng mạnh mẽ, điều kiện cung cấp có khuynh hướng giảm bớt tính ưu đãi, cần tiếp tục vận động thu hút

nguồn lực này nhằm bảo đảm thực hiện 7 - 8 tỉ USD vốn ODA trong 5 năm 1996 - 2000.

Tập trung ưu tiên sử dụng vốn ODA để:

- Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là đường giao thông, điện, thủy lợi và cung cấp nước cho công nghiệp và nước sinh hoạt.

- Đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Cần lưu ý thực hiện kết hợp việc huy động sức dân theo chủ trương xã hội hoá trong các dự án vay vốn nước ngoài, nhất là đối với các dự án ở vùng sâu, vùng núi.

Tất cả vốn vay ODA (cũng như mọi khoản vay khác) phải được tính toán sử dụng một cách có hiệu quả, bảo đảm có khả năng trả được nợ.

4. Vay thương mại

Sử dụng vốn vay thương mại cho đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, mua vật tư, nguyên liệu... để tạo ra hàng xuất khẩu chất lượng cao, tạo công ăn việc làm, phát triển ngành nghề ở các vùng nông thôn, miền núi, ven đô.

Vay thương mại phải trong giới hạn cho phép, thực sự cần thiết để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, nhất là tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Nhà nước quản lý tập trung, chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ, bảo đảm sử dụng có hiệu quả và trả được nợ các khoản vay thương mại.

5. Phát triển các ngành dịch vụ thu ngoại tệ

Phát triển mạnh ngành du lịch theo quy hoạch du lịch Nhà nước đã phê duyệt để từng bước hình thành ngành công nghiệp du lịch có quy mô ngày càng tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của đất nước.

Huy động mọi nguồn vốn của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển du lịch, dành những địa điểm có lợi thế du lịch cho đầu tư trong nước.

Phát triển đa dạng và mạnh mẽ các loại dịch vụ thu ngoại tệ như dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, kiều hối, xuất khẩu chuyên gia và lao động, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

IV- NHỮNG GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

1. Vấn đề thị trường và đối tác

Từ thực lực của bản thân nước ta và từ điều kiện quốc tế, cần khẩn trương nghiên cứu hình thành chiến lược thị trường và đối tác theo hướng vừa đa dạng hoá, đa phương hoá, vừa có trọng tâm, trọng điểm, vừa linh hoạt, vừa có sự ổn định chiến lược phù hợp với từng lĩnh vực và từng sản phẩm. Trên cơ sở đó hình thành các hệ thống chính sách và giải pháp phát triển kinh tế đối ngoại phù hợp với từng giai đoạn, từng thị trường, từng đối tác và từng sản phẩm.

Trong khi hoạch định và điều hành chính sách về thị trường và đối tác cần chú trọng:

- Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta trước mắt cũng như lâu dài.

- Các thị trường có khả năng cung cấp vốn và công nghệ hiện đại cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Hiệp hội ASEAN và các nước láng giềng.
- Các thị trường có quan hệ truyền thống với nước ta.
- Các tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức tài chính và thương mại quốc tế.

Trong quan hệ với các thị trường và đối tác, coi trọng việc tổ chức, thực hiện đúng đắn các điều ước quốc tế, các hiệp định song phương và đa phương mà ta đã tham gia, xem xét việc đàm phán, ký kết các hiệp định cần thiết, thường xuyên xem xét điều chỉnh kịp thời các chính sách cụ thể, thích nghi với những diễn biến nhạy cảm của tình hình quốc tế, khu vực và trong các mối quan hệ song phương.

Tiếp tục đàm phán và giải quyết nợ nước ngoài theo hướng vừa bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi, vừa phù hợp với khả năng và sức vươn lên của nền kinh tế nước ta.

2. Nhanh chóng xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển để làm cơ sở xây dựng chiến lược và chương trình kinh tế đối ngoại chung và của từng lĩnh vực cụ thể. Trong mỗi quy hoạch phải có các cơ chế, chính sách thích hợp để bảo đảm đưa quy hoạch vào thực hiện, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc vận động ODA, khuyến khích đầu tư, khuyến mại, cũng như vạch ra lộ trình với những bước đi cụ thể để tham gia đầy đủ vào Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

3. Đồng bộ hoá cơ sở pháp luật, bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế đối ngoại hướng mạnh vào xuất khẩu

- Sớm ban hành Luật thương mại tạo cơ sở pháp lý cho

các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Xây dựng luật hoặc pháp lệnh về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài nhằm khuyến khích đầu tư ra một số địa bàn cần thiết, đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị khả năng phát triển lâu dài.

- Sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp quy của Chính phủ về quản lý, điều phối và sử dụng vốn ODA, về quản lý vay, trả nợ nước ngoài theo hướng phân định rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như của các cơ sở trong quản lý, điều phối, sử dụng vốn ODA và vay, trả nợ nước ngoài.

- Cải tiến chế độ tài chính, ngân hàng cho phù hợp với cơ chế mới nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của nền kinh tế hướng mạnh vào xuất khẩu, xem xét việc tăng cường các quỹ hỗ trợ xuất khẩu.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu (đối với từng lĩnh vực, từng sản phẩm cụ thể), có chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hàng xuất khẩu, kể cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân sản xuất hàng xuất khẩu (cả về thuế, hỗ trợ tín dụng ưu đãi để đầu tư sản xuất...).

- Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân sản xuất hàng hoá xuất khẩu, có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ, được trực tiếp xuất khẩu những hàng hoá do mình sản xuất và nhập khẩu những gì cần cho sản xuất. Đối với các mặt hàng phân tán (như thủ công mỹ nghệ...) có thể tổ chức xuất khẩu thông qua các hiệp hội, ngành hàng, hợp tác xã...

Có chính sách ưu đãi, khuyến khích liên doanh giữa các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt giữa doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp khác.

- Tiếp tục nghiên cứu chính sách thuế để khuyến khích xuất khẩu, đồng thời bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước. Trước mắt khuyến khích nhập khẩu gỗ để thực hiện chủ trương đóng cửa rừng.

4. Tăng cường công tác tổ chức và quản lý kinh tế đối ngoại

- Tiếp tục cải tiến tổ chức và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại từ trung ương đến địa phương theo hướng Nhà nước quản lý thống nhất song có sự phân công rõ ràng cả về chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ. Sớm hoàn thiện cơ chế quản lý ở các khâu xây dựng đề án, thẩm định đề án và quản lý sau khi cấp giấy phép.

- Khẩn trương xây dựng chiến lược vay nợ và trả nợ gắn với việc sử dụng có hiệu quả. Nhanh chóng đưa công tác quản lý vay, trả nợ nước ngoài vào nền nếp. Sớm ban hành chính sách quản lý vay, trả nợ nước ngoài, tính toán rõ giới hạn vay, trả nợ nước ngoài hợp lý trong từng thời kỳ.

- Tập trung công tác quản lý vốn ODA vào một đầu mối là Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan kế hoạch và đầu tư ở các cấp để huy động và sử dụng mọi nguồn vốn trong và ngoài nước theo định hướng của kế hoạch nhà nước. Sớm tăng cường cán bộ cho các cơ quan này.

- Khẩn trương nghiên cứu để xác định phương án phân cấp quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công

nghệ cao. Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi cấp trong lĩnh vực này.

- Thực hiện việc quản lý, điều hành tỷ giá đồng Việt Nam với các đồng ngoại tệ theo nguyên tắc giá cả sát giá trị, đảm bảo tỷ giá ổn định, nhưng linh hoạt, có tác dụng khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu những mặt hàng chưa cần thiết.

- Bộ Thương mại nghiên cứu thành lập “Trung tâm khuếch trương thương mại” để làm công tác thúc đẩy xuất khẩu và là đầu mối đặt quan hệ, trao đổi kinh nghiệm với tổ chức tương tự ở một số nước trong khu vực và trên thế giới. Có kế hoạch cụ thể cho các tổ chức kinh tế của ta đặt văn phòng đại diện ở nước ngoài để nghiên cứu thị trường tìm đối tác và xuất nhập khẩu. Bộ Thương mại phải phối hợp với các ngành hữu quan quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu để bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, hạn chế nhập siêu, cải thiện cán cân thanh toán.

- Áp dụng những biện pháp hữu hiệu quản lý chặt chẽ mậu dịch đường biên, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm khắc các hoạt động buôn lậu như: nắm nguồn hàng nhập từ gốc; kiểm tra, thu thuế đối với mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng nhập trên đất Việt Nam; phát động quần chúng tham gia đấu tranh chống buôn lậu và bán hàng lậu và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân buôn lậu và bán hàng lậu. Xây dựng các địa bàn biên giới vững mạnh.

- Chấn chỉnh và đổi mới hoạt động, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đại diện kinh tế, thương mại của Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở các địa bàn trọng điểm.

- Các bộ, ngành có kế hoạch cụ thể chuẩn bị mọi mặt cho việc tham gia APEC và WTO.

5. Công tác đào tạo cán bộ

Cán bộ làm kinh tế đối ngoại phải là người có đức, tài, trong đó đức là gốc. Để đáp ứng yêu cầu này, cần tập trung làm tốt một số việc:

- Mở các lớp ngắn hạn đào tạo cán bộ cho các ngành, các địa phương về hoạt động kinh tế đối ngoại. Tăng cường năng lực cho các đơn vị đầu mối ở Trung ương và địa phương về cán bộ và phương tiện kỹ thuật cần thiết, ưu tiên sử dụng hỗ trợ kỹ thuật của các nước và các tổ chức quốc tế cho mục tiêu này.

- Chú ý đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế đối ngoại, phù hợp với yêu cầu lâu dài phát triển nền kinh tế hội nhập với thị trường quốc tế, bao gồm cả cán bộ tài chính, ngân hàng, thương mại, quản lý đầu tư và kinh doanh kinh tế đối ngoại. Trước mắt cần tăng cường cho các cơ quan quản lý kinh tế đối ngoại từ trung ương đến địa phương một số cán bộ trẻ có phẩm chất tốt, có chuyên môn, ngoại ngữ để vừa làm việc, vừa đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ cho thời kỳ sau năm 2000.

- Cần có kế hoạch gửi học sinh đi đào tạo ở nước ngoài nhiều hơn nữa về kinh tế đối ngoại. Ngoài việc gửi đi học theo các chương trình viện trợ không hoàn lại, có thể nghiên cứu dùng các nguồn vốn vay ưu đãi để gửi học sinh đi đào tạo cho lĩnh vực này.

- Nâng cao chất lượng đào tạo trong nước về kinh tế đối ngoại, trước hết là chất lượng giáo trình, trình độ giáo viên, đạo đức phẩm chất của người học.

- Có chính sách và biện pháp để sử dụng tốt đội ngũ cán bộ đã được đào tạo về kinh tế đối ngoại.

Đặc biệt chú trọng sử dụng những cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất ở những vị trí có liên quan trực tiếp đến kinh tế đối ngoại, đến đối tác nước ngoài, trong đó có các cán bộ tham gia quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, các xí nghiệp liên doanh. Kiên quyết thay thế những cán bộ không đủ năng lực và phẩm chất.

6. Công tác quản lý và thông tin

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, đặc biệt coi trọng công tác quản lý dự án, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, của chính quyền địa phương đối với các hoạt động kinh tế đối ngoại. Thực hiện nghiêm túc kiểm toán nhà nước và chế độ báo cáo tài chính về tình hình thực hiện vốn nước ngoài.

- Tăng cường và từng bước hiện đại hoá công tác thông tin kinh tế đối ngoại. Coi trọng công tác dự báo về kinh tế đối ngoại, giữ gìn bí mật thông tin trong kinh tế đối ngoại.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

- Căn cứ vào các nội dung đã nêu trên đây, Ban Cán sự đảng Chính phủ và ban cán sự đảng của các ngành có liên quan và các cấp ủy, tổ chức đảng cần rà soát lại tình hình, đối chiếu với chức năng nhiệm vụ của mình để sớm xây dựng phương án tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nhằm khắc phục các khuyết điểm yếu kém, hướng các hoạt động kinh tế đối ngoại theo đúng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn

quốc lần thứ VIII và những vấn đề đã được cụ thể hoá trong Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng phân công cán bộ chuyên theo dõi, chỉ đạo lĩnh vực kinh tế đối ngoại, thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình (đánh giá việc hoạch định chính sách, kết quả và hiệu quả các hoạt động ở từng lĩnh vực, tác động của kinh tế đối ngoại đến sự chuyển biến kinh tế - xã hội...) để rút ra các bài học, kịp thời điều chỉnh các giải pháp, chính sách cho phù hợp với đòi hỏi của tình hình.

Cần đặc biệt chăm lo xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại; chăm lo bồi dưỡng, đào tạo, giáo dục đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại trong tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở.

Ban Kinh tế Trung ương, các ban chức năng của Đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng có liên quan ở Trung ương cần phối hợp giúp Bộ Chính trị đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996

VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Thực hiện Điều 39, chương VIII, Điều lệ Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

1- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng.

2- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng, đảng ủy cơ sở, cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới quyết định. Trường hợp cần thay đổi hình thức kỷ luật cao hơn thì phải báo cáo lên tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 36, chương VIII, Điều lệ Đảng.

Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị lên đảng ủy quyết định.

3- Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết những khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp quyết định hoặc đã giải quyết khiếu nại. Những khiếu nại vượt cấp, tổ chức đảng cấp trên chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, thì chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Cơ quan chức năng sau khi giải quyết phải thông báo kết quả cho tổ chức đảng đã chuyển thư khiếu nại.

4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

5- Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật tiến hành tuần tự từ ủy ban kiểm tra và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật. Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì cấp trên nữa mới giải quyết, lần lượt cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Những trường hợp khiếu nại cần trình Ban Chấp hành Trung ương giải quyết, do Bộ Chính trị quyết định.

6- Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết. Kể từ ngày nhận được khiếu nại, chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết. Nghiêm cấm các

hành vi cản trở, dìm bỏ không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

7- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn quy định của Điều lệ Đảng (một tháng); đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; bị toà án xử phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được cơ quan pháp luật có thẩm quyền hủy án vì không có tội; cá nhân, tập thể và tổ chức đảng khiếu nại hộ cho đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã chết, nếu thân nhân của người đó có yêu cầu thì tổ chức đảng vẫn xem xét, giải quyết.

8- Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 12-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996

Về việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng

Thực hiện điểm 4, Điều 40, chương VIII, Điều lệ Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

1- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc có hành động cụ thể làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đảng viên bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra lệnh truy tố, tạm giam, hoặc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng.

b) Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật

đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng.

c) Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng.

2- Thời hạn đình chỉ.

a) Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đối với cấp ủy viên là ba tháng, đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng là sáu tháng. Trường hợp cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền có thể gia hạn, nhưng thời gian đình chỉ kể cả trước và sau khi gia hạn không quá sáu tháng đối với đảng viên, cấp ủy viên, không quá mười hai tháng đối với tổ chức đảng.

b) Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên bị tạm giam được tính theo thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) của cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

3- Quyết định đình chỉ do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên, cách chức cấp ủy viên hoặc giải tán tổ chức đảng quyết định. Cụ thể là:

a) Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả chi ủy viên trong đảng bộ cơ sở) do chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

b) Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên do chi bộ và cấp ủy cùng cấp đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp ủy thì cấp ủy phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền cách chức, khai trừ đảng viên đó quyết định.

c) Đình chỉ hoạt động một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Đình chỉ hoạt động của một cấp ủy (hoặc ban thường vụ cấp ủy) trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị quyết định và báo cáo Ban Chấp hành Trung ương. Sau khi có quyết định đình chỉ, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức bị đình chỉ được chỉ định một tổ chức đảng tạm thời tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đảng đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu tổ chức đảng bị đình chỉ được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải tán và đã lập tổ chức đảng mới, thì tổ chức đảng tạm thời đương nhiên giải thể.

d) Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ và trong trường hợp cần thiết, thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Sau đó thông báo cho đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan biết để chấp hành.

4- Trong thời gian bị đình chỉ, đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, hoặc đảng viên và cấp ủy viên của tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm sai lầm, thực hiện các việc được giao, v.v.); được đề đạt ý kiến của mình với các tổ chức đảng có thẩm quyền; không được lấy danh nghĩa tổ chức

hoặc danh nghĩa cấp ủy viên đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

5- Trong thời gian đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận kịp thời việc vi phạm. Nếu đảng viên vi phạm chưa đến mức phải khai trừ, cấp ủy viên vi phạm chưa đến mức phải cách chức, tổ chức đảng vi phạm chưa đến mức phải giải tán, thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định cho trở lại sinh hoạt, hoạt động và xem xét xử lý, kỷ luật bằng hình thức thích hợp.

Khi đảng viên, cấp ủy viên không còn bị tạm giam, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét việc cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt; xem xét, kết luận vi phạm và xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức thích hợp (nếu có vi phạm đến mức phải xử lý).

6- Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động và chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng (nếu có vi phạm đến mức phải xử lý).

Quy định này thay thế Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 20-12-1991 của Bộ Chính trị (khoá VII) có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHÁ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 04-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1996

**VỀ VIỆC TỔ CHỨC KỶ NIỆM NGÀY SINH
CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÊ HỒNG PHONG, NGUYỄN VĂN CỪ,
TRƯỜNG CHINH, LÊ DUẨN**

Năm 1997 là năm kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh của đồng chí Lê Hồng Phong (1902 - 1997), Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Trưởng Ban Hải ngoại của Đảng ta đầu những năm 30; lần thứ 85 ngày sinh của đồng chí cựu Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ (1912 - 1997); lần thứ 90 ngày sinh của đồng chí cựu Tổng Bí thư Trường Chinh (1907 - 1997); lần thứ 90 ngày sinh của đồng chí cựu Tổng Bí thư Lê Duẩn (1907 - 1997).

Các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn là những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, chiến sĩ cách mạng kiên cường, đã có nhiều công lao to lớn đối với cách mạng Việt Nam, suốt đời chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Các đồng chí đó cũng như biết bao chiến sĩ cách mạng khác đã đặt lợi ích của Đảng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, trước hết,

nêu cao phẩm chất đạo đức, xứng đáng là những học trò trung thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tinh thần cách mạng của các đồng chí là nguồn giáo dục, động viên to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân ta.

Kỷ niệm ngày sinh năm chẵn của các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn cần thực hiện dưới các hình thức sau:

- Tuyên truyền về thân thế và sự nghiệp của các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn. Noi gương tinh thần cách mạng của các đồng chí, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm ngày sinh các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn tại các tỉnh quê hương của các đồng chí và tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, do Tỉnh ủy, Thành ủy chủ trì. Tại cuộc mít tinh, ngoài diễn văn của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, cần có một số bài phát biểu được chuẩn bị tốt nói lên cuộc đời, công lao, sự nghiệp và những bài học mà các đồng chí để lại cho chúng ta hôm nay.

- Báo Nhân dân và báo Đảng các tỉnh quê hương của các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn có các bài hồi ký, bài giới thiệu về thân thế và sự nghiệp của các đồng chí.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 13-QĐ/TW, ngày 22 tháng 11 năm 1996
Về việc thành lập Tiểu ban xây dựng
đề án cải tiến tổ chức bộ máy Đảng
và các đoàn thể chính trị - xã hội

Để giúp Bộ Chính trị chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 3, khoá VIII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1- Thành lập **Tiểu ban xây dựng đề án cải tiến tổ chức bộ máy Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội**, gồm các đồng chí:

- Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Tiểu ban.
- Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Trưởng Tiểu ban.
- Lê Huy Ngọ, Ủy viên Trung ương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Thường trực.

- Đỗ Quang Trung, Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy viên Thường trực.
- Lê Quang Thuởng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Thường trực.
- Đinh Văn Tư, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên Thường trực.
- Phạm Minh Hạc, Ủy viên Trung ương, Phó Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Bí thư Đảng ủy Khối Khoa giáo, Ủy viên.
- Trần Lưu Vy, Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên.
- Trần Hữu Đắc, Phó Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy viên.
- Phan Ngọc Tường, nguyên Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ, Ủy viên.
- Quách Lê Thanh, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Bí thư Đảng ủy Khối Nội chính Trung ương, Ủy viên.
- Đỗ Văn Tài, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.
- Vũ Quang Tuyền, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên.
- Lê Hữu Nghĩa, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.
- Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ủy viên.
- Nguyễn Minh Niên, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.
- Trần Tình, Phó Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

2- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm vật chất và tài chính để thực hiện Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996

**Về tăng cường công tác xây dựng Đảng
và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp
tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn,
công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp
tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

Thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mấy năm gần đây, nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập và đi vào hoạt động, đóng góp tích cực vào những thành tựu chung của công cuộc đổi mới ở nước ta. Nhưng sự phát triển ấy chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khai thác và phát huy tốt tiềm năng về nguồn vốn, tài nguyên và lao động trong nước, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài. Hoạt động của không ít doanh nghiệp đã bộc lộ những yếu kém, tiêu cực như trốn thuế, lậu thuế, vi phạm hợp đồng; ở một số nơi quyền lợi và nhân phẩm của người lao động chưa được tôn trọng và bảo vệ... Sự lãnh đạo của Đảng,

công tác quản lý của Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể ở các cấp đối với các doanh nghiệp này chưa được coi trọng đúng mức.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan vì đây là lĩnh vực mới, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm; nhưng chủ yếu là do các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, chưa có biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý đối với sự phát triển của khu vực kinh tế này; chậm có quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thiếu tổ chức và cán bộ chăm lo việc xây dựng Đảng và đoàn thể trong các loại doanh nghiệp nói trên.

Để bảo đảm cho các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển lành mạnh, đúng hướng, đóng góp tích cực vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong những năm tới, các cấp ủy và tổ chức đảng cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, bổ sung, hoàn thiện luật pháp, làm tốt chức năng quản lý của cơ quan nhà nước đối với các loại doanh nghiệp nói trên.

2- Xúc tiến việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trước hết là ở những doanh nghiệp có

quy mô lớn và vừa, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, rút kinh nghiệm để tiến hành ở các doanh nghiệp khác.

Các tổ chức đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động công khai, hợp pháp theo Hiến pháp, Điều lệ Đảng và điều lệ của các đoàn thể, bảo đảm hiệu quả thiết thực, tránh hình thức.

- Ở những doanh nghiệp đã có từ 3 đảng viên chính thức trở lên đang làm việc tại doanh nghiệp nhưng còn sinh hoạt đảng ở nơi khác, cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra xem xét, nếu thấy các đảng viên đó có đủ điều kiện thì chỉ đạo chuyển sinh hoạt đảng của số đảng viên đó về doanh nghiệp để lập tổ chức đảng tại doanh nghiệp.

- Ở những doanh nghiệp chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện lập tổ chức đảng, cấp ủy cấp trên trực tiếp bố trí cán bộ đảng có kinh nghiệm đến làm việc ở doanh nghiệp để cùng với các đoàn thể trong doanh nghiệp tiến hành công tác giáo dục quần chúng, phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

- Đối với những doanh nghiệp hợp tác, liên doanh với nước ngoài, ngay khi chuẩn bị dự án đầu tư, các cơ quan, đơn vị phía Việt Nam tham gia liên doanh phải nhanh chóng hình thành tổ chức đảng (chi bộ, tổ đảng) trong cơ quan, đơn vị làm công tác chuẩn bị đầu tư, liên doanh; tạo tiền đề thuận lợi để lập tổ chức đảng khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.

Các cơ quan quản lý và các tổ chức làm công tác chuẩn bị đầu tư phải có kế hoạch lựa chọn, đào tạo, chuẩn bị cán bộ, đảng viên, nhân viên có đủ tiêu chuẩn để đưa vào liên doanh, trước hết là những chức vụ trong hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp, cán bộ tài chính, kế toán, tổ chức nhân sự...

của doanh nghiệp. Thực sự coi trọng công tác giáo dục, quản lý, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Đối với những doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, cấp ủy cấp trên trực tiếp cử cán bộ, đảng viên tiếp xúc, làm việc với chủ doanh nghiệp nước ngoài, tuyên truyền, phổ biến để họ nhận thức rõ về sự cần thiết và ý nghĩa, mục đích của việc lập tổ chức đảng, công đoàn và các đoàn thể khác tại doanh nghiệp. Trước hết, phải quan tâm xây dựng tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo luật định, từ hoạt động của công đoàn mà lựa chọn đoàn viên ưu tú để phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

3- Xây dựng các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Cấp ủy các cấp lãnh đạo ban chấp hành các đoàn thể cấp mình đi sát cơ sở, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên để lập tổ chức của các đoàn thể phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp. Ở các đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của Luật công đoàn và Luật lao động, phấn đấu đến hết năm 1997 có tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp lớn và vừa, tiến tới lập tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh còn lại. Từng bước lập các chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội thanh niên, chi hội phụ nữ... ở các cơ sở này.

4- Cấp ủy các cấp thường xuyên chăm lo việc nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo đúng quy định (kèm theo Chỉ thị này) của Bộ Chính trị.

5- Tổ chức thực hiện.

Ở cấp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách thường xuyên theo dõi, nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để các cơ quan nói trên giúp Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

Các học viện chính trị, hành chính, các trường đoàn thể cấp Trung ương có kế hoạch nghiên cứu xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; hướng dẫn các trường ở các ngành, các tỉnh, thành và trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ đảng, đoàn thể trong khu vực này.

Các cấp ủy địa phương tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo của cấp ủy đối với việc phát triển các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở địa phương, nhất là ở thành phố, thị xã trong thời gian qua. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đoàn thể đối với các doanh nghiệp này. Có kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo việc lập các hội hoặc câu lạc bộ của các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), theo ngành nghề, đúng luật pháp, trên cơ sở tự nguyện.

Cấp ủy các cấp chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đảng, công tác đoàn thể trong các doanh nghiệp, phân công người trực tiếp bàn với chủ doanh nghiệp để họ tạo điều kiện thuận lợi để các cán bộ đó hoạt động.

Cấp ủy tỉnh, thành phố, quận, thị xã trọng điểm (nơi có nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) lập bộ phận chuyên trách trực thuộc cấp mình, giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, đoàn thể ở doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các tỉnh, huyện, thị khác có bộ phận và cán bộ chuyên trách ở ban tổ chức của cấp ủy để thực hiện các nội dung trên.

Nói chung các tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc cấp ủy huyện, quận, thị hoặc đảng ủy cấp trên cơ sở; một số tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp lớn và quan trọng đặt trực thuộc cấp ủy tỉnh, thành do ban thường vụ tỉnh, thành ủy quyết định. Ở doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà phía Việt Nam chỉ có một doanh nghiệp tham gia liên doanh thì tổ chức đảng ở doanh nghiệp này đặt trực thuộc đảng ủy công ty có vốn đầu tư tham gia liên doanh. Ở những khu công nghiệp, khu chế xuất có thể lập đảng bộ khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

Cấp ủy cơ sở phường, thị trấn, xã có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, nhất là kinh tế cá thể, tư nhân, hợp tác quy mô nhỏ trên địa bàn; hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các hội nghề nghiệp trên địa bàn; quản lý đảng viên, nắm chắc số đảng viên đang sinh hoạt đảng tại chi bộ địa

phương nơi cư trú nhưng làm việc ở các doanh nghiệp để hướng dẫn, kiểm tra công tác của những đảng viên này.

Các tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức đảng có liên quan ở Trung ương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị này với Thường vụ Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) vào giữa năm và cuối năm.

Chỉ thị này được phổ biến đến cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, tới các chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thi hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 22-TB/TW, ngày 24 tháng 11 năm 1996

Về việc chỉ đạo Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII

Ngày 24-10-1996, sau khi nghe Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị kết luận như sau:

Trong lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước, phụ nữ Việt Nam giữ vị trí, vai trò rất to lớn và quan trọng. Trong sự nghiệp đổi mới, các tầng lớp phụ nữ nước ta đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong lao động, sản xuất và công tác, đạt những thành tích xuất sắc trên nhiều lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học, xây dựng lực lượng vũ trang... Đời sống của đông đảo phụ nữ được cải thiện, vị trí xã hội của phụ nữ được nâng cao.

Tuy nhiên, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức văn hoá, xã hội... của một bộ phận không nhỏ phụ nữ còn thấp, nhiều người còn thiếu việc làm, đời sống khó khăn.

Phong trào phụ nữ nước ta, với động lực là yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến và những nhân tố mới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam những năm qua đã hoạt động thiết thực, có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực xã hội.

Hội đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, chăm lo lợi ích thiết thân, chính đáng của phụ nữ, coi trọng gắn kết việc thực hiện các nhiệm vụ xã hội với các nhiệm vụ kinh tế, chính trị trong từng thời kỳ, qua đó tập hợp, thu hút đông đảo phụ nữ vào Hội. Hội đã phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, các ngành, các đoàn thể và các tổ chức xã hội khác trong việc thực hiện các chính sách có liên quan đến phụ nữ và phát huy vai trò của phụ nữ, xã hội hoá công tác phụ nữ. Nhiều phong trào phụ nữ do Hội tổ chức và hướng dẫn có bước phát triển vững chắc. Hội đã đại diện được quyền lợi và góp phần nâng cao vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội, uy tín của Hội ngày càng được khẳng định ở trong nước cũng như trên trường quốc tế.

Báo cáo trình ra Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII cần tổng kết phong trào phụ nữ 5 năm qua, rút ra những bài học kinh nghiệm về tổ chức, hoạt động và phát triển Hội; chỉ ra những nhân tố mới và cả những mặt công tác còn yếu kém; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển phong trào phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tích cực phấn đấu thực hiện chiến lược vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam đến năm 2000.

Về công tác vận động phụ nữ trong thời gian tới cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Tiếp tục phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; giải quyết việc làm, đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp, trình độ học vấn cho phụ nữ để chị em có điều kiện phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp chung cũng như phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống, hạn chế phân hoá giàu nghèo.

- Coi trọng việc giáo dục phụ nữ phát huy lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; tổ chức và động viên phong trào phụ nữ xây dựng nếp sống lành mạnh, tiến bộ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; phát động các phong trào phụ nữ tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội như nghiện hút ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan, buôn bán phụ nữ và trẻ em...

- Mở rộng hoạt động của Hội trong giới nữ công thương, góp phần hướng dẫn, giúp đỡ chị em sản xuất, kinh doanh và ý thức chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Hội để làm tốt việc hướng dẫn và tổ chức các phong trào cách mạng của phụ nữ thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Tăng cường phối hợp với các cấp chính quyền, các ngành và các đoàn thể trong việc thực hiện công tác vận động phụ nữ; làm tốt vai trò đại diện tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những vấn đề có liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội thật sự có năng lực về mọi mặt để hướng dẫn, tổ chức các phong trào cách mạng của phụ nữ.

- Là một tổ chức liên hiệp, Hội cần làm tốt việc phối hợp

và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên và tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ vào tổ chức. Đồng thời chăm lo xây dựng lực lượng nòng cốt của Hội từ trung ương đến cơ sở, nhất là xây dựng cơ sở hội vững mạnh.

- củng cố tổ chức vận động nữ công nhân viên chức để làm tốt việc giáo dục bản chất giai cấp công nhân và giáo dục về giới trong nữ công nhân viên chức.

- Về đối ngoại:

Hội cần gìn giữ và mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với phụ nữ các nước, tranh thủ sự đồng tình, giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế nhằm thực hiện mục tiêu “hành động vì bình đẳng - phát triển và hoà bình”.

Các cấp ủy đảng và đảng đoàn các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Hội Phụ nữ làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; bồi dưỡng để kết nạp những phụ nữ đủ tiêu chuẩn vào Đảng và lựa chọn những chị em đủ đức, tài vào giữ chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước... Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ cần có đồng chí Phó ban là nữ để giúp Chính phủ trong công tác cán bộ nữ.

Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần chỉ đạo quán triệt các nội dung kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị vào báo cáo của Ban Chấp hành trình ra Đại hội tới.

Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý để tăng thêm số lượng Ban Chấp hành Trung ương Hội khoá tới (tối đa không quá 130 người); chú ý tăng tỷ lệ người ngoài Đảng, đại biểu nữ trí thức trong Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Đồng ý có mời khách quốc tế đến dự Đại hội nhưng đối tượng và số lượng mời, Thường vụ Bộ Chính trị sẽ cho ý kiến sau. Số lượng đại biểu trong nước dự Đại hội nên khoảng 900 người.

Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII cần được tổ chức thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh phô trương hình thức.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 15-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996

Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII),
- Căn cứ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,
- Căn cứ đặc điểm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,

Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là hạt nhân chính trị lãnh đạo thực hiện chính

sách, pháp luật của Nhà nước ở doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Nhiệm vụ chính trị

- Lãnh đạo cán bộ, nhân viên, người lao động Việt Nam thực hiện và tuyên truyền, vận động, giám sát phía nước ngoài thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam, các quy định trong giấy phép đầu tư, hợp đồng liên doanh, điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng và thỏa ước lao động. Đoàn kết các thành viên trong doanh nghiệp vì mục tiêu chung là bảo đảm doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoạt động có hiệu quả, bảo đảm lợi ích của Nhà nước Việt Nam, của các bên có vốn đầu tư, lợi ích và nhân phẩm của người lao động.

- Lãnh đạo cán bộ, nhân viên, người lao động Việt Nam học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề, nắm vững kiến thức khoa học, công nghệ, nghiệp vụ quản lý kinh doanh, rèn luyện tinh thần lao động và ý thức kỷ luật lao động.

- Lãnh đạo cán bộ, nhân viên và người lao động Việt Nam trong doanh nghiệp cùng với hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp giữ gìn bí mật và chủ quyền quốc gia, thực hiện tốt nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và tham gia các công tác xã hội ở địa phương.

Điều 3. Công tác tư tưởng

- Giáo dục cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam hiểu và tự giác chấp hành đúng đường lối, chính sách của

Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp; nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý thức giai cấp và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái giữa những người lao động; tinh thần hợp tác giữa người Việt Nam với người nước ngoài; đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục những việc làm trái với pháp luật.

- Tuyên truyền, vận động và bằng hoạt động có hiệu quả của các tổ chức đảng, các đoàn thể làm cho người nước ngoài hiểu đúng và tôn trọng các hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể

Lãnh đạo xây dựng và củng cố tổ chức công đoàn, các đoàn thể nhân dân khác theo đúng pháp luật của Nhà nước và điều lệ của mỗi đoàn thể. Lãnh đạo các đoàn thể xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động trong từng thời gian nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, cùng với các chủ doanh nghiệp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, thực hiện thỏa ước lao động tập thể, tổ chức cho người lao động học tập nâng cao trình độ, tham gia công tác xã hội ở địa phương. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn thay mặt đoàn viên và quần chúng lao động bàn bạc với chủ doanh nghiệp giải quyết các mâu thuẫn giữa công nhân và chủ doanh nghiệp theo pháp luật.

Điều 5. Công tác tổ chức và cán bộ

- Ở những doanh nghiệp hợp tác, liên doanh.

Cấp ủy chủ động đề xuất hoặc tham gia ý kiến với cấp ủy

cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ ở doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên quyết định.

Cấp ủy lãnh đạo cán bộ chủ chốt của phía Việt Nam trong hội đồng quản trị, giám đốc và phó giám đốc doanh nghiệp về những vấn đề tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp trước khi đưa ra hội đồng quản trị hoặc giám đốc doanh nghiệp xem xét, quyết định.

- Ở những doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài.

Cấp ủy lựa chọn, bồi dưỡng, giới thiệu những đảng viên và người ngoài Đảng có phẩm chất và năng lực, được quần chúng tín nhiệm, ứng cử vào ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể khác ở doanh nghiệp và giáo dục, quản lý những cán bộ đó.

Cấp ủy trực tiếp xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp ủy.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

Xây dựng đảng bộ, chi bộ và đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh; quản lý, phân công và kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao, chấp hành Điều lệ và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Bảo đảm nền nếp và chất lượng sinh hoạt chi bộ, cấp ủy; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ Đảng, bảo vệ bí mật quốc gia, chống các hành động mua chuộc, chia rẽ, bè phái và các biểu hiện tiêu cực khác làm hại đến thanh danh của Đảng và đạo đức, tư cách của đảng viên.

Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền phát triển đảng viên mới, bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng.

III- QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC ĐẢNG VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7

- Ở những doanh nghiệp hợp tác, liên doanh.

Đảng viên là cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp và của ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, định kỳ báo với cấp ủy về hoạt động của mình trong doanh nghiệp.

Từng thời gian hoặc khi có tình hình đột xuất, tổ chức đảng mời giám đốc doanh nghiệp hoặc thành viên chủ chốt trong hội đồng quản trị là người ngoài Đảng trao đổi về hoạt động của doanh nghiệp và thông báo cho họ biết ý kiến của tổ chức đảng và quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp.

- Ở những doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài.

Tổ chức đảng trực tiếp quan hệ với chủ doanh nghiệp và những người nước ngoài hoặc thông qua cán bộ, đảng viên trong ban chấp hành công đoàn, các đoàn thể và các cơ quan quản lý của doanh nghiệp để nắm tình hình và phương hướng hoạt động của doanh nghiệp, có chủ trương lãnh đạo phù hợp.

Điều 8

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được cấp ủy đó ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng

mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên, với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi có đảng viên cư trú, để phối hợp công tác.

Điều 9

Ở những doanh nghiệp hợp tác, liên doanh với nước ngoài, các đảng viên được các đơn vị Việt Nam tham gia liên doanh cử đến làm việc dài hạn tại liên doanh lập thành tổ chức đảng trong liên doanh, việc thành lập tổ chức đảng trong liên doanh do cấp ủy cấp trên có thẩm quyền ra quyết định.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10

Các tỉnh ủy, thành ủy, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm lãnh đạo, cụ thể hoá và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

Cấp ủy, chi bộ trong các doanh nghiệp căn cứ vào quy định này xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để thực hiện.

Qua thực tế hoạt động, các tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức đảng có liên quan kịp thời rút kinh nghiệm và báo cáo về Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 16-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996

Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân)

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII),
 - Căn cứ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,
 - Căn cứ đặc điểm của các doanh nghiệp tư nhân,
- Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân là hạt nhân chính trị lãnh đạo thực hiện chính sách, pháp luật của

Nhà nước ở doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Nhiệm vụ chính trị

Lãnh đạo người lao động trong doanh nghiệp thực hiện và tuyên truyền vận động, giám sát chủ doanh nghiệp thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, hợp đồng và thỏa ước lao động đã ký kết, phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm lợi ích của người lao động, của chủ doanh nghiệp và của Nhà nước theo pháp luật; đấu tranh khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, lợi ích và nhân phẩm người lao động.

Lãnh đạo người lao động và tuyên truyền vận động chủ doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, các mặt công tác xã hội trong doanh nghiệp và ở địa phương.

Điều 3. Công tác tư tưởng

Tuyên truyền giáo dục đảng viên, những người lao động và các thành viên trong doanh nghiệp hiểu và chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; xây dựng tinh thần lao động và ý thức kỷ luật; xây dựng tình đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong lao động, học tập,

trong cuộc sống; từng bước nâng cao giác ngộ giai cấp và lý tưởng xã hội chủ nghĩa của người lao động.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể

Lãnh đạo xây dựng tổ chức và hoạt động của công đoàn và các đoàn thể khác theo đúng pháp luật và điều lệ của mỗi đoàn thể. Lãnh đạo các đoàn thể phối hợp hoạt động tập hợp, đoàn kết quần chúng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm của người lao động; giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hợp đồng, thỏa ước lao động...; ngăn ngừa và khắc phục có hiệu quả các biểu hiện phân hoá, chia rẽ trong cộng đồng người lao động; lãnh đạo quần chúng và tham gia ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý đúng đắn các vụ tranh chấp trong doanh nghiệp.

Điều 5. Công tác tổ chức và cán bộ

Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

Chủ động hoặc đề xuất với cấp trên xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp.

Tham gia ý kiến với chủ doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ trong doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; quản lý,

phân công và kiểm tra đảng viên thực hiện các nhiệm vụ được giao, chấp hành điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, học tập nâng cao trình độ các mặt, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân và công tác xã hội ở địa phương.

Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, bảo đảm nền nếp và chất lượng sinh hoạt chi bộ, cấp ủy; giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ; thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ; đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, làm thiệt hại đến lợi ích và nhân phẩm người lao động, lợi ích của doanh nghiệp và của Nhà nước.

Thường xuyên làm tốt công tác phát triển Đảng, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng.

III- QUAN HỆ GIỮA CẤP ỦY, CHI BỘ VỚI CHỦ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7

Cấp ủy, chi bộ xây dựng và thực hiện mối quan hệ với chủ doanh nghiệp, vì mục tiêu chung là phát triển doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động, chủ doanh nghiệp và của Nhà nước, đấu tranh với những việc làm trái pháp luật.

Cấp ủy chủ động bàn bạc với chủ doanh nghiệp tư nhân tổ chức những cuộc sinh hoạt định kỳ giữa chi ủy, ban chấp hành các đoàn thể và giám đốc doanh nghiệp để thông báo cho nhau về tình hình sản xuất, kinh doanh, thực hiện các thỏa ước, hợp đồng lao động trong doanh nghiệp và tâm tư

nguyện vọng của những người lao động và bàn biện pháp phối hợp giải quyết.

Điều 8

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được cấp ủy đó ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên, với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi đảng viên cư trú để phối hợp công tác.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9

Các tỉnh, thành ủy, quận, huyện, thị ủy và tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của đảng bộ, chi bộ ở các doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm lãnh đạo, cụ thể hoá và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Cấp ủy, chi bộ trong doanh nghiệp tư nhân căn cứ vào Quy định này xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để thực hiện.

Qua thực tế hoạt động, các tỉnh, thành ủy và tổ chức đảng có liên quan kịp thời rút kinh nghiệm và báo cáo Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-CT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1996

Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý

Trong những năm qua, công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý ở nước ta đã được các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở triển khai, tổ chức thực hiện theo nội dung Nghị quyết số 06/CP, ngày 29 tháng 1 năm 1993 của Chính phủ, bước đầu đạt được một số kết quả: giảm nhanh diện tích trồng cây thuốc phiện ở các tỉnh miền núi; đẩy mạnh các hoạt động kiểm soát và thi hành pháp luật đối với việc sản xuất, buôn bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng ma tuý; xã hội hoá công tác cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai; tăng cường hợp tác quốc tế về kiểm soát ma tuý.

Song, hiện nay tệ nạn lạm dụng ma tuý trong nhân dân chưa giảm, đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng hít và tiêm chích hêrôin trong thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên các trường học đang có chiều hướng gia tăng. Đây là những dấu hiệu nguy hiểm làm mất an toàn xã hội, băng hoại đạo đức truyền thống, phá vỡ hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng xấu

đến nòi giống và sự tồn vong của dân tộc. Diện tích trồng cây thuốc phiện tuy đã giảm nhưng chưa thật vững chắc; tình hình sản xuất, buôn bán và tổ chức sử dụng trái phép các chất ma tuý còn diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên thuộc về vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy đảng và cơ quan nhà nước đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý thời gian qua.

Bộ Chính trị yêu cầu:

1- Các cấp ủy đảng phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý, phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên nhằm từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng sử dụng ma tuý trong nhân dân. Cần có những biện pháp đặc biệt để chặn đứng ngay việc thanh, thiếu niên nghiện hút, hít và tiêm chích ma tuý; xoá bỏ hoàn toàn việc trồng cây thuốc phiện và cây cần sa; kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển và tổ chức sử dụng ma tuý; quản lý nghiêm ngặt việc sản xuất, kinh doanh xuất, nhập khẩu các hoá chất và dược phẩm có chứa chất ma tuý.

2- Các cấp ủy và tổ chức đảng phải cụ thể hoá nhiệm vụ lãnh đạo chính quyền, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý ở từng địa phương, từng đơn vị gắn với nội dung của Nghị quyết 06/CP, các Nghị định 53/CP, 87/CP và Chỉ thị: 13-CT/TW, 33-CT/TW, 64-CT/TW, được thể hiện trong “Kế hoạch tổng thể phòng, chống và kiểm soát ma tuý” của Chính phủ.

3- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc chuẩn bị Luật phòng, chống và kiểm soát ma túy; nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các điều, mục quy định về ma túy trong các bộ luật và luật hiện hành (Bộ luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân...) để sớm trình ra Quốc hội. Trước mắt sớm ban hành Pháp lệnh về phòng, chống và kiểm soát ma túy.

4- Các cấp ủy đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước với các đoàn thể nhân dân và các tổ chức kinh tế nhằm thực hiện đồng bộ, có kết quả các chủ trương và biện pháp sau đây:

- Tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt trong thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên, giáo viên và cha mẹ học sinh về hậu quả nguy hại của việc lạm dụng ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội để chủ động phối hợp phòng ngừa. Tăng cường hơn nữa việc đưa nội dung phòng, chống ma túy vào chương trình giáo dục ở các trường học. Phát động phong trào toàn dân đấu tranh, tố giác bọn sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và tổ chức sử dụng chất ma túy.

- Phát hiện và chữa trị kịp thời cho những học sinh, sinh viên, thanh, thiếu niên nghiện ma túy, tổ chức thật tốt việc điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện, dạy nghề, tạo việc làm cho họ nhằm tái hoà nhập cộng đồng. Tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật nhằm bảo đảm cho các cơ sở chữa bệnh đối với người nghiện ma túy theo tinh thần Nghị định số 20/CP của Chính phủ.

- Bằng mọi biện pháp ngăn chặn các nguồn ma túy từ nước ngoài đưa vào Việt Nam; quản lý chặt chẽ việc sản xuất,

kinh doanh dược phẩm có chất ma túy; trừng trị kịp thời và nghiêm khắc đối với những kẻ sản xuất, buôn bán, tàng trữ, tổ chức, hoặc cưỡng ép sử dụng ma túy... Tiếp tục thực hiện cuộc vận động đồng bào vùng cao - miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số dứt khoát không trồng, không nghiện hút thuốc phiện hoặc cần sa và các chất ma túy khác, đồng thời phát triển nhanh kinh tế - xã hội ở những khu vực này.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế về lĩnh vực này, nghiên cứu để sớm tham gia các công ước quốc tế về ma túy.

5- Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin đại chúng phải đặt công tác tuyên truyền giáo dục phòng, chống ma túy cũng như phòng, chống các tệ nạn xã hội khác là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và lâu dài. Thường trực Chương trình quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy cùng với các bộ, ngành có liên quan như Lao động - Thương binh xã hội, Y tế, Nội vụ... chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện các chủ trương và biện pháp nêu trên. Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam và các đoàn thể nhân dân như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam... tổ chức tuyên truyền, vận động đến từng đoàn viên, hội viên, từng gia đình làm cho mọi người, mọi nhà thấy rõ tác hại nghiêm trọng của ma túy, từ đó mà tự điều chỉnh hành vi của mình, giữ gìn đạo đức, nhân cách, lối sống lành mạnh trong gia đình và cộng đồng.

Ban Cán sự đảng Chính phủ cần tăng cường chỉ đạo

Cơ quan Thường trực của Chương trình quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy Việt Nam, nhằm thực hiện thành công những nhiệm vụ đã đề ra trong “Kế hoạch tổng thể phòng, chống và kiểm soát ma túy”.

6- Các đảng bộ cơ sở phải đưa nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống và kiểm soát ma túy cùng với phòng, chống các tệ nạn xã hội khác vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của đảng bộ, chi bộ. Giáo dục và động viên cán bộ, đảng viên gương mẫu tham gia phòng, chống và kiểm soát ma túy. Xử lý thật nghiêm theo kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước những đảng viên nghiện hút ma túy, hoặc bao che những kẻ nghiện hút, tiêm chích ma túy. Khai trừ ngay ra khỏi Đảng những đảng viên có hành vi sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và tổ chức sử dụng ma túy dưới mọi hình thức.

7- Hàng quý (đối với địa bàn trọng điểm hàng tháng), thường trực cấp ủy phải nghe ban cán sự đảng cơ quan chính quyền báo cáo và có ý kiến chỉ đạo cụ thể về việc thực hiện các nhiệm vụ này.

Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các cấp ủy trực thuộc Trung ương khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị này. Sau từng thời gian cụ thể phải báo cáo kết quả tình hình công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy với Bộ Chính trị.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 17-QĐ/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1996

Về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài

Cùng với việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, quan hệ hợp tác và giao lưu quốc tế của nước ta ngày càng mở rộng; số đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, lao động, việc riêng, v.v. ngày càng nhiều. Bộ Chính trị quy định một số nhiệm vụ và sinh hoạt Đảng của đảng viên khi ra nước ngoài như sau:

I- NHIỆM VỤ

1- Đảng viên khi ra nước ngoài phải tuân thủ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, luật pháp của nước ta và nước sở tại.

2- Trước khi ra nước ngoài, đảng viên phải báo cáo cấp ủy quản lý trực tiếp của mình về nhiệm vụ, mục đích, thời gian ra nước ngoài và khi về nước phải báo cáo kết quả chuyến đi.

3- Khi đi ra nước ngoài, không mang tài liệu mật của Đảng và Nhà nước ra nước ngoài. Khi từ nước ngoài về không mang theo tài liệu phản động và văn hoá phẩm đồi trụy.

4- Khi đến nước ngoài, đảng viên phải báo cáo với cơ quan đại diện, với cấp ủy đảng của nước ta ở nước sở tại (ở những nơi đã có) để được hướng dẫn, giúp đỡ.

5- Nâng cao cảnh giác, kịp thời đấu tranh với những hoạt động chia rẽ, chống đối của các thế lực thù địch. Kịp thời phát hiện, báo cáo với tổ chức đảng và cơ quan đại diện của ta ở nước sở tại những âm mưu thủ đoạn mua chuộc, móc nối của địch.

6- Đảng viên nào kết hôn với người nước ngoài, trước khi kết hôn phải báo cáo cấp ủy quản lý trực tiếp của mình và cơ quan đại diện nước ta tại nước sở tại.

7- Đảng viên được nước ngoài dự định tặng huân chương, giải thưởng, học hàm, học vị... hoặc bố trí làm thành viên một tổ chức của họ ngoài hiệp định hợp tác giữa hai nhà nước, phải báo cáo cấp có thẩm quyền của ta xem xét, quyết định.

8- Khi hết hạn ở nước ngoài, đảng viên muốn ở lại thêm phải xin phép cơ quan quản lý trực tiếp của mình ở trong nước và được đại sứ, tổng lãnh sự, trưởng đoàn cơ quan đại diện của ta ở nước sở tại cho phép gia hạn. Nếu tự động ở lại hoặc tự ý đi sang một nước khác ở thì tổ chức đảng xử lý về Đảng và thông báo cho cơ quan chủ quản trong nước hoặc cấp ủy địa phương nơi đảng viên cư trú biết.

II- SINH HOẠT ĐẢNG

1- Đảng viên ra nước ngoài từ 1 tháng đến 3 tháng, nếu đi trong đoàn có 3 đảng viên trở lên thì đảng ủy, chi ủy cơ sở cơ quan chủ trì lập tổ đảng hoặc lập chi bộ tạm thời để tự quản sinh hoạt.

2- Đảng viên ra nước ngoài từ trên 3 tháng đến 12 tháng, chuyển sinh hoạt đảng tạm thời từ cấp ủy cơ sở nơi đi đến Ban Cán sự đảng Ngoài nước. Ban Cán sự đảng Ngoài nước giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng viên ra các đảng ủy, chi bộ ở ngoài nước hoặc ra quyết định thành lập chi bộ tạm thời cho các đảng viên này nếu trong đoàn ra nước ngoài có 3 đảng viên trở lên.

3- Đảng viên ra nước ngoài trên 12 tháng thì chuyển sinh hoạt đảng chính thức như quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

4- Đảng viên đến những nước mà ở đó chưa có cơ quan đại diện của ta, chưa có tổ chức đảng, hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì chế độ sinh hoạt đảng do Ban Cán sự đảng Ngoài nước hướng dẫn.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, các tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm tuyển chọn đảng viên đi công tác, lao động, học tập, hoặc cho phép đảng viên ra nước ngoài với lý do riêng, coi trọng công tác kiểm tra và hướng dẫn thực hiện các quy định nêu trên thật chặt chẽ; tuyệt đối không cử đảng viên không bảo đảm phẩm chất chính trị, đạo đức, vi phạm pháp luật, có vấn đề đang bị nghi vấn ra nước ngoài công tác, học tập...

2- Cấp ủy có đảng viên ra ngoài nước công tác, lao động, học tập,... và đi việc riêng phải tổ chức bồi dưỡng để nâng cao nhận thức chính trị, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, thực hiện chặt chẽ quy định chuyển sinh

hoạt đảng đối với đảng viên. Khi đảng viên về nước, phải tổ chức bồi dưỡng đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình đất nước trong thời gian cán bộ, đảng viên xa Tổ quốc trước khi giao nhiệm vụ mới.

3- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Ngoài nước hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức đảng ở trong nước và ở ngoài nước thực hiện; định kỳ báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị kết quả thực hiện, đúc rút kinh nghiệm tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh quy định để nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên khi ra nước ngoài.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ, đảng viên để thực hiện và có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với những nội dung trong quy định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ

CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 08-CT/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1996

**Về việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW,
ngày 3-1-1996 của Bộ Chính trị (khoá VII)
và Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996
của Bộ Chính trị (khoá VIII)**

Bộ Chính trị khoá VII đã ra Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 3-1-1996 về “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Trong thời gian qua, một số ngành, địa phương, trong đó có Bộ Thương mại đã tổ chức nghiên cứu tiếp thu Nghị quyết và kiểm điểm, đánh giá tình hình chỉ đạo và hoạt động của các doanh nghiệp, đề ra chương trình hành động và các giải pháp để tổ chức lại các doanh nghiệp thương mại, phát triển thị trường theo định hướng mà Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

Tuy nhiên, đến nay nhiều ngành, nhiều địa phương vẫn chưa chủ động có kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết. Tình hình thị trường và hoạt động thương mại vẫn

đang còn nhiều yếu kém, nhiều vấn đề bức xúc đặt ra cần giải quyết.

Bộ Chính trị khoá VIII đã ra Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996 về “Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996 - 2000”, trong đó có nhiều vấn đề như: xuất nhập khẩu, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay thương mại, phát triển dịch vụ thu ngoại tệ.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW và Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy đảng các ngành, các địa phương thực hiện tốt những việc sau đây:

1- Tổ chức cho cán bộ chủ chốt của ngành, địa phương và các cấp ủy đảng quán triệt Nghị quyết số 12-NQ/TW và Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với việc nghiên cứu quán triệt chủ trương, chính sách về kinh tế đối ngoại, về thương mại và dịch vụ trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

2- Trên cơ sở quán triệt nghị quyết của Đảng, các cấp ủy và các bộ, ngành chức năng phải khẩn trương xây dựng kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với yêu cầu và điều kiện ở từng nơi nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị để đưa nội dung nghị quyết vào cuộc sống, tạo ra bước phát triển mới lành mạnh và đúng hướng trong hoạt động kinh tế đối ngoại và thương mại. Trước hết cần tập trung sức xây dựng các doanh nghiệp thương nghiệp nhà nước đủ mạnh để giữ được vai trò chủ đạo trong nền thương nghiệp nhiều thành phần. Doanh nghiệp nhà nước phải **làm tốt xuất nhập khẩu trực tiếp một**

cách thực chất, khắc phục ngay tình trạng “đại lý” về xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp tư nhân để tư nhân lũng đoạn thị trường nội địa và trốn thuế. Doanh nghiệp nhà nước phải giữ **vai trò chủ lực** trong việc mua bán trực tiếp tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu, thu mua lương thực và hàng nông sản đối với nông nghiệp và nông thôn. Khắc phục tình trạng bỏ trống thị trường có ý nghĩa chiến lược này.

3- Ban Cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại, về thương mại tổ chức nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển, các chính sách, cơ chế nhằm thể chế hoá các chủ trương, biện pháp nêu trong Nghị quyết, từng bước hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, trong đó có Luật thương mại, các văn bản pháp quy của Chính phủ về quản lý, điều phối và sử dụng vốn ODA, về vay và trả nợ nước ngoài, tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ và có hiệu lực đưa hoạt động kinh tế đối ngoại và thương mại vào trật tự kỷ cương, phục vụ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

4- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế đối ngoại, quản lý thị trường và hoạt động thương mại của tất cả các đối tượng thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm thực hiện nghiêm pháp luật và cơ chế, chính sách đã ban hành; chống buôn lậu, trốn thuế, sản xuất và buôn bán hàng giả và kinh doanh trái pháp luật; chống các hiện tượng tiêu cực, lỏng lẻo trong hoạt động kinh tế đối ngoại và thương mại trong nước.

5- Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế tự giác tuân thủ pháp luật và cơ chế, chính sách của Nhà nước, tùy theo điều kiện của từng nơi, các cấp ủy đảng chỉ đạo các cơ quan chức năng

định kỳ tổ chức tiếp xúc với giới kinh doanh để vừa truyền đạt, tuyên truyền giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động kinh tế đối ngoại và thương mại, vừa nghe ý kiến, nguyện vọng của họ đối với Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 12 và Nghị quyết số 01 của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ và các cấp ủy đảng cần tổ chức kiểm tra nắm tình hình, kịp thời phát hiện những thiếu sót, lệch lạc để chỉ đạo uốn nắn. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ và Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại có trách nhiệm theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1996

**Về việc mở đợt vận động kỷ niệm 50 năm
Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997)**

Để ghi nhớ công lao của những người con ưu tú của dân tộc hy sinh xương máu vì dân, vì nước, Hồ Chủ tịch đã khởi xướng và chọn ngày 27-7 là ngày để nhân dân tỏ lòng “hiếu nghĩa bác ái” và tỏ lòng yêu mến đối với thương binh, bệnh binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ.

Trong gần nửa thế kỷ qua, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, kế tục và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu thủy chung, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã không ngừng phấn đấu làm được nhiều việc tốt trong lĩnh vực chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với Tổ quốc và cách mạng. Đường lối, chủ trương nhất quán trước sau như một của Đảng ta đối với những người có công đã được thể chế hoá về mặt nhà nước cho phù hợp với tình hình cách mạng trong mỗi thời kỳ và từng giai đoạn cụ thể nhằm góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội và

định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ ta, tạo nên nét đẹp mới trong đời sống xã hội của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đó, công tác thương binh, liệt sĩ và người có công cũng còn một số tồn tại, bất cập. Đời sống một bộ phận người có công còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, khu căn cứ địa kháng chiến và cách mạng và những địa phương có nhiều đối tượng hưởng chính sách ưu đãi. Hậu quả chiến tranh còn nặng nề, việc tìm kiếm và quy tập mộ liệt sĩ còn nhiều khó khăn. Phong trào đền ơn đáp nghĩa ở một số địa phương chưa phát triển đồng đều. Trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, còn một số khuyết điểm trong quản lý, tổ chức thực hiện. Điều đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác quan trọng này.

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng về công tác thương binh, liệt sĩ và chăm sóc người có công với cách mạng, Bộ Chính trị quyết định mở đợt vận động kỷ niệm lần thứ 50 Ngày Thương binh - liệt sĩ một cách trọng thể, thiết thực, có tính quần chúng sâu rộng, xứng đáng với sự hy sinh, cống hiến của các liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với chủ trương cụ thể như sau:

1- Các bộ, ngành, các cấp ủy đảng và chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chế độ, chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; nghiên cứu, xử lý ngay những vấn đề bất hợp lý; xúc tiến chuẩn bị và xây dựng dự án luật ưu đãi đối với những người có công với cách mạng.

2- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá việc chăm sóc thương

binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, giúp đỡ những người có công khác, đặc biệt coi trọng việc động viên, phát triển sâu rộng phong trào hoạt động tình nghĩa của toàn dân ở cơ sở và cộng đồng dân cư với các hình thức phong phú, thiết thực, hiệu quả. Xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” ở các cấp trong cả nước.

Các ngành, các cấp, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tăng cường sự quan tâm trợ giúp về vật chất, động viên về tinh thần đối với các đối tượng chính sách; bồi dưỡng, sắp xếp việc làm, phát huy sự nỗ lực vươn lên của thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng trong sự nghiệp đổi mới của đất nước; đẩy mạnh phong trào phấn đấu trở thành “người công dân kiểu mẫu, gia đình cách mạng gương mẫu”.

3- Phải thực sự đổi mới việc chăm lo giáo dục, đào tạo các thế hệ con em của người có công với cách mạng, có chính sách bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho con của liệt sĩ, anh hùng, thương binh, bệnh binh được học tập, làm việc để tham gia tốt vào các hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4- Bằng sự cố gắng của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, từng bước thực hiện cho được mong muốn của Hồ Chủ tịch là làm cho các đối tượng chính sách ưu đãi có cuộc sống “yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần”. Đặc biệt chú trọng các vùng căn cứ địa cách mạng, kháng chiến trước đây.

5- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân tham gia tìm kiếm, phát hiện các phần mộ của liệt sĩ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu hết năm 1997 hoàn thành cơ bản việc kết luận số lượng mộ liệt sĩ. Tổ chức chu đáo việc quy tập hài cốt liệt sĩ đã phát

hiện để chuyển về quê hương của các liệt sĩ hoặc đưa vào các nghĩa trang liệt sĩ, việc này phải được hoàn thành cơ bản vào năm 2000.

Đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng bia ghi tên liệt sĩ ở các xã, phường; sớm báo tin đến gia đình liệt sĩ biết phần mộ người thân của mình và tổ chức cho thân nhân có điều kiện được đi thăm viếng.

Trong năm 1997, từng ngành, từng địa phương tiến hành xác minh, kết luận về cơ bản xong những người có tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến bị thương, bị chết hoặc mất tin, mất tích. Đồng thời phải tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

Để thực hiện tốt chủ trương nêu trên, cần tiến hành một số công việc:

1- Nhân kỷ niệm 52 năm thành lập Quân đội nhân dân và Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22-12-1944 - 22-12-1996) mở đầu đợt tuyên truyền sâu rộng nhằm nêu bật những thành tích về công tác thương binh, liệt sĩ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong 50 năm qua; biểu dương những địa phương tiêu biểu, phổ biến những kinh nghiệm tốt trong phong trào chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; biểu dương những thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ vượt khó tự chăm lo cuộc sống, vươn lên làm giàu chính đáng, những xã, phường nâng cao được mức sống đối với thương binh, gia đình liệt sĩ.

2- Các ngành, các cấp, Mặt trận và các đoàn thể, các lực lượng vũ trang xây dựng chương trình, kế hoạch kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ, triển khai ngay những công việc cần thiết để phục vụ cho ngày kỷ niệm như phát thanh,

truyền hình, triển lãm, sáng tác văn học, nghệ thuật, xuất bản các loại sách; tổ chức các hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao; xây dựng, tu bổ mộ liệt sĩ, bia ghi tên liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ. Rà soát điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi những chính sách bất hợp lý, cụ thể hoá những chính sách đã có để sớm đưa vào cuộc sống.

3- Đảng, Nhà nước có chính sách thỏa đáng đối với con những người có công với cách mạng gặp hoàn cảnh khó khăn để các cháu có điều kiện học tập, phấn đấu và rèn luyện. Vận động, khuyến khích toàn dân, những tổ chức, cá nhân tình nguyện giúp đỡ, kèm cặp, đào tạo nghề cho các học sinh, sinh viên thuộc diện đối tượng chính sách ưu đãi.

Triển khai thực hiện khám, chữa bệnh, tổ chức chu đáo việc điều dưỡng đối với người có công.

4- Kịp thời xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích, có nhiều công lao trong công tác thương binh, liệt sĩ.

Tổ chức trọng thể cuộc mít tinh kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5- Tổ chức sơ kết việc thi hành Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 5-5-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) về công tác mộ - nghĩa trang liệt sĩ.

6- Thành lập Ban vận động kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ ở Trung ương và địa phương. Ban vận động kỷ niệm ở Trung ương gồm có Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, thủ trưởng một số bộ, ngành và do Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Trưởng ban.

Các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các cấp ủy đảng địa phương theo chức năng của mình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ theo chỉ thị của Bộ Chính trị, yêu cầu đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh những hình thức phô trương, lãng phí.

7- Căn cứ Chỉ thị này, Chính phủ có quyết định về tổ chức kỷ niệm và chỉ đạo các cơ quan có liên quan ra các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đồng thời giải quyết những vấn đề về mặt nhà nước để đợt vận động kỷ niệm đạt được kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII**

Ngày 16 tháng 12 năm 1996*

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đó là nhiệm vụ hàng đầu bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII sẽ thảo luận và quyết định về định hướng chiến lược và mục tiêu, nhiệm vụ

* Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 16 đến ngày 24-12-1996 tại Hà Nội (B.T).

đến năm 2000 trên hai lĩnh vực có ý nghĩa hết sức quan trọng trước mắt cũng như lâu dài là giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Trong quá trình chuẩn bị, nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đã đi khảo sát các cơ sở. Đã tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các cấp ủy đảng, các giáo viên, nhà khoa học trong và ngoài nước, cán bộ quản lý, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp nghỉ hưu, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo việc dự thảo các văn kiện trình Hội nghị Trung ương lần này.

Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề sau đây.

Thư các đồng chí,

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Bác Hồ đã có nhiều chủ trương, chính sách để phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ. Đại hội VII đã khẳng định phát triển giáo dục và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã có nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII cũng đã đề ra những chủ trương phát triển khoa học, công nghệ. Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận và ra hai nghị quyết về định hướng chiến lược và nhiệm vụ phát triển hai lĩnh vực này đến năm 2000, đáp ứng đòi hỏi của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Qua mười năm đổi mới, các ngành giáo dục, đào tạo và

khoa học, công nghệ đã có nhiều cố gắng, đạt những thành tựu quan trọng. Song phải thừa nhận rằng, những kết quả đó vẫn còn thấp xa so với yêu cầu ngày càng cao của đất nước và mong mỏi ngày càng lớn của nhân dân, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang diễn ra mạnh mẽ. Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp như Mác dự đoán, còn công nghệ được đổi mới hết sức nhanh chóng. Trình độ dân trí và tiềm lực khoa học, công nghệ đã trở thành nhân tố quyết định sức mạnh và vị thế của mỗi quốc gia trên thế giới. Đảng ta nhận định: cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới là thời cơ thuận lợi để phát triển, đồng thời cũng là một thách thức gay gắt đối với các nước, nhất là những nước còn chậm phát triển về kinh tế như nước ta. Vì vậy, cùng với nâng cao nhận thức đối với giáo dục, đào tạo, chúng ta phải hiểu sâu sắc vai trò của khoa học, công nghệ trong việc phát huy nhân tố con người.

Điều đáng quan tâm là quan điểm của Đảng coi giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là **quốc sách hàng đầu** đến nay vẫn chưa được nhận thức sâu sắc và chưa được cụ thể hóa đầy đủ bằng các chủ trương, chính sách của Nhà nước, bằng các biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện sâu sát của các ngành, các cấp. Hội nghị Trung ương lần này cần thảo luận và có những quyết định hữu hiệu khắc phục tình hình trên.

Đảng và Nhà nước cần tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, thể hiện trên các mặt **chính sách, đội ngũ cán bộ và tổ chức quản lý**. Các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên

phải quán triệt sâu sắc quan điểm cơ bản này trong mọi lĩnh vực hoạt động. Các tổ chức đảng phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động của mình.

Từ khi thành lập đến nay, trong mọi thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn luôn dựa vào dân. Nghị quyết của Đảng phải biến thành hành động cách mạng của toàn dân, tạo nên động lực cho hoạt động của mỗi người lao động. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa V) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) về “khoán” trong nông nghiệp là một thí dụ điển hình, hợp quy luật, thuận lòng dân, đã động viên, cổ vũ nông dân cả nước hăng hái phát triển sản xuất, mang lại những thành tựu chưa từng có trong nông nghiệp nước ta. Lần này cũng vậy, phải làm sao cho Nghị quyết Trung ương 2 khi triển khai vào thực tiễn sẽ cổ vũ toàn dân trên mọi lĩnh vực, ở khắp các địa bàn trong cả nước, động viên đội ngũ thầy, cô giáo, cán bộ khoa học, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp... tiến quân vào khoa học, công nghệ, làm cho việc phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ trở thành **sự nghiệp của toàn dân**. Nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, nhanh chóng đưa những kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, gắn lý thuyết với thực hành, gắn nghiên cứu với ứng dụng, tạo ra hiệu quả cao trong toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Nguồn động lực của đội ngũ lao động khoa học, công nghệ và nguồn động lực của toàn dân trong hoạt động kinh tế - xã hội dựa vào khoa học, công nghệ sẽ kết hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh to lớn của phong trào quần chúng.

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ cần bảo đảm sự phát triển đồng bộ của khoa học xã hội, khoa học tự

nhiên và khoa học kỹ thuật, hướng vào những nội dung cơ bản sau đây:

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc kết hợp với tiếp thụ tinh hoa trí tuệ của nhân loại để hình thành hệ thống lý luận về định hướng phát triển của đất nước, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng, mở đường cho sự phát triển lành mạnh và bền vững cả về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tinh thần, đạo đức, phong cách và lối sống; bảo đảm cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo.

Cùng với việc tổ chức nghiên cứu cơ bản một cách có trọng điểm, cần đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng, an ninh, tiếp thụ vững chắc công nghệ được chuyển giao. Tận dụng nguồn lao động dồi dào và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ hiện có; đồng thời, tranh thủ mọi khả năng và tiềm lực đi thẳng vào công nghệ hiện đại ở những lĩnh vực then chốt và những khâu quyết định. Đây là cách đi tắt, đón đầu, nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh; nhất thiết không nhập những công nghệ trung gian đã lỗi thời, biến nước ta thành bãi thải công nghệ của người khác. Hết sức quan tâm bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái ngay từ những bước phát triển ban đầu, không để gây ra ô nhiễm, phá hoại môi trường sống cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ của quốc gia, tiếp thụ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ thế giới, từng bước hình thành một nền khoa học, công nghệ Việt Nam hiện đại, đủ sức giải quyết những đòi hỏi của quá trình phát triển. Kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí chất xám; bồi dưỡng, đãi ngộ tương xứng với hiệu quả nhằm phát huy đầy đủ tiềm lực trí tuệ của đội ngũ khoa học hiện có, đi đôi với có kế hoạch đào tạo đội ngũ khoa học trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước vào đầu thế kỷ sau.

Thư các đồng chí,

Bước vào thời kỳ mới, chúng ta phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy đầy đủ năng lực nội sinh của dân tộc, lấy phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ làm yếu tố cơ bản, coi đó là **khâu đột phá**. Đảng ta cần đổi mới và tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hai lĩnh vực này, trước hết là xác định các quan điểm chỉ đạo và những định hướng chiến lược về mục tiêu và giải pháp cho đến các năm 2000, 2010 và 2020.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược mà Đại hội VIII đã đề ra, cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó **nguồn lực con người** là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp.

Nguồn lực đó là người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại. Giáo dục phải làm tốt nhiệm

vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, đội ngũ lao động cho khoa học và công nghệ.

Đề nghị các đồng chí khi thảo luận đặc biệt quan tâm đề xuất những **chủ trương, chính sách và biện pháp** bảo đảm cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ thật sự là quốc sách hàng đầu. Chúng ta chỉ có thể phát triển kinh tế - xã hội một cách lành mạnh và bền vững bằng việc chăm lo phát triển giáo dục với tốc độ nhanh hơn, chất lượng tốt hơn, hiệu quả lớn hơn và bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục.

Phải coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cơ bản quan trọng nhất cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Gắn chiến lược phát triển giáo dục với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và cả hai đều phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới nền giáo dục với cách làm thích hợp, trên các mặt tổ chức và quản lý, dạy và học, nghiên cứu và ứng dụng. Quan tâm thích đáng đến cả mặt bằng lẫn đỉnh cao dân trí, coi trọng giáo dục nhân cách, lý tưởng và đạo đức, trí lực và thể lực; gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn. Ra sức phấn đấu xây dựng một nền giáo dục tiên tiến có quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề hợp lý. Đó là nền giáo dục thấm nhuần sâu sắc **tính nhân dân, tính dân tộc và tính hiện đại**.

Đi đôi với truyền thụ kiến thức, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho học sinh, sinh viên; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong nhà trường. Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin; nghiên cứu biên soạn chương trình giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh

trong trường học; coi trọng giáo dục về lịch sử, văn hiến Việt Nam; giới thiệu tinh hoa văn hóa nhân loại cho thế hệ trẻ; tổ chức tốt việc biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam.

Giáo dục, đào tạo phải theo hướng cân đối giữa “dạy người”, dạy chữ, dạy nghề, trong đó “dạy người” là mục tiêu cao nhất như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có bản lĩnh vững vàng, có tư duy sáng tạo và năng lực thực hành giỏi, có chí học tập, rèn luyện để lập thân, lập nghiệp, vững vàng tiếp bước các thế hệ đi trước, góp phần đưa đất nước đến hưng thịnh, phú cường.

Từ nay đến năm 2000, phấn đấu hoàn thành xóa mù chữ trong toàn quốc và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở hầu hết các địa phương, tiến tới cơ bản phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào khoảng năm 2010. Phát triển mạnh giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên mà trọng tâm là đào tạo công nhân lành nghề có khả năng tiếp thụ và ứng dụng các loại công nghệ thích hợp, kể cả công nghệ hiện đại. Khuyến khích và hướng dẫn dạy nghề tại các doanh nghiệp. Mở rộng quy mô với cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài. Phấn đấu tạo điều kiện đưa nền giáo dục nước ta đi trước một bước thích hợp so với phát triển kinh tế để sớm tiếp cận trình độ học vấn của nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, của Nhà nước và mỗi cộng đồng, của từng gia đình và mỗi công dân. Kết hợp tốt giáo dục học đường với giáo dục gia đình, giáo dục xã

hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; người lớn làm gương cho con trẻ noi theo. Phát động phong trào rộng khắp toàn dân học tập, người người đi học, học ở trường, lớp và tự học suốt đời; người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít; mỗi người phải không ngừng tự nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức giáo dục và các loại hình trường lớp phù hợp với đòi hỏi của tình hình mới, với nhu cầu học tập của tuổi trẻ và của toàn xã hội.

Hiện nay là thời đại của những giá trị nhân văn tốt đẹp, của trí tuệ cao và của những “bàn tay vàng”, nguồn gốc trực tiếp tạo ra của cải vật chất và văn hóa, tinh thần có chất lượng cao. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải có con người rất mực trung thành, giàu lòng yêu nước, có trình độ kiến thức hiện đại và kỹ năng thành thạo, có khả năng làm ra những sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Ngành giáo dục phải thực sự cầu thị, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, nâng cao năng lực tổ chức và quản lý, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển giáo dục. Nghiên cứu ứng dụng những phương thức và phương pháp giáo dục và đào tạo mới ở tất cả các bậc học, sao cho giáo dục không chỉ là truyền thụ kiến thức mà quan trọng hơn là phải khơi dậy tính chủ động và tiềm năng sáng tạo to lớn trong mỗi con người nhằm phát triển toàn diện bản thân và đóng góp tốt hơn cho sự phát triển của đất nước.

Khâu then chốt để thực hiện chiến lược phát triển giáo dục là phải đặc biệt chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn hóa đội

ngũ giáo viên cũng như cán bộ quản lý giáo dục cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Ưu tiên xây dựng các trường sư phạm và có chính sách thu hút người giỏi vào ngành sư phạm. Phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”, sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ theo tài năng và công hiến với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, một trong những vấn đề quan trọng mà Trung ương cần thảo luận và quyết định là những giải pháp khả thi đối với những điều rất cơ bản, rất hợp lý được ghi trong những nghị quyết của Bộ Chính trị và của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI và khóa VII nhưng đến nay chưa được thực hiện hoặc chưa thực hiện tốt, cũng như đối với các chủ trương mới được đặt ra tại Hội nghị lần này.

Hơn lúc nào hết, xã hội đang rất quan tâm đến giáo dục, đòi hỏi có những giải pháp đủ mạnh để kiên quyết và nhanh chóng khắc phục những tiêu cực đang có chiều hướng gia tăng trong học đường. Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó của nhân dân.

Trong quá trình vươn tới mục tiêu nhân bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng phải nêu cao quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, thực hiện công bằng xã hội để con em người nghèo và các đối tượng trong diện chính sách cũng có điều kiện đến trường, ai cũng có cơ hội hưởng quyền được học tập thường xuyên, được đào tạo suốt đời. Kết hợp sự phát triển có trọng điểm về giáo dục, đào tạo với sự phát triển giáo dục, đào tạo ở các vùng lãnh thổ, tránh gây nên sự chênh lệch xa về nhịp độ và trình độ giữa các vùng. Xây dựng tốt các trường dân tộc nội trú, các trường công nông,

tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc thiểu số và gia đình công nông có điều kiện học tập lên trình độ cao hơn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể phải thường xuyên chăm lo phát triển giáo dục; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ thầy, cô giáo về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, đời sống; chăm lo công tác xây dựng đảng và các đoàn thể trong nhà trường; làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục và kết nạp những giáo viên, sinh viên ưu tú vào Đảng; thường xuyên đưa những vấn đề về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ vào chương trình nghị sự trong sinh hoạt của cấp mình.

Vấn đề hàng đầu hiện nay là phải tìm ra động lực cho người dạy và người học, sao cho người dạy nêu cao trách nhiệm trước thế hệ trẻ, toàn tâm, toàn ý với nhiệm vụ của mình, phấn đấu vươn lên đáp ứng những tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng, đạo đức, chuyên môn của người thầy giáo trong chế độ mới; còn người học thì chăm lo hoàn thiện nhân cách, hăng say, miệt mài học tập tiếp thụ tri thức khoa học để trở thành những công dân hữu ích đối với xã hội. Theo tinh thần đó, kỳ họp Trung ương lần này cần xem xét điều chỉnh thang bậc lương cho giáo dục, đề ra chính sách khuyến khích thanh niên có tài năng theo học ngành sư phạm và có phụ cấp thích đáng để động viên các thầy, cô giáo bám trụ ở những nơi xa xôi, hẻo lánh, mang ánh sáng văn hóa đến từng người dân. Mặt khác, Trung ương cũng phải bàn những biện pháp để quản lý tốt lĩnh vực giáo dục, kiểm tra được chất lượng giáo dục, thống nhất chương trình, nội dung sách giáo khoa trong cả nước, hướng trường học đi vào trật tự, kỷ cương, nền nếp.

Về các giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, vấn đề trước tiên là tạo ra động lực để cho hoạt động

khoa học, công nghệ phát triển đúng quy luật như một lực lượng sản xuất quan trọng hàng đầu. Cần có cơ chế, chính sách để hình thành thị trường khoa học và công nghệ, hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Áp dụng các cơ chế, chính sách thích hợp để tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện nghiên cứu, các trường đại học; kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi trường đại học phải là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học; mỗi viện nghiên cứu có trách nhiệm tham gia đào tạo. Các viện, trường phát huy tiềm năng mọi mặt của mình, tích cực tham gia phục vụ xã hội; được phép thành lập những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với những sản phẩm do công nghệ mới thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình tạo ra, theo những quy định của Chính phủ. Vấn đề này đã được đặt ra từ mấy năm nay. Thực tiễn hoạt động giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ vừa qua đòi hỏi Hội nghị Trung ương lần này có quyết định về vấn đề đó.

Trong các giải pháp tạo nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ còn có vấn đề tỷ lệ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động này. Dự thảo Nghị quyết lần này có nêu tăng dần tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ để đến năm 2000 đạt 2% ngân sách, tạo điều kiện đưa khoa học, công nghệ vào quỹ đạo phát triển mạnh hơn, có hiệu quả hơn.

Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, đào tạo cũng được nâng dần đến không dưới 15% vào năm 2000. Huy động mọi nguồn lực, động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người; đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng,

các tổ chức kinh tế, xã hội, các giới trong và ngoài nước để phát triển giáo dục. Phải quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đó; kiên quyết chống thất thoát, lãng phí, tham ô.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về giáo dục. Sớm ban hành Luật giáo dục; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục đi đôi với thực hiện công bằng trong giáo dục. Kịp thời cụ thể hóa nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này bằng việc sớm ban hành các chính sách, chế độ đối với giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Thư các đồng chí,

Trong lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã tỏ rõ khí phách anh hùng, phát huy cao nhất lòng yêu nước, trí thông minh và tinh thần dũng cảm, xây dựng nên truyền thống **Nhân, Trí, Dũng** của dân tộc ta. Đây là phẩm chất toàn vẹn mà Bác Hồ thường xuyên chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính Người là bậc Đại nhân, Đại trí, Đại dũng, biểu tượng tập trung của truyền thống đó.

Nhân là lòng nhân ái, nghĩa tình, yêu nước, thương dân, là tinh thần đại đoàn kết toàn dân, triệu người như một, là tình cảm thiết tha, mãnh liệt đối với Tổ quốc, đồng bào: “Trung với nước, hiếu với dân”.

Trí là sự sáng suốt, minh mẫn trong nhận thức, sự hiểu biết về tự nhiên và xã hội, trí thông minh, tài năng sáng tạo; kế thừa và phát huy trí tuệ của dân tộc, tiêu biểu là tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp thụ tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là

học thuyết Mác - Lênin để vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện của đất nước.

Dũng là ý chí bất khuất, quật cường, tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc ta, là lòng dũng cảm đương đầu với mọi thách thức, vượt qua mọi trở ngại: “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua...”.

Chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ chính là nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống Nhân, Trí, Dũng, nhân lên gấp bội sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xóa bỏ lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, biến lý tưởng mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội thành hiện thực.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết phát huy truyền thống của tổ tiên, thực hành nhân nghĩa, rèn luyện lòng dũng cảm, nêu cao tinh thần hiếu học, thực hiện bằng được sự nghiệp trọng đại phát triển giáo dục và khoa học, nâng trí tuệ dân tộc lên tầm cao thời đại, đưa đất nước bước vào thiên niên kỷ mới, sánh vai cùng bầu bạn khắp năm châu như Bác Hồ kính yêu hằng mong ước.

Với niềm tin sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ hai

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 3-18.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

Về định hướng chiến lược phát triển
giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa,
hiện đại hóa và nhiệm vụ
đến năm 2000

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Muốn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục - đào tạo, phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương quyết định định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

I- THỰC TRẠNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

1. Thành tựu

Từ sau Cách mạng tháng 8-1945, mặc dù đất nước còn nghèo và có chiến tranh liên tiếp, sự nghiệp giáo dục - đào tạo nước ta đã đạt những thành tựu quan trọng.

Thực hiện Nghị quyết các Đại hội VI, VII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, trong những năm gần đây, giáo dục - đào tạo có những mặt tiến bộ:

- *Mạng lưới trường học phát triển rộng khắp.* Hầu hết các xã trong cả nước, kể cả các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đã có trường, lớp tiểu học. Phần lớn các xã ở vùng đồng bằng có trường trung học cơ sở. Hầu hết các huyện có trường trung học phổ thông. Các tỉnh và nhiều huyện đồng bằng đồng bào dân tộc đã có hệ thống trường dân tộc nội trú.

- *Đã ngăn chặn được sự giảm sút quy mô và có bước tăng trưởng khá.* Năm học 1996 - 1997 cả nước có hơn 20 triệu học sinh. Giáo dục mầm non, nhất là mẫu giáo 5 tuổi, đang phát triển. Công cuộc chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học được triển khai trong cả nước. Hiện đã có 16 tỉnh, thành phố, trong đó có 3 tỉnh miền núi, 57% số huyện, 76% số xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. So với năm học 1991 - 1992, trong năm học 1995 - 1996 số học sinh phổ thông tăng 1,25 lần, sinh viên đại học tăng 2,7 lần. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học đã giảm nhiều. Giáo dục sau đại học đã đào tạo được số lượng đáng kể cán bộ có trình độ cao mà trước đây chủ yếu phải dựa vào nước ngoài. Giáo dục - đào tạo đã góp phần quan trọng nâng

cao dân trí, đào tạo đội ngũ lao động có trình độ học vấn tiểu học, trung học và đội ngũ cán bộ đông đảo phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng. Trong nông nghiệp, công nghiệp và một số ngành khác, đội ngũ cán bộ và công nhân nước ta có khả năng nắm bắt và ứng dụng nhanh chóng một số công nghệ mới.

- *Chất lượng giáo dục - đào tạo có tiến bộ bước đầu trên một số mặt về các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ở bậc phổ thông và bậc đại học hệ tập trung.* Số học sinh khá giỏi, số học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế ngày càng tăng.

- *Trong giáo dục - đào tạo đã xuất hiện một số nhân tố mới.* Ở nhiều nơi đã hình thành phong trào học tập sôi nổi của cán bộ và nhân dân, nhất là thanh niên. Các loại hình trường lớp, từ phổ thông đến đại học, đa dạng hơn, tạo thêm cơ hội học tập cho nhân dân. Đã huy động được thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục - đào tạo. Các gia đình, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đã chăm lo cho giáo dục nhiều hơn trước. Các phương tiện thông tin đại chúng đã xây dựng các chuyên mục phục vụ giáo dục - đào tạo. Hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo bước đầu được mở rộng...

Nguyên nhân của các thành tựu nói trên là:

- Do đường lối giáo dục - đào tạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, chính sách đổi mới, trực tiếp là chính sách đổi mới trong giáo dục - đào tạo, thể hiện tập trung ở Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII).

- Truyền thống hiếu học của dân tộc ta được phát huy, nhu cầu học tập của dân không ngừng tăng lên. Nhân dân

đóng góp rất nhiều công, của xây dựng trường lớp và chăm lo sự nghiệp giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và số đông học sinh, sinh viên có những cố gắng rất lớn; đại bộ phận thầy, cô giáo có tâm huyết, gắn bó với nghề. Các giáo viên ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân nhận thức rõ hơn về vai trò của giáo dục đối với tương lai của đất nước, đã khắc phục nhiều khó khăn, tích cực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục.

- Những thành quả phát triển kinh tế, ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân qua 10 năm đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục.

2. Yếu kém

Giáo dục - đào tạo nước ta còn nhiều yếu kém bất cập cả về quy mô, cơ cấu, và nhất là về chất lượng và hiệu quả; *chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

- Hiện nay nước ta còn 9% dân số mù chữ; chưa phổ cập được giáo dục tiểu học; tỷ lệ sinh viên trên dân số còn thấp; tỷ lệ lao động qua đào tạo mới đạt hơn 10%, nên kinh tế quốc dân còn thiếu nhiều lao động và cán bộ có tay nghề và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao.

- Cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu xã hội và cơ cấu vùng của đội ngũ sinh viên, học sinh các trường đại học

và chuyên nghiệp chưa hợp lý. Mấy năm gần đây ở một số ngành rất cần thiết cho sự phát triển đất nước lại có quá ít học sinh đăng ký theo học. Giáo dục chuyên nghiệp, nhất là đào tạo công nhân kỹ thuật có lúc suy giảm mạnh, mất cân đối lớn về cơ cấu trình độ trong đội ngũ lao động ở nhiều ngành sản xuất. Quy mô đào tạo nghề hiện nay vẫn quá nhỏ bé, trình độ, thiết bị đào tạo lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Đáng quan tâm nhất là *chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo còn thấp*. Trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành, phương pháp tư duy khoa học, trình độ ngoại ngữ và thể lực của đa số học sinh còn yếu. Ở nhiều học sinh ra trường, khả năng vận dụng kiến thức vào sản xuất và đời sống còn hạn chế. Số đông sinh viên tốt nghiệp chưa có khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng trong ngành nghề và công nghệ. Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước. Đào tạo chưa gắn với sử dụng. Một số sinh viên tốt nghiệp không chịu đi làm việc ở những vùng khó khăn, trong khi ở các thành phố còn nhiều sinh viên tốt nghiệp không có việc làm hoặc làm không đúng nghề đã được đào tạo.

- *Những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục đang có chiều hướng gia tăng*: dạy thêm và học thêm tràn lan, tốn nhiều thời gian và tiền bạc của học sinh, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển toàn diện của học sinh và quan hệ thầy trò. Ở một số trường có hiện tượng mua bán điểm và mua bán bằng, nhiều trường đã tăng quy mô tuyển sinh vượt quá khả

năng đào tạo, mở quá nhiều lớp tại chức ở các địa phương mà không thực hiện đúng quy chế, đúng chương trình, không bảo đảm chất lượng đào tạo. Tệ nạn xã hội kể cả nạn nghiện hút, tiêm chích ma tuý, đang thâm nhập một số trường học.

- Chưa thực hiện tốt *công bằng xã hội trong giáo dục*. Con em gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn khi muốn học lên cao. Ở các trường đại học tỷ lệ sinh viên là con em nhà nghèo, con em xuất thân công nông, nhất là nông dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số giảm dần.

- *Đội ngũ giáo viên vừa thiếu, vừa yếu*. Năm học 1995 - 1996 cả nước còn thiếu gần 120.000 giáo viên phổ thông. Nhìn chung, chất lượng của đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn mới. Ở bậc đại học tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học còn quá thấp và trong những năm trước mắt sẽ có tình trạng hẫng hụt, thiếu người thay thế cho các cán bộ có trình độ cao sắp nghỉ hưu. Một bộ phận giáo viên và cán bộ quản lý trong giáo dục thiếu gương mẫu về đạo đức và lối sống.

Nguyên nhân của những yếu kém nói trên là:

- *Công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém, bất cập*. Mấy năm gần đây, có nhiều chủ trương đổi mới về giáo dục, nhưng một số chủ trương chưa được nghiên cứu, chuẩn bị chu đáo trước khi áp dụng, tổ chức thực hiện lại có nhiều thiếu sót. Mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo và phát triển nhiều loại hình giáo dục - đào tạo nhưng có nhiều thiếu sót trong việc quản lý chương trình, nội dung và chất lượng. Công tác thanh tra giáo dục còn quá yếu, thiếu những biện pháp hữu hiệu để kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, đặc

biệt là đối với các hình thức trường “mở”, bán công, dân lập, tư thục và không tập trung. Chậm phát hiện và thiếu nghiêm túc trong xử lý và khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong ngành giáo dục - đào tạo.

- *Cơ chế quản lý của ngành giáo dục - đào tạo chưa hợp lý*, có tình trạng vừa ôm đồm sự vụ, vừa buông lỏng chức năng quản lý nhà nước; chưa thực hiện tốt sự quản lý thống nhất, giữ vững kỷ cương trong công tác giáo dục, đồng thời chưa phát huy quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương và nhà trường.

- *Nội dung giáo dục - đào tạo vừa thừa vừa thiếu, nhiều phần chưa gắn với cuộc sống*. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức và nhân cách cũng như việc giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ bị xem nhẹ. Hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin bị hạn chế. Công tác giáo dục hướng nghiệp ở bậc phổ thông chưa được chú ý đúng mức.

Phương pháp giáo dục - đào tạo chậm đổi mới, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học.

- *Giáo dục - đào tạo chưa kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất, nhà trường chưa gắn với gia đình và xã hội*. Hoạt động giáo dục - đào tạo chưa gắn mật thiết với các hoạt động sản xuất và nghiên cứu khoa học. Gia đình và các tập thể, cộng đồng xã hội chưa phát huy vai trò quan trọng trong giáo dục, chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường giáo dục thế hệ trẻ, nhất là về chính trị, đạo đức, đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội và văn hoá phẩm đồi trụy cùng ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với trường học.

- Chính phủ và các cơ quan nhà nước *chưa có những quyết định đủ mạnh về chính sách, cơ chế và biện pháp tổ chức thực hiện, để thể hiện đầy đủ quan điểm coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu.*

Các chính sách đã ban hành *chưa đủ khuyến khích nghề dạy học* và những giáo viên đến dạy ở vùng khó khăn, chưa động viên được những giáo viên dạy giỏi và giảng viên có trình độ cao. Tiền lương giáo viên chưa thỏa đáng. Hệ thống các trường sư phạm tuy đã được quan tâm đầu tư hơn trước, nhưng vẫn chưa đủ sức làm tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Thiếu chính sách thu hút học sinh tốt, khá, giỏi vào học sư phạm. Tỷ lệ ngân sách đầu tư cho giáo dục còn thấp; cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học của các trường nhìn chung chậm được cải thiện.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (trước đây) *chưa thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra sâu sát việc thực hiện những mục tiêu, phương hướng, chủ trương về giáo dục - đào tạo* trong Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII). Chưa có chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Không ít cấp ủy đảng và cấp chính quyền nhận thức về vai trò của giáo dục đối với tương lai đất nước chưa đủ sâu sắc, chưa thấy hết trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, tuy đã chú ý đầu tư xây dựng trường sở, tăng cường trang bị phương tiện dạy và học cho các trường, tăng thu nhập cho các giáo viên... nhưng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo nội dung giáo dục, công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong giáo viên và học sinh, công tác xây

dựng Đảng trong nhà trường; chưa động viên được nhân dân tham gia sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Thậm chí một số nơi còn cắt xén kinh phí của giáo dục - đào tạo.

Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan cũng cần thấy những nguyên nhân khách quan như tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm trước, tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường.

Hiện nay sự nghiệp giáo dục - đào tạo *đang đứng trước mâu thuẫn lớn* giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh quy mô giáo dục - đào tạo, vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế. Đó là mâu thuẫn trong quá trình phát triển. Những thiếu sót chủ quan, nhất là những yếu kém về quản lý đã làm cho những mâu thuẫn đó càng thêm gay gắt. Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là những chủ trương, giải pháp từ nay đến năm 2000 phải được thực hiện với tinh thần cách mạng sâu sắc để giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn nói trên.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

A- Những tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là:

1. Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong

sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật; có sức khoẻ, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Bác Hồ.

Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo, trong các chính sách, nhất là chính sách công bằng xã hội. Phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với giáo dục - đào tạo. Chống khuynh hướng “thương mại hóa”, đề phòng khuynh hướng phi chính trị hóa giáo dục - đào tạo. Không truyền bá tôn giáo trong trường học.

2. Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu tiên ưu đãi đối với giáo dục - đào tạo, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương. Có các giải pháp mạnh mẽ để phát triển giáo dục.

3. Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp ủy và tổ chức đảng, các cấp chính

quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, các gia đình và các cá nhân đều có trách nhiệm tích cực góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể.

4. Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội.

5. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo. Tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người học giỏi phát triển tài năng.

6. Giữ vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo, trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý, từ nội dung chương trình, quy chế học, thi cử, văn bằng, tiêu chuẩn giáo viên, tạo cơ hội cho mọi người có thể lựa chọn cách học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như: mầm non, phổ thông trung học (cấp III), trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập trung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hoá hình thức giáo dục.

B- Từ nay đến năm 2020 giáo dục - đào tạo nhằm các mục tiêu sau đây:

Xây dựng hoàn chỉnh và phát triển bậc học mầm non cho hầu hết trẻ em trong độ tuổi. Phổ biến kiến thức nuôi, dạy trẻ cho các gia đình.

Nâng cao chất lượng toàn diện bậc tiểu học. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 và trung học phổ thông vào năm 2020. Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ.

Phát triển đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp, đẩy mạnh đào tạo công nhân lành nghề, bảo đảm có được nhiều nhân tài cho đất nước trong thế kỷ XXI.

Nâng cao chất lượng và bảo đảm đủ số lượng giáo viên cho toàn bộ hệ thống giáo dục. Tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá các điều kiện dạy và học. Phấn đấu sớm có một số cơ sở đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế.

**III- NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000**

1. Nhiệm vụ

- Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục các mặt yếu kém theo hướng: *chấn chỉnh* công tác quản lý, khẩn trương lập lại trật tự, kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực; *sắp xếp và củng cố* hệ thống giáo dục - đào tạo và mạng lưới trường lớp; *nâng cao* chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào

tạo; *phát triển* quy mô giáo dục - đào tạo, chuẩn bị *tiền đề cho những bước phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI*.

- Trên cơ sở định hướng chiến lược trình bày ở trên, tiến hành *xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo* cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ban hành *Luật giáo dục*.

Trong 5 năm này, Đảng, Nhà nước, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội và toàn dân phải tập trung sức thực hiện bằng được các nhiệm vụ nêu trên, giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm, tạo nên sự phát triển ổn định với một chất lượng được cải thiện, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho nhân dân, nhất là thanh niên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2000

Mục tiêu chủ yếu là thực hiện giáo dục toàn diện đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục ở tất cả các bậc học. Hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành. Cụ thể là:

- Phát triển bậc học mầm non phù hợp với điều kiện và yêu cầu của từng nơi. Bảo đảm hầu hết trẻ 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo lớn, chuẩn bị vào lớp 1.

- Phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước, phần lớn học sinh tiểu học được học đủ 9 môn theo chương trình quy định. Thực hiện tốt 5 điều dạy của Bác Hồ. Phổ cập trung học cơ sở ở các thành phố, đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm và những nơi có điều kiện.

- Tính chung cả nước có khoảng 60% trẻ em độ tuổi 11 - 15 học phổ thông trung học cơ sở. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, ngoại ngữ, tin

học ở trường trung học. Nâng cao năng lực tự học và thực hành cho học sinh.

- Thanh toán nạn mù chữ cho những người trong độ tuổi 15 - 35, thu hẹp diện mù chữ ở các độ tuổi khác, đặc biệt chú ý vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để tất cả các tỉnh đều đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học trước khi bước sang thế kỷ XXI.

- Tăng quy mô học nghề bằng mọi hình thức để đạt 22% - 25% đội ngũ lao động được qua đào tạo vào năm 2000. Kế hoạch đào tạo nghề phải theo sát chương trình kinh tế - xã hội của từng vùng, phục vụ cho sự chuyển đổi cơ cấu lao động, cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường đầu tư, củng cố và phát triển các trường dạy nghề, xây dựng một số trường trọng điểm. Đào tạo đủ công nhân lành nghề cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, có tính đến nhu cầu xuất khẩu lao động.

- Nâng quy mô giáo dục đại học, cao đẳng lên 1,5 lần so với năm 1995 với cơ cấu đào tạo hợp lý, theo sát nhu cầu của sự phát triển. Tiếp tục sắp xếp lại các trường đại học. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm. Xây dựng một số trường cao đẳng cộng đồng ở các địa phương để đào tạo nhân lực tại chỗ. Tăng nhanh số người đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài.

- Mở rộng các hình thức học tập thường xuyên, đặc biệt là hình thức học từ xa. Quan tâm đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân các doanh nghiệp. Kiện toàn hệ thống trường chính trị và hành chính. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành.

- Có hình thức trường, lớp thích hợp nhằm đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xuất thân từ công nông và lao động ưu tú, con em các gia đình thuộc diện chính sách.

- Đối với miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, xóa “điểm trắng” về giáo dục ở ấp, bản. Mở thêm các trường dân tộc nội trú và các trường bán trú ở cụm xã, các huyện, tạo nguồn cho các trường chuyên nghiệp và đại học để đào tạo cán bộ cho các dân tộc, trước hết là giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ lãnh đạo và quản lý.

IV- NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục - đào tạo

- Đầu tư cho giáo dục - đào tạo lấy từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực cho giáo dục - đào tạo và phải được sử dụng tập trung, ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đào tạo cán bộ cho một số ngành trọng điểm, bồi dưỡng nhân tài, trợ giúp cho giáo dục ở những vùng khó khăn và diện chính sách. Tăng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo để đạt được 15% tổng chi ngân sách vào năm 2000.

- Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách như học phí, nghiên cứu ban hành chính sách đóng góp phí đào tạo từ phía các cơ sở sử dụng lao động, huy động một phần lao động công ích để xây dựng trường sở. Khuyến khích các đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội xây dựng quỹ khuyến học. Lập quỹ giáo dục quốc gia. Phát hành xổ số kiến thiết để xây dựng trường học.

- Cho phép các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo.

- Xây dựng và công bố công khai quy định về học phí và các khoản đóng góp theo nguyên tắc không thu bình quân, miễn giảm cho người nghèo và người thuộc diện chính sách. Căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của các tầng lớp nhân dân địa phương, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức học phí cụ thể trong khung học phí do Chính phủ quy định cho từng khu vực và các khoản đóng góp ổn định khác. Không thu học phí ở bậc tiểu học trong các trường công lập.

- Có chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với việc xuất bản sách giáo khoa, tài liệu dạy học, sản xuất và cung ứng máy móc, đồ dùng dạy học, nhập khẩu sách, báo, tài liệu, thiết bị dạy học mà trong nước chưa sản xuất được để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

- Các ngân hàng lập quỹ tín dụng đào tạo cho con em các gia đình có thu nhập thấp, trước hết ở nông thôn và các vùng khó khăn, cho vay với lãi suất ưu đãi, để có điều kiện học tập ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nhà nước quy định cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo và đào tạo lại. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước giúp đỡ phát triển giáo dục - đào tạo Việt Nam. Phần tài trợ cho giáo dục - đào tạo dưới mọi hình thức sẽ được khấu trừ trước khi tính thuế lợi tức, thuế thu nhập.

- Dành ngân sách nhà nước thỏa đáng để cử những người giỏi và có phẩm chất tốt đi đào tạo và bồi dưỡng về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt ở những nước có nền khoa học, công nghệ phát triển.

Khuyến khích đi học nước ngoài bằng con đường tự túc, hướng vào những ngành mà đất nước đang cần, theo quy định của Nhà nước.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài có khả năng về nước tham gia giảng dạy và đào tạo, mở trường học, hoặc hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước; các tổ chức và cá nhân nước ngoài có thể vào Việt Nam mở các trung tâm đào tạo quốc tế, tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tích cực góp sức phát triển giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục xã hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Hệ thống phát thanh, truyền hình dành thời lượng thích đáng phát các chương trình giáo dục. Các ngành văn hóa, nghệ thuật, thông tấn, báo chí có trách nhiệm cung cấp những sản phẩm tinh thần có nội dung tốt cho việc giáo dục thế hệ trẻ. Không để các sản phẩm văn hoá tư tưởng độc hại, các tệ nạn xã hội thâm nhập trường học. Định kỳ tổ chức hội nghị giáo dục các cấp để kiểm điểm, rút kinh nghiệm, bàn biện pháp phát triển giáo dục, khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích. Thể chế hoá chủ trương xã hội hóa giáo dục đã ghi trong Nghị quyết Đại hội VIII.

Tiếp tục phát triển các trường dân lập ở tất cả các bậc học. Từng bước phát triển vững chắc các trường lớp tư thục ở giáo dục mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học. Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý thống nhất chương trình, nội dung chất lượng giảng dạy và học tập ở các trường dân lập và tư thục. Hiệu trưởng và giáo viên của các trường này đều do Nhà nước đào tạo, cấp bằng. Ở các trường dân lập, tư thục lập các tổ chức đảng và đoàn thể như trường công lập. Khung học phí của các trường dân lập, tư thục do Nhà nước quy định.

2. Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học

Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức, tài. Do đó phải:

- Củng cố và tập trung đầu tư nâng cấp các trường sư phạm. Xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm để vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến.

- Không thu học phí và thực hiện chế độ học bổng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên ngành sư phạm. Có chính sách thu hút học sinh tốt, khá, giỏi vào ngành sư phạm. Tăng chỉ tiêu đào tạo của các trường sư phạm, đồng thời giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên một số môn học phù hợp cho các trường đại học và cao đẳng khác.

Đào tạo giáo viên gắn với địa chỉ và có chính sách sử dụng hợp lý để khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên hiện nay.

- Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi

dưỡng chuẩn hoá, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên để đến năm 2000 có ít nhất 50% giáo viên phổ thông và 30% giáo viên đại học đạt tiêu chuẩn quy định. Ở đại học cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước các cán bộ phụ trách các bộ môn khoa học và giảng viên trẻ kế cận, để khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ. Không bố trí người kém phẩm chất, đạo đức làm giáo viên, kể cả giáo viên hợp đồng.

- Lương giáo viên được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm chế độ phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng do Chính phủ quy định. Có chế độ ưu đãi và quy định hợp lý tuổi nghỉ hưu đối với giáo viên cũng như các trí thức khác có trình độ cao.

- Có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng giá trị nguồn nhân lực được đào tạo. Trọng dụng người tài. Khuyến khích mọi người, nhất là thanh niên say mê học tập và tự tu dưỡng vì tiền đồ bản thân và tương lai đất nước.

3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học

- Rà soát lại và đổi mới một bước sách giáo khoa, loại bỏ những nội dung không thiết thực, bổ sung những nội dung cần thiết theo hướng bảo đảm kiến thức cơ bản, cập nhật với tiến bộ của khoa học, công nghệ, tăng nội dung khoa học, công nghệ ứng dụng, tăng cường giáo dục kỹ thuật tổng hợp và năng lực thực hành ở bậc học phổ thông, kỹ năng hành nghề ở khối đào tạo. Trên cơ sở một bước đổi mới và cải tiến ấy, bảo đảm sự ổn định tương đối về nội dung, chương trình, sách giáo khoa ở các cấp học cho đến năm 2000.

- Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng - đạo đức, lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa việc giảng

dạy tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường phù hợp với lứa tuổi và với từng bậc học. Coi trọng hơn nữa các môn khoa học xã hội và nhân văn, nhất là tiếng Việt, lịch sử dân tộc, địa lý và văn hoá Việt Nam. Soát xét lại nội dung sách giáo khoa các môn khoa học xã hội và nhân văn, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài một cách có chọn lọc, xây dựng các môn khoa học kinh tế, quản lý, luật pháp phù hợp với điều kiện nước ta và quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá - thể thao phù hợp với lứa tuổi và với yêu cầu giáo dục toàn diện.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học. Phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là trong thanh niên.

- Chấm dứt tình trạng lớp học 3 ca. Bảo đảm diện tích đất đai và sân chơi, bãi tập cho các trường theo đúng quy định của Nhà nước. Tất cả các trường phải có công trình vệ sinh hợp quy cách. Trong quy hoạch khu dân cư mới, khu công nghiệp tập trung phải có địa điểm trường học, nơi sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao cho thanh niên, thiếu niên. Ban hành chuẩn quốc gia về trường học. Tất cả các trường phổ thông đều có tủ sách, thư viện và các trang bị tối thiểu để thực hiện các thí nghiệm trong chương trình. Sớm chấm dứt tình trạng “dạy chay”.

- Thay thế, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị cho các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và đại học. Xây dựng thêm và quản lý tốt các ký túc xá của học sinh, sinh viên. Xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm và trạm sản xuất thử ở trình độ hiện đại phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Bổ sung thường xuyên sách và tạp chí chuyên ngành để các trường đại học có điều kiện tiếp cận những thành tựu mới của khoa học và công nghệ.

- Tổ chức các hội đồng bộ môn gồm các nhà giáo dục và khoa học đầu ngành có uy tín nhằm nghiên cứu, biên soạn, thử nghiệm nội dung, chương trình, sách giáo khoa, tài liệu, phương pháp giảng dạy, cùng danh mục thiết bị đồ dùng dạy học các môn học, các mặt hoạt động trong nhà trường của tất cả các bậc học sẽ áp dụng sau năm 2000.

4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường công tác dự báo và kế hoạch hoá sự phát triển giáo dục. Đưa giáo dục vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương. Có chính sách điều tiết quy mô và cơ cấu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay. Gắn đào tạo với sử dụng. Đối với miền núi và các vùng khó khăn, các lĩnh vực và ngành nghề cần thiết tiếp tục thực hiện chính sách cử tuyển để đào tạo theo địa chỉ. Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo với cơ quan quản lý nhân lực và việc làm. Khuyến khích thành lập các tổ chức thông tin tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chọn ngành nghề và tìm việc

làm sau khi tốt nghiệp. Ban hành chế độ nghĩa vụ công tác sau khi tốt nghiệp các trường.

- Quy định lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo theo hướng tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước, xây dựng, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục - đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chương trình và chất lượng. Sớm ban hành Luật giáo dục và các văn bản dưới luật (điều lệ các loại trường, trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý giáo dục - đào tạo, quy định hệ thống chuẩn kiến thức...). Nhanh chóng cải tiến các hình thức thi và đánh giá. Sớm có kết luận về một số chủ trương như phân ban ở bậc phổ thông trung học, đào tạo hai giai đoạn ở bậc đại học... Trong lúc chưa có kết luận, không mở rộng các chủ trương đó. Không tổ chức lớp chọn ở các cấp học. Không tổ chức trường chuyên ở tiểu học và trung học cơ sở, trừ các trường năng khiếu về nghệ thuật và thể thao.

- Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục. Trong năm 1997 tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng tiêu cực trong thi, tuyển sinh, bảo vệ luận án, cấp bằng. Có biện pháp sớm chấm dứt tình trạng thu tiền của học sinh không chính thức, không công khai và tình trạng dạy thêm tràn lan.

- Đổi mới cơ chế quản lý, bồi dưỡng cán bộ, sắp xếp, chấn chỉnh và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo. Hoàn thiện hệ thống thanh tra giáo dục, tăng cường cán bộ thanh tra, tập trung vào thanh tra chuyên môn.

- Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tận dụng tối ưu năng lực của đội ngũ và cơ sở vật

chất hiện có. Rút kinh nghiệm việc tổ chức các đại học quốc gia và đại học khu vực, làm tốt việc xây dựng một số trường đại học quốc gia lớn, một số trung tâm đào tạo kỹ thuật có chất lượng và uy tín cao. Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống. Hết sức quan tâm quản lý tốt nội dung và chất lượng đào tạo của các đại học mở, đại học dân lập và các loại hình không chính quy.

- Coi trọng hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, nhằm giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn trong giáo dục và phổ biến các tri thức về khoa học giáo dục thường thức đến các gia đình. Các chủ trương, chính sách về giáo dục, những đổi mới về nội dung, quy trình, phương pháp giáo dục, đánh giá, thi... đều phải dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng và trải qua thực nghiệm, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đưa vào nhà trường theo đúng quy định.

- Thành lập Hội đồng quốc gia giáo dục với nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giúp Chính phủ tổng kết công cuộc đổi mới về giáo dục và soạn thảo chiến lược giáo dục - đào tạo.

- Phân cấp cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý toàn diện giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, có thể cả một số trường cao đẳng. Phát triển các trường lớp đào tạo cán bộ và công nhân chuyên ngành ở các tổng công ty, các doanh nghiệp. Tổ chức thí điểm mô hình gắn đào tạo với nghiên cứu triển khai trong một số doanh nghiệp lớn. Định rõ trách nhiệm, tăng thêm quyền chủ động cho các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học.

- Tiếp tục đổi mới và mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác giáo dục - đào tạo với nước ngoài.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

- Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời thể chế hóa và thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo từ nay đến năm 2000; chỉ đạo tổng kết đổi mới giáo dục - đào tạo và xây dựng chiến lược giáo dục - đào tạo trình Bộ Chính trị.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo sớm hoàn thiện dự án Luật giáo dục trình Quốc hội.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận tổ chức phong trào toàn dân học tập, tham gia làm giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ở từng địa phương, trước hết trong đoàn thể mình.

- Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo cần kiểm điểm làm rõ phân trách nhiệm của mình về những yếu kém của giáo dục - đào tạo, sớm chấn chỉnh công tác quản lý ngành, có chương trình hành động cụ thể tổ chức thực hiện Nghị quyết. Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đảng đoàn các đoàn thể có liên quan nhiều đến giáo dục - đào tạo cũng phải làm như vậy.

- Các cấp ủy đảng từ tỉnh, thành phố đến cơ sở tổ chức cho đảng viên, nhân dân quán triệt Nghị quyết này, cùng với xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; kiện toàn bộ máy tham mưu và bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chủ trương về giáo dục - đào tạo, đặc biệt là kiểm tra công tác chính trị, tư tưởng và việc xây dựng nền nếp kỷ cương trong các trường học, phát hiện và giải quyết dứt điểm các biểu hiện tiêu cực trong

giáo dục - đào tạo. Từng thời gian nhất định cấp ủy nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở địa phương. Từ nay, khi xét công nhận đảng bộ trong sạch, vững mạnh phải coi việc quan tâm phát triển giáo dục - đào tạo, tổ chức học tập bồi dưỡng cho cán bộ là một tiêu chuẩn không thể thiếu.

- Tăng cường xây dựng và củng cố tổ chức đảng để thật sự trở thành hạt nhân lãnh đạo trong các trường học. Tích cực phát triển đảng trong trường học, trước hết trong đội ngũ giáo viên, bảo đảm trường phổ thông nào cũng có đảng viên, có chi bộ. Trường đại học nào cũng có đảng bộ. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân, viên chức và học sinh, phát huy vai trò Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong, Hội thanh niên học sinh - sinh viên, Hội phụ huynh học sinh, Hội khuyến học và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

- Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị làm đầu mối thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ sung, uốn nắn, điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

**Về định hướng chiến lược phát triển khoa học
và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa,
hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000**

Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia và làm thay đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội loài người.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định từ nay đến năm 2020 phải phấn đấu để xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp; khoa học và công nghệ phải trở thành nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) quyết định định hướng chiến lược phát triển

khoa học và công nghệ đến năm 2020 và những nhiệm vụ đến năm 2000.

I- THỰC TRẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thành tựu

Đảng ta đã có một số nghị quyết về khoa học và công nghệ như Nghị quyết số 37 của Bộ Chính trị (khoá IV), Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị (khoá VI), Nghị quyết số 01 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VII). Việc thực hiện các nghị quyết này đã bước đầu nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, thúc đẩy việc đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, góp phần đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra những tiền đề cần thiết để bước vào *thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*.

Khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần bổ sung, lý giải và làm rõ thêm những quan điểm của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Các vấn đề về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, văn hoá và phát triển... cũng đã được nghiên cứu sâu hơn. Việc nghiên cứu các di sản lịch sử, văn hoá, văn minh và con người Việt Nam tiếp tục có những phát hiện mới. Việc tổng kết kinh nghiệm chiến tranh và phát triển lý luận nghệ thuật quân sự Việt Nam đã đạt một số kết quả.

Nhiều kết luận khoa học đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới.

Khoa học tự nhiên có những thành tựu trong nghiên cứu, điều tra điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, góp phần tạo luận cứ cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ sở cho quá trình tiếp thu và làm chủ công nghệ mới. Một số ngành nghiên cứu cơ bản đã xây dựng được đội ngũ cán bộ khoa học có khả năng tiếp cận trình độ hiện đại trên thế giới.

Các ngành khoa học và công nghệ gắn bó hơn với sản xuất và đời sống. Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ mới đã được ứng dụng, góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong các ngành sản xuất nông nghiệp, y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, xây dựng, năng lượng, dầu khí, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu..., xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh.

Việc nghiên cứu về chính sách, biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường bước đầu được quan tâm, Luật môi trường đã được ban hành.

Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có bước trưởng thành, được tập hợp, có thêm điều kiện để phát huy khả năng và cống hiến cho sự nghiệp chung. Đây là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển của đất nước.

Có được những thành tựu trên đây, trước hết là do đường lối đúng đắn của Đảng, do nhu cầu phát triển kinh tế đòi hỏi đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhờ sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, khoa học và công nghệ. Mặt khác,

đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đã trưởng thành một bước và có nhiều cố gắng thích nghi với cơ chế mới; quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học và công nghệ được mở rộng.

2. Yếu kém

Nền khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, còn thua kém so với nhiều nước trong khu vực.

Trình độ công nghệ thấp, chậm được đổi mới trong nhiều ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong quản lý. Sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nước chưa nhiều, tỷ lệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống còn thấp. Tình trạng nhập khẩu các thiết bị, công nghệ lạc hậu, không đồng bộ, kém hiệu quả ảnh hưởng xấu đến năng suất lao động và môi trường sinh thái.

Nhiều vấn đề nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ về phương diện lý luận. Nhiều vấn đề kinh tế - xã hội thiếu những dự báo khoa học. Việc tổng kết thực tiễn bị coi nhẹ. Tình trạng chậm trễ trong một số lĩnh vực lý luận và khoa học xã hội chưa được khắc phục.

Môi trường ở một số cơ sở sản xuất - kinh doanh, khu công nghiệp, khu dân cư đô thị và nông thôn bị ô nhiễm nặng nề. Tình trạng chặt phá rừng, khai thác bừa bãi tài nguyên khoáng sản, đánh bắt thủy hải sản bằng các phương tiện có tính huỷ diệt... đang diễn ra rất nghiêm trọng.

Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tuy tăng về số lượng, nhưng tỷ lệ trên số dân còn thấp so với các nước trong

khu vực, chất lượng chưa cao; còn thiếu nhiều cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi, đặc biệt là các chuyên gia về công nghệ. Số đông cán bộ có trình độ cao đều đã lớn tuổi, đang có nguy cơ hẫng hụt cán bộ. Không ít cán bộ khoa học và công nghệ chuyển đi làm việc khác hoặc bỏ nghề, gây nên sự lãng phí chất xám nghiêm trọng.

Cơ cấu và việc phân bố cán bộ khoa học và công nghệ chưa cân đối, còn nhiều bất hợp lý. Nông thôn và miền núi còn thiếu nhiều cán bộ khoa học và công nghệ.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu khoa học quá nghèo nàn, lạc hậu; thông tin khoa học và công nghệ quá thiếu và không kịp thời.

Hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu - triển khai tuy đã được sắp xếp một bước, nhưng vẫn còn trùng lặp, chưa đồng bộ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, giảng dạy với thực tiễn sản xuất - kinh doanh và với quốc phòng - an ninh; giữa các ngành khoa học, giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Tinh thần hợp tác giữa các nhà khoa học, giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học còn yếu.

Nguyên nhân của những yếu kém trên đây là:

1- Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền chưa thật sự coi phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, chưa tập trung trí tuệ, công sức cho sự lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động khoa học và công nghệ. Nhiều chủ trương đúng đắn về khoa học và công nghệ trong các văn kiện của Đảng chậm được thể chế hoá về mặt nhà nước và chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách xuất nhập khẩu chưa khuyến

khích và buộc các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, tích cực ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ. Môi trường đầu tư và cạnh tranh chưa thuận lợi, chưa tạo được động lực cho việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất - kinh doanh.

- Chưa nhận thức đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển. Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn quá thấp. Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị (khoá VI) quy định mức đầu tư tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ không được chấp hành nghiêm chỉnh (trong nhiều năm tỷ lệ này chỉ dưới 1%). Việc phân bổ và sử dụng ngân sách cho khoa học và công nghệ chưa hợp lý, chưa có hiệu quả. Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ.

- Thiếu chiến lược quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nên còn mất cân đối về đào tạo và sử dụng. Nhiều chính sách cán bộ chưa thỏa đáng và không kịp thời đổi mới. Chế độ tiền lương mang nặng tính bình quân. Lao động trí óc chưa được đãi ngộ xứng đáng.

- Việc quản lý sản xuất, xuất nhập khẩu còn nhiều sơ hở, quy chế giám định công nghệ chưa chặt chẽ nên nhiều thiết bị, công nghệ lạc hậu được nhập vào nước ta, gây tổn thất lớn cho nền kinh tế và gây tác hại xấu đến môi trường.

2- Quản lý khoa học và công nghệ trong cơ chế thị trường còn lúng túng, bất cập. Việc tổ chức phân bổ lực lượng còn phân tán. Việc quản lý các chương trình nghiên cứu còn mang nặng tính hành chính, còn dàn trải; chưa gắn chương

trình nghiên cứu với chức năng và nhiệm vụ của cơ sở nghiên cứu, chưa đề cao tinh thần trách nhiệm và phát huy tính chủ động của cơ sở; thiếu sự kết hợp giữa chương trình kinh tế - xã hội với chương trình khoa học và công nghệ. Nhiều cơ quan khoa học chưa gắn với cơ sở sản xuất, chưa chủ động phối hợp với địa phương để ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ.

3- Công tác đảng, công tác chính trị - tư tưởng trong một số viện nghiên cứu, trường đại học còn yếu. Tác dụng lãnh đạo của tổ chức đảng ở những nơi này còn hạn chế. Việc phát triển đảng trong trí thức chưa được quan tâm đầy đủ.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Định hướng chung của chiến lược khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020 là:

1- Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thụ tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu điều tra, nghiên cứu thực tế, tổng kết sâu sắc quá trình đổi mới đất nước. Xây dựng, không ngừng phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh, *nhANH chóng nâng cao trình độ công nghệ của đất nước*. Coi trọng nghiên cứu cơ bản, làm chủ và cải tiến các công nghệ nhập từ bên ngoài, tiến tới sáng tạo ngày càng nhiều công nghệ mới ở những khâu quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI.

3- Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà: đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nhân lành nghề, trẻ hoá và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có đủ đức, tài, kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở rộng các nguồn cung cấp thông tin, từng bước hình thành một nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt được đặt ra trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhiệm vụ của các lĩnh vực khoa học và công nghệ:

1- Khoa học xã hội và nhân văn.

- Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa tư bản hiện đại, những biến đổi trong các quan hệ quốc tế; dự báo xu hướng phát triển của thế giới, khu vực và đất nước. Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

- Nghiên cứu sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp. Nghiên cứu lý luận và chính sách quản lý kinh tế - xã hội trong quá

trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; nghiên cứu vấn đề đảng cầm quyền và xây dựng Đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Tổng kết thực tiễn sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, tham khảo kinh nghiệm phát triển của thế giới, đề xuất luận cứ khoa học về mô hình và các giải pháp của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

- Nghiên cứu các vấn đề lịch sử, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, tư tưởng, triết học và đặc điểm con người Việt Nam qua các thời đại, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thụ những tinh hoa văn hoá thế giới, hình thành hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới, làm chỗ dựa cho việc giáo dục và bồi dưỡng truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân ta. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm các cuộc chiến tranh cứu nước, giữ nước trong lịch sử dân tộc; xây dựng, phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới.

- Nghiên cứu về lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị, quân sự... của các nước, nhất là các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương.

2- Khoa học tự nhiên.

Nghiên cứu cơ bản có định hướng, có trọng điểm các lĩnh

vực khoa học tự nhiên (toán học, tin học, cơ học, vật lý, hoá học, sinh học, các khoa học về trái đất và biển...) nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống, hạn chế hậu quả thiên tai và nhằm xây dựng năng lực khoa học cho việc làm chủ các công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ nước ngoài và sáng tạo ra công nghệ mới. Chú trọng đúng mức những nghiên cứu lý thuyết hiện đại cần thiết để đón đầu sự phát triển của khoa học và công nghệ.

3- Khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Đến năm 2020 đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm như công nghệ sinh học, sản xuất lương thực, chế biến nông - lâm - hải sản, cơ khí điện tử, công nghệ thông tin, bưu chính - viễn thông, khai thác và chế biến dầu khí, giao thông vận tải, xây dựng, vật liệu cơ bản, sản xuất và sử dụng năng lượng, y dược. Phát triển một số ngành công nghiệp biển. Ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học hiện đại nhằm tiếp cận với trình độ thế giới trong một số lĩnh vực quan trọng, làm cơ sở vững chắc cho phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.

4- Tiềm lực khoa học và công nghệ.

Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để có khả năng tiếp thụ các tri thức mới của thế giới, thích nghi, làm chủ các công nghệ tiên tiến từ nước ngoài; nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ do thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển; bảo đảm căn cứ khoa học cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Đến năm 2020 có một số phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trường đại học đạt trình độ quốc tế. Đạt mức độ tiên tiến trong khu vực về các chỉ tiêu đặc trưng cho tiềm lực khoa học và công nghệ như: tỷ lệ phần trăm tổng thu nhập quốc dân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, số lượng cán bộ nghiên cứu - triển khai trên 1 vạn dân, số phát minh, sáng chế được đăng ký cấp giấy chứng nhận, v.v..

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược trên, cần quán triệt *các quan điểm chỉ đạo* sau đây:

1. Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bằng và dựa vào khoa học, công nghệ. Đảng và Nhà nước có chính sách đầu tư khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng - an ninh.

Khoa học và công nghệ gắn với giáo dục và đào tạo, khoa học tự nhiên và kỹ thuật gắn với khoa học xã hội và nhân văn.

3. Phát triển khoa học và công nghệ là sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Phát huy cao độ khả năng sáng tạo của quần chúng, của các tập thể khoa học và công nghệ, của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội và của mỗi công dân trong hoạt động khoa học, công nghệ.

4. Phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với tiếp thụ thành tựu khoa học, công nghệ thế giới.

5. Phát triển khoa học, công nghệ gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

III- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

1. Mục tiêu

Nâng cao mặt bằng khoa học và dân trí để tiếp thụ và vận dụng các thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; đạt được những chuyển biến rõ nét về các mặt sau đây:

- Bảo đảm luận cứ khoa học cho việc xây dựng các định hướng chiến lược, chính sách, chủ trương, kế hoạch, quy hoạch phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước.

- Lựa chọn, tiếp thụ và làm chủ các công nghệ nhập từ bên ngoài, kết hợp với cải tiến và hiện đại hoá công nghệ truyền thống, nâng cao trình độ công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tạo bước chuyển biến mới về năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất; đặc biệt là chất lượng các sản phẩm xuất khẩu để có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

- Đạt trình độ công nghệ trung bình trong khu vực ở những ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu.

Phát triển tiềm lực khoa học công nghệ:

- Xây dựng đội ngũ trí thức giàu lòng yêu nước, yêu chủ

nghĩa xã hội, có chí khí và hoài bão lớn, quyết tâm đưa đất nước lên đỉnh cao mới. Phấn đấu đưa số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ lên gấp rưỡi so với hiện nay và nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ.

- Tăng cường một bước cơ bản về cơ sở vật chất kỹ thuật cho khoa học và công nghệ. Tập trung xây dựng một số phòng thí nghiệm cần thiết đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trên các lĩnh vực công nghệ trọng điểm, như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, hoá dầu, năng lượng, chế tạo máy tự động hoá, để phát triển nhanh các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên.

2. Nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000

1- Khoa học xã hội và nhân văn.

Tập trung nghiên cứu các vấn đề:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

- Phương hướng, mục tiêu, tiến trình và những giải pháp nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Xây dựng quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa; sự biến đổi các giai cấp, tầng lớp xã hội; các chính sách bảo đảm tiến bộ xã hội và công bằng xã hội.

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát huy mạnh mẽ nhân tố con người; đấu tranh chống những ảnh hưởng độc hại từ mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa với bên ngoài.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, tăng cường đoàn kết dân tộc trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Những vấn đề về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Làm rõ bản chất và con đường phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế quản lý mới.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả và vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

- Vấn đề kinh tế tư bản nhà nước, mối quan hệ giữa chế độ đa sở hữu và các hình thức phân phối, giữa quản lý vĩ mô và điều hành vi mô đối với sản xuất và kinh doanh trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Những vấn đề về lịch sử, dân tộc, tôn giáo, triết học, văn học nghệ thuật..., đặc điểm con người Việt Nam.

- Tổng kết kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh cứu nước, giữ nước trong lịch sử dân tộc; xây dựng, phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới.

- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

2- Khoa học tự nhiên.

Nghiên cứu một số vấn đề lý thuyết thuộc lĩnh vực mũi nhọn và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học hiện đại nhằm tạo cơ sở cho đổi mới công nghệ, định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Trước mắt tập trung chủ yếu vào các ngành toán học, công

nghệ thông tin, các khoa học hệ thống và điều khiển học; vật lý chất rắn, quang học, vật lý laser, vật lý hạt nhân; cơ học các kết cấu công trình, cơ học các vật liệu mới, động lực học, các hệ thủy khí động học; hoá hữu cơ, hấp phụ và xúc tác, hoá phân tích; sinh vật học nhiệt đới, kỹ thuật tế bào, công nghệ gien, sinh học phân tử; cấu trúc địa chất và đặc điểm địa động lực Việt Nam, vật lý địa cầu, nghiên cứu địa lý, biến đổi khí hậu, dự báo các quá trình tai biến tự nhiên Việt Nam, nghiên cứu biển, thềm lục địa.

3- Công nghệ.

Lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính. Tạo được khả năng lựa chọn, thích nghi và làm chủ các công nghệ nhập; đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất, trước hết ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, những ngành có giá trị gia tăng cao, ngành công nghiệp mới xây dựng, ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Đồng thời, đổi mới công nghệ từng phần, hiện đại hoá từng khâu đối với những lĩnh vực còn cơ sở vật chất - kỹ thuật và sản xuất còn hiệu quả.

- *Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:* Đẩy mạnh nghiên cứu tuyển chọn các giống cây, con có năng suất và chất lượng cao. Làm chủ được các công nghệ sản xuất các giống ưu thế lai về lúa, ngô và rau quả. Áp dụng các biện pháp sinh học hiện đại và công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất, sản xuất các loại nông sản sạch. Phát triển chăn nuôi; nâng cao trình độ chế biến và bảo quản lương thực, thực phẩm; đánh bắt và chế biến thủy sản; đẩy nhanh cơ giới hoá; sử dụng phương pháp tưới tiêu tiên tiến; có các chính

sách, giải pháp công nghệ để đưa diện tích có rừng che phủ lên 40%, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả diện tích đất trồng trọt cũng như khai thác hợp lý các vùng đất mới; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn hợp tác hóa với công nghiệp hoá nông nghiệp và công nghiệp hoá nông thôn; hình thành các cụm dân cư, các thị tứ, xây dựng các mô hình làng sinh thái, giải quyết nước sạch, vệ sinh môi trường ở nông thôn.

- *Về công nghiệp và kết cấu hạ tầng:* Làm chủ các công nghệ mới trong chế tạo máy, nhất là công nghệ đúc, hàn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, gia công chính xác; ứng dụng công nghệ sử dụng máy tính và tự động hoá trong chế tạo máy; nâng cao năng lực thiết kế và chế tạo các dây chuyền sản xuất cho các ngành công nghiệp. Ứng dụng các công nghệ mới nhất về thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí. Tiếp cận những công nghệ mới để chuẩn bị xây dựng các cơ sở gang thép, sản xuất nhôm, các vật liệu mới, hợp kim và kim loại khác, các cơ sở sản xuất phân bón cũng như một số hoá chất cơ bản. Lập cân bằng tổng thể các dạng nhiên liệu, năng lượng cho nhu cầu đến năm 2020; nâng cao hiệu quả xây dựng các nhà máy điện, chuyển tải điện năng, giảm tổn thất điện năng; đẩy mạnh việc ứng dụng năng lượng mặt trời, địa nhiệt, gió, khí sinh vật; chuẩn bị tiền đề khoa học cho việc sử dụng năng lượng nguyên tử sau năm 2000. Hiện đại hoá công nghệ trong các lĩnh vực bưu chính - viễn thông, hàng không, hàng hải, đường sắt, đường bộ, giao thông đô thị, v.v.. Nghiên cứu quy hoạch đô thị, quy hoạch dân cư phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- *Bảo vệ sức khỏe*: Nghiên cứu các vấn đề y sinh cơ bản, ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe, các bệnh nhiễm khuẩn chủ yếu, ngăn chặn AIDS; cải thiện tình trạng dinh dưỡng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc.

- *Công nghệ cao*: Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm nhanh chóng hiện đại hoá công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân và tạo ra các ngành công nghiệp mũi nhọn có giá trị gia tăng cao. Bước đầu xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

4- Tài nguyên và môi trường.

Sử dụng các giải pháp khoa học, công nghệ nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ tác hại thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng những công nghệ mới trong điều tra tài nguyên, dự báo khí tượng thủy văn, kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường; tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển vùng, bố trí hợp lý không gian lãnh thổ và dân cư; bảo vệ đa dạng sinh học, giữ cân bằng sinh thái.

5- Quốc phòng - an ninh.

Tổ chức điều tra, nghiên cứu các vấn đề khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, sửa chữa, bảo trì các loại

vũ khí, quân trang, quân dụng. Nghiên cứu kế hoạch phòng thủ bảo vệ vững chắc biên giới lãnh thổ của Tổ quốc.

IV- NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tạo lập thị trường khoa học và công nghệ.

- Dùng các công cụ về thuế, về tín dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại phù hợp với các hướng ưu tiên của Nhà nước. Áp dụng chế độ thuế nhập khẩu thấp đối với các thiết bị công nghệ tiên tiến. Miễn mọi loại thuế cho các sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử bằng công nghệ mới. Giảm thuế lợi tức trong một số năm đối với các sản phẩm làm ra bằng công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng trong nước, có chính sách ưu đãi đối với việc áp dụng các công nghệ do trong nước sáng tạo ra.

- Đối với các doanh nghiệp, Nhà nước quy định chế độ thưởng cho tập thể lao động và các tác giả về sáng chế, phát minh, cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới.

- Các viện nghiên cứu được thành lập các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các trung tâm ứng dụng, tư vấn và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực chuyên môn mà viện đảm nhận; được phép liên doanh với nước ngoài theo quy định của Nhà nước.

- Thành lập các tổ chức nghiên cứu - triển khai trong các tổng công ty và doanh nghiệp lớn.

- Mở rộng mạng lưới dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ. Miễn hoặc giảm thuế doanh thu cho các hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và khuyến khích chuyển giao công nghệ.

2- Chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ.

- Có chính sách lương thỏa đáng đối với cán bộ nghiên cứu khoa học và triển khai.

Có chế độ thưởng, phụ cấp và trợ cấp cho các công trình khoa học và công nghệ có giá trị. Có cơ chế để cán bộ khoa học và công nghệ bảo đảm thu nhập thích đáng thông qua việc tham gia các hợp đồng nghiên cứu - triển khai.

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, hoà bình, lý tưởng say mê khoa học; áp dụng nhiều hình thức biểu dương, tôn vinh địa vị xã hội của các nhà khoa học và chuyên gia công nghệ hàng đầu.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ; trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Khơi dậy nhiệt tình của thế hệ trẻ theo đuổi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và thực hiện quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, tăng cường đoàn kết, ý thức trách nhiệm xã hội của các nhà khoa học trong hoạt động nghiên cứu và triển khai. Khuyến khích, trân trọng những tìm tòi khám phá khoa học, những kiến nghị giải pháp khác nhau về các vấn đề của tự nhiên, kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội. Có những hình thức tổ chức, phương pháp và cơ chế hoạt động hợp lý để phát huy tối đa trí tuệ tập thể cũng như tài năng cá nhân của nhà khoa học.

- Trang bị kỹ thuật, thông tin, thiết bị đồng bộ cho một số

phòng thí nghiệm, một số viện nghiên cứu trọng điểm, một số bộ môn ở các trường đại học đạt mức tiên tiến trong khu vực. Tăng dần trang thiết bị và nâng cấp các thư viện cho các trường, các viện nghiên cứu.

- Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ về làm việc tại các vùng nông thôn, vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Quy định tuổi về hưu thích hợp đối với cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao; có nhiều hình thức sử dụng và phát huy năng lực của đội ngũ trí thức tuổi cao còn sức cống hiến.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao về nước những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài về làm việc trong nước.

3- Phát động phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh, áp dụng khoa học và công nghệ vào mọi mặt của sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh phong trào thi đua tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả công tác trong toàn xã hội. Nhà nước có chính sách khuyến khích, động viên khen thưởng và tôn vinh kịp thời đối với những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào này.

4- Tăng đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn.

- Tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước hàng năm chi cho

khoa học và công nghệ để đến năm 2000 đạt không dưới 2% tổng chi ngân sách.

- Chương trình phát triển khoa học và công nghệ phải là một bộ phận quan trọng trong nội dung của mỗi chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội phải là cơ sở thực tiễn và là nơi tạo nhu cầu và cung cấp nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ.

- Trích một phần vốn của các dự án đầu tư để tiến hành nghiên cứu, phản biện, đánh giá những vấn đề khoa học và công nghệ có liên quan tới nội dung, chất lượng dự án.

- Có cơ chế để doanh nghiệp dành một phần vốn cho nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân lực. Phần vốn này không chịu thuế.

- Nhà nước chú trọng đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nhất là những lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cũng như những lĩnh vực khoa học và công nghệ đặc thù của Việt Nam.

5- Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Có chính sách mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế; thu hút các chuyên gia giỏi của thế giới đến nước ta hợp tác mở trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật, lập các cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại.

- Có cơ chế sử dụng vốn vay và viện trợ nước ngoài để đầu tư có hiệu quả cho khoa học và công nghệ. Hình thành một số cơ sở quốc tế về khoa học tự nhiên và công nghệ.

- Nhà nước dành một khoản ngân sách thích đáng để cử người có đức, có tài đi đào tạo những ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên ở những nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến; khuyến khích việc tự túc đi học ở nước ngoài về khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là cán bộ trẻ được đi bồi dưỡng và trao đổi khoa học ở nước ngoài.

6- Tăng cường kiểm soát, giám định công nghệ và chất lượng sản phẩm.

- Các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong mọi ngành, mọi cấp đều phải có sự thẩm định của các tổ chức khoa học về giải pháp công nghệ và về những tác động của nó đến môi trường và xã hội. Việc thẩm định phải được luật pháp hoá.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tiêu chuẩn, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Có biện pháp phát hiện kịp thời, ngăn chặn và đình chỉ sản xuất lưu thông hàng giả.

- Tiến hành nghiêm ngặt công tác thanh tra, kiểm tra môi trường sinh thái. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sạch. Ngăn ngừa và xử lý nghiêm các trường hợp nhập và sử dụng các công nghệ gây ô nhiễm môi trường. Tất cả các dự án đầu tư, các quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch đô thị, khu công nghiệp đều phải thực hiện nghiêm chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải có một phần vốn đầu tư cho các giải pháp bảo vệ môi trường.

7- *Đổi mới hệ thống tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.*

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ trung ương đến cấp huyện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ, tăng cường công tác thanh tra công nghệ và thanh tra môi trường.

- Đổi mới cơ chế phân bổ và quản lý ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu. Kiểm tra hoạt động, hiệu quả sử dụng kinh phí nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, của Hội đồng khoa học và công nghệ ngành và địa phương.

- Ban hành Luật khoa học và công nghệ. Nhà nước quản lý thống nhất các hoạt động khoa học và công nghệ, đồng thời phân cấp quản lý và phát huy tính chủ động của các cơ sở nghiên cứu - triển khai.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan khoa học và công nghệ theo hướng củng cố trung tâm khoa học quốc gia và một số cơ quan khoa học công nghệ trọng điểm ngành, bảo đảm kết hợp giữa viện nghiên cứu và trường đại học, gắn nghiên cứu - triển khai với sản xuất - kinh doanh.

- Khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài khu vực nhà nước.

- Củng cố và tăng cường hoạt động của các Hội khoa học và kỹ thuật nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng trí thức.

Phát huy vai trò chính trị - xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật ở trung ương và địa phương trong việc phổ biến và ứng dụng kiến thức khoa học vào sản xuất và đời sống, trong nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ và bảo vệ môi trường, cũng như trong công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các hội khoa học và kỹ thuật.

8- *Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ.*

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ cập tri thức khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn nói chung, những hiểu biết thường thức về khoa học tự nhiên và công nghệ, bảo vệ môi trường trong nhân dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng dân tộc ít người, hình thành lối sống văn minh và sự lành mạnh của môi trường xã hội.

- Đẩy mạnh các dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ về lãnh đạo - quản lý, nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin công nghệ.

- Phát triển và quản lý tốt mạng lưới thu thập, xử lý thông tin về khoa học và công nghệ nước ngoài.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định làm cho khoa học và công nghệ trở thành nền tảng và động lực mạnh mẽ của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để các định hướng chiến lược khoa học và công nghệ được thực hiện có hiệu quả, các cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở phải tổ chức cho đảng viên và quần chúng quán triệt nghị quyết này, đặc biệt là quan tâm sử dụng khoa học và công nghệ, tạo động lực, nguồn lực và môi trường thuận lợi nhất cho khoa học và công nghệ phát triển.

Trong chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động, các cấp ủy đảng cần chú trọng nội dung khoa học và công nghệ; thường xuyên kiểm tra luận cứ khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả kinh tế - xã hội của các chủ trương, chính sách, dự án phát triển thuộc phạm vi mình phụ trách.

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng có chỉ thị thực hiện Nghị quyết này.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; thể chế hoá các chính sách, chủ trương phát triển khoa học và công nghệ; chỉ đạo gắn kết chương trình kinh tế - xã hội với chương trình khoa học và công nghệ.

Đảng đoàn Quốc hội nhanh chóng đưa vào chương trình xây dựng pháp luật những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển khoa học và công nghệ. Sớm trình Quốc hội Luật khoa học và công nghệ.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành; đảng đoàn của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp kịp thời cụ thể hóa chiến lược khoa học và công nghệ thành các chủ trương, các biện pháp, bước đi cụ thể phù hợp chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tổ chức các phong trào quần chúng sâu rộng, phát huy sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, công

nghệ, sáng chế phát minh, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học và công nghệ.

Các cấp ủy đảng tiến hành kiện toàn các cơ quan tham mưu về khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả lãnh đạo tổ chức, triển khai chiến lược khoa học, công nghệ phù hợp với địa phương theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên phải không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết về khoa học và công nghệ, nắm chắc những mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ cụ thể để tổ chức, vận động quần chúng thực hiện tốt Nghị quyết này.

Đảng bộ các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, các cơ sở đào tạo có trách nhiệm phát triển đảng sâu rộng trong đội ngũ trí thức, đặc biệt đối với những nhà khoa học đầu ngành và những trí thức trẻ.

Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị làm đầu mối thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ sung, uốn nắn điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ VIII
 Số 22-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

Căn cứ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng,

Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương như sau:

Chương I

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG,
BỘ CHÍNH TRỊ, THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ,
TỔNG BÍ THƯ, ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VÀ CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Điều 1: Ban Chấp hành Trung ương

1- Quyết định Chương trình hoạt động và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương.

2- Quyết định những vấn đề chiến lược và chủ trương, chính sách lớn về đối nội và đối ngoại nhằm thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội Đảng.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội, nếu nảy sinh vấn đề mới, Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm...

3- Bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cử Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Quyết định nhân sự ứng cử, đề cử hoặc rút khỏi các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. Xem xét và quyết định việc xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương và các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương bầu hoặc cử ra.

Quyết định kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị.

Xem xét giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

4- Xem xét các báo cáo định kỳ hàng năm và bất thường về những hoạt động chủ yếu của Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, về tài chính đảng.

5- Quyết định triệu tập và chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường của Đảng, trong đó có việc thảo luận và thông qua các văn kiện trình Đại hội và giới thiệu với Đại hội nhân sự ứng cử, đề cử tham gia Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 2: Bộ Chính trị

1- Quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp

lớn để tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương.

Quyết định những chủ trương, chính sách mới trong từng lĩnh vực do tình hình đặt ra giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương và báo cáo Ban Chấp hành Trung ương tại phiên họp gần nhất.

2- Cử Thường vụ Bộ Chính trị và đồng chí Thường trực Bộ Chính trị; xác định những nhiệm vụ Thường vụ Bộ Chính trị được ủy quyền thay mặt Bộ Chính trị quyết định; xem xét những quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương về những quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị.

3- Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đảng. Quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4- Quyết định việc thành lập, giải thể các tổ chức đảng và các cơ quan của Đảng trực thuộc Trung ương. Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và chỉ đạo công tác của các cơ quan nói trên. Hướng dẫn về tổ chức các cơ quan của tỉnh, thành ủy.

5- Quyết định phân cấp quản lý cán bộ. Phân công công tác các Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; quyết định giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể và bố trí, chỉ định, đề bạt, chuẩn y hoặc tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật, nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

6- Chỉ đạo chuẩn bị các dự thảo văn kiện và đề án nhân sự Đại hội để trình Ban Chấp hành Trung ương.

Quyết định triệu tập và chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

7- Báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về những hoạt động chủ yếu của Bộ Chính trị theo định kỳ hàng năm, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

8- Từng thời gian nêu những vấn đề quan trọng của đất nước, của Đảng mà Trung ương cần đánh giá, nhận định tình hình và có chủ trương, biện pháp giải quyết để lấy ý kiến các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Bộ Chính trị tổng hợp các ý kiến đó, nghiên cứu thảo luận và báo cáo kết luận với Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 3: Thường vụ Bộ Chính trị

Thường vụ Bộ Chính trị thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn do Bộ Chính trị ủy quyền. Những vấn đề do Thường vụ Bộ Chính trị bàn và xử lý trong phạm vi được ủy quyền, nếu là quyết định, chỉ thị thì dùng danh nghĩa Bộ Chính trị; nếu là thông báo, thông tri, hướng dẫn... thì dùng danh nghĩa Thường vụ Bộ Chính trị và đều có hiệu lực như văn bản của Bộ Chính trị.

Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị về mọi quyết định của mình; định kỳ hàng tháng phải báo cáo Bộ Chính trị những quyết định quan trọng.

Điều 4: Tổng Bí thư

1- Chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị; chủ trì và kết luận các phiên họp Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

2- Đề xuất những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính

sách lớn về đối nội, đối ngoại, những vấn đề quan trọng về xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác xây dựng Đảng để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị bàn, quyết định.

3- Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ký các nghị quyết và văn bản quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

4- Chỉ đạo đồng chí Thường trực Bộ Chính trị giải quyết công việc hàng ngày của Đảng.

Điều 5: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

1- Tham gia chuẩn bị, thảo luận, biểu quyết những quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương. Tham gia hoạt động của các tiểu ban, các hội đồng tư vấn, các tổ công tác hoặc các hình thức tổ chức khác của Trung ương, Bộ Chính trị khi được phân công. Tham dự đầy đủ các kỳ họp Trung ương.

2- Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết và quyết định của Đại hội Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị. Cùng với cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng chịu trách nhiệm lãnh đạo tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể nhân dân trong lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách, quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, chỉ đạo công tác xây dựng và bảo vệ Đảng. Trực tiếp góp phần xây dựng tổ chức đảng ở đơn vị mình sinh hoạt trong sạch, vững mạnh.

3- Chủ động báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về đường lối, chủ

trương, chính sách của Đảng và về chương trình hoạt động của Trung ương, Bộ Chính trị, nhất là về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực và địa phương được phân công phụ trách, những vấn đề cần phải xử lý gấp.

Được cung cấp và yêu cầu cung cấp những thông tin về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo và bộ máy của Đảng và Nhà nước, các thông tin cần thiết cho việc nghiên cứu hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

4- Có quyền ứng cử, đề cử vào Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, vào các chức vụ Tổng Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương và xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan lãnh đạo và chức danh nói trên.

5- Có quyền chất vấn về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo, các tổ chức của Đảng và về hoạt động của các cá nhân Ủy viên Trung ương và được trả lời theo thời gian quy định. Có trách nhiệm trả lời chất vấn về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm Ủy viên Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng.

6- Phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Được trình bày ý kiến khi các cơ quan lãnh đạo của Đảng nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác, khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với mình.

7- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Gương mẫu chấp hành Điều lệ, đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là trong việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra ở những đơn vị công tác được phân công phụ trách. Giáo dục gia đình gương mẫu thi

hành pháp luật, chấp hành chính sách của Nhà nước, giữ gìn nếp sống trong sạch, lành mạnh.

8- Chấp hành nghiêm chế độ bảo mật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những bí mật liên quan đến hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

9- Có kế hoạch học tập nâng cao trình độ mọi mặt về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; có chương trình nghiên cứu thực tiễn và giữ liên hệ mật thiết với nhân dân.

10- Định kỳ hàng năm tự phê bình về trách nhiệm được giao, có nhận xét của tập thể, đảng ủy, chi ủy nơi mình sinh hoạt và gửi văn bản báo cáo về Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương).

Điều 6: Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương

Các đồng chí Cố vấn tham gia ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị các vấn đề chiến lược, quan trọng của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác xây dựng Đảng và nhân sự chủ chốt cấp cao.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC

Điều 7

Ban Chấp hành Trung ương làm việc theo chương trình toàn khoá và hàng năm (có điều chỉnh khi cần thiết). Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ 6 tháng một lần.

Khi Bộ Chính trị thấy cần thiết hoặc khi có trên một nửa số Ủy viên Trung ương đề nghị thì Bộ Chính trị quyết định triệu tập hội nghị Trung ương bất thường.

Điều 8

Chuẩn bị hội nghị Trung ương:

1- Bộ Chính trị có trách nhiệm chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi của mỗi hội nghị; phân công đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị các đề án.

2- Đối với những vấn đề đã có nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết đó vẫn còn giá trị chỉ đạo thực tiễn, thì hội nghị Trung ương không nhất thiết phải bàn và ra nghị quyết toàn diện mà cần tập trung vào kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đã có và bổ sung những chủ trương, giải pháp mới.

3- Đề án trình hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phải tập trung được trí tuệ của các Ủy viên Trung ương, các cơ quan chức năng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan. Tùy vấn đề, Bộ Chính trị tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân. Việc tổ chức lấy ý kiến phải bảo đảm thiết thực, có hiệu quả.

4- Các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị đề án phải kịp thời cung cấp những thông tin cần thiết cho Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, nhất là những tri thức và những ý kiến khác nhau liên quan đến nội dung đề án.

Các Ủy viên Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị để đóng góp có chất lượng vào quá trình thảo luận và quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

Đề án trình hội nghị Trung ương phải được Bộ Chính trị thảo luận, thông qua và gửi đến các Ủy viên Trung ương trước cuộc họp 10 ngày (trừ trường hợp đặc biệt).

5- Ban Chấp hành Trung ương mời các đồng chí Cố vấn dự các hội nghị Trung ương.

Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải Ủy viên Trung ương được mời dự các hội nghị Trung ương, trừ những vấn đề Trung ương cần bàn riêng.

6- Không triệu tập hội nghị Trung ương mở rộng. Khi cần thiết, Bộ Chính trị quyết định mời một số đồng chí không là Ủy viên Trung ương có liên quan đến nội dung mà Trung ương bàn, tham gia hội nghị.

Điều 9

Tiến hành hội nghị Trung ương:

1- Đoàn Chủ tịch của hội nghị Trung ương là Bộ Chính trị. Bộ Chính trị phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị điều hành các phiên họp. Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua chương trình làm việc của hội nghị Trung ương. Bộ Chính trị báo cáo với Trung ương về thành phần dự họp.

2- Bộ Chính trị nêu những vấn đề Trung ương cần thảo luận. Các đồng chí Ủy viên Trung ương cần tập trung bày tỏ chính kiến về những vấn đề đó và tranh luận về những vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau, mỗi lượt phát biểu không quá 20 phút.

Trong hội nghị Trung ương, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị có thể phát biểu những ý kiến mà mình đã bảo lưu ở Bộ Chính trị.

3- Tùy vấn đề, Trung ương có thể tổ chức thảo luận ở hội trường, ở tổ, hoặc ở các nhóm chuyên đề. Khi Trung ương thảo luận ở tổ hoặc các nhóm chuyên đề, Đoàn Chủ tịch cần chỉ đạo việc tổng hợp đầy đủ ý kiến phát biểu ở các tổ và các nhóm, thông báo kịp thời đến Trung ương.

4- Bộ Chính trị trình bày ý kiến của mình về những vấn đề Trung ương còn ý kiến khác nhau trước khi Trung ương biểu quyết và kiến nghị với hội nghị Trung ương danh mục và nội dung những vấn đề cần biểu quyết.

5- Ban Chấp hành Trung ương thông qua danh mục, nội dung các vấn đề cần biểu quyết và hình thức biểu quyết. Nếu biểu quyết về nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương cử Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu; nếu biểu quyết những vấn đề về nội dung nghị quyết thì giao Văn phòng Trung ương giúp Đoàn Chủ tịch thực hiện việc kiểm phiếu.

6- Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua nghị quyết hội nghị Trung ương tại hội nghị hoặc ủy nhiệm Bộ Chính trị hoàn chỉnh nghị quyết để ban hành. Trong trường hợp Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm Bộ Chính trị thì Bộ Chính trị phải căn cứ vào kết luận của Ban Chấp hành Trung ương để tu chỉnh nghị quyết; nếu Bộ Chính trị thấy có vấn đề cần điều chỉnh thì phải xin ý kiến và được sự đồng ý của Ban Chấp hành Trung ương.

7- Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo việc thông báo nội dung và kết quả của hội nghị Trung ương trong Đảng và nhân dân.

8- Các Ủy viên Trung ương và các đồng chí được mời dự hội nghị Trung ương thực hiện nghiêm chế độ bảo mật hội nghị.

Điều 10

Đối với những việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị bàn và quyết định có liên quan đến hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan nhà nước, Mặt trận và đoàn thể nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo việc cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức đó. Trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, hoặc đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Đảng trực tiếp phát biểu ý kiến hoặc kiến nghị với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Điều 11

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Ủy viên Bộ Chính trị sử dụng thẩm quyền và trách nhiệm được giao để giải quyết công việc, không lấy danh nghĩa thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, trừ trường hợp được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ủy nhiệm.

Điều 12

Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị có các cơ quan giúp việc. Bộ Chính trị quyết định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan đó.

Điều 13

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và hàng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương việc thực hiện Quy chế này.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG KHOÁ VIII**

Số 24-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

1- Các đồng chí Cố vấn tham gia ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị các vấn đề chiến lược, quan trọng của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác xây dựng Đảng và nhân sự chủ chốt cấp cao.

2- Các đồng chí Cố vấn chủ động đề xuất ý kiến về những vấn đề mà các đồng chí quan tâm. Khi thấy cần thiết, các đồng chí Cố vấn có thể trao đổi ý kiến, thống nhất nêu kiến nghị chung. Đối với những vấn đề có ý kiến khác với quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị thì các đồng chí Cố vấn chính thức phát biểu với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, đồng chí Tổng Bí thư.

3- Các đồng chí Cố vấn được mời dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và Hội nghị Bộ Chính trị.

4- Các đồng chí Cố vấn được yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban, ngành báo cáo và cung cấp thông tin; Văn phòng Trung ương Đảng cung cấp tài liệu cho các đồng chí Cố vấn như đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị.

5- Các đồng chí Cố vấn sử dụng bộ máy giúp việc và phương tiện làm việc của Văn phòng Trung ương và các ban Trung ương Đảng, không tổ chức bộ máy riêng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

Số 27-CTr/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

Về chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII

Hội nghị Trung ương 1 (tháng 6-1996): Bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; cử Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Hội nghị Trung ương 2 (tháng 12-1996):

- Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII.

- Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

- Định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1997; công tác chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm và vấn đề duy động sức dân.

Hội nghị Trung ương 3 (quý II-1997):

- Chiến lược cán bộ.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và một số vấn đề về tổ chức bộ máy của Đảng.

- Nhân sự chủ chốt của Nhà nước và nhân sự cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Hội nghị Trung ương 4 (quý IV-1997):

- Chủ trương, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Chính sách phát triển các thành phần kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1998.

Hội nghị Trung ương 5 (quý II-1998):

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Chủ trương giải quyết một số vấn đề xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (quý IV-1998):

- Kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

- Định hướng chuẩn bị Đại hội IX và đại hội các cấp.

- Công tác xây dựng Đảng.

- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999.

Hội nghị Trung ương 7 (quý II-1999):

- Công tác dân vận và Mặt trận.

- Xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Vấn đề dân tộc; vấn đề tôn giáo...

Hội nghị Trung ương 8 (quý IV-1999):

- Tình hình quốc tế, khu vực và chính sách đối ngoại.

- Vấn đề quốc phòng, an ninh.
- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000.

Hội nghị Trung ương 9 (quý II-2000):

- Dự thảo văn kiện Đại hội IX (Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005...).

- Phương án nhân sự trình Đại hội IX.

Hội nghị Trung ương 10 (quý IV-2000):

- Hoàn tất nội dung chuẩn bị trình Đại hội IX.
- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (quý I-2001).

*

* *

Về các vấn đề trên đây, khi chuẩn bị sẽ xác định những nội dung cụ thể cần tập trung bàn ở mỗi hội nghị Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI BẾ MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHÓA VIII**

Ngày 24 tháng 12 năm 1996

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Sau tám ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã thành công tốt đẹp. Căn cứ vào ý kiến thảo luận và biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị sẽ hoàn chỉnh, xin ý kiến Trung ương để sớm ban hành hai Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000; Chương trình hoạt động toàn khóa và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương. Hội nghị đã nghe báo cáo và góp ý kiến về Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1997; về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 14

của Bộ Chính trị khóa VII và Nghị quyết Đại hội VIII về chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí của công, thực hành tiết kiệm; chủ trương huy động sức dân để đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Thành công của Hội nghị Trung ương lần này có sự đóng góp tích cực của các ban, ngành được phân công chuẩn bị, đã tiếp thụ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị để dự thảo và chỉnh lý các văn kiện trình Hội nghị, cung cấp cho Trung ương nhiều tài liệu tham khảo bổ ích.

Quyết định thành công của Hội nghị chính là việc tham gia chuẩn bị và đóng góp ý kiến của từng đồng chí Ủy viên Trung ương trước và trong Hội nghị. Các đồng chí đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, từ khảo sát tình hình thực tiễn ở địa phương, nghiên cứu kỹ các văn kiện, các bản góp ý kiến, đến việc thảo luận thẳng thắn tại tổ và ở hội trường, tham gia nhiều ý kiến sửa đổi, bổ sung các dự thảo văn kiện. Đó là phong cách làm việc phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng ta, cần tiếp tục phát huy.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp nghỉ hưu, cán bộ quản lý, các nhà hoạt động giáo dục, khoa học trong và ngoài nước, các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trí thức trẻ trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và đông đảo các tầng lớp nhân dân đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu đầy tâm huyết, góp phần quan trọng vào thành công của Hội nghị Trung ương lần này. Đây là cách làm tốt, tiếp tục phát huy kinh nghiệm mở rộng dân chủ trong việc chuẩn bị các Hội nghị Trung ương khóa trước,

làm cho Nghị quyết của Đảng sát với cuộc sống và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Thư các đồng chí,

Những thành tựu và kinh nghiệm 10 năm đổi mới đã tạo ra tiền đề cho phép Đại hội lần thứ VIII của Đảng ta quyết định chuyển mọi hoạt động của đất nước sang thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Đây là một thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các mặt; trong đó giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Trong kỳ họp Trung ương đầu tiên bàn về nội dung nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, chúng ta đã chọn chủ đề định hướng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ. Điều đó chứng tỏ Ban Chấp hành Trung ương đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, coi những lĩnh vực trên là khâu đột phá, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Từ khi giành được chính quyền, Đảng ta luôn luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng nền giáo dục và khoa học Việt Nam. Những thành tựu về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của các giai đoạn cách mạng trước đây cũng như công cuộc đổi mới hiện nay và là bảo đảm vững chắc cho thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trung ương đã đánh giá đúng đắn những thành tựu và cũng nghiêm khắc chỉ ra những yếu kém của các lĩnh vực này, đặc biệt là chất lượng và hiệu quả chưa ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ mới;

chỉ rõ nguyên nhân, đồng thời xác định phương hướng phát triển để cổ vũ, phát huy cao độ nguồn lực con người, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Trung ương đã quyết định các giải pháp chủ yếu về tạo động lực, đổi mới công tác quản lý để phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ; quyết định tăng nguồn vốn từ ngân sách; đồng thời tích cực động viên các nguồn lực khác trong xã hội cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ. Khuyến khích người học giỏi, người có năng khiếu, bảo đảm con em công nhân, nông dân có điều kiện học lên bậc cao; bảo đảm khoa học, công nghệ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng, an ninh vững chắc, quản lý ngày càng tiến bộ. Chú trọng các ngành mũi nhọn và các vùng kinh tế trọng điểm; đồng thời quan tâm thích đáng đến những vùng sâu, vùng cao, vùng xa nhằm rút ngắn khoảng cách, tiến dần đến phát triển đồng đều giữa các vùng, thực hiện công bằng xã hội trên phạm vi cả nước.

Nghị quyết đã nêu lên những giải pháp tạo động lực cho thầy và trò, cho các nhà khoa học; phát huy truyền thống hiếu học, “tôn sư trọng đạo”, trọng dụng nhân tài; cổ vũ các thầy, cô giáo, các nhà khoa học và học sinh, sinh viên phát huy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, nghiên cứu tốt, thực hành giỏi, có nhiều cống hiến cho đất nước. Đồng thời, hết sức coi trọng phát động phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới quản lý của người lao động nhằm tạo ra năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Thưa các đồng chí,

Tổ chức thực hiện Nghị quyết là khâu có ý nghĩa quyết định để đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Các Nghị quyết về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ có quan hệ tới toàn dân, mọi ngành, mọi cấp. Vì vậy, cần nhanh chóng phổ biến Nghị quyết trong toàn Đảng, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Các cấp, các ngành phải khẩn trương tổ chức thực hiện Nghị quyết, có chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể, thiết thực, làm cho Nghị quyết thấm sâu tới mỗi người, mỗi nhà, tạo ra phong trào hành động sôi nổi toàn dân chăm lo sự nghiệp chấn hưng nền giáo dục, khoa học nước nhà trong thời kỳ mới. Nhà nước cần nhanh chóng thể chế hóa Nghị quyết thành luật pháp, cơ chế, chính sách; xây dựng các kế hoạch và chương trình hành động cụ thể của các ngành, các cấp đến năm 2000 và từng năm. Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đến năm 2020. Đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Cùng với việc triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, Đảng và Nhà nước phải lãnh đạo, chỉ đạo, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 1997 ngay từ đầu năm.

Trong Hội nghị, các đồng chí đã thảo luận, góp ý kiến vào Chỉ thị của Bộ Chính trị về “Chống tham nhũng và lãng phí” để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII và Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị khóa VII. Đây là một vấn đề mà toàn xã hội đang

rất quan tâm. Nạn tham nhũng, lãng phí của công đang phát triển, mất người, hại của, làm trầm trọng thêm bất công xã hội.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương phải là những người gương mẫu trong cuộc đấu tranh kiên quyết ngăn chặn các tệ nạn đó; luôn luôn tự rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, sống trong sạch, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư như Bác Hồ thường căn dặn; giáo dục gia đình mình nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và chính sách của Nhà nước. Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương phải chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong đơn vị mình phụ trách. Mong và tin tưởng rằng các đồng chí Ủy viên Trung ương sẽ là tấm gương cho toàn Đảng noi theo. Đảng ủy và đảng ủy viên các cấp cũng phải như vậy, đi đầu, gương mẫu trong cuộc đấu tranh này; đồng thời động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tích cực tham gia. Làm được điều đó thì chắc chắn chúng ta sẽ chống được nạn tham ô, lãng phí, quan liêu, sẽ có thêm nguồn vốn dành cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ cũng như các lĩnh vực khác để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhân dịp sắp sang năm mới 1997, xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Ủy viên Trung ương cùng gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc và thắng lợi.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ hai

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 77-83.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1996

Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng

Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, báo của các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nằm trong hệ thống báo chí cách mạng cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, cơ quan Trung ương của Đảng; báo tỉnh, thành phố, cơ quan của đảng bộ địa phương, là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Để góp phần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với toàn xã hội, đưa tiếng nói của Đảng, Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân trên mọi miền đất nước; phản ánh kịp thời, đúng đắn ý chí, nguyện vọng cùng những thành tích, sáng kiến, kinh nghiệm của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng và tổ chức đảng các cấp, các ban ngành, đoàn thể:

1. Tổ chức tốt việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng

- Tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng

lớp nhân dân mua và đọc báo, tạp chí của Đảng; đưa tin, viết bài, góp ý kiến xây dựng báo chí Đảng.

- Quan tâm chỉ đạo tốt công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng (kể cả phát hành lẻ) một cách rộng khắp đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, nhân dân và bạn đọc, đặc biệt quan tâm miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tổng cục Bưu điện tăng cường tổ chức phát hành báo chí của Đảng, xem xét việc giảm giá cước phát hành báo và giá cước truyền báo Nhân Dân.

Mỗi chi bộ đảng, mỗi ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân xã, phường, mỗi cơ sở Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong cả nước đều có báo Nhân Dân (hàng ngày) và các báo của đảng bộ địa phương mình. Mỗi đảng bộ cơ sở đều có ít nhất một Tạp chí Cộng sản. Có các hình thức phù hợp để đảng viên, đoàn viên và nhân dân thường xuyên đọc, nghiên cứu báo và tạp chí của Đảng, hiểu rõ, nắm vững và thực hiện có hiệu quả đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2. Nguồn kinh phí

- Các cơ quan đảng, cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang, các loại doanh nghiệp cần cấp đủ kinh phí để mua báo và tạp chí của Đảng.

- Các địa phương, cơ sở, các cấp ủy đảng và chính quyền phải chủ động cấp kinh phí mua báo chí của Đảng. Các tỉnh ủy, thành ủy phải có sự chỉ đạo để đảm bảo cân đối kinh phí trên địa bàn.

- Kiểm tra chặt chẽ kinh phí để mua báo chí của Đảng ở các cấp. Thực hiện đúng nguyên tắc, đúng mục đích; không

dùng kinh phí mua báo chí của Đảng để chi vào việc khác, hoặc mua các loại ấn phẩm khác.

Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương cần hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
TẠI HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN
HỒ CHÍ MINH, ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM,
HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM
 Ngày 16 tháng 1 năm 1996

Các đồng chí thân mến,

Tôi rất vui mừng có dịp gặp gỡ các đại diện của thế hệ trẻ về dự Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam, diễn ra trong những ngày đầu năm mới, với niềm phấn khởi trước những thắng lợi rất quan trọng mà toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã giành được trong năm qua.

Trong những thắng lợi chung đó có sự đóng góp to lớn của thanh niên, lực lượng xung kích trên mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Trải qua rèn luyện trong thực tiễn, công tác Đoàn và phong trào thanh

niên nước ta năm 1995 có nhiều tiến bộ. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt biểu dương những cống hiến tích cực đó của cán bộ, đoàn viên, thanh niên cả nước.

Các đồng chí thân mến,

Hội nghị lần này của các đồng chí có ý nghĩa quan trọng đối với thế hệ trẻ nước ta, trong khung cảnh đất nước đang đứng trước những chuyển biến sâu sắc, nổi bật ở mấy vấn đề lớn sau đây:

Một là, toàn Đảng đang khẩn trương tiến hành đại hội các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Đại hội toàn quốc sẽ tổng kết 10 năm đổi mới, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn; trên cơ sở đó mà đề ra phương hướng, nhiệm vụ trên các lĩnh vực chủ yếu đến năm 2000 và nêu lên định hướng phát triển có tính dự báo đến năm 2020. Mục tiêu phấn đấu của chúng ta là độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội; đưa đất nước ra khỏi tình trạng một nước nghèo và kém phát triển, trở thành một nước công nghiệp sau vài ba thập kỷ tới, mở ra kỷ nguyên phát triển vượt bậc của dân tộc ta, hội nhập trào lưu tiến bộ trong thời đại mới.

Để góp phần vào thành công của đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc, Hội nghị lần này của các đồng chí cần tập trung nghiên cứu, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII và đề ra những hình thức, cách làm thích hợp nhằm động viên đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên cả nước hăng hái đề xuất, kiến nghị, làm cho các báo cáo và quyết định của đại hội Đảng các cấp có nội

dung thiết thực, phản ánh đúng nguyện vọng của toàn dân, để Đại hội Đảng thật sự là ngày hội của cả dân tộc. Đồng thời, chuẩn bị chương trình, kế hoạch để tổ chức, động viên, cổ vũ đông đảo thanh niên phát huy sáng kiến, hiến kế, cùng toàn dân nhanh chóng triển khai thực hiện nghị quyết sau Đại hội.

Cùng với việc tích cực tham gia xây dựng Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, các đồng chí cần chú trọng động viên thanh niên phấn đấu, bồi dưỡng để giới thiệu kết nạp những thanh niên ưu tú vào Đảng; đồng thời giới thiệu những đảng viên trẻ có đức, có tài vào các cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở trong kỳ Đại hội Đảng lần này, làm tăng sức chiến đấu của Đảng và đào tạo, bồi dưỡng lớp người kế cận cho tương lai.

Hai là, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng đã đề ra chủ trương chuyển mọi hoạt động của chúng ta sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước *công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đã cụ thể hoá chủ trương đó. Đại hội VIII của Đảng ta một lần nữa sẽ khẳng định đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bao gồm công nghiệp hoá nông thôn, nông nghiệp, là con đường đi tới mục tiêu của cách mạng nước ta.

Đây là một chủ trương chiến lược rất quan trọng, là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của toàn dân. Nhiệm vụ trọng đại đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, cần kiệm để

đầu tư phát triển, mở rộng hợp tác quốc tế, nắm bắt vận hội, chớp lấy thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua mọi trở ngại, kiên trì, nỗ lực thực hiện cho bằng được.

Từ trước đến nay, thanh niên luôn luôn là lực lượng xung kích đi đầu trong kháng chiến cứu nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ nay về sau, thanh niên vẫn tiếp tục là lực lượng xung kích đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà. Ở bất kỳ giai đoạn cách mạng nào, Đảng ta luôn luôn đặt niềm tin yêu vào thế hệ trẻ, như Bác Hồ đã nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà; nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. Các thế hệ thanh niên nước ta kể từ khi có Đảng, có Đoàn đến nay đã luôn luôn phấn đấu, hy sinh, xứng đáng với niềm tin yêu đó.

Bước vào thời kỳ mới, thanh niên có vai trò hết sức quan trọng. Đó là thời kỳ đất nước đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn trẻ, khoẻ với trình độ cao; những nhà quản lý, kinh doanh giỏi, am hiểu nhiều lĩnh vực; những người hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao tầm cỡ; đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề để sẵn sàng tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong những ngành nghề mới mẻ và hiện đại... Đó là đội ngũ đông đảo những người có đức, có tài, đủ khả năng thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tất cả đều trông cậy vào lớp trẻ ngày nay, vào sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng về mọi mặt của hàng triệu đoàn viên, hội viên, thanh niên, thiếu niên trên khắp mọi miền đất nước. Tôi muốn nhấn mạnh rằng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cơ hội ngàn vàng cho đoàn viên

và thanh niên nước ta rèn luyện, cống hiến và nhanh chóng trưởng thành. Đó cũng là môi trường hết sức thuận lợi cho thanh niên phấn đấu làm nên sự nghiệp lớn, vì lợi ích chung của đất nước và lợi ích của mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc, trong đó có thanh niên.

Vì vậy, hơn bao giờ hết, thanh niên ta phải nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm lịch sử của mình. Chỉ trên cơ sở của lòng yêu nước, thương dân, gắn bó với lý tưởng cách mạng, với trình độ học vấn, chuyên môn và tay nghề luôn được nâng cao, với đạo đức trong sáng, nếp sống lành mạnh, mỗi đoàn viên, hội viên và thanh niên mới có thể hoàn thành được trách nhiệm vẻ vang và nặng nề của mình trước Tổ quốc và dân tộc.

Đương nhiên, lý tưởng không phải là điều xa vời mà phải bắt nguồn từ cuộc sống, với những việc làm thiết thực, như những con tầm kiền nhả nhả từng sợi tơ để góp phần dệt nên tấm lụa vàng. Với tinh thần đó, tôi rất hoan nghênh anh chị em thanh niên, sinh viên hăng hái tham gia các đội thanh niên xung phong vượt mọi khó khăn, quyết tâm góp phần làm cho Tổ quốc trở nên giàu đẹp, nhất là đối với các vùng xa, vùng sâu, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng. Cùng với việc nuôi dưỡng hoài bão và ý chí của thanh niên, Đoàn và Hội cần động viên, tổ chức đoàn viên và thanh niên hướng vào những việc làm thiết thực như tạo nhiều việc làm, cần cù lao động, hăng hái phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, tinh thông nghề nghiệp, học tập ngoại ngữ, khoa học công nghệ để áp dụng vào thực tế; tích cực tham gia bảo vệ Tổ quốc, xoá đói, giảm nghèo; nâng cao dân trí; chống tham

ô, lãng phí, quan liêu; hạn chế, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội, trước hết là trong thanh niên... Và cũng chính thông qua những công việc cụ thể đó, hoài bão của thanh niên sẽ trở thành hiện thực, đoàn viên và thanh niên sẽ nhanh chóng trưởng thành.

Tôi rất mừng được biết những phong trào lớn của Đoàn là “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” đang thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Trung ương Hội lần này sẽ dành thời gian thảo luận để quyết định những chương trình công tác mới nhằm đưa hai phong trào nói trên đi vào chiều sâu, đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của tuổi trẻ và yêu cầu phát triển đất nước. Tôi chỉ muốn góp ý kiến với các đồng chí: thanh niên lập nghiệp là để kiến thiết quốc gia, bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng đất nước giàu đẹp, công bằng, văn minh, gắn ích nước với lợi nhà. Tôi cũng được biết các đồng chí sẽ bàn và đề ra chương trình phát triển thanh niên, coi đây là một trong những nội dung công tác lớn của Đoàn, Hội năm 1996. Tôi hoan nghênh sáng kiến đó và cho rằng thanh niên ta cần được phát triển về nhiều mặt để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Thanh niên có phát triển thì dân tộc mới trường tồn, đất nước mới phồn vinh.

Các đồng chí thân mến,

Để hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới, mong các tổ chức Đoàn, Hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mình để động viên tốt hơn nữa các phong trào hoạt động của thanh niên. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần

quan tâm và có chương trình, kế hoạch cụ thể tạo điều kiện cho các tổ chức thanh niên làm tốt hơn chức năng giúp Đảng đào tạo, bồi dưỡng thế hệ thanh niên mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

Chúc Hội nghị của các đồng chí thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ KHẢMTÀ Y XIPHĂNDON,
CHỦ TỊCH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG,
TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU
ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO

Ngày 28 tháng 6 năm 1996*

*Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đoàn đại biểu quốc tế,
Các đồng chí đại biểu Đại hội và các bạn thân mến,*

Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào rất lấy làm vinh dự và vô cùng phấn khởi đến dự Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng kiên cường của dân tộc Việt Nam anh hùng, người đồng chí gắn bó keo sơn và trong sáng, thủy chung của Đảng và nhân dân Lào chúng tôi.

Thay mặt toàn Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào, tôi xin chuyển đến Đại hội và qua Đại hội, đến toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam anh em lời chào thân thiết và lời chúc mừng nồng nhiệt nhất!

* Phát biểu nhân dịp Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tham dự Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (B.T).

Đại hội của các đồng chí lần này là một sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước Việt Nam.

Đoàn chúng tôi đã chăm chú theo dõi Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, nhà lãnh đạo xuất sắc và giàu kinh nghiệm của Đảng và nhân dân Việt Nam, người đồng chí thân thiết và kính yêu của nhân dân Lào, trình bày tại Đại hội. Chúng tôi nhận thấy rằng nội dung Báo cáo chính trị không những chỉ ra con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, mà còn đóng góp quan trọng vào sự phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử mới. Điều đó chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước vận mệnh của đất nước.

Chúng tôi rất vui mừng nhận thấy trong 10 năm qua, nhất là 5 năm gần đây, mặc dù tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp và ảnh hưởng to lớn đến đất nước Việt Nam, nhưng nhân dân Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn đã đoàn kết một lòng tiến hành công cuộc đổi mới theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, đồng thời đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật là đã đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng, nền kinh tế quốc dân tăng trưởng cao với vị thế và đà mới; vấn đề xã hội được giải quyết và tạo chuyển biến tích cực, đời sống vật chất của nhân dân được cải thiện và nâng cao rõ rệt; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; hệ thống chính trị không ngừng được kiện toàn và đạt được một số đổi mới quan trọng;

quan hệ đối ngoại được mở rộng đa dạng hoá, đa phương hoá, phá thế bị bao vây, cô lập; Việt Nam đã tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế.

Những tiến bộ và thành tựu đạt được trên đây đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp hoà bình, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới, là sự cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp đổi mới và công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Lào chúng tôi. Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào nhiệt liệt chào mừng những thành tựu to lớn đó của Đảng và nhân dân Việt Nam anh em!

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cuối tháng 3 vừa qua, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào chúng tôi đã tiến hành Đại hội lần thứ VI của mình. Đại hội đã rút ra kết luận: công cuộc đổi mới 10 năm qua đã bước đầu đạt được nhiều thành tựu cơ bản, vì thực hiện đúng những nguyên tắc đã đề ra và có các bước đi phù hợp với thực trạng của đất nước, bắt đầu đổi mới từ lĩnh vực kinh tế sang lĩnh vực khác một cách vững chắc.

Trên cơ sở đó, Đại hội quyết tâm tiếp tục xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo các tiền đề từng bước vững chắc đưa nước Lào tiến lên chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới toàn diện bằng việc tăng cường khối đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế theo cơ chế thị trường, kết hợp mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài, phấn đấu đến khoảng năm 2020 tạo được khả năng đưa nước Lào thoát khỏi tình trạng kém phát triển, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện tốt hơn,

xã hội ổn định, an ninh và trật tự được bảo đảm, hệ thống chính trị vững mạnh; tất cả nhằm xây dựng nước Lào hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và phồn vinh.

Về đối ngoại, Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối hoà bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác, trước hết với các nước láng giềng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hoà bình. Trước mắt là tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để gia nhập ASEAN. Đồng thời tiếp tục quan hệ với các đảng cầm quyền, các đảng chính trị trên cơ sở tôn trọng độc lập và tự chủ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, hữu nghị và hợp tác vì sự phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Các đồng chí và các bạn thân mến,

Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cùng chung một cội nguồn do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện. Đảng và nhân dân Lào chúng tôi từ đáy lòng mình rất vui mừng nhận thấy trong nhiều thập kỷ đấu tranh quyết liệt giành độc lập dân tộc, cũng như bảo vệ thành quả cách mạng và trong công cuộc xây dựng đất nước, mỗi Đảng đều tự lãnh trách nhiệm đề ra đường lối phù hợp với đặc điểm của đất nước mình, đồng thời hai Đảng cũng đã ủng hộ và giúp đỡ, thường xuyên trao đổi học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, cùng vun đắp tình hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện. Đó là mối quan hệ quốc tế mẫu mực hiếm có và là sức mạnh chiến thắng không bao giờ cạn kiệt của hai dân tộc chúng ta.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười phát biểu tại Đại hội lần thứ VI Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: “nguyện làm hết sức mình để bảo vệ và không ngừng phát triển mối quan hệ đó, ra sức đổi mới nội dung, phương thức và cơ chế hợp tác Việt - Lào trên mọi lĩnh vực phù hợp với tình hình mới, nhằm đạt hiệu quả thiết thực, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình, ổn định và phát triển ở Đông Nam Á và khu vực châu Á - Thái Bình Dương”.

Tại diễn đàn trọng thể đầy ý nghĩa này, một lần nữa thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào, tôi xin chân thành cảm ơn và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em đã và đang luôn luôn dành sự giúp đỡ to lớn và sự ủng hộ chí tình, trong sáng, thủy chung đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Lào chúng tôi. Đồng thời cũng rất biết ơn các chiến sĩ quốc tế Việt Nam, những người cha, người mẹ, người vợ, người chồng, anh chị em của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh vì độc lập, tự do và sự phát triển của nhân dân Lào chúng tôi; và trong giờ phút trang nghiêm này, tôi xin bày tỏ lòng thương tiếc vô hạn đến những đồng chí đã ngã xuống vì nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, nhân dân Việt Nam anh em sẽ vượt qua khó khăn thử thách mới, giành thắng lợi to lớn hơn trong công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành công một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

*Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp
cách mạng của hai nước chúng ta!
Xin chúc Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam thành
công rực rỡ!
Xin cảm ơn.*

- Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

- Lời chào mừng Đại hội VIII

Đảng Cộng sản Việt Nam,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996,
tr.10-15.

**PHÁT BIỂU
CỦA NGÀI CHIAXIM, CHỦ TỊCH ĐẢNG,
TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐẢNG NHÂN DÂN
CAMPUCHIA**

Ngày 28 tháng 6 năm 1996*

*Kính thưa Ngài Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,
Kính thưa các vị khách quốc tế,
Thưa toàn thể Đại hội,*

Trước hết, thay mặt Đảng Nhân dân Campuchia và nhân danh cá nhân, tôi xin bày tỏ niềm phấn khởi và vinh dự được tham dự Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam và xin chúc Đại hội thành công rực rỡ. Nhân dịp này, tôi xin chuyển đến Đại hội và nhân dân Việt Nam anh em - những người đã và đang tiến lên phía trước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới của chủ nghĩa xã hội với một tinh thần quả cảm - những tình cảm

* Phát biểu nhân dịp Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Campuchia tham dự Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (B.T).

đoàn kết, hữu nghị chân thành của Quốc vương Campuchia Nôrôđôm Xiha-núc và Hoàng hậu, cũng như của nhân dân Campuchia.

Chúng tôi đã chăm chú theo dõi Báo cáo chính trị của Đại hội và nhận thấy rằng: hơn một thập kỷ qua, Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách đổi mới. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII cho thời kỳ 1991 - 1995 đã được thực hiện một cách tích cực, làm cho nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế và xã hội; nhiệm vụ trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ cũng đã căn bản hoàn thành.

Ngày nay, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang bước vào một giai đoạn mới của nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Điều đó cho thấy Việt Nam đã xác định rất rõ con đường cần phải đi của sự đổi mới của chủ nghĩa xã hội.

Đảng Nhân dân Campuchia xin nhiệt liệt chào mừng tất cả những thắng lợi mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã giành được trong việc thực hiện đường lối đổi mới và xin được coi đó như những thắng lợi của chính mình.

Thưa Đại hội, thưa các ngài, các ông, các bà,

Trải qua hơn hai thập kỷ chiến tranh tang tóc, đất nước và nhân dân Campuchia đã giành lại được hoà bình, độc lập dân tộc và đang ở vào một thời điểm bước ngoặt, đó là quá trình hoà hợp dân tộc, khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội trong hoàn cảnh mà cả những yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài đều có những thuận lợi lớn.

Hơn hai năm qua, kể từ sau cuộc tổng tuyển cử theo tinh thần Hiệp định Pari (ngày 23-10-1991), Chính phủ Vương quốc Campuchia được thành lập đã và đang tiến bước tích cực trên con đường xây dựng đất nước. Ngày nay, tình hình chung đang có những chuyển biến tích cực, tiến trình hoà hợp dân tộc có sự tiến bộ tốt; chúng tôi giữ được ổn định về an ninh chính trị, việc phục hồi và phát triển trên mọi lĩnh vực đã đạt được một số kết quả bước đầu, nhất là việc phục hồi các cơ sở hạ tầng, giữ ổn định kinh tế và tiền tệ, phát triển nông thôn, đào tạo nguồn nhân lực. Tất cả những kết quả đó trước hết là do sự cố gắng của Chính phủ với sự ủng hộ rộng lớn của nhân dân nhằm giải quyết những vấn đề lớn có tính sống còn của dân tộc; đồng thời có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với sự nghiệp đúng đắn của nhân dân Campuchia trong tiến trình hoà bình, hoà giải dân tộc và phát triển.

Thực tiễn đã chứng minh rằng mọi vấn đề của một dân tộc phải do chính quốc gia dân tộc đó giải quyết, không một lực lượng nào có thể làm thay được; tất nhiên cộng đồng quốc tế có vai trò rất quan trọng trong việc giúp đỡ dân tộc đó tiến lên theo hướng tốt đẹp.

Thưa các ngài, các ông, các bà,

Đảng Nhân dân Campuchia và Đảng Cộng sản Việt Nam là hai Đảng vốn có quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác và gắn bó lâu đời. Mối quan hệ đó đã trở thành một nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh chung của hai Đảng cũng như trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng của mỗi nước.

Nhân dân Campuchia vô cùng biết ơn và mãi mãi ghi nhớ trong tâm khảm của mình về sự đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ, Quân đội và nhân dân Việt Nam anh em trong việc lật đổ chế độ diệt chủng, giải phóng nhân dân Campuchia vào ngày 7-1-1979. Ngày 7-1, ngày mà nhân dân Campuchia thoát khỏi thảm họa diệt chủng, được coi như một ngày lễ lịch sử của dân tộc.

Sau ngày 7-1-1979, mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết và hợp tác giữa hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước Campuchia - Việt Nam càng có ý nghĩa sâu sắc hơn. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam anh em dành sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn đối với sự hồi sinh của nhân dân Campuchia và đã đóng góp tích cực vào việc tìm kiếm giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia đến khi đạt được Hiệp định Pari về Campuchia (ngày 23-10-1991).

Kể từ sau cuộc tổng tuyển cử tháng 5-1993 đến nay, quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Đảng Nhân dân Campuchia và Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục được duy trì. Kinh nghiệm vừa qua cho chúng ta thấy rằng: với tinh thần đoàn kết truyền thống giữa hai dân tộc, hai Đảng thì dù hoàn cảnh nào đi nữa hai Đảng chúng ta sẽ vẫn giữ được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quý báu đó. Đảng Nhân dân Campuchia nguyện sẽ tiếp tục làm tất cả mọi việc để giữ gìn, vun đắp cho mối quan hệ đó ngày càng bền vững vì lợi ích cao cả của nhân dân hai nước.

Thưa các ngài, các ông, các bà,

Con đường đi lên phía trước của Campuchia còn gặp

nhiều khó khăn, gian khổ; nhưng tình hình chính trị, kinh tế và xã hội hiện nay cho phép chúng tôi có thể lạc quan, tin tưởng để tiếp tục phấn đấu vươn lên đạt được mục tiêu của công cuộc xây dựng một nước Campuchia hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ bền lâu trong độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình.

Với mục tiêu đó, Đảng Nhân dân Campuchia tiếp tục kiên trì thực hiện chính sách hoà hợp dân tộc trên cơ sở ngăn chặn sự quay trở lại của chế độ diệt chủng; ra sức củng cố quan hệ hợp tác trong sáng với các lực lượng chính trị ở trong nước để giữ gìn sự ổn định về an ninh chính trị, bảo vệ chủ quyền, đẩy mạnh việc phục hồi và phát triển đất nước trên cơ sở một bản hiến pháp duy nhất của mình.

Đảng Nhân dân Campuchia ra sức ủng hộ việc thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị và hợp tác với các nước không phân biệt xu hướng chính trị trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Đảng Nhân dân Campuchia dành sự quan tâm cho việc tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực nhằm xây dựng một ngôi nhà chung của các dân tộc Đông Nam Á - ngôi nhà của sự bình yên, sự hiểu biết lẫn nhau và sự phồn thịnh.

Đảng Nhân dân Campuchia cũng theo đuổi chính sách xây dựng và phát triển quan hệ với tất cả các đảng ở các khu vực và trên thế giới vì sự nghiệp hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Cuối cùng, tôi xin chúc Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh em thu được những thành tựu to lớn hơn nữa

trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xin chúc tất cả các vị khách quốc tế mạnh khoẻ và nhiều thắng lợi.

Xin cảm ơn.

- Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

- *Lời chào mừng Đại hội VIII*

Đảng Cộng sản Việt Nam,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,

1996, tr.16-21.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu tập 55</i>	V
- Thông tri của Ban Bí thư, số 12-TT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1996, về việc tiến hành tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam	1
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 12-NQ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1996, về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	4
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 135-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996, về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội”	22
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 136-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996, về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp”	27
- Quyết định của Ban Bí thư, số 104-QĐ/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1996, về việc thu thập tài liệu, văn kiện Phong Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam	34
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 140-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996, về một số dự án luật và pháp lệnh	36

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 142-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996, về dự Luật hợp tác xã 39
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 143-TB/TW, ngày 29 tháng 2 năm 1996, về chính sách tài chính quốc gia và dự thảo Luật ngân sách nhà nước 44
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 13-NQ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1996, về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010 50
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 144-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1996, về một số vấn đề về đất đai và nhà ở 62
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 146-TB/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1996, về việc tổ chức Đại hội Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương 64
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới” 67
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 106-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996, về việc cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 77
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 12 tháng 4 năm 1996 80
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 202/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp để chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng 85
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 203/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu những ý kiến đóng góp

- vào dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 148
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 204/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu những ý kiến đóng góp vào dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi) 182
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 217/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996, về một số vấn đề Trung ương đã thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội VIII 212
- Báo cáo kết quả biểu quyết của Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 219/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996, về một số vấn đề trong các văn kiện trình Đại hội VIII 223
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 20 tháng 4 năm 1996 227
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 20 tháng 4 năm 1996 229
- Công văn của Ban Bí thư, số 320-CV/TW, ngày 13 tháng 5 năm 1996, về yêu cầu các tỉnh, thành ủy, các ban, đảng ủy chỉ đạo, giúp đỡ hội nông dân các cấp thành lập quỹ hỗ trợ nông dân nghèo 234
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 14-NQ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996, về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng 235
- Quyết định của Ban Bí thư, số 109-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996, về việc lập Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam 244
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 68-CT/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1996, về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế 247

- Quyết định của Ban Bí thư, số 111-QĐ/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1996, về việc chỉ định đại biểu các đảng bộ ngoài nước dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 262
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 3 tháng 6 năm 1996 264
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, số 11-NQ/HNTW, ngày 9 tháng 6 năm 1996 267
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 9 tháng 6 năm 1996 269
- Quy định của Ban Bí thư, số 114-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1996, về số, ký hiệu một số loại tài liệu, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 273
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 112-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về việc phân bổ các đồng chí Ủy viên Trung ương tham gia các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 277
- Quyết định của Ban Bí thư, số 113-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về việc lập Tổ chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 287
- Công văn của Ban Bí thư, số 332-CV/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về yêu cầu các tỉnh, thành ủy chỉ đạo việc kiện toàn cán bộ chủ chốt Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sau kết quả bầu cử cấp ủy 289
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, số 12-NQ/HNTW, ngày 20 tháng 6 năm 1996 291

- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 20 tháng 6 năm 1996 293
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 69-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” 296
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (Do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, đọc sáng ngày 28-6-1996) 303
- Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư, trình bày ngày 28-6-1996) 307
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng 345
- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng) 427
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII thông qua ngày 1-7-1996) 501
- Báo cáo chính thức kết quả bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra và cố vấn Ban Chấp hành Trung ương 532

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam 548
- Diển văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, đọc ngày 1-7-1996) 550
- Công văn của Bộ Chính trị, số 03-CV/TW, ngày 8 tháng 7 năm 1996, về đề nghị Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chỉnh lý, hoàn chỉnh và ban hành văn kiện Đại hội VIII 554
- Thông báo của Bộ Chính trị, số 01-TB/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1996, về phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội giai đoạn 1996 - 2000 556
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 02-QĐ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1996, về phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII 559
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 01-CT/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1996, về việc phổ biến quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội VIII 562
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 02-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1996, về một số dự án pháp lệnh 569
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 05-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1996, về giải thể hai Tổ phái viên I và II của Đảng và Chính phủ 571
- Thông tri của Bộ Chính trị, số 01-TT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1996, về việc tăng cường lãnh đạo Hội Chũ thập đở Việt Nam 572
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 04-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996, về dự án Luật thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật 575

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 05-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996, về dự án Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi) 578
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 06-TB/TW, ngày 7 tháng 10 năm 1996, về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh 582
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 07-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1996, về việc điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Sông Bé, Long An, Minh Hải 584
- Công văn của Văn phòng Trung ương Đảng, số 900-CV/VPTW, ngày 11 tháng 10 năm 1996, thông báo ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị về quy hoạch tổng thể về khí đến năm 2010 585
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 02-CT/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996, về việc tổ chức kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 - 19-12-1996) 588
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 13-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996, về quy hoạch khu Thành cổ Hà Nội 592
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 10-TB/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1996, về “Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020” 594
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 11-TB/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1996, về quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình, việc xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Nhà Quốc hội 597
- Công văn của Thường vụ Bộ Chính trị, số 06-CV/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1996, cho ý kiến về dự thảo Pháp lệnh về bộ đội biên phòng 599

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 14-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996, về hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông 600
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 15-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996, về việc Việt Nam đăng cai Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp 602
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 06-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương 605
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 07-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về việc hợp nhất Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 609
- Công văn của Bộ Chính trị, số 07-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị (khoá VI) về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới” 611
- Công văn của Bộ Chính trị, số 08-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện chương VII, chương VIII trong Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật 614
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 10-QĐ/TW, ngày 9 tháng 11 năm 1996, về thành lập Hội đồng công tác quần chúng Trung ương 615
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 03-CT/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1996, về việc lãnh đạo thực hiện chia tách một số đơn vị hành chính cấp tỉnh 619
- Công văn của Văn phòng Trung ương Đảng, số 1055-CV/VPTW, ngày 13 tháng 11 năm 1996, thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về xây dựng các khu tập trung mô hình các di tích 624

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 21-TB/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1996, về Chiến lược quốc gia về chỗ ở đến năm 2010 và Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000 625
- Công văn của Thường vụ Bộ Chính trị, số 12-CV/TW, ngày 16 tháng 11 năm 1996, về yêu cầu Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các tỉnh, thành ủy chỉ đạo các ngành kinh tế hạch toán kinh doanh chấp hành các quyết định thanh tra tài chính, thuế theo đúng quy định của Nhà nước 630
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 01-NQ/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1996, về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996 - 2000 632
- Quy định của Bộ Chính trị, số 11-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996, về việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng 648
- Quy định của Bộ Chính trị, số 12-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996, về việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng 651
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 04-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1996, về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn 655
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 13-QĐ/TW, ngày 22 tháng 11 năm 1996, về việc thành lập Tiểu ban xây

- dựng đề án cải tiến tổ chức bộ máy Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội 657
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996, về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 660
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 22-TB/TW, ngày 24 tháng 11 năm 1996, về việc chỉ đạo Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII 667
 - Quy định của Bộ Chính trị, số 15-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 672
 - Quy định của Bộ Chính trị, số 16-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) 678
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 06-CT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1996, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy 683
 - Quy định của Bộ Chính trị, số 17-QĐ/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1996, về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài 688
 - Chỉ thị của Thường vụ Bộ Chính trị, số 08-CT/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1996, về việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 3-1-1996 của Bộ Chính trị (khóa VII)

- và Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) 692
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 09-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1996, về việc mở đợt vận động kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997) 696
 - Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 16 tháng 12 năm 1996 702
 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 716
 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000 741
 - Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 22-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996 767
 - Quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, số 24-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996 779
 - Chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 27-CTr/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII 781
 - Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, ngày 24 tháng 12 năm 1996 784

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 11-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1996, về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng 790
- PHỤ LỤC 793**
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, ngày 16 tháng 1 năm 1996 795
- Phát biểu của đồng chí Khămtay Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, ngày 28 tháng 6 năm 1996 802
- Phát biểu của ngài Chixim, Chủ tịch Đảng, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Campuchia, ngày 28 tháng 6 năm 1996 808

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM NGỌC BÍCH
 ThS. VŨ THỊ HƯƠNG
 Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
 Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
 Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
 Đọc sách mẫu: VŨ THỊ HƯƠNG

Mã số: 3KV(060) "1996"
 CTQG-2015

In 500 cuốn, khổ 15x22 cm, tại....

Số đăng ký xuất bản:.....

Quyết định xuất bản số:...

In xong và nộp lưu chiểu tháng.. năm

ISBN: 978-604-57-1631-1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu tập 55</i>	V
1. Thông tri của Ban Bí thư, số 12-TT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1 996, về việc tiến hành tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam	1
2. Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 12-NQ/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1996, về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	4
3. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 135-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996, về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội” (<i>Mật</i>)	22
4. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 136-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 1996, về đề án “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp” (<i>Mật</i>)	27
5. Quyết định của Ban Bí thư, số 104-QĐ/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1996, về việc thu thập tài liệu, văn kiện Phòng Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam	34
6. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 140-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996, về một số dự án luật và pháp lệnh (<i>Mật</i>)	36
7. Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 142-TB/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1996, về dự luật hợp tác xã	39
8. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 143-TB/TW, ngày 29 tháng 2 năm 1996, về chính sách tài chính quốc gia và dự thảo Luật ngân sách nhà nước	44
9. Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 13-NQ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1996, về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010	50
10. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 144-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1996, về một số vấn đề về đất đai và nhà ở (<i>Mật</i>)	62
11. Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 105-QĐ/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1996, về tặng bức trưng cho hệ thống công tác dân vận toàn quốc	64
12. Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 146-TB/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1996, về việc tổ chức đại hội đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	65
13. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Công tác thanh niên trong thời kỳ mới”	68
14. Quyết định của Bộ Chính trị, số 106-QĐ/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1996, về việc cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng	78
15. Báo cáo của Bộ Chính trị, số 202/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp để chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng (<i>Mật</i>)	84

- | | | | |
|---|--|---|---|
| <p>16. Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 203/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu những ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 (<i>Mật</i>)</p> <p>17. Báo cáo của Bộ Chính trị, số 204/TLHN, ngày 12 tháng 4 năm 1996, về việc tiếp thu những ý kiến đóng góp vào dự thảo Điều lệ Đảng (Bổ sung, sửa đổi) (<i>Mật</i>)</p> <p>18. Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 20 tháng 4 năm 1996</p> <p>19. Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 217/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996, về một số vấn đề Trung ương đã thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội VIII (<i>Mật</i>)</p> <p>20. Báo cáo kết quả biểu quyết của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 219/TLHN, ngày 20 tháng 4 năm 1996, về một số vấn đề trong các văn kiện trình Đại hội VIII (<i>Mật</i>)</p> <p>21. Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 110-QĐ/TW, ngày 10 tháng 5 năm 1996, về tặng bức trướng cho Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh</p> <p>22. Công văn của Ban Bí thư, số 320-CV/TW, ngày 13 tháng 5 năm 1996, về yêu cầu các tỉnh, thành uỷ, các ban, đảng uỷ chỉ đạo, giúp đỡ Hội nông dân các cấp thành lập quỹ hỗ trợ nông dân nghèo</p> <p>23. Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 14-NQ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996, về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng</p> <p>24. Quyết định của Ban Bí thư, số 109-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1996, về việc lập Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam</p> | <p>147</p> <p>181</p> <p>211</p> <p>213</p> <p>224</p> <p>228</p> <p>229</p> <p>230</p> <p>239</p> | <p>25. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 68-CT/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1996, về phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế</p> <p>26. Quyết định của Ban Bí thư, số 111-QĐ/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1996, về việc chỉ định đại biểu các đảng bộ ngoài nước dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng</p> <p>27. Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, số 11-NQ/HNTW, ngày 9 tháng 6 năm 1996</p> <p>28. Quy định của Ban Bí thư, số 114-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1996, về số, ký hiệu một số loại tài liệu, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng</p> <p>29. Quyết định của Bộ Chính trị, số 112-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về việc phân bổ các đồng chí Ủy viên Trung ương tham gia các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng</p> <p>30. Quyết định của Ban Bí thư, số 113-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về việc lập Tổ chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng</p> <p>31. Công văn của Ban Bí thư, số 332-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1996, về yêu cầu các tỉnh, thành uỷ chỉ đạo việc kiện toàn cán bộ chủ chốt hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sau kết quả bầu cử cấp uỷ (<i>Mật</i>)</p> <p>32. Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, số 12-NQ/HNTW, ngày 20 tháng 6 năm 1996</p> <p>33. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 69-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1996, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết</p> | <p>242</p> <p>257</p> <p>259</p> <p>261</p> <p>265</p> <p>275</p> <p>277</p> <p>279</p> |
|---|--|---|---|

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”	281		
34. Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, đọc sáng ngày 28-6-1996)	288		
35. Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về các văn kiện trình Đại hội VIII do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư, trình bày ngày 28-6-1996)	292		
36. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 1 tháng 7 năm 1996	331		
37. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (được Đại hội ra Nghị quyết thông qua ngày 1-7-1996)	333		
38. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và được Đại hội ra Nghị quyết thông qua ngày 1-7-1996)	415		
39. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII thông qua ngày 1-7-1996)	489		
40. Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (do đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, đọc ngày 1-7-1996)	519		
		41. Quyết định của Bộ Chính trị, số 01-QĐ/TW, ngày 2 tháng 7 năm 1996, về tổ chức lễ tang đồng chí Nguyễn Đình Tứ	523
		42. Công văn của Bộ Chính trị, số 03-CV/TW, ngày 8 tháng 7 năm 1996, về đề nghị Ban Chấp hành Trung ương uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chính lý, hoàn chỉnh và ban hành văn kiện Đại hội VIII	525
		43. Quyết định của Bộ Chính trị, số 02-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1996, về phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII	527
		44. Thông báo của Bộ Chính trị, số 01-TB/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1996, về phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội giai đoạn 1996 - 2000	530
		45. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 01-CT/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1996, về việc phổ biến quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội VIII	533
		46. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 02-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1996, về một số dự án pháp lệnh	540
		47. Quyết định của Bộ Chính trị, số 05-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1996, về việc giải thể hai Tổ phái viên I và II của Đảng và Chính phủ	542
		48. Thông tri của Bộ Chính trị, số 01-TT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1996, về việc tăng cường lãnh đạo Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	543
		49. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 04-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996, về dự án Luật thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Mật)	546

- | | | | |
|---|-----|---|-----|
| 50. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 05-TB/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1996, về dự án Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi) (<i>Mật</i>) | 549 | 59. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 14-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996, về hợp tác Tiểu vùng sông Mêkông | 571 |
| 51. Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 06-TB/TW, ngày 7 tháng 10 năm 1996, về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh (<i>Mật</i>) | 553 | 60. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 15-TB/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1996, về việc Việt Nam đăng cai Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp | 573 |
| 52. Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 07-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1996, về việc điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Sông Bé, Long An, Minh Hải (<i>Mật</i>) | 555 | 61. Quyết định của Bộ Chính trị, số 06-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương | 576 |
| 53. Công văn của Văn phòng Trung ương Đảng, số 900-CV/VPTW, ngày 11 tháng 10 năm 1996, thông báo ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị về quy hoạch tổng thể về khí đến năm 2010 (<i>Mật</i>) | 556 | 62. Quyết định của Bộ Chính trị, số 07-QĐ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về việc hợp nhất Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | 580 |
| 54. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 02-CT/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996, về việc tổ chức kỷ niệm 50 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 – 19-12-1996) | 559 | 63. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 18-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Hà Tây | 582 |
| 55. Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 13-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1996, về quy hoạch khu Thành cổ Hà Nội | 563 | 64. Công văn của Bộ Chính trị, số 07-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị (khoá VI) về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới” | 583 |
| 56. Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 10-TB/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1996, về “Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020” | 565 | 65. Công văn của Bộ Chính trị, số 08-CV/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1996, về ủy nhiệm cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện chương VII, chương VIII trong Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật | 586 |
| 57. Thông báo ý kiến Bộ Chính trị, số 11-TB/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1996, về quy hoạch chi tiết khu Trung tâm chính trị Ba Đình, việc xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia và Nhà Quốc hội | 568 | 66. Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 19-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 1996, về điều chỉnh địa giới một số tỉnh | 587 |
| 58. Công văn của Bộ Chính trị, số 06-CV/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1996, cho ý kiến về dự thảo Pháp lệnh bộ đội biên phòng | 570 | 67. Quyết định của Bộ Chính trị, số 10-QĐ/TW, ngày 9 tháng 11 năm 1996, về thành lập Hội đồng công tác quần chúng Trung ương | 588 |

68. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 03-CT/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1999, về việc lãnh đạo thực hiện chia tách một số đơn vị hành chính cấp tỉnh 590
69. Công văn của Văn phòng Trung ương Đảng, số 1055-CV/VPTW, ngày 13 tháng 11 năm 1996, thông báo ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị về xây dựng các khu tập trung mô hình các di tích 595
70. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 21-TB/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1996, về Chiến lược quốc gia chỗ ở đến năm 2010 và Chương trình quản lý và phát triển nhà ở đô thị 5 năm 1996 - 2000 596
71. Công văn của Thường vụ Bộ Chính trị, số 12-CV/TW, ngày 16 tháng 11 năm 1996, về yêu cầu Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các tỉnh, thành ủy chỉ đạo các ngành kinh tế hạch toán kinh doanh chấp hành các quyết định thanh tra tài chính, thuế theo đúng quy định của Nhà nước 601
72. Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 01-NQ/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1996, về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996 - 2000 603
73. Quy định của Bộ Chính trị, số 11-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996, về việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng 619
74. Quy định của Bộ Chính trị, số 12-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1996, về việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, chuyển sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng 622
75. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 04-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1996, về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn 626
76. Quyết định của Bộ Chính trị, số 13-QĐ/TW, ngày 22 tháng 11 năm 1996, về việc thành lập Tiểu ban xây dựng đề án cải tiến tổ chức bộ máy Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội 628
77. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 07-CT/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1996, về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 631
78. Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 22-TB/TW, ngày 24 tháng 11 năm 1996, về việc chỉ đạo Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ VIII 638
79. Quy định của Bộ Chính trị, số 15-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 643
80. Quy định của Bộ Chính trị, số 16-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1996, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) 649
81. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 06-CT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1996, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy 654

82. Quy định của Bộ Chính trị, số 17-QĐ/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1996, về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài (<i>Mật</i>)	659	90. Quyết định của Bộ Chính trị, số 19-CT/TW, ngày 26 tháng 12 năm 1996, về thành lập Ban Tổ chức Lễ tang đồng chí Nguyễn Hữu Thọ	742
83. Chỉ thị của Thường vụ Bộ Chính trị, số 08-CT/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1996, về việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 3-1-1996 của Bộ Chính trị (khóa VII) và Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII)	663	91. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 11-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1996, về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng	744
84. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 09-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1996, về việc mở đợt vận động kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - liệt sĩ (27-7-1947 – 27-7-1997)	667	PHỤ LỤC	747
85. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000	673	1. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, ngày 16 tháng 1 năm 1996	749
86. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000	699	2. Phát biểu của đồng chí Khămtay Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, ngày 28 tháng 6 năm 1996	756
87. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 22-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996	725	3. Phát biểu của ngài ChiaXim, Chủ tịch Đảng, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Campuchia, ngày 28 tháng 6 năm 1996	762
88. Quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII), số 24-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996 (<i>Mật</i>)	737		
89. Chương trình của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 27-CTr/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996, về chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (<i>Mật</i>)	739		

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung:

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM NGỌC BÍCH

ThS. VŨ THỊ HƯƠNG

Trình bày bìa:

Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: BAN SÁCH ĐẢNG

Mã số: _____

In... cuốn, khổ 15x22 cm, tại...

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:.....

Quyết định xuất bản số:...

In xong và nộp lưu chiểu tháng.. năm